Dịch giả
Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

Kinh
ĐẠI BẢO TÍCH

Tập 7

**Tái bản lần thứ nhất tại Đức Quốc, Âu Châu,
Úc Châu và Mỹ Châu của năm 2018**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

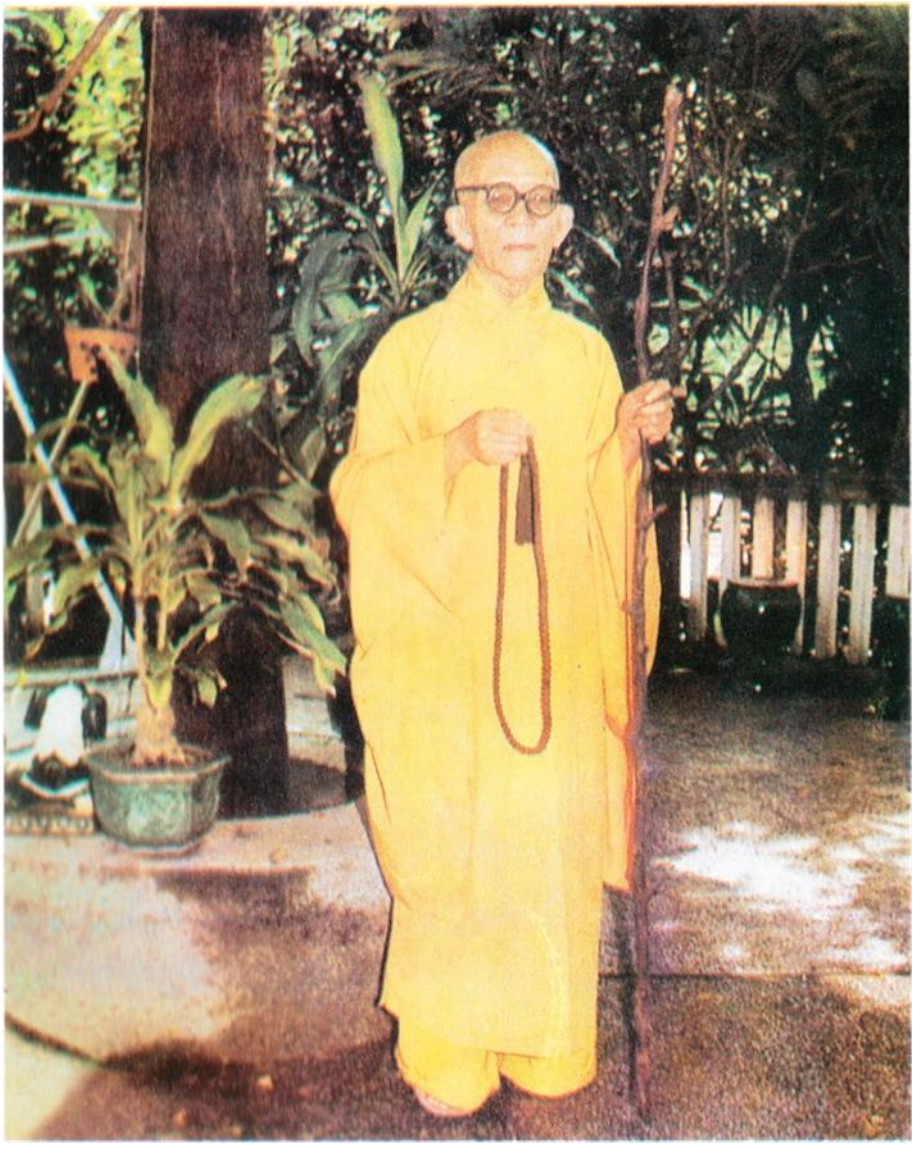

Hòa Thượng Thích Trí Tịnh

Mục Lục

Kinh ĐẠI BẢO TÍCH 1
Tập 7 1
Mục Lục 7
NGHI THỨC TRÌ TỤNG 9
DI LẶC BỒ TÁT VẤN BÁT PHÁP 11
DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN 17
PHỔ MINH BỒ TÁT 39
BỬU LƯƠNG TỤ 85
SA MÔN 85
BỬU LƯƠNG TỤ 97
TỲ KHEO 97
BỬU LƯƠNG TỤ 103
CHIÊN ĐÀ LA SA MÔN 103
BỬU LƯƠNG TỤ 113
DOANH SỰ TỲ KHEO 113
BỬU LƯƠNG TỤ 121
A LAN NHÃ TỲ KHEO 121
BỬU LƯƠNG TỰ 131
TỲ KHEO KHẤT THỰC 131
BỬU LƯƠNG TỤ 137
PHẤN TẢO Y TỲ KHEO 137
VÔ TẬN HUỆ BỒ TÁT 147
VĂN THÙ THUYẾT BÁT NHÃ 161
BỬU KẾ BỒ TÁT 207

THẮNG MAN PHU NHƠN 309
QUẢNG BÁC TIÊN NHƠN 351
NHẬP PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM 395
TỰ TẠI VƯƠNG BỒ TÁT 465

NGHI THỨC TRÌ TỤNG

BÀI TÁN LƯ HƯƠNG:

Lư hương vừa ngún chiên đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính ngưỡng thiết tha,
Ngửa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.
(3 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH PHÁP GIỚI:

Án lam. (7 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH KHẨU NGHIỆP:

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị ta bà ha. (3 lần)

CHƠN NGÔN TỊNH BA NGHIỆP:

Án ta phạ, bà phạ thuật đà ta phạ, đạt mạ ta phạ bà phạ thuật độ hám.(3 lần)

CHƠN NGÔN PHỔ CÚNG DƯỜNG:

Án nga nga nẵng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng.(3 lần)

BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN:

Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo. (3 lần)

Lạy đấng Tam Giới Tôn,
Quy mạng mười phương Phật,
Nay con phát nguyện lớn,
Trì tụng Đại Bảo Tích,
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ tam đồ,
Nếu có ai thấy nghe,
Đều phát Bồ Đề tâm,
Khi mãn báo thân nầy,
Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần)

BÀI KỆ KHAI KINH:

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nam Mô Đại Bảo Tích Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

XLI

PHÁP HỘI

DI LẶC BỒ TÁT VẤN BÁT PHÁP

THỨ BỐN MƯƠI MỐT

Hán dịch: Nhà Đường, Pháp Sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vậy tôi nghe một lúc đức Bà Già Bà ở thành Vương Xá trong núi Kỳ Xà Quật cùng chúng đại Tỳ kheo ngàn hai trăm năm mươi người câu hội và mười ngàn đại Bồ Tát.

Bấy giờ Di Lặc Bồ Tát đứng dậy trịch y vai hữu gối hữu chấm đất chắp tay hướng Phật mà bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi muốn đem ít pháp hỏi đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, chẳng hay đức Thế Tôn có cho phép chăng?".

Đức Phật dạy: "Nầy Di Lặc! Tùy ý ông hỏi, đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri sẽ phân biệt giải nói cho ông vui mừng.

Bạch đức Thế Tôn! Đại Bồ Tát cứu cánh thành tựu mấy pháp chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề, ở trong pháp thắng tiến chẳng

thối chẳng chuyển, lúc hành đạo Bồ Tát hàng phục tất cả ma oán địch, như thiệt biết tự thể tướng của tất cả pháp, ở các thế gian tâm chẳng mỏi mệt. Do tâm chẳng mỏi mệt nên chẳng y nơi tha trí mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ đề?".

Đức Phật dạy: "Lành thay, lành thay, nầy Di Lặc! Nay ông có thể hỏi đức Như Lai về thâm nghĩa như vậy. Ông nên nhứt tâm lắng nghe, ta sẽ nói cho.

- Bạch đức Thế Tôn! Tôi xin vui thích muốn nghe.

- Nầy Di Lặc! Chư đại Bồ Tát cứu cánh thành tựu tám pháp thì chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề, ở nơi pháp thắng tiến chẳng thối chẳng chuyển, lúc hành đạo Bồ Tát hàng phục tất cả các ma oán địch, như thiệt biết tự thể tướng của tất cả pháp, ở các thế gian tâm chẳng mỏi mệt, vì tâm chẳng mỏi mệt nên chẳng y nơi tha trí, mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ đề.

Những gì là tám pháp? Đó là chư đại Bồ Tát thành tựu thâm tâm, thành tựu hành tâm, thành tựu xả tâm, thành tựu thiện tri hồi hướng phương tiện tâm, thành tựu đại từ tâm, thành tựu đại bi tâm, thành tựu thiện tri phương tiện và thành tựu Bát Nhã Ba la mật.

Nầy Di Lặc! Thế nào là đại Bồ Tát thành tựu thâm tâm?

Nếu chư đại Bồ Tát nghe khen ngợi Phật và chê bai Phật, tâm họ cứu cánh nơi Vô thượng Bồ đề vững chắc chẳng động; nếu nghe khen ngợi Pháp và chê bai Pháp, tâm họ cứu cánh nơi Vô thượng Bồ đề vững chắc chẳng động; nếu nghe khen ngợi Tăng và chê bai Tăng, tâm họ cứu cánh nơi Vô thượng Bồ đề vững chắc chẳng động. Đây là chư đại Bồ Tát cứu cánh thành tựu thâm tâm.

Nầy Di Lặc! Thế nào là đại Bồ Tát thành tựu hành tâm?

Nếu chư đại Bồ Tát xa lìa sát sanh, xa lìa trộm cướp, xa lìa tà dâm, xa lìa vọng ngôn, xa lìa lưỡng thiệt, xa lìa ác khẩu, xa lìa ỷ ngữ, đây là cứu cánh thành tựu hành tâm.

Nầy Di Lặc! Thế nào là đại Bồ Tát thành tựu xả tâm?

Nếu chư đại Bồ Tát là chủ hay xả hay bố thí cho các Sa môn, Bà La Môn, kẻ nghèo cùng ăn xin ăn mày, những kẻ hạ tiện các thứ vật dụng đồ uống ăn y phục đồ nằm thuốc men, đây là cứu cánh thành tựu xả tâm.

Nầy Di Lặc! Thế nào là chư đại Bồ Tát cứu cánh thành tựu tâm khéo biết hồi hướng phương tiện?

Nếu chư đại Bồ Tát có tu bao nhiêu thiện căn từ ba nghiệp thân khẩu ý đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề, đây là cứu cánh thành tựu tâm khéo biết phương tiện hồi hướng.

Nầy Di Lặc! Thế nào là chư đại Bồ Tát thành tựu tâm đại từ?

Nếu chư đại Bồ Tát cứu cánh thành tựu thân nghiệp đại từ, cứu cánh thành tựu khẩu nghiệp đại từ, cứu cánh thành tựu ý nghiệp đại từ, đây là cứu cánh thành tựu đại từ tâm.

Nầy Di Lặc! Thế nào là chư đại Bồ Tát thành tựu đại bi tâm?

Nếu chư đại Bồ Tát thành tựu thân nghiệp chẳng thể chê trách, thành tựu khẩu nghiệp chẳng thể chê trách, thành tựu ý nghiệp chẳng thể chê trách, đây là cứu cánh thành tựu tâm đại bi.

Nầy Di Lặc! Thế nào là chư đại Bồ Tát thành tựu thiện tri phương tiện?

Nếu chư đại Bồ Tát khéo biết thế đế, khéo biết đệ nhứt nghĩa đế, khéo biết cả hai đế, đây là

chư đại Bồ Tát cứu cánh thành tựu thiện tri phương tiện.

Nầy Di Lặc! Thế nào là chư đại Bồ Tát thành tựu Bát Nhã Ba la mật?

Nếu chư đại Bồ Tát biết rõ như vầy: Y theo pháp nầy có pháp nầy, y theo pháp nầy sanh pháp nầy, đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ não, như thế thì chỉ có những khổ lớn tụ họp thôi.

Do pháp nầy không có nên pháp nầy không có, do pháp nầy diệt nên pháp nầy diệt, đó là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt, như thế thì chỉ có khối khổ lớn diệt thôi. Đây là cứu cánh thành tựu Bát Nhã Ba la mật.

Nầy Di Lặc! Đây gọi là chư đại Bồ Tát cứu cánh thành tựu tám pháp chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề, ở trong pháp thắng tiến chẳng

thối chẳng chuyển, lúc hành đạo Bồ Tát hàng phục tất cả các ma oán địch, như thiệt biết tự thể tướng tất cả pháp, nơi các thế gian tâm chẳng mỏi mệt, vì tâm chẳng mỏi mệt nên chẳng y tha trí mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ đề".

Đức Phật nói kinh nầy rồi, Di Lặc Bồ Tát cùng chư đại Bồ Tát, chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn, Phi Nhơn, tất cả đại chúng nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI DI LẶC BỒ TÁT VẤN BÁT PHÁP
THỨ BỐN MƯƠI MỐT.
HẾT.

XLII

PHÁP HỘI

DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN

THỨ BỐN MƯƠI HAI

Hán dịch: Nhà Đường, Pháp Sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vậy tôi nghe một lúc đức Phật ở nước Ba La Nại trong rừng Thí Lộc cùng chúng đại Tỳ Kheo năm trăm người câu hội, tất cả đều là tri thức của đại chúng, danh hiệu các Ngài là:

A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Già Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nan, La Hầu La v.v... làm thượng thủ.

Còn có một vạn đại Bồ Tát câu hội. Danh hiệu các Ngài là:

Thiện Ý Bồ Tát, Tăng Thượng Ý Bồ Tát, Kiên Cố Ý Bồ Tát, Sư Tử Ý Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Biện Tích Bồ Tát, Mỹ Âm Bồ Tát, Thắng Tràng Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Thủy Thiên Bồ Tát, Đế Thắng Bồ Tát, Đế Thiên Bồ Tát, Vô Phan Duyên Bồ Tát, Cụ Biện Tài Bồ Tát, Thần Thông Diệu Hoa Bồ

Tát, Di Lặc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử v.v... làm thượng thủ.

Đức Thế Tôn có vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh cúng dường cung kính mà vì họ thuyết pháp.

Bấy giờ Di Lặc Bồ Tát ở trong chúng đứng dậy trịch y vai hữu gối hữu chấm đất đảnh lễ chắp tay mà bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi có chút nghi nay muốn thỉnh hỏi Như Lai, ngưỡng mong cho phép".

Đức Phật dạy: "Nầy Di Lặc! Nếu có chỗ nghi cho phép ông hỏi, ta sẽ giải nói cho ông vui mừng".

Được Phật hứa cho, Di Lặc Bồ Tát vui mừng hớn hở bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát thành tựu mấy pháp được lìa ác đạo và ác tri thức mà mau chứng Vô thượng Bồ đề?".

Đức Phật dạy: "Lành thay, lành thay, nầy Di Lặc! Nay ông thương xót tất cả muốn lợi ích an vui cho Trời, Người mà hỏi nơi Như Lai về thâm nghĩa ấy. Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Vâng bạch đức Thế Tôn! Tôi xin ưa thích được nghe.

-Nầy Di Lặc! Có một pháp mà Bồ Tát thành tựu thì lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề. Đó là phát tâm Bồ đề ý nguyện thù thắng.

Còn có hai pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là với xa ma tha thường siêng tu tập, hai là với tỳ bát xá na thì được thiện xảo.

Còn có ba pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là thành tựu đại bi, hai là tu tập pháp không, ba là nơi tất cả pháp chẳng sanh phân biệt.

Còn có bốn pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là an trụ tịnh giới, hai là lìa các lưới nghi, ba là thích a lan nhã, bốn là khởi tâm chánh kiến.

Còn có năm pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là an trụ pháp không, hai là chẳng cầu tìm lỗi người, ba là thường tự quan sát, bốn là yêu thích chánh pháp, năm là nhiếp hộ người.

Còn có sáu pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là không có tham dục, hai là chẳng sanh sân khuể, ba là chẳng khởi ngu si, bốn là thường lìa thô

ngữ, năm là an trụ tánh không, sáu là tâm như hư không.

Còn có bảy pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là an trụ chánh niệm, hai là thành tựu trạch pháp, ba là phát khởi tinh tiến, bốn là thường sanh hoan hỷ, năm là thân được khinh an, sáu là trụ các thiền định, bảy là có đủ hành xả.

Còn có tám pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tiến, bảy là chánh niệm và tám là chánh định.

Còn có chín pháp lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng Vô thượng Bồ đề: Một là xa lìa các pháp tham dục, ác bất thiện mà an trụ sơ thiền tầm từ hỷ lạc tâm nhứt cảnh tánh. Hai là xa lìa tầm từ an trụ nhị thiền nội tịnh hỷ lạc tâm nhứt cảnh tánh. Ba là xa lìa hỷ an trụ tam thiền xả niệm huệ lạc tâm nhứt cảnh tánh. Bốn là xa lìa ưu khổ và hỷ lạc an trụ tứ thiền xả niệm thanh tịnh vô khổ vô lạc tâm nhứt cảnh tánh. Năm là vượt quá sắc tưởng không phan duyên dị biệt an trụ vô biên hư không xứ định. Sáu là vượt qua vô biên hư không xứ định rồi có thể an

trụ vô biên thức xứ định. Bảy là vượt qua vô biên thức xứ định rồi có thể an trụ vô sở hữu xứ định. Tám là vượt qua vô sở hữu xứ định rồi có thể an trụ phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Chín là vượt qua phi tưởng phi phi tưởng xứ định rồi có thể an trụ diệt thọ tưởng định.

Còn có mười pháp xa lìa ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề: Một là khéo có thể thành tựu kim cương tam muội. Hai là thành tựu xứ phi xứ tương ưng tam muội. Ba là thành tựu phương tiện hành tam muội. Bốn là thành tựu biến chiếu minh tam muội. Năm là thành tựu phổ quang minh tam muội. Sáu là thành tựu phổ biến chiếu minh tam muội. Bảy là thành tựu bửu nguyệt tam muội. Tám là thành tựu nguyệt đăng tam muội. Chín là thành tựu xuất ly tam muội. Mười là thành tựu thắng tràng tý ấn tam muội.

Nầy Di Lặc! Thành tựu các pháp như vậy rồi, Bồ Tát lìa các ác đạo và ác tri thức mau có thể chứng được Vô thượng Bồ đề".

Được nghe pháp rồi, Di Lặc Bồ Tát rất vui mừng trịch y vai hữu gối hữu chấm đất chắp tay cung kính ở trước Phật nói kệ tán thán:

"Phật ở kiếp quá khứ
Bỏ vợ con yêu thương

Đầu mắt và xương tủy
Đến bờ kia bố thí
Phật thường hộ cấm giới
Như trâu mao mến đuôi
Tối thắng không ngang sánh
Đến bờ kia trì giới
Phật dùng sức nhẫn nhục
Bỏ lìa các đấu tranh
Chẳng cầu tìm lỗi người
Đến bờ kia nhẫn nhục
Phật dùng sức tinh tiến
Được vô thượng tịch tĩnh
Cứu cánh thường an vui
Đến bờ kia tinh tiến
Phật dùng sức thiền định
Hay diệt trừ tội nhơ
Làm Đạo Sư Trời Người
Đến bờ kia thiền định
Phật dùng sức trí huệ
Khéo biết rõ các pháp
Tự tánh vô sở hữu
Đến bờ kia Bát Nhã
Phật tại Bồ đề thọ
Hàng phục các quân ma
Đầy đủ trí tối thắng
Thành tựu đạo vô thượng
Đạo Sư sức vô úy

Nơi nước Ba La Nại
Chuyển pháp luân thanh tịnh
Dẹp phá các ngoại đạo
Trí huệ lớn vô thượng
Ra khỏi các thế gian
Hay phóng tịnh quang minh
Khéo nói các pháp yếu
Như Lai sắc thanh tịnh
Trí huệ và công đức
Vượt quá các thế gian
Hay đến nơi bờ kia".

Trưởng lão A Nan bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Di Lặc Bồ Tát nầy rất hy hữu hay thành tựu vô lượng biện tài tùy theo tâm niệm của chúng sanh mà bình đẳng thuyết pháp, nhưng đối với văn tự không có chỗ buộc dính".

Đức Phật dạy: "Đúng như vậy, đúng như lời ông nói. Nầy A Nan! Di Lặc Bồ Tát đâu phải chỉ có hôm nay ở trước ta nói kệ tán thán đức Phật, mà từ quá khứ mười vô số kiếp, thuở ấy có Phật xuất thế hiệu Diệm Quang Du Hý Diệu Âm Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Bấy giờ có một Bà La Môn tên Hiền Thọ thân tướng đầy đủ ai thấy cũng

đều vui mừng, từ trong vườn đi ra thấy đức Như Lai đoan chánh thù diệu các căn tịch tĩnh được xa ma tha như ao nước trong sạch không bợn nhơ, có ba mươi hai tướng và tám mươi tùy hảo để tự trang nghiêm, như cây ta la nở hoa, như núi Tu Di cao vọi hơn cả, vẻ mặt tươi vui như trăng tròn, chiếu sáng rực rỡ như mặt nhựt tỏ rạng, thân hình tròn trịa như cây ni câu đà.

Thấy tướng thù thắng của Phật Như Lai, Hiền Thọ sanh lòng tịnh tín suy nghĩ rằng: Hy hữu Thế Tôn hay thành tựu vô lượng công đức trang nghiêm như vậy. Tôi cũng nguyện tương lai cũng thành tựu thân công đức như vậy.

Phát nguyện xong, Hiền Thọ gieo mình xuống đất lại tự nghĩ rằng: Nếu đời đương lai tôi sẽ được thân Phật nguyện chân Như Lai đạp lên mình tôi.

Biết ý nghĩ ấy, đức Phật Như Lai liền lấy chân mình dẫm lên thân Hiền Thọ. Lúc đức Phật Như Lai hạ chân xuống, Hiền Thọ được Vô sanh Pháp nhẫn. Đức Phật Như Lai ngó ngoái lại bảo chúng Tỳ Kheo rằng các ông chớ đạp lên mình Hiền Thọ. Tại sao? Vì đây là đại Bồ Tát nay đã chứng Vô sanh Pháp nhẫn, lại hay thành tựu thiên nhãn thiên nhĩ tha tâm túc trụ thần cảnh trí thông.

Hiền Thọ liền ở trước đức Phật Diệm Quang nói kệ tán thán rằng:

Phật ở mười phương cõi
Tối tôn tối vô thượng
Siêu quá các thế gian
Nay tôi cúi đầu lạy
Như Lai đại quang minh
Chói che cả nhựt nguyệt
Siêu quá các thế gian
Nay tôi cúi đầu lạy
Ví như sư tử hống
Muôn thú đều kinh sợ
Thế Tôn đại oai đức
Xô dẹp các ngoại đạo
Tướng lông trắng giữa mày
Trong sáng như pha lê
Chiếu khắp các thế gian
Siêu quá hơn tất cả
Thế Tôn không ai bằng
Lòng chân thiên bức luân
Thanh tịnh hóa thế gian
Hay chấn động trời đất
Thành tựu đạo xuất ly
Siêu quá biển phiền não
Đem các của công đức
Tùy ý ban tất cả
Như Lai giới thanh tịnh

Xuất sanh các công đức
Không có lòng thương ghét
Dường như cõi đại địa
Do nơi sức trí huệ
Biết rõ các pháp không
Chúng sanh và thọ giả
Phân biệt bất khả đắc
Khéo rành tánh chúng sanh
Tâm hành và sở nguyện
Làm đèn sáng cho đời
Lợi ích tất cả loài
Thế gian khổ bức bách
Trôi chìm trong dòng sâu
Phật thường vì chúng sanh
Phát sức tinh tiến lớn
Thế Tôn lìa phiền não
Sanh lão và bịnh tử
Ở đời như hư không
Tất cả không nhiễm ô
Trí huệ oai quang lớn
Hay phá tất cả tối
Lìa hẳn tham sân si
Nay tôi cúi đầu lạy.

Hiền Thọ Bồ Tát được thần thông đến nay chẳng còn thối thất. Nầy A Nan! Hiền Thọ thuở ấy chính là Di Lặc đại Bồ Tát nay ở trong hội nầy vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Di Lặc đại Bồ Tát từ lâu đã chứng Vô sanh Pháp nhẫn cớ sao chẳng được Vô thượng Bồ đề?

- Nầy A Nan! Bồ Tát có hai thứ trang nghiêm và hai thứ nhiếp thủ. Đó là nhiếp thủ chúng sanh và trang nghiêm chúng sanh, nhiếp thủ Phật quốc và trang nghiêm Phật quốc.

Thuở quá khứ lúc tu Bồ Tát hạnh, Di Lặc Bồ Tát thường thích nhiếp thủ và trang nghiêm Phật quốc, còn ta thì thường ưa nhiếp thủ và trang nghiêm chúng sanh. Di Lặc Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh trải qua bốn mươi kiếp bấy giờ ta mới phát tâm Vô thượng Bồ đề, do vì ta có sức dũng mãnh tinh tiến nên siêu việt chín kiếp, ở trong Hiền kiếp nầy thành Vô thượng Bồ đề.

Nầy A Nan! Ta do mười pháp mà chứng Bồ đề: Một là hay xả thí vật sở ái, hai là hay thí vợ sở ái, ba là hay thí con sở ái, bốn là hay thí đầu sở ái, năm là hay thí mắt sở ái, sáu là hay thí ngôi vua sở ái, bảy là hay thí trân bửu sở ái, tám là hay thí máu thịt sở ái, chín là hay thí xương tủy sở ái, mười là hay thí thân phần sở ái. Ta thật hành mười pháp nầy mà được Vô thượng Bồ đề.

Nầy A Nan! Còn có mười pháp hay chứng Bồ đề: Một là hộ giới công đức, hai là thành tựu

nhẫn lực, ba là phát khởi tinh tiến, bốn là được các thiền định, năm là có đại trí huệ, sáu là thường chẳng bỏ lìa các chúng sanh, bảy là khởi tâm bình đẳng đối với chúng sanh, tám là thường tu tập pháp không, chín là khéo hay thành tựu tánh không chơn thiệt, mười là khéo hay thành tựu vô tướng vô nguyện. Ta thật hành mười pháp nầy mà được Vô thượng Bồ đề.

Nầy A Nan! Thuở quá khứ lúc hành đạo Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát chẳng có thể xả thí tay chân đầu mắt, chỉ dùng thiện xảo phương tiện đạo hạnh an lạc mà tích tập Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Di Lặc Bồ Tát thuở quá khứ lúc hành đạo Bồ Tát chỉ dùng thiện xảo phương tiện đạo hạnh an lạc mà tích tập Vô thượng Bồ đề?

- Nầy A Nan! Thuở quá khứ lúc hành đạo Bồ Tát, Di Lặc ngày đêm sáu thời trịch y vai hữu gối hữu chấm đất chắp tay đảnh lễ ở trước chư Phật mà nói kệ rằng:

Nay tôi quy mạng lễ
Tất cả Phật mười phương
Bồ Tát chúngThanh Văn
Đấng đại tiên thiên nhân
Cùng lễ tâm Bồ đề

Lìa xa các ác đạo
Hay được sanh lên trời
Nhẫn đến chứng Niết Bàn
Nếu tôi phạm chút tội
Theo tâm mà sanh ra
Nay tôi ở trước Phật
Sám hối cho tiêu diệt
Nay thân khẩu ý tôi
Chứa họp các công đức
Nguyện làm nhơn Bồ đề
Sẽ thành đạo Vô thượng
Trong quốc độ mười phương
Những người cúng dường Phật
Và Phật vô thượng trí
Nay tôi đều tùy hỷ
Có tội đều sám hối
Phước đức đều tùy hỷ
Nay tôi lễ chư Phật
Nguyện thành trí vô thượng
Chư Bồ Tát mười phương
Chứng được bực thập địa
Nay tôi cúi đầu lạy
Nguyện mau chứng Bồ đề
Được chứng Bồ đề rồi
Xô dẹp các quân ma
Chuyển pháp luân thanh tịnh
Lợi ích loài chúng sanh

Thường nguyện ở thế gian
Vô lượng câu chi kiếp
Gióng trống pháp lớn lên
Độ thoát khổ chúng sanh
Tôi bị ngập bùn dục
Bị dây tham trói buộc
Nhiều các thứ triền phược
Nguyện Phật thương xem xét
Chúng sanh dầu tội nặng
Chư Phật chẳng chán bỏ
Nguyện dùng đại từ bi
Độ thoát biển sanh tử
Hiện tại chư Thế tôn
Quá khứ vị lai Phật
Bồ Tát đạo đã làm
Nay tôi nguyện tu học
Đầy đủ Ba la mật
Thành tựu sáu thần thông
Độ thoát các chúng sanh
Chứng được đạo vô thượng
Biết rõ các pháp không
Không tướng cũng không tánh
Không trụ không biểu thị
Chẳng sanh cũng chẳng diệt
Lại như đấng Đại Tiên
Khéo rõ pháp vô ngã
Không bổ đặc già la

Nhẫn đến không thọ giả
Nơi các sự bố thí
Chẳng chấp ngã ngã sở
Vì an lạc chúng sanh
Thí cho không bỏn xẻn
Nguyện vật tôi bố thí
Chẳng cần công dụng sanh
Quan sát biết rõ không
Đủ Thí Ba la mật
Trì giới không khuyết giảm
Được Phật tịnh thi la
Do vì vô sở trụ
Đủ Giới Ba la mật
Nhẫn nhục như tứ đại
Chẳng sanh tâm phân biệt
Do vì không sân khuể
Đủ Nhẫn Ba la mật
Nguyện dùng sức thân tâm
Phát khởi đại tinh tiến
Kiên cố không giải đãi
Đủ Cần Ba la mật
Do như huyễn như hóa
Và dũng mãnh tinh tiến
Kim cương các tam muội
Đủ Thiền Ba la mật
Nguyện chứng tam muội trí
Nhập vào tam giải thoát

Rõ tam thế bình đẳng
Đủ Huệ Ba la mật
Chư Phật diệu sắc thân
Quang minh oai đức lớn
Bồ Tát tinh tiến hạnh
Nguyện tôi đều tròn đầy
Di Lặc Bồ Tát ấy
Siêng tu hạnh như vậy
Đủ sáu Ba la mật
An trụ bực thập địa.

Nầy A Nan! Di Lặc Bồ Tát an trụ thiện xảo phương tiện như vậy tích tập Vô thượng Bồ đề.

Nầy A Nan! Thuở xưa ta cầu đạo nhận lấy vô lượng khổ mới có thể tích tập Vô thượng Bồ đề.

Thuở xa xưa có Thái Tử tên Kiến Nhứt Thiết Nghĩa đoan chánh đẹp lạ có đủ các tướng tốt ai thấy cũng đều vui mừng. Một hôm Thái Tử du ngoạn thấy một bịnh nhơn đau khổ nặng, Thái Tử xót thương hỏi thăm: Nay bịnh nầy của ngươi há lại không có thuốc để chữa lành sao? Bịnh nhơn nói kệ đáp Thái Tử:

Bịnh tôi khó tìm thuốc
Thế gian chẳng có được
Quốc Vương cũng không có
Huống là kẻ mắc bịnh

Người giỏi nói y phương
Thông đạt các sách vở
Dầu muốn trị bịnh nầy
Thuốc ấy khó có được.

Thái Tử nói kệ bảo bịnh nhơn:

Vàng bạc châu ma ni
Nhẫn đến các voi ngựa
Cần gì xin người nói
Để trừ khổ cho người.

Bịnh nhơn lại nói kệ bạch Thái Tử:

Nếu uống huyết Thái Tử
Chắc tôi được an vui
Xin Thái Tử vui lòng
Cho tôi hết đau khổ.

Thái Tử liền nói kệ bảo bịnh nhơn:

Nếu tôi vì chúng sanh
Mà phải đọa địa ngục
Nhiều kiếp còn chịu được
Huống là thân huyết nầy.

Lúc ấy Thái Tử lấy dao bén đâm vào thân chảy máu bảo bịnh nhơn tùy ý uống chẳng hề có một niệm hối hận.

Nầy A Nan! Thái Tử Kiến Nhứt Thiết Nghĩa thuở xưa kia chính là thân ta vậy. Nước bốn đại

hải còn có thể đong lường, lúc hành đạo Bồ Tát ta xả thí máu nơi thân mình chẳng tính kể được.

Nầy A Nan! Thuở xa xưa có Thái Tử tên Diệu Hoa đoan chánh đẹp lạ đủ các tướng tốt người thấy vui mừng. Một hôm Thái Tử du ngoạn thấy một bịnh nhơn ốm gầy sanh lòng thương hỏi thăm: Nay bịnh của ngươi há lại không có thuốc chữa lành sao?

Bịnh nhơn nói kệ bạch Thái Tử:

Thế gian có lương y
Chẳng chữa được bịnh tôi
Xin Ngài rủ lòng thương
Trừ đau khổ cho tôi.

Thái Tử nói kệ bảo bịnh nhơn:

Tôi vì lợi thế gian
Tất cả đều bố thí
Thân phần và trân bửu
Cần gì xin người nói.

Bịnh nhơn nói kệ bạch Thái Tử:

Ví như đại dược vương
Tùy ý chữa lành bịnh
Cũng như nhựt nguyệt sáng
Chiếu khắp các thế gian
Nếu được tủy thân Ngài
Thoa khắp thân thể tôi

Bịnh nầy sẽ tiêu trừ
Mãi mãi được an vui.

Thái Tử liền nói kệ bảo bịnh nhơn:

Nếu có các chúng sanh
Đập thân tôi lấy tủy
Vì lợi ích thế gian
Lòng tôi chẳng ưu não.

Thái Tử liền tự đập nát thân lấy tủy cho bịnh nhơn tùy ý dùng không có chút niệm hối hận.

Nầy A Nan! Nên biết thuở xưa Thái Tử Diệu Hoa kia chính là thân ta. Nước bốn đại hải có thể đong lường, thuở xưa ta hành đạo Bồ Tát xả thí xương tủy nơi thân mình không thể tính kể được.

Nầy A Nan! Thuở xa xưa có Quốc Vương tên Nguyệt Quang đoan chánh đẹp lạ đủ tướng tốt người thấy vui mừng, du ngoạn thấy một người mù ăn xin, chạnh lòng thương nhà vua hỏi: Người cần dùng gì ta sẽ cấp cho, hoặc đồ ăn uống y phục đồ trang sức châu ngọc trân bửu, tùy ý người muốn đều sẽ được ban.

Người mù nói kệ bạch Quốc Vương:

Đại Vương như nhựt nguyệt
Quang minh soi thế gian

Đầy đủ thắng công đức
Chẳng lâu sanh lên trời
Tất cả màu sắc đẹp
Nay tôi đều chẳng thấy
Xin vua đại từ bi
Ban tôi mắt của vua.

Quốc Vương nói kệ đáp người mù:

Người mau đến lấy mắt
Cho người được an vui
Người tôi đến đời sau
Được mắt Phật thanh tịnh
Tôi hành đạo Bồ Tát
Tất cả đều xả thí
Nếu tôi chẳng cho người
Thì trái với bổn nguyện.

Vua Nguyệt Quang liền tự móc tròng mắt mình thí cho người mù tùy ý dùng chẳng có một niệm hối hận. Nầy A Nan! Nên biết thuở xưa vua Nguyệt Quang kia chính là thân ta. Núi Tu Di còn có thể đo lường, lúc ta hành đạo Bồ Tát bố thí con mắt của mình chẳng thể kể đếm được.

Nầy A Nan! Di Lặc Bồ Tát lúc hành đạo Bồ Tát có phát nguyện rằng: Nếu các chúng sanh tham sân si mỏng thành tựu thập thiện bấy giờ tôi sẽ thành Vô thượng Bồ đề.

Nầy A Nan! Đời đương lai có thuở các chúng sanh tham sân si mỏng thành tựu thập thiện, bấy giờ Di Lặc Bồ Tát sẽ thành Vô thượng Bồ đề. Tại sao? Vì do nơi bổn nguyện lực của Bồ Tát vậy.

Nầy A Nan! Thuở xưa lúc hành đạo Bồ Tát, ta phát lời rằng: "Tôi nguyện sẽ ở nơi đời ác ngũ trược các chúng sanh ác tham sân si nặng, họ chẳng hiếu với cha mẹ chẳng kính bực tôn trưởng, nhẫn đến quyến thuộc chẳng hòa thuận nhau, bấy giờ tôi sẽ thành Vô thượng Bồ đề. Do bổn nguyện như vậy nên nay ta vào thành ấp tụ lạc, có nhiều chúng sanh khi mắng ta, họ dùng pháp đoạn pháp thường tụ chúng hội họp. Hoặc lúc ta đi khất thực, họ rải đất bụi, họ trộn thuốc độc cho ta ăn. Hoặc họ dùng nữ nhơn hủy báng ta.

Nầy A Nan! Nay ta do sức bổn nguyện khởi tâm đại bi vì các chúng sanh ấy thuyết pháp".

Trưởng Lão A Nan bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác hay làm việc khó hay nhẫn việc khó, người chẳng điều phục đều khiến điều phục, mang gánh những chúng sanh tội cấu như vậy mà thuyết pháp cho họ".

Đức Phật dạy: "Đúng như lời ông nói. Tại sao? Vì do đại bi của Như Lai nhiếp lấy vậy.

- Bạch đức Thế Tôn! Tôi nghe thệ nguyện vững chắc của đức Như Lai mà toàn thân lông dựng đứng. Bạch đức Thế Tôn! Kinh nầy tên là gì, chúng tôi phải phụng trì thế nào?

- Nầy A Nan! Kinh nầy tên là Di Lặc Sở Vấn, cũng tên là Vãng Tích Bổn Nguyện Nhơn Duyên, ông nên phụng trì như vậy".

Đức Phật nói kinh nầy rồi, Di Lặc Bồ Tát, Tôn giả A Nan, tất cả thế gian Trời, Người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI DI LẶC BỒ TÁT SỞ VẤN
THỨ BỐN MƯƠI HAI
HẾT.

XLIII

PHÁP HỘI

PHỔ MINH BỒ TÁT

THỨ BỐN MƯƠI BA

Hán dịch: Nhà Đường, Ma Ha Pháp Sư.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vầy tôi nghe một lúc đức Phật ở thành Vương Xá trong núi Kỳ Xà Quật cùng chúng đại Tỳ Kheo tám ngàn người câu hội. Đại Bồ Tát vạn sáu ngàn người đều là bực bất thối chuyển từ các Phật độ đến họp, đều là bực nhất sanh thành Phật.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp: "Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp thối thất trí huệ. Một là chẳng tôn trọng pháp chẳng kính pháp sư. Hai là được thọ thâm pháp bí ẩn chẳng nói hết. Ba là có người ưa thích pháp thì làm chướng nạn nói các nhơn duyên làm trở hoại lòng họ. Bốn là kiêu mạn tự cao ti hạ người khác. Đây là Bồ Tát bốn pháp thối thất trí huệ.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp được đại trí huệ: Một là thường tôn trọng pháp cung kính pháp sư, hai là tùy theo pháp được

nghe dùng tâm thanh tịnh mà rộng giảng nói cho người chẳng cầu tất cả danh văn lợi dưỡng, ba là biết rằng từ đa văn mà sanh trí huệ nên siêng cầu chẳng lười như cứu cháy đầu, bốn là nghe kinh tụng trì thích như thuyết thực hành chẳng theo ngôn thuyết. Đây là Bồ Tát bốn pháp được đại trí huệ.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp mất tâm Bồ đề: Một là khi dối sư trưởng chẳng cung kính kinh pháp đã thọ, hai là chỗ không có nghi hối mà làm người khác nghi hối, ba là người cầu Đại thừa mắng rầy chê bai bêu xấu họ, bốn là dùng tâm siểm khúc mà tùng sự nơi người. Đây là Bồ Tát bốn pháp mất tâm Bồ đề.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp đời đời chẳng mất tâm Bồ đề nhẫn đến lúc ngồi đạo tràng tự nhiên hiện tiền: Một là dầu là nhơn duyên mất mạng cũng chẳng vọng ngữ huống là chơi cười, hai là thường dùng trực tâm tùng sự cho người rời lìa siểm khúc, ba là đối với chư Bồ Tát tưởng là Phật hay xưng dương danh hiệu các Ngài khắp bốn phương, bốn là tự mình chẳng yêu thích pháp Tiểu thừa có giáo hóa ai đều khiến họ an trụ Vô thượng Bồ đề. Đây là Bồ Tát bốn pháp chẳng mất tâm Bồ đề nhẫn đến đạo tràng tự nhiên hiện tiền.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp mà pháp lành đã được sanh phải mất chẳng tăng trưởng: Một là dùng tâm kiêu mạn đọc tụng tu học kinh Lộ Già Gia, hai là lòng tham lợi dưỡng đến nhà đàn việt, ba là ghét và hủy báng Bồ Tát, bốn là với kinh chưa nghe thì trái nghịch chẳng tin. Đây là Bồ Tát bốn pháp làm mất chẳng tăng trưởng pháp lành đã sanh.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp mà pháp lành được sanh tăng trưởng chẳng mất: Một là bỏ lìa tà pháp cầu chánh kinh điển lục Ba la mật Bồ Tát pháp tạng, hai là lòng không kiêu mạn đối với chúng sanh khiêm ty hạ hạ, ba là như pháp được bố thí biết vừa biết đủ lìa các tà mạng an trụ thánh chủng, bốn là chẳng bêu tội lỗi hư thiệt của người chẳng cầu chỗ dỡ của người, nếu ở các pháp lòng mình chẳng thông đạt thì nghĩ rằng: Phật pháp vô lượng tùy chỗ thích của chúng sanh mà thuyết pháp cho họ, chỉ có Phật biết chẳng phải chỗ hiểu của tôi, lấy Phật làm chứng mà chẳng sanh lòng trái nghịch. Đây là Bồ Tát bốn pháp mà pháp lành đã sanh thì tăng trưởng chẳng mất.

Nầy Đại Ca Diếp! Có bốn tâm siểm khúc mà Bồ Tát phải xa lìa: Một là ở trong Phật pháp thì sanh lòng nghi hối, hai là đối với chúng sanh thì

kiêu mạn sân hận, ba là với lợi dưỡng của người thì sanh lòng tật đố, bốn là mắng chửi Bồ Tát bêu tiếng xấu các Ngài. Đây là bốn tâm siểm khúc mà Bồ Tát phải xa lìa.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn tướng trực tâm: Một là có phạm tội không phú tàng mà phát lộ với người lòng không phiền muộn, hai là nếu mất nước thân mạng tài sản, gặp lúc sự việc gấp ấy cũng chẳng vọng ngữ chẳng nói khác, ba là tất cả sự ác hủy báng mắng nhiếc đánh đập trói buộc, lúc bị các sự khổ nạn như vậy chỉ tự trách mình tự y theo nghiệp báo chẳng giận hờn người, bốn là an trụ tín lực nếu nghe Phật pháp thậm thâm khó tin thì tin mình thanh tịnh có thể đều thọ trì cả. Đây là Bồ Tát có bốn tướng trực tâm.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn tướng bại hoại: Một là đọc tụng kinh điển mà sanh hý luận chẳng thật hành theo pháp, hai là chẳng có thể cung kính phụng thuận sư trưởng khiến lòng các Ngài vui đẹp, ba là làm tổn sự cúng dường của người tự trái bổn thệ mà thọ tín thí, bốn là Bồ Tát tốt thì khinh mạn bất kính. Đây là Bồ Tát có bốn tướng bại hoại.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn tướng thiện thuận: Một là kinh chưa được nghe, nghe

rồi tín thọ thật hành như lời y chỉ nơi pháp chẳng y theo ngôn thuyết, hai là tùy thuận sư giáo hay biết ý chỉ dễ dàng cùng thưa nói chỗ làm đều hay giỏi chẳng sai ý sư trưởng, ba là chẳng thối giới định dùng tâm điều thuận mà thọ cúng dường, bốn là thấy Bồ Tát tốt thì cung kính yêu thích tùy thuận người lành bẩm thọ đức hạnh. Đây là Bồ Tát có bốn tướng điều thuận.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn tướng sai lầm: Một là với người chẳng tin được mà đồng ý với họ, hai là với chúng sanh phi khí mà thuyết pháp thậm thâm, ba là với người thích Đại thừa lại tán thán Tiểu thừa cho họ, bốn là lúc bố thí chỉ cho người trì giới người lành mà không cho người ác. Đây là Bồ Tát có bốn tướng sai lầm.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn chánh đạo: Một là đối với chúng sanh có tâm bình đẳng, hai là khắp giáo hóa chúng sanh đồng dùng Phật huệ, ba là đối với chúng sanh bình đẳng thuyết pháp, bốn là khắp làm cho chúng sanh đồng an trụ chánh hạnh. Đây là Bồ Tát có bốn chánh đạo.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn chẳng phải thiện tri thức chẳng phải thiện đẳng lữ: Một là người cầu Thanh Văn chỉ muốn tự lợi, hai là người cầu Duyên Giác vui thích ít sự, ba là đọc

ngoại điển Lộ Già Gia Tỳ văn từ nghiêm sức, bốn là người được thân cận chỉ thêm thế lợi chẳng lợi ích chánh pháp. Đây là Bồ Tát có bốn phi thiện tri thức, phi thiện đẳng lữ.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn thiện tri thức, bốn thiện đẳng lữ: Một là người đến cầu xin cầu học là thiện tri thức vì là nhơn duyên Phật đạo, hai là người hay thuyết pháp là thiện tri thức vì sanh trí huệ, ba là người hay bảo người khác khiến xuất gia là thiện tri thức vì tăng trưởng thiện pháp, bốn là chư Phật Thế Tôn là thiện tri thức vì tăng trưởng tất cả Phật pháp vậy. Đây là Bồ Tát bốn thiện tri thức, bốn thiện đẳng lữ.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn phi Bồ Tát mà tợ Bồ Tát: Một là tham cầu lợi dưỡng mà chẳng cầu pháp, hai là tham cầu danh xưng mà chẳng cầu phước đức, ba là tham cầu tự vui mà chẳng cứu chúng sanh để diệt pháp khổ, bốn là thích tụ họp đồ chúng mà chẳng thích xa lìa. Đây là bốn phi Bồ Tát mà tợ Bồ Tát.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn chơn thiệt Bồ Tát: Một là hay tin hiểu không mà cũng tin nghiệp báo, hai là biết tất cả pháp không có ngôngã mà đối với chúng sanh khởi tâm đại bi, ba là rất thích Niết Bàn mà đi trong sanh tử, bốn là

thật hành xả thí đều vì chúng sanh mà chẳng cầu báo. Đây là bốn chơn thiệt Bồ Tát.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn đại tạng: Một là nếu Bồ Tát được gặp chư Phật, hai là hay nghe sáu Ba la mật và nghĩa giải ấy, ba là dùng tâm vô ngại nhìn người thuyết pháp, bốn là thích hạnh viễn ly tâm không giải đãi. Đây là Bồ Tát có bốn đại tạng.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp hay quá ma sự: Một là thường chẳng bỏ rời tâm Bồ đề, hai là đối chúng sanh lòng không giận hại, ba là biết rõ các tri kiến, bốn là lòng chẳng khinh tiện tất cả chúng sanh. Đây là Bồ Tát bốn pháp hay vượt khỏi ma sự.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn pháp nhiếp các thiện căn: Một là ở tại chỗ không nhàm rời lìa tâm siểm khúc, hai là ở trong các chúng sanh hành bốn nhiếp pháp mà chẳng cầu báo, ba là vì cầu pháp nên chẳng tiếc thân mạng, bốn là tu các thiện căn lòng không chán đủ. Đây là Bồ Tát bốn pháp nhiếp các thiện căn.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát có bốn vô lượng phước đức trang nghiêm: Một là dùng tâm thanh tịnh mà thật hành pháp thí, hai là ở nơi người phá giới sanh lòng đại bi, ba là ở trong các chúng sanh ca ngợi tuyên dương tâm Bồ đề, bốn

là đối với những kẻ hạ liệt thì tu tập nhẫn nhục. Đây là Bồ Tát có bốn vô lượng phước đức trang nghiêm.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Gọi là Bồ Tát ấy chẳng phải chỉ danh tự là Bồ Tát mà người hay thật hành pháp lành thật hành tâm bình đẳng thì gọi là Bồ Tát. Lược nói người thành tựu được ba mươi hai pháp thì gọi là Bồ Tát: Một là thường vì chúng sanh thâm cầu an lạc đều làm cho họ được an trụ trong Nhứt thiết trí, hai là lòng chẳng ganh ghét trí huệ của người, ba là phá hoại kiêu mạn, bốn là rất thích Phật đạo, năm là yêu kính không luống thân hậu cứu cánh, sáu là ở trong oán thân tâm mình đồng đều đến nơi Niết Bàn, bảy là lúc nói thường mỉm cười để ý thăm hỏi trước, tám là công việc được làm chẳng nghỉ giữa chừng, chín là khắp vì chúng sanh mà bình đẳng hành đại bi lòng không nhàm mỏi, mười là đa văn không chán, mười một là tự tìm lỗi mình chẳng nói lỗi người, mười hai là dùng tâm Bồ đề hành các oai nghi, mười ba là ban ơn cho người chẳng cầu báo đáp, mười bốn là chẳng y nơi chỗ sanh mà hành trì giới, mười lăm là ở trong các chúng sanh hành vô ngại nhẫn, mười sáu là vì tu tất cả thiện căn mà hành tinh tiến, mười bảy là rời lìa sanh cõi Vô Sắc mà phát khởi thiền định, mười tám là hành phương tiện

huệ ứng dụng bốn nhiếp pháp, mười chín là với chúng sanh thiện hay ác đều từ tâm vô úy, hai mươi là nhứt tâm nghe pháp, hai mươi mốt là tâm an trụ viễn ly, hai mươi hai là tâm chẳng thích ham các sự thế gian, hai mươi ba là chẳng tham Tiểu thừa, hai mươi bốn là ở trong Đại thừa thường thấy lợi ích lớn, hai mươi lăm là lìa ác tri thức thân cận thiện hữu, hai mươi sáu là thành bốn phạm hạnh, hai mươi bảy là du hý thần thông, hai mươi tám là thường y chơn trí, hai mươi chín là ở nơi chánh hạnh được các chúng sanh thực hành đều chẳng vứt bỏ, ba mươi là lời nói thường quyết định, ba mươi mốt là quý pháp chơn thiệt, ba mươi hai là tất cả việc làm đều lấy Bồ đề làm đầu. Nếu người có ba mươi hai pháp nầy thì gọi là Bồ Tát.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát phước đức vô lượng vô biên nên dùng thí dụ nhơn duyên để rõ biết.

Ví như đại địa, tất cả chúng sanh thọ dùng mà không tâm phân biệt chẳng cầu họ báo đáp. Cũng vậy, Bồ Tát từ sơ phát tâm đến ngồi đạo tràng, tất cả chúng sanh đều nhờ lợi ích, mà Bồ Tát tâm không phân biệt chẳng cầu báo đáp.

Ví như thủy chủng, tất cả lúa mạ cỏ cây đều được tăng trưởng, Cũng vậy, Bồ Tát vì tự tâm

thanh tịnh nên từ bi trùm khắp tất cả chúng sanh đều khiến tăng trưởng tất cả pháp lành.

Ví như hỏa chủng đều có thể thành thục tất cả trái hột của lúa cây. Cũng vậy, trí huệ của Bồ Tát đều có thể thành thục tất cả pháp lành.

Ví như phong chủng có thể thành lập tất cả thế giới. Cũng vậy, Bồ Tát phương tiện đều có thể thành lập tất cả Phật pháp.

Ví như mặt nguyệt từ lúc sơ sanh ánh sáng hình sắc của nó ngày ngày tăng trưởng. Cũng vậy, Bồ Tát tịnh tâm tất cả pháp lành ngày ngày tăng trưởng.

Ví như mặt nhựt lúc mới mọc đồng thời phóng quang chiếu sáng khắp nơi cho chúng sanh. Cũng vậy, Bồ Tát phóng trí huệ quang đồng thời chiếu khắp tất cả chúng sanh.

Ví như sư tử thú vương đến chỗ nào cũng chẳng kinh chẳng sợ. Cũng vậy, Bồ Tát trì giới thanh tịnh trí huệ chơn thiệt ở chỗ nào cũng đều chẳng kinh chẳng sợ.

Ví như tượng vương khéo điều thuận thì có thể làm xong việc lớn nặng mà thân chẳng mệt nhọc. Cũng vậy, Bồ Tát vì khéo điều tâm nên có thể vì chúng sanh làm lợi ích lớn tâm không mỏi nhọc.

Ví như các hoa sen sanh trong nước mà nước chẳng dính được. Cũng vậy, Bồ Tát sanh giữa thế gian mà pháp thế gian chẳng ô nhiễm được.

Ví như có người đốn cây vì còn gốc nên lại mọc. Cũng vậy, Bồ Tát vì có sức phương tiện nên dầu đoạn kiết sử mà còn có thiện căn ái nên lại sanh trong tam giới.

Ví như những dòng nước các phương chảy vào biển thì đều thành một vị. Cũng vậy, Bồ Tát dùng nhiều pháp môn họp các thiện căn hồi hướng Vô thượng Bồ đề đều thành một vị.

Ví như núi Tu Di, chư Thiên Trời Đao Lợi và Trời Tứ Thiên Vương đều nương đó mà ở. Cũng vậy, tâm Bồ đề của Bồ Tát làm chỗ nương ở cho Nhứt thiết trí.

Ví như có đại quốc vương do sức các quan mà xong việc nước. Cũng vậy, trí huệ của Bồ Tát do sức phương tiện nên đều thành tựu được tất cả Phật sự.

Ví như lúc tạnh sáng sạch không có mây mù ắt không có tướng mưa. Cũng vậy, Bồ Tát quả văn không có tướng pháp vũ.

Ví như lúc trời đầy mây âm u ắt có thể mưa xuống đầy đủ cho chúng sanh. Cũng vậy, Bồ Tát

từ mây đại bi khởi mưa đại pháp lợi ích chúng sanh.

Ví như Chuyển Luân Vương xuất hiện nơi nào thì có thất bửu. Cũng vậy, lúc Bồ Tát xuất hiện thì ba mươi bảy phẩm trợ đạo xuất hiện thế gian.

Ví như châu như ý bửu ở chỗ nào thì có vô lượng kim ngân trân bửu. Cũng vậy, Bồ Tát xuất hiện ở nơi nào thì có trăm ngàn vô lượng bửu Thanh Văn, Duyên Giác.

Ví như chư Thiên Trời Đao Lợi vào vườn Đồng đẳng thì chỗ thọ dụng đều đồng đẳng. Cũng vậy, vì Bồ Tát tâm chơn tịnh nên ở trong chúng sanh bình đẳng giáo hóa.

Ví như sức chú thuật và thuốc làm cho độc chẳng hại người. Cũng vậy, do sức trí huệ mà Bồ Tát kiết độc chẳng đọa ác đạo.

Ví như vật dơ uế phế thải trong đại thành mà đem đổ vào ruộng mía ruộng nho thì có lợi ích. Cũng vậy, Bồ Tát kiết sử còn thừa đều là nhơn duyên lợi ích Nhứt thiết trí.

Nầy Đại Ca Diếp! Bồ Tát thường muốn học kinh Đại Bảo Tích nầy thì phải thường tu tập chánh quán các pháp. Thế nào là chánh quán? Đó là chơn thiệt tư duy các pháp. Người chơn

thiệt chánh quán thì chẳng quán ngã nhơn chúng sanh thọ mạng. Đây gọi là trung đạo chơn thiệt chánh quán.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Người chơn thiệt quán thì quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, quán thọ tưởng hành và thức chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chơn thiệt chánh quán.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Người chơn thiệt quán thì quán địa chủng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, quán thủy hỏa và phong chủng chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chơn thiệt chánh quán.

Tại sao vậy? Vì thường là một bên, vô thường là một bên, còn giữa thường và vô thường thì không có sắc không có hình không có danh không có tri giác, đây gọi là trung đạo thiệt quán các pháp.

Ngã là một bên, vô ngã là một bên, còn giữa ngã và vô ngã thì không có sắc không có hình không có danh không có tri giác, đây gọi là trung đạo thiệt quán các pháp.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Nếu tâm có thiệt thì là một bên, nếu tâm phi thiệt cũng là một bên, nếu

không có tâm thức cũng không có tâm số pháp, đây gọi là trung đạo thiệt quán các pháp.

Như thế thì pháp thiện và pháp bất thiện, pháp thế gian và pháp xuất thế gian, pháp có tội và pháp không có tội, pháp hữu lậu và pháp vô lậu, pháp hữu vi và pháp vô vi, nhẫn đến pháp có cấu uế và pháp không có cấu uế cũng đều như vậy, rời lìa hai bên mà chẳng thể thọ được cũng chẳng thể nói được, đây gọi là trung đạo thiệt quán các pháp.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Hữu là một bên, vô cũng là một bên, còn giữa hữu và vô thì không có sắc không có hình không có danh không có tri giác, đây gọi là trung đạo thiệt quán các pháp.

Nầy Đại Ca Diếp! Thập nhị nhơn duyên đã được ta thuyết pháp: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ não.

Nhơn duyên như vậy chỉ là họp lại thành, là khối đại khổ. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì

ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt mà khối đại khổ diệt. Minh cùng vô minh không có hai không có khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thiệt quán các pháp.

Như thế thì hành và phi hành, thức và sở thức, danh sắc thấy được và chẳng thấy được, các lục nhập xứ và lục thần thông, xúc và sở xúc, thọ và thọ diệt, ái và ái diệt, thủ và thủ diệt, hữu và hữu diệt, sanh và sanh diệt, lão tử và lão tử diệt, đều không hai không khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thiệt quán các pháp.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Người chơn thiệt quán, chẳng do vì không khiến các pháp không mà pháp tánh tự không, chẳng do vì vô tướng khiến các pháp vô tướng mà các pháp tự vô tướng, chẳng do vì vô nguyện khiến các pháp vô nguyện mà các pháp tự vô nguyện, chẳng do vì vô khởi vô sanh vô ngã vô thủ vô tánh khiến các pháp vô khởi đến vô tánh mà các pháp tự vô khởi đến vô tánh. Người quán như vậy gọi là thiệt quán.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Chẳng phải vì vô nhơn nên gọi là không mà không nó tự không: Tiền tế không hậu tế không trung tế cũng không. Nên y nơi không chớ y nơi nhơn. Nếu do được không

bèn y nơi không thì nơi Phật pháp là thối đọa vậy.

Vì thế nên, nầy Đại Ca Diếp! Thà khởi ngã kiến chứa bằng núi Tu Di mà chẳng lấy không kiến khởi tăng thượng mạn.

Tại sao vậy, vì tất cả kiến chấp do nơi không mà được thoát, nếu khởi không kiến thì chẳng thể trừ được.

Ví như y sư cho thuốc khiến bịnh chuyển động, thuốc ấy ở trong thân người bịnh mà không ra ngoài, nầy Đại Ca Diếp, ý ông thế nào, người bịnh ấy được lành chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không lành, thuốc ấy chẳng ra ngoài thì bịnh càng tăng.

- Nầy Đại Ca Diếp! Cũng vậy, tất cả kiến chấp duy không là có thể trừ diệt, nếu khởi không kiến thì chẳng trừ được.

Ví như có người sợ hư không kêu khóc đấm ngực mà la lên rằng: Tôi bỏ hư không. Nầy Đại Ca Diếp! Ý ông thế nào, hư không ấy có bỏ được chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không bỏ được.

- Nầy Đại Ca Diếp! Nếu ai sợ pháp không thì ta bảo người ấy cuồng loạn thất tâm. Vì họ

thường đi trong pháp không mà lại sợ pháp không vậy.

Ví như họa sư tự tay họa tượng quỉ Dạ Xoa, rồi thấy tượng quỉ lại kinh sợ mê muội té xuống đất. Cũng vậy, tất cả phàm phu tự tạo sắc thanh hương vị xúc nên qua lại sanh tử thọ các khổ não mà chẳng tự hay biết.

Ví như huyễn sư tự hóa người huyễn rồi trở lại tự tàn hại. Cũng vậy, Tỳ Kheo có pháp được quán đều không đều tịch không có kiên cố, quán ấy cũng không.

Ví như hai khúc gỗ cọ nhau có lửa phát sanh trở lại đốt cháy khúc gỗ ấy. Cũng vậy, do chơn thiệt quán nên sanh thánh trí, thánh trí sanh rồi trở lại đốt tiêu thiệt quán.

Ví như thắp đèn thì tối tăm tự không có, tối ấy không từ đâu lại, đi cũng không đến đâu, chẳng phải từ phương Đông lại đi cũng chẳng đến Nam Tây Bắc tứ duy trên dưới, chẳng từ kia lại đi cũng chẳng đến đâu. Ánh sáng đèn nầy không có quan niệm tôi hay diệt tối. Chỉ vì đèn sáng mà không tối. Sáng và tối đều không vô tác vô thủ. Cũng vậy, lúc thiệt trí sanh thì vô trí diệt. Trí và vô trí đều không vô tác, vô thủ.

Ví nhà tối suốt ngàn năm chưa từng thấy ánh sáng, nếu lúc thắp đèn, nầy Đại Ca Diếp, ý ông thế nào, bóng tối ấy chừng có quan niệm rằng tôi ở đây đã lâu chẳng muốn đi chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không, nếu lúc thắp đèn, tối ấy vô lực ắt phải diệt mất.

- Nầy Đại Ca Diếp! Cũng vậy, trăm ngàn vạn kiếp đã kiết nghiệp từ lâu, dùng nhứt thiệt quán sát thì liền tiêu diệt. Ánh sáng đèn kia là thánh trí vậy, bóng tối kia là kiết nghiệp vậy.

Ví như hột giống mà ở hư không thì chẳng bao giờ sanh trưởng được. Cũng vậy, Bồ Tát thủ chứng thì chẳng bao giờ tăng trưởng Phật pháp được.

Ví như hột giống mà ở tại ruộng tốt thì hay sanh trưởng. Cũng vậy, Bồ Tát có các kiết sử rời lìa thế gian pháp có thể tăng trưởng Phật pháp.

Ví như đất khô cao nguyên chẳng sanh hoa sen. Cũng vậy, Bồ Tát ở trong vô vi chẳng sanh Phật pháp.

Ví như trong bùn nước ướt thấp sanh hoa sen. Cũng vậy, Bồ Tát ở trong sanh tử tà định chúng sanh hay sanh Phật pháp.

Ví như có bốn đại hải, trong ấy, đầy sanh tô. Cũng vậy, Bồ Tát hữu vi thiện căn nhiều vô lượng.

Ví như chẻ sợi lông ra làm trăm phần, lấy một phần lông chấm một giọt nước trong biển. Cũng vậy, tất cả hàng Thanh Văn thiện căn hữu vi cũng rất ít như vậy.

Ví như lỗ rỗng trống của một hột cải nhỏ. Trí huệ hữu vi của tất cả hàng Thanh Văn cũng nhỏ như vậy.

Ví như khoảng không gian mười phương vô lượng vô biên. Bồ Tát hữu vi trí huệ năng lực cũng vô lượng như vậy.

Ví như Đại Vương dòng Sát Lợi có đại phu nhơn thông dâm với kẻ bần tiện mang thai sanh con trai, nầy Đại Ca Diếp, ý ông thế nào, có phải là Vương Tử chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải.

- Nầy Đại Ca Diếp! Cũng vậy, chúng Thanh Văn của ta dầu đồng chứng do pháp tánh sanh mà chẳng gọi là chơn thiệt Phật tử của đức Như Lai.

Ví như Đại Vương dòng Sát Lợi thông dâm với thể nữ có thai sanh con trai, dầu ra từ họ hèn hạ mà được gọi là Vương Tử. Cũng vậy, sơ phát

tâm Bồ Tát dầu chưa có đủ phước đức trí huệ lại qua sanh tử tùy lực thế của mình mà lợi ích chúng sanh. Đây gọi là Như Lai chơn thiệt Phật tử.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có ngàn con trai chưa có một người có tướng Thánh Vương, trong ngàn con trai ấy Chuyển Luân Thánh Vương chẳng nghĩ tưởng là con trai mình.

Cũng vậy, dầu có trăm ngàn vạn ức Thanh Văn quyến thuộc vây quanh mà không có Bồ Tát trong đại chúng ấy, đức Như Lai chẳng nghĩ tưởng là Phật tử.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có đại phu nhơn mang thai bảy ngày, đứa con trai ấy có tướng Chuyển Luân Vương chư Thiên tôn trọng hơn các con trai khác đã có đủ thân thể sức lực. Tại sao? Vì Vương Tử trong thai non ấy chắc sẽ nối ngôi tôn quý kế làm giống Thánh Vương. Cũng vậy, sơ phát tâm Bồ Tát dầu chưa đủ Bồ Tát căn nhưng được chư Thiên thần vương hết lòng tôn trọng hơn bực đại A La Hán đủ bát giải thoát. Tại sao? Vì Bồ Tát ấy được gọi là nối ngôi tôn quí chẳng dứt giống Phật.

Ví như một viên lưu ly châu hơn cả tòa núi thủy tinh. Cũng vậy, Bồ Tát từ lúc mới phát tâm đã hơn chúng Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Ví như ngày phu nhơn của Đại Vương sanh con trai, các tiểu vương quần thần đều đến bái yết. Cũng vậy, Bồ Tát lúc sơ phát tâm, chư Thiên thế nhơn đều nên lễ kính.

Ví như trong núi Tuyết sanh dược thảo không thuộc về ai không có phân biệt, tùy bịnh uống dùng đều hay chữa trị. Cũng vậy, Bồ Tát chứa họp trí huệ không chỗ phân biệt bình đẳng cứu hộ khắp tất cả chúng sanh.

Ví như mặt nguyệt sơ sanh được mọi người ái kính hơn mặt nguyệt tròn. Cũng vậy, người tin lời Phật thì ái kính Bồ Tát hơn đức Như Lai. Tại sao? Vì do nơi chư Bồ Tát mà sanh ra đức Như Lai vậy.

Ví như kẻ ngu bỏ mặt nguyệt mà lễ thờ tinh tú. Người trí thì chẳng như vậy, chẳng bỏ lìa người tu hạnh Bồ Tát để lễ kính hàng Thanh Văn.

Ví như tất cả thế gian dầu Trời hay Người giỏi dồi sửa viên ngọc giả cũng chẳng thể làm thành lưu ly bửu châu được. Cũng vậy, người cầu Thanh Văn dầu trì tất cả giới thành tựu thiền định cũng trọn chẳng thể được ngồi đạo tràng thành Vô thượng Bồ đề.

Ví như dồi sửa lưu ly bửu châu hay xuất sanh vô lượng trân bửu. Cũng vậy, giáo hóa thành tựu Bồ Tát hay xuất sanh vô lượng Thanh Văn Bích Chi Phật.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Chư Bồ Tát phải thường cầu lợi ích cho chúng sanh và chánh tu tập, tất cả thiện căn phước đức đã có đều bình đẳng ban cho tất cả chúng sanh, trí dược đã có mang đến khắp mười phương chữa trị cho chúng sanh khiến đều cứu cánh.

Những gì gọi là trí dược cứu cánh? Đó là dùng bất tịnh quán trị tham dâm, dùng từ bi quán trị sân khuể, dùng nhơn duyên quán trị ngu si, dùng không quán trị các kiến chấp, dùng vô tướng quán trị các ức tưởng phân biệt duyên niệm, dùng vô nguyện quán trị tất cả nguyện xuất ly tam giới, dùng tứ phi đảo trị tất cả đảo, dùng nghĩa các pháp hữu vi đều vô thường để trị quan niệm điên đảo chấp thường trong vô thường, dùng nghĩa hữu vi đều khổ để trị quan niệm điên đảo chấp vui trong các khổ, dùng nghĩa vô ngã để trị quan niệm điên đảo chấp ngã trong vô ngã, dùng Niết Bàn tịch diệt để trị quan niệm điên đảo chấp tịnh trong bất tịnh.

Dùng tứ niệm xứ để trị những chấp kiến dựa nương thân thọ tâm pháp. Hành giả quán thân,

thuận theo thân tướng mà quán chẳng sa vào ngã kiến, thuận theo thọ tướng mà quán chẳng sa và ngã kiến, thuận theo tâm tướng mà quán chẳng sa vào ngã kiến, thuận theo pháp tướng mà quán chẳng sa vào ngã kiến. Tứ niệm xứ ấy hay chán tất cả thân thọ tâm pháp mà mở cửa Niết Bàn.

Dùng Tứ chánh cần hay dứt các pháp bất thiện đã sanh và ngăn các pháp bất thiện chưa sanh, hay khiến các thiện pháp chưa sanh thì xuất sanh và các pháp thiện đã sanh thì hay khiến tăng trưởng. Tóm lại, hay dứt tất cả pháp bất thiện và thành tựu các thiện pháp.

Dùng Tứ như ý túc hay trị tất cả thân tâm trầm trọng khiến được như ý thần thông.

Dùng Ngũ căn trị các chúng sanh bất tín giải đãi thất niệm loạn tâm không trí huệ.

Dùng Ngũ lực chướng ngăn sức lực của các phiền não.

Dùng Thất giác phần trị sự ngu si nghi hối sai lầm ở trong các pháp.

Dùng Bát chánh đạo trị tất cả chúng sanh sa vào tà đạo.

Đây là cứu cánh trí dược của Bồ Tát mà chư Bồ Tát phải thường siêng tu tập vậy.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Trong hàng y sư nơi Diêm Phù Đề, Kỳ Vức y vương là tối đệ nhứt. Giả sử tất cả chúng sanh trong tam thiên Đại Thiên thế giới đều như Kỳ Vức, nếu có người hỏi thuốc trị bịnh kiết sử phiền não tà kiến nghi hối trong tâm thì họ còn chẳng đáp được huống là chữa trị được.

Bồ Tát ở trong đây phải quan niệm rằng: Tôi chẳng nên lấy thế dược làm đủ mà phải cầu học tu tập thuốc trí xuất thế, cũng tu tất cả thiện căn phước đức. Bồ Tát như vậy được trí dược rồi đến khắp mười phương cứu cánh chữa lành cho tất cả chúng sanh.

Những gì gọi là Bồ Tát trí dược? Đó là biết các pháp theo duyên hòa hợp mà sanh, tin tất cả pháp không có ngã nhơn chúng sanh thọ mạng tri kiến, không có tác không có thọ, tin hiểu thông đạt không có ngã ngã sở. Ở trong pháp không vô sở đắc ấy không có kinh sợ siêng năng tinh tiến mà suy tìm tâm tướng. Bồ Tát suy tìm tâm như vầy: Gì là tâm? Là tham dục hay sân khuể ngu si ư? Là quá khứ vị lai hiện tại ư? Nếu là tâm quá khứ thì đã dứt mất hết rồi, nếu là tâm vị lai thì chưa sanh chưa đến, nếu là tâm hiện tại thì không có an trụ. Tâm nầy chẳng phải nội ngoại trung gian. Tâm nầy không có sắc

không có hình không có đối không có thức không có tri không có an trụ không có xứ sở. Tâm ấy như vậy, tam thế thập phương chư Phật đều chẳng có đã thấy đang thấy sẽ thấy. Nếu tất cả chư Phật quá khứ vị lai hiện tại mà chẳng thấy được tâm ấy thì nó làm sao có được? Chỉ do nơi điên đảo tưởng nên tâm sanh các pháp nhiều thứ sai biệt. Tâm nầy như ảo huyễn do ức tưởng phân biệt mà khởi các thứ nghiệp và thọ các thứ thân.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Tâm đi như gió vì chẳng nắm bắt được, tâm như nước chảy vì sanh diệt chẳng ngừng, tâm như ngọn đèn vì các duyên mà có, tâm nầy như ánh chớp vì niệm niệm diệt dứt, tâm như hư không vì khách trần ô nhiễm, tâm như khỉ vượn vì tham lục dục, tâm như họa sư vì hay khởi các nghiệp nhơn, tâm chẳng nhứt định vì theo dõi các thứ phiền não, tâm như đại vương vì là chủ tăng thượng các pháp, tâm thường độc hành không hai không bạn vì không có hai tâm đồng thời, tâm như oan gia vì hay khởi tất cả khổ não, tâm như voi cuồng đạp ngả các nhà đất vì hay phá hoại tất cả các thiện căn, tâm như nuốt lưỡi câu vì trong khổ mà tưởng là vui, tâm nầy như mộng vì trong vô ngã mà sanh ngã tưởng, tâm như lằn xanh vì trong bất tịnh mà sanh tịnh tưởng, tâm như giặc

dữ vì hay gây sự khổ khảo lược, tâm như ác quỉ vì tìm dịp hại người, tâm thường cao hạ vì tham và sân làm hư hại, tâm như trộm cướp vì cướp mất tất cả thiện căn, tâm thường tham sắc như bướm đáp lửa, tâm thường tham thanh như quân đi lâu thích tiếng trống trận, tâm thường tham hương như heo thích nằm trong chỗ bất tịnh, tâm thường tham vị như cô gái nhỏ ham ưa ăn ngon, tâm thường tham xúc như ruồi ưa dầu.

Như vậy, nầy Đại Ca Diếp! Suy tìm tâm tướng ấy trọn bất khả đắc. Nếu bất khả đắc thì chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại. Nếu chẳng phải quá vị hiện tại thì ra ngoài tam thế. Nếu ngoài tam thế thì phi hữu phi vô. Nếu phi hữu phi vô thì bất khởi. Nếu bất khởi thì vô tánh. Nếu vô tánh thì vô sanh. Nếu vô sanh thì vô diệt. Nếu vô diệt thì vô sở ly. Nếu vô sở ly thì vô lai vô khứ vô thối vô sanh. Nếu vô lai khứ thối sanh thì không có hành nghiệp. Nếu không có hành nghiệp thì vô vi. Nếu là vô vi thì là căn bổn của tất cả chư Thánh, trong ấy không có trì giới phá giới. Nếu không trì phá thì vô hành cũng vô phi hành. Nếu không có hành không có phi hành thì không có tâm không có tâm số pháp. Nếu không có tâm tâm sở thì không có nghiệp không có nghiệp báo. Nếu không có nghiệp không có nghiệp báo thì không có khổ lạc. Nếu không khổ

lạc là thánh tánh, trong ấy không có nghiệp không có người khởi nghiệp, không có thân nghiệp khẩu nghiệp và ý nghiệp, trong ấy không có thượng trung hạ sai biệt, vì thánh tánh bình đẳng như hư không vậy. Tánh ấy không sai biệt vì các pháp bình đẳng nhất vị. Tánh ấy viễn ly vì lìa tướng thân tướng tâm. Tánh ấy lìa tất cả pháp vì tùy thuận Niết Bàn tịch diệt vậy. Tánh ấy thanh tịnh vì lìa các phiền não cấu uế vậy. Tánh ấy vô ngã vì lìa ngã ngã sở vậy. Tánh ấy không cao hạ vì từ bình đẳng sanh vậy. Tánh ấy là chơn đế vì là đệ nhất nghĩa đế vậy. Tánh ấy vô tận vì cứu cánh bất sanh vậy. Tánh ấy thường trụ vì các pháp thường như vậy. Tánh ấy an lạc vì Niết Bàn là đệ nhứt vậy. Tánh ấy thanh tịnh vì lìa tất cả tướng vậy. Tánh ấy vô ngã vì cầu ngã bất khả đắc vậy. Tánh ấy chơn tịnh vì từ bổn lai cứu cánh tịnh vậy.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Các ông nên tự quán bên trong chớ duyên theo bên ngoài.

Như vậy, nầy Đại Ca Diếp! Các Tỳ Kheo đời sau như chó đuổi theo khối đất.

Thế nào là Tỳ Kheo như chó đuổi theo khối đất?

Ví như có người lấy khối đất ném chó, nó liền bỏ người mà đuổi theo khối đất. Cũng vậy,

có các Sa Môn Bà La Môn sợ tục lụy mà ưa sắc thanh hương vị xúc, họ đến ở chỗ không nhàn không bè bạn rời chúng ồn náo, thân họ rời ngũ dục mà lòng họ chẳng bỏ. Có lúc hoặc họ nhớ sắc thanh hương vị xúc tốt rồi sanh lòng tham muốn mà chẳng quán bên trong, họ chẳng biết thế nào là rời sắc thanh hương vị xúc. Vì chẳng biết nên có lúc họ đi vào tụ lạc thành ấp ở trong nhơn chúng, rồi họ lại bị sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt trói chặt. Do họ trì tục giới nên sau khi chết được sanh cõi trời rồi lại bị ngũ dục lạc trói chặt. Sau thân trời họ chẳng khỏi được bốn ác đạo: Địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh và A Tu La. Đây gọi là Tỳ Kheo như chó đuổi theo khối đất.

Thế nào là Tỳ Kheo chẳng như chó đuổi theo khối đất?

Nếu có Tỳ Kheo bị người mắng chẳng mắng lại, bị người đánh chẳng đánh lại, bị người giận hại chẳng giận hại lại, chỉ tự quán bên trong cầu điều phục tâm mình mà suy nghĩ như vầy: Kẻ mắng kẻ đánh kẻ hại là ai? Người thọ chịu là ai? Đây gọi là Tỳ Kheo chẳng như chó đuổi theo khối đất.

Ví như người chăn ngựa giỏi, tùy con ngựa ngang chứng thế nào đều có thể điều phục. Cũng

vậy, hành giả giỏi tùy tâm mình hướng nơi đâu liền có thể thâu nhiếp, chẳng cho nó phóng dật.

Ví như bịnh nghẹt yết hầu liền có thể chết. Cũng vậy trong tất cả kiến chấp, duy có ngã kiến có thể tức thì đoạn mạng trí huệ.

Ví như có người bị trói, họ tùy chỗ bị trói mà cầu được mở. Cũng vậy, tùy tâm tham chấp chỗ nào, hành giả phải cầu tháo mở.

Nầy Đại Ca Diếp! Người xuất gia có hai tâm bất tịnh: Một là đọc tụng các kinh sách ngoại đạo như Lộ Già Gia v.v... hai là chứa nhiều y bát tốt.

Người xuất gia còn có hai sự cột chặt: Một là kiến phược và hai là lợi dưỡng phược.

Người xuất gia còn có hai pháp chướng: Một là thân cận bạch y, hai là ghét bỏ người thiện.

Người xuất gia còn có hai thứ cấu uế: Một là chịu đựng phiền não, hai là tham các đàn việt.

Người xuất gia còn có hai thứ mưa đá phá nát thiện căn: Một là trái chê chánh pháp, hai là phá giới mà thọ của tín thí.

Người xuất gia còn có hai nhọt ghẻ: Một là tìm thấy lỗi người, hai là tự che lỗi mình.

Người xuất gia còn có hai pháp thiêu đốt: Một là tâm cấu uế mà thọ mặc pháp y, hai là thọ sự cúng dường của người lành trì giới.

Người xuất gia còn có hai thứ bịnh: Một là ôm lòng tăng thượng mạn mà tâm chẳng phục, hai là phá hoại người phát tâm Đại thừa.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Hàng Sa Môn có bốn hạng: Một là hình phục Sa Môn, hai là oai nghi khi dối Sa Môn, ba là tham cầu danh văn Sa Môn, bốn là thiệt hành Sa Môn.

Có hạng Sa Môn hình dạng và y phục đầy đủ: Cạo bỏ râu tóc đắp tăng già lê cầm bát mà thành tựu thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh, chẳng khéo giữ mình tham xan tật đố giải đãi phá giới làm ác, đây gọi là hình phục Sa Môn vậy.

Có hạng Sa Môn đầy đủ bốn oai nghi nơi thân Sa Môn đi đứng ngồi nằm nhất tâm an tường, dứt các mùi ngon tu bốn thánh chủng, xa rời chúng hội và nhà ồn náo, nói năng dịu dàng, thực hành các pháp như vậy đều là để dối trá chớ chẳng phải là vì đạo thiện tịnh, nơi pháp không họ có chỗ thấy được, với pháp vô sở đắc họ sanh lòng e sợ như sợ rơi xuống hố sâu, với Tỳ Kheo luận đàm pháp không họ quan niệm

như oán tặc, đây gọi là oai nghi khi cuống Sa Môn vậy.

Có hạng Sa Môn do nhơn duyên hiện tại thật hành trì giới mà muốn khiến người biết, tự lực đọc tụng muốn khiến người biết mình đa văn, tự lực ở một mình nơi nhàn tĩnh muốn khiến người biết mình là a lan nhã, thiểu dục tri túc hành viễn ly hạnh chỉ vì muốn người biết chớ chẳng vì chán lìa, chẳng vì đạo thiện tịch chẳng vì đắc đạo chẳng vì bốn quả Sa Môn chẳng vì Niết Bàn, đây gọi là tham cầu danh văn Sa Môn vậy.

Có hạng Sa Môn chẳng tham thân mạng huống là lợi dưỡng, nghe các pháp không vô tướng và vô nguyện thì tâm thông đạt tùy thuận thật hành đúng như lời, họ chẳng vì Niết Bàn mà tu phạm hạnh huống là tam giới, họ còn chẳng ưa khởi kiến chấp không vô ngã huống là kiến chấp ngã nhơn chúng sanh thọ giả, họ lìa pháp y chỉ mà cầu giải thoát phiền não, họ thấy tất cả pháp bổn lai vô cấu cứu cánh thanh tịnh mà tự y chỉ, cũng chẳng y chỉ nơi người, do chánh pháp thân còn chẳng thấy Phật huống là hình sắc khác, do không viễn ly nên còn chẳng thấy Pháp huống là tham trước âm thanh ngôn thuyết, do pháp vô vi nên còn chẳng thấy Tăng huống là

thấy có hòa hiệp chúng, mà nơi các pháp không chỗ đoạn trừ không chỗ tu hành, chẳng an trụ sanh tử chẳng tham trước Niết Bàn, biết tất cả pháp bổn lai tịch diệt, chẳng thấy hệ phược chẳng cầu giải thoát, đây gọi là thiệt hành Sa Môn vậy.

Như vậy, nầy Đại Ca Diếp! Các ông nên tập làm thiệt hành Sa Môn, chớ bị danh tự nó làm hư hoại.

Nầy Đại Ca Diếp! Ví như người nghèo cùng hèn hạ giả danh giàu sang, ý ông thế nào, có xứng với danh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không.

- Cũng vậy, nầy Đại Ca Diếp! Người chỉ có danh tự Sa Môn Bà La Môn mà không có công đức hạnh chơn thiệt của Sa Môn Bà La Môn thì cũng như kẻ nghèo hèn kia mang danh giàu sang giả.

Ví như có người trôi chìm giữa dòng sông lớn đói khát mà chết. Cũng vậy, có các Sa Môn đọc tụng nhiều kinh điển mà chẳng thể ngăn được sự thiếu khát tham sân si nên trôi chìm trong pháp thủy mà chết vì phiền não.

Ví như dược sư tay cầm túi thuốc đi mà tự thân bịnh lại chẳng trị được. Cũng vậy, người đa

văn có phiền não, dầu có đa văn mà chẳng ngăn phiền não thì chẳng được tự lợi ích.

Ví như có người uống thuốc quý của nhà vua mà chẳng thích hợp nên bị thuốc làm hại. Cũng vậy, người đa văn có bịnh phiền não được thuốc pháp tốt mà chẳng thể tu tập thì tự hại thiện căn.

Ví như ma ni bửu châu rơi vào chỗ bất tịnh thì không thể đeo vào mình. Cũng vậy, người đa văn tham trước lợi dưỡng thì chẳng còn lợi ích được cho Trời Người.

Ví như thây người chết đeo chuỗi vàng, Tỳ Kheo đa văn phá giới đắp pháp y thọ người cúng dường cũng như vậy.

Ví như Trưởng Giả Tử cắt móng tắm gội sạch thoa xích chiên đàn mặc y phục trắng mới đội vòng hoa trong ngoài tương xứng. Tỳ Kheo đa văn trì giới mặc pháp y thọ người cúng dường cũng như vậy.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Có bốn hạng Tỳ Kheo phá giới mà tợ trì giới tốt.

Có hạng Tỳ Kheo trì giới đầy đủ, trong các tội lớn nhỏ lòng thường e sợ, giới pháp được nghe đều có thể làm theo, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp đều thanh tịnh, chánh mạng

thanh tịnh, mà Tỳ Kheo nầy lại tuyên nói hữu ngã luận. Đây là tợ trì giới tốt thứ nhứt.

Có hạng Tỳ Kheo tụng trì giới luật thật hành theo lời mà thân kiến chẳng diệt. Đây là tợ trì giới tốt thứ hai.

Có hạng Tỳ Kheo trì giới đầy đủ chấp lấy tướng chúng sanh mà hành từ tâm, nghe nói tất cả pháp bổn lai vô sanh thì rất kinh sợ. Đây là tợ trì giới tốt thứ ba.

Có hạng Tỳ Kheo thật hành đủ mười hai đầu đà hạnh thấy có sở đắc. Đây là tợ trì giới tốt thứ tư.

Nầy Đại Ca Diếp! Người thiệt trì giới tốt thì không có ngã ngã sở, không có tác phi tác, không có sở tác, cũng không có tác giả, không hành phi hành, không sắc không danh, không có tướng phi tướng, không có diệt phi diệt, không có thủ xả, không có khả thủ khả khí, không có chúng sanh cũng không có danh tự chúng sanh, không có tâm không có danh tự tâm, không có thế gian phi thế gian, không có y chỉ phi y chỉ, không lấy giới đức để tự cao cũng chẳng chê giới người, cũng chẳng ức tưởng phân biệt giới ấy. Đây gọi là giới hạnh được chư Thánh thọ trì, vô lậu chẳng hệ phược chẳng thọ tam giới xa rời tất cả các pháp y chỉ".

Đức Thế Tôn muốn sáng tỏ nghĩa nầy nên nói kệ rằng:

Người trì giới thanh tịnh
Vô cấu vô sở hữu
Trì giới không kiêu mạn
Cũng không chỗ y chỉ
Trì giới không ngu si
Cũng không có hệ phược
Trì giới không trần ô
Cũng không có trái lỗi
Trì giới lòng lành mềm
Rốt ráo thường tịch diệt
Xa rời tất cả niệm
Ức tưởng và phân biệt
Giải thoát các động niệm
Là tịnh trì giới Phật
Chẳng tham tiếc thân mạng
Chẳng dùng sanh tam giới
Tu tập các chánh hạnh
An trụ trong chánh đạo
Đây gọi là Phật pháp
Chơn thiệt trì tịnh giới
Trì giới chẳng nhiễm thế
Cũng chẳng nương thế pháp
Thành tựu sáng trí huệ
Không tối không sở hữu
Không tưởng ngã tưởng bỉ

Đã thấy biết các tướng
Đây gọi là Phật pháp
Chơn thiệt trì tịnh giới
Không thử ngạn bỉ ngạn
Cũng không có trung gian
Nơi không thử bỉ trung
Cũng không có sở trước
Không hệ phược không lậu
Cũng không có khi dối
Đây gọi là Phật pháp
Chơn thiệt trì tịnh giới
Tâm chẳng trước danh sắc
Chẳng chấp ngã ngã sở
Đây gọi là an trụ
Chơn thiệt trì tịnh giới
Dầu hành trì tịnh giới
Mà lòng chẳng tự cao
Cũng chẳng cho là hơn
Gặp giới cầu thánh đạo
Đây gọi là chơn thiệt
Thanh tịnh trì giới tướng
Chẳng cho giới tối thượng
Cũng chẳng quý tam muội
Quá hai sự nầy rồi
Tu tập chánh trí huệ
Không tịch vô sở hữu
Tánh thể của hiền thánh

Trì tịnh giới như vậy
Được chư Phật ngợi khen
Tâm giải thoát thân kiến
Trừ diệt ngã ngã sở
Tin hiểu nơi chư Phật
Sở hành pháp không tịch
Trì thánh giới như vậy
Thì không gì sánh bằng
Y giới được tam muội
Do định tu trí huệ
Nhơn nơi tu trí huệ
Bèn được thanh tịnh trí
Người đã được tịnh trí
Thì đủ giới thanh tịnh.

Đức Phật nói kệ xong, có năm trăm Tỳ Kheo chẳng thọ các pháp tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa trần lìa cấu được pháp nhãn tịnh. Có năm trăm Tỳ Kheo nghe thâm pháp nầy lòng họ chẳng thông đạt chẳng tin hiểu, họ rời chỗ bỏ đi.

Trưởng Lão Đại Ca Diếp bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Năm trăm Tỳ Kheo ấy đều đã được thiền định mà vì chẳng thể tin hiểu nhập vào pháp thậm thâm nên họ đứng dậy bỏ đi".

Đức Phật nói: "Nầy Đại Ca Diếp! Các Tỳ Kheo ấy đều là hạng tăng thượng mạn, họ nghe

giới tướng thanh tịnh vô lậu nầy chẳng tin hiểu được chẳng thông đạt được Kệ của đức Phật nói ý nghĩa thậm thâm. Tại sao? Vì chư Phật Bồ đề rất thậm thâm vậy. Nếu là người trồng thiện căn chẳng dày bị ác tri thức nắm giữ sức tin hiểu ít thì khó tín thọ được.

Nầy Đại Ca Diếp! Thuở Phật Ca Diếp quá khứ, năm trăm Tỳ Kheo ấy làm đệ tử ngoại đạo, họ đến chỗ Phật Ca Diếp muốn tìm hay dở. Họ nghe Phật thuyết pháp được chút ít lòng tin mà suy nghĩ rằng: Đức Phật đây hy hữu lời nói lành tốt vi diệu. Do tâm lành ấy nên sau khi chết họ được sanh Trời Đao Lợi. Mãn thọ Trời Đao Lợi, họ sanh làm người Diêm Phù Đề được xuất gia trong pháp của ta. Các Tỳ Kheo ấy chấp sâu các kiến chấp, họ nghe nói pháp thậm thâm chẳng tin hiểu được chẳng tùy thuận thông đạt được. Các Tỳ Kheo ấy dầu chẳng thông đạt nhưng do nhơn duyên nghe pháp thậm thâm nầy họ được lợi ích lớn chẳng sanh ác đạo. Họ sẽ ở thân hiện tại được nhập Niết Bàn".

Đức Phật bảo Trưởng Lão Tu Bồ Đề: "Ông qua nơi kia đem các Tỳ Kheo ấy đến đây".

Trưởng Lão Tu Bồ Đề bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Họ còn chẳng tin được lời Phật dạy, huống là Tu Bồ Đề nầy".

Đức Phật liền hóa làm hai Tỳ Kheo đi trên đường mà năm trăm Tỳ Kheo ấy đang hướng đến.

Chư Tỳ Kheo ấy gặp Hóa Tỳ Kheo liền hỏi: "Hai Đại Đức muốn đi về đâu?". Hóa Tỳ Kheo đáp: "Chúng tôi muốn đến chỗ ở riêng để tu Thiền định lạc. Tại sao? Vì chẳng tin hiểu được Pháp của Phật nói".

Các Tỳ Kheo nói: "Nầy hai Đại Đức! Chúng tôi nghe Phật thuyết pháp cũng chẳng tin hiểu được nên muốn đi ở riêng tu hạnh thiền định".

Hóa Tỳ Kheo nói: "Chúng ta phải rời lìa lòng tự cao nghịch tranh chấp, phải cầu tin hiểu nghĩa của Phật nói. Tại sao? Vì không cao không tranh chấp là pháp Tỳ Kheo vậy. Niết Bàn được nói gọi là diệt ấy là diệt những gì? Trong thân nầy có ngã để diệt chăng? Có nhơn, có tác giả, có thọ giả, có mạng giả để diệt chăng?".

Chư Tỳ Kheo đáp: "Trong thân nầy không có ngã, nhơn tác giả, thọ giả, mạng giả để diệt, chỉ vì tham dục sân khuể ngu si diệt mà gọi là Niết Bàn".

Hóa Tỳ Kheo nói: "Tham sân si của các Ngài có tướng nhứt định diệt hết được chăng?".

Chư Tỳ Kheo đáp: "Tham sân si chẳng ở tại nội chẳng ở tại ngoại chẳng ở tại trung gian, lìa các ức tưởng thì nó chẳng sanh".

Hóa Tỳ Kheo nói: "Vì thế nên các Ngài chớ có ức tưởng. Nếu các Ngài chẳng khởi ức tưởng phân biệt nơi pháp, thời ở nơi các pháp không nhiễm không lìa. Không nhiễm không lìa thì gọi là tịch diệt. Giới phẩm được có cũng chẳng vãng lai cũng chẳng diệt tận. Định phẩm huệ phẩm giải thoát phẩm giải thoát tri kiến phẩm cũng chẳng vãng lai cũng chẳng diệt tận. Do pháp như vậy nên gọi là Niết Bàn. Pháp ấy đều không đều viễn ly cũng chẳng thủ lấy được. Các Ngài xả ly tưởng niệm Niết Bàn ấy, chớ theo tưởng chớ theo phi tưởng, chớ dùng tưởng để xả bỏ tưởng, chớ dùng tưởng để quán nơi tưởng. Dùng tưởng xả bỏ tưởng thì bị tưởng hệ phược. Các Ngài chẳng nên phân biệt tất cả thọ tưởng diệt định, vì tất cả các pháp vô phân biệt vậy. Nếu có Tỳ Kheo diệt dứt các thọ tưởng mà được diệt định thì là mãn túc không còn có trên".

Lúc Hóa Tỳ Kheo nói pháp ấy, năm trăm Tỳ Kheo chẳng thọ các pháp tâm được giải thoát, họ trở lại chỗ đức Phật đầu mặt lạy chân Phật rồi đứng qua một bên.

Trưởng Lão Tu Bồ Đề hỏi các Tỳ Kheo: "Các Ngài đi đến chỗ nào, nay từ đâu lại?".

Các Tỳ Kheo đáp: "Như đức Phật thuyết pháp, không từ đâu lại, đi không đến đâu".

Hỏi: Ai là thầy các Ngài?

Đáp: Thầy chúng tôi từ trước chẳng sanh cũng không có diệt.

Hỏi: Các Ngài từ đâu nghe pháp?

Đáp: Không có ngũ ấm thập nhị nhập thập bát giới từ đó nghe pháp.

Hỏi: Nghe pháp thế nào?

Đáp: Chẳng vì hệ phược chẳng vì giải thóat.

Hỏi: Các Ngài tu tập pháp gì?

Đáp: Chẳng vì được chẳng vì dứt.

Hỏi: Ai điều phục các Ngài?

Đáp: Thân không định tướng, tâm không sở hành, là điều phục tôi.

Hỏi: Làm sao tâm được giải thoát?

Đáp: Vì không dứt vô minh không sanh vô minh vậy.

Hỏi: Các Ngài là đệ tử ai?

Đáp: Người vô đắc vô tri kia.

Hỏi: Các Ngài chừng nào sẽ nhập Niết Bàn?

Đáp: Như hóa nhơn của đức Như Lai nhập Niết Bàn chúng tôi sẽ nhập.

Hỏi: Các Ngài đã được kỷ lợi chăng?

Đáp: Vì tự lợi bất khả đắc vậy.

Hỏi: Các Ngài chỗ làm đã xong chăng?

Đáp: Vì chỗ làm bất khả đắc vậy.

Hỏi: Các Ngài tu phạm hạnh chăng?

Đáp: Nơi tam giới chẳng hành cũng chẳng phải chẳng hành là phạm hạnh của chúng tôi vậy.

Hỏi: Các Ngài phiền não đã hết chăng?

Đáp: Tất cả các pháp cứu cánh không có tướng hết vậy.

Hỏi: Các Ngài đã phá ma chăng?

Đáp: Ấm ma bất khả đắc vậy.

Hỏi: Các Ngài phụng sự đức Như Lai chăng?

Đáp: Chẳng do thân tâm vậy.

Hỏi: Các Ngài an trụ phước điền chăng?

Đáp: Không có an trụ vậy.

Hỏi: Các Ngài đã đoạn sanh tử qua lại chăng?

Đáp: Không có thường không có đoạn vậy.

Hỏi: Các Ngài tùy pháp hành chăng?

Đáp: Vô ngại giải thoát vậy.

Hỏi: Các Ngài cứu cánh sẽ đến chỗ nào?

Đáp: Tùy nơi chỗ đến của hóa nhơn của đức Như Lai".

Lúc Trưởng Lão Tu Bồ Đề cùng các Tỳ Kheo hỏi đáp, trong đại chúng có năm trăm Tỳ Kheo chẳng thọ các pháp tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa trần lìa cấu được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ Phổ Minh Bồ Tát bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Muốn học kinh Bảo Tích nầy, Bồ Tát nên trụ thế nào, nên học thế nào?".

Đức Phật dạy: "Bồ Tát học lời được nói trong kinh nầy đều không có tướng nhứt định, chẳng thủ lấy được cũng chẳng nên trước. Tùy theo đây thật hành có lợi ích lớn.

Nầy Phổ Minh! Ví như có người ngồi thuyền bằng đất chưa hầm chín để qua sông Hằng, họ dùng sức tinh tiến nào để ngồi thuyền ấy mà qua sông được?".

Phổ Minh Bồ Tát bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Người ấy phải dùng sức đại tinh tiến mới

qua sông được. Tại sao? Vì sợ giữa dòng thuyền rã".

Đức Phật dạy: "Nầy Phổ Minh! Cũng vậy, Bồ Tát muốn tu Phật pháp nên siêng tinh tiến còn hơn nữa. Tại sao? Vì thân nầy vô thường không quyết định, nó là tướng bại hoại chẳng dừng được lâu trọn về nơi dứt diệt, vì sợ chưa được pháp lợi mà giữa chừng hư hoại vậy.

Ta ở dòng nước lớn muốn độ chúng sanh dứt bốn dòng nước vậy, nên tu tập pháp thuyền rồi ngồi pháp thuyền ấy qua lại sanh tử độ thoát chúng sanh.

Thế nào là pháp thuyền được Bồ Tát tu tập?

Đó là tâm bình đẳng. Tất cả chúng sanh làm nhơn duyên của thuyền, tu tập vô lượng phước để làm dây chắc, giới thanh tịnh làm ván, bố thí và quả để làm trang nghiêm, tịnh tâm Phật đạo làm chất gỗ, tất cả phước đức để làm hoàn đủ, nhẫn nhục làm dây kiên cố mềm dài, chánh niệm làm định. Các Bồ đề phần kiên cường tinh tiến tối thượng diệu thiện sản xuất trong rừng pháp, bất khả tư nghị vô lượng thiền định phước đức nghiệp thành, thiện tịch điều tâm để làm thợ giỏi, cứu cánh bất hoại được đại bi nhiếp lấy, dùng Tứ nhiếp pháp rộng độ đến xa, dùng sức trí huệ phòng ngừa các oán tặc, sức thiện phương tiện

nhiều thứ tập họp, dùng bốn phạm hạnh lớn để trang nghiêm, dùng Tứ niệm xứ làm lầu vàng, dùng Tứ cần Tứ túc làm gió mạnh, Ngũ căn khéo quan sát rời lìa hiểm trở, Ngũ lực càng nhẹ nổi, Thất giác thường giác ngộ hay phá giặc ma, vào đường Bát chánh chơn tùy ý đến bờ rìa mé ngoại đạo, chỉ làm điều ngự, quán làm lợi ích, chẳng dính mắc hai bên, có pháp nhơn duyên để làm an ổn, Đại thừa rộng rãi biện tài vô tận tiếng tăm vang xa, hay tế độ thập phương tất cả chúng sanh mà tự xướng lên rằng: Đến đây lên pháp thuyền theo đường an ổn đến bờ Niết Bàn khỏi bến thân kiến mà đến bến Phật đạo rời tất cả kiến chấp.

Nầy Phổ Minh! Vì thế mà Bồ Tát phải tu tập pháp thuyền như vậy.

Dùng pháp thuyền ấy trải vô lượng trăm ngàn vạn a tăng kỳ kiếp ở trong sanh tử độ thoát tất cả chúng sanh trôi chìm trong dòng nước lớn.

Lại nầy Phổ Minh! Còn có pháp hành hay làm cho Bồ Tát mau được thành Phật. Đó là các việc được làm đều chơn thiệt chẳng hư, tu tập thiện pháp sâu dày, thâm tâm thanh tịnh, chẳng bỏ tinh tiến, ưa muốn gần sáng suốt để tu tập tất cả các thiện căn, thường chánh ức niệm vì thích pháp lành, đa văn không chán vì đủ trí huệ, phá

hoại kiêu mạn để tăng ích trí huệ, trừ diệt hý luận để đủ phước đức, thích an ở một mình vì thân tâm rời lìa, chẳng ở ồn náo vì xa kẻ ác, sâu cầu chánh pháp vì y đệ nhứt nghĩa, cầu đại trí huệ vì thông đạt thiệt tướng, cầu nơi chơn đế vì được bất hoại pháp, cầu nơi pháp không vì sở hành chơn chánh, cầu nơi viễn ly vì được tịch diệt vậy.

Nầy Phổ Minh! Đây là pháp hành hay làm cho Bồ Tát mau thành Phật đạo".

Đức Phật nói kinh nầy rồi, Phổ Minh Bồ Tát, Trưởng Lão Đại Ca Diếp, Trưởng Lão Tu Bồ Đề v.v... tất cả thế gian Trời, Người, A Tu La đều rất hoan hỷ đảnh đới phụng hành.

PHÁP HỘI PHỔ MINH BỒ TÁT
THỨ BỐN MƯƠI BA
HẾT.

XLIV

PHÁP HỘI

BỬU LƯƠNG TỤ

THỨ BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM

SA MÔN

THỨ NHẤT

Hán dịch: Bắc Lương, Sa Môn Thích Đạo Củng.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vậy tôi nghe, một lúc Đức Phật ở thành Vương Xá trong núi Kỳ Xà Quật cùng đại Tỳ Kheo tám ngàn người câu hội. Còn có sáu ngàn đại Bồ Tát đều bất thối chuyển nơi Vô thượng Bồ đề, đều là bực nhứt sanh bổ xứ từ các Phật thế giới mười phương đến đây tập hội.

Bấy giờ Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Gọi rằng Sa Môn ấy, thế nào là Sa Môn?".

Đức Phật dạy: "Nầy Đại Ca Diếp! Gọi là Sa Môn vì tịch diệt vậy, vì điều phục vậy, vì thọ giáo vậy, vì giới thân thanh tịnh vậy, vì nhập thiền định vậy, vì được trí huệ vậy, vì hiểu biết thiệt nghĩa được giải thoát vậy, vì nơi ba môn

giải thoát không chỗ nghi vậy, vì an trụ pháp sở hành của Thánh nhơn vậy, vì khéo tu Tứ niệm xứ vậy, vì lìa tất cả Pháp bất thiện vậy, vì an trụ Tứ chánh cần vậy, vì khéo tu Tứ như ý túc vậy, vì thành tựu Tín căn vậy, vì tin Phật Pháp Tăng vậy, vì thành tựu Kiên tín nơi Phật Pháp Tăng vậy, vì chẳng tin đạo pháp khác vậy, vì siêng tu lìa tất cả phiền não vậy, vì khéo tu Thất Bồ đề phần lìa tất cả bất thiện như thiệt tu tất cả thiện pháp vậy, vì khéo biết chánh niệm chánh trí phương tiện vậy, vì chuyên niệm tất cả các thiện pháp vậy, vì khéo biết định huệ phương tiện vậy, vì thành tựu ngũ lực vậy, vì chẳng bị tất cả phiền não nhiễu loạn vậy, vì khéo tu Thất Bồ đề phần vậy, vì khéo biết nhơn duyên phương tiện trong tất cả pháp vậy, vì khéo biết phương tiện Thánh đạo vậy, vì khéo biết phương tiện chánh kiến chánh định vậy, vì được sức tứ biện tài chẳng tin ngoại đạo vậy, vì y nghĩa chẳng y ngữ, y trí bất y thức, y kinh liễu nghĩa chẳng y kinh bất liễu nghĩa và y pháp bất y nhơn vậy, vì lìa tứ ma vậy, vì khéo biết ngũ ấm vậy, vì dứt tất cả phiền não vậy, vì được tối hậu thân vậy, vì lìa đường sanh tử vậy, vì lìa tất cả ái vậy, vì siêng tu biết khổ đoạn tập chứng diệt tu đạo vậy, vì khéo thấy Tứ thánh đế vậy, vì an trụ trong Phật pháp chẳng tin đạo khác vậy, vì chỗ làm đã xong vậy, vì dứt

tất cả lậu vậy, vì tu bát hội xả vậy, vì được Thích Phạm Thiên Vương khen vậy, vì từ nào đến giờ chuyên tâm hành đạo vậy, vì ưa chỗ a lan nhã vậy, vì an trụ trong thánh pháp vậy, vì vui nghi thức Phật pháp vậy, vì tâm chẳng khuynh động vậy, vì chẳng thân cận chúng xuất gia tại gia vậy, vì tâm thích độc hành như sừng con tây, vì sợ chúng đông nhiều não loạn vậy, vì thích ở một mình vậy, vì thường kinh sợ tam giới vậy, vì được quả Sa Môn thiệt vậy, vì lìa tất cả hy vọng vậy, vì lìa tám pháp thế gian vậy, đó là đối với lợi suy hủy dự xưng cơ khổ lạc tâm vững chắc bất động như đại địa vậy, vì hộ ý mình ý người không chỗ phạm vây, vì chẳng trược vậy, vì chánh hạnh vậy, vì tâm hành thành tựu như hư không vậy, với các hình tướng tâm không dính mắc như giữa hư không động tay không vướng ngại vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu người hay thành tựu các hành pháp như vậy thì gọi là Sa Môn".

Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Thiệt chưa từng có, đức Như Lai khéo nói đức hạnh của Sa Môn.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu đời sau có các Sa Môn chẳng phải thiệt Sa Môn mà tự nói là Sa Môn, người chẳng phải phạm hạnh mà tự nói có

phạm hạnh, người như vậy tức là đã xâm tổn Vô thượng Bồ đề được Như Lai tu tập từ vô lượng vô số kiếp".

Đức Phật dạy: "Nầy Đại Ca Diếp! Tội xâm tổn Bồ đề của Như Lai như vậy nói chẳng hết được.

Nầy Đại Ca Diếp! Sau khi ta diệt độ, ông và chư đại đệ tử cũng đều diệt độ, chư đại Bồ Tát ở thế giới nầy lại đi qua thế giới chư Phật phương khác, bấy giờ trong pháp của ta sẽ có hàng Tỳ Kheo ở nơi sở hành tâm nhiều siểm khúc. Nay ta sẽ nói tội cấu của Sa Môn.

Nầy Đại Ca Diếp! Trong thời kỳ mạt pháp sẽ có Tỳ Kheo chẳng tu thân chẳng tu giới chẳng tu tâm chẳng tu huệ, ngu si như trẻ nít hướng đến tối tăm mà không biết, tâm họ chẳng điều phục nên thành Sa Môn cấu uế.

Nầy Đại Ca Diếp! Cấu uế của Sa Môn có ba mươi hai thứ mà người xuất gia phải xa lìa:

Dục giác là Sa Môn cấu, sân giác là Sa Môn cấu, não giác là Sa Môn cấu, tự khen là Sa Môn cấu, chê người là Sa Môn cấu, tà cầu lợi dưỡng là Sa Môn cấu, nhơn lợi cầu lợi là Sa Môn cấu, tổn phước cúng thí của người là Sa Môn cấu, che giấu tội lỗi là Sa Môn cấu, thân cận người tại gia

là Sa Môn cấu, thân cận người xuất gia là Sa Môn cấu, ưa ở đông ồn náo là Sa Môn cấu, chưa được lợi dưỡng mà phương tiện cầu là Sa Môn cấu, có lòng hy vọng lợi dưỡng của người là Sa Môn cấu, với lợi dưỡng của mình lòng chẳng biết đủ là Sa Môn cấu, tật đố lợi dưỡng người là Sa Môn cấu, thường tìm lỗi người là Sa Môn cấu, chẳng thấy lỗi mình là Sa Môn cấu, chẳng kiên trì giới giải thoát là Sa Môn cấu, chẳng biết tàm quý là Sa Môn cấu, không có ý cung kính mà khinh mạn là Sa Môn cấu, khởi các kiết sử là Sa Môn cấu, nghịch mười hai nhơn duyên là Sa Môn cấu, nhiếp thủ biên kiến là Sa Môn cấu, chẳng tịch diệt chẳng ly dục là Sa Môn cấu, ưa sanh tử chẳng ưa Niết Bàn là Sa Môn cấu, ưa thích ngoại điển là Sa Môn cấu, ngũ cái che tâm khởi các phiền não là Sa Môn cấu, chẳng tin nghiệp báo là Sa Môn cấu, sợ ba môn giải thoát là Sa Môn cấu, chê pháp thâm diệu và chẳng hành tịch diệt là Sa Môn cấu, ở trong Tam Bảo lòng chẳng tôn kính là Sa Môn cấu. Đây gọi là Sa Môn ba mươi hai cấu, nếu có thể rời lìa các cấu nầy thì gọi là Sa Môn vậy".

Nầy Đại Ca Diếp! Còn có tám pháp che Sa Môn hạnh:

Chẳng kính thuận Sư Trưởng, chẳng tôn kính pháp, chẳng khéo tư duy, với pháp chưa nghe khi được nghe thì phỉ báng, nghe pháp không có ngã nhơn chúng sanh thọ mạng thì sợ, nghe tất cả hành pháp bổn lai vô sanh rồi mà hiểu pháp hữu vi chẳng hiểu pháp vô vi, nghe nói pháp thứ đệ rồi sa vào chỗ chấp không, nghe tất cả pháp vô sanh vô tánh vô xuất rồi tâm mê một. Đây gọi là tám pháp che Sa Môn hạnh nên xa lìa.

Nầy Đại Ca Diếp! Ta chẳng nói cạo đầu, đắp y gọi là Sa Môn, mà ta nói người có công đức và nghi thức đầy đủ gọi là Sa Môn.

Nầy Đại Ca Diếp! Thầy Sa Môn thân mặc ca sa tâm phải lìa tham sân si. Tại sao? Vì tâm không tham sân si ta mới cho phép mặc ca sa.

Nếu tâm có tham sân si mà thân mặc ca sa, trừ người chuyên tâm trì giới, còn những kẻ chẳng trì giới thì gọi là thiêu diệt ca sa. Tại sao? Vì biểu thức của Thánh nhơn là người tùy thuận tịch diệt hành lòng từ bi ly dục tịch diệt mới nên mặc vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Nay ông lắng nghe ta nói biểu thức của Thánh nhơn có mười hai điều:

Trì giới là biểu thức của Thánh nhơn, thiền định là biểu thức của Thánh nhơn, trí huệ là biểu thức của Thánh nhơn, giải thoát là biểu thức của Thánh nhơn, giải thoát tri kiến là biểu thức của Thánh nhơn, nhập tứ thánh đế là biểu thức của Thánh nhơn, hiểu mười hai nhơn duyên là biểu thức của Thánh nhơn, hành tứ vô lượng tâm là biểu thức của Thánh nhơn, hành tứ thiền là biểu thức của Thánh nhơn, hành tứ vô sắc định là biểu thức của Thánh nhơn, nhập tứ hướng chánh định là biểu thức của Thánh nhơn, dứt tất cả lậu là biểu thức của Thánh nhơn. Đây gọi là mười hai biểu thức của Thánh nhơn. Nếu có Tỳ Kheo chẳng đủ mười hai điều nầy mà thân họ mặc ca sa thì ta gọi họ là tà pháp hành chẳng phải tịch diệt hành, là ly Phật pháp hành chẳng gần Niết Bàn thuận theo sanh tử, bị ma bắt chẳng khỏi sanh tử, thối thất chánh pháp mà hành tà pháp.

Vì thế nên, nầy Đại Ca Diếp! Thầy Tỳ Kheo thân mặc ca sa nếu chưa được quả Sa Môn thì nên dùng tám pháp kính trọng ca sa, đó là đối với ca sa trên thân tưởng như tháp, tưởng như Phật, tưởng tịch diệt, tưởng từ bi, kính như Phật, tưởng tàm, tưởng quý, tưởng nó khiến tôi đời sau lìa tham sân si đủ pháp Sa Môn. Đây là tám pháp kính trọng ca sa.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có Tỳ Kheo chẳng hành tri túc đối với tứ thánh chủng thì là lìa pháp Sa Môn, họ cũng chẳng dùng tám pháp kính trọng ca sa, mà họ riêng có trong số tợ Sa Môn phải đọa tiểu địa ngục. Trong tiểu địa ngục ấy, người tợ Sa Môn thọ tội nóng đốt: Y bát trên thân đều cháy đỏ, chỗ ngồi nằm những vật dùng đều cháy đỏ như đống lửa lớn. Vì họ thành tựu thân khẩu ý nghiệp bất tịnh nên họ phải đọa chỗ thọ tội ấy.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu người chẳng phải Sa Môn mà tự xưng Sa Môn, người chẳng phải phạm hạnh mà tự nói có phạm hạnh, nếu có người trì giới công đức đầy đủ hữu nhiễu cung kính tôn trọng. Tỳ Kheo phá giới nầy thọ sự cúng dường cung kính ấy mà chẳng tự biết xấu, do căn bất thiện nầy mắc tám tội khinh: Đó là ngu si, miệng câm ngọng, thân lùn xấu, dung mạo xấu xí, mặt nghiêng méo người thấy chê cười, thọ thân nữ nhơn nghèo hèn, thân gầy yếu yểu thọ, người chẳng kính mến thường mang tiếng xấu và chẳng gặp đời có Phật.

Phá giới Tỳ Kheo nghe pháp nầy rồi chẳng nên thọ Tỳ Kheo trì giới lễ bái cúng dường.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có người chẳng phải Sa Môn mà tự xưng Sa Môn chẳng phải phạm

hạnh mà tự nói có phạm hạnh, người ấy ở khắp đại địa nầy còn không có chỗ để họ nhổ nước miếng nước mũi huống là chỗ để họ bước đi co duỗi lui tới. Tại sao? Vì quá khứ Đại Vương đã đem đại địa nầy bố thí cho người trì giới có hạnh đức khiến ở trong ấy hành đạo.

Nầy Đại Ca Diếp! Chỗ mà Tỳ Kheo phá giới để bàn chân đến thì tất cả tín thí chẳng đến người ấy, huống là tăng phường và tăng xá thường trụ chỗ kinh hành. Người ấy chẳng nên thọ tất cả tín thí phòng nhà giường ghế vườn rừng y bát ngọa cụ y dược.

Nầy Đại Ca Diếp! Nay ta sẽ nói người phá giới ấy chẳng thể báo đáp chừng đầu lông cho tín thí. Tại sao? Vì Thánh chúng phước điền như biển cả tối diệu tối thắng, trong đây nếu có thí chủ do tịnh tâm bố thí, đem hột giống bố thí gieo trong phước điền, thí chủ nầy khởi ý tưởng bố thí vô lượng. Ví như chia một sợi lông làm trăm phần, nếu phá giới Tỳ Kheo thọ của thí chủ chừng một phần lông liền tổn mất phần phước báu đại hải của thí chủ, chẳng thể báo đáp hết được.

Vì lẽ ấy nên các Tỳ Kheo phải thanh tịnh tâm mình mà thọ tín thí của người. Phải học như vậy".

Bấy giờ trong đại chúng có hai trăm Tỳ Kheo có tịnh hạnh thiểu dục ly khổ nghe lời trên đây rồi lau lệ bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi thà chết chớ chẳng muốn do chẳng được quả Sa Môn mà thọ của tín thí dầu chỉ là một bữa ăn".

Đức Phật dạy: "Lành thay lành thay, nầy các thiện nam tử! Các ông tàm quý lo sợ như vậy, với đời sau dụ như kim cương, còn hiện đời là anh lạc.

Nay ta sẽ nói trong đời có hai hạng người đáng thọ của tín thí: Một là người siêng tu tinh tiến và hai là người được giải thoát.

Nếu có Tỳ Kheo, người được giải thoát, người tu pháp lành như ta đã nói, người giữ giới vững chắc, người quán tất cả hành vô thường khổ tất cả pháp vô ngã, người quán Niết Bàn tịch diệt nguyện cầu muốn được. Các Tỳ Kheo nầy thọ của tín thí khối lượng như núi Tu Di cũng quyết có thể báo được phước tín thí. Tỳ Kheo nầy thọ của tín thí khiến thí chủ ấy được lợi ích lớn được quả báo lớn.

Tại sao vậy? Vì thường sanh phước đức vậy.

Có ba thứ phước: Một là thường thí thực phẩm, hai là thí Tăng phường xá và ba là hành

từ tâm. Trong ba phước, đây hành từ tâm là hơn hết.

Nếu có Tỳ Kheo thọ thí nơi thí chủ những thứ uống ăn y phục ngọa cụ thuốc men, thọ rồi nếu nhập vô lượng định thì khiến thí chủ ấy được vô lượng phước vô lượng báu.

Ví như tất cả đại hải trong tam thiên Đại Thiên thế giới có thể cạn khô, nhưng phước báu của thí chủ ấy vẫn chẳng hết được.

Trái lại nên biết phá giới Tỳ Kheo làm tổn mất bao nhiêu phước đức ấy của thí chủ. Nếu thọ thí chủ cúng thí rồi mà hành ác pháp thì tổn tín thí ấy.

Nầy Đại Ca Diếp! Như vậy, ta nói Sa Môn cấu, Sa Môn tội, Sa Môn siểm khúc, kẻ giặc trong hàng Sa Môn.

Trì giới Tỳ Kheo phải nên chuyên nhớ xa lìa tất cả ác pháp như vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Gọi là Sa Môn có nghĩa là người mắt chẳng duyên theo sắc, tai chẳng duyên theo thanh, mũi chẳng duyên theo hương, lưỡi chẳng duyên theo vị, thân chẳng duyên theo xúc và ý chẳng duyên theo pháp.

Sa Môn là người tuyển trạch lục nhập, liễu đạt lục thông, chuyên niệm lục niệm, an trụ lục kính pháp và hành lục trọng pháp.

Người như vậy mới gọi là chơn Sa Môn vậy".

XLIV
PHÁP HỘI
BỬU LƯƠNG TỤ
THỨ BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM
TỲ KHEO
THỨ HAI

Hán dịch: Bắc Lương, Sa Môn Thích Đạo Củng.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Bấy giờ đức Phật bảo Trưởng Lão Đại Ca Diếp: "Được gọi là Tỳ Kheo vì là người hay phá phiền não, vì hay phá ngã tưởng, nhơn tưởng, chúng sanh tưởng, nam tưởng, nữ tưởng nên gọi là Tỳ Kheo vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Vì có tu giới tu huệ nên gọi là Tỳ Kheo vậy.

Lại vì lìa khủng úy, vì qua khỏi tam hữu tứ lưu vậy, vì thấy lỗi họa của hữu và lưu vậy, vì lìa tất cả hữu và lưu vậy, vì ở an nơi đạo vô úy vậy, đây gọi là Tỳ Kheo.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có Tỳ Kheo tự biết chẳng thành tựu các pháp như vậy và các thiện pháp khác lại lìa bỏ pháp ấy mà hành đạo khác,

thì chẳng phải là đệ tử Phật, ta chẳng phải là thầy của họ.

Nầy Đại Ca Diếp! Có nhiều ác Tỳ Kheo phá hoại Phật pháp của ta chớ chẳng phải chín mươi lăm phái ngoại đạo phá hoại Phật pháp được.

Ví như sư tử là chúa muông thú, khi nó chết tất cả hổ lang điểu thú không thể ăn thịt nó được. Trong thây sư tử tự sanh các thứ trùng tự ăn thịt nó.

Cũng vậy, trong Phật pháp ta sản xuất các ác Tỳ Kheo như vậy, họ tham lợi dưỡng, vì lòng tham nên chẳng dứt ác pháp chẳng tu thiện pháp chẳng lìa vọng ngữ. Các Tỳ Kheo nầy có thể làm hư hoại Phật pháp ta.

Nầy Đại Ca Diếp! Có bốn pháp thành tựu nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là tham, sân, si và ngã mạn vậy.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo đó là ngạo mạn tự cao, vô tàm, vô úy và chẳng gìn lỗi nơi miệng.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là tự điệu động, khinh khi người, tham cầu lợi dưỡng và làm nhiều điều phi pháp.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là có nhiều gian ngụy, huyễn hoặc người, làm nhiều tà mạng và nói nhiều ác ngôn.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là hiện thọ ơn người chẳng biết báo đáp, làm ơn nhỏ mong báo lớn, trước đã thọ ơn người mà chẳng ghi nhớ và xâm tổn thân hữu.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là thọ của tín thí làm tổn thất phước báo của người, chẳng khéo giữ giới, khinh giới đã thọ, chẳng trì luật vững chắc.

Còn có bốn pháp thành tựu nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là luận có ngã, luận có nhơn, luận có chúng sanh và luận có thọ mạng.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là chẳng kính Phật, chẳng kính Pháp, chẳng kính Tăng và chẳng kính Giới.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là nếu Tăng hòa hiệp thì lòng chẳng vui, chẳng ưa ở một mình, ưa ở trong chúng và khi nói chuyện thường luận thế tục.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là cầu lợi, cầu danh, cầu nhiều tri thức và chẳng an trụ Thánh chủng.

Còn có bốn pháp nên biết là Ác Tỳ Kheo: Đó là hệ thuộc nơi ma, bị ma làm hại, ngủ nghỉ nhiều và làm lành chẳng mừng.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là hủ bại trong Phật pháp, tâm nhiều siểm khúc, bị phiền não hại và lìa Sa Môn quả.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là bị dâm dục thiêu đốt, bị sân khuể thiêu đốt, bị ngu si thiêu đốt và bị tất cả phiền não thiêu đốt.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là đi nhiều vào xóm dâm chẳng biết tội lỗi, chẳng biết tri túc dầu học vấn nhiều, chẳng biết tri túc nơi vật cần dùng và thường có lòng bỏn xẻn chẳng hay bố thí.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là từ tối vào nơi tối, từ si vào nơi si, chẳng thấy thánh đế lòng nhiều nghi hoặc và bị sanh tử cột trói đóng cửa Niết Bàn.

Còn có bốn pháp nên biết là ác Tỳ Kheo: Đó là thân nhiều gian hành, khẩu nhiều gian hành, ý nhiều gian hành và nghi thức nhiều gian hành.

Những gì là thân gian hành? An tường mà đi là thân gian hành. Chẳng ngó hai bên là thân gian hành. Nếu ngó hai bên chẳng quá một tầm là thân gian hành. Tà mạng mặc y là thân gian

hành. Siểm khúc đi nơi không nhàn mà chẳng cầu pháp hành không nhàn, siểm khúc khất thực mà chẳng quán tướng khất thực, siểm khúc mặc y phấn tảo mà chẳng biết là vì tàm quý, siểm khúc đi nơi núi rừng dưới cây mà chẳng biết phân biệt thập nhị duyên hành, siểm khúc uống thuốc cũ bỏ mà chẳng cầu pháp dược cam lộ đây gọi là thân nhiều gian hành.

Những gì gọi là khẩu nhiều gian hành? Như nói rằng: Họ biết tôi, họ thỉnh tôi, như sở cầu tôi đã được, tôi chẳng cầu lợi dưỡng mà họ đưa đến cho tôi, đồ cúng dường tế diệu tôi đều được, nhiều lợi dưỡng tôi đều được, tôi thường hành thiện pháp đáng thọ cúng dường, tôi vấn đáp giỏi, tôi hay thuận hay nghịch pháp tướng, với tất cả pháp tôi hiểu nghĩa và phi nghĩa, nếu họ hỏi tôi như vậy tôi có thể đáp như vậy, tôi đáp rồi chế phục họ khiến họ nín lặng, tôi nói như vậy rồi có thể khiến đại chúng vui đẹp cũng khiến mọi người khen thiện tai khiến đại chúng ấy thỉnh tôi cúng dường, cúng dường rồi còn khiến thí chủ thỉnh tôi nhiều lần.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu người chẳng điều phục khẩu mà có nói ra điều gì, tất cả lời nói đều chẳng phải chánh ngôn, là khẩu nhiều gian hành.

Những gì là ý nhiều gian hành? Lòng luôn nghĩ tưởng tham cầu lợi dưỡng y bát ẩm thực ngọa cụ y dược mà miệng nói tôi chẳng cần tất cả lợi dưỡng, lòng thì cầu nhiều mà dối nói tri túc, đây gọi là ý nhiều gian hành".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Lòng cầu lợi dưỡng
Miệng nói tri túc
Tà mạng cầu lợi
Thường không vui sướng
Lòng họ nhiều gian
Khi dối mọi người
Tâm mà như vậy
Đều chẳng thanh tịnh
Chư Thiên Long Thần
Người có thiên nhãn
Chư Phật Bồ Tát
Đều thấy biết rõ.

Nầy Đại Ca Diếp! Ác Tỳ Kheo như vậy rời lìa thiện pháp nghi thức mà làm hạnh tà mạng phải đọa ba ác đạo.

XLIV

PHÁP HỘI

BỬU LƯƠNG TỤ

THỨ BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM

CHIÊN ĐÀ LA SA MÔN

THỨ BA

Hán dịch: Bắc Lương, Sa Môn Thích Đạo Củng.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Đức Phật bảo Trưởng Lão Đại Ca Diếp: "Thế nào là chiên đà la Sa Môn?

Nầy Đại Ca Diếp! Ví như người chiên đà la không có tâm từ bi nhìn các chúng sanh, họ thường ở trong gò mả tìm tử thi, họ được thấy tử thi thì lòng họ rất vui mừng. Cũng vậy Sa Môn chiên đà la thường không có từ tâm, họ đến nhà thí chủ hành tâm bất thiện cầu các lợi dưỡng, cầu được rồi sanh lòng quí trọng, thọ lợi dưỡng nơi nhà thí chủ rồi họ chẳng dạy thí chủ về Phật pháp giới luật, họ vì lợi dưỡng mà thân cận tại gia chớ chẳng vì Phật pháp, họ cũng không có từ tâm thường cầu lợi dưỡng. Đây gọi là Sa Môn chiên đà la.

Ví như chiên đà la bị mọi người bỏ rời, những hàng quốc vương đại thần trưởng giả sát lợi Bà La Môn các thứ dân cho đến kẻ hạ tiện đều xa rời họ chẳng muốn cùng làm tri thức với họ. Cũng vậy, Sa Môn chiên đà la bị tất cả người trì giới có đức đáng kính Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, chư Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà xa rời, vì biết họ phá giới làm ác vậy. Đây gọi là Sa Môn chiên đà la.

Ví như chiên đà la có những đồ vật dụng như y phục ẩm thực đều chẳng phải là vật mà người tốt ưa thích cũng chẳng thọ dùng. Cũng vậy, Sa Môn chiên đà la nếu có y bát vật dụng đều là do phá giới phi pháp thân khẩu ý nghiệp siểm khúc mà được, các vật dụng ấy chẳng được Sa Môn Bà La Môn trì giới ưa thích cũng chẳng thọ dùng, thường sanh lòng thương xót đối với kẻ ấy. Đây gọi là Sa Môn chiên đà la.

Ví như chiên đà la lòng thẹn thùng cầm chén bát xin ăn nơi người. Cũng vậy, Sa Môn chiên đà la lòng luôn thẹn thùng khi vào nhà người hoặc đến trong chúng, họ cũng thẹn thùng khi đến chỗ Phật, họ thẹn thùng lễ tháp Như Lai, đến lui cúi ngửa đi đứng ngồi nằm họ đều thẹn thùng, vì họ che đậy ác pháp vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Nay ta nói chỗ đến của người chiên đà la chẳng đến chỗ lành, vì họ tự hành ác pháp vậy. Cũng thế, Sa Môn chiên đà la chỗ đi đến cũng chẳng đến thiện đạo vì họ làm nhiều nghiệp ác không ngăn pháp ác đạo vậy. Đây gọi là Sa Môn chiên đà la.

Nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là Sa Môn bại hoại?

Ví như rượu tốt được cất lấy hết khí vị thơm ngon, còn lại cặn bã bị người chê bỏ. Cũng vậy Sa Môn bại hoại rời lìa pháp vị lấy cặn phiền não, họ bỏ hương trì giới mà ngửi mùi hôi phiền não, họ đến chỗ nào đều chẳng thể tự lợi cũng chẳng lợi cho người. Đây gọi là Sa Môn bại hoại.

Ví như thực phẩm được ăn biến thành phẩn uế hôi thúi bất tịnh bị người chán lìa. Cũng vậy, Sa Môn bại hoại thân khẩu ý nghiệp chẳng thanh tịnh nhơ uế cũng như vậy.

Ví như hột giống hư gieo vào đất trọn chẳng mọc mầm kết trái. Cũng vậy, Sa Môn bại hoại dầu ở trong Phật pháp mà chẳng sanh thiện căn chẳng được quả Sa Môn.

Nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là trấp Sa Môn?

Ví như cái trấp sơn vẽ do thợ khéo làm thành, trong ấy đựng các thứ bất tịnh hôi thúi.

Cũng vậy, trấp Sa Môn ngoài hiện thành tựu tợ hạnh Sa Môn mà nội tâm nhiều thứ cấu uế hành những nghiệp ác.

Nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là Sa Môn câu lan trà?

Ví như hoa câu lan trà màu sắc sáng đẹp cứng như gỗ đá có mùi hôi thúi như trét phẩn. Người có trí nếu thấy hoa nầy thì chẳng gần chẳng chạm đến mà tránh đi xa, kẻ ngu chẳng biết lợi hại, họ thấy hoa ấy liền đến gần để ngửi. Cũng vậy, Sa Môn câu lan trà hiện tợ hạnh Sa Môn mà có thô bạo ngạo mạn tự cao ác bất tịnh, họ lại phá giới phá chánh kiến. Người trí chẳng thân cận lễ kính họ, vì họ là ác nhơn nên người trí lánh xa. Có kẻ ngu si như trẻ nít thân cận lễ kính họ tin lời họ nói. Đây gọi là Sa Môn câu lan trà.

Nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là Sa Môn cầu lợi?

Ví như có người siểm khúc tâm thường bỏn xẻn bị tham che lấp, nếu thấy tài vật người thì hy vọng muốn được, chứa dao bén gậy cứng, không lòng hổ thẹn không lòng thương xót thường có lòng tổn hại, lúc đi trong núi chầm tụ lạc có tâm nguyện đối với tài vật người mong cầu muốn được, thường ẩn núp chẳng cho người thấy. Cũng vậy, Sa Môn cầu lợi lòng thường bỏn

xẻn bị tham che lấp, nơi lợi dưỡng đã được lòng không biết đủ, nơi tài vật người hy vọng muốn được, khi đến thành ấp tụ lạc thì vì lợi dưỡng chẳng vì thiện pháp, che giấu tội ác, cho rằng các Tỳ Kheo tốt biết tôi phá giới, đã biết tất lúc thuyết giới hoặc có thể đuổi tôi ra. Người nầy ở nơi Tỳ Kheo tốt chỉ sanh lòng e sợ, thường dua nịnh hiện làm nghi thức. Chư Thiên Long Quỉ Thần có thiên nhãn thấy biết Tỳ Kheo nầy đến là tặc đến, đi là tặc đi, ngồi là tặc ngồi, nằm là tặc nằm, dậy là tặc dậy, lấy y là tặc y, mặc y là tặc mặc y, vào tụ lạc là tặc vào tụ lạc, xuất tụ lạc là tặc xuất, ăn là tặc ăn, uống là tặc uống, cạo tóc là tặc cạo tóc. Người ngu si ấy đến đi cử động đều bị chư Thiên Long Quỉ Thần thấy biết liền quở mắng kẻ ác nầy chính là kẻ làm hoại diệt pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni. Sa Môn cầu lợi nầy xuất gia trong Phật pháp chẳng sanh được một niệm tịch diệt ly dục huống là được quả Sa Môn. Đây gọi là Sa Môn cầu lợi.

Nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là Sa Môn cỏ dại?

Ví như trong ruộng lúa mọc cỏ dại giống cây lúa khó phân biệt được, nông phu cho là lúa tốt, đến khi trổ bông mới biết chẳng phải là lúa. Cũng vậy, Sa Môn cỏ dại ở trong đại chúng giống như người trì giới có đức hạnh, thí chủ

thấy cho là Sa Môn, mà kẻ si nầy chẳng phải Sa Môn tự nói là Sa Môn, chẳng phải phạm hạnh tự xưng phạm hạnh, từ trước đã bại hoại rời trì giới cũng chẳng vào số Tăng chúng, trong Phật pháp không có trí huệ mạng sẽ đọa ác đạo như cỏ dại ở trong ruộng lúa. Bấy giờ chư Thiên Long Thần có thiên nhãn thấy kẻ si ấy đọa địa ngục họ bảo nhau rằng: Đây là người ngu si trước kia tợ Sa Môn mà hành pháp bất thiện nay sẽ đọa trong đại địa ngục, từ nay về sau trọn không có được đức hạnh Sa Môn và quả Sa Môn như cỏ dại ở trong ruộng lúa. Đây gọi là Sa Môn cỏ dại.

Nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là bồ sanh Sa Môn?

Ví như cỏ lác mọc trong ruộng lúa, vì nó chẳng chín nên gọi là bồ sanh, vì nó không có hột bị gió thổi bay nó không có sức cứng nặng, tợ lúa mà chẳng phải lúa. Cũng vậy, bồ sanh Sa Môn thân hình tợ Sa Môn mà không người dạy bảo không có đức lực bị ma phong thổi bay, họ cũng không sức huyết khí trì giới, lìa đa văn tổn thất định lực, cũng xa trí huệ chẳng thể phá hoại giặc phiền não, người như vậy yếu kém không có sức lực bị hệ thuộc nơi ma bị ma nó câu chìm trong

tất cả phiền não, bị ma phong thổi bay như bồ sanh trong ruộng lúa.

Nầy Đại Ca Diếp! Hột cỏ lác không dùng làm giống lúa được, không mọc mầm lúa được. Cũng vậy, ở trong Phật pháp bồ sanh Sa Môn không có chủng tử đạo, trong pháp hiền thánh không được giải thoát. Bồ sanh Sa Môn là Tỳ Kheo phá giới làm ác. Đây gọi là bồ sanh Sa Môn.

Lại nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là hình tợ Sa Môn?

Ví như có thợ khéo dùng vàng mạ lên đồng màu sắc tợ vàng mà giá trị chẳng đồng với vàng, lúc chà mài mới biết chẳng phải vàng.

Cũng vậy, người hình tợ Sa Môn ưa tự nghiêm sức thường tắm rửa đắp y tề chỉnh, nghi thức Sa Môn tất cả đều đủ, đến đi cúi ngước thường đúng nghi thức, nhưng người nầy thường bị tham sân si làm hại, cũng bị lợi dưỡng cung kính tán thán làm hại, cũng bị ngã mạn tăng thượng mạn tất cả phiền não làm hại, dầu được người quý trọng mà y không trọng pháp, thường siêng trang nghiêm thân mà chỉ cầu ẩm thực chẳng cầu Thánh pháp, chẳng lo sợ đời sau, thấy sự tôn trọng hiện tại chẳng phải tương lai tôn trọng, chỉ lo mập béo thêm dựa nơi lợi

dưỡng chẳng phải dựa nơi pháp, nhiều thứ hệ phược, siêng tạo gia nghiệp thuận lòng người tại gia cũng tùy theo sở thọ của họ, lúc khổ thọ khổ lúc vui thọ vui, bị ghét thương làm hại, nơi pháp Sa Môn họ không có lòng muốn thực hành rời các nghi thức, tất sẽ đọa địa ngục ngạ quỷ súc sanh. Người nầy không có thiệt nghĩa Sa Môn, không có thiệt danh Sa Môn, chẳng đồng với Sa Môn. Đây gọi là hình tợ Sa Môn.

Nầy Đại Ca Diếp! Thế nào là mất huyết khí Sa Môn?

Ví như có nam tử hay nữ nhơn, hoặc đồng nam hay đồng nữ bị phi nhơn ăn mất huyết khí. Người nầy gầy yếu xanh xao vì bị mất huyết khí, các thứ thuốc men chú thuật và dao gậy chẳng chữa trị được, tất phải chết. Cũng vậy, Sa Môn không có huyết khí giới định huệ giải thoát giải thoát tri kiến và huyết khí từ bi hỷ xả, cũng không có huyết khí bố thí điều phục hộ thân khẩu ý nghiệp, cũng không có huyết khí an trụ tứ thánh chủng, không có huyết khí nghi thức Sa Môn, không có huyết khí tịnh thanh thân khẩu ý. Đây gọi là Sa Môn mất huyết khí. Sa Môn mất huyết khí nầy dầu thọ pháp dược Như Lai mà chẳng dùng pháp dược để tự độ: Như là nếu khởi dâm dục phải quán bất tịnh, nếu sanh sân

hận phải hành từ tâm, nếu khởi ngu si nên quán thập nhị nhân duyên, với các phiền não nên chánh tư duy, rời lìa lòng ưa thích chúng đông, xả bỏ sở hữu, ba sự xuất gia phải nên mến gìn: một là trì giới thanh tịnh, hai là điều phục tâm mình và ba là nhập định chẳng loạn. Các pháp dược như vậy được Như Lai tuyên nói, được Như Lai cho phép uống. Người nầy dầu thọ pháp dược ấy mà chẳng dùng tự độ. Lại còn những pháp xuất thế, như là không quán, vô tướng quán, vô tác quán, tỏ ấm giới nhập, biết bốn thánh đế và mười hai nhơn duyên. Các pháp dược như vậy cũng chẳng được người ấy dùng tự độ. Sa Môn nầy hôi thúi bất tịnh vì phá giới vì bạc đức vậy, sẽ sanh chỗ tột thấp vì kiêu mạn vậy. Nơi thân ấy chết tất chẳng sanh nơi nào khác mà quyết sẽ đọa đại địa ngục, như người mất huyết khí quyết rồi sẽ chết. Đây gọi là Sa Môn mất huyết khí".

Lúc đức Phật tuyên nói như vậy rồi, có năm trăm Tỳ Kheo xả giới hoàn tục. Các Tỳ Kheo khác quở rằng: Ở trong Phật pháp nếu chư Đại Đức bỏ mà hoàn tục là phi thiện là phi pháp.

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo: "Các ông chớ nói như vậy. Tại sao? Vì làm như vậy gọi là thuận pháp. Nếu Tỳ Kheo chẳng muốn thọ của

tín thí mà thối lui hoàn tục thì gọi là thuận pháp. Các Tỳ Kheo kia vì tâm tín giải nhiều nên sanh lòng hối lỗi. Họ nghe lời dạy trên kia rồi tự suy nghĩ chúng ta hoặc có thể hành bất tịnh hạnh mà thọ của tín thí, chúng ta phải sanh lòng hối lỗi thối lui mà hoàn tục.

Nầy Đại Ca Diếp! Nay ta nói chư Tỳ Kheo thối lui hoàn tục ấy sau khi mạng chung sanh Trời Đâu Suất chỗ của Di Lặc Bồ Tát. Thời kỳ Di Lặc Như Lai xuất thế, chư Tỳ Kheo ấy sẽ ở trong pháp hội đầu tiên".

XLIV

PHÁP HỘI

BỬU LƯƠNG TỤ

THỨ BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM

DOANH SỰ TỲ KHEO

THỨ TƯ

Hán dịch: Bắc Lương, Sa Môn Thích Đạo Củng.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Bấy giờ Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Tỳ Kheo hay quản lý sự việc trong Tăng chúng?".

Đức Phật dạy: "Nầy Đại Ca Diếp! Ta cho phép hai hạng Tỳ Kheo có thể quản lý chúng sự: Một là người hay trì giới thanh tịnh, hai là người sợ nơi đời sau, ví như kim cương.

Còn có hai hạng: Một là biết các nghiệp báo, hai là có lòng tàm quý và lòng hối lỗi.

Còn có hai hạng: Một là A La Hán, hai là có thể tu tập được Bát bội xả.

Nầy Đại Ca Diếp! Đó là hai hạng Tỳ Kheo được ta cho quản lý chúng sự tự mình không

lầm lỗi. Tại sao? Vì hộ ý của người là việc khó vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Trong Phật pháp có nhiều hạng xuất gia, nhiều thứ tánh, nhiều thứ tâm, nhiều thứ giải thoát, nhiều thứ đoạn kiết sử, hoặc có người A lan nhã, hoặc có người khất thực, hoặc có người thích ở núi rừng, hoặc có người thích ở gần tụ lạc thanh tịnh trì giới, hoặc có người hay lìa tứ ách, hoặc có người siêng tu đa văn, hoặc có người biện nói các pháp, hoặc có người hay trì giới luật, hoặc có người hay trì Tỳ ni nghi thức, hoặc có người du hành các tụ lạc vì người nói pháp. Có bao nhiêu Tỳ Kheo Tăng như vậy, Tỳ Kheo quản lý khéo biết và làm vừa ý mọi người.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu với Tỳ Kheo a lan nhã ưa chỗ không nhàn, thì Tỳ Kheo quản sự chẳng nên sai khiến làm tất cả công việc, nếu là lúc họ phải làm việc trong Tăng chúng thì Tỳ Kheo quản sự nên làm thế, nếu tự mình không làm thì thuê người khác làm thay chẳng nên để họ làm, nếu chẳng phải là giờ hành đạo thì có thể sai làm chút ít.

Nếu với Tỳ Kheo khất thực, thì Tỳ Kheo quản sự nên cho họ đồ ăn ngon.

Nếu với Tỳ Kheo lìa tứ ách, thì Tỳ Kheo quản sự phải cung cấp các thứ cần dùng như y phục ẩm thực ngọa cụ và y dược, chỗ họ ở không được nói to gọi lớn vì muốn phòng hộ ý niệm của họ. Đối với Tỳ Kheo ly ách thì Tỳ Kheo quản sự phải tôn kính tưởng như đức Thế Tôn và nghĩ rằng: Tỳ Kheo nầy có thể làm pháp trụ trong Phật pháp, tôi phải cung cấp các đồ cần dùng cho Ngài.

Nếu có Tỳ Kheo siêng tu đa văn, thì Tỳ Kheo quản sự phải khuyến khích họ rằng: Đại Đức siêng tu đa văn đọc tụng cho thông thuộc, tôi sẽ vì Đại Đức mà lo cung cấp phục dịch. Nếu chư Đại Đức mà siêng tu đa văn như vậy thì tức là anh lạc tốt trong Tăng chúng có thể lên tòa cao rộng thuyết chánh pháp cũng tự mình sanh trí huệ. Với các Tỳ Kheo tu đa văn nầy, Tỳ kheo quản sự chẳng nên sai làm việc phi thời phải ủng hộ cho họ tu đa văn.

Nếu có Tỳ Kheo giỏi thuyết pháp, thì Tỳ Kheo quản sự nên cung cấp mọi sự, nên dắt Tỳ Kheo ấy đến tụ lạc thành ấp khuyến dụ mọi người đến để nghe thuyết pháp, chỗ thuyết pháp cũng phải cung cấp đồ cần thiết, vì người thuyết pháp mà đặt tòa cao tốt. Nếu có Tỳ Kheo khác dùng cường lực muốn phá hoại người thuyết

pháp thì Tỳ Kheo quản sự nên đến hòa giải và cũng nên thường đến chỗ người thuyết pháp khen thiện tai.

Nếu có Tỳ Kheo khéo trì giới khéo hiểu nghĩa luật thì Tỳ Kheo quản sự phải thường đến hỏi: Tôi lo công việc thế nào để khỏi phạm tội chẳng tổn mình cũng chẳng hại người? Tỳ Kheo trì luật nên quan sát tâm của Tỳ Kheo quản sự mà chỉ dẫn việc ấy nên làm, việc ấy chẳng nên làm. Tỳ Kheo quản sự đối với Tỳ Kheo trì luật phải hết lòng kính tin cúng dường.

Nếu chúng Tăng có tài vật dùng chia, thì Tỳ Kheo quản sự phải tùy thời cung cấp cho Tăng chẳng nên cất giấu, tùy lúc Tăng cần dùng nên chia cho Tăng. Phải cho đúng lúc, chẳng vì ác tâm cho, chẳng vì phi pháp cho, chẳng vì tham vì sân vì si mà cho, chẳng vì sợ mà cho, theo pháp hành của Tăng chẳng theo pháp tục gia, tùy Tăng chế chẳng tùy tự chế, nơi tài vật của Tăng chẳng có ý tưởng tự do cho đến việc nhỏ cũng cùng Tăng phân đoán, chẳng riêng tự đoán. Nếu là vật dụng hoặc vật thường trụ Tăng, vật của Phật, vật tứ phương Tăng, Tỳ Kheo quản sự phải biết rõ, vật của thường trụ Tăng chẳng nên cho tứ phương Tăng, vật của tứ phương Tăng chẳng nên làm vật thường trụ Tăng, vật thường

trụ vật tứ phương chẳng nên lộn lạo, cũng chẳng lộn với vật của Phật. Nếu vật thường trụ Tăng nhiều mà tứ phương Tăng cần dùng thì Tỳ Kheo quản sự nên họp Tăng yết ma. Nếu Tăng hòa hiệp chấp thuận nên đem vật thường trụ Tăng chia cho tứ phương Tăng. Nếu Tháp điện Phật có chỗ cần, hay hư cần tu sửa mà vật thường trụ Tăng hay vật tứ phương Tăng nhiều thì Tỳ kheo quản sự nên họp Tăng yết ma, nếu Tăng hòa hiệp chấp thuận cho thì quản sự Tỳ Kheo lấy vật ấy dùng tu bổ Tháp điện. Nếu Tăng không hòa hiệp chấp thuận thì Tỳ Kheo quản sự nên khuyên hóa hàng tại gia cầu xin tài vật để tu bổ Tháp điện. Nếu vật của Phật nhiều nhứt thiết không được đem chia cho thường trụ Tăng hay tứ phương Tăng. Tại sao? Vì trong những vật ấy dầu là một sợi dây đều là của thí chủ tín tâm thí cho Phật, do đó chư Thiên và người đời đều có ý nghĩ là Phật Tháp huống là các bửu vật. Nếu nơi Phật Tháp trước đã có cúng y, thì y nầy nên để cho gió thổi mưa rã chớ chẳng nên đem đổi vật khác dầu là bửu vật. Tại sao? Vì vật nơi Tháp điện Phật không ai có thể đánh giá được, vả lại Phật không chỗ cần dùng vậy. Nơi vật của Tam Bảo, Tỳ Kheo quản sự tốt trong sạch chẳng nên để lộn lẫn nhau, với tự lợi dưỡng phải có tâm tri

túc, nơi vật Tam Bảo chẳng có ý nghĩ là của mình.

Nầy Đại Ca Diếp! Ở nơi người trì giới có đức hạnh lớn đáng lễ kính hữu nhiễu, mà Tỳ Kheo quản sự có sân tâm dùng quyền sai khiến làm việc, vì sân tâm nên Tỳ Kheo quản sự sẽ đọa đại địa ngục, nếu được làm người thì làm tôi mọi bị chủ nhơn sai khiến đánh mắng khổ cực.

Nếu Tỳ Kheo quản sự dùng quyền đặt quy chế nặng quá hạn thường của Tăng trách phạt chư Tỳ Kheo sai làm phi thời, do cớ nầy nên quản sự Tỳ Kheo sẽ đọa tiểu địa ngục nhiều đinh bị trăm ngàn mũi đinh đóng căng thân thể, cả thân cháy phừng như đống lửa lớn.

Nếu với Tỳ kheo trì giới có đức lớn mà dùng việc nặng để khủng bố dùng tâm sân để nói, thì Tỳ Kheo quản sự nầy sẽ đọa trong địa ngục lưỡi dài rộng năm trăm do tuần bị trăm ngàn mũi đinh đóng vào phát lửa cháy đỏ.

Nếu thường được tài vật Tăng, quản sự Tỳ Kheo bỏn xẻn cất giấu, hoặc phi thời phát cho Tăng, hoặc làm khó dễ mà cho, hoặc làm khổ mà cho, hoặc cho ít hay chẳng cho, hoặc cho người nầy chẳng cho người kia. Do cớ nầy, Tỳ Kheo quản sự sẽ đọa uế ác Ngạ quỉ thường ăn phẩn cục, có lúc Ngạ quỉ khác đưa đồ ăn cho coi mà

chẳng cho ăn phải thèm muốn khốn khổ. Bị khổ đói khát trong trăm ngàn năm thường chẳng được ăn. Nếu có được đồ ăn liền biến thành phẩn cứt hoặc thành mủ máu. Tại sao? Vì nơi người trì giới đáng lễ kính, mà Tỳ Kheo quản sự ấy làm khó dễ khi đem Tăng vật phát cho.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu Tỳ Kheo quản sự chuyên tự dùng lộn lạo hoặc vật thường trụ Tăng, hoặc vật tứ phương Tăng, hoặc vật Phật Tháp thì mắc báo khổ lớn trong một kiếp hay hơn một kiếp. Tại sao? Vì xâm phạm vật Tam Bảo vậy.

Nếu Tỳ Kheo quản sự nghe tội như vậy biết tội như vậy mà cố sanh lòng sân nơi người trì giới, nay ta nói tội ấy chư Phật Thế Tôn chẳng cứu trị được. Vì thế nên Tỳ Kheo quản sự nghe tội phi pháp như vậy rồi phải nên khéo hộ thân khẩu ý nghiệp, tự hộ lấy mình và hộ cho người.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo quản sự thà ăn thịt thân mình chớ trọn chẳng nên tạp dùng vật Tam Bảo để làm y bát ẩm thực".

Bấy giờ Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Thiệt chưa từng có, đức Như Lai dùng lòng từ bi mà nói pháp như vậy, vì người không tàm quý mà nói pháp không

tàm quý, vì người có tàm quý mà nói pháp tàm quý".

XLIV

PHÁP HỘI

BỬU LƯƠNG TỤ

THỨ BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM

A LAN NHÃ TỲ KHEO

THỨ NĂM

Hán dịch: Bắc Lương, Sa Môn Thích Đạo Củng.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp lại bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Ngang chỗ nào gọi là Tỳ Kheo a lan nhã? Ngang chỗ nào gọi là Tỳ Kheo khất thực? Ngang chỗ nào gọi là Tỳ Kheo chứa y phấn tảo? Ngang chỗ nào gọi là Tỳ Kheo ngồi dưới cội cây? Ngang chỗ nào gọi là Tỳ Kheo ở gò mả? Ngang chỗ nào gọi là Tỳ Kheo ở đất trống?".

Đức Phật dạy: "Nầy Đại Ca Diếp! Gọi là Tỳ Kheo a lan nhã tức phải là người ưa chỗ a lan nhã và ở chỗ a lan nhã. Chỗ a lan nhã là chỗ không có tiếng lớn, không có tiếng chúng ồn náo, lìa cheo, nai, cọp, sói và các chim chóc, xa trộm cướp và kẻ chăn súc vật, chỗ thuận với hạnh Sa

Môn. Chỗ a lan nhã như vậy nên ở trong đó tu hành.

Tỳ Kheo kia lúc muốn đến chỗ a lan nhã phải tư duy tám pháp: Một là tôi nên xả thân, hai là tôi nên xả mạng, ba là tôi nên xả lợi dưỡng, bốn là rời lìa tất cả chỗ yêu thích, năm là tôi ở trong núi chết sẽ như con nai chết, sáu là tôi ở chỗ a lan nhã sẽ thọ hạnh a lan nhã, bảy là tôi sẽ dùng pháp để tự sống, tám là tôi chẳng dùng phiền não để tự sống.

Đây là tám pháp a lan nhã mà Tỳ Kheo phải tư duy, tư duy rồi sẽ đi đến chỗ a lan nhã.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo đến chỗ a lan nhã rồi hành pháp a lan nhã, dùng tám pháp hành từ sanh lòng thương với tất cả chúng sanh: Một là dùng từ tâm làm lợi ích, hai là dùng từ tâm an vui, ba là dùng từ tâm không sân hận, bốn là từ tâm chơn chánh, năm là từ tâm không dị biệt, sáu là từ tâm thuận tùy, bảy là từ tâm quán tất cả pháp và tám là từ tâm tịnh như hư không. Tỳ Kheo dùng tám pháp hành nầy sanh từ tâm đối với chúng sanh.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo đến chỗ a lan nhã rồi phải tư duy như vầy: Tôi dầu đến nơi xa ở một mình không bè bạn, nếu tôi làm lành hay làm chẳng lành không người dạy

răn. Rồi lại nghĩ rằng: Nơi đây có Thiên, Long, Quỉ, Thần, chư Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn biết tôi chuyên tâm. Các Ngài sẽ chứng cho tôi, nay tôi ở tại đây tu pháp a lan nhã tâm bất thiện của tôi chẳng được tự tại phát sanh.

Rồi lại tự suy rằng: Tôi đến chỗ rất xa không bạn bè nầy, không người thân cận không có sở hữu, tôi nên cảnh giác lòng tham lòng sân lòng si, các pháp bất thiện khác cũng phải cảnh giác. Nay tôi chẳng nên chẳng khác với người thích ở chúng đông, chẳng nên chẳng khác với người ưa gần tụ lạc. Nếu chẳng khác mà xưng a lan nhã thì là khi dối chư Thiên, Long, Quỉ, Thần. Chư Phật thấy tôi, chính tôi cũng chẳng vui vẻ. Nếu tôi hành đúng pháp a lan nhã tất chư Thiên, Long, Quỉ, Thần chẳng quở trách tôi. Chư Phật thấy tôi liền vui mừng.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo ở chỗ a lan nhã hành pháp a lan nhã nhứt tâm giữ chắc giới giải thoát, khéo hộ giới chúng, tịnh khẩu thân ý, không làm siểm khúc, tịnh nơi chánh mạng, tâm hướng đến các chánh định, pháp được nghe nên ghi nhớ, siêng chánh tư duy hướng đến ly dục tịnh diệt Niết Bàn, sợ các sanh tử quán ngũ ấm như oan gia, quán tứ đại như độc xà, quán lục nhập như nhà hoang, khéo

phương tiện quán mười hai nhơn duyên, lìa rời kiến đoạn chấp thường, quán không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, hiểu pháp không đạt vô tướng lần bớt sở tác mà hành vô tác, lòng thường kinh sợ đi trong tam giới thường xuyên tu hành như cứu đầu cháy, thường tinh tiến trọn không thối chuyển, quán thân thiệt tướng, nên suy nghĩ rằng: Quán pháp như vậy phải biết gốc khổ dứt tất cả tập nhơn chứng nơi diệt tận siêng tu chánh đạo hành từ tâm an trụ Tứ niệm xứ, lìa pháp bất thiện vào môn thiện pháp, an trụ Tứ chánh cần nhập Tứ như ý túc, hộ Tứ thiện căn tự tại nơi Ngũ lực, tỏ Bảy Bồ đề phần siêng hành Bát Thánh đạo phần, thọ trì Thiền định dùng huệ phân biệt các pháp tướng.

Nầy Đại Ca Diếp! Nói pháp như vậy để nghiêm sức a lan nhã. Tỳ Kheo nghiêm sức như vậy rồi an trụ núi rừng, đầu hôm cuối đêm siêng tu các công hạnh chớ nên ngủ nghỉ, thường nhớ muốn được pháp xuất thế!

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo khi ở chỗ nào đều thường hành đạo mà chẳng trang sức thân thể và các y phục, lượm cỏ khô trải làm chỗ ngồi, tự dùng tọa cụ của mình mà lìa vật của thường trụ Tăng và tứ phương Tăng. Ở nơi a lan

nhã, với y phục, Tỳ Kheo tri túc vừa đủ che thân để hành Thánh đạo.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo khi khất thực vào thành ấp tụ lạc phải suy nghĩ như vầy: Tôi từ chỗ a lan nhã đến thành ấp tụ lạc, hoặc được vật thực hay chẳng được lòng tôi vẫn không ưu hỷ. Nếu khất chẳng được nên sanh lòng vui nhớ nghiệp báo đời trước, nay tôi nên siêng tu tập phước nghiệp. Lại nhớ đức Như Lai khất thực cũng chẳng luôn luôn được.

A lan nhã Tỳ Kheo vào thành khất thực phải dùng pháp trang nghiêm. Dùng pháp trang nghiêm xong rồi sau mới vào thành khất thực. Thế nào là pháp trang nghiêm? Nếu thấy sắc vừa ý chẳng nên tham trước, nếu thấy sắc chẳng vừa ý chẳng nên sanh giận ghét. Với thanh, hương, vị, xúc và pháp cũng chẳng sanh tham sân như vậy, luôn nhiếp hộ các căn nhìn kỹ một tầm, điều phục tâm mình chẳng cho pháp mà mình suy niệm rời khỏi tâm, chẳng để vật thực nhiễm ô tâm mà hành khất thực, nên thứ đệ khất thực. Nơi khất thực được chẳng sanh lòng mừng, nơi khất thực chẳng được cũng chẳng sanh lòng sân. Nếu đến mười nhà hoặc quá mười nhà mà chẳng được vật thực chẳng nên sanh lòng ưu phiền mà nên nghĩ rằng các Trưởng giả,

các Bà La Môn cư sĩ có nhiều duyên sự nên chẳng rảnh đem vật thực cho tôi, vả lại các người tại gia ấy chưa từng nhớ đến tôi huống là cho vật thực. Nếu có thể suy nghĩ như vậy thì Tỳ Kheo a lan nhã đi khất thực không hề kinh sợ.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo đi khất thực trong thành ấp tụ lạc nếu thấy nam nữ, đồng nam đồng nữ, nhẫn đến súc sanh nên phát tâm từ bi đối với tất cả chúng sanh phát nguyện tu hành tinh tiến cầu mong chúng sanh ai thấy tôi cho tôi vật thực đều được sanh lên cõi Trời.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo đi khất thực được ngon được dở xem bốn phương mà nghĩ rằng nơi đây ai là kẻ nghèo cùng, tôi sẽ bớt phần ăn cấp cho họ. Nếu thấy kẻ nghèo cùng liền chia nửa phần ăn cấp cho, nếu không thấy thì nên nghĩ rằng: Chúng sanh mà mắt tôi không thấy, trong thức ăn nầy chỗ ngon tôi xin thí cho họ, tôi làm thí chủ, họ làm người thọ.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo khất thực được rồi mang về chỗ a lan nhã, rửa sạch tay chân, tịnh nghi thức Sa Môn, đủ tất cả tịnh pháp, đúng pháp lấy cỏ trải chỗ ngồi rồi kiết già phu tọa mà ăn, lòng không ái trước cũng không sân hận cũng không cống cao không trược loạn. Lúc sắp ăn suy nghĩ rằng: Nay trong thân thể

nầy có tám vạn hộ trùng, nó được ăn chắc sẽ an vui. Nay tôi dùng món ăn nhiếp các hộ trùng ấy, lúc tôi thành Phật sẽ dùng pháp để nhiếp chúng nó.

Nầy Đại Ca Diếp! Có lúc ăn chẳng đủ, a lan nhã Tỳ Kheo nên quan niệm: Nay thân thể nhẹ nhàng có thể tu nhẫn nhục dứt các điều ác, lại ít tiểu ít đại tiện, thân thể nhẹ nhàng rồi cũng được tâm nhẹ nhàng, được ít ngủ cũng chẳng khởi dục.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu khất thực được nhiều, a lan nhã Tỳ Kheo nên quan niệm tri túc, nên giảm lấy một vắt để trên phiến đá sạch và suy nghĩ rằng: Có chim muông nào có thể ăn được tôi xin bố thí, chúng nó là kẻ thọ nhận.

Nầy Đại Ca Diếp! Ăn xong, a lan nhã Tỳ Kheo rửa bát lau chùi sạch khô, súc miệng rửa tay, cất Tăng già lê, đúng hạnh a lan nhã chẳng rời bổn sở suy gẫm pháp tướng.

Nầy Đại Ca Diếp! Lúc hành công hạnh a lan nhã, nếu Tỳ Kheo ấy là phàm phu chưa được quả Sa Môn, có lúc hổ lang đến thì chẳng nên có lòng hãi sợ mà nên quan niệm rằng: Từ trước lúc tôi đến chỗ a lan nhã vốn đã có tâm xả bỏ thân mạng nên tôi chẳng kinh sợ, mà nên phát tâm từ bi trừ tất cả ác. Nếu hổ lang ấy giết tôi ăn thịt tôi, tôi sẽ được lợi ích lớn vì đem thân chẳng

bền mà đổi thân bền. Hổ lang ấy ăn thịt tôi rồi nó sẽ được thân tâm an vui.

A lan nhã Tỳ Kheo hành pháp a lan nhã phải quan niệm xả thân mạng như vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo hành pháp a lan nhã, nếu có phi nhơn đến hiện sắc đẹp hay sắc dữ, với phi nhơn ấy Tỳ Kheo không nên sanh lòng yêu, không nên sanh lòng giận.

Nếu có chư Thiên đã từng thấy Phật đến vấn nạn, khi họ vấn nạn rồi, a lan nhã Tỳ Kheo tùy sức hiểu biết của mình mà vì họ thuyết pháp. Nếu chư Thiên hỏi thâm pháp không thể đáp được, a lan nhã Tỳ Kheo chẳng nên lòng kiêu mạn, mà nên nói rằng tôi học chẳng được nhiều, các Ngài chớ nên khinh tôi, nay tôi sẽ siêng tu học Phật pháp, nếu lúc tôi được thông Phật pháp rồi sẽ xin giải đáp tất cả. Lại nên thỉnh chư Thiên vì mình mà thuyết pháp để được lãnh thọ, và nên tạ rằng xin các Ngài chớ phiền tôi.

Lại nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo hành pháp a lan nhã khéo tu a lan nhã tưởng như cỏ cây ngói đá không có chủ, không có ngã cũng không sở thuộc, thân thể nầy cũng vậy không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng không tranh tụng các pháp nầy đều từ duyên hiệp mà sanh, trong pháp nầy nếu khéo tư duy,

tôi sẽ dứt được các kiến chấp, nên thường tư duy pháp không vô tướng vô tác.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo lúc tu pháp a lan nhã suy nghiệm bông trái cỏ thuốc và những rừng cây hòa hiệp thế nào? Tán diệt thế nào? Các vật ngoài ấy không chủ không ngã không sở thuộc, không tranh tụng, nó tự sanh tự diệt không có ai sanh diệt. Như cỏ cây không có chủ ngã ngã sở, thân thể nầy cũng không có ngã nhơn chúng sanh thọ mạng không có tranh tụng, nó từ các duyên sanh, duyên tan thì nó diệt, trong lẽ như thiệt ấy không có một pháp nào hoặc sanh hoặc diệt cả.

Pháp như trên đây, a lan nhã Tỳ Kheo đến chỗ a lan nhã phải nên tu tập.

Nầy Đại Ca Diếp! A lan nhã Tỳ Kheo hành pháp như vậy nếu học Thanh Văn thừa thì mau chứng quả Sa Môn, nếu là người có tội chướng nên hiện đời chẳng được quả Sa Môn thì bất quá thấy một hai hoặc ba đức Phật sẽ dứt hết tất cả lậu. Nếu là người học Bồ Tát thừa thì hiện đời được Vô sanh Pháp nhẫn được pháp vô chướng tất thấy vị lai chư Phật mau thành Vô thượng Bồ đề".

Lúc đức Phật nói pháp a lan nhã, có năm trăm Tỳ Kheo dứt tất cả lậu tâm được giải thoát.

XLIV

PHÁP HỘI

BỬU LƯƠNG TỰ

THỨ BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM

TỲ KHEO KHẤT THỰC

THỨ SÁU

Hán dịch: Bắc Lương, Sa Môn Thích Đạo Củng.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Đức Phật bảo Trưởng Lão Đại Ca Diếp: "Thế nào là Tỳ Kheo khất thực?

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có Tỳ Kheo trước an trụ bổn thệ: Tôi y khất thực xuất gia, nay tôi an trụ bổn thệ. Tỳ Kheo ấy chuyên niệm có hay không dua vạy, lìa tất cả thỉnh thực, lìa tất cả sự cúng dường trong Tăng chúng mà vững tự trang nghiêm. Ở trong tất cả vị, Tỳ Kheo khất thực chẳng nên quan niệm hảo vị. Với thượng diệu vị, Tỳ Kheo ấy nên khuyên nhủ lòng mình mà suy nghĩ rằng: Tôi như Chiên Đà La, phải thanh tịnh thân tâm mà chẳng nên tịnh ăn uống. Tại sao? Vì món ngon được ăn xong sẽ thành vật dơ thúi, tôi chẳng nên cầu món ăn ngon. Tỳ Kheo

ấy điều phục tâm mình rồi, hoặc vào thành ấp tụ lạc thứ đệ khất thực chẳng nên quan niệm nam tử thí cho tôi chẳng phải nữ nhơn, hay nữ nhơn thí cho tôi chẳng phải nam tử, đồng nam thí chẳng phải đồng nữ hay đồng nữ thí chẳng phải đồng nam, nên được đồ ăn tốt chẳng phải xấu, nên được đồ ăn ngon chẳng phải dở, nên cố ý thí cho chẳng phải chẳng cố ý cho, nên dễ được chẳng phải khó được, nên mau được chẳng phải chẳng mau, nên được cung kính chẳng phải chẳng kính trọng, nên được đồ ăn mới chẳng phải cũ, nên được đồ ăn của nhà giàu chẳng phải của nhà nghèo, mọi người đến tiếp rước tôi. Tất cả pháp bất thiện trên đây, Tỳ Kheo khất thực chẳng nên tư duy, phải tự trang nghiêm như vậy, đây là pháp thông thường được hành trì của Tỳ Kheo khất thực.

Lúc khất thực hoặc được hay không được, Tỳ Kheo ấy chớ nên sanh lòng ưu hỷ, cũng chẳng quan niệm đồ ăn tốt hay xấu. Tại sao? Vì có nhiều chúng sanh tham trước món ăn ngon, do đây mà tạo ác nghiệp rồi đọa ác đạo. Nếu là người tri túc thì nên bỏ đồ ăn tốt mà thọ món xấu, trừ lưỡi dính món ăn, trong lòng luôn tri túc, được món ăn cực xấu cũng tri túc. Người ấy nếu mạng chung sẽ sanh cõi trời hay trong loài

người, sanh cõi trời rồi được ăn món ngon cõi trời.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực như vậy rời lìa mến luyến món ăn mà điều phục tâm mình, dầu cả bảy ngày phải ăn đậu, ăn củ cũng chẳng sanh lòng lo phiền. Tại sao? Vì vừa đủ nuôi sống thôi. Nay tôi được ăn rồi để đủ hành đạo, vì để hành đạo mà tôi ăn vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực được phần ăn rơi vào trong bát, được món ăn đúng pháp, được lợi dưỡng đúng pháp, nên cùng Tỳ Kheo phạm hạnh ăn chung phần ăn ấy.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực có lúc phải bịnh không có người giúp việc, không thể đi khất thực, thì nên điều phục tâm mình như vầy: Tôi cô độc không bạn một thân xuất gia, chánh pháp là bạn tôi, tôi phải nhớ đến chánh pháp, nay tôi có bịnh khổ, như lời đức Thế Tôn dạy: Tỳ Kheo phải nhớ pháp. Những pháp tôi đã được nghe tôi phải khéo suy gẫm. Thế nào là khéo suy gẫm? Quán thân đúng thiệt. Quán thân đúng thiệt rồi, nếu là người có trí huệ thành tựu nhứt tâm có thể được sơ thiền, được vui sơ thiền, hoặc một ngày đến bảy ngày dùng thiền duyệt làm món ăn tâm được hoan hỷ.

Hành pháp như vậy, nếu Tỳ Kheo bịnh ấy chẳng được thiền thì nên siêng tu hành an trụ trong thiện pháp có nhiều người hay biết, chư Thiên, Long, Quỉ, Thần đưa món ăn đến cho, đây là báo lìa khổ ách vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu Tỳ Kheo khất thực gặp trời mưa lớn hoặc gió bụi nhiều chẳng đi khất thực được, bấy giờ dùng từ tâm làm món ăn để tự trang nghiêm, nơi pháp được tu nên an trụ tư duy. Nếu đến hai đêm ba đêm mà chưa được ăn thì nên nghĩ rằng: Có nhiều chúng sanh đọa vào loài ngạ quỉ, vì họ gây nghiệp ác, bị đói khổ bức thiết đến cả trăm năm không nuốt được chút nước miếng. Nay tôi an trụ trong các pháp môn, dầu thân tâm yếu kém, tôi vẫn chịu được đói khát siêng tu Thánh đạo chẳng nên thối chuyển.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực chẳng nên thân cận người tại gia những nam tử, nữ nhơn, đồng nam, đồng nữ.

Nếu Tỳ Kheo khất thực bảo người tại gia lựa bỏ những vật bất tịnh, nên ngồi tại chỗ mà thuyết pháp cho họ đến lúc món ăn đã tịnh rồi lại thọ món ăn đứng dậy đi.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực chẳng nên tự hiện dua vạy. Thế nào là tự hiện dua vạy?

Nếu Tỳ Kheo vì người mà nói rằng: Nay tôi xin được món ăn xấu dở lại còn chẳng đủ cùng nhiều người ăn chung, tôi ăn ít nay tôi đói khát thân thể yếu kém. Đây là tự hiện dua vạy, mà Tỳ Kheo khất thực phải xa lìa.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực đối với tất cả sự, phải sanh tâm xả bỏ. Những món ăn rơi vào bát hoặc tốt, xấu, ngon, dở, tịnh, bất tịnh, nhiều ít, tất cả đều nên thọ lòng không ưu hỷ, thường gìn tâm thanh tịnh quán các pháp tướng, vừa đủ nuôi thân để hành Thánh đạo mà thọ món ăn vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực, hoặc lúc vào thành ấp tụ lạc thứ đệ khất thực bát không trở về, thì nên nhớ đức Như Lai có oai đức lớn xả bỏ ngôi Chuyển Luân Vương đi xuất gia dứt tất cả pháp ác thành tất cả pháp lành, Ngài vào xóm khất thực còn có lúc bát không trở về, huống là tôi bạc phước chẳng trồng căn lành mà chẳng được bát không trở về ư! Vì lẽ ấy mà chẳng nên sanh lòng lo phiền. Tại sao? Vì chẳng trồng căn lành thì chẳng bao giờ được món ăn tốt món ăn xấu. Hoặc giả tôi chẳng được món ăn là tự có ma hay ma sai sử hay ma che ngăn các Bà La Môn cư sĩ khiến tôi khất chẳng được. Tôi nên siêng tu rời lìa tứ ma dứt tất cả phiền não.

Nếu tôi siêng tu đạo pháp như vậy thì chẳng phải ma Ba Tuần hay sứ của ma mà có thể làm lưu nạn được.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực nên thọ trì thánh chủng như vậy".

XLIV
PHÁP HỘI
BỬU LƯƠNG TỤ
THỨ BỐN MƯƠI BỐN

PHẨM
PHẤN TẢO Y TỲ KHEO
THỨ BẢY

Hán dịch: Bắc Lương, Sa Môn Thích Đạo Củng.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Đức Phật bảo Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp: "Phấn tảo y Tỳ Kheo chứa y phấn tảo lượm vật phấn tảo, quan niệm rằng: Vì tàm quý vậy, chẳng phải vì dùng y để tự nghiêm sức vậy, vì che ngăn gió thổi nắng đốt muỗi mòng bu cắn vậy, vì an trụ Phật giáo vậy, chẳng phải vì cầu sạch tốt vậy. Ở trong đống phấn tảo, Tỳ Kheo ấy lượm lấy vật bỏ. Lúc lấy nên sanh hai ý tưởng: Một là ý tưởng tri túc và hai là ý tưởng dễ nuôi. Còn có hai ý tưởng: Một là ý tưởng không kiêu mạn và hai là ý tưởng trì thánh chủng. Còn có hai ý tưởng: Một là chẳng dùng nghiêm sức thân hình và hai là khiến lòng thanh tịnh.

Nầy Đại Ca Diếp! Phấn tảo y Tỳ Kheo lúc lượm lấy vật bỏ trong đống phấn tảo, nếu thấy có các thân hữu tri thức thì thôi không lượm lấy mà nghĩ rằng: Các người nầy hoặc có thể rầy trách tôi là người dơ bẩn.

Nầy Đại Ca Diếp! Ta nói Tỳ Kheo ấy chẳng được tịnh hạnh. Tại sao? Vì phấn tảo y Tỳ Kheo lòng cứng như đá, ngoại vật chẳng nhập cũng chẳng động được.

Nầy Đại Ca Diếp! Phấn tảo y Tỳ Kheo lượm lấy vật phấn tảo rồi nên giặt sạch cho hết dơ bẩn, giặt sạch rồi nhuộm kỹ, nhuộm xong rồi may thành Tăng già lê, khéo ráp, khéo vá khéo may, khéo thọ, thọ rồi nên mặc chớ xếp để hư.

Nầy Đại Ca Diếp! Phấn tảo y Tỳ Kheo an trụ trong pháp quán bất tịnh mặc y phấn tảo là để ly dục vậy, tu từ tâm mặc y phấn tảo là để lìa sân khuể vậy, quán pháp thập nhị nhơn duyên mặc y phấn tảo là vì rời si vậy, chánh tư duy mặc y phấn tảo là để dứt tất cả phiền não vậy, nhiếp hộ các căn mặc y phấn tảo là vì biết rõ lục nhập vậy, chẳng dua vạy mặc y phấn tảo là để chư Thiên, Long, Quỉ, Thần vui đẹp vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Cớ chi gọi là y phấn tảo?

Ví như tử thi, mọi người chẳng tham muốn chẳng sanh lòng ngã sở hữu theo lẽ phải trừ bỏ. Cũng vậy, y phấn tảo chẳng phải ngã ngã sở, là dễ được, chẳng phải tà mạn, chẳng cầu xin người, chẳng xem nhan sắc người, là vật vất bỏ không khác phân rác, nó cũng chẳng thuộc của ai. Vì thế nên gọi là y phấn tảo.

Nầy Đại Ca Diếp! Y phấn tảo là pháp tràng phan, vì là Đại tiên nhơn vậy, vì họ ấy do thánh nhơn vậy, vì dùng Thánh chủng để an trụ vậy, vì chuyên niệm nơi thiện pháp nghi thức vậy, vì khéo hộ trì giới tụ vậy, vì hướng đến định tụ vậy, vì an trụ nơi huệ tụ vậy, vì thân dùng giải thoát tụ vậy, vì thuận với pháp do giải thoát tri kiến vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo mặc y phấn tảo có phước đức lớn không chỗ mong cầu không chỗ tham trước hay lìa lòng kiêu mạn hay bỏ gánh nặng.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có Tỳ Kheo mặc y phấn tảo vì tri túc nên chư Thiên, Long, Quỉ, Thần ưa thích muốn thấy. Nếu nhập thiền định thì Thích, Phạm, Tứ Thiên Vương quỳ chắp tay đầu mặt đảnh lễ, huống là chư tiểu Thiên khác.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có ác Tỳ Kheo siêng cầu y phục để nghiêm sức thân hình, ngoài hiện

tịnh hạnh mà trong thì đủ tham dục sân khuể. Dầu họ nghiêm sức thân hình xinh đẹp nhưng chư Thiên, Long, Quỉ, Thần chẳng đến kính lễ cúng dường. Tại sao? Vì họ biết Tỳ Kheo ấy nghiêm sức thân hình đẹp mà chẳng trừ cấu uế tâm tâm số pháp, vì biết nên họ bỏ đi xa.

Nầy Đại Ca Diếp! Ông có thấy Sa Di Châu Na nhặt vật trong đống phấn tảo trong lúc đi khất thực. Ăn xong, Châu Na đến ao A Nậu Đạt để giặt. Bấy giờ bên ao có chư Thiên Thần thường ở đồng tiếp nghinh kính lễ. Chư Thiên Thần ấy đều ưa tinh khiết mà họ cầm y phấn tảo bất tịnh của Châu Na đem đi giặt cho sạch bẩn nhơ, họ còn lấy nước giặt y ấy để rửa thân họ. Chư Thiên Thần ấy biết Châu Na hay trì giới thanh tịnh nhập các thiền định có oai đức lớn nên phụng nghinh kính lễ.

Nầy Đại Ca Diếp! Ông có thấy phạm chí Tu Bạt Đà mặc y sạch mới, khất thực xong muốn đến ao A Nậu Đạt. Bấy giờ chư Thiên Thần thường ở bên ao, cách ao bốn phía đều năm dặm họ ra ngăn cản phạm chí ấy không cho lại gần ao, họ sợ món ăn bất tịnh và món ăn thừa làm dơ bẩn nước ao.

Nầy Đại Ca Diếp! Nay ông hiện thấy sự ấy, do Thánh nhơn chánh hạnh oai đức nên được

quả báo ấy. Vật bất tịnh được Sa Di Châu Na nhặt trong đống phấn tảo mà chư Thiên đem đi giặt giúp lại còn lấy nước giặt ấy dùng rửa thân thể họ. Phạm chí Tu Bạt Đà bị họ ngăn cách xa ao năm dặm không cho lại gần.

Nầy Đại Ca Diếp! Ai được nghe sự nầy chẳng siêng tu học Thánh pháp, chư Thánh nhơn ấy được chư Thiên và thế nhơn đều đến kính lễ cúng dường.

Nầy Đại Ca Diếp! Vì muốn cầu Thánh đức như vậy nên mặc y phấn tảo. Tỳ Kheo mặc y phấn tảo an trụ Thánh chủng chẳng nên sanh lòng lo. Với y phấn tảo nên có ý tưởng là Phật tháp, là Thế Tôn, là xuất thế, không có ngã ngã sở. Quán tưởng như vậy rồi mặc y phấn tảo, phải điều phục tâm mình như vậy. Do tâm tịnh nên được thân tịnh, chẳng phải do thân tịnh mà được tâm tịnh. Vì thế nên tịnh tâm mình chớ nghiêm sức thân. Tại sao? Vì do tâm tịnh mà ở trong Phật pháp được gọi là tịnh hạnh.

Nầy Đại Ca Diếp! Phấn tảo y Tỳ Kheo hay học như vậy tức là học ở ta cũng học ở ông. Nếu ông hay mặc y thô xấu như vậy tức là tri túc và hành Thánh chủng hạnh.

Nầy Đại Ca Diếp! Y Tăng già lê của ông hoặc để trên giường hoặc để tại chỗ ngồi trong

khi ông mặc y Uất đa la tăng kinh hành, có ngàn vạn chư Thiên đến kính lễ y Tăng già lê của ông. Y Tăng già lê ấy là y được mặc trên thân của người huân tu giới định huệ. Nên biết y của ông còn được tôn trọng kính lễ dường ấy huống là thân của ông.

Nầy Đại Ca Diếp! Ta xả bỏ ngôi Chuyển Luân Vương đi xuất gia. Ngày trước ta đã từng mặc y mịn đẹp thượng diệu. Nay ta tri túc hành Thánh chủng hạnh vì các người khác mà xả bỏ y đẹp tốt mặc y phấn tảo nhặt trong gò mả. Đương lai nếu Tỳ Kheo nghe pháp nầy của ta thì được học theo ta.

Nầy Đại Ca Diếp! Ông vốn có kim lũ thượng y đem dưng ta, ta vì ông mà nhận y ấy chớ chẳng phải do tham, chẳng phải để nghiêm sức thân hình vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Có ác Tỳ Kheo chẳng thể học theo ta cũng chẳng học theo ông, họ tham chứa để nhiều y bát tích tụ món uống ăn cất đựng chẳng xả. Họ cũng chứa vàng bạc, lưu ly, gạo thóc, bò dê, gà heo, lừa ngựa, xe cộ, đồ cày bừa, đồ dùng tại gia họ đều cầu chứa để.

Nầy Đại Ca Diếp! Người có trí dầu tại gia mà hay tăng trưởng thiện pháp, chẳng phải kẻ ngu si xuất gia có được phần thiện pháp ấy.

Thế nào là người trí tại gia hay tăng trưởng thiện pháp?

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có người xuất gia lấy y quấn cổ không có hạnh Sa Môn, có nhiều duyên sự các thứ buộc ràng cầu áo cơm tốt. Họ mặc ca sa rồi, người tại gia thấy liền lễ kính cúng dường cung cấp y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc men, đến đi đón đưa. Nầy Đại Ca Diếp! Người tại gia có pháp lành như vậy, người xuất gia kia không có sự ấy. Tại sao? Vì người xuất gia kia cầu nhiều vật dùng chẳng thể thí xả cho người khác vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Đương lai có các Tỳ Kheo chứa nhiều y bát có nhiều vật dùng, họ được phần đông người tại gia lễ kính tôn trọng tán thán. Tại sao? Vì họ cho các Tỳ Kheo ấy thọ nhiều thí vật, hoặc có thể đem cho tôi, tôi có cần dùng các Tỳ Kheo ấy có thể luôn luôn cho tôi.

Nầy Đại Ca Diếp! Đương lai hoặc có Tỳ Kheo trì giới thấy lỗi họa của đời nên siêng tu thiện pháp để lìa tất cả lậu như cứu đầu cháy. Lòng họ tri túc ít duyên sự siêng tu tự lợi lìa tất cả duyên tập xấu ác. Nhưng Tỳ Kheo nầy không có người đến chỗ họ ở, không ai thân cận, không ai lễ kính tôn trọng tán thán họ. Tại sao? Vì các người tại gia khinh tháo thiển bạc, thấy lợi hiện

tại chẳng thấy lợi đời sau, họ nghĩ rằng: Nơi Tỳ Kheo nầy chẳng được lợi ích đâu cần thân cận lễ kính tôn trọng tán thán. Ngoại trừ kẻ nghèo cùng ít căn lành và người có túc duyên nên lễ kính, những người nầy thân cận lễ kính tôn trọng tán thán Tỳ Kheo trì giới làm thiện tri thức.

Nầy Đại Ca Diếp! Nói như vậy rồi vừa ý hai hạng người: Một là hoặc thấy Tứ thánh đế và hai là hoặc thấy lỗi họa sanh tử. Còn có hai hạng người: Một là siêng tu muốn lìa bốn ách và hai là muốn được quả Sa Môn. Còn có hai hạng người: Một là chuyên niệm nghiệp báo và hai là muốn biết nghĩa các pháp tướng.

Nầy Đại Ca Diếp! Nay ta đóng bít cửa của tất cả kẻ giải đãi, đó là người chẳng biết nghiệp chẳng biết nghiệp báo, người rời lìa nghi thức lành, người chẳng thấy ác khổ đời sau dụ như kim cương, người thấy lợi hiện đời mà chẳng thấy lợi đời sau, người chẳng sanh một niệm hướng đến môn giải thoát.

Nầy Đại Ca Diếp! Nay ta nói ác Tỳ Kheo kia chẳng nên mong cầu. Hoặc nói pháp như vậy, hoặc gặp pháp như vậy, nghe pháp như vậy rồi tự biết sở hành chẳng hiểu thâm pháp nên phỉ báng. Họ cho rằng thâm pháp ấy chẳng phải

Phật nói, là của luận sư làm, hoặc của ma nói để dạy người khác. Ác Tỳ Kheo kia tự hại như vậy cũng hại người khác. Họ tự nhiễm dơ cũng làm dơ người khác. Ác Tỳ Kheo kia chẳng thể tự lợi cũng chẳng lợi người khác".

Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! vì đại bi mà chư Phật nói Tỳ Kheo chuyên tu hành ở trong các pháp được tự tại. Đức Như Lai ở trong kinh nầy đã rộng nói xong.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nghe kinh nầy rồi tin hiểu đọc tụng hướng đến pháp như thiệt, nên biết các chúng sanh ấy đã được chư Phật nhiếp thủ".

Đức Phật bảo Ngài A Nan: "Nầy A Nan! Nếu có người thọ trì Kinh nầy thì đã ở nơi chư Phật quá khứ gieo trồng căn lành nên nay muốn được kinh nầy để đọc tụng thông thuộc muốn được giải thoát. Các thiện nam tử thiện nữ nhơn, hoặc người tại gia hay người xuất gia, học pháp môn nầy thì có thể dứt các lậu cũng được Niết Bàn".

Tôn giả A Nan bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Kinh nầy tên là gì, tôi phải thọ trì thế nào?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy A Nan! Kinh nầy tên là Chọn Lựa Tất Cả Pháp Bảo. Cũng tên là An Trụ Thánh Chủng Nghi Thức. Cũng tên là Nhiếp Thủ Người Trì Giới. Cũng tên là Dạy Răn Người Phá Giới. Cũng tên là Bửu Lương. Cũng tên là Bửu Tụ. Cũng tên là Bửu Tạng. Cũng tên là Chư Bửu Pháp Môn".

Trưởng Lão Ma Ha Ca Diếp thỉnh hỏi kinh Đại Thừa Bửu Lương xong, chúng Tỳ Kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

PHÁP HỘI BỬU LƯƠNG TỤ
THỨ BỐN MƯƠI BỐN
HẾT.

XLV

PHÁP HỘI

VÔ TẬN HUỆ BỒ TÁT

THỨ BỐN MƯƠI LĂM

Hán dịch: Nhà Đường, Pháp Sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vầy tôi nghe một lúc đức Phật ở thành Vương Xá trong núi Kỳ Xà Quật cùng chúng đại Tỳ Kheo ngàn hai trăm năm mươi người câu hội.

Còn có một vạn đại Bồ Tát cùng họp, đó là Huệ Tràng Bồ Tát, Pháp Tràng Bồ Tát, Nguyệt Tràng Bồ Tát, Nhựt Tràng Bồ Tát, Vô Biên Tràng Bồ Tát v.v…

Còn có mười sáu tại gia Bồ Tát, Bạt Đà Bà La Bồ Tát làm thượng thủ.

Còn có sáu mươi vô tỉ dụ tâm đại Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm thượng thủ.

Còn có tất cả đại Bồ Tát trong Hiền kiếp, Di Lặc Bồ Tát làm thượng thủ.

Còn có sáu vạn đại Bồ Tát, Vô Tận Huệ Bồ Tát làm thượng thủ.

Bấy giờ Vô Tận Huệ Bồ Tát đứng dậy trịch y vai hữu, gối chấm đất chắp tay lễ Phật, đem các hoa báu phụng tán trên Phật mà bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nói là tâm Bồ đề ấy, do nghĩa gì mà gọi là tâm Bồ đề? Bồ Tát lại do bao nhiêu pháp thành tâm Bồ đề? Thế nào là tâm Bồ đề? Trong Bồ đề, tâm bất khả đắc; trong tâm, Bồ đề cũng bất khả đắc; lìa Bồ đề, tâm bất khả đắc; lìa tâm, Bồ đề cũng bất khả đắc.

Bồ đề ấy không sắc không tướng chẳng ngôn thuyết được, tâm ấy cũng không sắc không tướng chẳng hiển thị được. Chúng sanh cũng như vậy, đều bất khả đắc.

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp như vậy sẽ y cứ nghĩa gì mà được tu hành?".

Đức Phật dạy: "Nầy Vô Tận Huệ! Nay ông lắng nghe kỹ và khéo suy nghĩ.

Ta nói Bồ đề ấy vốn không danh tự ngôn thuyết. Tại sao? Vì trong Bồ đề danh tự ngôn thuyết bất khả đắc vậy. Tâm và chúng sanh cũng lại như vậy, nếu biết như vậy thì gọi là tâm Bồ đề.

Bồ đề ấy chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại. Tâm và chúng sanh cũng chẳng phải quá vị hiện

tại. Nếu biết nghĩa ấy thì gọi là Bồ Tát, nhưng trong ấy cũng bất khả đắc.

Với tất cả pháp đều vô sở đắc thì gọi là được tâm Bồ đề.

Như A La Hán được quả A La Hán mà ở trong ấy đều vô sở đắc chỉ trừ theo thế tục gọi là đắc quả, nơi tất cả pháp đều vô sở đắc. Được tâm Bồ đề cũng vậy, vì muốn dẫn nhiếp sơ nghiệp Bồ Tát nên nói tâm Bồ đề, nhưng ở trong ấy không có tâm. Không có tâm gọi là không có Bồ đề, không có Bồ đề gọi là không có chúng sanh, không có chúng sanh gọi là không có Thanh Văn, không có Thanh Văn gọi là không có Độc Giác, không có Độc Giác gọi là không có Bồ Tát, không có Bồ Tát gọi là không có Như Lai, không có Như Lai gọi là không có hữu vi, không có hữu vi gọi là không có vô vi, không có vô vi gọi là không có hiện được không có sẽ được.

Nầy Vô Tận Huệ! Nay ta y theo ngôn thuyết mà giải bày như vầy: Nếu có chúng sanh thiện căn rộng lớn siêu các chúng sanh như núi Tu Di cao hơn tất cả, là sơ phát tâm làm nhơn cho Bố thí Ba la mật. Dường như đại địa khéo có thể an trụ tất cả sự nghiệp, là đệ nhị phát tâm làm nhơn cho Giới Ba la mật. Chí ý dũng mãnh an thọ phiền não như sư tử vương oai phục bầy dã

thú thân không kinh sợ, là đệ tam phát tâm làm nhơn cho Nhẫn nhục Ba la mật. Thế lực hùng mạnh nhanh nhẹn hay phục phiền não như Na La Diên xô dẹp mọi kẻ khác là đệ tứ phát tâm làm nhơn cho Tinh tiến Ba la mật. Các công đức thiện căn khai phát như cây ba lợi chất đa câu bệ đà la nở hoa, là đệ ngũ phát tâm làm nhơn cho Thiền Ba la mật. Trừ bỏ si ám như mặt nhựt ánh sáng vô biên là đệ lục phát tâm làm nhơn cho Bát Nhã Ba la mật. Công đức ý lạc tất cả trang nghiêm đều được viên mãn như đại thương chủ của vật giàu có hay dùng phương tiện thiện xảo khỏi các hiểm nạn, là đệ thất phát tâm làm nhơn cho Phương tiện Ba la mật. Chướng ngại đã trừ diệt ý lạc đầy đủ như trăng tròn sáng, là đệ bát phát tâm làm nhơn cho Lực Ba la mật. Phật độ và chúng sanh đều nghiêm tịnh cả đầy đủ pháp lành việc làm thành tựu như người nghèo được vô tận tạng sở nguyện viên mãn, là đệ cửu phát tâm làm nhơn cho Nguyện Ba la mật. Phước trí vô biên như hư không tự tại với tất cả pháp như Chuyển Luân Vương đã thọ quán đảnh, là đệ thập phát tâm làm nhơn cho Trí Ba la mật.

Nầy Vô Tận Huệ! Nếu tu tập thành tựu mười thứ phát tâm nầy thì gọi là Bồ Tát, gọi là tối thắng chúng sanh, là vô chướng ngại chúng

sanh, là chẳng phải hạ liệt chúng sanh. Nhưng cứ nơi thiệt nghĩa thì bất khả đắc, thế nên trong ấy không có chúng sanh không có tâm không có Bồ đề.

Lại nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Thí Ba la mật lấy mười pháp làm đầu là: Tín căn, tín lực, ý lạc, tăng thượng ý lạc, lợi ích chúng sanh, đại từ, đại bi, hành tứ nhiếp pháp, ái lạc Phật pháp và cầu Nhứt thiết trí.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Giới Ba la mật lấy mười pháp làm đầu là: Thân nghiệp thanh tịnh, ngữ nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh, không tâm oán hại, trừ sạch ác thú, xa rời bát nạn, siêu hơn bực Thanh Văn và Bích Chi Phật, an trụ Phật công đức, đầy đủ các sở nguyện và thành tựu đại nguyện.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Nhẫn Ba la mật lấy mười pháp làm đầu là: Bỏ lìa sân hận, chẳng kể thân, chẳng kể mạng, tín giải thành tựu chúng sanh, từ lực, tùy thuận pháp nhẫn, thậm thâm pháp nhẫn, quảng đại thắng nhẫn và phá tối vô minh.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Tinh tiến Ba la mật dùng mười pháp làm đầu là: Tùy theo chỗ làm của chúng sanh mà làm, thân khẩu ý nghiệp thường sanh tùy hỉ, không giải đãi,

chuyên tiến đến, tu chánh cần, tu niệm xứ, phá kẻ thù phiền não, quan sát các pháp, thành tựu chúng sanh và cầu Nhứt thiết trí.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Thiền Ba la mật lấy mười pháp làm đầu là: An trụ thiện pháp, tâm duyên một cảnh, duyên cảnh định, chánh định, thiền giải thoát, định căn, định lực, phá hoại kẻ thù phiền não, định tụ viên mãn và hộ pháp tam muội.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Bát Nhã Ba la mật dùng mười pháp làm đầu là: Khéo quan sát các ấm, khéo quan sát các giới các xứ, chánh kiến, chánh niệm, biết rõ thánh đế, bỏ lìa các kiến chấp, huệ căn Vô sanh Pháp nhẫn, huệ lực và vô ngại trí.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Phương tiện Ba la mật lấy mười pháp làm đầu là: Nhập vào sở nguyện tâm hành của các chúng sanh, dùng sức lực giúp vào chúng sanh, đại từ đại bi, thành thục chúng sanh không hề chán mỏi, bỏ lìa bực Thanh Văn, Bích Chi Phật, tri kiến thù thắng, tu tập các Ba la mật, như thiệt quán các pháp, nhiếp bất tư nghị lực và bất thối chuyển địa.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Lực Ba la mật dùng mười pháp làm đầu là: Biết rừng

rậm tâm hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm phiền não hiện hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm ý lạc thắng giải hiện hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm các căn hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm các thứ giới hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tùy phiền não hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tử sanh hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tam thế nghiệp báo hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tập khí phiền não hành của tất chúng sanh và dùng tâm không mỏi nhọc thành thục rừng rậm các căn hành của tất cả chúng sanh.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Nguyện Ba la mật dùng mười pháp làm đầu là: Biết tất cả pháp vô sanh, biết tất cả pháp vô tướng, biết tất cả pháp vô diệt, biết tất cả pháp vô sở hữu, biết tất cả pháp không chấp trước, biết tất cả pháp vô lai, biết tất cả pháp vô khứ, biết tất cả pháp không tự tánh, biết tất cả pháp bình đẳng không có sơ trung hậu và đối với tất cả pháp sơ trung hậu không phân biệt.

Nầy Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Trí Ba la mật dùng mười pháp làm đầu là: Với tất cả pháp khéo có thể biết rõ quyết trạch, khéo có thể viên mãn bạch pháp, chứa họp vô lượng tư

lương của Bồ Tát thành tựu tư lương phước trí quảng đại, viên mãn đại bi, vào các loại thế giới sai biệt, vào phiền não hành của tất cả chúng sanh, tác ý vào cảnh giới Như Lai, tiến vào cảnh giới thù thắng thập lực vô sở úy bất cộng pháp và thọ vị quán đảnh thành tựu tướng tối thắng Nhứt thiết trí.

Đây là đại Bồ Tát hành mười Ba la mật đều dùng mười pháp làm đầu.

Lại nầy Vô Tận Huệ! Thế nào là nghĩa Ba la mật? Đó là vì nói rõ siêu quá sở hành của Nhị thừa vậy. Vì quảng đại viên mãn trí Như Lai vậy. Vì chẳng chấp trước nơi hữu vi vô vi vậy. Vì như thiệt biết rõ lỗi họa sanh tử vậy. Vì những kẻ chưa giác ngộ đều khiến giác ngộ vậy. Vì được Như Lai vô tận pháp tạng vậy. Vì được vô ngại giải thoát vậy. Vì dùng bố thí độ thoát các chúng sanh vậy. Vì dùng trì giới để viên mãn bổn thệ nguyện vậy. Vì dùng nhẫn nhục để đầy đủ tướng hảo đoan nghiêm vậy. Vì dùng tinh tiến để đầy đủ các Phật pháp vậy. Vì dùng thiền định để xuất sanh tứ vô lượng tâm vậy. Vì dùng Bát Nhã để diệt trừ các phiền não vậy. Vì dùng phương tiện để chứa hợp các Phật pháp vậy. Vì dùng nguyện có thể khiến các Phật pháp được viên mãn vậy. Vì dùng lực hay khiến chúng sanh tịnh

tín vậy. Vì dùng trí để đầy đủ Như Lai Nhứt thiết trí vậy. Vì được Vô sanh Pháp nhẫn vậy. Vì được bất thối chuyển vậy. Vì nghiêm tịnh Phật độ vậy. Vì thành thục chúng sanh vậy. Vì ở đạo tràng Bồ đề viên mãn tất cả Như Lai trí vậy. Vì hàng phục chúng ma vậy. Vì du hý tứ thần túc vậy. Vì nơi sanh tử và Niết Bàn đều không an trụ vậy. Vì siêu quá công đức của tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật và Bồ Tát vậy. Vì xô dẹp tất cả dị luận vậy. Vì thành tựu thập lực, tứ vô úy, thập bát bất cộng Phật pháp vậy. Vì chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy. Vì chuyển mười hai loại pháp luân vậy.

Tất cả như vậy là nghĩa của Ba la mật.

Lại nầy Vô Tận Huệ! Lúc đại Bồ Tát sắp an trụ sơ Hoan hỷ địa trước tiên có tướng như vầy: Thấy trong tam thiên Đại Thiên thế giới có trăm ngàn ức na do tha phục tạng các thứ bửu. Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ nhị Ly cấu địa trước tiên có tướng nầy: Thấy tam thiên Đại Thiên thế giới mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay có vô lượng trăm ngàn ức na do tha các thứ hoa sen báu thanh tịnh nghiêm sức.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ Tam minh địa trước tiên có tướng nầy: Thấy tự thân mặc giáp

cầm trượng dũng mãnh kiên cố dẹp phục oán địch.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ tứ Diệm địa trước tiên có tướng nầy: Thấy bốn phương gió thổi các thứ danh hoa rải đầy mặt đất.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ ngũ Nan thắng địa trước tiên có tướng nầy: Thấy nữ nhơn đầu đội vòng hoa a đề mục đa, vòng hoa bà lợi sư ca, vòng hoa chiêm bặc ca, trên thân đeo các thứ báu trang nghiêm.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ lục Hiện tiền địa trước tiên có tướng nầy: Thấy ao hoa đầy nước bát công đức đứng trong, đáy ao trải cát vàng ròng, bốn bờ bực đường bằng chất báu, trong ao trang nghiêm với những hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ và hoa sen trắng, lại thấy tự thân du hý trong ao ấy.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ thất Viễn hành địa trước tiên có tướng nầy: Thấy tự thân hai bên tả hữu đều có địa ngục đi vượt qua các địa ngục ấy mà không bị thương tổn.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ bát Bất động địa trước tiên có tướng nầy: Thấy tự thân trên hai vai mang tướng sư tử chúa, tất cả muông thú đều hãi sợ.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ cửu Thiện huệ địa trước tiên có tướng nầy: Thấy tự thân làm Chuyển Luân Vương dùng chánh pháp giáo hóa được vô lượng trăm ngàn ức na do tha vua chúa chầu hầu vây quanh, có lọng báu trang nghiêm sạch trắng che trên Bồ Tát.

Đại Bồ Tát sắp an trụ đệ thập Pháp vân địa trước tiên có tướng nầy: Thấy tự thân làm màu chơn kim đủ ba mươi hai tướng hảo Như Lai đại trượng phu, viên quang chiếu một tầm ngồi an trên tòa sư tử cao rộng, vô lượng trăm ngàn ức na do tha Phạm Thiên vi nhiễu trước sau cung kính cúng dường để nghe thuyết pháp.

Đại Bồ Tát dùng sức tam muội hiển hiện tướng trước tiên của Thập địa như vậy.

Lại nầy Vô Tận Huệ! Sơ địa Bồ Tát viên mãn Thí Ba la mật, nhị địa Bồ Tát viên mãn Giới Ba la mật, tam địa Bồ Tát viên mãn Nhẫn Ba la mật, tứ địa Bồ Tát viên mãn Tinh tấn Ba la mật, ngũ địa Bồ Tát viên mãn Thiền Ba la mật, lục địa Bồ Tát viên mãn Bát Nhã Ba la mật, thất địa Bồ Tát viên mãn Phương tiện Ba la mật, bát địa Bồ Tát viên mãn Lực Ba la mật, cửu địa Bồ Tát viên mãn Nguyện Ba la mật, thập địa Bồ Tát viên mãn Trí Ba la mật.

Lại nầy Vô Tận Huệ! Bồ Tát sơ phát tâm được Hiện bửu tam muội, đệ nhị phát tâm được Thiện trụ tam muội, đệ tam phát tâm được Bất động tam muội, đệ tứ phát tâm được Bất thối chuyển tam muội, đệ ngũ phát tâm được Bửu hoa tam muội, đệ lục phát tâm được Nhựt luân quang minh tam muội, đệ thất phát tâm được Thành tựu nhứt thiết nghĩa tam muội, đệ bát phát tâm được Trí cự tam muội, đệ cửu phát tâm được Hiện chứng Phật pháp tam muội, đệ thập phát tâm được Thủ lăng nghiêm tam muội.

Lại nầy Vô Tận Huệ! Đại Bồ Tát ở trong sơ địa được đà la ni thù thắng gia trì, ở trong nhị địa được đà la ni vô năng thắng, ở trong tam địa được đà la ni thiện trụ, ở trong tứ địa được đà la ni bất khả hoại, ở trong ngũ địa được đà la ni vô cấu, ở trong lục địa được đà la ni trí luân đăng, ở trong thất địa được đà la ni thù thắng hạnh, ở trong bát địa được đà la ni thanh tịnh phân biệt, ở trong cửu địa được đà la ni thị hiện vô biên pháp môn, ở trong thập địa được đà la ni vô tận pháp tạng".

Lúc ấy ở trong hội có một Thiên Tử tên Vô Ngại Quang Minh Sư Tử Tràng đứng dậy trịch y vai hữu, gối hữu chấm đất chắp tay hướng lên đức Phật bạch rằng: "Hy hữu Thế Tôn! Hy hữu

Thiện Thệ! Pháp môn như vậy rất sâu rất rộng lớn, có thể hàm nhiếp tất cả Phật pháp".

Đức Phật dạy: "Nầy Thiên Tử! Đúng như lời ông nói. Nếu có Bồ Tát ở nơi pháp môn nầy có thể tạm nghe nhận tất chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề. Tại sao? Vì Bồ Tát ấy từng đã trồng căn lành, vì đã thành thục các căn lành, nên được nghe kinh điển như vậy và được kinh điển như vậy ấn chứng.

Nầy Thiên Tử! Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn được nghe kinh nầy thì thiện căn được họ trồng đều thanh tịnh sẽ được chẳng bỏ rời thấy Phật nghe Pháp cúng dường chúng Tăng, được chẳng rời bỏ đà la ni hải ấn, đà la ni xuất hiện vô tận, đà la ni nhập chúng sanh chí nguyện tâm hành, đà la ni thanh tịnh nhựt quang tràng, đà la ni vô cấu nguyệt quang tràng, đà la ni tức nhứt thiết kiết sử, đà la ni tối diệt vô biên phiền não kiên cố như kim cương sơn, đà la ni nhập bình đẳng pháp tánh ngôn thuyết, đà la ni nhập chơn thiệt ngữ ngôn âm thanh, đà la ni như hư không hiển hiện vô biên thanh tịnh ấn sở ấn, đà la ni thành tựu hiển hiện vô biên Phật thân.

Thành tựu các đà la ni như vậy, đại Bồ Tát có thể nơi tất cả Phật độ mười phương biến hiện thân Phật giáo hóa chúng sanh mà với pháp

tánh không có lai khứ cũng không có giáo hóa chúng sanh, nơi pháp được nói chẳng trước văn tự bình đẳng vô động. Dầu hiện thân sanh tử mà không có khởi diệt cũng không có chút pháp khứ lai, biết rõ các hành bổn lai tịch tĩnh an trụ Phật pháp. Tại sao? Vì tất cả pháp ấy không có phân biệt vậy".

Lúc đức Phật nói pháp nầy, trong chúng có ba vạn Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn, vô lượng Bồ Tát được chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề, vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ đề, vô lượng Tỳ Kheo được pháp nhãn tịnh.

Đức Phật nói kinh nầy rồi, Vô Tận Huệ Bồ Tát và chư Tỳ Kheo, tất cả thế gian Trời, Người, A Tu La, Càn Thát Bà v.v... đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI VÔ TẬN HUỆ BỒ TÁT
THỨ BỐN MƯƠI LĂM
HẾT.

XLVI

PHÁP HỘI

VĂN THÙ THUYẾT BÁT NHÃ

THỨ BỐN MƯƠI SÁU

Hán dịch: Nhà Lương, Pháp Sư Mạn Đà La Tiên.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vầy tôi nghe, một lúc đức Phật ở nước Xá Vệ tại Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, cùng đại Tỳ Kheo Tăng ngàn người câu hội. Chúng đại Bồ Tát mười ngàn người dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm đều đã an trụ bực bất thối chuyển. Danh hiệu các Ngài là: Di Lặc Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Vô Ngại Biện Bồ Tát, Bất Xả Thệ Bồ Tát v.v...làm thượng thủ.

Lúc minh tướng hiện, Văn Thù Sư Lợi Đồng Chơn Đại Bồ Tát từ chỗ Ngài ở đến chỗ đức Phật ngự đứng phía ngoài.

Bấy giờ các Tôn giả Xá Lợi Phất, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Si La v.v... chư đại Thanh Văn cũng từ chỗ các Ngài ở đến chỗ đức Phật ngự đứng phía ngoài.

Biết chúng hội đã vân tập, đức Như Lai từ chỗ Ngài ở bước ra trải tòa mà ngồi rồi bảo Tôn giả Xá Lợi Phất: "Hôm nay sáng sớm có cớ chi mà ông đến đứng ngoài cửa?".

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Văn Thù Sư Lợi Đồng Chơn đại Bồ Tát đã đến trước đứng ngoài cửa, tôi thiệt đến sau vậy".

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Ông thiệt đến đứng đây trước muốn thấy Như Lai chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi thiệt đến trước muốn thấy đức Như Lai. Tại sao? Vì tôi thích chánh quán lợi ích chúng sanh. Tôi quán đức Như Lai: Là tướng như như, tướng bất dị, tướng bất động, tướng bất tác, tướng vô trụ, tướng bất diệt, tướng bất hữu, tướng bất vô, tướng chẳng tại phương chẳng ly phương, tướng phi tam thế phi bất tam thế, tướng phi nhị phi bất nhị, tướng phi cấu phi tịnh. Tôi chánh quán đức Như Lai như vậy lợi ích chúng sanh".

Đức Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nếu hay thấy Như Lai như vậy thì tâm vô sở thủ cũng vô bất thủ, chẳng phải tích tụ chẳng phải bất tích tụ".

Tôn giả Xá Lợi Phất nói với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nếu người hay thấy đức Như Lai như vậy, như lời Ngài nói, thì rất hy hữu, vì các chúng sanh mà thấy đức Như Lai như vậy, nhưng tâm chẳng thủ tướng chúng sanh, hóa độ các chúng sanh hướng đến Niết Bàn nhưng chẳng thủ tướng Niết Bàn, vì tất cả chúng sanh phát đại trang nghiêm nhưng chẳng thấy tướng trang nghiêm".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói với Tôn giả Xá Lợi Phất: "Đúng vậy, như lời Ngài nói, dầu vì tất cả chúng sanh mà phát đại trang nghiêm, nhưng tâm hằng chẳng thấy có tướng chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh phát đại trang nghiêm, nhưng chúng sanh giới cũng chẳng tăng chẳng giảm.

Giả sử một đức Phật trụ thế hoặc một kiếp hoặc quá một kiếp, một thế giới như vậy còn có vô lượng vô biên hằng hà sa chư Phật, mỗi mỗi đức Phật trong một kiếp hoặc quá một kiếp ngày đêm luôn thuyết pháp chẳng tạm ngừng, mỗi mỗi đức Phật độ được vô lượng hằng hà sa chúng sanh đều nhập Niết Bàn, nhưng chúng sanh giới cũng chẳng tăng chẳng giảm. Nhẫn đến tất cả chư Phật mười phương thế giới cũng như vậy, mỗi mỗi đức Phật thuyết pháp giáo hóa cũng độ được vô lượng hằng hà sa chúng sanh

đều nhập Niết Bàn, nhưng chúng sanh giới chẳng tăng chẳng giảm. Tại sao? Vì tướng chúng sanh nhứt định bất khả đắc vậy, thế nên chúng sanh giới bất tăng bất giảm".

Tôn giả Xá Lợi Phất lại nói với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nếu chúng sanh giới chẳng tăng chẳng giảm, tại sao chư Bồ Tát vì chúng sanh cầu Vô thượng Bồ đề thường thuyết pháp cho họ?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Nếu các chúng sanh đều là tướng không, thì cũng không Bồ Tát cầu Vô thượng Bồ đề, cũng không chúng sanh để vì họ thuyết pháp. Tại sao? Vì trong pháp tôi nói không có một pháp khả đắc vậy".

Bấy giờ đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nếu không có chúng sanh, tại sao nói có chúng sanh và chúng sanh giới?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Chúng sanh giới tướng như chư Phật giới".

Đức Phật hỏi: "Chúng sanh giới đó là có lượng chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Chúng sanh giới lượng như chư Phật giới lượng".

Đức Phật hỏi: "Chúng sanh giới lượng có xứ sở chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Chúng sanh giới lượng bất khả tư nghị".

Đức Phật hỏi: "Chúng sanh giới tướng là có trụ chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Chúng sanh vô trụ, dường như hư không trụ".

Đức Phật hỏi: "Như thế thì lúc tu Bát Nhã Ba la mật sẽ thế nào trụ Bát Nhã Ba la mật?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Lấy bất trụ pháp làm trụ Bát Nhã Ba la mật".

Đức Phật hỏi: "Thế nào bất trụ pháp gọi là trụ Bát Nhã Ba La Mật?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Bởi không trụ tướng tức là trụ Bát Nhã Ba la mật".

Đức Phật hỏi: "Lúc trụ Bát Nhã Ba la mật như vậy, các thiện căn ấy thế nào tăng trưởng thế nào tổn giảm?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Nếu có thể trụ Bát Nhã Ba la mật như vậy thì các thiện căn không tăng không giảm, nơi tất cả pháp cũng không tăng không giảm, tánh tướng của Bát Nhã Ba la mật ấy cũng không tăng không giảm.

Bạch đức Thế Tôn! Tu Bát Nhã Ba la mật như vậy thì chẳng xả phàm phu pháp cũng

chẳng thủ Hiền Thánh pháp. Tại sao? Vì Bát Nhã Ba la mật chẳng thấy có pháp khả thủ khả xả.

Tu Bát Nhã Ba la mật như vậy cũng chẳng thấy Niết Bàn khả lạc sanh tử khả yểm. Tại sao? Vì còn chẳng thấy sanh tử huống là chán nhàm, còn chẳng thấy Niết Bàn huống là ưa thích.

Tu Bát Nhã Ba la mật như vậy chẳng thấy cấu não khả xả cũng chẳng thấy công đức khả thủ. Tại sao? Vì nơi tất cả pháp tâm không tăng giảm, vì chẳng thấy pháp giới có tăng giảm vậy.

Nếu được như vậy thì gọi là tu Bát Nhã Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng thấy các pháp có sanh có diệt là tu Bát Nhã Ba la mật. Chẳng thấy các pháp có tăng có giảm là tu Bát Nhã Ba la mật. Tâm không mong lấy chẳng thấy pháp tướng có khả thủ là tu Bát Nhã Ba la mật.

Chẳng thấy tốt xấu, chẳng sanh cao hạ, chẳng sanh lấy bỏ. Tại sao? Pháp không có tốt xấu vì rời lìa các tướng vậy. Pháp không có cao hạ vì bình đẳng pháp tánh vậy. Pháp không có lấy bỏ vì trụ thiết tế vậy. Đây là tu Bát Nhã Ba la mật".

Đức Phật hỏi: "Các Phật pháp ấy được chẳng thù thắng ư?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Tôi chẳng thấy các pháp có tướng thù thắng. Đức Như Lai tự giác ngộ tất cả pháp không, có thể chứng biết".

Đức Phật phán: "Đúng như vậy, Như Lai Chánh Giác tự chứng pháp không".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Trong pháp không ấy, sẽ có gì hơn chơn như để được chăng?".

Đức Phật phán: "Lành thay, lành thay! Nầy Văn Thù Sư Lợi! Như chỗ ông nói đó là chơn pháp chăng?

Nầy Văn Thù Sư Lợi! A nậu đa la gọi là Phật pháp".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Như lời Phật nói, A nậu đa la gọi là Phật pháp. Tại sao, vì không có pháp để được gọi là A nậu đa la.

Tu Bát Nhã như vậy chẳng gọi là pháp khí, chẳng phải pháp hóa độ phàm phu, cũng chẳng phải Phật pháp, chẳng phải pháp tăng trưởng, đây gọi là tu Bát Nhã Ba la mật.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Lúc tu Bát Nhã Ba la mật chẳng thấy có pháp gì để phân biệt tư duy được".

Đức Phật hỏi: "Ông ở nơi Phật pháp chẳng tư duy ư?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Không vậy, bạch đức Thế Tôn! Như chỗ tôi tư duy thì chẳng thấy Phật pháp, cũng chẳng có gì phân biệt được là pháp phàm phu, là pháp Thanh Văn, là pháp Bích Chi Phật. Như thế ấy gọi là Vô thượng Phật pháp.

Lại nữa, lúc tu Bát Nhã Ba la mật chẳng thấy tướng phàm phu chẳng thấy tướng Phật pháp, chẳng thấy các pháp có tướng quyết định, đây là tu Bát Nhã Ba la mật.

Lại nữa, lúc tu Bát Nhã Ba la mật, chẳng thấy cõi Dục, chẳng thấy cõi Sắc, chẳng thấy cõi Vô Sắc, chẳng thấy cõi Tịch diệt. Tại sao? Vì chẳng thấy có pháp gì là tướng tận diệt, đây là tu Bát Nhã Ba la mật.

Lại nữa, lúc tu Bát Nhã Ba la mật, chẳng thấy có người làm ơn, chẳng thấy có người báo ơn, tư duy hai tướng tâm không có phân biệt, đây là tu Bát Nhã Ba la mật.

Lại nữa, lúc tu Bát Nhã Ba la mật chẳng thấy có Bát Nhã Ba la mật, cũng chẳng thấy có Phật pháp để lấy, chẳng thấy có pháp phàm phu để bỏ. Đây là tu Bát Nhã Ba la mật.

Lại nữa, lúc tu Bát Nhã Ba la mật, chẳng thấy có pháp phàm phu để diệt, cũng chẳng thấy có Phật pháp mà tâm chứng biết. Đây là tu Bát Nhã Ba la mật".

Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Nầy Văn Thù Sư Lợi! Ông có thể khéo nói tướng Bát Nhã Ba la mật. Đó là pháp ấn được học của chư đại Bồ Tát. Nhẫn đến hàng Thanh Văn, Duyên Giác cũng sẽ chẳng rời lìa pháp ấn ấy mà tu đạo quả.

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Nếu có người được nghe pháp ấy mà chẳng kinh sợ, người nầy chẳng phải chỉ trồng cội lành nơi ngàn đức Phật, mà họ đã ở nơi trăm ngàn vạn ức chư Phật gieo trồng các căn lành, nên họ mới có thể ở nơi thậm thâm Bát Nhã Ba la mật mà chẳng kinh chẳng sợ".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi muốn lại nói nghĩa Bát Nhã Ba la mật".

Đức Phật phán bảo: "Ông nên nói đi".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Lúc tu Bát Nhã Ba la mật, chẳng thấy có pháp nào là nên an trụ, là chẳng nên an trụ, cũng chẳng thấy có tướng được thủ được xả nơi cảnh giới. Tại sao? Vì như chư Phật chẳng thấy tướng cảnh giới của tất cả pháp. Cho đến còn chẳng lấy cảnh giới chư Phật, huống là lấy cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác, phàm phu.

Lúc tu Bát Nhã Ba la mật, chẳng lấy tướng tư nghị, chẳng lấy tướng bất tư nghị, chẳng thấy pháp chư Phật có bao nhiêu tướng. Tự chứng pháp không chẳng thể tư nghị.

Đại Bồ Tát như vậy đều đã cúng dường trăm ngàn vạn ức chư Phật gieo trồng căn lành mới có thể chẳng kinh chẳng sợ nơi Bát Nhã Ba la mật thậm thâm nầy.

Lại nữa, lúc tu Bát Nhã Ba la mật, chẳng thấy phược chẳng thấy giải, với phàm phu nhẫn đến tam thừa chẳng thấy tướng sai biệt. Đây là tu Bát Nhã Ba la mật".

Đức Phật hỏi: "Nầy Văn Thù Sư Lợi! Ông đã cúng dường ở chỗ bao nhiêu chư Phật?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tôi và chư Phật như tướng huyễn hóa, chẳng thấy tướng cúng dường, chẳng thấy người nhận".

Đức Phật hỏi: "Nay ông có thể chẳng đã an trụ Phật thừa ư?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Như chỗ tôi tư duy chẳng thấy có một pháp, thì thế nào sẽ được an trụ nơi Phật thừa".

Đức Phật hỏi: "Ông chẳng được Phật thừa chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Như Phật thừa ấy chỉ có danh tự, chẳng thể được cũng chẳng thể thấy, như vậy thì tôi làm sao được".

Đức Phật hỏi: "Ông được trí vô ngại chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tôi chính là vô ngại. Sao lại đem vô ngại để được vô ngại?".

Đức Phật hỏi: "Ông ngồi đạo tràng chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tất cả chư Phật chẳng ngồi đạo tràng. Nay tôi sao lại riêng ngồi đạo tràng. Tại sao? Vì hiện tại tôi thấy tất cả pháp an trụ thiệt tế".

Đức Phật hỏi: "Thế nào gọi là thiệt tế?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Thân kiến v.v… là thiệt tế".

Đức Phật hỏi: "Thế nào thân kiến là thiệt tế?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tướng như của thân kiến chẳng phải thiệt chẳng phải chẳng thiệt, chẳng đến chẳng đi, cũng là thân, cũng là chẳng phải thân, đây gọi là thiệt tế".

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu ai ở nơi nghĩa ấy mà rõ chắc quyết định thì gọi là đại Bồ Tát. Tại sao? Vì được nghe tướng Bát Nhã Ba la mật thậm thâm như vậy mà họ chẳng kinh sợ chẳng mê nghi".

Di Lặc Bồ Tát bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu được nghe pháp tướng Bát Nhã Ba la mật đầy đủ như vậy thì tức là gần chỗ đức Phật ngồi. Tại sao? Vì đức Phật hiện giác ngộ pháp tướng ấy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Người được nghe Bát Nhã Ba la mật thậm thâm mà có thể chẳng kinh sợ chẳng mê nghi, thì phải biết người ấy chính là thấy Phật".

Lúc bấy giờ lại có Vô Tướng Ưu Bà Di bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp phàm phu, pháp Thanh Văn, pháp Bích Chi Phật, pháp Phật, các pháp ấy đều không có tướng, vì thế nên được nghe Bát Nhã Ba la mật đều không kinh sợ chẳng mê nghi. Tại sao? Vì tất cả vốn không có tướng".

Đức Phật bảo Tôn giả Xá Lợi Phất: "Nếu có thiện nam, thiện nữ nghe Bát Nhã Ba la mật thậm thâm như vậy mà được quyết định, chẳng kinh sợ chẳng mê nghi, thì nên biết người ấy chính là người an trụ bực Bất thối chuyển.

Nếu có người nghe Bát Nhã Ba la mật thậm thâm nầy mà chẳng kinh sợ, hay tin ưa nghe nhận vui thích không chán, thì tức là có đủ Đàn Ba la mật, Thi la Ba la mật, Sằn đề Ba la mật, Tì lê gia Ba la mật, Thiền Ba la mật và Bát Nhã Ba la mật. Người ấy cũng hay vì người khác mà hiển thị phân biệt như thuyết tu hành".

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Ông quán nghĩa gì là được Vô thượng Bồ đề, là an trụ Vô thượng Bồ đề?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tôi không có được Vô thượng Bồ đề, tôi chẳng an trụ Phật thừa, thì sao lại sẽ được Vô thượng Bồ đề? Như lời tôi nói đó tức là tướng Vô thượng Bồ đề vậy".

Đức Phật khen: "Lành thay, lành thay! Nầy Văn Thù Sư Lợi! Ông có thể ở nơi pháp thậm thâm ấy mà khéo nói nghĩa như vậy. Ông ở chỗ chư Phật trước từ lâu đã gieo các căn lành, dùng pháp vô tướng mà tịnh tu phạm hạnh".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Nếu thấy có tướng thì nói không tướng. Nay tôi chẳng thấy có tướng chẳng thấy không tướng, sao lại bảo là dùng pháp vô tướng mà tịnh tu phạm hạnh?".

Đức Phật hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Ông có thấy giới Thanh Văn chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Có thấy, bạch đức Thế Tôn!".

Đức Phật hỏi: "Ông thấy thế nào?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tôi chẳng khởi thấy phàm phu, chẳng khởi thấy Thánh nhơn, chẳng khởi thấy hữu học, chẳng khởi thấy vô học, chẳng khởi thấy lớn, chẳng khởi thấy nhỏ, chẳng khởi thấy điều phục, chẳng khởi thấy chẳng điều phục, chẳng phải thấy chẳng phải chẳng thấy".

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nay Ngài quán Thanh Văn thừa như vậy, với Phật thừa thì Ngài quán thế nào?".

Văn Thù Sư Lợi nói: "Tôi chẳng thấy pháp Bồ Tát, chẳng thấy tu hành Bồ đề và người chứng Bồ đề".

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Thế nào gọi là Phật, quán Phật thế nào?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hỏi Tôn giả Xá Lợi Phất: "Thế nào là ngã?".

Tôn giả Xá Lợi Phất nói: "Ngã ấy chỉ có danh tự thôi. Tướng danh tự là không".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Đúng như vậy. Như ngã chỉ có danh tự, Phật cũng chỉ có danh tự, tướng danh tự là không, chính đó là Bồ đề. Chẳng đem danh tự để cầu Bồ đề. Tướng Bồ đề không có ngôn không có thuyết. Tại sao? Vì ngôn thuyết và Bồ đề cả hai đều không vậy.

Lại nữa, nầy Xá Lợi Phất! Ngài hỏi thế nào gọi là Phật và quán Phật thế nào?

Chẳng sanh chẳng diệt chẳng đến chẳng đi, chẳng phải danh chẳng phải tướng, đây gọi là Phật.

Như tự quán thân thiệt tướng, quán Phật cũng vậy, chỉ có bực trí mới biết được thôi, đây gọi là quán Phật".

Bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Như Bát Nhã Ba la mật được Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đã nói, chẳng phải chỗ biết được của hàng sơ học Bồ Tát".

Văn thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Chẳng phải chỉ là hàng sơ học Bồ Tát chẳng biết được, mà hàng Thanh Văn Duyên Giác, bực chỗ làm đã xong

cũng chưa biết được. Thuyết pháp như vậy không có ai là người hay biết. Tại sao? Vì tướng Bồ đề thiệt ra không có pháp gì để được biết.

Bồ đề như vậy tánh tướng không tịch, không có thấy, không có nghe, không có được, không có niệm, không có sanh, không có diệt, không có thuyết, không có thính, không có chứng, không có biết, không có hình, không có tướng, như vậy thì làm sao lại sẽ có người được Bồ đề?".

Tôn giả Xá Lợi Phất nói với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Đức Phật ở nơi pháp giới chẳng chứng Vô thượng Bồ đề ư?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Không vậy, thưa Ngài Xá Lợi Phất. Đức Thế Tôn tức là pháp giới. Nếu đem pháp giới để chứng pháp giới là tranh luận.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Tướng pháp giới là Bồ đề. Tại sao? Vì trong pháp giới ấy không có tướng chúng sanh, vì là tất cả pháp không vậy. Tất cả pháp không tức là Bồ đề, vì là không có hai không có phân biệt vậy.

Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Trong vô phân biệt thì không có người biết. Nếu không có người biết thì không có lời không có nói. Không có tướng ngôn thuyết thì là chẳng phải có chẳng phải

không, chẳng biết chẳng phải chẳng biết. Tất cả các pháp cũng như vậy. Tại sao? Vì tất cả các pháp chẳng thấy có chỗ nơi nào là tánh quyết định.

Như tướng của tội nghịch chẳng thể nghĩ bàn được. Tại sao? Vì thiệt tướng của các pháp chẳng thể hoại hư vậy. Tội nghịch như vậy cũng không có bổn tánh, nó chẳng sanh thiên thượng chẳng đọa địa ngục cũng chẳng nhập Niết Bàn. Tại sao? Vì tất cả nghiệp duyên đều an trụ thiệt tế, chẳng đến chẳng đi, chẳng phải nhơn quả chẳng phải chẳng nhơn quả. Tại sao? Vì pháp giới vô biên không có tiền không có hậu.

Vì thế nên, nầy Ngài Xá Lợi Phất! Nếu thấy Tỳ Kheo phạm tội trọng chẳng đọa địa ngục, Tỳ Kheo thanh tịnh chẳng nhập Niết Bàn, Tỳ Kheo như vậy chẳng phải ứng cúng chẳng phải chẳng ứng cúng, chẳng phải tận lậu chẳng phải chẳng tận lậu. Tại sao? Vì ở trong các pháp an trụ bình đẳng vậy".

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi: "Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi! Thế nào gọi là bất thối pháp nhẫn?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Chẳng thấy chút pháp gì có tướng sanh diệt, gọi là bất thối pháp nhẫn".

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi: "Thế nào lại gọi là Tỳ Kheo chẳng điều phục?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "A La Hán lậu tận gọi đó là chẳng điều phục. Tại sao? Vì A La Hán các kiết sử đã hết không còn có chỗ điều phục nên gọi là chẳng điều phục. Nếu người quá tâm hành thì gọi là phàm phu. Tại sao? Vì phàm phu chúng sanh chẳng thuận pháp giới nên gọi là quá".

Tôn giả Xá Lợi Phất nói: "Lành thay, lành thay! Nay Ngài vì tôi mà khéo giải nghĩa A La Hán lậu tận".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Đúng như vậy. Tôi chính là lậu tận chơn A La Hán. Tại sao? Vì dứt ý muốn cầu Thanh Văn, cầu Bích Chi Phật, do đó mà gọi là lậu tận được A La Hán".

Đức Phật hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Chư Bồ Tát lúc ngồi đạo tràng có giác ngộ Vô thượng Bồ đề chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Lúc ngồi đạo tràng Bồ Tát không có giác ngộ Vô thượng Bồ đề. Tại sao? Vì như tướng Bồ đề không có chút pháp gì để được gọi là Vô thượng Bồ đề. Bồ đề không có tướng, ai có thể ngồi được, cũng không có ai phát khởi, do đó nên chẳng thấy Bồ Tát

ngồi đạo tràng cũng chẳng giác ngộ chứng Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ đề tức ngũ nghịch, ngũ nghịch tức Bồ đề. Tại sao? Vì Bồ đề và ngũ nghịch không có hai tướng, không có giác không người giác, không có thấy không người thấy, không có biết không người biết, không có phân biệt không người phân biệt, tướng như vậy gọi đó là Bồ đề. Thấy tướng ngũ nghịch cũng như vậy.

Nếu ai nói có Bồ đề để thủ chứng, thì nên biết người ấy là hạng tăng thượng mạn".

Đức Phật hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Ông nói ta là Như Lai, ông cũng cho rằng ta làm Như Lai chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Không vậy, bạch đức Thế Tôn! Tôi chẳng cho rằng Như Lai làm Như Lai. Không có tướng như có thể gọi được là như, cũng không có Như Lai trí để có thể biết được như. Tại sao? Vì Như Lai và Như Lai trí không có hai tướng vậy. Không là Như Lai, chỉ có danh tự thôi, như thế thì tôi sẽ như thế nào gọi là Như Lai".

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Ông nghi ngờ Như Lai chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Không vậy, bạch đức Thế Tôn! Tôi quán Như Lai không có tánh quyết định, không có sanh không có diệt, thế nên không nghi".

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nay ông chẳng cho rằng Như Lai xuất hiện nơi đời chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Nếu có Như Lai xuất hiện nơi đời thì tất cả pháp giới cũng phải xuất hiện cả".

Đức Phật hỏi: "Ông cho rằng hằng sa chư Phật nhập Niết Bàn chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Chư Phật tướng duy nhứt chẳng thể nghĩ bàn".

Đức Phật phán: "Đúng như vậy. Chư Phật là tướng duy nhất, tướng chẳng thể nghĩ bàn".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nay Phật trụ thế chăng?".

Đức Phật phán: "Đúng như vậy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Nếu đức Phật trụ thế thì hằng sa chư Phật cũng phải trụ thế. Tại sao? Vì tất cả chư Phật đều đồng tướng duy nhứt tướng chẳng thể nghĩ bàn. Tướng chẳng thể nghĩ bàn ấy không có sanh không có diệt.

Nếu vị lai Phật xuất thế thì tất cả chư Phật cũng phải đều xuất thế. Tại sao? Vì trong tướng chẳng thể nghĩ bàn ấy không có tướng quá khứ, vị lai, hiện tại, chỉ do chúng sanh thủ trước cho rằng có xuất thế, có diệt độ".

Đức Phật phán: "Đây là chỗ hiểu biết của chư Như Lai, chư A La Hán, chư Bồ Tát bất thối. Tại sao? Vì ba hạng nầy nghe pháp thậm thâm có thể không phỉ báng cũng chẳng tán thán".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tướng bất tư nghì như vậy, ai sẽ phỉ báng, ai sẽ tán thán".

Đức Phật phán: "Như Lai bất tư nghị, phàm phu cũng bất tư nghị".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Phàm phu cũng bất tư nghị chăng?".

Đức Phật phán: "Phàm phu cũng bất tư nghị. Tại sao? Vì tất cả tâm tướng đều bất tư nghị".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Nếu như lời nói ấy: Như Lai bất tư nghị phàm phu cũng bất tư nghị, thì nay vô số chư Phật cầu đại Niết Bàn luống tự nhọc nhằn. Tại sao? Vì pháp bất tư nghị tức là đại Niết Bàn bình đẳng không có khác vậy.

Phàm phu bất tư nghị, chư Phật bất tư nghị như vậy, những thiện nam, thiện nữ lâu huân tập thiện căn gần thiện tri thức mới có thể biết được".

Đức Phật phán: "Ông muốn đức Như Lai là bực tối thắng nơi các chúng sanh chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tôi muốn đức Như Lai ở nơi các chúng sanh là tối thắng đệ nhứt, chỉ vì tướng chúng sanh cũng bất khả đắc".

Đức Phật phán: "Ông muốn đức Như Lai được pháp bất tư nghị chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Muốn cho đức Như Lai được pháp bất tư nghị mà nơi các pháp không kẻ thành tựu".

Đức Phật phán: "Ông muốn khiến đức Như Lai thuyết pháp giáo hóa chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Muốn khiến đức Như Lai thuyết pháp giáo hóa mà người thuyết người thính đều bất khả đắc. Tại sao? Vì an trụ pháp giới vậy. Pháp giới chúng sanh không có tướng sai biệt".

Đức Phật phán: "Ông muốn đức Như Lai làm phước điền vô thượng chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Đức Như Lai là phước điền vô tận, là tướng vô tận, tướng vô tận là phước điền vô thượng, chẳng phải phước điền chẳng phải chẳng phước điền. Đây gọi là phước điền, không có các tướng sáng tối sanh diệt đây gọi là phước điền. Nếu có thể hiểu biết tướng phước điền như vậy là sâu gieo giống lành, nhưng cũng không có tăng không có giảm".

Đức Phật phán: "Thế nào là gieo giống không có tăng không có giảm?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Tướng phước điền chẳng thể nghĩ bàn, nếu người ở trong ấy mà tu tập pháp lành đúng pháp thì cũng chẳng thể nghĩ bàn. Gieo giống như vậy thì gọi là không có tăng không có giảm, cũng là phước điền tối thắng vô thượng".

Bấy giờ do thần lực của đức Phật, cả đại địa chấn động sáu cách hiện ra tướng vô thường, có một vạn sáu ngàn người được Vô sanh Pháp nhẫn, có bảy trăm Tỳ Kheo, ba ngàn Ưu Bà Tắc, bốn vạn ức Ưu Bà Di, sáu vạn ức na do tha chư Thiên cõi Dục đều xa trần lìa cấu ở trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh.

Tôn giả A Nan đứng dậy trịch y vai hữu gối hữu chấm đất bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn!

Do nhơn duyên gì mà có sáu cách chấn động ấy?".

Đức Phật phán: "Nầy A Nan! Vì ta nói tướng vô sai biệt của phước điền nên hiện thoại ứng ấy. Thuở xưa, chư Phật cũng ở tại chỗ nầy nói tướng phước điền làm lợi ích cho chúng sanh và tất cả thế gian chấn động sáu cách".

Tôn giả Xá Lợi Phất bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Ngài Văn Thù Sư Lợi thật là chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao? Vì pháp tướng được Ngài nói đó chẳng thể nghĩ bàn".

Đức Phật phán bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Đúng như vậy, như lời Xá Lợi Phất nói, sở thuyết của ông thiệt chẳng thể nghĩ bàn".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Bạch đức Thế Tôn! Bất tư nghị chẳng thể nói được mà tư nghị cũng chẳng thể nói được. Tánh tư nghị và bất tư nghị đều chẳng thể nói được. Tướng của tất cả âm thanh chẳng phải tư nghị cũng chẳng phải chẳng thể tư nghị".

Đức Phật phán: "Ông nhập tam muội bất tư nghị chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Không vậy. Bạch đức Thế Tôn! Tôi tức là bất tư nghị, chẳng thấy có tâm hay tư nghị thì sao lại bảo là nhập

tam muội bất tư nghị. Lúc tôi phát tâm ban đầu, tôi muốn nhập tam muội ấy. Mà nay tôi tư duy thiệt không có tâm tướng để nhập tam muội. Như người học bắn tập lâu thì giỏi. Lúc sau dầu vô tâm mà vì đã quen tập từ lâu nên buông tên ra đều trúng đích.

Cũng vậy, lúc ban đầu tôi học tam muội bất tư nghị, buộc tâm một cảnh duyên, luyện tập thành thục rồi không còn có tâm tướng mà hằng cùng chung với tam muội".

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Còn có định thắng diệu tịch diệt nữa chăng?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Nếu có định bất tư nghị thì Ngài có thể hỏi còn có định tịch diệt chăng? Cứ như ý tôi hiểu thì định bất tư nghị còn bất khả đắc, sao lại hỏi có định tịch diệt ư".

Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi: "Định bất tư nghị chẳng thể có được ư?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Định tư nghị có tướng để được, định bất tư nghị không có tướng để được. Tất cả chúng sanh thiệt thành tựu định bất tư nghị. Tại sao? Vì tất cả tâm tướng tức chẳng phải tâm vậy, đây gọi là định

bất tư nghị. Do đây nên tướng tất cả chúng sanh và tướng định bất tư nghị đồng nhau không sai biệt".

Đức Phật khen Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Lành thay, lành thay! Ở chỗ chư Phật ông từ lâu đã trồng căn lành tịnh tu phạm hạnh, ông mới hay diễn nói tam muội thậm thâm. Nay ông an trụ trong Bát Nhã Ba la mật như vậy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Nếu tôi an trụ trong Bát Nhã Ba la mật hay nói những lời ấy thì tức là có tưởng bèn an trụ ngã tưởng. Nếu an trụ trong có tưởng và ngã tưởng thì Bát Nhã Ba La Mật có xứ sở? Nếu an trụ nơi không có cũng là ngã tưởng, cũng gọi là xứ sở. Rời lìa hai nơi ấy mà an trụ không chỗ an trụ, như chư Phật an trụ an xử cảnh giới tịch diệt bất tư nghị. Bất tư nghị ấy gọi là Bát Nhã Ba la mật trụ xứ. Bát Nhã Ba la mật trụ xứ, tất cả pháp không có tướng, tất cả pháp không có tác. Bát Nhã Ba la mật tức là bất tư nghị, bất tư nghị tức pháp giới, pháp giới tức vô tướng, vô tướng tức bất tư nghị, bất tư nghị tức Bát Nhã Ba la mật, Bát Nhã Ba la mật tức pháp giới, không hai không khác, không hai không khác tức pháp giới, pháp giới tức vô tướng, vô tướng tức Bát Nhã Ba la mật giới, Bát Nhã Ba la mật giới tức bất tư nghị giới,

bất tư nghị giới tức vô sanh vô diệt giới, vô sanh vô diệt giới tức bất tư nghị giới.

Bạch đức Thế Tôn! Như Lai giới và ngã giới tức là tướng bất nhị. Người tu Bát Nhã Ba la mật như vậy thì chẳng cầu Bồ đề. Tại sao? Vì Bồ đề tướng ly tức là Bát Nhã Ba la mật vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu biết ngã tướng mà chẳng nhiễm trước, không biết không trước là chỗ biết của Phật chẳng thể nghĩ bàn. Không biết không trước là chỗ biết của Phật. Tại sao? Vì thể tánh của biết vốn không có tướng thì làm sao có biết có trước. Nếu bổn tánh của biết không có tướng không có trước thì gọi là không có vật. Nếu không có vật là không xứ sở không có chỗ y không có chỗ trụ. Không y không trụ là không sanh không diệt. Nếu không sanh không diệt thì là công đức hữu vi và vô vi.

Nếu biết như vậy thì không có tâm tưởng. Đã không tâm tưởng thì không có biết công đức hữu vi vô vi. Vì thế nên không biết ấy là bất tư nghị. Bất tư nghị ấy là chỗ biết của Phật.

Cũng không có thủ không có chẳng thủ, chẳng thấy tướng tam thế khứ lai, chẳng thủ lấy sanh diệt và những khởi tác, cũng chẳng đoạn chẳng thường. Biết như vậy thì gọi là chánh trí, là bất tư nghị trí, như hư không, không có thử

không có bỉ, chẳng gì so sánh được, không có tốt xấu, không ngang bằng, không có tướng không có mạo.

Đức Phật phán: "Nầy Văn Thù Sư Lợi! Nếu biết như vậy thì gọi là trí bất thối chuyển".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói: "Trí vô tác gọi là trí bất thối chuyển. Ví như quặng vàng, trước hết phải đập luyện rồi mới biết là vàng tốt xấu. Nếu chẳng nung đập thì không biết được.

Tướng của trí bất thối chuyển cũng như vậy, cần phải đi nơi cảnh giới mà chẳng niệm chẳng trước, không khởi không tác, hoàn toàn bất động, bất sanh bất diệt, như vậy tướng ấy mới hiển hiện".

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Như chư Phật tự nói trí của mình thì ai có thể tin?".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch: "Trí ấy chẳng phải pháp Niết Bàn chẳng phải pháp sanh tử, là hạnh tịch diệt, là hạnh vô động, chẳng dứt tham sân si cũng chẳng phải chẳng dứt tham sân si. Tại sao? Vì vô tận vô diệt vậy, chẳng lìa sanh tử, cũng chẳng phải chẳng lìa, chẳng tu đạo hạnh cũng chẳng phải chẳng tu. Người hiểu như đây thì gọi là chánh tín".

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Lành thay, lành thay! Như lời ông nói là hiểu sâu nghĩa ấy".

Lúc ấy Tôn giả Ma Ha Ca Diếp bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đời sau nếu có nơi chánh pháp thậm thâm như vậy thì ai có thể tin hiểu lãnh nhận tu hành?".

Đức Phật phán: "Nay trong pháp hội nầy chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, những người được nghe kinh nầy, trong đời vị lai, nếu được nghe pháp nầy thì họ quyết có thể tin hiểu, ở nơi Bát Nhã Ba la mật thậm thâm họ có thể tin hiểu thọ trì, và cũng có thể vì mọi người mà giải thuyết phân biệt. Ví như Trưởng Giả đánh mất châu ma ni lo rầu khổ sở, về sau được lại ông rất vui mừng. Cũng vậy, nầy Đại Ca Diếp! Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nầy có tâm tin ưa nếu chẳng được nghe thâm pháp thì lòng khổ não, nếu lúc được nghe thì tin hiểu thọ trì thường thích đọc tụng lòng rất vui mừng. Phải biết những người ấy tức là đã thấy Phật, cũng tức là thân cận cúng dường chư Phật.

Nầy Đại Ca Diếp! Ví như chư Thiên Đao Lợi thấy cây ba lợi chất đa la nẩy nụ, họ rất vui mừng vì biết chẳng bao lâu cây sẽ trổ hoa. Cũng

vậy, nếu chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di được nghe Bát Nhã Ba la mật mà có thể sanh lòng tin hiểu thì chẳng bao lâu sẽ nẩy nở tất cả Phật pháp.

Trong đời tương lai, có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nghe Bát Nhã Ba la mật tin nhận đọc tụng lòng chẳng mê nghi, thì phải biết người ấy đã từng ở tại pháp hội nầy được nghe thọ kinh ấy rồi và cũng hay vì người khác mà rộng tuyên lưu bố. Nên biết người ấy được Phật hộ niệm.

Trong Bát Nhã Ba la mật thậm thâm như vậy, ai có thể tin ta không nghi hoặc, người nầy đã tu học, trồng các căn lành từ lâu nơi chư Phật quá khứ.

Ví như có người tự tay xỏ châu bỗng gặp bảo châu chơn ma ni vô thượng lòng rất mừng rỡ, phải biết người ấy đã từng thấy bảo châu rồi. Cũng vậy, nầy Đại Ca Diếp! Nếu thiện nam, thiện nữ tu học các pháp khác, bỗng được nghe Bát Nhã Ba la mật thậm thâm mà hay sanh lòng vui mừng, nên biết người nầy trước đã được nghe rồi. Nếu có chúng sanh nghe Bát Nhã Ba la mật thậm thâm mà hay tin nhận lòng rất vui mừng, những chúng sanh nầy cũng đã thân cận

vô số chư Phật và đã được nghe được tu học Bát Nhã Ba la mật.

Ví như có người trước đã đến và thấy thành ấp tụ lạc, lúc sau nghe có ai khen thuật thành ấp đó những vườn tược, ao suối, rặng cây, bông trái, nhân dân đều đáng ưa mến, người ấy nghe xong rất vui mừng khuyên khiến thuật lại các cảnh đẹp của thành đó, người ấy nghe rồi lại càng vui mừng hơn, đây là vì các người ấy đã từng thấy thành ấp đó rồi vậy. Cũng thế, nếu thiện nam thiện nữ được nghe Bát Nhã Ba la mật mà hay tin nhận lòng rất vui mừng thích nghe chẳng nhàm còn khuyên nói nữa, nên biết các người ấy đã theo Văn Thù Sư Lợi nghe Bát Nhã Ba la mật thậm thâm vậy".

Tôn giả Ma Ha Ca Diếp bạch đức Phật: "Nếu đời đương lai có thiện nam, thiện nữ được nghe Bát Nhã Ba la mật thậm thâm nầy mà tin ưa nhận lấy, do đây nên biết họ cũng đã ở nơi Phật quá khứ, được nghe và tu học rồi".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Đức Thế Tôn nói các pháp vô tác vô tướng đệ nhứt tịch diệt. Nếu thiện nam thiện nữ hay hiểu chắc nghĩa ấy, đúng như chỗ được nghe mà giải thuyết thì được chư Phật khen ngợi chẳng xa pháp tướng, tức là lời Phật nói, cũng là tướng

Bát Nhã Ba la mật phát mạnh, đầy đủ Phật pháp, thông đạt thiệt tướng bất tư nghị".

Đức Phật phán bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Thuở ta hành đạo Bồ Tát tu các căn lành muốn an trụ bực bất thối chuyển phải học Bát Nhã Ba la mật, muốn thành Vô thượng Bồ đề phải học Bát Nhã Ba la mật.

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn hiểu tất cả pháp tướng, muốn biết tâm hành của tất cả chúng sanh thảy đều đồng đẳng, thì họ phải học Bát Nhã Ba la mật.

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Người muốn học tất cả Phật pháp, đầy đủ vô ngại thì phải học Bát Nhã Ba la mật. Người muốn học theo lúc đức Phật thành Vô thượng Chánh Giác đủ tướng hảo oai nghi vô lượng pháp thức thì phải học Bát Nhã Ba la mật. Người muốn biết chư Phật chẳng thành Bồ đề Vô thượng tất cả pháp thức và các oai nghi thì phải học Bát Nhã Ba la mật. Tại sao? Vì trong pháp không ấy, chẳng thấy có chư Phật Bồ đề vậy.

Nếu người muốn biết các pháp tướng như vậy mà không nghi hoặc thì phải học Bát Nhã Ba la mật. Tại sao? Vì Bát Nhã Ba la mật chẳng thấy các pháp hoặc sanh hoặc diệt, hoặc cấu hoặc tịnh.

Người muốn biết tất cả các pháp không có các tướng quá khứ, vị lai, hiện tại thì phải học Bát Nhã Ba la mật. Tại sao? Vì tánh tướng pháp giới không tam thế vậy.

Người muốn biết tất cả pháp đồng nhập pháp giới tâm vô chướng ngại thì phải học Bát Nhã Ba la mật.

Người muốn tam chuyển thập nhị hành pháp luân cũng tự chứng biết mà chẳng thủ trước thì phải học Bát Nhã Ba la mật.

Người muốn được từ tâm che khắp tất cả chúng sanh không giới hạn, cũng chẳng tưởng nghĩ có tướng chúng sanh, thì phải học Bát Nhã Ba la mật.

Người muốn được đối với tất cả chúng sanh không phát khởi tranh luận cũng chẳng nắm lấy tướng không tranh luận thì phải học Bát Nhã ba la mật.

Người muốn biết thị xứ phi xứ mười trí lực, bốn vô sở uý, an trụ Phật trí huệ được vô ngại biện, thì phải học Bát Nhã Ba la mật".

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Tôi quán chánh pháp: Vô vi, vô tướng, vô đắc, vô lợi, vô sanh, vô diệt, vô lai, vô khứ, không tri giả, không kiến giả, không tác giả, chẳng thấy

Bát Nhã Ba la mật cũng chẳng thấy cảnh giới Bát Nhã Ba la mật, chẳng phải chứng, chẳng phải chẳng chứng, chẳng hý luận, không phân biệt, tất cả pháp vô tận, ly tận, không có pháp phàm phu, không có pháp Thanh Văn, không có pháp Bích Chi Phật, không có pháp Phật, chẳng phải đắc chẳng phải chẳng đắc, chẳng bỏ sanh tử chẳng chứng Niết Bàn, chẳng phải tư nghị chẳng phải bất tư nghị, chẳng phải tác chẳng phải bất tác.

Pháp tướng như vậy, chẳng biết phải học Bát Nhã Ba la mật thế nào?".

Đức Phật phán dạy Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nếu có thể biết được pháp tướng như vậy, thì gọi là học Bát Nhã Ba la mật.

Nếu đại Bồ Tát muốn học Bồ đề tự tại tam muội, được tam muội ấy rồi chiếu rõ tất cả Phật pháp thậm thâm và biết danh tự của tất cả chư Phật, cũng biết rõ cả thế giới chư Phật không chướng ngại, thì nên đúng như trong lời Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói về Bát Nhã Ba la mật mà học".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Cớ gì gọi là Bát Nhã Ba la mật?".

Đức Phật phán dạy: "Bát Nhã Ba la mật: Không danh, không tướng, vô biên, vô tế, chẳng phải tư lương, không nương, không về, không nơi, không chỗ, không tội, không phước, không tối, không sáng, như pháp giới không có phần ngằn, không có hạn số. Đây gọi là Bát Nhã Ba la mật, cũng gọi là chỗ sở hành chẳng phải hành xứ chẳng phải chẳng hành xứ của đại Bồ Tát. Đều vào nhứt thừa nên gọi là chẳng phải hành xứ. Tại sao? Vì vô niệm vô tác vậy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Phải hành thế nào để có thể mau được Vô thượng Bồ đề?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Văn Thù Sư Lợi! Hành đúng như lời nói trong Bát Nhã Ba la mật thì có thể mau được Vô thượng Bồ đề.

Còn có nhứt hạnh tam muội, người tu tam muội nầy thì cũng mau được Vô thượng Bồ đề".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là nhứt hạnh tam muội?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Văn Thù Sư Lợi! Pháp giới nhứt tướng, nếu chuyên tâm duyên pháp giới, đây gọi là nhứt hạnh tam muội".

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn vào nhứt hạnh tam muội, phải trước nghe Bát Nhã Ba la mật rồi tu học đúng như lời, sau đó có thể vào nhứt hạnh tam muội, tâm duyên pháp giới chẳng thối chẳng hoại bất tư nghị vô ngại vô tướng.

Thiện nam, thiện nữ muốn vào nhứt hạnh tam muội, người nầy phải ở vắng vẻ rảnh rang, bỏ ý tưởng tán loạn, tâm chẳng nắm giữ tướng mạo, buộc chặt tâm tưởng vào một đức Phật rồi chuyên xưng danh hiệu của đức Phật ấy theo phương hướng của đức Phật ấy ngự mà ngồi ngay thẳng mặt hướng về phía ấy.

Có thể ở một đức Phật mà niệm niệm nối nhau không gián đoạn, thì liền trong niệm ấy thấy được chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Tại sao? Vì niệm một đức Phật, công đức vô lượng vô biên, cùng niệm vô lượng chư Phật, công đức cũng không khác. Bất tư nghị Phật pháp bình đẳng không phân biệt. Chư Phật đều thừa nhất như mà thành bực Tối Chánh Giác, đều đủ vô lượng công đức, vô lượng biện tài.

Người nhập nhứt hạnh tam muội như vậy biết hết tướng pháp giới vô sai biệt của hằng sa chư Phật.

A Nan Đà nghe Phật pháp được niệm tổng trì, trí huệ biện tài dầu là hơn hết trong hàng Thanh Văn mà còn có số lượng có hạn ngại.

Nếu được nhứt hạnh tam muội thì ở nơi pháp môn của các kinh, tất cả đều rành rẽ biết rõ quyết định vô ngại, trí huệ biện tài trọn không đoạn tuyệt. Nếu đem biện tài đa văn của A Nan Đà để so sánh thì không bằng một phần trăm một phần ngàn.

Đại Bồ Tát nên nghĩ như vầy: Tôi phải thế nào để được nhứt hạnh tam muội công đức bất khả tư nghị danh xưng vô lượng? Rồi lại nên nghĩ: Như đức Phật đã dạy, đại Bồ Tát phải ghi nhớ nhứt hạnh tam muội thường chuyên tinh tiến không giải đãi, theo thứ đệ như vậy mà lần lần tu học, thì có thể được nhập nhứt hạnh tam muội chứng được công đức bất khả tư nghị. Trừ người phỉ báng chánh pháp chẳng tin nhơn quả phạm tội chướng nặng thì không thể nhập được.

Lại nầy Văn Thù Sư Lợi! Ví như có người được châu ma ni đưa cho thợ ngọc xem. Thợ ngọc bảo rằng đây thật là vô giá bảo châu ma ni. Người ấy yêu cầu thợ ngọc giũa giồi chớ để mất màu và ánh sáng. Thợ ngọc trau giồi bửu châu màu sáng chiếu suốt trong ngoài. Cũng vậy, nếu có thiện nam thiện nữ tu học nhứt hạnh tam

muội công đức bất khả tư nghị danh xưng vô lượng, tùy lúc tu học biết được các pháp tướng sáng suốt vô ngại công đức tăng trưởng cũng như vậy.

Lại nầy Văn Thù Sư Lợi! Như mặt trời ánh sáng đầy khắp không có tướng tối tắt. Nếu người được nhứt hạnh tam muội thì có thể đầy đủ tất cả công đức không thiếu kém, chiếu sáng Phật pháp như ánh sáng mặt trời.

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Pháp được ta nói đều là một vị là vị ly , vị giải thoát, vị tịch diệt.

Nếu thiện nam, thiện nữ được nhất hạnh tam muội nầy thì pháp của họ diễn nói cũng là nhất vị. Là vị ly, vị giải thoát, vị tịch diệt, tùy thuận chánh pháp không có tướng sai lầm.

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Nếu đại Bồ Tát được nhứt hạnh tam muội nầy thì đều đầy đủ cả pháp trợ đạo mau được Vô thượng Bồ đề.

Lại nầy Văn Thù Sư Lợi! Nếu đại Bồ Tát chẳng thấy pháp giới có tướng sai biệt, có tướng đồng nhứt thì mau được Vô thượng Bồ đề, tướng bất khả tư nghị. Trong Bồ đề ấy cũng không có đắc Phật. Người biết như vậy thì mau được Vô thượng Bồ đề.

Nếu người tin tất cả pháp đều là Phật pháp, chẳng kinh sợ chẳng nghi hoặc, rõ biết như vậy thì mau được Vô thượng Bồ đề.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn Do nơi nhơn như vậy mà mau được Vô thượng Bồ đề ư?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Văn Thù Sư Lợi được Vô thượng Bồ đề chẳng do nhơn mà được chẳng do phi nhơn được. Tại sao? Vì bất tư nghị giới chẳng do nhơn được chẳng do phi nhơn được.

Nếu thiện nam, thiện nữ nghe thuyết như vậy mà chẳng sanh giải đãi, nên biết người ấy do đã gieo trồng căn lành nơi chư Phật đời trước.

Vì thế nên Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni nghe nói Bát Nhã Ba La mật thậm thâm nầy mà chẳng kinh sợ thì tức là theo Phật xuất gia. Nếu Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di được nghe Bát Nhã Ba La Mật thậm thâm nầy mà không kinh sợ thì tức là thành tựu chỗ quy y chơn thiệt.

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Nếu thiện nam thiện nữ chẳng học tập Bát Nhã Ba la mật thậm thâm thì tức là chẳng tu Phật thừa.

Ví như tất cả cây thuốc đều nương nơi đại địa mà sanh trưởng. Cũng vậy, đại Bồ Tát đều

nương nơi Bát Nhã Ba la mật mà tăng trưởng các thiện căn, chẳng trái với Vô thượng Bồ đề".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Trong những thành ấp tụ lạc của Diêm Phù Đề nầy, nên ở nơi nào để diễn nói Bát Nhã Ba la mật thậm thâm như vậy?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Văn Thù Sư Lợi! Trong pháp hội nầy, nếu có người nghe Bát Nhã Ba la mật đều phát thệ rằng: Đời vị lai tôi thường được tương ưng với Bát Nhã Ba la mật. Do sự tin hiểu ấy mà trong đời vị lai được nghe kinh nầy.

Nên biết người nầy chẳng từ trong căn lành nhỏ mà đến, có thể kham thọ kinh nầy, được nghe rồi thì vui mừng.

Nầy Văn Thù Sư Lợi! Nếu lại có người theo ông nghe Bát Nhã Ba la mật nầy, nên nói như vầy: Trong Bát Nhã Ba la mật đây không có những pháp Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật pháp, cũng không có các pháp phàm phu sanh diệt".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đến hỏi tôi đức Như Lai nói Bát Nhã Ba la mật thế nào? Tôi sẽ đáp

rằng tất các pháp không có tướng tranh luận, làm sao đức Như Lai nói Bát Nhã Ba la mật. Tại sao? Vì chẳng thấy có pháp cùng tranh luận được, cũng không có tâm thức chúng sanh để biết được.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi sẽ còn nói cứu cánh thiệt tế. Tại sao? Vì tất cả pháp đồng nhập vào thiệt tế vậy.

A La Hán không có pháp thù thắng riêng biệt, vì pháp A La Hán và pháp phàm phu không đồng không khác vậy.

Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Thuyết pháp như vậy thì không có chúng sanh đã được Niết Bàn, cũng không có sẽ được và đang được Niết Bàn. Tại sao? Vì không có tướng chúng sanh quyết định vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người muốn nghe Bát Nhã Ba la mật, tôi sẽ nói như vầy:

Người nghe pháp ấy, chẳng nhớ, chẳng ham, chẳng nghe, chẳng được. Phải như là huyễn nhơn không có phân biệt.

Thuyết pháp như vậy là chơn thuyết pháp. Thế nên thính giả chớ thấy có hai tướng, chẳng bỏ các kiến chấp, mà tu Phật pháp.

Người tu Phật pháp chẳng lấy Phật pháp chẳng bỏ pháp phàm phu. Tại sao? Vì Phật và phàm phu hai pháp tướng không, không có thủ xả vậy.

Nếu có người hỏi tôi, tôi sẽ giảng thuyết như vậy, an ủi như vậy, kiến lập như vậy. Thiện nam thiện nữ phải hỏi như vậy, an trụ như vậy thì tâm không thối lui hư mất. Phải biết pháp tướng rồi tùy thuận Bát Nhã Ba la mật mà giảng thuyết".

Đức Phật khen Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Lành thay lành thay! Đúng như lời Văn Thù Sư Lợi nói.

Nếu thiện nam, thiện nữ muốn thấy chư Phật thì phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Muốn thân cận chư Phật và như pháp cúng dường thì phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Nếu muốn nói đức Như Lai là Thế Tôn của tôi thì phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Nếu nói đức Như Lai chẳng phải Thế Tôn của tôi cũng phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Nếu muốn thành Vô thượng Bồ đề cũng phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Nếu muốn chẳng thành Vô thượng Bồ đề cũng phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Nếu muốn thành tựu tất cả tam muội phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Nếu muốn

chẳng thành tựu tất cả tam muội cũng phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Tại sao? Vì vô tác tam muội không có tướng dị biệt vậy, vì tất cả pháp không sanh không xuất vậy.

Nếu muốn biết tất cả pháp giả danh thì phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Nếu muốn biết tất cả chúng sanh tu đạo Bồ đề chẳng cầu tướng Bồ đề tâm chẳng thối lui hư mất thì phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy. Tại sao? Vì tất cả pháp đều là tướng Bồ đề vậy.

Nếu muốn biết tất chúng sanh hành tướng phi hành, phi hành tức là Bồ đề, Bồ đề tức pháp giới, pháp giới tức thiệt tế, tâm chẳng thối lui hư mất, thì phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy.

Nếu muốn biết tất cả Như Lai thần thông biến hóa vô tướng vô ngại cũng không có phương sở, thì phải học Bát Nhã Ba la mật như vậy".

Đức Phật phán bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: "Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di muốn chẳng bị đọa ác thú thì phải học Bát Nhã Ba la mật một bài kệ bốn câu thọ trì đọc tụng vì người mà giải thuyết tùy thuận thiệt tướng. Nên biết người ấy quyết định được Vô thượng Bồ đề an trụ Phật quốc.

Nếu người nghe Bát Nhã Ba la mật như vậy mà chẳng kinh sợ sanh lòng tin hiểu. Nên biết người ấy được Phật ấn khả, là chỗ Phật hành pháp ấn Đại thừa. Nếu thiện nam, thiện nữ học pháp ấn ấy thì vượt khỏi ác thú, chẳng vào Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo vậy".

Lúc bấy giờ, Thiên Đế Thích và chư Thiên Trời Đao Lợi đem các hoa trời: hoa ưu bát la, hoa câu vật đầu, hoa bát đầu ma, hoa phân đà lợi, hoa mạn đà la v.v… các thứ hương trời: hương chiên đàn, các thứ hương bột, các thứ kim bửu, trỗi kỹ nhạc trời để cúng dường Bát Nhã Ba la mật cùng chư Như Lai và Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Cúng dường xong, chư Thiên Đao Lợi nguyện chúng tôi thường được nghe Bát Nhã Ba la mật pháp ấn!

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn lại phát lời nguyện rằng: Nguyện cho trong Diêm Phù Đề các thiện nam, thiện nữ thường được nghe kinh nầy quyết định Phật pháp, đều khiến họ tin hiểu, thọ trì đọc tụng, giải thuyết cho người, tất cả chư Thiên ủng hộ họ".

Đức Phật phán bảo Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn: "Nầy Kiều Thi Ca! Đúng như vậy.

Các thiện nam, thiện nữ ấy sẽ được quyết định Vô thượng Bồ đề".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ thọ trì kinh nầy thì được lợi ích lớn công đức vô lượng".

Bây giờ do thần lực của Phật, đại địa chấn động sáu cách. Đức Phật liền mỉm cười phóng quang minh lớn chiếp khắp Đại Thiên thế giới.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Chính đó là tướng đức Như Lai ấn chứng Bát Nhã Ba la mật".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Văn Thù Sư Lợi! Đúng như vậy. Chư Phật thuyết Bát Nhã Ba la mật xong đều hiện tướng lành ấy để ấn chứng Bát Nhã Ba la mật. Khiến người thọ trì không khen không chê. Tại sao? Vì pháp ấn vô tướng không khen chê được vậy.

Nay đức Phật dùng pháp ấn nầy làm cho các thiên ma không được tiện lợi".

Đức Phật nói kinh nầy rồi, chư đại Bồ Tát và bốn bộ chúng nghe thuyết Bát Nhã Ba la mật, đều hoan hỷ phụng hành.

PHÁP HỘI VĂN THÙ THUYẾT BÁT NHÃ
THỨ BỐN MƯƠI SÁU
HẾT.

XLVII

PHÁP HỘI

BỬU KẾ BỒ TÁT

THỨ BỐN MƯƠI BẢY

Hán dịch: Tây Tấn, Tam Tạng Trúc Pháp Hộ.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Tôi nghe như vầy:

Một thuở, đức Phật ở tại nước La Duyệt Kỳ, núi Linh Thứu, cùng bốn vạn hai ngàn chúng Tỳ Kheo.

Tám vạn bốn ngàn Bồ Tát đều từ thế giới chư Phật mười phương đồng đến tập hội. Chư Bồ Tát nầy đều đã thông đạt Nhứt sanh bổ xứ, được vô sở trước vô chướng ngại, từ dũng mãnh phục tam muội mà xuất súc sanh, được thượng liên hoa tam muội, kim cương đạo tràng tam muội, thiện kiên trụ tam muội, thuần thục tu tam muội, tràng anh vương tam muội, kim cương tam muội, tịnh đức sự tam muội, phân biệt quyền hành đều được thân cận pháp của chư Phật, ở dưới Phật thọ hàng phục độ các ma giới mà được kiến lập Phật độ, được thành vô tận thuyết pháp tổng trì, được biết căn nguyên của tất cả chúng sanh, dùng biện tài vi diệu làm

vui đẹp lòng đại chúng, là bước đi sư tử hùng mãnh vô úy, nếu vào giữa chúng hội thì ứng nguyện thời nghi tuyên nói văn tự cú, thành tựu các hạnh thì dùng tướng oai đức để tự nghiêm sức, bỏ các sở hữu thế gian, xa rời các ngoại đạo, công đức hiển bày tiếng tăm suốt mười phương. Chư Phật ngợi khen công đức vô lượng, đều từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, nhứt tâm, trí huệ mà thành, tu tập đạo nghiệp từ vô số kiếp trăm ngàn na do tha, thấy biết bệnh của tất cả chúng sanh đúng bịnh cho thuốc đều khiến lành mạnh nhập vào pháp duyên khởi thâm diệu để bỏ các sự chấp đoạn diệt và có thường, đức hạnh thanh tịnh chí nguyện không vết nhơ tâm tánh sáng suốt, khai hóa quần sanh và đều nhiếp hộ khiến họ được thành tựu, dạy bảo rõ ràng ý được tự tại, thế lực kiên cường chẳng bỏ tâm từ, đầy đủ bảy Thánh tài: Tín, giới, văn, thí, tàm, quý và trí huệ, muốn độ chúng sanh nên dùng thiện phương tiện ở vắng vẻ rảnh rang cố sức tu tập thệ nguyện lành tốt, thánh đức vô lượng, tâm như hư không.

Danh hiệu của chư Bồ Tát ấy là:

Quang Quán Bồ Tát, Thường Minh Diệu Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Sư Tử Ý Bồ Tát, Sư Tử Bộ Bồ Tát, Sư Tử Lôi

Âm Bồ Tát, Tôn Ý Bồ Tát, Kim Cương Ý Bồ Tát, Kim Cương Bộ Bồ Tát, Kim Cương Tràng Bồ Tát, Kim Cương Chí Bồ Tát, Bộ Bất Động Tích Bồ Tát, Độc Bộ Thế Bồ Tát, Thiện Minh Bồ Tát, Liên Hoa Mục Bồ Tát, Liên Hoa Tịnh Bồ Tát, Bửu Tịnh Bồ Tát, Câu Tỏa Bồ Tát, Bửu Tràng Bồ Tát, Bửu Sự Bồ Tát, Bửu Ấn Thủ Bồ Tát, Đức Diệu Vương Bồ Tát, Tịnh Vương Bồ Tát, Chấp Ly Ý Vương Bồ Tát, Điện Quang Nghiêm Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Nhuyến Âm Bồ Tát, Vũ Âm Bồ Tát, Bất Ly Âm Bồ Tát, Ý Tịnh Bồ Tát, Lôi Âm Bồ Tát, Giải Phược Bồ Tát v.v... Còn có Phổ Thủ Chi v.v... mười sáu vị Chánh sĩ. Chúng Hương Thủ v.v... sáu mươi Thánh sĩ, Từ Thị Chi v.v... ba mươi hai Thanh tịnh hạnh sĩ, đây đều là chư Bồ Tát trong Hiền kiếp vậy.

Còn có Hàng Ma Thiên Tử, Tịnh Phục Tịnh Thiên Tử, Thiện Diệu Thiên Tử, Hiền Hộ Thiên Tử, Hoạch Thắng Thiên Tử. Ý Thắng Thiên Tử, Tịch Hóa Âm Thiên Tử, Ý Tư Thiên Tử v.v... hai vạn Thiên Tử đều chí nguyện Đại thừa.

Trời Tứ Thiên Vương, Thiên Đế Thích, Phạm Thiên Vương, Ma Vương, Nhuyến Mỹ Thiên Tử, cùng vô số chư Thiên, Long Thần, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La,

Ma Hầu La Già, Nhơn và Phi Nhơn đồng câu hội.

Lúc ấy, đức Thế Tôn cùng đại chúng vô số trăm ngàn quyến thuộc vây quanh mà vì họ thuyết kinh. Đức Phật ngồi tòa đại sư tử thanh tịnh dũng mãnh vô úy làm sư tử hống, như mặt nhựt chiếu khắp, như mặt nguyệt tròn sáng, như lửa trừ tối, tòa sư tử ấy sáng chói oai quang hơn hẳn Trời Thích Phạm. Thân Phật lồ lộ như núi Tu Di hiện giữa đại hải. Kinh điển được đức Phật nói, trước sau lời ý đều diệu thiện, đầy đủ nghĩa hay cứu cánh thanh tịnh. Đại Từ rộng tuyên bày Bồ tát hạnh, giảng Bồ Tát pháp. Chỗ nên tuân tu gọi là tịnh hạnh.

Phương Đông cách cõi nầy chín trăm hai mươi vạn Phật độ, có thế giới tên Thiện Biến, Phật hiệu Tịnh Trụ Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác đương hiện tại thuyết pháp. Bên đức Phật ấy có Bồ Tát hiệu La Đà Lân Na Châu cùng chung với tám ngàn Bồ Tát, nơi Phật độ ấy bỗng ẩn mất, đến cõi Ta Bà nầy an trụ tại trời Phạm Thiên dùng một bửu cái che trùm cõi Ta Bà khắp mưa hoa trời đủ các màu sắc. Chư Bồ Tát ấy ở tại Phạm Thiên nói kệ rằng:

Chư Thiên nhơn dân được lợi lành
Lòng nguyện thấy Phật Thích Sư Tử

Vì tiêu khổ não các việc tục
Tâm nguyện kiên cố tu Phật đạo
Vô số Bồ Tát như hằng sa
Do sức tinh tiến hạnh siêu việt
Hàng phục chúng ma trăm ngàn ức
Được thành Phật đạo lìa ưu phiền
Tôi từ phương Đông mà đến đây
Thế giới ấy tên là Thiện Biến
Phật hiệu Tịnh Trụ hiện giáo hóa
Tôi muốn được lạy Thích Sư Tử
Giả sử có người muốn nghe pháp
Hoặc thấy mười phương chư Bồ Tát
Như muốn đảnh lễ đức Thế Tôn
Phải mau gấp đến núi Linh Thứu
Chư đại Đạo sư khó được gặp
Pháp yếu kinh điển gặp cũng khó
Thân người khó được rỗi rảnh khó
Tin chắc cấm giới còn khó hơn
Giả sử hiện thời tạo đức bổn
Thì thấy chúng sanh tối và tà
Có thể khai thị khiến diệt độ
Mau cùng nhau đến chỗ đức Phật
Nếu muốn giải thoát ba ác thú
Để được Nhơn Thiên chỗ an ổn
Sớm chứng vô vi tiêu sanh tử
Phải mau đến chỗ đức Như Lai
Đấng đại Y Vương thí cam lộ

Đấng Đại Đạo sư chỉ đường chánh
Đấng đại Pháp Vương cầm pháp bửu
Hàng phục tất cả loài chúng sanh.

Bửu Kế nói kệ ấy rồi đem tiếng kệ ấy truyền rao khắp cõi Đại Thiên.

Nghe tiếng kệ ấy, Tôn giả Xá Lợi Phất bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Tiếng kệ nghĩa vi diệu ấy từ đâu phát xuất?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Xá Lợi Phất! Cách đây về phương Đông chín trăm hai mươi vạn Phật độ, có thế giới tên Thiện Biến, Phật hiệu Tịnh Trụ Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác hiện tại thuyết pháp. Hầu hai bên đức Phật ấy có Bồ Tát tên Bửu Kế cùng chung với tám ngàn Bồ Tát đồng đến cõi Ta Bà nầy muốn thấy ta để thưa hỏi kinh pháp, cũng muốn thấy chư Bồ Tát mười phương tại pháp hội, nên dừng ở Trời Phạm Thiên nói kệ và khiến kệ ấy truyền khắp cõi Đại Thiên cho vô số chúng sanh gieo trồng cội lành đồng đến chỗ ta, Thích Ca Mâu Ni Phật.

Bấy giờ Bửu Kế Bồ Tát cùng tám ngàn Bồ Tát và vô số Thiên Tử vây quanh, trỗi trăm ngàn kỹ nhạc, mưa các thứ diệu hoa, phóng đại quang minh chấn động cõi Đại Thiên, đến chỗ đức Phật

đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh Phật bảy vòng rồi đứng trước Phật.

Bửu Kế Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Tịnh Trụ Như Lai kính thăm vô lượng ý chí khương ninh đi đứng khinh tiện thế lực an ổn chăng?

Ngưỡng mong đấng Thế Tôn ban ân lành vì chư Bồ Tát mà ban dạy điều phải nên làm. Bồ Tát theo đó được đầy đủ cứu cánh thanh tịnh, mặc giáp tất cả công đức, chứa đầy hạnh lành bình đẳng thanh tịnh tu thân. Thấy sở niệm của tất cả quần sanh xem tướng hành của họ rồi theo sở ưng mà khai hóa. Dùng trí huệ làm dâm nộ si mà giảng thuyết pháp khiến nên diệu hạnh.

Nếu thấy chúng sanh ở nơi tà pháp thì vì họ mà diễn bày giáo pháp bình đẳng.

Được chư Như Lai hộ niệm giúp đỡ. Tất cả mọi loài chúng sanh đều được nương nhờ. Tất cả chúng ma không thể phá hại. Được thấy chư Phật không hề trở ngại. Chỗ được tuân tu đều thành hạnh thanh tịnh của Như Lai.

Những lợi lành như vậy do nhơn gì mà được?".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Lành thay, lành thay, nầy Tộc Tánh Tử! Ông hay hỏi

đức Như Lai những nghĩa như vậy. Lắng nghe lắng nghe khéo suy nghĩ. Ta sẽ giải nói hạnh thanh tịnh của chư Bồ Tát thật hành".

Bửu Kế Bồ Tát và đại chúng vâng lời dạy lắng nghe.

Đức Phật phán dạy: "Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát có bốn pháp, thật hành theo đây thì được thanh tịnh:

Một là hành độ vô cực Ba la mật đa.

Hai là thường phải tuân tu đạo phẩm của chư Phật.

Ba là đầy đủ thần thông.

Bốn là khai hóa chúng sanh.

Bồ Tát hành độ vô cực thì chỗ được khuyến trợ không đâu chẳng cùng khắp, vào tất cả cội công đức.

Bồ Tát tu đạo phẩm là sử dụng đại từ biết rõ đúng thời vào đại trí huệ.

Bồ Tát có đủ thần thông là phân biệt tâm niệm hành nghiệp thiện ác của nhơn dân.

Bồ Tát khai hóa chúng sanh là đại bi kiên cố biết rõ chí nguyện căn tánh của tất cả mọi loài.

Nầy Tộc Tánh Tử! Sao gọi là Bồ Tát bố thí độ vô cực thật hành thanh tịnh? Đó là tâm tập xan tham đều vứt bỏ cả, tâm tập bố thí đã có thể phóng xả, phá mất sự tham ái xấu dơ, khuyên gắng bố thí, tất cả sở hữu ban cho chẳng tiếc. Bồ Tát làm việc bố thí rồi mà ở nơi bốn sự chẳng có quan niệm sai biệt:

Một là các loài chúng sanh không sai biệt.

Hai là tất cả kinh pháp chẳng sai biệt.

Ba là chỗ được khuyến trợ cũng không sai biệt.

Bốn là chí tánh bố thí cũng không sai biệt.

Thế nào là ở nơi chúng sanh không có sai biệt? Bồ Tát chẳng quan niệm: Tôi sẽ thí cho người nầy không cho người kia, thí người nầy được phước nhiều, thí người kia được phước ít, hậu thí cho người nầy bạc thí người kia, cúng thí đây xong đến thí cho kia, nên thường thí đây, đôi lần thí kia, đích thân mang thí đây, không cần đích thân đến thí cho kia, thí đây đầy đủ thí kia sơ sài, người nầy giữ giới người kia phá giới, người nầy được đại chúng giúp đỡ người kia ít được giúp đỡ, người nầy hay trọn đức chúng giúp đỡ người kia không được trọn, người nầy tu chánh người kia hành tà, người nầy hay thật

hành hạnh bình đẳng người kia đọa lạc nghiệp tà vạy.

Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát bố thí đều nên vứt bỏ các thứ tâm niệm như vậy mà tu tâm bình đẳng chẳng có sai biệt, thường nhớ đến chúng sanh mà cung ứng với tâm niệm bình đẳng để khai hóa họ, ý chí bình đẳng, từ bi vui vẻ cứu hộ không hề sót quên. Nói bình đẳng là như hư không chẳng có tăng giảm. Đây gọi là chúng sanh không có sai biệt".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Thế nào là các pháp chẳng sai biệt? Giả sử Bồ Tát thuyết pháp mà tuyên bình đẳng, cũng chẳng quan niệm người phụng tu thì tôi sẽ cho kinh, kẻ chẳng thuận pháp sẽ không cho, nếu đủ tất cả pháp tôi sẽ cho còn người không đủ sẽ không cho, người muốn hưng đạo giáo thật hành pháp thí mà bố thí cho phàm phu chẳng gọi là tổn hao bố thí cho Hiền Thánh chẳng gọi là trưởng ích, lại biết pháp vốn thanh tịnh bình đẳng không sai biệt vì lẽ ấy mà chỗ bố thí nên bình đẳng. Đây là ở nơi các pháp chẳng sai biệt.

Thế nào là chỗ được khuyến trợ cũng không sai biệt?

Những vật bố thí cùng đồ cúng dường có được khuyến trợ Bồ Tát cũng không quan niệm

sai biệt. Nếu lúc bố thí, Bồ Tát chẳng quan niệm tôi sẽ được phước mong ngôi vị Đế Thích, Phạm Vương, chư Thiên, chẳng mong làm Quốc chủ, Hào tôn, Trưởng giả, cũng chẳng cầu ngũ dục sắc, thanh, hương, vị, xúc, chẳng mong nhiều của, nhiều châu báu quyến thuộc thị tùng, cũng chẳng ham chỗ năm loài sanh tử xoay vần, chẳng cầu thừa Thanh Văn, Duyên Giác. Chỗ bố thí chỉ dùng chí nguyện cầu đạo Vô thượng chánh chơn. Đây gọi là khuyến trợ mà chẳng sai biệt.

Thế nào là chí tánh bố thí chẳng sai biệt? Những gì được phóng xả? Bồ Tát chí tánh ở nơi đạo, không có lòng sai biệt, hiệp hội cùng biệt ly tâm Bồ Tát không hề tăng giảm, chẳng mong đền đáp chỉ mong khai hóa tế độ kẻ chẳng bằng vượt đến bờ kia, tâm Bồ Tát nầy chất phác không có dua siểm, hoài bão đốc tín, chí tánh thuần thục chưa từng có hối tiếc biến đổi, khi bố thí vật trân ái lòng rất vui mừng, có ai đến cầu xin mà có thể thí cho được thì Bồ Tát nầy càng vui mừng hơn. Đây gọi là Bồ Tát chí tánh bố thí cũng chẳng sai biệt.

Trên đây là Bồ Tát thí độ vô cực không có sai biệt vậy".

Đức Phật phán tiếp: "Còn có tám sự vứt bỏ đương lúc thật hành việc bố thí:

Một là chẳng thấy ngô ngã, hai là chẳng thấy có người, ba là chẳng thấy có thọ mạng, bốn là chẳng thấy đoạn diệt, năm là chẳng thấy có thường, sáu là chẳng an trụ ba chỗ, bảy là chẳng thấy chỗ không có, tám là nếu bố thí thì phải nghiêm tịnh bố thí.

Bồ Tát bố thí trừ bỏ bốn trụ nghiệp:

Một là bỏ phi pháp thì dùng kinh điển khai hóa phàm phu. Hai là bỏ tâm Thanh Văn chí cầu đại đạo. Ba là bỏ pháp Duyên Giác mà tu pháp bình đẳng. Bốn là xa lìa những chỗ y ỷ chấp trước.

Bồ Tát còn rời lìa bốn điều tư tưởng: Thường tưởng, an tưởng, tịnh tưởng và ngã tưởng.

Còn có bốn sự là bố thí thanh tịnh: Thân tịnh, ngôn tịnh, tâm tịnh và tánh tịnh.

Còn có ba sự bố thí vượt khỏi các trở ngại: Bỏ lòng hy vọng, bỏ lòng hờn giận và lìa Tiểu thừa.

Còn có ba sự xa lìa thì bố thí rời khỏi các sợ sệt: Bỏ cống cao, lìa khinh mạn và xa ma nghiệp.

Còn có bốn bố thí dùng pháp được ấn chứng: Nội không, ngoại không, nhơn không và đạo không.

Còn có bốn bố thí chỉ chuyên tinh tiến: Cho chúng sanh no đủ, đầy đủ Phật pháp, thành tựu đủ tướng hảo nghiêm dung và sửa sang thanh tịnh Phật độ.

Còn có bốn bố thí lòng thường chẳng quên bỏ: Ý thường nhớ đạo pháp, thường muốn thấy Phật, tu tâm đại từ và diệt trừ uế cấu trần lao của chúng sanh.

Còn có ba bố thí nghiêm tịnh đạo tràng: Thanh tịnh mình, thanh tịnh người và đến đạo tràng thanh tịnh.

Còn có bốn bố thí chỗ đem cho thanh tịnh: Dùng trí huệ bố thí, hay làm vui đẹp lòng chúng sanh, rành rẽ khuyến trợ và hiểu rõ quan sát kinh điển.

Nầy Tộc Tánh Tử! Đó là pháp nên được tu của Bồ Tát bố thí độ vô cực thành hạnh thanh tịnh".

Đức Phật phán bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát hành giới độ vô cực có một sự thành hạnh thanh tịnh: Đó là hiểu tâm Bồ Tát không ngang sánh, tâm ấy siêu quá tất cả thế

gian tối tôn vô tỷ, vượt trên tâm các Thanh Văn, Duyên Giác, tâm ấy hay hàng phục tất cả các ma, vào trong chúng sanh, đến chỗ nào đều thành danh đức làm vô lượng bửu, các pháp được tuân tập khắp hộ trì lòng chưa hề quên. Đây là một sự thành hạnh thanh tịnh.

Còn có hai sự giới độ vô cực thành hạnh thanh tịnh: Thường có lòng từ mẫn không hại chúng sanh và tâm chí ở nơi đạo điều nhu tánh hạnh.

Còn có ba sự giới độ vô cực thanh tịnh:

Một là thân thanh tịnh ba điều thì giới không thiếu sót rốt ráo trọn đủ.

Hai là ngôn thanh tịnh tất cả lời được nói ra không có dua gièm.

Ba là ý thanh tịnh trừ bỏ các tham dục sân hại cấu uế.

Còn có bốn sự giới độ vô cực thanh tịnh: Đủ giới thanh tịnh, giữ giới cấm chẳng phạm, dùng giới pháp ấy giáo hóa chúng sanh và thấy người trì giới thì kính họ như kính Phật.

Còn có năm sự giới độ vô cực thanh tịnh: Chẳng tự khen mình, chẳng chê người, bỏ chí Thanh Văn, lìa ý Duyên Giác và không hề tham trước.

Còn có sáu sự giới độ vô cực thanh tịnh: Thường niệm Phật chẳng phạm cấm giới, thường niệm kinh Pháp thuận tu chánh hạnh, thường niệm Thánh chúng chẳng trái Phật giáo, thường niệm bố thí bỏ hết trần dục, thường niệm cấm giới chẳng còn tham mộ tất cả ngũ thú và thường niệm chư Thiên tuyên những đức lành.

Còn có bảy sự giới độ vô cực thanh tịnh: Đốc tin ưa thích pháp chư Phật, thường nhớ tàm tu làm trọng nhiệm của chúng, thường nhớ quý thẹn suy nghĩ pháp đạo phẩm mà chẳng tự cao đại, luôn hòa ái chẳng não phiền hình người, không tàn hại sợ tội họa đời sau, chẳng làm phiền nhiễu người ngăn lòng lo buồn và thấy chúng sanh tại khổ não thì xót thương họ.

Còn có tám sự giới độ vô cực thanh tịnh: Không dua gièm, không lòng mong cầu, chẳng tham lợi dưỡng, bỏ tham lam, không ỷ lại, biết vừa đủ nơi sở hữu của mình, hành Hiền Thánh thiền định đủ lòng đạm bạc, ở chỗ rảnh vắng không tiếc thân mạng và thích ở một mình xa lìa chúng hội, ưa đạo pháp sợ ba cõi chẳng lấy vô vi.

Còn có chín sự giới độ vô cực thanh tịnh: Y luật giáo hóa chúng sanh cho họ đắc độ, lần lần tập chánh định để tu sửa tâm họ, khiến tâm cứu

cánh chẳng có lòng nóng giận, tìm cầu sự tịch mịch ngăn tâm động niệm, tập làm oai nghi lễ tiết nghiêm chánh, vượt qua cấm giới chẳng thấy thân mình, chưa hề khi hoặc xót thương quần sanh có đủ Đại thừa, cứu cánh thành tựu giới hạnh chẳng còn thiếu kém và lòng thường hoài niệm siêng tu đức lành.

Còn có mười sự giới độ vô cực thanh tịnh: Thanh tịnh thân ba việc, thanh tịnh khẩu bốn việc, thanh tịnh ý ba việc, nhớ bỏ dua gièm chí tánh chất trực chẳng nhỏ nhen, tâm tánh vào khắp tất cả không ai chẳng nhờ tế độ, tất cả cảm giác đều biết tiết hạn lấy lòng thương làm gốc đều cởi mở các kiết sử, tâm không cứng rắn giáo hóa chúng sanh đều dùng hạnh điều hòa, thường tu thân mình thấy kẻ đồng hàng thì khép nép cung kính, với chúng giúp đỡ thì khuyên dạy pháp sự và cung cấp áo cơm khiến lìa bỏ nghiệp thế gian.

Còn có hai sự giới độ vô cực thanh tịnh: Bị người hủy nhục thà chết chớ chẳng phạm cấm giới chẳng khởi tưởng niệm chẳng mộ của cải và không xoay quanh tham cầu tất cả các pháp giới hạnh rỗng không vô tướng.

Còn có hai sự: Nội tịnh trừ các cảm xúc và ngoại tịnh bỏ các cảnh giới.

Còn có hai sự: Thanh tịnh đạo tâm của mình vì hiểu tướng tự nhiên và giới phẩm thanh tịnh vì không có các tướng vậy.

Nầy Tộc Tánh Tử! Đó là Bồ Tát giới độ vô cực hạnh thanh tịnh".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: Nầy Tộc Tánh Tử! Thế nào là Bồ Tát nhẫn độ vô cực hạnh thanh tịnh?

Nếu bị người mắng nhiếc Bồ Tát nín nhịn không mắng lại là khẩu thanh tịnh, bị đánh chịu đau không đánh trả là thân thanh tịnh, bị giận thì thương mà không hận là ý thanh tịnh, bị hủy nhục mà không oán hờn là tánh thanh tịnh.

Lại nữa, Bồ Tát nếu nghe có kẻ phát lời thô lỗ vì hộ chúng sanh mà chẳng khởi giận hờn, dầu có bị dao gậy chém đập, bị ngói đá ném đánh, vì hộ đời sau nên chẳng có lòng giận hại. Dầu bị rã rời chi thể, Bồ Tát chẳng vì đó mà lo buồn bởi thuận theo đạo vậy. Bị người đòi cầu chẳng hề hờn giận bởi tế độ bốn ơn vậy. Phát tâm đại từ mà chẳng sân giận bởi gần Phật đạo vậy. Sanh tâm đại bi bởi đầy đủ đại nguyện vậy. Công huân bủa rộng không ai chẳng phụng mạng bởi nhiều lòng thương vậy. Lòng nhơn từ nói lời ca ngợi công đức chỗ đem bố thí đều vì đạo pháp bởi xa bỏ thiên ma vậy. Lại nữa, Bồ

Tát niệm Phật đạo mà hành nhẫn nhục vì thành tựu thân Phật vậy. Nếu niệm giác ý mà hành nhẫn nhục vì đủ thập lực vậy. Nếu niệm trí huệ mà hành nhẫn nhục vì để đủ tam đạt vô chướng ngại vậy. Niệm thương xót mà hành nhẫn nhục vì thành lòng đại từ vậy. Niệm độ hư vọng mà hành nhẫn nhục vì trọn lòng đại bi vậy. Niệm không kinh sợ như sư tử chúa vì vô sở úy vậy. Niệm vô kiến đảnh tướng mà hành nhẫn nhục vì ở giữa chúng sanh mà không tự cao đại vậy. Niệm đủ tướng hảo mà hành nhẫn nhục vì muốn cứu tế khắp các thế gian vậy. Đủ các Phật pháp mà hành nhẫn nhục vì thành tựu thông tuệ vậy!

Nầy Tộc Tánh Tử! Có hai sự pháp mà sức nhẫn nhục thanh tịnh: Chuyên ròng tu đạo nghiệp và hiệp họp nghĩa lực. Bị người nặng lời mà hay nhẫn nhịn thân tâm an lạc, đó là hiệp họp nghĩa lực. Nơi tất cả pháp không hề chấp trước mà hành nhẫn nhục đó là tu đạo nghiệp.

Người có tâm nhẫn thanh tịnh thì hay nhẫn nhịn chúng sanh biết rõ không có người, nhẫn được các pháp thảy đều đạm bạc, đây là tịnh nhẫn. Tại sao? Vì ở nơi ấy không có gì là đáng nhẫn và chẳng phải nhẫn. Nơi tất cả pháp không có gì để được mới gọi là nhẫn. Nơi người nhẫn cũng chẳng thấy có, nơi tất cả pháp không chỗ

chấp trước mới gọi là nhẫn. Không chỗ nương, không chỗ nhẫn chẳng thọ các pháp đây gọi là nhẫn, chẳng lấy sở thủ cho là nhẫn nhục vậy.

Người chẳng chấp ngã nhơn thọ mạng các pháp đây gọi là nhẫn nhục. Người chẳng chấp có thân mạng xem như loại tường vách ngói đá mới gọi là nhẫn vậy.

Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát có hai nhẫn: Một là hiểu rõ thân thể chi phần ly tán, hai là biết rõ các pháp đều bổn vô, như vậy mới thành nhẫn nhục.

Đây là Bồ Tát nhẫn độ vô cực hạnh thanh tịnh".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Nầy Tộc Tánh Tử! Thế nào là Bồ Tát tinh tiến độ vô cực thành hạnh thanh tịnh?

Bồ Tát chẳng bỏ đạo tâm, nơi công nghiệp được làm chẳng hề khiếp nhược, thường siêng tu tập mà chẳng ngủ nghỉ, chẳng rời cội công đức, chứa họp công đức, nơi độ vô cực chẳng thối chẳng lui, nếu đến nhà tu hành thì phương tiện cầu pháp, có thể vì người mà giảng thuyết kinh pháp, bảo hộ chánh pháp độ thoát nhiều người, chẳng nhàm đại huệ khai hóa chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, độ hàng Tiểu thừa, đầy đủ

bổn nguyện cứu cánh Thánh huệ, chưa từng trái mất thí giới đa văn, thân cận quyền huệ đã đến nhà phước đức, nên dùng ý nào để cứu tế chúng sanh cho họ không kiêu mạn. Trên đây gọi là tinh tiến.

Những gì là tịnh?

Nếu hiểu rõ thân như bóng như vang, nói lời nhu nhuyến, ý niệm chẳng mỏi, trí huệ cứu cánh mà tâm tịch tĩnh, sáng suốt nơi việc làm trọn chẳng cùng tận, phân biệt các diệt pháp dùng huệ tiêu hóa mà thành nhứt tâm, huệ không có sở khởi, đây là tịnh vậy.

Bồ Tát ấy có ba sự rời lìa tinh tiến: Nương chấp nhơn duyên, hành điên đảo sự và vọng tưởng nơi diệt pháp. Nếu ở nơi tam giới mà không sở trước chấp nương gá thì là tinh tiến.

Còn có ba sự: Mắt không sở trước, chẳng nương gá nơi sắc trần và chẳng tham nơi thức phân biệt. Như nơi mắt, nơi tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy, đều không sở trước, không gá nhân và không ham phân biệt, đây gọi là tinh tiến.

Không bố thí mà chẳng xan tham, không trì giới mà chẳng phạm, không nhẫn nhục mà chẳng tranh cãi, không tinh tiến mà chẳng giải

đãi, chẳng thiền định mà chẳng tán loạn, không trí huệ mà chẳng ngu si, không tạo đức bổn mà không gì là chẳng lành, không cầu Phật đạo cũng chẳng lấy bực Thanh Văn Duyên Giác, không sở hành mà không chẳng làm, đây thì thành hai tinh tiến thanh tịnh hạnh: Một là nội tâm vô sở trụ mà hưng khởi các nhơn duyên, hai là bỏ ngoại kiến các tưởng các thức. Đây là hai tinh tiến.

Còn có hai hạnh thanh tịnh: Nội tâm tịch định và chẳng duyên ngoại cảnh cũng chẳng phóng dật. Đây là hai hạnh thanh tịnh, căn tánh tinh tiến, nơi các sở hành vẫn không có sở hành cũng không có khinh rẻ đùa bỡn. Đây là Bồ Tát tinh tiến độ vô cực hạnh thanh tịnh".

Đức Phật phán bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Thế nào là Bồ Tát tịch độ vô cực hạnh thanh tịnh?

Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát ân cần nơi sự hiệp họp nhứt tâm quán chỗ nên quan sát mà dùng chánh thọ. Bồ Tát nầy nếu được nhứt tâm thì trong thiền định chẳng chấp trước nơi sắc cảnh, vứt bỏ các thức phân biệt đau ngứa tư tưởng sanh tử. Thiền giả như vậy chẳng chấp trước các thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chẳng chấp trước các trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng chấp trước các đại địa, thủy, hỏa,

phong, không, chẳng chấp trước các ngôi vị Đế Thích, Phạm Thiên, tôn hào, chẳng chấp trước các cõi Dục, Sắc, Vô Sắc, chẳng nương đời nay đời sau, chẳng an trụ nơi thân thể cũng không có chỗ ở, chẳng nương ngôn từ, tâm chẳng mỏi lười, đều không có sở trụ, chẳng sốt chẳng bạo, chẳng an trụ biên tế, được không có sở niệm. Thiền giả như vậy chẳng thấy có thân thể, chẳng hưng khởi các kiến chấp, chẳng tham ngã, nhơn, thọ mạng, chẳng thấy những sự vi diệu khả bất khả, chẳng thấy đoạn diệt, chẳng thấy vô thường, chẳng thấy sanh diệt hữu xứ vô xứ. Thiền giả như vậy cũng chẳng dứt hẳn nguồn các lậu, chẳng tham trước chư Phật, chẳng nhập vào vị quả chứng tịch diệt, cũng chẳng ở mãi nơi không có sở hành.

Người hành thiền như vậy nhứt tâm thấu hiểu nơi không mà không lấy không làm chỗ chứng nhập, cầu nơi vô tướng vô nguyện mà không chứng nhập vô tướng vô nguyện.

Người hành thiền nầy mặc giáp Đại đức, hành từ vô cực trụ ở đại bi, tất cả đầy đủ phụng hành không sự.

Thế nào là đầy đủ phụng hành không sự?

Thiền giả nầy chẳng tưởng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, nhứt tâm, trí huệ, chẳng

tưởng thiện quyền các sự khai hóa, chẳng tưởng từ bi hỷ nộ, cũng chẳng hy vọng nhập vào thánh huệ, chẳng tưởng đạo tâm có chỗ quán sát, chẳng tưởng chí tánh có chỗ sở ứng, chẳng tưởng tứ ân các lợi ích huệ thí nhơn ái lợi ích cho người và tất cả sự cứu tế, chẳng tưởng tâm ý an tường mà có sở tồn, chẳng tưởng ý chỉ ý đoạn thần túc, căn lực, giác ý và bát chánh đạo, chẳng tưởng tịch mặc mà quán sát các pháp, chẳng tưởng các hạnh điều định nhu nhuyến, chẳng tưởng tàm quý có chỗ hổ thẹn, thường an trụ Phật đạo chưa hề đoạn tuyệt, theo chánh giáo pháp nhãn cầm đuốc sáng lớn, tùng Thánh chúng thường tu giới đức sạch bóng, an lập chúng sanh thành tựu thân Phật, dùng đức trang nghiêm mà theo đấng Thế Hùng nghe âm thanh cụ túc, phụng Phật tam muội được biện tài chánh giác thần túc, thọ mười trí lực trụ vô sở úy, đến được mười tám Phật pháp bất cộng vi diệu, chẳng hiệp đồng với Thanh Văn, Duyên Giác, nhổ bỏ chỗ ở các dục trần ô uế, chẳng rời thần thông dùng bốn biện tài khai đạo chúng sanh, sáng tỏ các pháp hiện đời độ đời, giáo hóa chúng sanh siêu dị quần chúng, chất trực xuất gia qua khỏi dòng chảy xiết dứt các sở hữu, nơi được ở tự nhiên tĩnh mịch pháp giáo đạm bạc, quán nơi thân và pháp đều không tham ái, kiên

chí nơi Phật pháp, trọn xong trí tự nhiên vượt khỏi các trụ hành, nín lặng lời nói, nếu có nói thì thường tuyên Phật ngữ, dùng sự chí thành ấy tiêu diệt thường nhiên khai hóa chúng sanh. Đây gọi là đầy đủ hành không vậy.

Nầy Tộc Tánh Tử! Ví như trong cõi Đại Thiên tất cả nhơn dân đều làm họa sư có sở tập riêng khéo giỏi chẳng đồng nhau, có kẻ chuyên họa nhà cửa mà chẳng thạo vẽ thân hình, có kẻ giỏi mô hình mà chẳng giỏi tô màu, có những người khéo vẽ chân tay, người khéo vẽ mắt mũi, người vẽ đầu mặt chẳng ngay mà thân hình đẹp đẽ, có người vẽ làm vừa lòng kẻ khác, hoặc không vừa lòng, mỗi mỗi thợ vẽ đều tài năng khác nhau.

Nhà vua triệu tập tất cả họa sư khiến họa các hình tượng tam giới mà truyền rằng: Mỗi người tự họa tượng đều đem trình lên ta.

Các họa sư họp ở một chỗ đều riêng họa hình tam giới. Trong số ấy có một họa sư tối thượng vẽ được trọn vẹn.

Nầy Tộc Tánh Tử! Ý ông thế nào? Họa sư tối thượng ấy có thể đủ khắp các sở năng hội họa chăng?".

Bửu Kế Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Có thể đủ sở năng".

Đức Phật phán dạy: "Mượn ví dụ được dẫn ra ấy để hiểu nghĩa nầy. Như một họa sư vẽ đủ các hình tượng đều được đắc thể chẳng sai chẳng sót. Cũng vậy, người học pháp nầy ân cần tinh tiến tịnh tu phạm hạnh đến thành tựu Phật pháp dùng một chánh hạnh trọn đủ các sự, do đó mà đầy đủ không hạnh không gì chẳng thông đạt bèn được thành tựu tất cả Phật đạo, trừ hết trần dục các tưởng điên đảo cống cao tự đại, chẳng thích phóng dật, dầu ở trong các uế ác mà chẳng cùng hiệp đồng. Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ không hạnh".

Lúc đức Phật nói lời trên, có tám ngàn Bồ Tát khắp đủ không hạnh được pháp nhẫn.

Đây là Bồ Tát tịch độ vô cực hạnh thanh tịnh.

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Nầy Thiện nam tử! Thế nào là Bồ Tát trí độ vô cực hạnh thanh tịnh?

Có mười hai sự làm hạnh thanh tịnh: Thấy quá khứ huệ không chướng ngại, thấy đương lai huệ không chướng ngại, thấy hiện tại huệ không chướng ngại, các pháp hữu vi vô vi đều hay hiểu

rõ, tất cả nghệ thuật thế gian đáng được tạo nghiệp đều hiểu rõ để độ đời, phân biệt nói nghĩa chơn đế biết sở tập của chúng mà tuyên rõ bổn mạt, tất cả chúng sanh căn tánh đến đâu người ngu liệt, người minh đạt và người trung dung trí huệ biết quá khứ vị lai không có chướng ngại, thánh trí nguy nguy vượt hơn thế trí. Thấy rõ chí tánh sở hành của chúng sanh hình sắc biến dị, nghĩa thâm áo khó hiểu khó đến tiêu hóa các kiến chấp rời lìa các sự tà các chỗ ở chướng ngại vào nơi thánh huệ, cùng khắp chúng sanh vào nơi pháp huệ, hiểu rõ nghĩa thú trong thánh tạng rõ thấu chơn tế, trí sáng soi rõ không sai loạn cũng không chướng ngại, quan sát thời tiết vô lượng thích đáng, sự được thấy đều rành rẽ không hề sót mất, hiểu biết chắc thiệt chẳng diệt tận, trí nầy quan sát tất cả vô ngại, bởi dùng một hành duy nhứt mà không có sở hành thấy hết chỗ phụng hành oai nghi lễ tiết của chúng sanh, tâm chí sở thu của nhơn dân thế gian Bồ Tát nầy đều thấy rõ, chẳng rời thế gian mà tập siêu độ cảnh giới các thế gian, còn chưa thành tựu Phật quốc độ mà đều vượt khỏi tất cả nhơn duyên sở tác khai hóa chúng sanh, hơn các hạnh mà khắp cứu cánh các đức hạnh, rộng độ tất cả nhơn duyên tâm hành, đều thấy tâm niệm của chúng sanh hộ pháp thế gian không đâu chẳng khắp,

chẳng bỏ thế tục chỗ làm được chúng sanh tín nhiệm, xét trí huệ ấy không có gấp vội chẳng phạm hý luận, các căn tịch định chưa hề mỏi lười tán loạn, tương ưng thánh huệ thường hiệp thánh đức, đến Bồ đề thọ ngồi đạo tràng hàng phục chúng ma trừ bỏ ngoại đạo, hành đại lợi ích, thánh trí suốt khắp cũng không có sở thủ, đại thánh kiến lập được an trụ chư Phật làm an vui chúng sanh, thấy hết định huệ vào khắp các nghĩa thú tất cả các pháp đều đồng một vị, nắm quyền phương tiện trí độ vô cực vượt đến bờ kia chẳng hạn lượng được.

Đây mới gọi là trí độ vô cực, đều có thể rõ hiểu tất cả nhơn duyên, ý tưởng phát ra thoại ứng liền hiện cảnh lạ liền biến, tâm hành niệm khởi đều được cứu cánh. Đây gọi là đến bờ kia.

Lại trí huệ nầy có hai điều thanh tịnh.

Một là hạnh vô ngại huệ tưởng thanh tịnh.

Hai là nghiêm tịnh, chẳng thể có ai đương nổi tướng trí huệ ấy.

Còn có hai thanh tịnh: Một là trừ sạch phiền não, hai là bỏ hết các kiến chấp.

Lại nữa, Bồ Tát ấy hiện hành trí huệ không đâu là chẳng vào khắp. Đầy đủ thánh minh hiểu rõ chúng sanh biết thấu kinh điển.

Bồ Tát nầy dùng trí huệ ấy hiểu vô sở hữu mà đều vào trần lao hóa hiện ái dục sanh trong các loài ở trong các cõi, kiến lập trí huệ đi khắp quốc độ đều hiểu rõ cảnh giới, trí huệ chắc thiệt chẳng vượt kia đây cũng chẳng ở trung gian. Huệ ấy khắp vào thấy cả mười phương vô ngại. Dụng thì không che khuất, đến không biên tế, huệ thấy chắc thiệt hiểu rõ tất cả các pháp: Gốc, ngọn, bộ, đảng, thời tiết. Đã có thể biết rành chơn đế trí huệ ý nghĩa đến đâu, không ứng chẳng ứng, không đồng không khác, chẳng lười chẳng lui, chẳng đôi chẳng lẻ, thấy các pháp cũng không ứng hiệp.

Nầy Tộc Tánh Tử! Nếu Bồ Tát thật hành những sự trí huệ, dùng trí huệ làm nhà thì thành phước đường đốc tín danh đức, tột đến đạo pháp an trụ tổng trì, đầy đủ tất cả phân biệt trí biện, đầy đủ sự nghiệp trí huệ.

Đây là Bồ Tát phụng tu trí độ vô cực hạnh thanh tịnh vậy".

Đức Phật giảng dạy lời trên đây xong, trong pháp hội có hai vạn hai ngàn người đều phát tâm Vô thượng Bồ đề, tám ngàn Bồ Tát được Vô sanh Pháp nhẫn, năm ngàn Tỳ Kheo lậu tận ý giải, một vạn Thiên Tử xa trần lìa cấu đắc pháp nhãn tịnh.

Lúc ấy chư Thiên lên tiếng khen rằng: "Nếu có chúng sanh nào được nghe pháp môn các độ vô cực đạo hạnh thanh tịnh nầy thì được chư Phật thọ ký. Huống là người được nghe rồi thọ trì đọc tụng thật hành như lời".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Sao gọi là Phật đạo phẩm pháp hạnh thanh tịnh của Bồ Tát:

Bồ Tát tự quán thân mình biết vốn không có thân đây là ý chỉ. Do hai sự mà lập chí mình: Một là xét sự hoang uế, hai là quán hạnh thanh tịnh.

Sao gọi là hoang uế? Bồ Tát xét thấy thân thể vô thường chứa đầy vật bất tịnh, thân nầy sức mỏng kém yếu, không thế lực, thân nầy chống đứng như nhà nghiêng xẹo.

Sao gọi là quán tịnh? Bồ Tát suy nghĩ rằng: Tôi phải dùng thân bất tịnh nầy siêng cần hiểu pháp không được thân pháp thân Như Lai. Pháp thân đồ sộ, đức thân vô hạn vì các chúng sanh mà thị hiện sắc tượng làm lợi vui cho tất cả.

Bồ Tát quán thân hai sự như vậy để lập ý chí mình.

Lại nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát quán thân thấy không có thân rồi thì được hai pháp thanh

tịnh: Một là thấy vô thường, hai là xét vô thường, thân nầy vô thường chẳng còn lâu già bịnh hội họp tất sẽ phải chết. Đã thấu nghĩa ấy nên chẳng đem thân tạo các tà nghiệp. Vì không tham thân thì tu pháp yếu vững bền, thật hành ba pháp vững bền là thân yếu, mạng yếu và tài yếu.

Thân nầy vô thường mà chúng sanh quý trọng có lợi ích gì thật đáng thương xót.

Sao gọi là thân yếu? Thân chẳng phạm ác, khiêm ty cung thuận cúi lạy bực đại trí.

Sao gọi là mạng yếu? Quy mạng Tam Bảo phụng tu mười đức lục độ tứ đẳng.

Sao gọi là tài yếu? Quên mình bố thí cung cấp người nghèo thiếu.

Thân nầy chẳng phải sở hữu của ta, miệng thốt ra lời phần nhiều có lỗi, dua nịnh gièm pha thô tục bất chánh, bỏ hết hành vi ấy chẳng còn phạm quấy nữa.

Đã thấy không có thân nên chẳng bảo trì thọ mạng, dầu bị hại cũng chẳng gây tội ác. Hiểu thân nầy vô thường là thứ chia lìa nên chẳng phạm lỗi. Tất cả sở hữu đem bố thí không tham tiếc. Đã biết không có thân nên được đức lành công huân hiểu rõ chẳng thể hạn lượng được.

Sao gọi là là hữu thường? Nếu Bồ Tát quán thân thấy không có thân phải thời nhiếp lấy giữ gìn, huệ tâm quán chiếu Nhứt thiết trí, chẳng trái lời Phật dạy, chẳng mất Pháp ngôn, chẳng hư Thánh chúng, khuyến hóa lê thứ ngự trị nhơn dân, đây gọi là hữu thường. Nói là thường vì là vô tận vậy. Nói là vô tận chính là vô vi vậy. Cùng đạo hiệp đồng vô chung vô thỉ huyền diệu hằng còn, đây gọi là vô vi. Vô vi ấy là thường vậy.

Bồ Tát an trụ nơi ấy, dùng các cội công đức quán sát thông huệ đến nơi vô vi, đây gọi là hữu thường. Gọi là thường, do vì là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tu đạo Bồ Tát thường phụng hành không, quán vô tướng, chẳng chấp vô nguyện, khắp có đủ hạnh tinh tiến, đây gọi là hữu thường.

Nói là thường, nghĩa là như hư không. Tâm Bồ Tát bình đẳng như hư không vậy, không có tư tưởng. Phụng hành như thế mới là Bồ Tát. Đây gọi là hữu thường Vô thượng Chánh chơn".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Bồ Tát quán thân thấy vốn không có thân thì gọi là ý chỉ. Tất cả thân người đều vốn không có. Bởi biết thân không có nên ý không chấp trước. Bồ Tát quán chúng sanh thân đứng tại Phật thân. Nên quán như vầy: Nếu thân Như Lai không có các lậu thì thân tôi cũng vậy. Xét nơi các pháp mà

phụng hành đạo nghĩa chẳng sai lời Phật dạy. Được thân vô lậu mà quán chúng sanh phân biệt các tướng, dùng thân vô lậu thanh tịnh vô lậu, bổn tế cũng thanh tịnh, như cội đức ấy kiến lập các công hạnh khuyến trợ cội đức cũng không có các lậu. Bởi hay kiến lập nên pháp vô lậu nên có thể an trụ các lậu.

Sao gọi là các lậu? Đó là dục lậu, hữu lậu và kiến lậu.

Bồ Tát dứt hết dục lậu dầu có sanh nơi Dục giới mà khai hóa chúng sanh. Đã dứt hữu lậu dạo đi trong sanh tử, ở nơi các cảnh thọ mà giáo thọ nhơn dân.

Lại kiến lậu là lậu vô minh mê tối. Nơi đây, Bồ Tát tinh tiến chẳng lười, cứu cánh tinh tiến nhổ sạch gốc nguồn nó.

Bồ Tát nầy nếu quán thân phụng tu ý chỉ vượt khỏi các hạnh nghiệp chẳng nên làm từ thuở xa xưa, rời lìa những uế ác mà an trụ tịch tĩnh, đây mới là quán thân.

Bồ Tát nầy không có sở độ cũng không có sở sanh không có sở vi, đây mới là quán thân.

Bồ Tát nầy quán thân rồi chẳng thấy có thân cũng không có đối tượng quan sát, bỏ niệm tham thân chẳng chấp ngô ngã. Đã không có ngô

ngã thì không có sở tham. Đã không có sở tham thì không có sở tránh. Đã không có sở tránh thì không có hận thù. Đã không có hận thù thì được pháp nhẫn. Đã được pháp nhẫn thì không có sở quy. Đã không có sở quy thì không có sốt bạo. Đã không có sốt bạo thì chẳng tự tại mà an trụ nơi pháp. Đã ở nơi pháp thì chẳng hành phi pháp. Người thuận pháp hành thì thường cùng chung với pháp. Người tu đạo pháp thì được pháp từ. Đã thọ pháp từ thì nghe pháp âm. Đã hành pháp âm thì chẳng nghe âm thanh thế giới. Đã vắng bặt âm thanh thế giới thì được tam muội. Đã được chánh thọ thì trí quán xác thiệt. Đã quán xác thiệt thì không có sở tưởng. Đã không có sở tưởng thì không có sở tác. Đã không có sở tác thì không có phi tác. Đã ở nơi các sở tác không có tác không có phi tác đến pháp chánh chơn thì các pháp bình đẳng. Đã bình đẳng các pháp thì đến Nhứt thiết trí.

Đây là Bồ Tát quán thân biết vốn không có thân ý chỉ hạnh thanh tịnh".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Sao gọi là Bồ Tát thống dượng ý chỉ? Bồ Tát quán thống dượng vốn không có thống dượng mới là ý chỉ. Quán các thống khổ đều thấy chúng sanh, những kẻ đang bị hoạn nạn, vì họ mà rơi lệ

thành tựu đại bi. Bồ Tát nghĩ rằng chúng sanh bị khổ não nếu được an ổn thì không có thống dượng, vì họ mà dứt trừ tất cả sự nguy hại. Nhẫn đến quán sát thống dượng biết vốn không có thống dượng, hiện hành ý chỉ. Đã diệt trừ thống dượng rồi vì các quần sanh mà mặc giáp đại đức, trước tự tiêu sạch các hạnh nghiệp phi pháp nơi thân, cũng chẳng tưởng niệm diệt trừ thống dượng của mình. Nếu có gặp sự đau khổ, thì khắp vì tất cả chúng sanh mà sanh lòng đại bi, vì họ thị hiện thường an lạc tiêu trừ hẳn các hoạn nạn. Vì người tham dục khởi lòng đại bi, trước tự trừ tham dục chẳng bị dục tham trói buộc, dầu thân bị khổ cũng chẳng lấy làm khó khăn. Vì người sân giận mà phát khởi đại bi tự trừ lòng sân giận, quan sát thấy sự thống dượng không khổ không vui vậy. Vì người ngu si mà khởi đại bi diệt trừ dây si ngu của mình, quan sát thống lạc không chấp trước tiêu trừ các kiết sử mà tự do an ổn, nếu bị khổ thống chẳng lấy đó làm lo buồn, bỏ các hữu vi thì có thể phụng tu khiến không có khổ vui để phá trừ ngu si, nếu gặp lạc thống thì không tích tụ, nếu gặp hoạn nạn thì rõ thân vô thường quan sát khổ thống vốn không có ngã. Bồ Tát quan sát lạc thống tu hành an ổn, quan sát khổ thống thì là bịnh hoạn, vì thế nên gọi là chẳng vui chẳng khổ. Dầu có

thấy sự an lạc đều quy về vô thường, còn các sự khổ cũng đều vô ngã.

Bồ Tát quán lạc thống tu hành an ổn, quán khổ thống là bịnh hoạn, vì thế nên gọi là chẳng lạc chẳng khổ. Giả sử xem thấy những sự an lạc thì đều quy về vô thường, có những sự khổ thì quán nơi người khổ là chẳng khổ chẳng lạc cũng là vô ngã.

Bồ Tát nếu thấy các sự an lạc thì biết rõ tất cả vốn là không an; quan sát thống dượng biết thống dượng không có gốc nó vừa sanh khởi thì liền dứt diệt; biết rõ các pháp không thể lâu dài, xét nơi vạn vật như ngọn lửa sanh rồi bỗng tắt; xem tất cả các pháp sanh ra như bóng: Nó từ đâu đến mà liền tan mất; quán nguồn gốc các pháp như nhìn bàn tay từ đâu đến rồi đi đến đâu, liền biết nó không từ đâu lại, đi không chỗ đến. Do quán các pháp như vậy nên chẳng bị câu phược mà thấy khắp tất cả chân thiệt tịch diệt, nhơn đây mà thành đạo, cũng không có sở đắc chẳng còn thối thất. Tại sao? Bởi có thể thấy được tất cả chúng sanh căn bổn sanh khởi mà cầu tịch diệt chớ chẳng vì thân mình mà cầu tịch diệt vậy.

Đây là đại Bồ Tát thiện quyền phương tiện dùng đại bi quán thống dượng biết rõ không có

thống dượng, hành ý chỉ tiêu trừ các kiến chấp biết rõ nơi đây, chẳng lấy sự diệt trừ các thống dượng siêu quá tam giới mà thủ chứng chơn tế vậy.

Bồ Tát nầy ở nơi các thống dượng quan sát nơi đức Phật tán thán căn bổn hiểu thấu các thống dượng tịch mặc điềm đạm vốn không có sở hữu cũng không bị khổ hoạn. Vĩnh viễn không bị khổ hoạn các pháp đều không rời lìa ngô ngã, luống thấy các pháp hiệp hội đều nương nhơn duyên đều không có chủ cũng không ngô ngã, bỏ các sở kiến không có trưởng dục. Bồ Tát quán sát như vậy thì thấy chơn đế, nhơn duyên hội hiệp đều vô sở đắc, đã bất khả đắc thì quan sát như vầy: Như nhơn duyên không từ nơi ấy kiến lập các pháp cũng không. Đã đạt nghĩa không rồi mới là quán thống dượng vốn không có thống dượng là hành ý chỉ vậy. Đó là tịch mịch thân đạm bạc tuyển trạch các nghĩa đạo thánh trí huệ.

Đây là đại Bồ Tát quán thân thống dượng rõ thấu vốn không có thống dượng thành ý chỉ tịnh hạnh".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Bồ Tát quán tâm rõ thấu vốn không có tâm thành ý chỉ hạnh, lập đạo tâm. Đã được lập tâm liền dùng ý

huệ của mình mà tìm tâm bổn: Chẳng thấy nội tâm chẳng thấy ngoại tâm, chẳng an trụ nội ngoại. Xét tâm bổn ấy chẳng thấy ngũ ấm, không có các đại chủng, không có các nhập, tâm Bồ Tát liền tịch định tìm nơi chỗ tịch định từ đâu khởi lên? Bồ Tát lại suy nghĩ: Hễ tâm khởi thì duyên khởi. Rồi lại suy nghĩ: Tâm ấy khác hay nhơn duyên khác? Liền tự hiểu rằng giả sử nhơn duyên khác tâm ấy khác thì có hai tâm. Giả sử nhơn duyên là tâm và tâm là nhơn duyên, nếu như vậy thì tâm chẳng thấy được tâm, người chấp nơi tâm chẳng phải là chẳng thấy tâm. Như các bụi trần hư giả không thiệt, đứng nơi hư không bị dao bén đứt ngón tay thành vết thương, ngón tay đã lành không còn đau khổ. Cũng vậy, tâm chẳng thấy tâm, cái mà tâm thấy ấy là không chỗ bị thấy. Nên quán như vầy: Chỗ tâm an trụ cũng chẳng sanh tội, chẳng thấy đoạn diệt cũng chẳng nghĩ là thường còn. Cũng không có thân, thân thể như tường vách nhơn duyên chẳng sai loạn chẳng rời chẳng một chẳng khác, đây là tâm vậy. Gìn tâm như vầy: Do pháp mà tâm động, tâm không có sở trụ cũng không có sở hành, tâm chẳng thể thấy, tâm tướng tự nhiên. Hiểu rõ như vậy thì chẳng rời sở kiến mà tâm vắng bặt biết rõ không có bổn tánh.

Đây là Bồ Tát quán tâm không có tâm làm ý chỉ vậy.

Lại nầy Tộc Tánh Tử! Nếu tâm chẳng khởi lên mà chẳng thể thấy thì không có tưởng không có ứng không có chẳng ứng cũng không khinh mạn thì chẳng phóng dật. Đây là quán tâm biết vốn không có tâm làm ý chỉ vậy.

Lại như tâm không có sắc, nhơn duyên hòa hiệp ấy và các biện tài cũng đồng như vậy, đức vốn không có sắc.

Như tâm vô vi, đức cũng không có sắc, đạo tâm được quan sát cũng không có sắc. Nếu đạo tâm và trợ đạo không có hình sắc thì đạo cũng như vậy đều không chỗ có. Vì thế nên nói rằng: Như tâm ấy các hành cũng như đó.

Nếu trợ đạo và đạo tâm đều như, như đạo tâm ấy, nhơn tâm vốn thanh tịnh cũng như đạo. Đạo tâm vốn thanh tịnh, tất cả các pháp cũng như vậy. Như tâm ấy mà hiểu rõ khắp vào, đây là Bồ Tát quán tâm không có tâm làm ý chỉ vậy.

Các khổ hoạn não hại chưa hề dừng nghỉ, như khỉ vượn, như dòng nước sông chảy xiết, cũng như ngọn đèn dầu ánh sáng tỏa ra bỗng chiếu đến chỗ xa, không có thân hình mà dễ thối chuyển, tham lẫn các cõi, bị sáu căn làm hại

dùng làm nhà cửa, giây lát biến hoại thì đều tan đi. Tâm không có nơi chỗ mà riêng mình du hành, không có vững thiệt cũng không chẳng thiệt, vắng lặng riêng mình quán sát.

Đây gọi là quán tâm không có tâm ý chỉ thanh tịnh vậy.

Tâm được trí huệ, pháp giới của tâm là chỗ ở của trí huệ, sáng ấy vốn thanh tịnh sạch sẽ không ô uế, biết tâm chơn thiệt, tâm rõ hiện tại, mắt chỗ được thấy, tâm pháp bình đẳng, trí huệ cũng như tâm, tâm bình đẳng tam thế. Đã được bình đẳng thì biết chơn thiệt tâm huệ tự nhiên không hộ không trì không thể thấy được. Đây gọi là quán tâm không có tâm làm ý chỉ vậy.

Nếu tâm vốn thanh tịnh thì là tự nhiên. Tâm vốn thanh tịnh thì rõ tâm chúng sanh vì tâm thanh tịnh vậy. Khai hóa nhân dân vì họ thuyết pháp để họ hiểu biết.

Tâm đã tự nhiên, tất cả chúng sanh cũng đều tự nhiên. Nếu hay phân biệt tâm như vậy thì thấy tâm tướng họ mà vì họ thuyết pháp.

Như tâm tướng tự nhiên, chúng sanh tâm tướng tự nhiên như vậy, nếu hay đạt tâm tướng ấy thì hay vì họ mà thuyết pháp. Tâm mình

không thì tâm chúng sanh cũng không, mình hiểu không mà vì họ thuyết pháp.

Chế ngự tâm mình bình đẳng thì có thể bình đẳng chế ngự họ mà vì họ thuyết pháp.

Thân mình bình đẳng, tâm mình đã bình đẳng thì bình đẳng chúng sanh. Đã bình đẳng chúng sanh thì bình đẳng các pháp. Đã bình đẳng các pháp thì bình đẳng chư Phật. Hiểu chơn đế nầy thì chẳng khiến tâm mình rời lìa tham dục mà chẳng ở nơi dục. Tâm đã dừng dứt rồi thì vào pháp giới đến nơi tự nhiên, tâm vô sở trụ ở nơi pháp không động.

Đây gọi là Bồ Tát quán tâm không có tâm ý chỉ thanh tịnh vậy".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát quán pháp biết vốn không có pháp là ý chỉ hạnh.

Bồ Tát nghĩ rằng: Pháp khởi thì khởi, pháp diệt thì diệt, xét nơi gốc ngọn cũng không có thân ta, không có nhơn, thọ mạng, chúng sanh, sanh lão bịnh tử, chết mất đến kia. Trong các pháp ấy, các pháp hiệp hội, nhơn nó hiệp hội mà làm tập tục, nếu không có duyên hiệp hội thì không có pháp ấy. Từ nơi quen thích ấy làm nhơn mà có duyên hội hiệp thì sanh khởi gốc

lành cùng gốc dữ để rồi quy về vô thường không có duyên hội hiệp. Chẳng từ không có quen ưa mà khởi các pháp.

Bồ Tát quán như vậy hiểu rõ các pháp, thấy chỗ quy về cũng không chỗ có, là không, vô tướng, vô nguyện. Chỗ làm công đức và không công đức, các việc làm ấy đều như ảo huyễn vô thường, phải hành tinh tiến.

Nếu hưng khởi nhơn duyên có mười điều tuân hành cứu cánh vô ngại trừ bỏ nhơn duyên chí vững đại pháp. Những gì là mười?

Thân thanh tịnh không có cấu uế đủ các tướng hảo, vô kiến đảnh tướng siêu độ tất cả những sự xâm hại, chí tánh thanh tịnh đủ có mười sự, nội tâm thanh tịnh đầy đủ chánh hạnh; sáu mươi ức âm thanh từ miệng nói ra làm vui đẹp các chúng sanh; tâm thường nhơn từ thương xót tất cả không hề làm tổn hại; ý thường tại định không hề tán loạn; biện tài thanh tịnh phàm có giảng thuyết đều đúng pháp đúng nghĩa biện tài vô tận; đại từ thanh tịnh khuyến hóa chúng sanh tất cả đều khiến thích cảnh Niết Bàn; đại bi thanh tịnh vô ương số kiếp chẳng chán sanh tử; thanh tịnh mười trí lực hiểu rõ căn tánh ý niệm của chúng sanh đều riêng biệt chẳng đồng; thanh tịnh vô úy phân biệt

chấp trì vô ương số pháp, chúng sanh tích tụ muốn đủ pháp bất cộng của chư Phật; trí huệ biết tam thế quá vị hiện tại vô ngại; pháp thanh tịnh của chư Phật có thể ứng dụng tự tại vì quy hướng thánh huệ vậy. Đây là mười điều.

Bồ Tát đã được mười hạnh đại pháp vi diệu cứu cánh vô ngại rồi xứng lượng tư duy chẳng hề mỏi nhàm tích tập công huân mà chẳng hư mất sa vào hạnh vô đức, luôn ân cần tinh tiến.

Sao gọi là các pháp căn nguyên bổn lai khiến không có xứ sở?

Vượt khỏi sở trụ các tích tập trần lao, đã hiểu rõ vạn vật tất cả vô thường thì có thể thành vô thường tam muội. Người được chánh định nầy chẳng rời tam muội, theo bổn nguyện của mình thị hiện thọ sanh, đến có chỗ sở nhập mà lại xuất sanh, dùng các hạnh công đức tuyên thuyết khai hóa các chúng sanh.

Đây là đại Bồ Tát thiện quyền phương tiện khắp diễn thuyết kinh điển, quán nơi các pháp thấu biết không có pháp làm ý chỉ vậy.

Có người nào đến đạo tuân tu đúng như kinh điển. Nếu hay hiểu rõ các pháp đạo phẩm, chẳng làm các sự lành, chẳng thấy có thường cũng không chấp trước, chẳng trừ các pháp ác,

đạo tâm hiển rõ chẳng dứt, cũng chẳng chấp có thường chẳng đọa đoạn diệt. Nếu có Bồ Tát dứt bỏ các sự chấp thường chấp đoạn, giữ lòng bình đẳng vô sở trụ mà ở trung gian. Sao gọi là trung gian? Không khởi niệm, trừ hết vô minh, đây gọi là trung gian. Không có giáo hóa không có dạy truyền, không có ngôn không có thuyết, đây gọi là trung gian. Tóm lại mà nói, vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thống ái, thủ, hữu, sanh lão, bịnh tử, ưu bi khổ hoạn đều đã trừ hết, đây gọi là trung gian.

Người an trụ trung gian, không bị sai khiến cũng không kẻ khiến, xét sở hữu thì không có giáo lịnh không có dạy truyền, xét bổn mạt thì không thể biết được không có xứ sở, chẳng nắm bắt được thì không chỗ chấp lấy, tịch mịch đạm bạc bỗng nhiên đã dứt diệt, đây gọi là trung gian.

Nầy Tộc Tánh Tử! Ví như tiếng vang không có xứ sở, người thấy chơn đế thì sa vào nơi chơn ngụy. Trung gian đây không có ngôn không có thuyết, không có thấy cũng không có xứ sở.

Nầy Tộc Tánh Tử! Nhơn do hưng phát là việc của thức và sắc cùng giáo lịnh, nhơn do hiệp thành là từ hai duyên đối đãi. Trung gian ấy là không có giáo lịnh không có ngôn thuyết, đây gọi là trung gian.

Nhơn duyên hiệp thành chẳng cần nghĩa lý. Nghĩa lý ấy là bất khả đắc. Bất khả đắc ấy là chẳng trùng lai. Chẳng trùng lai ấy gọi là trung gian.

Lại người quán ngã thì rõ vô ngã, nơi đây tịch diệt, đối với ngã và vô ngã tự nhiên thanh tịnh, đây gọi là trung gian.

Quán nhơn thọ mạng, đối với nhơn thọ mạng mà không có sở kiến thanh tịnh tự nhiên, đây gọi là trung gian.

Đối với tưởng và vô tưởng mà không có tưởng vui, đây gọi là trung gian.

Những sự sở đắc điên đảo được hưng khởi mà không có sở hữu, đây gọi là trung gian.

Hư vọng ngu si cùng giáo thuyết chí thành đều chẳng có được, đây gọi là trung gian.

Bờ đây bờ kia tiêu hóa thân mình không để có chỗ dính mắc, hữu vi vô vi chẳng hành chẳng tập, đây gọi là trung gian.

Bỏ trừ sanh tử mà đến Niết Bàn, đều không có ngôn giáo, đây là ở trung gian.

Nầy Tộc Tánh Tử! Người quán sát nơi pháp biết pháp vốn không có làm ý chỉ, chẳng hoại pháp giới tâm ý tự nhiên mà được ý chỉ, nhập

vào pháp giới hiểu rõ các pháp, quán pháp giới ấy cùng với nhơn giới, nơi pháp giới kia cũng không hư hoại chẳng hư nhơn giới. Pháp giới và nhơn giới, hai sự ấy đồng như hư không giới. Bồ Tát nầy dùng một giới mà thấy khắp các pháp. Dùng huệ nhãn thấy thì dùng pháp giới quán sở hành của Phật.

Giả sử có người chẳng tuyển trạch pháp, Bồ Tát nầy không thấy, do cớ đây nên các pháp bao nhiêu đều thấy không có bổn pháp chẳng thấy có bao nhiêu.

Nếu do quán pháp mà thấy vốn không có, thì chẳng nhục nhãn thấy, chẳng thiên nhãn thấy, chẳng huệ nhãn thấy. Tại sao? Vì nhãn ấy rời lìa phân biệt vậy.

Chẳng nhục nhãn thấy thì nhãn ấy chẳng sa vào hành sanh tử. Chẳng thiên nhãn thấy thì chẳng dùng nhãn ấy hành nơi phóng dật. Chẳng huệ nhãn thấy thì quán pháp rõ pháp vốn không có. Khắp thấy các pháp không có xứ sở, pháp không có sở trụ. Đã thấy các pháp không có sở trụ thì hành pháp ý, thì chẳng trái mất thệ nguyện xa xưa. Đây là Bồ Tát tùy thuận lời Phật dạy mà tự lập ý quán sát các pháp thâm diệu chẳng bỏ tâm Vô thượng Bồ đề vậy.

Đây là Bồ Tát quán vốn không có pháp ý chỉ hạnh thanh tịnh".

Đức Phật phán dạy Bửu Kế Bồ Tát: "Bốn ý chỉ nầy hành bốn tinh tiến. Những gì là bốn?

Quán thân không có thân, trừ bỏ chấp kiến điên đảo thấy có thiệt, bất tịnh cho là tịnh.

Quán thống không có thống, trừ bỏ tưởng điên đảo cho khổ là vui.

Quán tâm không có tâm, trừ tưởng chấp vô thường cho là thường.

Quán pháp không có pháp, trừ tưởng không ngã cho là có ngã.

Nơi bốn điên đảo nầy mà tu bình đẳng thì không có chấp trước.

Bồ Tát nếu có thể tu hành bình đẳng thì có thể thanh tịnh tất cả công hạnh.

Bồ Tát phụng hành công hạnh bình đẳng thanh tịnh vi diệu nầy thì đến pháp nhẫn tên là bốn ý đoạn pháp nhẫn.

Sao gọi là ý đoạn?

Hành giả thanh tịnh giảng thuyết đạo pháp, do đây tự nhiên tùy thuận thiện bổn, chẳng theo ác bổn, chẳng phát sanh lỗi lầm. Những mầm mống ác bổn chưa sanh thì chẳng cho sanh khởi.

Vì tu tinh tiến nên những ác ngôn phát khởi sự phi pháp liền dứt diệt. Vì tu tinh tiến nên các sự thiện đúng pháp được khuyến khích phát sanh. Những pháp lành đã khởi thì càng thêm tinh tiến làm cho tròn đủ chẳng để quên mất.

Lại nữa, Bồ Tát vốn tu tịnh nghiệp, hay tự kiềm chế giữ gìn chẳng để mất pháp lành được an trụ tự tại lần lần tăng trưởng hiển dương thiện pháp. Thiện pháp đã hưng thạnh rồi thì chẳng còn quên mất.

Bồ Tát nầy tu hành thanh tịnh bốn ý đoạn ấy đầy đủ Bồ Tát hạnh tâm được tự tại tinh tiến chẳng loạn, thanh tịnh vô cấu chẳng trái với trí huệ Phật, thuận theo đạo giáo thật hành đại bi, tâm tâm thấy nhau, xem nơi sở niệm chẳng mất tinh tiến đã hiện hành bình đẳng, đây gọi là được ý đoạn.

Tại sao vậy?

Vì từ nơi bình đẳng an lành chẳng cần trái bỏ ác tà. Do nơi an lành chẳng theo ác tà bèn được ý đoạn bình đẳng tam muội. Đã được tam muội rồi thì gọi là bốn ý đoạn bình đẳng vậy".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Nếu hay tu hành bốn ý đoạn ấy thì hay phụng hành đầy đủ bốn thần túc:

Dứt trừ tham dục, phụng hành tinh tiến thì làm cho đạo tâm tịch tĩnh không nhiễm uế ít suy tư. Đã bỏ phi pháp rồi thì được khinh an thành tựu đại bi. Tinh tiến khinh an được quyền phương tiện, nhơn đây thành bốn thần túc thăng lên nhà đạo được bốn tự tại.

Những gì là bốn tự tại?

Một là thọ mạng tự tại, Bồ Tát nầy đã được trường mạng. Vì thọ đã vô hạn nên ở trong đoản mạng mà đầy đủ vô lượng thọ khuyến hóa chúng sanh nghe pháp quán sát. Hoặc với người nhàm mỏi thì hiện đoản mạng cho nó khát ngưỡng chánh pháp ân cần cầu học. Bồ Tát nầy sanh chỗ nào, hoặc trên trời hoặc nhơn gian đều được tự tại nơi thọ mạng của mình.

Hai là thân khẩu tự tại. Bồ Tát nầy thân khẩu như ý, tâm chẳng dựa nơi thân tùy ý hiện hình dung mạo sắc tượng. Nhơn nơi chúng sanh oai nghi lễ tiết, thân nó xấu tốt, dài ngắn, lành dữ, Bồ Tát nầy nhập chánh định tư duy dùng luật nghi nào có thể khai hóa họ? Theo đó Bồ Tát biến hiện hình mạo mình ngồi đứng tới lui. Trong khoảnh khắc tác ý, Bồ Tát nầy hóa hiện đủ tất cả nhân sĩ thân hình nhan sắc đồng loại với họ, rồi vì họ mà thuyết pháp.

Ba là thuyết pháp tự tại. Bồ Tát nầy ở trong tam giới nắm giữ chánh pháp độ thế, chẳng làm pháp thế tục. Dầu tùy theo tập tục biến hiện các sự cảnh mà chẳng xa rời trí huệ độ thế, cũng không lầm lỗi, thường hiệp với đạo thâm áo trí huệ vô ngại. Hoặc tại thiên thượng, hoặc tại nhơn gian, Bồ Tát nầy tùy theo ngữ ngôn của mọi loài làm cho vô số chúng sanh đều thuận luật giáo, đều được quả toại nơi chỗ nguyện cầu.

Bốn là quốc độ tự tại. Bồ Tát nầy tâm đã được tự tại rồi, nhiếp bao nhiêu đại hải trong cõi Đại Thiên hiệp vào một đại hải, cũng không có qua lại để biến hóa. Đem bao nhiêu núi Tu Di lập làm một núi, mà tất cả Trời Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi đều chẳng hay biết sự hiệp tan qua lại ấy. Hoặc hiện rừng cây, hoặc hiện lửa nước đầy cả hư không, hoặc hiện các thứ châu báu, tùy ý kiến lập phương tiện cứu độ chúng sanh. Công việc xong rồi thoạt nhiên hoàn lại như cũ.

Nầy Bửu Kế! Bồ Tát ấy dùng bốn hạnh thần túc để tự tu tập, cùng chư Phật mười phương chung đàm công luận, ngồi đứng kinh hành không rời bên Phật. Đồng thời cùng Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Thiên Vương, các Thiên, Long, Quỷ, Thần, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhơn và

Phi Nhơn, tất cả mọi loài chúng sanh luận đàm thuyết pháp đứng ngồi đến đi.

Tại sao vậy?

Vì Bồ Tát nầy thần túc vi diệu tự tại quảng đại vô lượng. Do nơi Bồ Tát từ xa xưa tu hành pháp lành không hề kém khuyết nên được như vậy.

Sao gọi là tu thần túc?

Bồ Tát ấy từ xa xưa tu hành pháp lành, coi nhẹ thân mình, cung kính bực tôn trưởng, phụng thờ hầu hạ chẳng biết mỏi nhàm, khiêm ty hạ ý chẳng có lòng tự đại tự cao, miệng luôn nói lời lành làm vui đẹp mọi người, kính yêu tất cả, cúi đầu tự quy, đầy đủ lễ tiết, ngôn hạnh tương xứng, lòng dạ mềm mỏng không kiêu không tứ, không có ác ý, luôn luôn khiêm cung điều phục tâm ý, nghe nhận lời tôn trưởng, thuận giáo quỳ lạy, giữ lòng mềm dịu chế ngự ý chí tinh tiến tu hành chưa hề rời bỏ. Bồ Tát nầy đầy đủ lễ tiết oai nghi đúng chánh giới, cử động khác người, lòng chẳng biếng lười khinh mạn, cũng chẳng phóng dật thuận theo tâm niệm tham dục, sân khuể, ngu si. Dứt trừ đây rồi thì không có tham lam tật đố, tham của tham ăn tự hết, tịch tĩnh vô sanh, bịnh tật tiêu lành, các cái chướng năm ấm gánh nặng đều dứt khỏi. Đem

ơn huệ ban bố cho chúng sanh. Làm cầu làm đò, dùng thuyền lớn đưa tất cả chúng sanh qua khỏi dòng nước sâu rộng. Theo cơ khai hóa chúng sanh: Kẻ loạn làm cho chánh, kẻ rối làm cho định, kẻ vạy làm cho ngay, kẻ hủy báng thì cười, chẳng ngại nghịch cảnh, giải quyết hồ nghi, nói điều hay lạ, trấn an động diêu, thương cứu mọi loài, giác ngộ kẻ mê, của quý đem bố thí về sau không hối tiếc, giúp đỡ chúng sanh khuyến khích đạo tâm.

Bồ Tát nầy nếu thấy có người tích lũy cội công đức thì thay họ mà vui mừng, chưa hề tự khen tự an, thấy người được an thì mừng rỡ khen ngợi.

Bồ Tát nầy dễ nuôi, hay biết đủ chẳng mong lợi lộc của người khác.

Bồ Tát nầy ưa thích xuất gia, khuyên người khác xuất gia tu học đại từ đại dũng, đạo tâm kiên cố, oan thân bình đẳng như hư không. Thấy người nhọc mệt thì sắp đặt xe cộ, thường đem vô úy ban cho chúng sanh.

Bồ Tát nầy thấy bực học vấn thì kính như Phật, thấy người chưa học thì chẳng khinh mạn, thấy người thiếu thốn thì ban cho của cải nghề nghiệp, với người tật bịnh thì cấp cho thuốc men để cứu mạng họ, với người cứu hộ thì hiếu thuận

để báo ơn, thấy người giữ giới tự tu thì cúng dường phụng sự chẳng để trái ý, thấy kẻ không cung cách thì khuyến hóa họ vượt qua thế tục.

Bồ Tát nầy đi đến đâu đều chẳng phạm lỗi ác, không hề nhiễm thế sự, thường phụng hành các công đức.

Bồ Tát nầy tu các thần túc vi diệu quảng đại chẳng lui chẳng mất mãi đến thành Phật.

Đây là Bồ Tát thần túc hạnh thanh tịnh".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Thế nào là Bồ Tát Ngũ căn hạnh thanh tịnh?

Bồ Tát chẳng thọ các pháp mà tu đạo nghĩa đó là tín căn vậy. Bồ Tát nguyện vượt qua bỉ ngạn chẳng cầu mong người đó là tinh tiến căn vậy. Bồ Tát vì tất cả chúng sanh mà chẳng rời bỏ đạo tâm đó là niệm căn vậy. Bồ Tát nắm giữ đại bi muốn cứu tế nguy ách đó là định căn vậy. Bồ Tát hay phụng thọ tất cả các pháp mà tu tịch diệt đó là huệ căn vậy.

Lại nữa, nầy Bửu Kế! Nếu Bồ Tát tin chắc tất cả Phật pháp thuận tùng Phật đạo đó là tín căn vậy. Bồ Tát phụng trì pháp của chư Phật chưa hề lười mỏi đó là tinh tiến căn vậy. Bồ Tát nhớ tất cả pháp của chư Phật lòng ghi thánh nghĩa chưa hề quên sót đó là niệm căn vậy. Bồ

Tát tu Phật định không hề lười bỏ đó là định căn vậy. Bồ Tát hay giải trừ nghi kiết cho tất cả chúng sanh mà không mong cầu đó là huệ căn vậy.

Lại nữa, Bồ Tát hâm mộ Phật đạo chẳng do dự đó là tín căn vậy. Bồ Tát chí tánh điều nhu thuận tu tinh tiến không hề lui sụt đó là tinh tiến căn vậy. Bồ Tát khuyến trợ cội công đức làm cho tăng trưởng không tổn giảm đó là niệm căn vậy. Bồ Tát bình đẳng phóng quang minh soi khắp chúng sanh cứu thoát rối loạn đó là định căn vậy. Bồ Tát phân biệt căn tánh của tất cả mọi người để vì họ mà thuyết pháp đó là huệ căn vậy.

Lại nữa, Bồ Tát siêu việt tất cả chướng ngại mà không chỗ chấp trước đó là tín căn vậy. Bồ Tát giải trừ kiết sử cho tất cả chúng sanh khiến không bị trói buộc đó là tinh tiến căn vậy. Bồ Tát phụng hành Phật pháp mà không chấp trước độc bộ trong tam giới đồ sộ đặc dị đó là niệm căn vậy. Bồ Tát biết các chướng ngại nguyên do từ nhơn duyên đó là định căn vậy. Bồ Tát biết rõ các chấp trước thông đạt tất cả đó là huệ căn vậy.

Lại nữa, Bồ Tát tuân hành Phật pháp không có sai lầm đó là tín căn vậy. Bồ Tát giáo hóa người không sai lầm không lỗi thời thường vui

đẹp đó là tinh tiến căn vậy. Bồ Tát thuận tùng Phật pháp thường thật hành pháp vi diệu thanh tịnh chẳng mê uế trược chẳng quên đạo nghĩa ngày ngày tăng tiến tu hành đó là niệm căn vậy. Bồ Tát tâm thanh tịnh phụng hành bình đẳng mà dùng chánh thọ và thánh huệ quân bình để đắc độ đó là định căn vậy. Bồ Tát ở nơi pháp giới trọn không chướng ngại không lỗi thời an trụ pháp tánh đó là huệ căn vậy.

Lại nữa, Bồ Tát diệt trừ tất cả gốc ác phụng hành các gốc công đức đó là tín căn vậy. Bồ Tát tuân theo gốc lành thuận tùng kinh điển đó là tinh tiến căn vậy. Bồ Tát tích lũy các pháp lành chẳng sót mất chánh pháp đó là niệm căn vậy. Bồ Tát định ý vui vẻ chẳng tham an lạc phân biệt cội công đức của các chúng sanh đó là định căn vậy. Bồ Tát phụng hành các điều lành theo phương tiện bình đẳng tu các đạo pháp đó là huệ căn vậy.

Lại nữa, Bồ Tát tin pháp siêng tu bỏ các giải đãi, ý không mong cầu không quên mất gìn giữ định ý khiến chẳng mê lầm phụng hành trí huệ khai hóa ngu si đó là Bồ Tát Ngũ căn vậy.

Lại nữa, Bồ Tát hành tín căn thì trừ bỏ pháp tà, hành tinh tiến thì buông bỏ ngô ngã, tâm ý chuyên nhứt trừ hết tham thân, hay hành chánh

định phá vỡ lưới sáu mươi hai kiến chấp, trí huệ phá trừ tất cả chấp trước ái ân, đó là Bồ Tát tu Ngũ căn hạnh thanh tịnh".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Thế nào là Bồ Tát hành Ngũ lực hạnh thanh tịnh?

Nếu Bồ Tát ở nơi Ngũ căn đây phụng hành chẳng bỏ, hàng phục tứ ma, chẳng theo Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, chỉ theo Đại thừa chưa hề thối lui, tiêu trừ các cấu uế ái dục trần lao, chí nguyện kiên cố, tâm được tự tại dũng mãnh, thân thể khương ninh mạnh mẽ có oai thế, các căn đạm bạc, lòng tin chẳng hư, đây gọi là tín lực.

Điều chẳng nên làm thì chẳng làm, chế ngự tâm mình khiến luôn quân điều, đây là tinh tiến lực.

Điều nên tu tập thì đều thật hành ý niệm có thế lực mạnh, đây là ý lực.

Đạo nghiệp được kiến tạo chưa hề quên mất để độ tất cả chúng sanh, đây là định lực.

Chẳng bị năm trần sắc thanh hương vị xúc chi phối, vượt khỏi tất cả kiết phược chướng ngại, ý chí an trụ chẳng dao động, đây là huệ lực.

Lại nữa, tín lực là chẳng theo lời người khác mà có chỗ thọ nhận, tinh tiến lực là chỗ nên nắm

giữ thì chẳng quên bỏ, ý lực là được tổng trì chẳng mất đạo ý, định lực là thuyết pháp bình đẳng chẳng thiên lệch chẳng theo phe, huệ lực là giải quyết các sự hồ nghi giải tán lưới kiết phược của chúng sanh.

Lại nữa, tín lực là đầy đủ thế mạnh thành tín, tinh tiến lực là vững mạnh giải thoát độ người chưa được độ, ý lực là đầy đủ giải huệ tri kiến, định lực là đầy đủ sức chí nguyện cứu cánh, huệ lực là đầy đủ nguyên bổn tất cả công hạnh.

Lại nữa, tín lực là hay chế ngự nạn xan tham cấu uế, tinh tiến lực là hay buông bỏ tất cả sở hữu, ý lực là hiển bày cội công đức khuyến trợ đạo tâm, định lực là tâm bình đẳng tuân hành xả bỏ mong cầu, huệ lực là chỗ đáng tu hành chưa hề mong quả báo.

Lại nữa, tín lực là giải trừ tất cả khối hủy giới, tinh tiến lực là ân cần tu cấm giới chưa hề sai trái, ý lực là đầy đủ đạo tâm chẳng để thiếu sót, định lực là liền được đến bực nhơn hòa, huệ lực là chỗ tu hành đều dứt sanh tử.

Lại nữa, tín lực là rời lìa gốc tránh tụng sân giận, tinh tiến lực là chánh niệm tu hành tuân tu nhẫn nhục, ý lực là đầy đủ đạo hạnh chẳng hề hủy hoại chánh pháp, định lực là trước tiên chế phục tâm ý chẳng để phóng dật ủng hộ tất cả

mọi loài chúng sanh, huệ lực là chẳng chấp ngô ngã cũng không nhơn tưởng.

Lại nữa, tín lực là trừ bỏ giải đãi uế ác trần cấu, tinh tiến lực là siêu độ được tất cả nhơn duyên chẳng bị ác sự làm mê lầm, ý lực là tu hành đạo hạnh làm cho đầy đủ, định lực là thân thể khinh an hay hàng phục các ma, huệ lực là ở nơi chỗ làm không có làm không chẳng làm.

Lại nữa, tín lực là tiêu hóa các hạnh tà cấu, tinh tiến lực là hiệp hội chúng sanh để khai hóa họ, ý lực là thường nhứt ý chí để khuyến trợ chúng sanh, định lực là thường hành tịch tĩnh chưa hề rối loạn, huệ lực là hiểu rõ các pháp hành của mọi người.

Lại nữa, tín lực là bỏ các kiến chấp hiểu biết các cấu uế, tinh tiến lực là thường siêng tu hành cầu hiểu biết rộng, ý lực là nghiêm tịnh suy tư ý niệm chỗ làm đều đúng, định lực là tâm không chỗ sanh khởi để đến cứu cánh, huệ lực là chuyên học chuyên hành để được thành tựu.

Lại nữa, tín lực là thường được chí thành đủ Thất thánh tài, tinh tiến lực là phân biệt hiểu rõ thành Thất giác chi, ý lực là tâm thường chỉnh tề chưa hề rối loạn, định lực là vượt qua chỗ ở của bảy thức, huệ lực là qua khỏi bát tà không có chấp trước.

Lại nữa, tín lực là tâm thường thanh tịnh không ai phá hoại được, tinh tiến lực là phụng hành thanh tịnh không lui sụt không tịnh không chẳng tịnh, không đúng không chẳng đúng, ý lực là ý thanh tịnh hội họp các pháp đạo phẩm không có ý không có niệm, định lực là tâm tinh tiến tu tịch tĩnh thường chánh thọ, huệ lực là hay thanh tịnh không bị các kiến chấp làm mê hoặc phụng hành các công đức.

Đây là Bồ Tát Ngũ lực hạnh thanh tịnh vậy".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Thế nào là Bồ Tát Thất giác phẩm thanh tịnh?

Bồ Tát niệm giác phẩm là được tự tại chẳng mất đạo huệ, trạch pháp giác phẩm là quan sát đạo hạnh đúng thời không có chấp trước, tinh tiến giác phẩm là siêng tu hành không chướng ngại, hỷ giác phẩm là thân ý hưu tức được đến cứu cánh, khinh an giác phẩm là tâm không có sở trụ, định giác phẩm là rời lìa thiền vị mà được thấu đáo, xả giác phẩm là công nghiệp gây tạo đều được thành tựu.

Lại nữa, niệm giác phẩm là tâm cầu đạo không sở đắc không sở thất, trạch pháp giác phẩm là hộ pháp ngày thêm mới, tinh tiến giác phẩm là khai hóa chúng sanh không hề mỏi chán, hỷ giác phẩm là vui pháp lạc siêng cần suy luận,

khinh an giác phẩm là hóa độ nhơn dân dứt trừ trần lao kiến lập thánh đạo, định giác phẩm an trụ đẳng trì tâm chẳng tạp loạn, xả giác phẩm là hay xét làm hạnh thánh hiền gầy dựng mọi người.

Lại nữa, không lo chẳng nghĩ như sư tử hơn hẳn Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa là niệm giác phẩm, tất cả các pháp đều thanh tịnh hiểu rõ nơi đây là trạch pháp giác phẩm, hạnh nghiệp thanh tịnh gìn thân khẩu ý không hề sai phạm là tinh tiến giác phẩm, thanh tịnh vô trước rời lìa nguy hại là hỷ giác phẩm, nghiêm trì công hạnh việc làm đều xong là khinh an giác phẩm, chưa hề thuận theo thế tục đối cảnh bình đẳng là định giác phẩm, chưa hề an trụ nơi nhị pháp rời lìa đoạn thường hai kiến chấp cứu tế gìn giúp chúng sanh là xả giác phẩm.

Nầy Bửu Kế! Sở dĩ gọi là giác phẩm vì biết rõ các pháp không gì chẳng thấu suốt, phân biệt đúng đắn hiểu rành chỗ đến, biết đúng oai nghi lễ tiết khai hóa chúng sanh, tùy họ ở chỗ nào thân mình siêng tu rộng thi hành đạo nghĩa trừ bỏ kiết phược kiến chấp. Giác phẩm nầy là công hạnh của thánh hiền chẳng phải chỗ tu tập của ngu phu. Nói là thánh hạnh chẳng phải chỗ làm của ma, chẳng phải chỗ làm của kẻ cống cao tự

đại, chẳng phải hàng ngoại đạo dị học đến được. Thánh hạnh là chẳng hành nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thánh hạnh là không dính mắc các tướng nhơn duyên. Thánh hạnh là không lựa chọn xứ sở phương diện có quên có mất. Thánh hạnh là công hạnh không có tâm ý thức niệm tưởng ngôn ngữ. Thánh hạnh là rời lìa kiến văn tri thức. Thánh hạnh là không có tạo tác ý niệm tư tưởng Niết Bàn.

Lại nữa, nơi tất cả pháp đều không có sở hành là hiền thánh hạnh. Tu theo kinh điển không có tất cả đúng chẳng đúng, niệm chẳng niệm, cũng không có ý tưởng khác là hiền thánh hạnh. Nơi tất cả pháp trọn không có sở trụ chẳng mộ tôn xứ sở là hiền thánh hạnh. Nơi tất cả pháp trọn chẳng lầm loạn thuận hành chánh nghĩa đều riêng được thành tựu là hiền thánh hạnh. Nơi tất cả pháp chưa hề tránh tụng hòa đồng cùng ở là hiền thánh hạnh. Phụng hành các pháp không có pháp tưởng chẳng mất đạo ý là hiền thánh hạnh.

Đây là Bồ Tát tu bảy giác phẩm hạnh thanh tịnh của Hiền Thánh vậy".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Thế nào là Bồ Tát tu Tám Chánh đạo hạnh thanh tịnh?

Một là chánh kiến. Sao gọi là chánh kiến?

Bồ Tát nếu hay phụng hành tất cả pháp, nơi ngã chẳng phải ngã chẳng an trụ không quán. Tại sao? Vì xét thân ngô ngã bình đẳng không có sai biệt. Cũng chẳng an trụ quán thân nhơn không. Tại sao? Vì thân nhơn và không cũng là bình đẳng. Cũng chẳng an trụ quán nhơn thọ mạng cùng với không sai khác nhau. Tại sao? Vì nhơn thọ mạng với không vẫn bình đẳng. Cũng chẳng thấy những sanh tử rời lìa nghĩa thỉ chung không vô. Tại sao? Vì các sanh tử thỉ chung họa hoạn cùng sở kiến không vô đều bình đẳng vậy. Chẳng an trụ quán không đoạn diệt thường kiến có ngô có ngã. Tại sao? Vì đoạn diệt với thường kiến đều bình đẳng vậy. Cũng chẳng chấp lấy thân và sở quán không, cũng chẳng an trụ nơi đó. Tại sao? Vì thân ngô ngã và không đều bình đẳng vậy. Cũng chẳng an trụ nơi công hạnh thấy Phật Pháp Tăng quán sát không. Tại sao? Vì thấy Phật Pháp Tăng và sở quán không đều bình đẳng vậy.

Bồ Tát có thử kiến bỉ kiến quán sát đến tịch diệt bình đẳng, đây là chánh kiến thấy Phật Pháp Tăng. Còn tà kiến kia chẳng rời lìa điên đảo vậy.

Nếu ở nơi các chỗ thấy mà không có tưởng niệm thượng hạ trung gian thì là chánh kiến. Tại sao? Vì nơi sở kiến đều quán sát bình đẳng vậy.

Nếu thấy pháp phàm phu cho là ti tiện, còn pháp mình tu học cho là tôn cao, quan niệm như đây là tà kiến.

Thấy pháp phàm phu là ô uế, thấy pháp Bồ Tát là thanh tịnh, quan niệm như đây là tà kiến.

Thấy pháp phàm phu là hữu lậu, thấy pháp vô học là vô lậu, quan niệm như đây là tà kiến.

Thấy pháp phàm phu có cầu ăn mặc, thấy pháp Duyên Giác không mong cúng dường, quan niệm như đây là tà kiến.

Thấy ý Tiểu thừa có hy vọng, ý Bồ Tát không hy vọng, quan niệm như đây là tà kiến.

Thấy pháp phàm phu là phóng dật, thấy pháp Bồ Tát là vô dục, quan niệm như đây là tà kiến.

Thấy pháp phàm phu là sự hữu vi, thấy chánh pháp Phật là đạo vô vi, quan niệm như đây là tà kiến.

Nầy Bửu Kế! Nếu Bồ Tát hay quan niệm pháp phàm phu cho đến tất cả pháp đều bổn lai

thanh tịnh, các học pháp cũng bổn tịnh, quán các pháp đều tự nhiên mới là chánh kiến vậy.

Pháp phàm phu là không, pháp được học cũng là không, rõ pháp sở học là không mới là chánh kiến.

Pháp phàm phu bình đẳng với nhơn duyên, hiểu rõ như đây thì pháp Duyên Giác, nhơn duyên cũng bình đẳng, đây mới là chánh kiến.

Pháp phàm phu vốn là tịch tĩnh, pháp Bồ Tát cũng là tịch tĩnh, đây mới là chánh kiến.

Pháp phàm phu không chỗ thành tựu, pháp chư Phật cũng không cứu cánh, đây mới là chánh kiến.

Người chánh kiến thì tâm chẳng nhập vào hai pháp, chẳng thấy hai pháp, nhơn cũng không có hai, chẳng thấy ngô ngã, đây là chánh kiến.

Không có bao nhiêu thứ thấy, chẳng lấy bao nhiêu thứ làm có thấy sai khác là thấy bình đẳng, thì chẳng tưởng niệm tất cả các pháp có thượng trung hạ, nơi tất cả pháp mà không có tưởng niệm mới là chánh kiến.

Người chánh kiến không có bao nhiêu sự thấy cũng không sở kiến, không có sở kiến mới là chánh kiến.

Chỗ quan sát được ấy không có hình sắc, do thấy các pháp không có hình sắc mới là chánh kiến.

Bồ Tát nầy quán tất cả các pháp như thế ấy mới gọi là người ban tuyên pháp luật vậy".

Đức Phật nói lời trên đây xong, trong pháp hội có năm trăm Tỳ Kheo được lậu tận ý giải.

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Hai là chánh niệm. Sao gọi là chánh niệm?

Gọi rằng chánh niệm là trừ bỏ các niệm cùng chẳng niệm đồng hiệp hội tịch tĩnh mà quán tỏ trí đức đến pháp tịch diệt, hiểu rõ sở quán thấy rành các pháp, gì là pháp, gì là phi pháp, biết các pháp đều riêng sai khác chẳng thân cận nhau. Do hiểu rõ như vậy nên bình đẳng còn chẳng niệm huống là niệm sai biệt ư! Nơi tất cả niệm không có niệm không có chẳng niệm, không còn tư lự không đúng không chẳng đúng, đây gọi là chánh niệm.

Ba là chánh ngữ. Sao gọi là chánh ngữ?

Bồ Tát lúc nói, chẳng tự thấy thân mình, chẳng thấy người khác, chẳng thấy kia đây, chẳng phạm thân mình cũng chẳng hại nơi người, đây là chánh ngữ.

Lại nữa, Bồ Tát lúc nói, bình đẳng hiểu các pháp, biết tất cả pháp đến nơi diệt tận, biết tất cả pháp về nơi pháp Hiền Thánh và giải thoát, đây là chánh ngữ.

Lại nữa, chánh ngữ là phụng hành từ tâm bi mẫn tất cả, thân và thù không có khác, chánh ngữ ấy cũng là không, vô tướng, vô nguyện đều vô tác vô sanh vô khởi, bình đẳng diễn nói các pháp vô thường khổ không chẳng phải thân tất cả các pháp không có ngã nhơn thọ mạng. Bình đẳng diễn nói các pháp theo ý duyên khởi, trồng giống nào thì được quả nấy. Bồ Tát bình đẳng chỉ dạy chúng sanh tuyên giảng kinh pháp khiến nó hành Phật đạo. Được chánh ngữ thanh tịnh thì được tất cả chư Phật mười phương ủng hộ. Đây là chánh ngữ.

Bốn là chánh nghiệp. Thế nào là chánh nghiệp?

Bồ Tát tiêu hóa tất cả nghiệp đã gây tạo chưa hề làm lại cơ bổn nghiệp hoặc. Công nghiệp được tu là diệt trừ khổ não. Việc làm thường ngày đều thấy hư giả. Chẳng hưng tạo tà nghiệp, rời lìa trần lao, không có uế trược. Bồ Tát hiểu rõ chánh nghiệp và các pháp, nơi các cội công đức không có tạo tác để tu đức hạnh thì

gọi là vô tác là không hư. Đây gọi là Bồ Tát hành đạo Vô thượng làm chánh nghiệp vậy.

Năm là chánh mạng. Thế nào là chánh mạng?

Bồ Tát chẳng thấy có ngã chẳng thấy có nhơn, đây là chánh mạng. Người có chánh mạng thì chẳng tích tụ tất cả trần lao. Bồ Tát chánh mạng thì hay thanh tịnh tu tập chí nguyện chúng sanh, chí nguyện đã thanh tịnh thì chẳng tự chấp thân chấp nhơn cũng không có thọ mạng, mình người bình đẳng, tất cả pháp cũng bình đẳng, thật hành pháp nghĩa thanh tịnh. Đây là chánh mạng.

Sáu là chánh phương tiện. Thế nào là chánh phương tiện?

Bồ Tát chẳng làm sự phi pháp, lòng chẳng bỏ công đức. Phương tiện được làm thì vững an chẳng khiếp nhược, tu các chánh hạnh thuần thục thân cận. Đây là chánh phương tiện.

Người có chánh phương tiện thì chẳng làm tà phương tiện. Phương tiện được làm đúng như lời đã nói, chẳng thấy các pháp đồng cùng dị, không có tác không có chẳng tác. Đúng như pháp tánh mà thật hành, pháp của chư Phật cũng như vậy, đều là tịch tĩnh, nhơn đó làm phương tiện. Các pháp đều bình đẳng không có

sai biệt, chỗ làm cũng bình đẳng. Vì các chúng sanh mà trừ tà phương tiện, khuyến trợ họ đến nơi trí huệ. Đây là chánh phương tiện vậy.

Bảy là chánh ý. Thế nào là chánh ý?

Bồ Tát nhớ Phật đạo, nhớ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, nhứt tâm, trí huệ, từ bi, hỷ hộ. Ân cần gìn ý chẳng cho có uế ác trần lao, chẳng theo ma nghiệp.

Bồ Tát ý niệm đến chỗ nào đều chẳng sa vào tà kiến chế ngự ý niệm của mình như người gác cửa biết rành lúc nên mở nên đóng, trừ bỏ tất cả ý niệm xấu ác, không hề có tư tưởng, chẳng cho có tà niệm, đây là chánh ý.

Bồ Tát đã ở nơi chánh ý nầy thì chẳng ở trong đạo tánh tịch diệt mà lấy quả chứng. Đây là Bồ Tát chánh ý hạnh thanh tịnh.

Tám là chánh định. Thế nào là chánh định?

Bồ Tát tùy thuận hiền thánh hạnh, biết khổ đế đoạn dứt tập đế chủng, chứng tận đế chủng, phụng đạo đế chủng, đây là chánh định. Bồ Tát chánh định, tự thân bình đẳng các pháp cũng đều bình đẳng, tự thân thanh tịnh các pháp cũng đều thanh tịnh, tư thân không hư các pháp cũng đều không, chánh ý chánh thọ, được như đây thì nhập vào bình đẳng chẳng sa vào diệt tận. Trong

khoảng phát tâm chỗ sở hành đều bình đẳng đầy đủ trí huệ và tất cả thánh phước, tỏ rành các pháp. Đây là Bồ Tát chánh định hạnh thanh tịnh".

Lúc đức Phật nói chánh định giác phẩm, một ngàn sáu trăm chư Thiên và Nhơn từng ưa thích tiểu thừa, đã được ngộ nhập pháp nầy nên đều phát tâm Vô thượng Chánh chơn.

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Nầy thiện nam tử! Bồ Tát thủ hộ giác ý nuôi nấng tâm mình chẳng để sanh khởi, trừ dâm nộ si, bỏ đắm trước nơi sắc, thọ, tưởng, hành và thức, không dính mắc ba chỗ, độc bộ trong tam giới, qua ba cửa giải thoát, đến ba đạt trí, thấy quá khứ vị lai hiện tại không chướng ngại, khai độ chúng sanh trừ sạch cấu uế, như mặt nhựt sáng không chỗ nào chẳng được soi tỏ, thiện quyền phương tiện trí huệ tùy thời nghi mà thị hiện đi khắp ba đời khai hóa tất cả chúng sanh làm cho họ phát đạo tâm, như hoa sen trong nước. Đây là Bồ Tát hộ trì giác đạo ý hạnh thanh tịnh".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Thế nào là Bồ Tát thành tựu thần thông làm hạnh thanh tịnh?

Bồ Tát lại do năm sự thấy suốt đầy đủ chứng được quang minh gọi là thiên nhãn: soi

khắp mười phương chỗ rất kín tối không đâu chẳng thấy rõ, thấy tất cả Phật khai hóa độ thoát nhiều loài, xa thấy chúng sanh sau trước hướng đến trang nghiêm ý chí. Thấy hết mười phương có tất cả hình sắc tượng mạo chủng loại tốt xấu, dài ngắn, lớn nhỏ, thiên nhãn ấy không hề bị chướng ngại, ý niệm tịch diệt vô vi hơn cả hàng Bát Bộ Thiên, Long, Thanh Văn, Duyên Giác và cũng thấy suốt bổn mạt của họ. Đây là thiên nhãn thanh tịnh của Bồ Tát.

Nầy Tộc Tánh Tử! Lại do năm sự Bồ Tát thành tựu nghe biết suốt hết tất cả gọi là thiên nhĩ. Nghe biết âm thanh của tất cả loài người, nghe suốt âm thanh của tất cả Phi Nhơn, cũng nghe tất cả âm thanh đau khổ của địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, cũng nghe âm thanh thuyết pháp của tất cả Phật mười phương, tất cả ngôn ngữ âm từ sai khác chẳng đồng, vạn ức thứ âm thanh khắp tất cả mười phương đều nghe rõ được hết. Đây là thiên nhĩ thanh tịnh của Bồ Tát.

Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát biết các tâm niệm có năm sự: Đều biết rõ được gốc ngọn của nghiệp nhơn các loài trời, người, súc sanh, ngạ quỉ, địa ngục, tâm niệm thiện ác của họ, đến đời sau hoặc thấy họ thọ thân, biết tâm niệm họ hướng về đâu suốt quá khứ vị lai hiện tại quyết

định chỗ đến về nơi tà nghiệp, tâm niệm của tất cả chúng sanh và nghiệp hành thiện ác đều biết rõ, xét tâm ý của chúng sanh hoặc có tham dâm, sân hận, ngu si tùy theo bổn hạnh của họ mà thuyết pháp. Đây là hạnh thanh tịnh biết các tâm niệm của Bồ Tát.

Nầy Tộc Tánh Tử! Thế nào là Bồ Tát biết đời quá khứ thần thông thanh tịnh?

Bồ Tát biết quá khứ có năm sự: Biết rõ đời trước ai có thọ những dâm nộ si thì đều tự nhiên, thọ mà chẳng chú ý suy nghĩ gây ra sự việc ấy, lại biết rõ thân mình từ vô số đời chuyên suy gẫm về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, nhứt tâm, trí huệ, từ bi, hỷ xả, do nơi định ý ấy mà được thân nầy, cũng là từ nơi mình gây nên, những ai chấp ngô ngã tâm niệm nhơn duyên quán sát các tướng, tướng nhơn duyên ấy cũng tự mình làm mà tự nhiên thọ, suy gẫm tâm ý họ quan sát chí hướng họ, họ vào cửa si mê cũng là tự nhiên thọ, nhớ biết như vậy rồi tùy theo thân hình quyến thuộc thế lực danh xưng hào quý hay bần tiện khổ vui cũng đều tự mình tạo, đều tự nhiên làm mà thọ lấy họa hoạn ấy. Đây là thần thông thanh tịnh biết rõ thân tâm đời quá khứ của Bồ Tát.

Nầy Tộc Tánh Tử! Cũng có năm sự Bồ Tát đầy đủ thần túc: Thị hiện mọi sắc thân thần thông tự tại, thị hiện mọi thanh âm thần thông tự tại, thấu suốt tâm ý và hành nghiệp của tất cả mọi loài thần thông tự tại, thần túc cùng khắp làm cho tất cả chúng sanh vui sướng, thần túc đều riêng biệt người gần gũi được thấy, thần túc đến khắp mọi nơi, ngồi một chỗ mà thấy vô số quốc độ mười phương, đi khắp cảnh giới của tất cả Phật, tùy theo tập tục của tất cả chúng sanh mà hiện thân hình khắp mười phương thuyết pháp cho họ làm cho họ được thông hiểu phát tâm Bồ đề. Đây là thần túc thanh tịnh của Bồ Tát.

Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát huệ nhãn có đủ thiên nhãn thanh tịnh không hề chấp trước, cũng đủ thiên nhĩ trước sau thanh tịnh không hề chướng ngại, liền biết rõ tất cả tâm niệm của mọi loài chúng sanh, biết rõ cả những đời quá khứ vị lai, an trụ hạnh vô vi vô tác hết hẳn nghiệp hữu lậu sanh tử bèn đủ thần túc thanh tịnh thần thông tự tại, đây là cửa thánh huệ lậu tận. Ở đây, Bồ Tát dùng năm thần thông ấy mà tự vui thích, tâm Bồ Tát chẳng an trụ nơi huệ lậu tận.

Nầy Tộc Tánh Tử! Ví như đường sá cách xa cư ấp trăm ngàn do tuần có quốc thành lớn. Con

đường ấy gian hiểm nhiều nạn khó kể hết, nào là dốc cao hố sâu quanh co chật hẹp, nào là giặc cướp, sư tử, cọp sói, chúng ác thú ấy trở lại ăn giết nhau. Nếu ra khỏi con đường dữ ấy thì đến được quốc thành. Người vào thành thì thoát khỏi các họa nạn an ổn vô lượng. Bấy giờ có một người nghe quốc thành ấy có nhiều ân đức vui sướng, người nầy vốn chỉ có một con trai rất cưng yêu, khi nghe đến quốc thành kia, người nầy liền bỏ đứa con trai yêu quý lại mà đi, hết sức siêng năng chịu đựng các sự gian nguy khổ nạn ngày đêm chẳng biếng trễ, được gặp bóng mát, thân đủ sáu nghề, tay cầm năm món binh khí vượt khỏi đường hiểm đến bên cửa thành, đứng trên ngạch cửa rồi lần bước lên đến từng cửa thứ hai mở cửa thành ra rồi đứng lại đó, thoạt nhớ đến đứa con trai yêu quý chưa được đến quốc thành, vì ân tình cha con nên người nầy chẳng vào thành, mà vội trở lại cư ấp mang đứa con trai cùng đến quốc thành an lạc ấy.

Nầy Tộc Tánh Tử! Cũng vậy, Bồ Tát mặc giáp vô cực, dùng chí ý tinh tiến vững chắc thuần thành hiển phát đại đạo trừ sạch tâm nghiệp, công hạnh thuần thục lành tốt, hết các lậu, khởi đại bi, vì chúng sanh mà thuyết pháp khai hóa cho họ. Bồ Tát nầy có trí huệ dứt trừ các lậu hết hẳn sanh tử thành tựu cứu cánh, vì

lòng từ bi muốn cứu vớt chúng sanh nên lại vào sanh tử hiện thân ở hạng phàm phu.

Nầy Tộc Tánh Tử! Quốc thành ấy dụ cho thánh huệ vô thượng hết hẳn các lậu. Con đường hiểm nạn xa trăm ngàn do tuần là nói trải qua vô lượng sanh tử họa nạn độ thoát chúng sanh chẳng lấy làm khổ. Trộm cướp cọp sói là nói các ma tà kiến những nạn phi pháp. Ăn giết lẫn nhau là nói họa hoạn, thân ngũ ấm suy hư trong tam giới. Gặp được bóng mát là nói công hạnh bình đẳng. Sáu nghề và năm món binh khí là nói sáu Ba la mật và năm thần thông. Người nầy đến thành đứng trên ngạch cửa, từ cửa ngoài lần bước đến cửa trong rồi đứng lại mà chẳng tiến vào, là nói Bồ Tát từ hữu vi đến vô vi các lậu đã hết, tâm sáng suốt chẳng bỏ bổn nguyện muốn độ chúng sanh mười phương như nhớ đến đứa con trai duy nhứt vậy. Chẳng vào thành mà trở lại cư ấp, là nói Bồ Tát thương xót tất cả chúng sanh trong lòng nhớ mến họ như người cha nhớ con một, Bồ Tát đã diệt trừ họa nạn các lậu sanh tử siêu việt an trụ nơi pháp đảnh, dầu đã ra khỏi sanh tử mà chẳng dứt hết các lậu, liền trở lại ở tại lục đạo để khai hóa chúng sanh. Đây là hạnh đại bi thiện quyền phương tiện của Bồ Tát vậy".

Bấy giờ Bửu Kế Bồ Tát bạch rằng: "Đấng Thiên Trung Thiên chưa từng có! Bồ Tát Đại sĩ lòng chứa đại bi muốn độ chúng sanh chẳng thích giải thoát xem như tay mình trở lại sanh tử mà chẳng chán ghét.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ Tát tuân tu pháp gì mà chẳng chán ghét sanh tử?".

Đức Phật dạy: "Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát có hai mươi sự chẳng chán ghét sanh tử.

Những gì là hai mươi sự?

Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát phụng hành đức bổn đến được đại từ vô thượng, chấp trì đại từ để nhiếp nguy nạn lớn. Hoài bão đại bi nhiếp kẻ mê ác, khai hóa chúng sanh cứu độ tất cả. Thường dùng tinh tiến nhiếp kẻ khiếp liệt. Dùng tánh hòa nhẫn nhiếp người hận thù. Dùng quyền phương tiện nhiếp kẻ chẳng biết tiết độ. Phải dùng trí huệ nhiếp kẻ ngu tối. Dùng nhứt tâm nhiếp người phóng dật. Hay dùng thần thông nhiếp kẻ chẳng thông. Hay dùng Thánh minh nhiếp những ám tắt. Hay dùng tùy thời nhiếp những vô nghĩa. Dùng ý chuyên tư duy nhiếp kẻ phiền não. Tuân phụng tâm đạo nhiếp kẻ chẳng học. Mà thi hành tứ ân nhiếp kẻ không được cứu giúp. Dùng bố thí nhiếp bần cùng. Cung kính giới luật nhiếp các vô lễ. Dùng học rộng nhiếp ít

trí. Dùng tổng trì nhiếp hay quên. Dùng biện tài nhiếp ngu độn. Dùng thượng đức nhiếp vô phước. Bồ Tát do hai mươi sự nầy mà thành đại trí huệ chẳng chán ghét sanh tử vậy".

Bửu Kế Bồ Tát lại bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát nên ở nơi sanh tử vì vô số người mà làm lợi ích?".

Đức Phật dạy: "Nầy Tộc Tánh Tử! Nếu như Bồ Tát dùng đức để trang nghiêm thì nên ở sanh tử, dùng phước nhuần thấm kẻ nghèo thiếu nguy ách. Học rộng trang nghiêm thì nên ở sanh tử, dùng biện tài đem nhiều lợi ích hay gìn ý chí chẳng vội quên. Đến được tổng trì thì nên ở sanh tử làm cho tất cả mọi người đều có văn huệ. Đến được bàn tay báu thì nên ở sanh tử đem sự bố thí tốt để tự trang nghiêm, của cải chẳng hao bớt làm nhiều lợi ích. Lại chẳng phóng dật thì nên ở sanh tử, giảng pháp chẳng chán mỏi đem lại nhiều lợi ích cho tất cả mọi người. Lại bình đẳng họp các tưởng hảo thì nên ở sanh tử, tu huệ trang nghiêm cho các chúng sanh. Ngôn hành tương ưng thì nên ở sanh tử, việc làm đều đúng thời chẳng mất tiết độ có nhiều lợi ích cho các chúng sanh. Bố thí tất cả sở hữu lòng không hối tiếc bỏn xẻn thì nên ở sanh tử, tùy theo thời mà khai hóa đều được đúng chỗ, thí pháp Ba la mật

nhiều sự lợi ích cho các chúng sanh. Phụng giới thanh tịnh thì nên ở sanh tử, trang nghiêm trì giới đem nhiều lợi ích lại cho chúng sanh. Nhẫn nhục, tinh tiến, nhứt tâm, trí huệ thì nên ở sanh tử, sáu Ba la mật đem nhiều lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Nầy Tộc Tánh Tử! Thuở xa xưa vô ương số kiếp, có đức Phật hiệu Phổ Hoại Thế Như Lai Ứng Cúng Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới ấy tên Thiên Quán, kiếp tên Hân Dự. Tại sao kiếp ấy tên là Hân Dự? Trong kiếp ấy có sáu vạn đức Phật xuất thế, bấy giờ Trời Tịnh Cư dùng vô số âm thanh ban tuyên công đức của Phật, trong kiếp ấy có sáu vạn Phật, chư Thiên và Người đời đều ca tụng. Nghe tiếng ca tụng ấy không ai là chẳng vui mừng sanh lòng lành. Do duyên cớ ấy mà gọi là Hân Dự.

Nầy Tộc Tánh Tử! Thế giới ấy an ổn khoái lạc công đức cao vợi, chư Thiên và nhân dân ngắm xem chẳng nhàm nên gọi là Thiên Quán. Cõi ấy vi diệu rất mực trang nghiêm, nhiều thứ hương thơm làm đất, hơi hương bay khắp mười phương vô lượng vô số quốc độ. Đất thơm ấy tự

nhiên mọc lên vô lượng hoa sen chói sáng. Ánh sáng hoa sen thường chiếu sáng thế giới Thiên Quán ấy. Nhân dân lớn nhỏ đều có thần túc đều có túc đức, hương thơm làm lâu đài, giảng đường Tinh xá, hiên lơn, cửa nẻo, giường ghế, nệm mền đều vi diệu mịn láng. Thế giới của đức Phật Phổ Hoại Thế ấy không phân chia nước ấp quận huyện thôn lạc. Nhân dân ấy đều dùng thần thông đi đứng nơi hư không. Lâu đài giảng đường cũng ở hư không. Nhân dân ngồi nơi lâu đài giảng đường ấy chuyên ròng niệm đạo, đọc tụng giảng luận. Cõi ấy không có người nữ, không có bào thai, mọi người đều hóa sanh. Không nghe nói đến người nữ, cũng không có tên tam đồ ác thú, cũng không có các sự phiền não tai họa khổ nhọc. Mọi người dùng thiền định hoan hỷ làm ẩm thực, dốc lòng tin pháp vi diệu chí cầu Đại thừa, không có Thanh Văn Duyên Giác hay thừa nào khác. Nhân dân cõi ấy đội mão, y phục nhan sắc như chư Thiên. Giả sử có người xuất thế học đạo thì đều rời bỏ trần lao ái dục không hề có lo khổ.

Đức Phổ Hoại Thế Như Lai ấy cũng chẳng truyền bảo chư Bồ Tát phải mặc pháp phục. Tại sao? Vì người cõi ấy chẳng sanh lòng uế trược. Hình thể của đức Như Lai ấy như Phạm Thiên.

Chư Bồ Tát cõi ấy đều đủ oai nghi lễ tiết, ngồi đứng an tường, giảng thuyết kinh pháp.

Giả sử ở quốc độ của chư Phật mười phương có hàng Bồ Tát thần thông quảng đại đi suốt các thế giới đến cõi Thiên Quán khể thủ quy mạng nghe đức Phổ Hoại Thế Như Lai giảng thuyết kinh điển, thấy cõi ấy công đức siêu việt cao vọi vô lượng không đâu sánh kịp, đều cất tiếng khen ngợi chưa từng có rồi mới bỏ đi.

Nầy Tộc Tánh Tử! Nếu lúc đức Phổ Hoại Thế Như Lai vì chư Bồ Tát mà ban tuyên đạo hóa thì Ngài thăng lên hư không cách đất sáu mươi sáu trượng ngồi trên tòa sư tử vi diệu thanh tịnh trang nghiêm mà luận giáo pháp vô thượng, chỉ nêu phần chủ yếu mà chẳng phân biệt rộng, còn ta ở đây thì ân cần nói nhiều. Tại sao? Vì chư Chánh Sĩ ấy đều nhập Thánh huệ, do một chương một câu liền có thể ngộ nhập trăm ngàn diệu nghĩa nên đức Như Lai ấy tuyên gọn kinh giáo mà chẳng nói nhiều.

Đức Phật ấy nói về bốn hạnh thanh tịnh: Ba la mật thanh tịnh, đạo phẩm pháp thanh tịnh, thần thông hạnh thanh tịnh và hóa độ chúng sanh thanh tịnh.

Nầy Bửu Kế! Thuở ấy nơi quốc độ Thiên Quán có Bồ Tát hiệu Trân Bửu bạch hỏi đức

Phổ Hoại Thế Như Lai: Thế nào là Bồ Tát nên ở tại sanh tử làm nhiều lợi ích cho các chúng sanh? Đức Phật ấy bèn vì Bồ Tát mà rộng phân biệt nói nghĩa hai câu nầy: Nơi đại trí huệ đạo không gì bằng, sở hành của Bồ Tát hằng ở sanh tử chứng được trí huệ làm nhiều lợi ích.

Đức Phổ Hoại Thế Phật vừa nói xong lời ấy liền có sáu vạn Bồ Tát được Nhu thuận nhẫn.

Nầy Tộc Tánh Tử! Lúc ấy Trân Bửu Bồ Tát lại hỏi: Thế nào là Bồ Tát nghiêm tịnh đạo tràng ngồi nơi Bồ đề thọ? Phổ Hoại Thế Như Lai bảo: Dùng không phóng dật nghiêm tịnh đạo tràng ngồi nơi Bồ đề thọ.

Hỏi: Thế nào gọi là không phóng dật?

Đáp: Phụng hành kinh điển.

Hỏi: Sao gọi là phụng hành kinh điển?

Đáp: Ngôn hành tương ưng là không phóng dật. Lại không phóng dật chẳng tự buông lung mà tu vô lượng công đức lớn, chẳng hiệp với ngũ ấm vì vượt khỏi ngũ ấm, bố thí vô lượng vì của cải vô tận, trì giới vô lượng vì hàng chưa học, nhẫn nhục vô lượng vì kham chịu các sự khổ nhọc, tinh tiến vô lượng vì công nghiệp của Chánh Sĩ, thiền định vô lượng vì không lui sụt, trí huệ vô lượng vì không chướng ngại, từ tâm

vô lượng vì khai hóa chúng sanh không hạn cuộc, bi tâm vô lượng vì thương xót chúng sanh cứu giúp thiếu ngặt, hành hỷ vô lượng vì dùng pháp khuyên vui chúng sanh, hành xả vô lượng vì cứu tế dìu dắt quần sanh, sanh tử vô lượng vì nuôi lớn tất cả pháp Phật đạo, hóa độ vô lượng vì an ổn người và mình, chánh pháp vô lượng vì thuận lợi tùy thời kiên trì tinh tiến, đức huệ vô lượng vì nắm quyền phương tiện đồng đúng thời tiết, phụng sự vô lượng Phật vì đầy đủ trí huệ, cầu vô lượng văn huệ vì trí lớn siêu việt, tâm nhập vô lượng vì nhìn thấy chí hướng tánh hạnh của chúng sanh, tiết độ vô lượng vì chí gìn nhàn tĩnh tri túc, nhàn cư vô lượng vì điều thuận tâm, tịch mặc vô lượng vì chỗ quan sát rộng khắp mau lẹ đầy đủ các thông huệ vậy. Nầy Trân Bửu! Đây là những pháp mà không phóng dật phải tuân theo. Bồ Tát tu hành không phóng dật đây thì nghiêm tịnh đạo tràng ngồi Bồ đề thọ.

Đức Phổ Hoại Thế Như Lai lại bảo Trân Bửu Bồ Tát: Nầy Tộc Tánh Tử! Không phóng dật ấy là căn bổn lập nên các phẩm đạo pháp, là nguồn của thánh huệ chứng pháp kiên yếu. Dùng không phóng dật tích lũy đức bổn. Hay không phóng dật thì chưa hề quên sót pháp được nghe từ xa xưa, có thể nhớ lấy khắp tất cả kinh điển, tiêu hóa tất cả trần lao ấm cái, với đạo

nghĩa không bị chướng ngại. Người không phóng dật có thể đốt hết tối ngu si, có thể giữ gìn tất cả kinh pháp, diệt trừ các tướng chấp, ức chế các căn. Người không phóng dật rời bỏ đường tà phụng hành các điều thiện, thế lực siêu việt, có đủ mười trí lực, như hư không không gì sánh bằng. Người không phóng dật được vô sở úy thành tựu đủ tất cả Phật pháp về đến nguyên đảnh. Người không phóng dật thì có thể chứng được trí huệ Phật.

Lúc đức Phổ Hoại Thế Như Lai ấy nói xong về không phóng dật, có vạn hai ngàn Bồ Tát chứng được Vô sanh Pháp nhẫn".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Nầy Tộc Tánh Tử! Ý của ông nghĩ sao? Trân Bửu Bồ Tát thuở xa xưa ấy nay không phải người nào khác mà chính là thân ông là Bửu Kế Bồ Tát vậy.

Nếu Bồ Tát không phóng dật thì có thể nghiêm tịnh đạo tràng ngồi Bồ đề thọ chứng nhập Phật đạo vô thượng.

Lại nầy Bửu Kế! Thế nào là Bồ Tát khai hóa chúng sanh?

Nếu người Bồ Tát hạnh thanh tịnh thấy chúng sanh tâm hành thiện ác thì có thể khai hóa vô lượng vô hạn bất khả tư nghị các loài

chúng sanh khiến họ phụng hành pháp vô thượng. Bồ Tát nầy chí tánh điều nhu xét rõ tận tường tự tại khai hóa: Bao nhiêu chúng sanh căn cơ chẳng đồng sở kiến đều sai khác. Do đây nên Bồ Tát tùy thời nghi thị hiện để dạy bảo họ. Hoặc có kẻ hay kiên trì cấm giới mới khai hóa được. Hoặc có kẻ từ nơi phá giới do đó mà thọ lãnh giáo pháp. Hoặc có kẻ dùng y phục vật dụng giao tiếp qua lại làm duyên mà chịu đạo hóa. Hoặc dùng mềm dịu, hoặc dùng cứng thô, hoặc dùng tâm độc, hoặc khủng bố, hoặc dùng sự khổ não, hoặc dùng sự an ổn mà họ chịu khai hóa. Hoặc có những kẻ ở nơi ngôn ngữ, nơi sự đắc thắng, từ nhơn sanh, từ chí tánh, nơi sự bức não, nơi thuận ý, hoặc từ nơi sở hữu, nơi vô sở hữu, từ sự hưng thạnh, từ nơi sở thọ, nơi vô sở thọ, hoặc từ nơi của cải sự nghiệp sanh nhai, hoặc từ nơi yên tĩnh không đổi lấy, hoặc từ nơi ham mộ cầu dung nhan đẹp, hoặc từ nhan sắc xấu, hoặc từ sắc, thanh, hương, vị, xúc mà được khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi giận mắng mùi hôi vị đắng nhám cứng xấu xa mà được khai giải, hoặc từ nơi sự cùng ở chung mà thọ hóa, hoặc từ nơi qua lại thường thường gặp nhau, hoặc nghe Phật, Pháp, Tăng, hoặc từ sự vui mừng, hoặc từ sự lo buồn, hoặc từ vô ngã, hoặc từ tịch âm, hoặc từ âm thanh thí, giới, nhẫn, tiến, nhứt tâm, trí huệ

mà chịu khai hóa, hoặc từ sự khổ não của thế gian hữu vi, hoặc nghe trên trời trong người hưởng sự an ổn mà chịu khai hóa, hoặc nghe giáo pháp Thanh Văn thừa, hoặc nghe giáo pháp Duyên Giác thừa, hoặc nghe giáo pháp Đại thừa mà chịu khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi sự thường vui mừng, hoặc từ sự lo khổ, hoặc từ sự buồn rầu chẳng được mừng vui, hoặc từ tài lợi, hoặc từ hớn hở, hoặc từ nơi sự chẳng được yêu kính, hoặc do được lợi, hoặc do suy hao, hoặc từ nơi bốn ân mà được khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi nội nghiệp, hoặc từ ngoại nghiệp, hoặc từ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thể tay chân mà chịu khai hóa, hoặc do vui chơi ca kịch, hoặc do hoa hương mà chịu khai hóa, hoặc từ thân mình luôn bị khổ não hoạn nạn, hoặc từ nơi thường được an vui mà chịu khai hóa, hoặc có kẻ từ nơi tâm mình được phương tiện tịch tĩnh, hoặc từ nơi biến hóa làm tượng Tỳ Kheo, tượng Tỳ Kheo Ni, tượng Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di mà chịu khai hóa, hoặc hiện hình tượng dung mạo Phật mà khai hóa chúng sanh, hoặc hiện tượng mạo Đế Thích, Phạm Thiên, Chuyển Luân Vương mà khai hóa họ".

Đức Phật bảo Ngài Bửu Kế Bồ Tát: "Nầy Tộc Tánh Tử! Giả sử Bồ Tát chẳng thị hiện bao nhiêu sự biến hóa như vậy, chẳng quan sát tánh

hạnh và theo tâm niệm của chúng sanh thì không thể hóa độ họ được.

Bồ Tát phải hiểu rõ biết rõ tánh hạnh tâm niệm của chúng sanh rồi theo đúng bịnh mà cho thuốc thì chỗ hóa độ mới rộng lớn được.

Nếu Bồ Tát thật hành Ba la mật thì có thể phụng thọ pháp phẩm Phật đạo, cũng hay sáng tỏ trí huệ thần thông, sau đó yên lặng khai hóa chúng sanh.

Bồ Tát có bốn pháp khai hóa chúng sanh:

Một là chẳng chán nhàm hoạn nạn khó nhọc mà chung thỉ dìu dắt, chỉ dạy người chưa bằng mình.

Hai là chẳng ham an ổn riêng mình mà nguyện an tất cả.

Ba là thường theo đúng thời nghi mà tuyên dạy đạo giáo.

Bốn là biết rõ tâm tánh sở hành của các loài.

Còn có bốn pháp:

Một là nói năng nhu hòa lời lẽ đáng kính.

Hai là phụng giới thanh tịnh như mặt nhựt sáng.

Ba là nhan sắc thường vui vẻ chưa hề hờn giận.

Bốn là thường có từ tâm.

Còn có bốn pháp:

Một là lòng chẳng hề nghĩ đến sự làm tổn hại người.

Hai là sẵn lòng đại bi.

Ba là nhiều thương xót chúng sanh.

Bốn là thường điều phục tâm mình.

Còn có bốn pháp:

Một là tánh hạnh thanh tịnh.

Hai là không dua siểm.

Ba là tinh tiến kiên cường.

Bốn là nhẫn sự khổ lạc thiện ác.

Trên đây là bốn pháp của Bồ Tát khai hóa chúng sanh. Quan sát như vậy mới có thể kham cứu tế tất cả.

Nầy Tộc Tánh Tử! Quá khứ xa xưa vô ương số kiếp, có Phật hiệu Ly Cấu Quang Như Lai Ứng Cúng Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật ,Thế Tôn, thế giới tên Tịch Nhiên, kiếp

tên Ái Kính. Thế giới Tịch Nhiên ấy giàu vui an ổn khoái lạc vô lượng, trời người đông đúc. Chúng Thanh Văn có chín mươi sáu ức, Bồ Tát có tám vạn bốn ngàn. Phật Ly Cấu Quang thọ ba mươi ba vạn sáu ngàn năm. Bấy giờ có Phạm chí làm đại Quốc Vương, Thái Tử tên Nghiệp Thủ xinh đẹp đoan trang nhìn không chán mắt. Thái Tử ấy vừa mười sáu tuổi say vì nhan mạo, mê nơi quyền quý, tự cao tự đại hoang loạn không chịu đến chỗ Phật Ly Cấu Quang để cung kính đảnh lễ.

Phật Ly Cấu Quang nghĩ rằng: Thái Tử Nghiệp Thủ tại sao bỗng nhiên quên mất tâm Bồ đề Vô thượng cội gốc công đức, chẳng biết bổn nguyện mà đi chấp ngô ngã hoang mê dung sắc giàu có quyền quý, lại tự cao đại chẳng chịu đến chỗ Phật để kính lễ. Nếu có ai ân cần vì gã mà tuyên nói bổn hạnh, gã tất biết đời trước và sẽ thường đến chỗ Phật lễ lạy thọ giáo.

Bấy giờ Phật Ly Cấu Quang hội tám vạn bốn ngàn Bồ Tát bảo bỏ thăm coi ai có khả năng đến chỗ Thái Tử Nghiệp Thủ trong tám vạn bốn ngàn năm giáo hóa thuyết pháp chẳng mỏi nhàm, chẳng sợ tất cả khổ não bức bách, dầu có đến đó thuyết dạy cũng chẳng được tiếp đãi mời ngồi chuyện vãn, chỉ có mắng nhiếc hủy nhục chê bai

thôi. Lúc ấy dầu có bỏ thăm, mà trong hàng tám vạn bốn ngàn Bồ Tát không một ai chịu nhận sứ mạng. Sau đó trong pháp hội có Bồ Tát hiệu là Cực Diệu Tinh Tiến đứng dậy trịch y vai hữu quỳ gối chắp tay bạch Phật Ly Cấu Quang rằng: Tôi có thể kham trong tám vạn bốn ngàn năm thường qua đến chỗ Thái Tử Nghiệp Thủ, tôi cam bỏ tất cả an ổn mà nhận các sự khổ nhọc, dầu bị những ách nạn cũng chẳng sờn lòng.

Lúc Cực Diệu Tinh Tiến Bồ Tát bạch vừa xong thì cả Đại Thiên thế giới chấn động sáu lần, trăm ngàn chư Thiên ở hư không cất tiếng khen rằng: Lành thay lành thay! Bồ Tát Cực Diệu Tinh Tiến hay mặc giáp hoằng thệ.

Bấy giờ Bồ Tát Cực Diệu Tinh Tiến đến đứng trước cửa ngõ cung của Thái Tử Nghiệp Thủ. Thái Tử vừa thấy liền cả tiếng mắng nhiếc hủy nhục, giận dữ hủy báng, hốt đất ném đó, ngói đá liệng đó, dao gậy chém đánh đó. Bồ Tát bị mắng nhục đánh đập như vậy mà chẳng giận chẳng hờn cũng chẳng hối hận lui về, càng thêm bền lòng chắc ý, trí lực càng tăng sanh lòng đại bi thương xót Thái Tử. Như vậy quá một ngàn năm mới vào được cửa thứ nhứt, trải qua biết bao khổ nhục hoạn nạn mà chẳng sợ chẳng nhàm. Quá một vạn năm lại vào đến sân thứ

nhứt trong vương cung, hai vạn năm vào đến sân thứ hai, quá tám vạn bốn ngàn năm mới vào được sân thứ bảy đứng đó bảy ngày bảy đêm. Thái Tử Nghiệp Thủ thấy vậy bèn gạn hỏi Tỳ Kheo sao đến đây muốn cầu sự gì?

Bồ Tát đáp: Tôi cố ý đến đây để ca ngợi danh đức của Thái Tử.

Nghe vậy, Thái Tử thầm nghĩ: Lạ lùng chưa từng có, nay Tỳ Kheo nầy giới đức khó lường không ai theo kịp, bị biết bao hủy nhục mà chưa hề hờn giận.

Thấy Thái Tử vui vẻ, Cực Diệu Tinh Tiến Bồ Tát liền nói kệ rằng:

Thái Tử! Nay tôi không cầu gì
Chẳng cần uống ăn và y phục
Phải nên hiển bày lòng vô úy
Tôi mang pháp đến nên tới đây
Đấng Thế Tôn hiệu Ly Cấu Quang
Đại Thánh ra đời nhiều lợi ích
Giảng nói kinh pháp trừ khổ hoạn
Nếu có người nghe được cam lồ
Chư Phật ra đời thật khó gặp
Vô số ngàn kiếp khó gặp được
Điều phục mọi người khiến thọ pháp
Phật là đuốc sáng của thế gian
Người vì dục lạc mà phóng dật

Tham của ham sắc tự vui chơi
Mê hoang quyền quý và ngôi vua
Chẳng chịu đến gặp đấng Pháp Vương
Của cải vô thường mạng khó gìn
Phật dạy đời sống như sương mai
Thái Tử xét mình cũng như vậy
Sao nghe có Phật lại phóng dật?
Ngài cũng đã từng phát đạo tâm
Mời thỉnh chúng sanh muốn độ họ
Đời nay sao bị dục lạc sai?
Phóng dật đâu độ được chúng sanh
Ngài nên phát tâm thương mọi loài
Để khỏi hối hận chuốc sầu não
Nay tôi muốn về chỗ đức Phật
Hàng phục tâm ý diệt trần dục.

Thái Tử Nghiệp Thủ nghe lời kệ ấy liền tự trách và cung kính lễ chân Bồ Tát Cực Diệu Tinh Tiến mà thưa rằng:

Khể thủ đại bi Cực Tinh Tiến
Nay tôi sám hối tội nhục Ngài
Tôi sẽ rời bỏ tất cả việc
Chẳng mộ quyền quý chẳng tham ngôi
Tôi sẽ qua đến chỗ an trụ
Vứt bỏ nhơ nhớp tìm lợi ích.

Thái Tử liền cùng một ức tám vạn người đều cầm hoa hương đến chỗ Phật cúng dường đảnh lễ rồi lui qua một bên.

Bấy giờ Thái Tử Nghiệp Thủ bạch Phật rằng:

Cực Diệu Tinh Tiến là thầy tôi
Lòng chẳng chán nhàm vui vẻ khuyên
Ân đức dường ấy không gì hơn
Cúng dường thế nầy chẳng đủ đền
Hối lỗi quy y đấng Cứu Thế
Tôi quên lời dạy của Pháp Vương
Nay tôi chí thành về sám hối
Nguyện Phật nạp thọ lòng thú tội
Nay tôi phát tâm cầu Phật đạo
Vì tất cả loài khởi lòng thương
Chẳng còn tạo tà và phóng dật
Nay tôi lập đức thành Phật đạo.

Thái Tử Nghiệp Thủ bỏ ngôi cùng một ức tám vạn bốn ngàn người ở nơi chỗ Phật Ly Cấu Quang làm Sa Môn phát tâm cầu Phật đạo.

Phật Ly Cấu Quang biết chí nguyện ấy nên giảng nói Phật đạo tối thượng. Nhiều người nghe pháp thanh tịnh được Nhu thuận nhẫn, hàng Bồ Tát an trụ Vô sanh Pháp nhẫn".

Đức Phật bảo Bửu Kế Bồ Tát: "Cực Diệu Tinh Tiến thuở ấy nay là thân ta, là Thích Ca Mâu Ni Phật đây. Còn Thái Tử Nghiệp Thủ ấy nay là Di Lặc Bồ Tát vậy.

Nầy Tộc Tánh Tử! Thuở quá khứ, Bồ Tát khai hóa chúng sanh chẳng hề mỏi chán, oai đức cao vọi vô lượng dường ấy, sở học ngày thêm sâu tinh tiến vô song. Vì thế nên Bồ Tát muốn độ chúng sanh thì phải nhớ tu học công đức của Cực Diệu Tinh Tiến Bồ Tát quá khứ ấy.

Nầy Tộc Tánh Tử! Bồ Tát có bốn hạnh mà được tự tại, do bốn hạnh nầy mà nhiếp lấy Phật đạo pháp:

Một là siêu việt các ma không ai chẳng quy phục.

Hai là niệm tịnh Phật độ khiến tu tịnh pháp.

Ba là nghiêm thân khẩu ý thuận với căn bổn của bực khai sĩ.

Bốn là nhóm họp tất cả các Phật đạo phẩm.

Còn có bốn sự là Bồ Tát hạnh:

Một là trí huệ hiểu rõ chí tánh được nhập.

Hai là thấy khắp căn nguyên sở quy của chúng sanh.

Ba là phân biệt sở do của các loài rồi cho thuốc đúng bịnh.

Bốn là biết rõ tất cả đường tắt được đi khiến được tịch mịch chẳng có lòng hờn giận.

Đây là những bốn hạnh sở hành của Bồ Tát được tự tại đạo nghiệp".

Bấy giờ Bửu Kế Bồ Tát lấy viên Minh Nguyệt châu trong búi tóc Ngài, châu ấy do từ trăm ngàn công đức cần khổ tu tập trong vô số kiếp cảm thành, giá trị bằng cả Đại Thiên thế giới đem dâng lên đức Phật mà tuyên rằng: "Nay tôi đem báu trên đỉnh đầu cống hiến đức Như Lai. Do công đức nầy sẽ gây nên tướng đỉnh đầu không ai thấy được, mãi đến thành đỉnh Thánh huệ bất khả tư nghì của chư Phật".

Liền đó đức Phật mỉm cười, có ánh sáng năm màu từ miệng Phật chiếu ra soi thấu vô ương số quốc độ chư Phật rồi trở về nhiễu quanh Phật ba vòng bỗng ẩn mất vào trên đỉnh Phật.

Lúc bấy giờ trong pháp hội có Bồ Tát tên là Kiện Biện đứng dậy trịch y vai hữu quỳ gối chắp tay tán thán đức Phật và bạch hỏi rằng:

Đấng Tối Tôn Vô Thượng
Đấng siêu việt thế gian

Vô cấu do ly uế
Tam giới khen Phật đức
Lòng từ không gì sánh
Cao vọi hơn Tu Di
Cớ chi nay Phật cười?
Nguyện thương vì tôi nói
Chơn đế giới nghiêm định
Đấng thanh tịnh khả kính
Khiến lòng tôi an ổn
Khéo tu sớm tịch tĩnh
Thiên Nhơn Sư ở đây
Chí Phật rất kiên diệu
Vì cảm ứng những gì
Xót thương mà nay cười
Thế mạnh khắp mười phương
Quang minh phước soi sáng
Phá tối sư tử mạnh
Vào chúng vô sở úy
Ba cõi không ai bằng
Có ai hơn được Phật
Pháp Vương xin thương nói
Cớ chi mà vui cười?
Ly cấu tánh thường an
Nhan sắc thường hòa vui
Danh đức khắp hư không
Vang lừng không hạn cuộc
Tiêu trừ những tối tăm

Quang minh chiếu khắp chỗ
An trụ chỉ vì hiểu
Cớ chi Phật vui cười
Tu đức lòng thanh tịnh
Chí như núi vàng báu
Thường dạy bảo hậu học
Người đời đều cúng dường
Phật là ruộng tốt nhứt
Thánh siêu thế độ đời
Thích Sư Tử thuyết pháp
Diễn pháp như hư không
Trên trời cùng trong người
Không có ai bằng Phật
Tâm bình đẳng rất vững
Tàm quý lành đầy thạnh
Trăm ngàn đức cao vọi
Tướng hảo như hoa nở
Tối Thắng Năng Nhơn cười
Xin được giải thích rõ
Phật huệ không chướng ngại
Trải rộng suốt ba đời
Nơi bao nhiêu tâm ý
Lòng Phật vô sở trước
Đồng thời đều hiểu rõ
Giáo hóa đúng căn cơ
Đấng Sư Tử mỉm cười
Nghĩa ấy là nghĩa gì?

Chư Thiên dừng trên không
Trong tâm nhiều vui đẹp
Nhân dân tại đất liền
Vòng tay quy y Phật
Năng Nhơn Tối Thắng nói
Pháp vị cam lồ lạ
Chư Thiên Thần người nghe
Dứt sạch tối trần lao.

Đức Phật bảo Kiện Biện Bồ Tát: "Ông có thấy Bửu Kế đây chăng? Ông ấy đem bửu châu trong búi tóc dâng lên Như Lai chí cầu đạo chánh chơn vô thượng, đó là cúng dường Phật trí".

Kiện Biện Bồ Tát bạch Phật: "Vâng tôi đã thấy, bạch đức Thế Tôn!".

Đức Phật bảo Kiện Biện Bồ Tát: "Nầy Tộc Tánh Tử! Bửu Kế đây từ hằng hà sa số kiếp cúng dường hằng hà sa số Phật, ông ấy thường tu phạm hạnh khai hóa vô số loài chúng sanh lập nên tam thừa. Đương lai quá mười a tăng kỳ kiếp sẽ làm Phật hiệu là Bửu Thành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, thế giới tên Ly Cấu Quang, kiếp tên Vô Cấu. Thế giới Ly Cấu Quang ấy bằng bảy báu

hiệp thành thường phát ra ánh sáng chiếu khắp Vô lượng Phật độ mười phương, ánh sáng ấy màu tử kim. Nếu chúng sanh nào gặp được ánh sáng ấy thì tất cả trần lao tất nhờ đó mà tiêu diệt. Thế giới ấy giàu vui, đều là bực Bồ Tát vô sở trước, không có tướng dị học khác phát khởi, đồng tu đạo bửu, do cớ nầy mà đức Phật ấy hiệu là Bửu Thành. Chư Bồ Tát ấy đều được thần thông, đều có biện tài. Chư Thiên, nhân dân đều thuần thục tuân hành theo đấng Đẳng Chánh Giác, không có danh từ vô trí bất cập. Nước ấy cũng không có vua chúa, chỉ do Phật làm Pháp Vương Vô Thượng. Chư Thiên và nhân dân đều tự nhiên hóa sanh, không có người nữ, không có danh từ ái dục. Nhân dân cõi ấy đều trồng cội công đức không có người vô phước, đầy đủ các căn, đều dùng các tướng hảo trang nghiêm thân thể. Chúng Bồ Tát của đức Như Lai thuở ấy đông không thể kể đếm. Đức Phật Bửu Thành thọ mười bốn kiếp. Ngài không hề đàm luận gì khác, lời Phật chỉ tuyên bày trí huệ Bồ Tát, các Ba la mật, biện tài, đại bi, thuần một giáo phẩm. Chư Bồ Tát ấy đã được dạy bảo, các căn sáng suốt có thể do một câu mà khắp vào tất cả đạo pháp của chư Phật. Bửu Thành Như Lai vì chư Bồ Tát ấy mà nói ngôn giáo tổng trì, từ tâm như đất.

Sao gọi là ngôn giáo tổng trì? Đó là do một tuyệt cú mà vào khắp các chương.

Sao gọi là một tuyệt cú? Đó là câu diệu thánh, pháp đạo phẩm chẳng thể cùng tận.

Sao gọi là câu vô tận? Đó là ở nơi Phật đạo thì chẳng thể cùng tận.

Sao gọi là vô tận? Phàm luận nơi vô thì gọi là vô tận cú. Đã nhập nơi vô rồi thì vào khắp văn tự, đây là nhứt cú mà tất cả văn tự chẳng thể cùng tận được.

Lại còn có nhị tự, trước chưa bao giờ nghe cũng chưa bao giờ làm, mà tuyên lời nói phát xuất từ nơi nhứt tự. Nhứt tự ấy chẳng đồng thế lực với nhị tự vậy. Đây là dùng nhứt tự mà tuyên lời dạy.

Nếu tuyên bố lời dạy nầy thì không có niệm không chẳng niệm, không có ứng không chẳng ứng.

Câu nầy không có niệm cũng không chẳng niệm. Do câu vô niệm mà hoàn thành sự khai hóa.

Vì nhập tổng trì giáo nên Phật Bửu Thành vì chư Bồ Tát ấy tuyên nói ngôn cú tổng trì. Do một câu ấy mà các học nhân kia được vào khắp tất cả ý của Phật.

Hoặc một kiếp hay quá một kiếp, ta khen ngợi công đức của Ly Cấu Quang thế giới cũng không cùng tận được. Trí huệ giảng thuyết kinh đạo của Bửu Thành Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, cao vọi siêu tuyệt vô thượng".

Lúc ấy, Bửu Kế Bồ Tát nghe đức Phật thọ ký vui mừng hớn hở nói kệ khen Phật:

Biết khắp thấy được hết
Viên mãn Ba la mật
Như Lai đều vượt khỏi
Tất cả mọi sai lầm
Trí huệ chưa từng có
Biết hết đời trước tôi
Số cúng dường chư Phật
Phật đều nói đủ cả
Quá khứ vị lai nay
Gốc ngọn là như vậy
Phật còn biết mạt thế
Cùng tất cả mọi người
Tôi được Phật thọ ký
Chẳng còn có nghi ngờ
Khai hóa độ thế gian
Căn tánh bổn và mạt
Giả sử tất cả nơi
Nhựt nguyệt đều sa xuống
Lời từ miệng Phật tuyên

Trọn không cải biến được
Phật nói lời chí thành
Chơn thật không hư luống
Thọ ký đời vị lai
Thành Phật Nhơn Trung Tôn
Như chí tôi đã nguyện
Nghiêm tịnh Phật quốc độ
Lời Phật cũng như vậy
Biết rõ tâm niệm tôi
Nghe lời Phật dạy rồi
Vui vẻ không nghi ngờ
Hạnh được tu đệ nhứt
Vì muốn độ chúng sanh
Như hạnh tôi đã tu
Sẽ còn tăng vô lượng
Nghiêm trị nơi bổn tế
Thân tôi phụng tịnh hạnh
Tu hành được làm Phật
Chẳng do giải đãi gây
Gắng sức không khiếp nhược
Do từ tinh tiến nên
Phật nhận tôi cúng dường
Chứng đạo tâm của tôi
Chưa hề bỏ tinh tiến
Đến thành Phật đại bi
Do vì các chúng sanh
Bổn mạt là như vậy

Tôi sẽ khai hóa cả
Thành Phật độ dị học.

Lúc Bửu Kế Bồ Tát nói kệ, có bảy vạn hai ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ đề nguyện sẽ sanh nơi thế giới Ly Cấu Quang đồng thời phát thanh nói lời nầy: Lúc đức Bửu Thành Như Lai thành Phật khiến chúng tôi đều sanh tại Phật độ ấy.

Đức Phật đều thọ ký sẽ được sanh tại cõi ấy.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Ngài A Nan thọ kinh điển nầy trì tụng đọc thuyết rộng truyền ý nghĩa nầy cho mọi người, ân cần hộ trợ kinh điển nầy cốt yếu sao cho trên trời trong người đều quy y mà cúng dường. Tại sao vậy? Vì ai nghe kinh nầy thì Phật sẽ thọ ký. Người không tin là do phước đức kém mỏng, người thọ trì kinh nầy thì phước đức phi phàm. Người tạm nghe kinh nầy thì đời đời được gặp Phật, huống là nghe rồi thọ trì phụng hành giảng thuyết công đức vô hạn vô lượng.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn đem thất bửu đầy Đại Thiên thế giới theo thời mà bố thí trọn trăm ngàn năm, người nghe kinh nầy mà vui mừng tín thọ thì công đức hơn trên.

Ngài A Nan bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Kinh nầy tên gì và phụng trì thế nào?".

Đức Phật dạy: "Kinh nầy tên là kinh Bồ Tát Tịnh Hạnh Bửu Kế Sở Vấn. Phải phụng trì như vậy".

Đức Phật nói kinh nầy rồi, Bửu Kế Bồ Tát và thập phương chư Bồ Tát dự hội, hiền giả A Nan, Thiên, Long, Quỷ, Thần, Càn Thát Bà, A Tu La, Nhơn, Phi nhơn nghe lời Phật dạy đều vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI BỬU KẾ BỒ TÁT
THỨ BỐN MƯƠI BẢY
HẾT.

XLVIII

PHÁP HỘI

THẮNG MAN PHU NHƠN

THỨ BỐN MƯƠI TÁM

Hán dịch: Nhà Đường, Pháp Sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vậy tôi nghe, một lúc đức Phật ở nước Xá Vệ vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua nước Xá Vệ là Ba Tư Nặc Vương và Mạt Lợi phu nhơn mới chứng đạo pháp xong cùng bảo nhau rằng: Con gái chúng ta là Thắng Man sáng suốt từ ái đa văn trí huệ, nếu nó được thấy đức Như Lai thì ở nơi pháp thậm thâm sẽ có thể mau thấu hiểu, không còn các sự nghi hoặc. Chúng ta nên sai người giỏi khuyến dụ đến phát khởi lòng thành tín của nó.

Bàn luận xong, vua và phu nhơn viết thư khen ngợi công đức chơn thiệt của Như Lai, sai quan Chơn Đề La làm sứ mang thư đến thành Vô Đấu trao cho Thắng Man phu nhơn.

Sau khi xem thơ của cha mẹ, Thắng Man Phu nhơn vui mừng đảnh thọ, hướng Chơn Đề La mà nói kệ rằng:

Tôi nghe tiếng Như Lai
Thế gian khó được gặp
Lời nầy nếu chơn thiệt
Sẽ ban ngươi y phục
Nếu đức Phật Thế Tôn
Vì lợi thế gian hiện
Tất phải được xót thương
Cho tôi thấy chơn tướng.

Thắng Man phu nhơn nghĩ tưởng đến Phật và nói ra lời ấy, trong giây lát sau, đức Phật hiện thân tướng bất tư nghì tại hư không phóng quang minh chiếu khắp thế giới.

Thắng Man phu nhơn cùng quyến thuộc đều hợp đến chiêm ngưỡng chắp tay đảnh lễ Phật nói kệ khen rằng:

Như Lai thân sắc đẹp
Thế gian không ai bằng
Không sánh chẳng nghĩ bàn
Thế nên nay kính lạy
Thân Như Lai vô tận
Trí huệ cũng như vậy
Tất cả pháp thường trụ
Vì thế tôi quy y
Khéo điều tâm lìa lỗi
Điều thân khẩu cũng vậy
Đều đến bất tư nghị

Thế nên tôi kính lạy
Biết các pháp sở tri
Thân và trí vô ngại
Nơi pháp không quên mất
Vì thế tôi kính lạy
Cúi lạy đấng Vô Lượng
Cúi lạy đấng Vô Đẳng
Cúi lạy đấng Pháp Vương
Cúi lạy đấng Nan Tư
Mong thương gia hộ tôi
Cho giống pháp thêm lớn
Mãi đến thân rốt sau
Thường ở tại trước Phật
Bao nhiêu phước tôi tu
Đời nầy và đời khác
Do sức căn lành nầy
Mong Phật luôn nhiếp thọ".

Nói kệ xong, Thắng Man phu nhơn cùng quyến thuộc và tất cả đại chúng đảnh lễ chân Phật.

Bấy giờ đức Thế Tôn vì Thắng Man phu nhơn mà nói kệ rằng:

Xưa ta vì Bồ đề
Đã từng khai thị ngươi
Nay ngươi lại gặp ta
Đến đời sau cũng vậy.

Nói kệ xong, đức Phật ở giữa chúng hội thọ ký Vô thượng Chánh Đẳng Giác cho Thắng Man rằng: "Nay ngươi ca ngợi công đức thù thắng của Như Lai, do căn lành nầy, ngươi sẽ ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp làm vua tự tại trong hàng Trời, Người, đầy đủ đồ thọ dụng. Ngươi sanh tại chỗ nào cũng thường được gặp Phật cúng dường khen ngợi như nay không khác. Ngươi còn sẽ cúng dường vô lượng vô số chư Phật Thế Tôn. Quá hai vạn a tăng kỳ kiếp ngươi sẽ thành Phật hiệu Phổ Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, quốc độ của Phật Phổ Quang ấy không có các ác đạo suy già bệnh khổ, cũng không có danh từ bất thiện ác nghiệp đạo, chúng sanh cõi ấy hình sắc đoan nghiêm, đủ cảnh đẹp cõi Trời, thuần thọ hưởng vui sướng hơn cả Trời Tha Hóa Tự Tại. Chúng sanh cõi ấy đều hướng về Đại thừa, ai học Đại thừa như vậy đều sanh về quốc độ ấy".

Khi Thắng Man Phu nhơn được thọ ký xong, có vô lượng Trời, Người, sanh lòng vui mừng hớn hở đều nguyện sanh về thế giới của Phật Phổ Quang. Đức Thế Tôn đều thọ ký cho họ sẽ được sanh cõi nước ấy.

Được nghe đức Phật thọ ký xong, Thắng Man phu nhơn chắp tay đứng trước Phật phát mười hoằng thệ:

"Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi chẳng sanh tâm niệm phạm nơi giới đã được thọ.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi chẳng sanh lòng kiêu mạn đối với các bực Sư Trưởng.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi chẳng sanh lòng giận hờn đối với các chúng sanh.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi chẳng sanh lòng đố kỵ với người hơn mình và sự hơn mình.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi chẳng sanh lòng bỏn xẻn dầu chỉ có ít thức ăn.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi chẳng vì mình mà nhận chứa của cải. Nếu có nhận chứa thì chỉ vì cứu tế loài hữu tình nghèo khổ.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi hành tứ nhiếp sự mà chẳng cầu ân báo,

không lòng tham lợi, không lòng nhàm đủ, không lòng hạn ngại, luôn nhiếp thọ chúng sanh.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, thấy có chúng sanh nào không chỗ nương tựa, bị giam cầm trói buộc bịnh tật khổ não các thứ nguy ách, thì tôi trọn chẳng bỏ lìa họ, quyết mong cho họ được an ổn đem lợi ích lành cho họ.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, nếu tôi thấy có ai hủy phạm cấm giới thanh tịnh của đức Như Lai, nếu thuộc về thành ấp tụ lạc của tôi quản nhiếp, kẻ đáng điều phục tôi sẽ điều phục, kẻ đáng nhiếp thọ tôi sẽ nhiếp thọ. Tại sao? Vì điều phục nhiếp thọ kẻ phá giới thì làm cho chánh pháp được còn lâu, chánh pháp còn lâu thì trời, người đông đúc, mà ác đạo giảm ít có thể làm cho pháp luân của Như Lai được thường chuyển.

Bạch đức Thế Tôn! Từ nay đến ngày thành Bồ đề, tôi nhiếp thọ chánh pháp không để quên mất. Nếu quên mất Đại thừa thì quên Ba la mật, nếu quên Ba la mật thì quên Đại thừa. Nếu chư Bồ Tát chẳng quyết định nơi Đại thừa thì nhiếp thọ chánh pháp không được bền vững thì chẳng kham siêu việt bực phàm phu, là mất mát lớn.

Bạch đức Thế Tôn! Hiện tại và vị lai Chư Bồ Tát nhiếp thọ chánh pháp phát hoằng thệ nầy thì đầy đủ vô biên lợi ích rộng lớn.

Đức Thế Tôn dầu là chứng biết mà các loài hữu tình căn lành kém mỏng hoặc phát khởi lưới nghi, do đây nên mười hoằng thệ khó thành tựu được, họ sẽ mãi mãi chứa họp các pháp bất thiện, thọ những khổ não. Vì lợi ích cho các chúng sanh ấy nên nay tôi ở trước đức Phật phát thệ thành thật.

Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi phát mười hoằng thệ ấy nếu là chơn thiệt chẳng hư luống thì trên đại chúng đây sẽ mưa hoa trời phát âm thanh cõi Trời".

Thắng Man phu nhơn ở trước đức Phật nói vừa dứt lời, trên hư không liền mưa hoa trời và phát ra âm thanh trời rằng: "Lành thay, lành thay! Như lời thệ của Thắng Man phu nhơn chơn thiệt không sai khác".

Bấy giờ chúng hội thấy cảnh lành nầy dứt lòng nghi hoặc rất đỗi vui mừng đồng thanh xướng rằng: "Nguyện cùng Thắng Man phu nhơn sanh nơi nào đều đồng một nguyện hạnh".

Đức Phật thọ ký cho tất cả đại chúng ấy đều mãn sở nguyện.

Thắng Man Phu nhơn lại ở trước Phật phát ba hoằng nguyện, do nguyện lực nầy mà lợi ích vô biên loài hữu tình.

Điều nguyện thứ nhứt: Tôi do căn lành trong tất cả đời được chánh pháp trí.

Điều nguyện thứ hai: Chỗ tôi sanh nếu tôi được chánh trí rồi vì các chúng sanh diễn thuyết không hề mỏi.

Điều nguyện thứ ba: Tôi vì nhiếp thọ hộ trì chánh pháp nên đối với thân thể không tiếc sanh mạng.

Đức Phật nghe ba điều nguyện xong, bảo Thắng Man phu nhơn rằng: "Như tất cả hình sắc đều nhập vào không giới, hằng sa điều nguyện của Bồ Tát đều nhập vào ba nguyện ấy. Ba nguyện ấy chơn thiệt quảng đại".

Thắng Man phu nhơn lại bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi sẽ nương sức oai thần biện tài của đức Phật muốn nói đại nguyện, mong đức Thế Tôn thương mà hứa khả cho".

Đức Phật dạy: "Nầy Thắng Man! Cho phép ngươi nói".

Thắng Man Phu nhơn nói: "Bồ Tát có hằng sa điều nguyện, tất cả đều nhập vào trong một

đại nguyện, đó là nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp như vậy chơn thiệt quảng đại".

Đức Phật bảo: "Lành thay, nầy Thắng Man! Ngươi từ lâu tu tập trí huệ phương tiện thậm thâm vi diệu. Có ai hiểu rõ ý nghĩa của ngươi nói, người nầy đã vun trồng cội lành từ lâu.

Nầy Thắng Man! Nhiếp thọ chánh pháp như ngươi đã nói, đều là quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật đã nói, sẽ nói, nay nói. Ta được Vô thượng Bồ đề cũng thường dùng nhiều thứ tướng để nói nhiếp thọ chánh pháp. Ca ngợi nhiếp thọ chánh pháp như vậy được công đức không ngằn mé. Như Lai trí huệ cũng không ngằn mé. Tại sao? Vì nhiếp thọ chánh pháp đây có đại công đức có đại lợi ích".

Thắng Man phu nhơn bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi sẽ nương thần lực của đức Phật mà nói nghĩa nhiếp thọ chánh pháp quảng đại".

Đức Phật dạy: "Nầy Thắng Man! Cho phép ngươi nói".

Thắng Man phu nhơn nói: "Nghĩa nhiếp thọ chánh pháp quảng đại là vì được vô lượng tất cả Phật pháp nhẫn đến hay nhiếp tám vạn hành môn.

Ví như kiếp sơ nổi lên các sắc mây mưa các trận mưa báu. Cũng vậy, mây thiện căn nhiếp thọ chánh pháp hay mưa các trận mưa vô lượng phước báu.

Ví như kiếp sơ trong đại thủy hay sanh tam thiên Đại Thiên giới tạng và bốn trăm ức các thứ loại lục địa. Cũng vậy, nhiếp thọ chánh pháp xuất sanh Đại thừa vô lượng giới tạng cùng các thứ thần thông lực các thứ pháp môn của Bồ Tát, thế gian và xuất thế gian đầy đủ an lạc mà tất cả thiên nhân chưa hề có.

Ví như đại địa mang chịu bốn gánh nặng: Đó là biển cả, núi non, cây cỏ và chúng sanh. Cũng vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhơn nhiếp thọ chánh pháp thì có thể kham được bốn trọng nhiệm hơn đại địa kia: Đó là đối với các loài hữu tình rời lìa thiện hữu không nghe pháp phạm các tội lỗi thì dùng căn lành trời, người để thành thục họ, với kẻ cầu Thanh Văn dạy họ Thanh Văn thừa, với kẻ cầu Duyên Giác dạy họ Duyên Giác thừa và với kẻ cầu Đại thừa dạy họ Đại thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn nhiếp thọ chánh pháp như vậy thì kham được bốn trọng nhiệm hơn cả đại địa, khắp vì chúng sanh làm bạn lành chẳng chờ mời, đại bi

thương xót làm lợi ích cho các loài hữu tình, là mẹ pháp của thế gian.

Ví như đại địa là chỗ sản sanh bốn thứ báu: Đó là các báu vô giá, thượng giá, trung giá và hạ giá. Cũng vậy, thiện nam tử thiện nữ nhơn nhiếp thọ chánh pháp, các hữu tình gặp rồi thì được bốn báu lớn thù thắng nhứt trong các thứ báu, đó là các hữu tình gặp bạn lành nầy rồi thì hoặc được căn lành trời người, hoặc chứng Thanh Văn, chứng Bích Chi Phật và hoặc được thiện căn công đức Vô thượng thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Xuất sanh báu lớn ấy thì gọi là chơn thiệt nhiếp thọ chánh pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Nói nhiếp thọ chánh pháp là chánh pháp vô dị biệt, nhiếp thọ chánh pháp vô dị biệt là nhiếp thọ chánh pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Ba la mật vô dị biệt nhiếp thọ Ba la mật vô dị biệt là nhiếp thọ chánh pháp. Nhiếp thọ chánh pháp là Ba la mật. Tại sao? Vì Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn nhiếp thọ chánh pháp, nếu đáng dùng bố thí để thành thục thì dùng bố thí nhẫn đến xả thân mạng tùy thuận ý họ để thành thục họ cho họ an trụ nơi chánh pháp, đây gọi là Bố thí Ba la mật.

Nếu đáng dùng giới luật để thành thục thì thủ hộ sáu căn tịnh thân ngữ ý nhẫn đến oai nghi tùy thuận ý họ mà thành thục họ cho hữu tình ấy an trụ chánh pháp, đây gọi là Giới Ba la mật.

Nếu người đáng dùng nhẫn nhục để thành thục, thì hoặc có bị người ấy mắng chửi hủy nhục chê bai não loạn liền dùng lòng không giận hờn và lòng làm lợi ích cùng sức nhẫn tối thượng nhẫn đến nhan sắc cũng chẳng đổi khác tùy thuận ý người ấy để thành thục họ cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Nhẫn Ba la mật.

Nếu người đáng dùng tinh tiến để thành thục thì đối với người ấy chẳng sanh lòng giải đãi hạ liệt mà khởi lòng thích muốn tinh tiến tối thượng, trong bốn oai nghi tùy thuận ý người ấy mà thành thục họ cho họ an trụ chánh pháp, đây là Tinh tiến Ba la mật.

Nếu người đáng dùng tĩnh lự để thành thục thì dùng tâm không tán loạn thành thục chánh niệm, việc đã làm trọn chẳng quên mất tùy thuận ý họ mà thành thục họ cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Tĩnh lự Ba la mật.

Nếu người đáng dùng trí huệ để thành thục, người ấy vì lợi ích mà hỏi các pháp nghĩa thì dùng lòng không mỏi chán mà vì họ diễn nói tất

cả các luận tất cả minh xứ nhẫn đến các thứ công xảo xứ cho được cứu cánh, tùy thuận ý người ấy mà thành thục họ, cho họ an trụ chánh pháp, đây gọi là Trí huệ Ba la mật.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nên Ba la mật không dị biệt, nhiếp thọ chánh pháp không dị biệt, nhiếp thọ chánh pháp tức là Ba la mật".

Thắng Man phu nhơn lại bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi nương sức oai thần biện tài của đức Phật sẽ nói về đại nghĩa. Mong đức Thế Tôn hứa khả".

Đức Phật dạy: "Nầy Thắng Man! Ta cho phép ngươi nói".

Thắng Man Phu nhơn nói: "Bạch đức Thế Tôn! Nhiếp thọ chánh pháp là nhiếp thọ chánh pháp không dị biệt. Nhiếp thọ chánh pháp không dị biệt là nhiếp thọ chánh pháp. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn phải nhiếp thọ chánh pháp như vậy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn nhiếp thọ chánh pháp vì chánh pháp mà xả bỏ thân mạng tài sản. Do xả bỏ thân thể nên những người ấy chứng sanh tử tối hậu lìa xa già bịnh được pháp thân Như Lai chẳng hư hoại thường hằng không biến đổi cứu cánh tịch tĩnh chẳng thể nghĩ bàn. Do xả bỏ sanh mạng nên những người ấy chứng sanh tử tối hậu lìa hẳn sự chết

được vô biên thường trụ, thành tựu các công đức lành chẳng thể nghĩ bàn, an trụ nơi tất cả Phật pháp thần biến, do xả bỏ tài sản nên những người ấy chứng sanh tử tối hậu vượt qua khỏi hữu tình không cùng tận không tổn giảm quả báo viên mãn có đủ công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, được các loài hữu tình tôn trọng cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn nhiếp thọ chánh pháp xả bỏ thân mạng tài được chư Như Lai thọ ký.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc chánh pháp sắp diệt, có hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di kết bè kết đảng phát khởi những tranh tụng, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn dùng lòng chẳng siểm khúc chẳng khi dối mến thích chánh pháp nhiếp thọ chánh pháp mà vào trong nhóm bạn lành, người vào nhóm bạn lành nầy tất được chư Phật thọ ký.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi thấy người nhiếp thọ chánh pháp có sức mạnh lớn như vậy, đức Như Lai dùng làm con mắt dùng làm cội gốc pháp, dùng làm pháp dẫn đạo, dùng làm pháp thông đạt".

Đức Thế Tôn nghe Thắng Man phu nhơn nói về nhiếp thọ chánh pháp có đại oai lực thì

khen rằng: "Đúng như vậy, đúng như vậy, lành thay! Nầy Thắng Man đúng như lời ngươi nói nhiếp thọ chánh pháp có oai lực lớn.

Như đại lực sĩ hơi chạm chà bóp ai thì người ấy đau đớn khổ lắm còn thêm bịnh nặng. Cũng vậy, giả sử chút phần nhiếp thọ chánh pháp cũng làm cho ma Ba Tuần đau đớn sầu não khóc rên than thở.

Nầy Thắng Man! Ta thường chẳng thấy một thiện pháp nào khác làm cho ma sầu não bằng nhiếp thọ chánh pháp một ít phần.

Nầy Thắng Man! Ví như ngưu vương hình sắc đoan chánh thân lượng đặc biệt lạ hơn hẳn các loài ngưu khác. Cũng vậy, người tu Đại thừa nếu ít phần nhiếp thọ chánh pháp thì hơn hẳn tất cả pháp lành của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Lại như núi Tu Di cao rộng trang nghiêm xinh đẹp hơn các núi khác, cũng vậy, người mới đến Đại thừa dùng lòng lợi ích chẳng đoái thân mạng mà nhiếp thọ chánh pháp thì có thể vượt hơn tất cả thiện căn của người ở lâu nơi Đại thừa mà đoái thân mạng.

Nầy Thắng Man! Thế nên phải dùng nhiếp thọ chánh pháp mà khai hóa tất cả hữu tình.

Nhiếp thọ chánh pháp được phước lợi lớn và đại quả báo.

Nầy Thắng Man! Trong vô số a tăng kỳ kiếp ta ca ngợi nhiếp thọ chánh pháp như vậy được công đức vô lượng vô biên. Nhiếp thọ chánh pháp thì thành tựu vô lượng công đức như vậy".

Đức Phật bảo Thắng Man phu nhơn: "Nay ngươi lại nên diễn tả nhiếp thọ chánh pháp đã được ta nói mà tất cả chư Phật đồng ưa thích".

Thắng Man phu nhơn bạch rằng: "Lành thay, bạch đức Thế Tôn! Nhiếp thọ chánh pháp thì gọi là Đại thừa. Tại sao? Vì Đại thừa xuất sanh bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh Văn, Duyên Giác thế gian và xuất thế gian.

Như ao A Nậu Đạt phát xuất tám sông lớn, cũng vậy, Đại thừa xuất sanh bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh Văn, Duyên Giác.

Lại như tất cả cây cỏ lùm rừng đều nương đại địa mà được sanh trưởng, cũng vậy, tất cả pháp lành của Thanh Văn, Duyên Giác đều nương Đại thừa mà được sanh trưởng. Vì thế nên an trụ Đại thừa nhiếp thọ Đại thừa tức là trụ và nhiếp bao nhiêu pháp lành của tất cả Thanh Văn, Duyên Giác thế gian và xuất thế gian.

Như đức Phật Thế Tôn đã nói sáu xứ: Đó là chánh pháp trụ, chánh pháp diệt, biệt giải thoát, tỳ nại gia, chánh xuất gia, thọ cụ túc. Vì Đại thừa mà đức Phật nói sáu xứ ấy. Tại sao? Vì chánh pháp trụ là vì Đại thừa mà nói, Đại thừa trụ thì chánh pháp trụ. Chánh pháp diệt là vì Đại thừa mà nói, Đại thừa diệt thì chánh pháp diệt. Biệt giải thoát và Tỳ nại gia, hai pháp nầy tên khác mà nghĩa một. Tỳ nại gia là Đại thừa học. Tại sao? Vì Phật mà xuất gia mà thọ cụ túc, thế nên khối giới Đại thừa là Tỳ nại gia, là chánh xuất gia, là thọ cụ túc.

Bạch đức Thế Tôn! A La Hán không có xuất gia không thọ cụ túc, tại sao, vì A La Hán chẳng vì Như Lai mà xuất gia thọ cụ túc. A La Hán có ý tưởng bố úy mà quy y Như Lai. Tại sao? Vì đối với tất cả hành A La Hán có tưởng bố úy coi như người cầm kiếm muốn đến hại mình, do đây nên A La Hán chẳng chứng được giải thoát an lạc cứu cánh.

Bạch đức Thế Tôn! Quy y nơi chẳng cầu quy y, như các chúng sanh không chỗ quy y, chúng nó sợ hãi nên tìm nơi quy y để được an ổn. Cũng vậy, vì có bố úy mà A La Hán quy y nơi Như Lai.

Vì thế nên hàng A La Hán Bích Chi Phật còn có sanh pháp, chưa lập phạm hạnh, chỗ làm

chưa xong, sẽ còn có chỗ dứt diệt vì chưa cứu cánh vậy. Họ còn cách xa Niết Bàn. Tại sao? Vì chỉ có Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác chứng được Niết Bàn thành tựu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, chỗ đáng dứt đã dứt hết cứu cánh thanh tịnh, được các loài hữu tình chiêm ngưỡng, vượt quá cảnh giới của Nhị thừa và Bồ Tát. Còn hàng A La Hán thì chẳng phải như vậy. Nói rằng A La Hán được Niết Bàn đó chỉ là phương tiện của Phật thôi. Thế nên A La Hán cách Niết Bàn rất xa.

Đức Thế Tôn nói A La Hán và Bích Chi Phật quán sát giải thoát bốn trí cứu cánh được rồi xong đó, đều là lời tùy tha ý và thuyết bất liễu nghĩa của Như Lai. Tại sao vậy? Có hai thứ tử: một là phần đoạn, hai là biến dịch. Phần đoạn tử là hữu tình tương tục, biến dịch tử là A La Hán và Bích Chi Phật cùng bực tự tại Bồ Tát được ý sanh thân nhẫn đến Bồ đề. Trong hai thứ tử ấy đem phần đoạn tử nói về A La Hán và Bích Chi Phật là sanh nơi trí ngã sanh đã hết. Vì đã chứng được quả hữu dư y nên sanh nơi trí phạm hạnh đã lập. Vì tất cả ngu phu chẳng làm được, bảy hàng học nhơn chưa làm xong và tương tục phiền não đã dứt rốt ráo, nên sanh nơi trí việc làm đã xong.

Bạch đức Thế Tôn! Nói rằng sanh chẳng thọ lấy thân sau, người trí bảo là A La Hán và Bích Chi Phật chẳng dứt được tất cả phiền não, trí họ chẳng biết rõ tất cả thọ sanh. Tại sao? Vì A La Hán và Bích Chi Phật còn có thừa phiền não chẳng dứt hết nên chẳng biết rõ được tất cả thọ sanh vậy.

Phiền não có hai loại, đó là trụ địa phiền não và khởi phiền não.

Trụ địa phiền não có bốn thứ, đó là kiến nhứt xứ trụ địa phiền não, dục ái trụ địa phiền não, sắc ái trụ địa phiền não và hữu ái trụ địa phiền não.

Bạch đức Thế Tôn! Bốn thứ trụ địa ấy hay sanh tất cả biến khởi phiền não. Khởi phiền não ấy sát na sát na cùng tương ưng với tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Vô minh trụ địa từ vô thỉ đến nay chẳng tương ưng với tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Sức lực của bốn trụ địa phiền não làm sở y cho biến khởi phiền não sánh với vô minh trụ địa thì toán số thí dụ chẳng bằng được.

Đúng vậy, đối với hữu ái trụ địa phiền não thì sức lực của vô minh trụ địa rất lớn.

Ví như Ma Vương và chúng quyến thuộc sắc lực oai đức hơn hẳn chư Thiên Tha Hóa Tự Tại. Cũng vậy, vô minh trụ địa hơn hẳn bốn trụ địa hơn số hằng hà sa lần, nó làm sở y cho phiền não và cũng làm cho bốn thứ phiền não còn mãi. Trí của Thanh Văn và Duyên Giác chẳng dứt được vô minh trụ địa, chỉ có trí của Như Lai là dứt hết được nó.

Bạch đức Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy sức lực của vô minh trụ địa rất lớn.

Như thủ chi làm duyên hữu lậu nghiệp nhơn mà sanh ra ba cõi Dục, Sắc và Vô Sắc. Cũng vậy, vô minh trụ địa làm duyên vô lậu nghiệp nhơn hay sanh A La Hán, Bích Chi Phật và đại lực Bồ Tát tùy ý sanh thân, ba bực nầy tùy ý sanh thân và vô lậu nghiệp đều lấy vô minh trụ địa làm chỗ sở y, dầu là sở duyên mà cũng hay làm duyên. Thế nên tùy ý sanh thân và vô lậu nghiệp đều dùng vô minh trụ địa làm duyên đồng như hữu ái trụ địa phiền não.

Bạch đức Thế Tôn! Hữu ái trụ địa chẳng đồng nghiệp với vô minh trụ địa. Vô minh trụ địa khác bốn trụ địa. Khác bốn trụ địa đây chỉ có Phật dứt được hết. Tại sao? Vì A La Hán và Bích Chi Phật dứt bốn trụ địa mà đối với lậu tận lực chẳng được tự tại chẳng hiện chứng được.

Thế nên A La Hán, Bích Chi Phật nhẫn đến chư Bồ Tát tối hậu hữu vì bị vô minh trụ địa nó che lấp nên ở nơi các pháp ấy chẳng biết chẳng thấy. Vì chẳng biết chẳng thấy nên đáng dứt chẳng dứt đáng hết chẳng hết. Vì ở nơi các pháp ấy chẳng dứt chẳng hết nên được hữu dư giải thoát mà chẳng phải nhứt thiết giải thoát, được hữu dư thanh tịnh mà chẳng phải nhứt thiết thanh tịnh, được hữu dư công đức mà chẳng phải nhứt thiết công đức.

Bạch đức Thế Tôn! Vì được hữu dư nên ở nơi Thánh đế, các bực ấy biết khổ hữu dư, dứt tập hữu dư, chứng diệt hữu dư và tu đạo hữu dư.

Nếu còn là biết hữu dư khổ dứt, hữu dư tập chứng, hữu dư diệt và tu hữu dư đạo, thì gọi là chút phần diệt độ chứng, chút phần Niết Bàn hướng đến Niết Bàn giới.

Nếu biết tất cả khổ dứt, tất cả tập chứng, tất cả diệt và tu tất cả đạo, bực nầy ở nơi thế gian vô thường, bại hoại chứng được Niết Bàn thường tịch thanh tịnh, bực nầy ở nơi thế gian không giúp không nương làm chỗ giúp chỗ nương.

Tại sao? Vì người ở nơi các pháp mà thấy có cao thấp thì chẳng chứng được Niết Bàn. Người trí bình đẳng, giải thoát bình đẳng, thanh tịnh bình đẳng mới chứng được Niết Bàn. Vì thế nên

Niết Bàn gọi là bình đẳng nhứt vị, đó là vị giải thoát vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu vô minh trụ địa chẳng dứt chẳng hết thì chẳng chứng được Niết Bàn nhứt vị bình đẳng. Tại sao? Vì vô minh trụ địa chẳng dứt chẳng hết thì hơn số hằng hà sa những pháp sai lầm đáng dứt còn chẳng dứt, đáng hết còn chẳng hết. Vì còn hơn số hằng hà sa những pháp sai lầm chẳng dứt chẳng hết nên quá hằng hà sa số các pháp công đức chẳng trọn chẳng chứng được. Thế nên vô minh trụ địa là nơi sanh ra các tùy phiền não tất cả pháp lỗi lầm đáng dứt đáng hết. Từ đó sanh ra phiền não chướng tâm, phiền não chướng chỉ, phiền não chướng quán, phiền não chướng tịnh lự, nhẫn đến chướng tam ma đề gia hạnh trí quả chứng thập lực tứ vô sở úy.

Hơn cả số hằng hà sa các phiền não, các khởi phiền não mà trí kim cương Đẳng Chánh Giác của Như Lai hay dứt diệt, tất cả đều nương nơi vô minh trụ địa, vì vô minh trụ địa làm nhân duyên vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Khởi phiền não đây sát na sát na cùng tương ưng với tâm. Từ vô thỉ đến nay vô minh trụ địa chẳng tương ưng với tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Ví như tất cả giống của cây cỏ đều nương nơi đại địa mà sanh trưởng, nếu đại địa hoại hư thì chúng nó cũng hoại hư.

Cũng vậy, hơn số hằng hà sa các pháp đáng được dứt diệt bởi trí kim cương Đẳng Chánh Giác của đức Như Lai đều nương nơi vô minh trụ địa mà sanh trưởng, nếu vô minh trụ địa dứt hết thì các pháp phiền não ấy cũng dứt hết. Vì hơn số hằng hà sa các pháp đáng dứt diệt cùng tất cả phiền não và khởi phiền não đã dứt diệt hết nên chứng được quá số hằng hà sa các pháp chư Phật bất khả tư nghị, ở nơi các pháp chứng được vô ngại thần thông, được các trí kiến, rời lìa tất cả sai lầm, được tất cả công đức, làm Đại Pháp Vương tự tại nơi tất cả pháp chứng bực nhứt thiết pháp tự tại, chánh sư tử hống rằng: Ngã sanh đã hết phạm hạnh đã lập việc làm đã xong chẳng còn thọ thân sau. Do đó nên đức Thế Tôn dùng sử tử hống y nơi liễu nghĩa một mực ghi nhận như vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Trí chẳng thọ thân sau ấy có hai thứ:

Một là chư Phật Như Lai dùng sức điều ngự xô dẹp bốn ma siêu việt các thế gian được các loài hữu tình chiêm ngưỡng, chứng pháp thân thanh tịnh chẳng nghĩ bàn, nơi bực sở tri được

pháp tự tại tối thắng vô thượng, không còn phải làm, chẳng thấy còn có bực nào phải được chứng nữa, đầy đủ mười trí lực lên bực tối thắng vô úy, nơi tất cả pháp quan sát vô ngại chánh sư tử hống chẳng thọ thân sau.

Hai là A La Hán và Bích Chi Phật được khỏi vô lượng sanh tử bố úy, thọ vui giải thoát, tự nghĩ rằng: Nay ta đã rời lìa sanh tử bố úy chẳng thọ các sự khổ.

Bạch đức Thế Tôn! Hàng A La Hán và Bích Chi Phật quan sát như vậy rồi chẳng thọ thân sau, họ chẳng chứng được Niết Bàn tịch diệt đệ nhứt, vì họ ở nơi các bực chưa chứng chẳng gặp được pháp để có thể hiểu biết rằng nay ta chứng được bực Hữu dư y quyết định sẽ chứng Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tại sao? Vì Thanh Văn và Duyên Giác đều nhập vào Đại thừa, mà Đại thừa là Phật thừa, thế nên Tam thừa tức là Nhứt thừa. Người chứng Nhứt thừa thì được Vô thượng Bồ đề. Vô thượng Bồ đề tức là Niết Bàn. Nói Niết Bàn đây tức là Pháp thân thanh tịnh của Như Lai. Người chứng Pháp thân tức là Nhứt thừa không có Như Lai khác, không có Pháp thân khác. Nói Như Lai ấy tức là Pháp thân. Người chứng Pháp

thân cứu cánh tức là cứu cánh Nhứt thừa. Người cứu cánh Nhứt thừa tức là rời lìa tương tục.

Tại sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Như Lai thường trụ không có hạn lượng bằng với hậu tế! Như Lai hay dùng đại bi vô hạn, thệ nguyện vô hạn đem lợi ích lại cho các thế gian. Người nói như trên đây thì gọi là lời nói phải.

Nếu lại nói rằng Như Lai là thường là pháp vô tận chỗ y tựa cứu cánh của tất cả thế gian thì cũng gọi là lời nói phải.

Vì thế nên Như Lai ở nơi thế gian không được giúp đỡ, không chỗ y tựa làm chỗ quy y vô tận, chỗ quy y thường trụ, chỗ quy y cứu cánh mãi đến hậu tế.

Nói rằng pháp Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ấy là đạo nhứt thừa, Tăng đó là chúng tam thừa, hai chỗ quy y nầy chẳng phải là cứu cánh quy y mà gọi là thiểu phần quy y.

Tại sao? Vì nói đạo nhứt thừa, chứng pháp thân cứu cánh rồi sau đó không còn nói đạo nhứt thừa. Chúng tam thừa vì có khủng bố nên quy y Như Lai cầu xuất gia tu học, vì có sở tác, vì hướng đến Vô thượng Bồ đề. Thế nên Pháp và Tăng chẳng phải chỗ quy y cứu cánh, là chỗ quy y hữu hạn.

Nếu các hữu tình được Như Lai điều phục quy y nơi Như Lai được pháp thấm nhuần do lòng tin ưa mà quy y nơi Pháp và Tỳ Kheo Tăng. Hai sự quy y nầy do pháp thấm nhuần mà tín nhập quy y.

Như Lai ấy chẳng phải pháp thấm nhuần tín nhập quy y. Nói Như Lai ấy là chân thiệt quy y.

Hai sự quy y kia cứ nơi nghĩa chân thiệt thì gọi là cứu cánh quy y Như Lai. Tại sao? Vì Như Lai chẳng khác với hai sự quy y ấy, thế nên Như Lai tức là tam quy y.

Tại sao? Vì nói đạo nhứt thừa, Như Lai tối thắng đủ tứ vô sở úy chánh sư tử hống.

Nếu chư Như Lai tùy theo sở dục của người mà dùng phương tiện nói pháp nhị thừa tức là Đại thừa. Bởi đệ nhứt nghĩa không có nhị thừa. Nhị thừa ấy đồng vào nhứt thừa. Nhứt thừa ấy tức là thắng nghĩa thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Hàng Thanh Văn và Duyên Giác lúc mới đầu chứng Thánh đế chẳng phải dùng nhứt trí mà dứt các trụ địa phiền não, cũng chẳng phải dùng nhứt trí chứng các công đức như tứ biến tri v.v... cũng chẳng phải dùng pháp hay khéo biết rõ nghĩa bốn pháp nầy.

Bạch đức Thế Tôn! Nơi trí xuất thế không có bốn trí tuần tự đến tuần tự duyên. Trí xuất thế không có pháp lần lượt đến như kim cương dụ.

Bạch đức Thế Tôn! Hàng Thanh Văn và Duyên Giác dùng các thứ trí Thánh đế để dứt các trụ địa, họ thấy có trí xuất thế đệ nhứt nghĩa.

Chỉ có đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác dùng trí bất tư nghị không tánh phá được vỏ của tất cả phiền não. Trí phá vỏ phiền não cứu cánh ấy gọi là trí xuất thế đệ nhứt nghĩa, chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh Văn và Duyên Giác. Trí Thánh đế sơ khởi chẳng phải trí cứu cánh, mà là trí hướng đến Vô thượng Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Chơn Thánh đế nghĩa ấy thì chẳng phải thuộc về nhị thừa. Tại sao? Vì hàng Thanh Văn và Duyên Giác chỉ thành tựu được chút phần công đức mà gọi là Thánh.

Nói rằng Thánh đế ấy, chẳng phải là đế của hàng Thanh Văn, Duyên Giác và công đức của họ.

Mà Thánh đế nầy, chỉ có đức Như Lai biết rõ rồi đem diễn nói khai thị cho thế gian chúng sanh bị nhốt trong vỏ vô minh, do đây mà gọi là Thánh đế.

Bạch đức Thế Tôn! Thánh đế nầy rất sâu rất vi diệu khó thấy khó rõ, chẳng thể phân biệt chẳng phải cảnh giới suy lường, tất cả thế gian chẳng tin hiểu được, chỉ có đức Như Lai là biết rõ. Tại sao? Vì Thánh đế nầy nói về Như Lai tạng thậm thâm, mà Như Lai tạng là cảnh giới Phật, chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Cứ nơi Như Lai tạng mà nói Thánh đế nghĩa, Như Lai tạng nầy rất sâu vi diệu, Thánh đế được nói ra ấy cũng rất sâu vi diệu. Khó thấy khó rõ chẳng thể phân biệt chẳng phải cảnh tư lương, tất cả thế gian khó tin hiểu, chỉ có đức Như Lai biết rõ.

Nếu ở nơi Như Lai tạng bị triền phược bởi vô lượng phiền não mà chẳng nghi hoặc thì đối với Như Lai pháp thân tạng ra khỏi tất cả phiền não cũng không nghi hoặc.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có ai ở nơi tạng Như Lai nầy và ở nơi Phật pháp thân cảnh giới bí mật bất tư nghị của Phật mà tâm được cứu cánh, thì đối với hai nghĩa Thánh đế đã nói kia hay tin hay rõ hay sanh thắng giải.

Những gì là hai nghĩa Thánh đế? Đó là hữu tác Thánh đế và vô tác Thánh đế.

Hữu tác Thánh đế là nghĩa Tứ Thánh Đế chẳng viên mãn. Tại sao? Vì y hộ nơi tha mà chẳng biết được tất cả khổ, dứt tất cả tập, chứng tất cả diệt, tu tất cả đạo. Do đó nên chẳng biết hữu vi vô vi và Niết Bàn.

Vô tác Thánh đế là nói nghĩa Tứ Thánh Đế viên mãn. Tại sao? Vì tự y hộ nên biết tất cả khổ, dứt tất cả tập, chứng tất cả diệt, tu tất cả đạo.

Tám nghĩa Thánh đế đã nói như vậy, đức Như Lai chỉ đem Tứ Thánh Đế ra nói. Nơi nghĩa vô tác Tứ Thánh Đế nầy chỉ có đức Như Lai là hoàn thành cứu cánh, chẳng phải sức lực của A La Hán và Bích Chi Phật đến được. Tại sao? Vì chẳng phải các pháp thắng liệt hạ trung thượng mà có thể chứng được Niết Bàn.

Thế nào là đức Như Lai đối với vô tác Thánh đế được hoàn thành cứu cánh? Chư Như Lai biết khắp tất cả khổ, dứt hẳn khổ tập bị nhiếp bởi tất cả phiền não và khởi phiền não, chứng được khổ diệt, sở hữu của tất cả khối ý sanh thân và tu tất cả đạo khổ diệt.

Bạch đức Thế Tôn! Chẳng phải hoại mất pháp mà gọi là khổ diệt. Nói khổ diệt là vô thỉ vô tác vô khởi vô tận thường trụ bất động bổn tánh thanh tịnh ra khỏi vỏ phiền não.

Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật Như Lai thành tựu quá số hằng hà sa pháp bất tư nghị đủ trí giải thoát gọi là pháp thân. Pháp thân nầy chẳng rời lìa phiền não thì gọi là Như Lai tạng. Như Lai tạng đây là trí Như Lai không tánh mà tất cả hàng Thanh Văn và Duyên Giác chưa hề thấy, chưa hề được, chỉ có Phật thấy biết rõ và chứng được.

Bạch đức Thế Tôn! Trí không tánh Như Lai tạng nầy lại có hai thứ, đó là không và bất không Như Lai tạng. Không Như Lai tạng là Như Lai tạng rời lìa nơi trí chẳng giải thoát tất cả phiền não. Bất không Như Lai tạng là Như Lai tạng có đủ quá số hằng hà sa pháp bất tư nghị trí Phật giải thoát.

Bạch đức Thế Tôn! Hai thứ không trí nầy các đại Thanh Văn do tin mà được vào. Trí không tánh của tất cả hàng Thanh Văn và Duyên Giác như vậy đối với cảnh tứ điên đảo luôn phan duyên mà chuyển hiện. Do đó nên đối với tất cả khổ diệt ấy, tất cả hàng Thanh Văn và Duyên Giác chưa hề thấy chưa hề chứng, chỉ có Phật hiện chứng, đoạn hoại các phiền não, tu tất cả đạo khổ diệt.

Bạch đức Thế Tôn! Trong bốn Thánh đế, ba vô thường một thường trụ. Vì ba đế vào trong

tướng hữu vi, tướng hữu vi là vô thường. Nói rằng vô thường ấy là pháp phá hoại, pháp phá hoại thì chẳng phải đế chẳng phải thường chẳng phải chỗ quy y. Do đệ nhứt nghĩa nên ba đế ấy chẳng phải đế chẳng phải thường chẳng phải chỗ quy y.

Bạch đức Thế Tôn! Một đế khổ diệt rời lìa tướng hữu vi, lìa tướng hữu vi thì tánh thường trụ, tánh thường trụ chẳng phải pháp phá hoại, chẳng phải pháp phá hoại thì là đế, là thường, là chỗ quy y. Do thắng nghĩa nên khổ diệt đế là đế là thường là chỗ quy y.

Khổ diệt đế nầy là bất tư nghị, quá cảnh giới tâm thức của các hữu tình, cũng chẳng phải trí của hàng Thanh Văn và Duyên Giác kịp được.

Ví như người sanh manh chẳng thấy được các màu sắc, trẻ sơ sanh bảy ngày chẳng thấy mặt trời. Cũng vậy, khổ diệt đế chẳng phải cảnh duyên của tâm thức hàng phàm phu, mà cũng chẳng phải cảnh giới của hàng Thanh Văn và Duyên Giác.

Tâm thức hàng phàm phu là hai biên kiến. Trí của hàng Thanh Văn và Duyên Giác thì gọi là tịnh trí.

Nói rằng biên kiến đó là đối với ngũ thủ uẩn chấp nắm làm ngã rồi sanh ra phân biệt sai khác, đó là thường kiến và đoạn kiến hai thứ kiến chấp.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu lại có ai thấy sanh tử vô thường Niết Bàn là thường, thì chẳng phải kiến chấp đoạn thường mà gọi là chánh kiến.

Tại sao? Vì kẻ kế đạt ấy thấy các thân căn và nào thọ nào tư hiện hành diệt hoại, với thân tương tục họ chẳng biết được, là kẻ mù không mắt trí huệ nên phát khởi đoạn kiến, với tâm tương tục sát na diệt hoại, họ ngu tối chẳng biết cảnh giới ý thức nên phát khởi thường kiến.

Nhưng những nghĩa ấy quá các phân biệt và quá kiến thức hạ liệt, do hàng ngu phu vọng sanh ý tưởng dị biệt rồi điên đảo chấp trước cho là đoạn là thường.

Bạch đức Thế Tôn! Hàng hữu tình điên đảo đối ngũ thủ uẩn vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh.

Hàng Thanh Văn và Duyên Giác có tịnh trí, đối với cảnh giới và pháp thân của Phật chưa hề thấy được, hoặc vì tin Như Lai nên đối với Như Lai sanh ra ý tưởng là thường, là lạc, là ngã, là

tịnh, đây chẳng phải kiến chấp điên đảo mà là chánh kiến. Tại sao? Vì Như Lai pháp thân là Thường Ba la mật, là Lạc Ba la mật, là Ngã Ba la mật, là Tịnh Ba la mật vậy.

Nếu các hữu tình có ý tưởng như trên đây thì gọi là chánh kiến. Nếu là người chánh kiến thì gọi là chơn Phật tử từ miệng Phật sanh, từ Chánh Pháp sanh, từ Pháp hóa sanh được Phật pháp phần.

Bạch đức Thế Tôn! Nói rằng tịnh trí ấy là Trí Ba la mật của hàng Thanh Văn và Duyên Giác. Tịnh trí nầy đối với khổ diệt đế còn chẳng phải cảnh giới, huống khổ diệt đế là sở hành của bốn trí nhập lưu. Tại sao? Vì hàng tam thừa sơ nghiệp, người chẳng ngu pháp, có thể ở nơi nghĩa ấy sẽ chứng sẽ tỏ.

Bạch đức Thế Tôn! Do nghĩa gì mà nói bốn nhập lưu?

Bạch đức Thế Tôn! Bốn nhập lưu nầy là pháp thế gian. Chỉ có một nhập lưu đối với các nhập lưu là hơn hết là trên hết, bởi đệ nhứt nghĩa là nhập lưu là quy y là khổ diệt đế.

Bạch đức Thế Tôn! Sanh tử ấy y tựa Như Lai tạng. Do Như Lai tạng nên nói rằng tiền tế chẳng biết được.

Bạch đức Thế Tôn! Do có Như Lai tạng nên được có sanh tử, đây là lời nói phải.

Bạch đức Thế Tôn! Sanh tử ấy, các thọ căn diệt vô gián tương tục thọ căn kế khởi, gọi đó là sanh tử.

Bạch đức Thế Tôn! Hai pháp sanh tử là Như Lai tạng, nơi pháp thế tục gọi đó là sanh tử.

Bạch đức Thế Tôn! Nói rằng tử là các thọ căn diệt và sanh là các thọ căn khởi. Như Lai tạng thì chẳng sanh chẳng tử chẳng thăng chẳng trụy rời lìa tướng hữu vi.

Bạch đức Thế Tôn! Như Lai tạng ấy thường hằng chẳng hoại, nên Như Lai tạng là y là trì là kiến lập cho tạng trí chẳng lìa giải thoát và cũng là y trì kiến lập cho các pháp hữu vi trí rời lìa chẳng giải thoát.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu không có Như Lai tạng thì không có chán khổ vui cầu Niết Bàn. Tại sao? Vì ở nơi sáu thức nầy và cảnh sở tri, bảy pháp như vậy sát na không dừng chẳng nhận chịu các khổ chẳng kham nhàm lìa nguyện cầu Niết Bàn. Như Lai tạng ấy không có tiền tế không sanh không diệt pháp nhĩ nhận chịu các khổ, nó là nhàm khổ nguyện cầu Niết Bàn.

Bạch đức Thế Tôn! Như Lai tạng ấy chẳng phải là có ngã nhơn chúng sanh thọ giả. Như Lai tạng ấy chẳng phải là cảnh sở hành của các hữu tình thân kiến, điên đảo và không kiến.

Bạch đức Thế Tôn! Như Lai tạng ấy là tạng pháp giới, tạng pháp thân, tạng xuất thế gian, tạng tánh thanh tịnh, là bổn tánh thanh tịnh.

Như chỗ tôi hiểu thì Như Lai tạng ấy dầu bị khách trần phiền não làm ô nhiễm vẫn còn là cảnh giới Như Lai bất khả tư nghị. Tại sao? Vì sát na sát na tâm bất thiện tâm thiện cùng khách trần phiền não chẳng ô nhiễm được Như Lai tạng. Tại sao? Vì phiền não chẳng chạm đến tâm, mà tâm cũng chẳng chạm đến phiền não. Pháp chẳng chạm xúc làm sao có thể nhiễm được tâm.

Bạch đức Thế Tôn! Vì có phiền não nên có tâm tùy nhiễm. Tùy theo phiền não nhiễm ấy khó hiểu khó rõ. Chỉ có đức Phật Thế Tôn là mắt, là trí, là cội rễ pháp, là tôn thượng, là Đạo Sư, là chỗ y tựa của chánh pháp mới như thiệt thấy biết thôi".

Bấy giờ đức Thế Tôn khen ngợi Thắng Man phu nhơn: "Lành thay, lành thay! Đúng như lời ngươi vừa nói. Tánh thanh tịnh tâm tùy theo phiền não nhiễm khó rõ biết được.

Nầy Thắng Man! Còn có hai thứ pháp khó rõ biết được: Đó là tánh thanh tịnh tâm khó rõ biết được và tâm ấy bị phiền não ô nhiễm cũng khó rõ biết được. Hai pháp nầy, ngươi và Bồ Tát thành tựu đại pháp mới có thể nghe hiểu nhận lãnh. Các hàng Thanh Văn do nơi tín tâm mà hiểu được.

Nầy Thắng Man! Nếu các đệ tử ta, người có tăng thượng tín tâm tùy thuận pháp trí, ở nơi pháp nầy mà được cứu cánh.

Thuận pháp trí là quán sát căn thức và cảnh, quán sát nghiệp báo, quán sát A La Hán ngủ, quán sát tâm tự tại ưa thích thiền duyệt, quán sát Thánh thần thông biến của Thanh Văn và Duyên Giác, do thành tựu năm pháp quán sát thiện xảo nầy nên hiện tại và vị lai các hàng Thanh Văn đệ tử do nơi tăng thượng tín tâm tùy thuận pháp trí khéo hiểu rõ được tánh thanh tịnh tâm bị phiền não ô nhiễm mà được cứu cánh.

Nầy Thắng Man! Cứu cánh nầy là nhơn của Đại thừa, nay ngươi nên biết, người tin Như Lai thì đối với pháp thậm thâm chẳng sanh lòng phỉ báng".

Thắng Man phu nhân bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Còn có các nghĩa hay đem lại nhiều lợi

ích, tôi sẽ thừa sức oai thần của đức Phật diễn nói các sự ấy".

Đức Phật bảo: "Lành thay, nay cho phép ngươi nói".

Thắng Man phu nhân nói: "Có ba hạng thiện nam tử, thiện nữ nhơn đối với pháp thậm thâm rời lìa sự tự phá hại sanh nhiều công đức vào đạo Đại thừa: Một là người thành tựu thậm thâm pháp trí, hai là người thành tựu tùy thuận pháp trí, ba là người đối với pháp thậm thâm nầy chẳng hiểu rõ được mà kính tôn đức Như Lai chỉ có đức Phật biết được chẳng phải cảnh giới của tôi.

Trừ ba hạng người nầy, các hữu tình khác đối với pháp thậm thâm tùy theo chỗ mình nắm lấy mà chấp trước vọng thuyết, chống trái chánh pháp, huân tập chủng tử hủ bại các ngoại đạo. Dầu họ ở phương khác cũng phải đến đó trừ diệt những kẻ hủ bại ấy. Tất cả nhơn Thiên phải cùng nhau xô dẹp họ".

Nói lời ấy xong, Thắng Man phu nhơn và các quyến thuộc đảnh lễ chân Phật.

Đức Phật khen rằng: "Lành thay! Thắng Man ở nơi pháp thậm thâm phương tiện thủ hộ hàng phục oán địch, khéo có thể thông đạt.

Ngươi đã gần gũi trăm ngàn cu chi chư Phật Như Lai nên có thể nói được nghĩa ấy".

Bấy giờ đức Thế Tôn phóng quang minh thù thắng chiếu khắp đại chúng, hiện thân lên hư không cao bảy cây đa la, dùng sức thần thông chân bước trên hư không trở về thành Xá Vệ.

Thắng Man phu nhân và các quyến thuộc chiêm ngưỡng đức Như Lai mắt không tạm rời. Quá tầm mắt rồi tất cả vui mừng hớn hở cùng nhau thay phiên ca ngợi công đức của Như Lai và đồng nhứt tâm niệm Phật, trở về thành Vô Đấu khuyên vua Hữu Xưng kiến lập Đại thừa. Nữ nhân trong thành từ bảy tuổi trở lên, Thắng Man phu nhân đem Đại thừa giáo hóa. Vua Hữu Xưng cũng đem Đại thừa giáo hóa các nam tử từ bảy tuổi trở lên. Nhân dân cả nước không ai là chẳng học Đại thừa pháp.

Bấy giờ đức Thế Tôn vào rừng Thệ Đa gọi Tôn giả A Nan và nghĩ đến Thiên Đế. Ứng theo tâm nghĩ của Phật, Thiên Đế Thích cùng quyến thuộc chư Thiên đến chỗ đức Phật.

Đức Thế Tôn bảo Thiên Đế Thích: "Nầy Kiều Thi Ca! Ngài nên thọ trì kinh nầy rồi diễn thuyết khai thị cho chư Thiên cõi Đao Lợi để họ được an lạc".

Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả A Nan: "Ông cũng thọ trì vì hàng tứ chúng mà phân biệt diễn thuyết".

Thiên Đế Thích bạch rằng:"Bạch đức Thế Tôn! Kinh nầy sẽ đặt tên là gì và phụng trì thế nào?".

Đức Phật dạy:"Nầy Kiều Thi Ca! Kinh nầy thành tựu vô biên công đức, sức lực của Thanh Văn và Duyên Giác không đến được huống là các hữu tình khác. Nên biết rằng kinh nầy là khối đại công đức thậm thâm vi diệu. Nay sẽ vì Ngài mà nói lược tên kinh.

Lắng nghe lắng nghe khéo suy nghĩ nhớ lấy!".

Thiên Đế Thích và Tôn giả A Nan đồng bạch rằng: "Lành thay đức Thế Tôn! Kính vâng thọ giáo".

Đức Phật dạy: "Kinh nầy tán thán Như Lai chơn thiệt công đức, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói mười điều hoằng thệ bất tư nghị, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy dùng một đại nguyện nhiếp tất cả nguyện, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói nhiếp thọ chánh pháp bất tư nghị, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói nhập nhứt thừa, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói vô biên tế,

phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói Như Lai tạng, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói Phật pháp thân, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói không tánh nghĩa che ẩn chơn thiệt, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói nghĩa một Thánh đế, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói một sở y thường trụ bất động tịch tĩnh, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói điên đảo chơn thiệt, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói tự tánh thanh tịnh tâm bị phiền não che ẩn, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói chơn Phật tử, phải thọ trì như vậy. Kinh nầy nói Thắng Man phu nhân chánh sư tử hống, phải thọ trì như vậy.

Lại nầy Kiều Thi Ca! Chỗ nói của kinh nầy dứt tất cả nghi hoặc quyết định liễu nghĩa nhập vào đạo Nhứt thừa.

Nầy Kiều Thi Ca! Nay đem kinh Thắng Man phu nhân sư tử hống đã được nói đây giao phó cho Ngài mãi đến thời gian chánh pháp còn, Ngài nên đem diễn thuyết khai thị khắp mười phương".

Thiên Đế Thích bạch rằng: "Lành thay đức Thế Tôn! Kính vâng thọ giáo".

Bấy giờ Thiên Đế Thích, Tôn giả A Nan và các chúng trong đại hội, Trời, Người, A Tu La,

Càn Thát Bà v.v... nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI THẮNG MAN PHU NHƠN
THỨ BỐN MƯƠI TÁM
HẾT.

XLIX

PHÁP HỘI

QUẢNG BÁC TIÊN NHƠN

THỨ BỐN MƯƠI CHÍN

Hán dịch: Nhà Đường, Pháp Sư Bồ Đề Lưu Chi.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Như vậy tôi nghe, một lúc đức Phật ở tại thành Vô Đấu Chiến trên bờ sông Hằng, có vô lượng chúng Tỳ Kheo như các Tôn giả A Nan, Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Bạc Câu La, Ly Bà Đa, A Nhã Kiều Trần Như v.v... Các Tôn giả nầy việc được làm đã xong, rời các trần nhiễm, phiền não đã hết, chẳng còn thối chuyển. Các Tôn giả nầy luôn tọa thiền tụng niệm kinh hành không tạm lười nghỉ, hoặc như bầy nai đi đứng yên lặng, hoặc ở trong rừng thường nhập thiền định. Các Tôn giả nầy an trụ nơi giáo pháp sáng suốt của đức Như Lai, điều phục sáu căn được vô sở úy.

Bấy giờ rừng Ta La nhánh lá rậm rợp, hoa thơm trải đất. Những chim câu chỉ la, chim ca lăng tần già, nga vương, bầy ong bay đậu kêu hót hòa nhã có thể làm cho các chúng sanh rời lìa hôn trầm giải đãi.

Lúc đó đức Như Lai bảo chư Tỳ Kheo: "Nầy chư Tỳ kheo! Các thầy phải siêng thật hành việc được làm, lấy giới luật oai nghi để tự ấp che".

Liền lúc ấy phương Tây bỗng nhiên chói sáng như ánh sáng mặt trời.

Vì chưa ly dục, Tôn giả A Nan bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Ánh sáng nầy là tướng gì?".

Đức Phật dạy: "Nầy A Nan! Đây là pháp tử của Hắc Hương bực tối thắng thượng ngũ thông tiên, tên là Quảng Bác. Tiên nhơn nầy tiết thực xấu gầy thân thể không nhuần sáng cùng chung với năm trăm người đồng hành như là tiên Bất Bạch, tiên Thiên Nhơn, tiên Chiêm Ba Dã Na, tiên Đơn Trà Dã Na, tiên Ca Ma Dã Na, tiên Mê Khư Na Tư, tiên Nghi Vị, tiên Độ La v.v... trước sau vây quanh sẽ đến chỗ ta".

Bấy giờ, Quảng Bác tiên nhơn từ xa thấy đức Thế Tôn thân tâm tịch tĩnh ở tại rừng rậm được chư Tỳ Kheo hầu hạ, liền tự nghĩ rằng: Lạ thay bực tôn quý Nhứt thiết trí thân tướng đầy đủ, bỏ ngôi vua Chuyển Luân cùng các quan và sáu vạn cung nữ, như bỏ món ăn độc, mà tu khổ hạnh nơi núi rừng, lìa những dục lạc, tiếng đồn khắp nơi thiệt chẳng hư dối.

Trong chúng ấy có một tiên nhơn tên Na Thích Đà từ xa nhìn đức Thế Tôn sanh lòng vui mừng liền nói kệ rằng:

Nhìn kia hoa xanh dưới rừng cây
Như khối vàng tía là người nào
Bửu châu Di Lâu chiếu sáng ngời
Cũng như trăng thu không mây khuất.

Các tiên đều vui sướng chắp tay cung kính đi lần đến chỗ đức Phật.

Đức Thế Tôn bảo chư Tỳ Kheo: "Các thầy xem kia các tiên trong châu Diêm Phù, tóc xỏa tung lên, ở rừng hoang, thoa tro, tịch cốc, hoặc một tháng hoặc nửa tháng nhịn ăn gầy xấu, mặc da nai vỏ cây, tóc móng không cạo không cắt, ngồi xổm trên đất trống, nhan sắc như khói than ong đen, chú thuật cúng thờ lửa cho là cát tường, ở ngoài trống hay dưới cây, hoặc té từ gộp đá cao, hoặc nhảy xuống vực sâu, dùng lửa đốt thân hay phơi nắng cho phỏng đau, ỷ thị dòng họ lìa xa trí huệ vô thượng.

Các thầy Tỳ Kheo nên biết các tiên nhơn nầy kiến thức chẳng thanh tịnh mê say ba cõi luân hồi sanh tử chẳng ra khỏi được".

Các thầy Tỳ kheo nghe đức Phật Thế Tôn dạy bảo như vậy rồi liền đồng thanh bạch rằng:

"Nay chúng tôi nương đức Như Lai mà siêng tu phạm hạnh, với ba cõi sẽ được ra khỏi hẳn".

Quảng Bác tiên nhơn cùng các tiên lần đến chỗ đức Phật, thấy các A La Hán oai đức tôn nghiêm liền có lòng e sợ. Họ khom mình ngó xuống đều tự cột tóc xõa, thân đeo dây trắng. Dung nhan họ đen tối, hai mắt xanh vàng, đầu tóc khô khan thân hình xấu xí, tay cầm ba khúc cây to, hoặc đi trên hư không, hoặc đàm luận sách thế tục.

Quảng Bác tiên nhơn đến trước đức Phật thưa rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay chúng hội nầy xin Đức Phật biết cho".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Quảng Bác! Ta đã biết rõ sự thọ sanh trong các cõi hữu lậu và tự tánh".

Tôn giả A Nan bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Đây là tiên nhơn nào được chư tiên bao quanh, trí sáng lời hay, đầu tóc tung lên".

Đức Phật dạy: "Nầy A Nan! Đây là Quảng Bác tiên nhơn, người sáng tác sách Vi Đà phụng trì tu tập theo Xa Yết La Giáo làm ra các thứ văn tự thế tục".

Chư A La Hán cùng bảo nhau: "Tiên nhơn nầy có sở đắc gì mà khổ hạnh như vậy nhưng vẫn không giải thoát được sanh tử".

Các A La Hán lại tự nghĩ rằng các tiên nhơn nầy nay đến chỗ đức Phật sẽ thưa hỏi điều gì, hỏi nhơn duyên hay hỏi vô ngã?

Quảng Bác tiên nhơn chắp tay hướng về đức Phật bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật xuất hiện khó, pháp hội Thánh chúng cũng khó. Nay tôi có chút ít điều nghi muốn hỏi, xin đức Phật thương dạy cho".

Đức Phật bảo: "Nầy Đại Tiên! Cho ông hỏi, ta sẽ giải bày".

Quảng Bác tiên nhơn hỏi: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bố thí? Gì là nghĩa bố thí? Thế nào là thí chủ? Thí chủ có nghĩa là gì? Thế nào là người bố thí chẳng gọi là thí chủ? Thế nào là thí chủ chẳng gọi là người bố thí? Bố thí thế nào để được phước báu nơi người thọ lãnh? Thế nào bố thí rồi, hoặc hiện đời hoặc đời sau phước bố thí đi theo làm chứa làm nhóm?

Bạch đức Thế Tôn! Sau khi đức Phật nhập diệt, cúng dường tháp miếu thì ai là người nhận thọ để được phước báu?".

Đức Phật bảo: "Nầy Đại Tiên! Những điều ông hỏi rất là hy hữu, đó là ông muốn giác ngộ hàng mới phát tâm".

Bấy giờ Tôn giả Xá Lợi Phất ở trong đại chúng, tóc bạc mặt nhăn, lấy tay mặt đỡ lông mày nhìn hồi lâu rồi nói rằng: "Xưa kia tôi từng nghe người đời khen ngợi Quảng Bác tiên nhơn, sao hôm nay chẳng biết hỏi han như trẻ nít. Sao không hỏi những nghĩa thâm diệu về nhơn duyên vô ngã, mà lại hỏi quả báo của sự bố thí".

Tôn giả A Nan đến lạy chân đức Phật bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tiên nhơn ấy ham thích nơi bố thí, tôi xin được giải nói nghĩa bố thí cho ông ấy".

Đức Phật phán dạy: "Nầy A Nan! Nếu hỏi nơi đức Như Lai mà hàng Thanh Văn giải đáp thì chẳng phải là lời dạy của Như Lai".

Tôn giả Xá Lợi Phất lại bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tiên nhơn nầy có điều nghi ngờ ấy, tôi xin giải đáp".

Đức Phật phán dạy: "Không được, trong hàng Thanh Văn ông là bực thượng thủ nhứt, nếu ở trước ta mà ông giải đáp sẽ khiến các chúng sanh phải sa đọa ác thú, vì họ sẽ hủy báng rằng đức Như Lai chẳng phải bực có trí huệ

quyết định, hoặc cho rằng đức Như Lai giác ngộ trọn vẹn rồi mà còn có ngã mạn".

Chư Tỳ Kheo nghe đức Phật nói như vậy rồi đều sanh lòng tin thanh tịnh bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Quảng Bác tiên nhơn có chỗ nghi hỏi, xin đức Phật giải đáp cho".

Đức Phật bảo Quảng Bác tiên nhơn: "Đại tiên nay lắng nghe quả báo của bố thí và nghiệp nhơn sai khác.

Nếu người thọ có thể khiến thí chủ sanh được quả báo đó là nghĩa của bố thí. Nếu có chúng sanh nào tâm thanh tịnh đem của cải mình giao cho người chấp sự đem ra bố thí, người chủ của cải gọi là thí chủ, còn người chấp sự gọi là người bố thí. Nếu có người tâm thanh tịnh tự đem của cải ra bố thí, người nầy gọi là thí chủ mà cũng gọi là người bố thí.

Lại nầy Đại Tiên! Có ba mươi hai hạng bố thí chẳng thanh tịnh, nay ông nên lắng nghe:

Nếu có người thấy biết điên đảo mà bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Bố thí vì báo ơn, bố thí chẳng có lòng thương, bố thí vì sắc dục, đều chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí trong lửa, bố thí trong nước cũng chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc đe dọa mà bố thí, bố thí cho năm nhà, đem món

độc bố thí, đem dao gậy binh khí bố thí, giết hại mà bố thí, đều chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc để nhiếp phục người mà bố thí, vì khen ngợi mà bố thí, vì xướng kỹ mà bố thí, vì xem tướng mà bố thí, cầu trang sức đẹp mà bố thí, vì kết bằng hữu mà bố thí, đều chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc chim thú vào nhà ăn mà chủ nhà không vui lòng thì chẳng gọi là tịnh thí. Vì học nghề mà bố thí, vì bịnh mà bố thí cho thầy thuốc, trước đánh mắng sau đem của cải bố thí, đều chẳng gọi là tịnh thí. Bố thí mà nghi ngờ được báo hay không được báo thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí rồi mà trong lòng bực bội hối tiếc thì chẳng gọi là tịnh thí. Bố thí mà nói người thọ lãnh sau sẽ làm trâu ngựa súc vật cho tôi thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí mà nói phước báu đây tôi tự thọ lấy thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc người trẻ mạnh không lòng tin thanh tịnh, lúc sau bị bịnh khổ, hoặc sắp phải chết, thân thể đau khổ tay chân rời rã, sứ Diêm La Vương đùa cợt trước mặt, quyến thuộc nhìn ngó khóc than, bấy giờ mới bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc bố thí mà nghĩ rằng khiến các thành ấp khác biết tôi bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc có lòng ganh ghét ngạo nghễ mà bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Ham mộ nhà giàu sang vì cầu hôn nhơn nên đem vàng bạc lụa là bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí.

Hoặc cầu con trai con gái và các duyên tạp khác mà bố thí thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc suy nghĩ nay tôi bố thí đời sau sẽ được phước báu thì chẳng gọi là tịnh thí. Thấy người nghèo cùng chẳng thương xót, trái lại đem tiền của bố thí người giàu sang thì chẳng gọi là tịnh thí. Hoặc tham hoa quả mà thí cho thì chẳng gọi là tịnh thí.

Nầy Đại Tiên! Ba mươi hai loại bố thí ái nhiễm ấy, dường như có người đem hạt giống tốt gieo trồng trên ruộng hoang xấu, nương nơi đất gặp mưa ướt chắc chắn sẽ nẩy mầm lên cây, nhưng thu hoạch ít về bông trái".

Quảng Bác tiên nhơn lại bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là bố thí cho người trì giới, người phá giới mà chẳng hư mất?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Đại Tiên! Nếu có người tịnh tín nhân quả phát lòng vui mừng vì các chúng sanh mà bố thí không hề hối tiếc cũng chẳng phân biệt là trì giới hay phá giới.

Lại nữa nầy Đại Tiên! Có năm loại bố thí gọi là bố thí lớn. Đó là bố thí đúng lúc, bố thí cho người hành đạo, người bịnh và người khán bịnh, người giảng thuyết chánh pháp, người đến nước khác.

Còn có năm loại, đó là bố thí chánh pháp, bố thí món ăn, chỗ ở, đèn sáng, hương hoa".

Quảng Bác tiên nhơn lại thưa: "Bạch đức Thế Tôn! Những gì là thanh tịnh?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Đại Tiên! Nếu người phát lòng tin vì các chúng sanh có lòng thương xót hồi hướng vô thượng Bồ đề khắp thanh tịnh giải thoát thì được gọi là thanh tịnh.

Còn có năm loại bố thí vô thượng, đó là bố thí nơi đức Như Lai, nơi chúng Tăng, nơi người thuyết chánh pháp, nơi cha, nơi mẹ. Bố thí năm nơi ấy đều gọi là bố thí vô thượng.

Còn có các loại bố thí gọi là bố thí lớn, đó là bố thí cho quốc vương mất ngôi, người bị quan quyền bức bách không nơi nương cậy, người bị bịnh tật đau khổ, đều gọi là bố thí lớn.

Nếu gặp người bị tội sắp hành hình và người bị nạn nguy đến tánh mạng mà chịu bỏ mạng mình để cứu mạng sống cho kia, đều gọi là bố thí lớn.

Hoặc nơi người tật bịnh mà bố thí thuốc men thì cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc nơi chúng Tăng đủ giới mà bố thí đúng lúc cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc bố thí cho người cầu trí huệ cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc bố thí cho súc sanh, chim thú, các loài ếch nhái cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc bố thí cho kẻ thiếu kém khiến cho họ được no đủ cũng gọi là bố thí lớn.

Hoặc khuyên người khác bố thí thanh tịnh cùng tùy hỷ cũng gọi là bố thí lớn.

Lại nầy Đại Tiên! Trước đây ông có hỏi sau khi đức Phật diệt độ, gieo trồng thế nào mà được phước báu?

Nầy Đại Tiên! Chư Phật Như Lai đều là pháp thân mà chẳng phải sắc thân, hoặc Phật ở tại thế gian hay sau khi diệt độ, nếu có người cúng dường thì phước báu không khác.

Như Chuyển Luân Vương truyền lịnh khắp cõi nước chẳng cho giết hại các chúng sanh chẳng cho vọng ngữ. Người trong nước hoặc chưa được thấy vua cũng chưa từng hầu gần, họ chỉ nghe lịnh vua truyền mà tuân hành, nhà vua đối với những người nầy ắt có lòng vui mừng, những người vì được vua vui mừng nên được sanh lên cõi trời. Còn những kẻ trái lịnh vua truyền thì đọa vào ác thú.

Nầy Đại Tiên! Có người dầu thấy thân ta mà họ chẳng giữ giới của ta dạy thì có lợi ích gì. Như Đề Bà Đạt Đa dầu gặp được Phật mà ông ấy vẫn phải đọa địa ngục.

Trong đời sau, có người siêng thật hành đúng giáo pháp của Phật, người nầy rất hy hữu như đã được thấy Phật không khác.

Nầy Đại Tiên! Như ông đã hỏi phước đức nhơn duyên theo thí chủ làm chứa làm nhóm thế nào?

Nầy Đại Tiên! Như bó lau sậy vì đốt cháy mà có lửa sáng, ngọn lửa sáng ấy không thể nói là chứa nhóm trong bó lau sậy. Cũng vậy, thí chủ chứa họp phước đức như bóng theo hình, không thể thấy được.

Như trái nho, cây mía lúc chưa ép thì không thấy được nước mật của nó, nhưng nước mật của nó không phải có ở nơi khác. Cũng vậy, quả báo phước đức chẳng thấy ở trong thân trong tay trong tâm của thí chủ, nhưng nó không rời lìa thí chủ.

Như hột ni câu luật đà lúc chưa già chín thì không thấy có mộng mầm.

Như người buôn mang hàng đến bán nơi ấp thành lớn được lời lãi nhiều, phước đức của thí chủ cũng vậy.

Như bầy ong lấy mật hoa, như mây trùm trên không, nào có thấy có chứa có nhóm, mà lúc kết quả thì thành mật ngon, mưa nhuần phước đức quả báo của thí chủ cũng vậy".

Quảng Bác bạch Phật: "Nghĩa sai biệt của sự bố thí tôi đã được nghe đức Thế Tôn giảng giải.

Bạch đức Thế Tôn! Ở trong thân người, thần thức mến luyến như thế nào?".

Đức Phật dạy: "Nầy Đại Tiên! Như Quốc Vương ở trong thành lớn sợ có quân địch đến, nên lo đào hào đắp lũy tích tụ lương thực nuôi dạy quân tướng, dựng bày cờ xí tập luyện voi ngựa, dàn quân bày trận truyền lịnh dự bị chiến đấu, mặc giáp dày cầm dao bén nghiêm hờ. Vì phước Quốc Vương hết nên thế giặc mạnh phải bị bại vong. Cũng vậy, thần thức ở trong thân người thấy sáu căn bị vô thường xâm hại, nên khởi tín tâm phát chánh niệm hành chánh pháp điều luyện ý tưởng tuyên cáo rằng: Nay có quân mạnh vô thường đến hại phải gấp mặc giáp bố thí, cầm gươm trí huệ, mang cung tàm quý dựng lũy cấm giới phòng ngăn. Quân mạnh vô thường

lần lần bức bách sáu căn, thần thức ấy phải bỏ thân, như Quốc Vương hết phước phải bỏ thành đến ở thành khác".

Quảng Bác bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Làm thế nào biết là thành phước đức là thành chẳng phải phước đức mà tôi phải bỏ đi?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Đại Tiên! Như có người đi thuyền lớn tốt để qua đại hải, dầu gặp cuồng phong sóng to, cá kình hung dữ nhưng nhờ thuyền vững nên đến được bờ kia. Đã an ổn rồi, người ấy tế tự đi nhiễu thuyền ba vòng cung kính xướng rằng: Lành thay tôi nhờ thuyền nầy mà vượt được đại hải.

Nầy Đại Tiên! Cũng vậy, người có phước đức sau khi mạng chung tự suy nghĩ rằng: Nay tôi được sanh lên cõi trời, thân người trước kia thiệt là chẳng uổng, nhờ thân người ấy mà tôi được khỏi đọa vào ác thú, lành thay thân trước rất đáng kính yêu.

Nầy Đại Tiên! Như người đi thuyền xấu hư để qua biển lớn, ở giữa biển bị chìm bị lật, người ấy giận ghét nguyền rủa thuyền xấu. Cũng vậy, người tạo nghiệp ác không phước đức sau khi chết phải đọa ác thú, giận ghét mắng nhiếc thân trước, uổng công nuôi nấng nay phải khổ thế

nầy, như đội cỏ dơ khô, như tằm làm kén tự vấn lấy thân tự chuốc lấy họa.

Nầy Đại Tiên! Người tạo phước đức ở thân kế sau, thần thức ở thai mẹ vừa được bảy ngày liền có thể nghĩ biết tôi từ nơi kia sanh vào đây. Vì có thiện nghiệp nên lòng vui mừng hay làm cho mẹ hiện ra ba tướng lành: mặt mẹ luôn vui vẻ tươi đẹp, chân phải giẫm đất mạnh vững hơn trước, tay thường xoa hông phải, thích mặc y phục sạch sẽ thêm vẻ xinh đẹp.

Thần thức người gây nghiệp ác cũng ở trong thai bảy ngày tự nhớ nghĩ tôi từ nơi kia đã từng tạo tội ác, nghĩ rồi sanh lòng sầu não hay làm cho mẹ có các hiện tượng xấu, như thân thể hôi dơ gầy gò vàng bủng, như thường buồn bực choáng váng ói mửa, tai họa cả nhà hoạn nạn bức khổ, như lúc sanh nở hoặc mẹ chết hoặc con yểu".

Quảng Bác lại bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Lúc thần thức mới nhập thai nếu có trí huệ thì nghĩ nhớ biết những gì?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Đại Tiên! Thần thức ấy lúc mới nhập thai thấy châu Diêm Phù có nhiều cung điện ao hồ vườn tược rừng cây nơi nơi xinh đẹp, thân tộc tụ họp rất là vui vẻ. Nếu có trí huệ cõi trời thì tùy niệm nhớ biết vô lượng

trăm ngàn đời trước. Chỗ đó tôi sanh ra, người ấy là mẹ cả trăm lần sanh tôi, cả trăm đời nuôi nấng tôi, nghĩ như vậy rồi sanh lòng nhàm lìa, khổ thay, chết đi sống lại ở thế gian nầy như vậy đã đủ rồi, các cõi cực nhọc luôn được vĩnh viễn thoát khỏi".

Quảng Bác hỏi đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thần thức ấy có quan niệm nhàm lìa mong thoát ly như vậy, há lại chẳng ra khỏi vòng sanh tử ư?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Đại Tiên! Không thể được. Thần thức ấy không có tướng xuất ly mà được giải thoát thì không bao giờ có. Dầu thần thức ấy ở trong sanh tử có quan niệm nhàm chán mong xa lìa, nhưng nó vẫn thọ sanh. Nếu không như vậy thì lẽ ra người tạo phước đức cùng kẻ tạo ác, tất cả đều hướng đến quả Niết Bàn.

Nầy Đại Tiên! Như lời ông nói về thần thức suy nghĩ nhớ biết đó, là thức hiện hành chớ chẳng phải trí hiện hành. Thức thì hay phân biệt, trí thì hay biết rõ. Thức cùng trí hòa hiệp nhau thì mới có khả năng như lời ông nói.

Muốn tuyên lại nghĩa nầy đức Phật nói kệ rằng:

Hay ngừa các tội ác
Hoặc chứa nhiều phiền não
Biết là trí không trí
Là huệ hay ngu si
Thấy kiêu mạn vô minh
Thấy biết tất cả đó
Không bao giờ rời trí
Do trí nên biết rõ
Thức trí chẳng rời nhau
Phật thường nói hòa hợp
Một bánh chẳng thành xe
Hai bánh cũng chẳng thành
Cũng chẳng ngoài bánh xe
Cần có người và trâu
Gồm đủ căm và trục
Cũng đủ hai càng gọng
Vòng ách và dây cương
Mới được gọi là xe
Thân thể cũng như vậy
Các giới hòa hợp sanh
Các căn đều đầy đủ
Do thức hay kéo dắt
Lóng đốt dính liền nhau
Gân mạch luôn khắp đủ
Sọ đầu trùm da tóc
Ruột phổi và tim gan
Tỳ vị hòa hợp nhau

Xây dựng nên thân giả
Vua thức ở trong đó
Ngự trị điều khiển thân
Rõ biết các thể tánh
Gọi là thức trí chung.

Nầy Đại Tiên! Thức ấy vi tế không thể do hình sắc thấy được, không có các căn chẳng lìa các căn. Nếu có người khiếp nhược hoặc hoảng sợ hoặc suy tưởng ngẫm nghĩ, đều là thức hiện hành chẳng phải tác dụng của trí".

Quảng Bác bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào quan sát chúng sanh từ loài địa ngục sanh nơi loài Người, nhẫn đến loài Trời đến sanh loài Người? Có những nghiệp nhơn sai khác gì mà sanh loài Trời, loài muông thú, loài ngạ quỉ và sanh loài địa ngục?".

Đức Phật phán: "Nầy Tiên Nhơn! Bổn tánh của chúng sanh chết đây sanh kia chỉ có Phật là thấy rõ, chẳng phải hàng ngũ thông tiên nhơn biết được, cũng chẳng phải hàng Người, hàng Trời, Phạm Vương, Ma Vương hoặc bực Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Nầy Đại Tiên! Nếu người nào lúc ở nơi pháp của Phật lìa được tham sân si phân biệt chứng sơ quả, cảnh giới của người nầy còn chẳng phải

hàng Đế Thích, hàng Trời Na La Diên cùng hàng ngũ thông tiên nhơn như các ông biết rõ được".

Nghe Đức Phật nói lời nầy, Quảng Bác tiên nhơn tự nghĩ rằng Thánh trí biết rõ nghiệp báo trong vòng luân hồi thiệt ta chưa từng có.

Quảng Bác lạy chân đức Phật bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi già suy quên lãng chẳng thể đến được đạo quả, không có khả năng đảm nhiệm gánh nặng Bồ đề, kể từ nay tôi và chúng đệ tử của tôi và hàng quyến thuộc quy y Phật Pháp Tăng. Ngưỡng mong đức Thế Tôn chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng, do mặt nhựt Thánh trí thường ở thế gian trừ bỏ mê mờ phiền não. Lành thay đức Thế Tôn! Xin đức Phật diễn nói về tất cả chúng sanh sanh về cõi Trời".

Đức Phật phán dạy: "Đại Tiên lắng nghe! Nay ta sẽ nói về việc ấy.

Nếu có chúng sanh nào bền vững trọn nên công hạnh bố thí tràng hoa thơm xinh, người nầy ắt sanh về cõi Trời Trì Man. Lúc lâm chung, thân thể người nầy phát ra mùi thơm vi diệu và cảm hiện hoa tươi, lại tự thấy các thứ hoa nhiều màu rải trên thân mình, hoặc lại có thấy đền đài cung điện treo nhiều linh, lục lạc, châu báu, trang sức với các thứ hoa đẹp, trăm ngàn Thiên nữ ở trong ấy. Sau khi chết, người ấy thấy cha

và mẹ Trời Trì Man hòa hiệp như người Diêm Phù Đề, do ái phong thổi người ấy nhập vào thai tạng. Bấy giờ mẹ Trời Trì Man ấy mang thai bảy ngày, ở dưới nách phải, sanh ra con trai. Vừa sanh xong, trước ngực con trai ấy có hoa duyệt ý cõi trời tự nhiên kết thành tràng đủ bảy màu, đó là những màu trắng đen, vàng, đỏ, xanh biếc, hồng và đồng đỏ. Tràng hoa ấy có ánh sáng chói lòa, mùi thơm của hoa do gió đưa lan khắp một do tuần, vì thế nên trời ấy gọi là Trời Trì Man. Trong cung có cây, nước mật nó thơm ngon như chất cam lộ. Trái cây trong vườn đủ tám mùi vị phẩm cao. Trời ấy toàn ăn thứ trái đó, không vật thực nào khác. Lúc cảm thấy đói, trái chín tự hiện ra trên cây. Mặt đất không có gai góc sạn sỏi, toàn là cỏ mềm hoa tươi trải khắp sạch sẽ. Hoặc có cung điện như khối hoa trắng, hoặc có cung điện vàng ròng dựng lên. Thiên nữ xinh đẹp cùng đùa vui dưới mái hiên. Trời Trì Man thọ hai trăm năm cõi Trời. Lúc Trời ấy sắp mạng chung hiện ra hai hiện tượng: cây trong vườn nhà lá thì héo úa cành thì rũ xuống bông hoa mất mùi thơm, tràng hoa trên thân bỗng nhiên héo vàng gió mát biến thành gió nóng độc, muốn bỏ cung điện nguy nga mà đi. Bấy giờ các Thiên nữ thấy hiện tượng xấu nầy, cùng nhau vây quanh Trời ấy mà kêu khóc rằng: Khổ thay

cho vô thường không chút xót thương nơi người mà chúng tôi yêu quý bắt lấy chẳng cho tự do, giây lát đây sẽ bỏ lìa chúng tôi. Lúc ấy Thiên Tử Trì Man đó lần bị bịnh nhiệt tăng cả thân hiện ánh lửa, dầu vậy nhưng nội tâm không cảm thấy nóng bức mà vẫn khoái lạc, rời cõi Trời sanh vào nhơn gian. Ở trong thai thần thức ấy có thể làm cho mẹ thích tràng hoa thơm và các thứ trái ngọt, thường chiêm bao thấy thành ấp chợ búa trang nghiêm đông đúc, khắp nơi giăng rũ chuỗi hoa. Khi đã sanh ra, thân hình sáng đẹp ưa thích y phục sạch sẽ và tràng hoa xinh tươi, thích đến thân thuộc bạn bè, say mê dục lạc mến yêu nữ sắc, những món y phục quý vườn hoa bông trái không gì chẳng ham, thấy người giàu sang lại càng vui mừng.

Lại nầy Đại Tiên! Người xu hướng về Trời Tứ Thiên Vương thì như sau đây: Nếu có người thấy kẻ nghèo cùng người bịnh tật, bố thí cho ăn uống y phục, thuốc men, hoặc đào ao giếng để bố thí. Lúc lâm chung, thân người ấy không ốm gầy không thay đổi sắc, mình không hôi dơ, tiếng không khàn tắt, không đái dầm ỉa són, các căn không hư tổn có thể thấy tự mình ở trong chúng Trời. Sau khi mạng chung thi thể màu hoa sen hồng, miệng thoảng mùi thơm, lại còn có gió mát thổi hoa thơm phất trên thi thể. Lúc ấy thần

thức thấy Trời Tứ Thiên Vương cha mẹ vui vầy giao du say đắm tình ái, thiên phụ dùng bàn tay phải xoa lưng thiên mẫu, liền thọ thai vào nơi vế mẹ, sau bảy ngày thì sanh thân Trời đầy đủ các thứ trang sức.

Nầy Đại Tiên! Địa xứ của Trời Tứ Thiên Vương ngang rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, pha lê xen lẫn trang sức, trong cung điện Trời Tứ Thiên Vương có hàng trăm ngàn Thiên nữ, trăm ngàn thứ bông trái lớn như hình tượng người đầy trong các khu vườn, ánh sáng ma ni Trời thường chiếu sáng cõi ấy, cành nhánh rừng cây rũ y phục kiếp ba và lụa hàng vi diệu. Những cây ấy đều bóng nhuần ai xem cũng thích, nơi các đền điện treo đầy nhạc cụ, tiếng tiêu tiếng sáo tự nhiên phát ra. Các thiên đồng tử chỉ có một việc là vò vắt món ăn. Cơm ấy thơm ngon, màu như hoa sen hồng, vị hơn chất cam lộ, bát đĩa đựng toàn bằng hai chất: Hoàng kim và bạch ngân, tùy ý thích ưa món ăn đẹp thơm ngon ngọt tự nhiên hiện ra trong ấy. Còn có rượu trời tên là hoa tửu thơm lạnh đặc biệt, nếu có ai ngửi cũng tự nhiên say. Mỗi Thiên Tử Trời Tứ Thiên Vương đều có tẩm điện riêng tên là Sơ Thu, có cả trăm ngàn cây sa lan kê hiệp trùm che kín phía trên. Khắp nơi thòng rũ những dây hoa vàng bạc châu báu, còn

có các loại giường ghế màn thảm sáng đẹp mịn nhuyễn, có sáu vạn Thiên nữ dung nhan xinh đẹp y phục sáng bóng tiếng nói lảnh lót âm vận hiệp với Thiên nhạc, các Thiên nữ nầy được các nhạc thần chỉ dạy nên lúc ca lúc vũ, khi nói cười khi đi đứng có thể làm cho người thấy phải luyến ái. Trước cung điện có dựng cột phướn trang nghiêm với những vàng bạc gấm lụa, treo phan báu phất phơ theo gió.

Cõi ấy có bốn Thiên Vương là Trì Quốc Thiên Vương, Tăng Trưởng Thiên Vương, Quảng Mục Thiên Vương và Đa Văn Thiên Vương. Bốn Thiên Vương ở cõi Trời ấy thường tụ họp các Thiên Tử yến ẩm vui vầy. Các Thiên Tử cõi Trời Tứ Thiên Vương thọ năm trăm tuổi, tính theo năm cõi Trời, không có ai yểu giữa chừng.

Nầy Đại Tiên! Lúc Thiên Tử cõi Trời Tứ Thiên Vương mãn tuổi thọ sắp chết thì có ba hiện tượng: Một là mất ánh sáng nơi thân, hai là tràng hoa đeo không còn mùi thơm, ba là chẳng thích nghe các Thiên nữ hòa tấu kỹ nhạc, cũng không thích dạo chơi trong vườn hoa, trên thân thì y phục dơ bẩn, tràng hoa héo úa, mồ hôi rịn chảy, hai mắt khô rát nhìn lại các món thường ngày thích ngắm nhìn càng thêm mê muội, như

cá dưới nước bắt để trên đất nắng mùa hạ, bị nóng bức quá nên lăn lộn trên đất. Các Thiên nữ thấy Thiên Tử ấy sầu khổ như vậy cùng đến vây quanh đồng nhau than khóc: Khổ thay, khổ thay! Người mà chúng ta mến yêu sao lại đến thế nầy, trước kia vui sướng nay thành sầu khổ, ngày nay sao đành bỏ ta cùng những chỗ vui chơi.

Các Thiên nữ nói kệ than rằng:

Mọi món vật trang nghiêm
Chỗ của Ngài vui chơi
Cung thành phước đức lớn
Lâu đài khắp bốn mặt
Thiên nữ thường đông đúc
Vườn rừng luôn sum suê
Sao Ngài đành vứt bỏ
Khổ thay cho vô thường.

Các Thiên nữ nói kệ xong nhìn nhau nghẹn ngào, tay mặt cầm hoa tươi rải lên mình Thiên Tử ấy mà nói rằng: Ngài có đủ phước sẽ sanh nhơn gian, nơi ấy là phước địa phải có lòng tin gieo lấy giống lành.

Bấy giờ Thiên Tử ấy thấy các Thiên nữ đều xa bỏ mình nên lòng càng thêm bức rứt, thân tâm nóng bức như nhiễu giọt dầu lên sắt nóng đỏ vụt tự tiêu diệt còn thừa chút khói tro lại bị gió nghiệp thổi tan, như lân hư trần chia làm ngàn

ức phần không còn thấy được. Thần thức của Thiên Tử ấy từ cõi Trời giáng xuống nhơn gian thấy cha mẹ hòa hiệp sanh lòng vui thích liền nhập vào thai tạng. Vừa có thai mẹ liền có những hiện tượng: Ăn uống thêm nhiều chẳng ăn món máu thịt, ưa mặc y phục bông hoa và thích nơi tụ hội đông người, đối với hàng thân thuộc bạn bè thì thương mến hơn trước. Dầu bụng mang thai con mà không hề khó chịu, miệng không chảy nước dãi, thân không nặng nhọc. Sau khi sanh ra, đứa trai ấy tướng người đoan nghiêm, mắt nó xanh biếc như thanh bửu cõi trời, ai thấy nó đều thích. Nghe nói những sự việc Trời Tứ Thiên Vương ở cõi trên thì nó vui mừng lắm. Nó thường ưa bố thí, ưa mặc y phục thơm tho, tánh ưa thường thường ăn uống, thích ca múa cùng lưu luyến vườn rừng nữ sắc.

Nầy Đại Tiên! Nếu có người nào do lòng tin thanh tịnh mà xa rời sự sát hại và trộm cướp, mang món ăn uống đồ dùng tốt, mang những y phục và của tiền châu báu để cúng dường bố thí, thành kính mang hoa hương cúng dường tháp Phật, người nầy lúc lâm chung thân không bịnh khổ không dơ không hôi, chánh niệm không quên, sắc mặt như màu hoàng kim, sóng mũi chẳng xẹp gãy, tâm không nhiệt não, cổ họng không bế tắc cũng không khò khè, chẳng bị gió

nghiệp bức bách, tiếng nói chẳng khàn chẳng ngọng, ngủ ăn bình thường.

Đại Tiên nên biết người lành trên đây thì các thứ độc không hại được, ăn uống tiêu hóa cùng những sự tổn thương yểu vong cùng tai nạn đều đã xa lìa.

Lúc chết, thần thức người nầy vì là thần thức cõi trời nên thấy lầu đài Trời Tam Thập Tam hình tượng cá ma kiệt bằng hoàng kim trang nghiêm các cột cổng nhà, mặt đất là chiên đàn tốt, nước thơm rưới lên, đất ấy mềm dịu sạch sẽ trắng hơn sương tuyết sạch như chuỗi ngọc. Cây hương huỳnh đàn đèn đuốc bằng châu báu trời bày hàng xen lẫn. Các Thiên nữ Thiên Tử vui đùa trong các khu vườn.

Thấy cảnh trời trên đây, thần thức sanh lòng vui thích liền nhập vào tay Thiên nữ mẹ làm thành thai tạng. Lúc ấy bàn tay mẹ do đó mà sanh ra hoa cầm đưa Thiên phụ coi cùng nhau vui mừng. Thiên mẫu lại lấy hai tay xoa nâng bông hoa ấy, Thiên Tử liền sanh ra. Thiên mẫu nói với Thiên phụ nay tôi sanh ra một Thiên Tử làm cho giống lành càng thêm mạnh. Bèn tụ hội chư Thiên để làm lễ khánh hạ.

Sau khi sanh được bảy ngày, Thiên đồng tử ấy có đủ tướng người cõi trời Tam Thập Tam,

nhớ biết đời trước từ chỗ đó chết sanh đến nơi đây, người đó là cha ta, người đó là mẹ ta, ta đã từng làm điều thiện đó, nghĩ nhớ như vậy rồi sanh lòng vui mừng liền ở nơi ngũ dục sanh lòng say đắm ưa thích, cung điện vườn rừng cõi trời tự nhiên hiện ra. Cánh tay của Thiên đồng tử ấy suông như vòi voi, ngực cao đầy như ngực sư tử, hai vế tròn trịa như thân cây chuối, da thịt sáng bóng sạch sẽ không có tàn nhang, không có nốt ruồi đen, không có lông mọc tạp, không có chút hôi dơ, toàn thân thoảng ra mùi thơm vi diệu. Tất cả y phục nhẹ kín chuỗi ngọc tràng hoa cõi trời đều chẳng cần tìm nơi ngoài, nó tự nhiên hiện đủ trên thân. Bấy giờ trong cung điện ấy không có Thiên Tử, chỉ có những Thiên nữ, họ thấy Thiên đồng tử liền đến vây quanh đồng nói rằng: Lành thay Ngài đến đây rất tốt, cung điện nầy thuộc về Ngài, chúng Thiên nữ các em đây trước nay không nơi nương tựa xin được theo hầu Ngài. Các Thiên nữ nầy đều hàng thanh niên vú như bình hoàng kim, gương mặt như hoa sen hồng. Sáu vạn Thiên nữ như vậy đưa Thiên đồng tử vào vườn toàn cây câu tỳ la cõi trời sum suê tươi tốt, các thứ nhạc trời, tiếng tiêu tiếng sáo, tiếng trống tiếng đờn tự nhiên phát ra, âm thanh vi diệu người nghe khoan khoái. Lại có tòa sư tử nghiêm sức với các tràng

chuỗi ngọc châu lót bằng gấm lụa. Thiên đồng tử thấy những cảnh nghiêm trang xinh đẹp nầy liền lên ngồi trên tòa sư tử như vua quán đảnh.

Lúc Thiên Tử ngồi xong thì các món trân ngoạn tự nhiên phát ra tiếng rằng: Người lành nầy từ châu Diêm Phù Đề do làm phước trời nên sanh nơi đây, mọi người đều nên đến hầu hạ Ngài, đờn hát ca múa làm cho Ngài vui vẻ không chán.

Âm thanh ấy phát ra rồi thì trong vườn rừng cung điện tất cả sáu vạn Thiên nữ tay cầm hoa trời, mình mặc y phục trời, hơi thơm từ thân Thiên nữ phát ra như mùi rượu nho, rượu mật, rượu hoa, ngửi mùi hương ấy làm cho người phải say mê. Các Thiên nữ đồng thanh nói: Ngài đã có chứa phước trời, chúng em xin được phụng sự Ngài.

Bấy giờ Thiên Tử cùng hàng Thiên nữ dạo chơi trong các khu rừng hoan hỷ, rừng tạp hoa, rừng viêm ngọc, rừng cực quang nghiêm, rừng nhựt cung viên, cũng dạo chơi nơi các khu vườn tiếng suối reo, vườn tiếng âm nhạc. Các rừng các vườn ấy mát mẻ xinh tươi, không có gió xấu, mùi hoa ngào ngạt, chiếu sáng khắp nơi bằng châu ma ni bửu xanh, có những điểu vương hót tiếng vi diệu, lông chim ấy chiếu rực như khối

châu báu, mỏ chim bằng phệ lưu ly cõi trời, các chim bay liệng đầy khắp vườn rừng.

Nầy Đại Tiên! Cõi trời Tam Thập Tam có ao nước đủ tám công đức theo tháng mà đầy vơi. Nước ao không hề bẩn, luôn trong sạch mát mẻ. Trong ao có những cây hoa thơm bá diệp. Bờ ao có cây ngay hàng, đầy những hoa đẹp. Những ao nước nầy là nơi mà các Thiên nữ thường đến tắm rửa vui đùa.

Đến giờ ăn thì những bát đĩa bằng châu báu tự nhiên xuất hiện tùy theo ý muốn, các món ăn màu sắc đẹp thơm như hoa câu ma, trắng hơn ngọc tuyết, có tên là thiên cam lộ. Món ăn ấy đủ mùi thơm ngon cũng dễ tiêu hóa, không hề có vị cay chua đắng chát.

Nầy Đại Tiên! Có hạng trời báo chẳng được thuần nên dầu là đồng trong một bát ăn mà hoặc tự cảm thấy màu xanh màu đỏ, hoặc thấy cả màu vàng màu đen hoặc nhiều màu lẫn lộn. Thân hình trời thì không khác nhau mà món ăn có sai khác. Nên biết những hạng Trời nầy đời trước ở nhơn gian dầu là bố thí, nhưng sau khi bố thí rồi lại ăn năn có lòng hối tiếc nên cảm báo như vậy.

Nầy Đại Tiên! Cõi Trời Tam Thập Tam lại còn có những khu vườn tên là hiệp hôn, cây trái

trong đó luôn sum suê. Nơi ấy là chỗ ở của các hàng ly dục tịch tĩnh. Những Thiên Tử cùng Thiên nữ mà vào vườn ấy đều chẳng phải vì thích ưa dục lạc.

Nầy Đại Tiên! Đệ tử của ta bực Thanh Văn cao nhứt là Kiều Phạn Bát Đề hiện tại ở tại vườn hiệp hôn ấy, Kiều Phạn Bát Đề là con trai dòng Bà La Môn thanh tịnh, trụ trong thiền định từ bi, dùng từ tâm tam muội mở mắt từ bi, mỗi lần nhập định là bảy ngày làm hạn mới hiện có hơi thở ra thở vào. Lúc ông ấy nhập định theo ý muốn có gió mát thổi đến. Giả sử có kiếp hỏa đốt cháy đại địa thành một khối lửa lớn, nhưng với thân nhập thiền định của ông ấy chẳng thể làm tổn hại được phần nhỏ như hột cải.

Thân thể nhập thiền định của Kiều Phạn Bát Đề thường vững vàng như tòa núi Di Lâu.

Nan Đà Long Vương và Bạt Nan Đà Long Vương có oai lực lớn phun hơi rất mãnh liệt có thể làm cho núi Di Lâu lay động khua ra tiếng, nước bốn đại hải biến làm vị mặn. Giả sử hai Long Vương nầy dùng hết thế lực mình có cũng không thể làm nhiễu loạn được Kiều Phạn Bát Đề lúc ông nầy nhập thiền định.

Nầy Đại Tiên! Kiều Phạn Bát Đề, đệ tử của ta, ở rừng hiệp hôn, các Thiên nữ dầu say ái dục

mà khi thấy Tôn giả nầy liền sanh lòng thanh tịnh, đem hoa mạn đà la và những hoa sen đến cúng dường chắp tay cung kính. Các Thiên Tử trời Tam Thập Tam cũng đến vây quanh mang thiên cam lộ đến dâng cúng. Tôn giả Kiều Phạn Bát Đề ở rừng hiệp hôn nói những khế kinh, như trường hàng, kệ, trùng tụng, vị tằng hữu, vô vấn tự thuyết, bổn sanh, bổn sự, nhơn duyên, luận nghị, phương quảng, thí dụ và thọ ký. Hàng Thiên Tử và Thiên nữ ấy nghe Tôn giả thuyết pháp không ai là chẳng ân cần cung kính tôn trọng.

Còn nữa, nầy Đại Tiên! Trời Tam Thập Tam có nhà tụ hội. Nhà ấy có bốn vạn tám ngàn cột, toàn làm bằng những hoàng kim bạch ngân, ngọc xa cừ, ngọc mã não cùng với lõi cây chiên đàn, treo linh thòng lạc vang ra tiếng vi diệu. Trải khắp thiên y, dựng những tràng phan, tiếng nhạc như tiếng tiêu, tiếng sáo, tiếng không hầu, tiếng đờn cầm đờn sắc, tiếng loa tiếng trống, tiếng chiêng tiếng phèn la, các âm thanh vi diệu tự nhiên phát ra làm vui đẹp người nghe. Các Thiên Tử, Thiên nữ yêu kính nhau vui mừng gặp gỡ thường tụ họp nơi hội đường ấy. Trong hội đường dùng châu ma ni bửu để trang sức, mặt đất lót bằng lưu ly trong sáng nhuần bóng sạch sẽ trơn láng như gương, những hương xoa

hương bột cùng các thứ hoa đẹp rải khắp mọi nơi, ở trong ấy không có ai hôn mê ngủ gật, cũng không có ý tưởng biếng lười, gió nhẹ thơm mát phảng phất khắp nơi.

Nầy Đại Tiên! Trời Tam Thập Tam ấy khắp nơi đều có lâu các bằng châu báu gỗ quý chiên đàn giăng màn lưới báu, treo nhiều chuỗi ngọc châu trải khắp hoa thơm. Có trăm ngàn Thiên nữ dầu say mê ái dục mà không hề tật đố, không ghen hờn không cãi không giành, thường hòa thuận nhau. Thiên nữ ấy diện mạo xinh đẹp như trăng tròn sáng, tràng hoa và châu báu nghiêm sức trên đầu trên thân, giọng nói thanh tịnh tiếng ca vi diệu qua lại không ngớt.

Lại nầy Đại Tiên! Hội đường của trời Tam Thập Tam ngay ngắn rộng rãi. Hiên đài rộng cao mát như bóng mây. Bốn phía hội đường còn có vườn đều rộng trăm do tuần, trong vườn nhiều hoa sen tươi màu hoàng kim, trong hoa vang ra tiếng ca vi diệu làm người nghe đều vui đẹp. Ngoài vườn có lùm rừng toàn những cây cõi trời như những cây câu ca na đà, những cây ba lợi dã đa, những cây câu tỳ đà la.

Nầy Đại Tiên! Hội đường thiện pháp ấy, tất cả những vật trang sức trân ngoạn đều là những khối hoàng kim bạch ngân, những khối ngọc lưu

ly, ngọc pha lê, ngọc xa cừ, ngọc mã não và ngọc xích chơn châu. Đền đài cũng là khối bảy thứ báu ấy. Kho tàng thì đầy những trân kỳ bửu vật.

Các cung điện đến số trăm ngàn. Vườn tược rừng cây trang sức châu báu liên tiếp xa gần.

Cõi ấy thường nghe sự an vui không hề có sầu khổ bịnh tật cũng không có họa hoạn.

Các Thiên Tử và Thiên nữ trời Tam Thập Tam vui chơi nơi các khu vườn rùng ấy xong thì họp nhau tại hội đường thiện pháp ấy để cùng hưởng vui sướng.

Lại nầy Đại Tiên! Trời Tam Thập Tam còn có cung điện riêng tên là Thiện Kiến. Hội đường Thiện Kiến nầy sáng như giữa ban ngày, sạch trong dường gương sáng, vòng quanh bốn phía nhà đều dùng dây châu báu giăng treo trang sức.

Trong hội trường nầy có một ngàn Thiên nữ, trên mão trang sức bằng những hoa thất bửu, chuỗi châu ngọc chiếu rực rỡ, the chỉ hoàng kim bao trùm.

Đền Thiện Kiến ấy có sáu vạn cột, trính kèo chói sáng lẫn nhau, trùng trùng điệp điệp những trân kỳ xen lẫn để trang sức. Sơn phết thì màu đỏ thắm, rải đất thì dùng nước chiên đàn nước

trầm hương cùng hương tô hiệp mùi thơm ngào ngạt.

Nơi ấy voi ngựa xe cộ qua lại tung bay bụi hoàng kim làm cho nơi nơi thành màu hoàng kim.

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn tay cầm chày kim cương, có trăm ngàn Thiên nữ theo hầu, đến vào đền báu ấy cùng thưởng ngoạn vui chơi.

Nầy Đại Tiên! Phải biết trong cõi trời Tam Thập Tam có Thiên Vương tên Nhơn Đà La, có sức dũng kiện địch nổi chín ngàn voi lớn. Thiên Vương ấy cánh tay thòng xuống đẹp như vòi voi trời, thân thể như vàng hoàng kim sạch bóng. Gân thịt kín đáo rắn dẻo, xương cốt và mạch máu không lộ bày, ngực tròn như ngực sư tử chúa, bụng chẳng vun cao, eo lưng bó nhỏ. Trên đầu trang sức với những châu báu ngọc quý xỏ bằng chỉ hoàng kim lòng thòng chiếu sáng. Y phục thì dài nhuyễn nhẹ, tiếng nói trong trẻo, từ lâu đã thông thuộc và soạn tác những sách luận, khi ăn thì thuần là món thiên cam lộ, khi đi thì ngồi voi y bạt la.

Nầy Đại Tiên! Sắc thân đẹp mạnh của Thiên Vương Nhơn Đà La ấy chẳng phải là xương thịt thường, mà thuần là hoa báu hợp thành, giọng

nói trong tốt, hơi người thoát ra mùi thơm kỳ lạ. Giả sử như voi say cuồng ngửi được hơi thơm nơi thân Thiên Vương ấy thoảng ra thì nó tự điều thiện. Thiên Vương ấy hình mạo đoan nghiêm như thân Phật, màu sắc cùng ánh sáng ấy có thể làm cho khối hoàng kim để gần phải mất cả màu sáng".

Quảng Bác nói: "Bạch đức Thế Tôn! Như Lai hôm nay khen ngợi Thiên Đế thật là hy hữu".

Đức Phật nói: "Nầy Đại Tiên! Thân của Thiên Đế ấy là thân vô thường, là thân hạ liệt nào đáng ngợi khen. Thân ấy như món kết bằng cỏ bở, như hoa nhờ kéo hớt, như hình tranh của họa sĩ, cũng như tượng gỗ của thợ điêu khắc, lại cũng như kết hoa làm tràng nào còn được lâu.

Nầy Đại Tiên! Đệ tử có thần thông của Phật như ông A Na Luật, chỉ cứ nơi thân do cha mẹ sanh ra, lấy sức mạnh nơi mỗi lóng đốt so với Thiên Đế còn hơn gấp bội phần".

Bấy giờ Tôn giả A Na Luật hiện đang ngồi trong pháp hội nghe lời đức Phật phán như vậy thì tự nghĩ rằng nay đức Thế Tôn có ý giác ngộ tôi. Nghĩ xong, Tôn giả liền nhập tam muội, thân Ngài chiếu sáng như hoàng kim cõi Trời, đội mão thù thắng ánh sáng châu ngọc rực rỡ, mặt Ngài nhuần bóng hơn thoa đề hồ, cặp mắt xanh

biếc như ngọc phệ lưu ly. Cánh tay trang sức với châu ma ni, châu mã não và châu nhựt quang. Ánh sáng và hơi thơm nơi thân Ngài chiếu lan khắp nơi.

Quảng Bác Tiên nhơn thấy thân tướng nầy lòng rất kinh ngạc liền đứng dậy chắp tay cung kính chiêm ngưỡng cho là ít có, to tiếng xướng lên rằng: "Lạ thay, lành thay! Tôi được thân người thiệt là chẳng uổng. Nay gặp đức Thế Tôn phát huy tụ hội xưa chưa từng thấy mà nay được nghe thấy".

Đức Phật phán hỏi: "Nầy Đại Tiên! Thân Thiên Đế ấy cùng thân của A Na Luật so sánh nhau hơn kém thế nào?".

Quảng Bác nói: "Bạch đức Thế Tôn! Đem so với thân Tôn giả A Na Luật đây thì thân Thiên Đế ấy không bằng một phần trăm cũng không bằng một phần ngàn".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Đại Tiên! Với thân thể nầy chẳng đủ cho là hy hữu. Vì người đã có phước đức thì tùy ý mình muốn đều được thành tựu thân thể theo sở nguyện cả".

Lúc bấy giờ chúng hội sanh lòng hy hữu vui mừng bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn ! Xin Phật vì chúng tôi mà lại giảng nói về cõi Trời".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Đại Tiên! Trời Tam Thập Tam ấy, Thiên Đế có bà phu nhơn tên là Xá Chi. Bà ấy ở vườn hoan hỷ có trăm ngàn Thiên nữ hầu hạ. Bà phu nhơn ấy dung nhan đẹp lạ như bông hoa nở, má như cánh sen hồng, mặt như màu hoàng kim. Bà ấy mặc y phục mịn nhuyễn tươi sáng, hoa báu vi diệu trời trang sức trên đầu, thòng những chuỗi châu báu những bội ngọc quý khi lúc lay động khua vang tiếng vi diệu. Trán bà ấy rộng bằng ngay thẳng rũ the lượt hoàng kim, cặp mắt dài nhọn như hoa sắp nở, thân hình bà ấy chẳng mập chẳng ốm chẳng cao chẳng thấp, thể chất thơm sạch không có dơ xấu. Thường có gió đưa hoa đẹp đến kết thành lọng che. Đối với Thiên Đế, bà ấy một lòng chơn thành vững chắc không hề hờn giận tranh cãi. Bà ấy cũng không có sự lo về thai nghén.

Đại Tiên nên biết bà phu nhơn Xá Chi ấy say mê ân ái nặng hơn các Thiên nử khác, bà ấy chí ý kiêu căng còn hơn núi Di Lâu, núi Mạn Đà rậm rạp khó ngước nhìn. Dầu vậy, mà bà phu nhơn ấy hay phát huy chủng tánh Phật.

Nầy Đại Tiên! Trời Tam Thập Tam không có những khổ nạn xen tạp, chỉ thuần vui sướng chơi đùa trong các cung điện vườn rừng.

Nầy Đại Tiên! Thọ mạng của trời Tam Thập Tam là một ngàn tuổi tính theo năm của trời ấy. Lúc người trời ấy sắp lâm chung có năm hiện tượng xấu.

Nơi ao hồ trong mát làm người tắm vui thích, gió nhẹ thổi các hoa đẹp thơm tươi sáng lung lay tỏa hương thơm, mà nay đối với vị trời ấy lúc sắp sửa tắm rửa liền biến thành mỡ nhớt. Vị trời ấy thấy vậy kinh sợ nhảy lên khỏi nước dơ chạy vào rừng, các Thiên nữ theo hầu thấy Thiên Tử ấy hoảng sợ như vậy cũng cùng nhau chạy đuổi theo. Vị trời ấy dừng ở dưới cội cây buồn rầu nghẹn ngào. Chúng Thiên nữ đồng tiếng nói sao Ngài lại vội rời bỏ chúng em mà đứng một mình ở đây?

Vị Thiên Tử ấy tiếng nói càng lúc càng thảm thiết bảo các Thiên nữ rằng: "Từ nào đến giờ chưa từng có chất nhờn dơ hiện ra trên thân ta. Vừa nói lời trên xong thì hai nách vị trời ấy bỗng nhiên chảy mồ hôi. Chúng Thiên nữ thấy hiện tượng xấu dơ ấy liền dang ra xa. Đây là tướng suy xấu thứ nhất.

Vị Thiên Tử nầy thấy chúng Thiên nữ lánh xa mình thì rầu rĩ buồn khổ trong lòng thêm nhiệt não. Tràng hoa trên đầu bỗng nhiên úa héo, y phục trời đang mặc cũng thình lình dơ bẩn,

không còn thích những trân ngoạn giường ghế báu quý trước. Các Thiên nữ thấy tướng xấu ấy biết là hiện tượng sắp chết vì gớm hơi hôi dơ, nên đều dang ra xa, chỉ có vói nhìn Thiên Tử ấy phát tiếng kêu khóc luyến tiếc nghẹn ngào than rằng: Thân trời mịn nhuyễn thơm lành trước kia cùng chúng tôi vui chơi yến ẩm dạo đi trong vườn rừng, cũng cùng chúng tôi tắm lội trong ao hồ mát trong, cũng cùng chúng tôi hội họp nơi nhà thiện pháp như nga vương, cũng cùng chúng tôi vui đùa trong vườn hoan hỷ như chim ca lăng, cùng chúng tôi dạo đi trên sông mạn đà như hương tượng, cùng chúng tôi ở vườn ba gia và vườn câu la như phong vương, cùng chúng tôi ở rừng tạp thọ như mão trời quý đẹp, nay sao lại hiện năm tướng suy sẽ rời bỏ chúng tôi mà đi. Đây là tướng suy xấu thứ hai hiện ra.

Bấy giờ vị Thiên Tử ấy nghe tiếng than khóc của chúng Thiên nữ nên càng thêm tức giận, lòng sanh sợ hãi, bèn bị bịnh nhiệt thiêu đốt cả thân mình khô héo, đôi mắt kinh hoàng như nhà đi buôn bị lạc mất đoàn buôn, như ghe thuyền hư bể giữa biển lớn, như người đánh mất châu như ý, như cội cây mục trên gành núi cao bị ngọn gió lớn thổi lay, như rồng con bị chim kim sí bắt ngậm nơi miệng. Vị Thiên Tử ấy kinh sợ hãi hoàng chắp tay nói với chúng Thiên nữ rằng:

Các nàng đến đây, xin được tay các nàng xoa bóp cho tôi được sống thêm chốc lát. Dầu nghe vị Thiên Tử ấy nói như vậy nhưng chúng Thiên nữ không ai dám đến gần vì gớm mùi hôi dơ, chỉ có đứng xa nhìn mà kêu khóc. Chúng Thiên nữ ấy đều cầm các thứ hoa vói ném mà nói rằng: Phước trời của Ngài đã hết Ngài mau sanh vào Diêm Phù Đề.

Nghe lời nói của chúng Thiên nữ, vị Thiên Tử ấy biết là họ đã xa bỏ mình nên phát thanh thán oán rằng: Lạ thay tại sao từ lâu trong lâu đài các thứ ngoạn cụ cùng vườn tược nầy, chúng Thiên nữ ấy cùng tôi sum họp hưởng lạc, mà nay họ lại đứng dang ra xa bảo vói với tôi là Ngài nên mau sanh vào Diêm Phù Đề.

Than nói lời trên rồi, nhìn lại cảnh tượng đang ở và các khu vườn trang nghiêm xinh đẹp mà mình đã từng dạo chơi hằng ngày, trong lòng luyến ái buồn thương, vị Thiên Tử ấy cất tiếng nói lớn rằng: Than ôi nào là hội đường thiện pháp, than ôi nào là vườn hoan hỷ, vườn tạp thọ, vườn hoàng viêm thạch, vườn ba lộ sa, vườn ba lê gia, vườn quang thắng, than ôi nào là sông mạn đà, ao thanh lương, than ôi nào là cung ngọc đền vàng lầu châu các báu, nay tôi đều không còn thọ hưởng được, từ đây phải đọa lạc.

Than nói chưa xong, lại thấy chúng Thiên nữ kinh hoàng đi qua đi lại, tay thì lau nước mắt sụt sùi than thở lộ vẻ lo sợ, bèn than rằng: Than ôi nào người thân nào người yêu, tại sao họ thấy tôi sắp chết mà họ không chuyện trò với tôi, tôi đang sắp sửa vĩnh biệt mà họ không chịu tiếp cận tôi để giã biệt, tôi cùng chúng nó sẽ không còn thấy lại nhau. Nay tôi phước trời đã hết nên tự thấy chỗ ở nầy tối om trống vắng. Than ôi nhạc trời có lẽ không hòa tấu chăng, tại sao tôi không còn nghe. Trong cõi Trời nầy sự vui sướng cao độ nhứt, tất cả hàng Thiên Tử cùng chúng Càn Thát Bà chư Thần phục vụ tôi, cùng thần tướng sắc đẹp mạnh mẽ cầm chày kim cương, thần tướng ngàn mắt, than ôi nay tôi không còn được thấy được hưởng. Than ôi cho các thứ hoa trời, nào là hoa ba lợi gia, hoa câu tỳ la ở trên đầu tôi sao nó lại héo úa.

Chúng Thiên Tử, Thiên nữ thấy vị Thiên Tử ấy buồn rầu như vậy thảy đều lo sầu.

Bấy giờ, Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn và Xá Chi phu nhơn cùng trăm ngàn chúng Thiên Tử, Thiên nữ, Thần Càn Thát Bà tấu âm nhạc trời vầy đoàn du hành, thấy vị Thiên Tử ấy hiện năm tướng suy xấu sắp chết đều sanh lòng thương xót mà đồng than rằng: Than ôi! Lạ thay

cho vô thường kia không chút tình thương rất hung bạo độc hại.

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn dùng phạm âm thanh bảo vị Thiên Tử ấy rằng: Thôi đi Thiên Tử, người chớ quá sầu não, chúng ta rồi đây cũng sẽ như thế nầy thôi. Ngươi chớ sanh lòng luyến ái mà phải đọa vào ác thú.

Chúng Thiên Tử cũng đồng bảo rằng: Ngài nên siêng năng làm đủ các điều thiện sanh vào nhơn gian, nơi mà tất cả chúng sanh tu tạo nghiệp phước đức.

Vị Thiên Tử ấy nghe lời khuyên bảo của Thiên Đế và chúng Thiên Tử bèn tự nghĩ rằng nay tôi quyết chắc sẽ đọa lạc. Nghĩ rồi chắp tay hướng về chúng Thiên Tử mà nói rằng: Các Ngài an ủi tôi cho tôi vui mừng, nhưng thời gian tôi đọa lạc đã đến.

Nói xong, vị Thiên Tử ấy than thở ngắm nhìn, bấy giờ lại hiện ra thêm hai hiện tượng suy xấu: Một là đôi mắt ngầu đỏ như xích liên hoa, hai là các món trang sức trên thân bỗng ẩn mất.

Chúng Thiên Tử, Thiên nữ thấy hiện tượng nầy đồng đem hoa trời rải lên mình vị Thiên Tử ấy và cũng tấu thiên nhạc lên.

Vị Thiên Tử ấy thấy chúng Thiên Tử, Thiên nữ rải hoa tấu nhạc để tiển đưa mình liền sanh lòng thích muốn sanh vào Diêm Phù Đề, tự buồn than rơi lệ từ giã cõi trời Tam Thập Tam sanh vào Diêm Phù Đề, khi đã nhập thai làm cho mẹ phát hiện các tướng tốt, thường ca múa cười vui, thích dục lạc, luôn vui vẻ, ưa những nơi vườn rừng cây hoa quả, ưa mặc các thứ y phục nhiều màu tươi đẹp, thích thường ăn uống, dầu mang thai mà mẹ vẫn không hề cảm thấy khó chịu, chẳng ưa tà dục, thích tràng hoa đẹp xinh và các thứ hương thơm lành, lúc ngủ thì chiêm bao thấy cảnh tốt điều lành không bao giờ thấy sự điên đảo.

Nầy Đại Tiên! Thiên Tử trời Tam Thập Tam sanh xuống Diêm Phù Đề, lúc còn ở thai tạng có thể làm cho mẹ phát sanh những hiện tượng như vậy.

Đại Tiên nên biết trong thời gian mang thai ấy, mẹ được khỏi tất cả bịnh hoạn về nội tạng, sau khi sanh luôn khỏe mạnh.

Khi đã sanh ra, trẻ đồng tử ấy thân thể ngay ngắn, chỉ tay đậm rõ những nét tốt đáng mừng, tay chân nhu nhuyến, răng đều kín, eo lưng đẹp, toàn thân dịu dàng, lòng ưa những sự công đức lành thù thắng, tánh thích dục lạc tốt, y phục thì

thích món nhẹ sạch, thích dạo chơi trong vườn rừng. Thân thể thoát ra hơi thơm dịu, dòng họ sang quý giàu có lớn đầy đủ vàng ngọc châu báu, thường làm những việc giữ giới hạnh và bố thí cúng dường.

Đại Tiên nên biết nếu vị Thiên Tử ấy mà lòng dục quá nặng nhiều thì sẽ sanh vào nhà nghèo, nhưng thân hình vẫn là đoan chánh đầy đủ các căn, không lùn không cao, không đen không quá trắng, tay chân đều ngay ngắn, ai thấy cũng sanh lòng yêu kính. Tánh người nầy thích luận nghị, tâm luôn hòa dịu ít giận hờn, ưa gần vợ người, đối với vợ nhà chẳng có lòng yêu thích, với bạn bè anh chị em cùng quyến thuộc cũng chẳng thương luyến.

Đại Tiên nên biết, các vị Thiên Tử trời Tam Thập Tam sanh xuống nhơn gian, có những sự tướng như vậy".

Nghe đức Phật phán dạy xong, Quảng Bác tiên nhơn cùng tất cả chúng tiên đều vui mừng đồng tiếng khen rằng lành thay.

PHÁP HỘI QUẢNG BÁC TIÊN NHƠN
THỨ BỐN MƯƠI CHÍN - HẾT

L

PHÁP HỘI

NHẬP PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM

THỨ NĂM MƯƠI

(Hán bộ từ quyển 121 đến quyển 125)

Hán dịch: Tây Tấn Lưu Tống Sa Môn Pháp Hộ và Duy Tịnh.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Tôi nghe như vầy: Một lúc nọ đức Thế Tôn ở núi Linh Thứu thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đề, cùng câu hội với hai vạn năm ngàn đại Tỳ Kheo. Chúng đại Tỳ Kheo nầy đều là bực A La Hán đã hết tất cả lậu lìa hẳn tất cả phiền não, tâm và huệ đều giải thoát tốt, tất cả việc phải tu phải làm đều đã làm xong như đại long vương, đã vứt bỏ gánh nặng phần đoạn sanh tử, phần lợi ích riêng mình đã được, đã hết kiết phược trong tam giới, tâm trí giải thoát, tâm được tự tại đã đến bờ kia. Mười tám vị đại A La Hán như A Nhã Kiều Trần Như v.v... làm thượng thủ.

Còn có bảy trăm hai mươi vạn câu chi na do tha chúng đại Bồ Tát, danh hiệu các Ngài là Diệu Cát Tường đại Bồ Tát, Tài Cát Tường đại Bồ Tát, Giác Cát Tường đại Bồ Tát, Dược Vương đại Bồ Tát, Dược Thượng đại Bồ Tát v.v...

Chư Bồ Tát nầy đều có thể chuyển pháp luân bất thối chuyển, giỏi thỉnh hỏi nơi các chánh pháp Bảo Tích Đại thừa phương đẳng. Các Ngài ở bực Pháp Vân địa, trí huệ cao rộng như núi Tu Di, hay giỏi quan sát các pháp: Không, vô tướng, vô nguyện, vô sanh, vô khởi, vô tánh, soi sáng rộng lớn pháp lý thậm thâm, khéo hiện oai nghi tốt. Chư Bồ Tát nầy đều riêng do chư Phật Như Lai ở trăm ngàn câu chi na do tha thế giới sai đến pháp hội Thích Ca Mâu Ni Phật nầy. Các Ngài giỏi hay xuất sanh những sự thần thông và khéo an trụ tự tánh thanh tịnh của các pháp.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nghĩ rằng: Chúng đại Bồ Tát nầy đã đủ oai đức lớn vì cầu pháp nên từ hằng hà sa số thế giới đại oai đức mau chóng đến dự pháp hội. Nay ta nên vì họ mà mở sáng tuyên nói chánh pháp rộng lớn, hoặc hiện tướng sáng chiếu suốt rộng lớn, làm cho chư Bồ Tát ấy nghe ta thuyết pháp rồi thỉnh hỏi ý nghĩa.

Liền đó đức Thế Tôn phóng quang minh chiếu khắp mười phương bất khả tư nghị vi trần số tam thiên Đại Thiên thế giới.

Liền đó mỗi phương trong mười phương có mười Phật sát vi trần số bất khả tư nghị trăm ngàn câu chi na do tha đại Bồ Tát đến dự pháp hội. Mỗi Bồ Tát đều riêng hiện bất tư nghị thần thông mà Bồ Tát đã có. Đến pháp hội xong, các Ngài đều riêng mang bất tư nghị món cúng dường màu sắc vi diệu để dâng cúng đức Phật. Mỗi đại Bồ Tát ấy đều riêng ngồi tòa liên hoa do sức tự nguyện xuất sanh, nhứt tâm chiêm ngưỡng đức Thế Tôn.

Bấy giờ trong điện pháp giới tự nhiên xuất hiện tòa sư tử đại bửu liên hoa tạng, tòa sư tử đại liên hoa ấy ngang rộng thứ đệ cao hiển đều a tăng kỳ câu chi do tuần, do các ma ni bửu chói sáng làm thành, dùng ma ni bửu điện quang minh làm đường ranh giới. Cọng hoa bằng ma ni bửu bất tư nghị quang minh, xen lẫn với tỷ dụ ma ni bửu, tràng hoa vi diệu thù thắng bằng siêu việt thí dụ ma ni bửu. Tự tại vương ma ni bửu làm lưới trùm che phía trên. Dựng chắc những lọng báu ma ni bửu quang minh và tràng báu phan báu. Trên tòa sư tử đại liên hoa tạng ma ni bửu ấy, phổ biến xuất hiện mười a tăng kỳ trăm

ngàn câu chi na do tha quang minh chiếu khắp mười phương thế giới.

Bấy giờ trong mười phương, mỗi mỗi phương có số mười Phật sát bất khả thuyết vi trần số trăm ngàn câu chi na do tha chúng chư Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế chư Thiên v.v... đều đến tập hội.

Trong số đó hoặc có chúng ở lâu các báu cùng bất tư nghị trăm ngàn câu chi na do tha Thiên nữ hòa tấu âm nhạc vi diệu. Hoặc có chúng ở lâu các làm thành bằng hoa vi diệu, hoặc ở lâu các bằng long kiên chiên đàn hương, hoặc ở lâu các bằng chơn châu, hoặc ở lâu các bằng kim cương bửu, hoặc ở lâu các bằng kim cương quang minh ma ni bửu, hoặc ở lâu các bằng thuần hoàng kim, hoặc ở lâu các bằng nhứt thiết quang minh tích tập đại ma ni bửu, hoặc ở lâu các bằng tự tại vương ma ni bửu, hoặc ở lâu các bằng như ý bửu châu, hoặc ở lâu các bằng đế thanh ma ni bửu, hoặc ở lâu các bằng thanh tịnh trang nghiêm phổ biến quang minh đại ma ni bửu xuất sanh trong đại hải.

Trong những lâu các đó đều có vô số bất tư nghị trăm ngàn câu chi na do tha chúng Thiên

nữ hòa tấu âm nhạc vi diệu bay trên hư không mà đến.

Đã đến pháp hội rồi, đều riêng mang bất tư nghị vô đẳng tỉ các món cúng dường vi diệu siêu việt phần lượng dâng lên cúng dường đức Phật. Cúng dường xong mọi người đều về tòa ngồi do tự nguyện xuất sanh, nhứt tâm chiêm ngưỡng đức Phật.

Bấy giờ cõi tam thiên Đại Thiên thế giới nầy đều thành sắc tướng đẹp lạ màu Diêm Phù Đàn Kim, tự nhiên xuất hiện các loại cây ma ni bửu trang nghiêm, các loại cây diệu y phục, loại cây long kiên chiên đàn hương, lưới ma ni bửu điện quang minh do bửu châu vi diệu kết thành giăng che phía trên, dựng chắc những lọng báu và tràng báu, phan báu. Trong giữa rặng cây đều có vô số trăm ngàn câu chi na do tha Thiên nữ. Các Thiên nữ ấy mang nửa thân mình toàn chuỗi ngọc chơn châu, có vị cầm tràng hoa ma ni bửu.

Lúc bấy giờ trong tòa sư tử đại ma ni bửu liên hoa tạng ấy tự nhiên có tiếng nói kệ rằng:

Thỉnh đấng vua Trời Người lên ngồi
Tòa báu nầy do phước lực sanh
Khiến khắp chúng nguyện đều viên thành
Đấng Lưỡng Túc Tôn xin nhiếp thọ

Do tướng báu thân ta làm thành
Một báu tên là Liên Hoa Tòa
Đức Phật Thế Tôn tùy ý thích
Đấng cứu đời hay tròn sở nguyện
Nay tòa liên hoa bằng châu báu
Là rất tốt lạ trong thế gian
Vì câu chi chúng nói pháp môn
Khiến người nghe pháp được tòa nầy
Thân Phật xuất hiện ngàn tia sáng
Chói soi cùng khắp các thế gian
Tôi thấy sáng nầy lòng hoan hỷ
Xin Phật nay đến ngồi tòa tôi
Mau lên tòa ngồi nhiếp thọ tôi
Tòa nầy số nhiều tám câu chi
Nay đấng Mâu Ni trí tự nhiên
Đăng tòa nhiếp hết hàng phàm thánh.

Bấy giờ đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn từ bổn tòa đứng dậy, liền lên ngồi kiết già trên tòa sư tử bửu liên hoa tạng. Ngồi xong, đức Phật quan sát khắp tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Nhơn Thiên đại chúng, sẽ vì chư Bồ Tát mà tuyên thuyết diệu pháp tối thượng.

Tất cả chúng đại Bồ Tát đều tự nghĩ rằng nay nếu chúng ta được nghe Ngài Diệu Cát Tường Đồng Chơn Bồ Tát thỉnh hỏi đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác về

chánh pháp thậm thâm bất sanh bất diệt thì thật là hân hạnh lắm.

Ngài Diệu Cát Tường Đồng Chơn Bồ Tát ở trước tại pháp hội biết chỗ mong muốn của chúng đại Bồ Tát, liền rời chỗ ngồi đủ oai nghi bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Như lời đức Phật dạy về nghĩa bất sanh bất diệt. Bạch đức Thế Tôn! Y cứ nơi pháp nào mà đức Phật nói nghĩa thậm thâm ấy?".

Ngài Diệu Cát Tường Bồ Tát muốn tuyên lại nghĩa nầy mà nói kệ rằng:

Bất sanh và bất diệt
Là lời của Phật nói
Ý nghĩa ấy thế nào
Mà Phật dạy như vậy
Nếu pháp chẳng sanh diệt
Thì không thấy không nhơn
Đấng Mâu Ni Thế Tôn
Lại tuyên dạy thế nào
Bồ Tát ở mười phương
Do chư Phật sai đến
Cầu đại trí pháp môn
Xin Phật nói chánh pháp.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn khen Bồ Tát Diệu Cát Tường rằng: "Lành thay lành thay nầy Diệu Cát Tường! Nay ông có thể khéo hỏi đức Như

Lai nghĩa lý như vậy làm lợi ích lớn cho rất nhiều người, ông thương xót thế gian khiến họ tu hành đều được an lạc, lại có thể làm lợi lạc cho chúng Trời Người. Nay đây, chư Bồ Tát từ phương khác đến vì muốn được Phật địa chẳng còn e sợ, làm Phật sự tại đây cũng không kinh khiếp, chư Bồ Tát ấy đều được nhiếp vào thiệt trí. Đức Như Lai nay nói về pháp bất sanh bất diệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Bất sanh bất diệt ấy là lời chơn thật của đức Như Lai.

Nầy Diệu Cát Tường! Ví như báu phệ lưu ly hiện thành tướng cõi trời Đao Lợi, trong cõi ấy có cung điện Thắng Diệu Trang Nghiêm rộng lớn là chỗ ở của Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn. Thiên Đế Thích ở trong cung điện ấy hưởng thọ ngũ dục an lạc thắng diệu tự tại. Chư Thiên Đao Lợi tuyên bảo các nam tử nữ nhơn ở Diêm Phù Đề rằng: Mau đến đây nhìn xem cung điện vi diệu thù thắng lớn rộng của Thiên Đế ở, Thiên Đế hưởng thọ khoái lạc thù thắng ở trong đó. Mọi người nên rộng làm việc bố thí, nghiêm giữ giới hạnh, tu tạo sự phước đức, cầu mong được quả báo thù thắng vi diệu an vui tự tại thần thông quảng đại, được ở cung điện nguy nga xinh đẹp trang nghiêm như Thiên Đế.

Bấy giờ người Diêm Phù Đề nghe thấy sự việc như trên liền mang hương hoa vói cúng dường và phát nguyện, mong cầu cho mình sẽ được quả báo thắng diệu ở Trời Đao Lợi như Thiên Đế Thích.

Nầy Diệu Cát Tường! Nhưng người Diêm Phù Đề chẳng biết cõi Trời Đao Lợi ấy là ảnh tượng của báu phệ lưu ly, cung điện lớn rộng vi diệu thù thắng an lạc tự tại thanh tịnh trang nghiêm cũng là ảnh tượng do báu phệ lưu ly hiện thành.

Nầy Diệu Cát Tường! Do rộng làm bố thí nghiêm gìn giới hạnh tu tạo nhiều phước đức mà Thiên Đế Thích cảm được cung điện vi diệu trang nghiêm ấy.

Nầy Diệu Cát Tường! Mà cõi trời báu phệ lưu ly ấy vốn không sở hữu, cung điện trang nghiêm vi diệu của Thiên Đế Thích cùng chư Thiên đang ở hưởng vui tự tại thù thắng ấy cũng vốn không sở hữu, đều là ảnh tượng thanh tịnh hiện thành, nhưng nó cũng vẫn là thường tồn tại, thật ra là bất sanh cũng là bất diệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Tất cả các pháp, tất cả chúng sanh cũng như vậy. Người dùng lòng thanh tịnh quán tưởng đúng thật thì đức Như Lai liền vì người đó mà đối hiện thân tướng.

Cũng có thể là do oai thần của đức Như Lai làm cho các chúng sanh thấy thân Phật, dầu vậy mà vốn không sở hữu vẫn là bất sanh cũng là bất diệt, là không có tánh cũng là chẳng phải không có tánh, không có được thấy cũng là chẳng phải không có được thấy, chẳng phải thế gian cũng chẳng phải phi thế gian, không có tướng mạo cũng chẳng phải không có tướng mạo.

Nầy Diệu Cát Tường! Tất cả chúng sanh chỉ do đức Như Lai đối hiện ảnh tượng mà làm cảnh sở duyên, họ đem hương thơm hoa đẹp rải rắc để cúng dường mà nói rằng: Nguyện cho chúng tôi sau nầy được quả báo thù thắng vi diệu đồng như đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác. Vì cầu được Phật trí mà các chúng sanh ấy làm nhiều sự bố thí, trì giới, tạo các việc phước đức hồi hướng nguyện sẽ được trí huệ Như Lai.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Như báu phệ lưu ly làm thành cõi Trời Đao Lợi, Thiên Đế Thích đối hiện ảnh tượng ấy, không có động chuyển, không có lãnh thọ, cũng không có hý luận, không có phân biệt cũng chẳng rời lìa phân biệt, không có kế đạt cũng chẳng rời lìa kế đạt, chẳng phải tư duy tác ý tịch tĩnh thanh tịnh vô sanh vô diệt, không có thấy, không có nghe, không có ngửi, không có nếm, không có chạm xúc, không

có suy tưởng, không có thi thiết cũng không có tiêu biểu.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, không có động chuyển nhẫn đến cũng không có thi thiết không có tiêu biểu. Đức Như Lai không có sanh có đến, bao nhiêu sự đối hiện đều giống như ảnh tượng, tùy theo chỗ tín giải sai biệt của các chúng sanh mà hiện ra những sắc tướng cùng các tuổi thọ, chỉ do sức tín giải thành thục thành căn khí Bồ đề mà các chúng sanh ấy được đức Như Lai đối hiện, tùy theo sở nguyện tùy theo trình độ tín giải của họ làm cho họ được nghe chánh pháp, như sở nguyện mà họ được biết tướng ba thừa, như sở nguyện mà họ đều được giải thoát.

Nầy Diệu Cát Tường! Như nơi cung điện vi diệu thù thắng do sức phước đức của Thiên Đế Thích có trống pháp lớn phát ra pháp âm vi diệu, trong hư không khắp mọi nơi Trời Đao Lợi đều được nghe. Chư Thiên Tử nghe tiếng trống vang ra phát âm vi diệu, nhưng suốt tột nhãn lực cũng không thấy được trống pháp ấy.

Nầy Diệu Cát Tường! Trống pháp ở Trời Đao Lợi có thần lực khó nghĩ bàn. Nếu cõi trời ấy có các vị Thiên Tử say đắm ngũ dục không

chịu vào trong nhà thiện pháp để ca vịnh pháp âm, hoặc có lúc Thiên Đế Thích vui mê dục lạc không lên pháp tòa để thuyết pháp cho chúng Thiên Tử, thì trống pháp ở hư không tột nhãn lực của chư Thiên không thấy được ấy liền tự nhiên phát ra âm thanh cảnh giác rằng: Nầy các Ngài, những sắc thanh hương vị xúc là những thứ vô thường, nay các Ngài chớ sanh lòng buông lung, chớ để mau chóng mất phước Trời mà phải rời mất cung điện vi diệu thù thắng, bao nhiêu sự lãnh thọ đều là khổ, tất cả các hành đều vô thường còn đó mất đó, các pháp đều không có ngã không có chủ tể chớ có duyên lấy. Thân trời ngũ uẩn nầy không bền lâu, nó sẽ diệt mất và thân loài khác lại sanh.

Các Ngài nên mau siêng năng ca tụng chánh pháp, du hý nơi vườn chánh pháp, thích ưa chánh pháp, cầu lấy pháp chơn thiệt. Các Ngài ở trong chánh pháp tùy chỗ ghi nhớ mà suy tư thì được chẳng rời lìa những phước lạc cõi Trời.

Nầy Diệu Cát Tường! Trống pháp ở Trời Đao Lợi ấy không có phân biệt cũng không có rời lìa phân biệt, vượt khỏi cảnh giới của nhãn mục, bất sanh cũng bất diệt, ra ngoài phạm vi ngữ ngôn, lìa ngoài phạm vi tâm ý thức, là chẳng thể nghĩ bàn. Trống ấy tự nhiên phát ra pháp

âm làm cho chư Thiên được tỉnh ngộ biết lo sợ vô thường mê loạn mà cùng nhau vào nhà thiện pháp để ca tụng chánh pháp du hý vườn chánh pháp ưa thích chánh pháp cầu pháp chơn thiệt, ở trong chánh pháp tùy ý nhớ biết mà suy tư, sau khi mãn báo trời, rời cõi trời sanh vào nơi thù thắng vi diệu khác.

Còn Thiên Đế Thích nghe tiếng cảnh giác của trống pháp liền vào nhà thiện pháp lên ngồi pháp tòa vì chư Thiên mà diễn nói chánh pháp vi diệu.

Nầy Diệu Cát Tường! Có lúc phải chiến đấu với A Tu La, hoặc chư Thiên đánh thua, trống pháp ấy ở hư không tự nhiên phát ra âm thanh hùng mạnh làm cho hàng A Tu La kinh sợ mê loạn cùng nhau bỏ chạy.

Nầy Diệu Cát Tường! Dầu có oai lực như vậy, mà trống pháp lớn ấy không có tướng ngã, cũng không có ngôn thuyết, phát âm thanh xong thì nó tự nhiên ẩn mất, trống pháp ấy không có nhìn thấy, nó an trụ nơi chơn thiệt vô tâm vô tư, không có tướng, không có sắc, không có âm thanh, không có tánh chất, siêu quá cảnh giới nhãn mục cũng không có đối tượng.

Nầy Diệu Cát Tường! Do vì sức phước nghiệp lành trước của chúng Trời Đao Lợi mà

có trống pháp lớn phát ra tiếng vang vi diệu làm cho những phiền não mê loạn trong lòng chư Thiên tự nhiên mất lặng.

Trống pháp ấy luôn tồn tại ở Trời Đao Lợi mà không có tâm cũng không có tư, không sắc, không tướng, không thanh, không tánh cũng không có đối đãi.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, không có kiến văn không có giác quán nhưng vẫn tồn tại. Thường tồn tại, mà Như Lai không có tướng ngã, không có tâm ý, không có suy tư, không tướng, không sắc, không thanh, không tánh siêu quá cảnh giới của nhãn mục, chỉ tùy theo báo lành nghiệp thiện đã có của chúng sanh rồi theo trình độ tin hiểu của họ mà vì họ giảng dạy pháp yếu làm cho họ thông đạt. Nhờ nghe pháp âm của đức Như Lai mà nội tâm phiền não mê loạn của các chúng sanh ấy đều lặng mất. Phải biết pháp âm vi diệu ấy là âm thanh của đức Như Lai.

Nầy Diệu Cát Tường! Pháp âm vi diệu ấy vẫn không phải thiệt có, chỉ vì tất cả chúng sanh có thiện duyên mà đức Như Lai phương tiện quyền tạm hiển hiện ra thôi. Tùy theo nghiệp báo lành đã có trước của các chúng sanh mà đức Như Lai vì họ phát ra pháp âm, các chúng sanh

ấy được nghe pháp âm của đức Phật rồi tùy theo sở nguyện của họ mà được hiểu được rõ, cũng làm cho họ được an lạc, những kẻ giải đãi thì làm cho họ tỉnh ngộ mà siêng tu.

Nầy Diệu Cát Tường! Tất cả chúng sanh được nghe pháp âm của Phật rồi đều phát nguyện sẽ được thân tướng trang nghiêm như Đức Như Lai.

Nầy Diệu Cát Tường! Hàng Bồ Tát sơ phát tâm cùng hàng ngu phu với hàng dị sanh kia thì chỉ lấy pháp lành của Như Lai tuyên dạy mà làm cảnh sở duyên khiến họ được nghe pháp âm của Như Lai.

Nầy Diệu Cát Tường! Lời tuyên dạy của đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phải biết là pháp lý thậm thâm bất sanh bất diệt vậy.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Như vào mùa viêm hạ, do sức nghiệp báo trước của các chúng sanh ở một địa phương nào đó mà có mưa ướt đất, tất cả giống ngũ cốc rau cỏ hoa trái vườn tược lùm rừng đều được nẩy nở tăng trưởng.

Lúc bấy giờ trong hư không có gió thổi mây nhóm mưa tuôn nhuần thấm cả mặt đất.

Bấy giờ, mọi người ở địa phương ấy đồng nghĩ rằng mây lớn phủ giăng mưa lớn ào xuống đáng mừng đáng vui.

Nầy Diệu Cát Tường! Mưa nhuần lợi ích ấy chẳng phải do riêng mây lớn làm ra cũng là do phần sức của gió lớn, gió đùa mây họp, gió cũng thổi tan mây. Điểm chánh là do nghiệp báo trước của mọi người ở địa phương ấy mà có mưa tốt hay xấu, cũng do nghiệp báo mà có tạnh tốt xấu cùng nắng tốt xấu.

Nầy Diệu Cát Tường! Mưa nhuần xấu tốt chẳng phải riêng mây có cũng chẳng riêng làm ra. Mây ấy vốn không có chỗ sanh chẳng phải theo tâm mà mất, rời lìa sự đến đi.

Các chúng đại Bồ Tát, chúng Duyên Giác, chúng Thanh Văn và hàng dị sanh căn lành thành thục cũng như vậy. Nghĩa là do các đại chúng ấy, tùy theo căn trí của họ ưa thích rồi họ chứa họp công hạnh thù thắng vun trồng các căn lành, đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác xuất hiện thế gian vì các loài chúng sanh mà chỉ bày đạo Niết Bàn đối hiện vô ngại. Đức Như Lai ở giữa hàng đại chúng Trời Người có những lời tuyên nói danh tự được kiến lập ra đều không hề dị biệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Ông phải biết rằng ở giữa đại chúng Thiên Nhơn Hiền Thánh phàm ngu đức Như Lai phát ra âm thanh vi diệu thù thắng ấy, nó không có chơn thiệt tất cả đều là không có sở hữu.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai không có tướng vì rời lìa tất cả tướng dạng vậy, đức Như Lai không có phương xứ mà chẳng lìa ngoài phương xứ, Như Lai không có thật hiện thành không sanh cũng không diệt.

Đức Như Lai xuất hiện thế gian vì hàng Thiên Nhơn, tùy nghi đối hiện rộng tuyên dạy chánh pháp đều đã hoàn thành, đầy đủ rồi, mà hàng tân phát ý Bồ Tát cùng chúng ngu phu dị sanh, những kẻ do nghiệp báo lành trước nên ưa thích pháp Niết Bàn mà hóa độ ấy, họ chẳng thấy đức Như Lai có chỗ đối hiện, họ đều cho rằng đức Như Lai đã nhập đại Niết Bàn.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai hoặc sanh hoặc diệt đều là không có sở hữu, vì Như Lai là bất sanh bất diệt vậy.

Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác bổn lai tịch tĩnh. Như Lai không thiệt có như Đại thủy kia, sở duyên không có thiệt mà mây mù cũng không có thiệt, là vô sanh vô diệt vì mây

không có thiệt vậy chỉ là giả thi thiết có ở thế gian thôi.

Bao nhiêu sở duyên thuyết pháp của Như Lai cũng như vậy, đều là giả thi thiết mà không có thiệt, bổn lai là bất sanh bất diệt như vậy.

Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác ở trong pháp vô sanh như vậy vì hàng chúng sanh mà giả danh an lập thi thiết.

Nầy Diệu Cát Tường! Như Đại Phạm Thiên Vương là bực tối thắng trong hàng tối thắng, người được tự tại trong mười Đại Thiên trăm Đại Thiên, mỗi ngày người quan sát tất cả Thiên chúng dưới đến Trời Tứ Thiên Vương là ranh chót, do vì Đại Phạm Thiên Vương thường quan sát khắp chư Thiên vậy.

Các hàng đại chúng chư Thiên trong phạm vi mười Đại Thiên hoặc trăm Đại Thiên đều riêng hưởng lạc thú trong Thiên cung của mình hoặc tấu nhạc hoặc ca múa, xong rồi chấm dứt các sự vui chơi, tất cả cung kính chắp tay tôn trọng chiêm ngưỡng Phạm Vương mắt không tạm rời. Hàng Thiên Tử đều nguyện cầu Đại Phạm Thiên Vương xuất hiện thế gian thành thục thiện căn. Lúc ấy Đại Phạm Thiên Vương trong thời gian khoảnh khắc liền vì chúng Thiên Tử mà xuất hiện. Nếu vị Đại Phạm Thiên Vương

nầy lúc báo trời đã hết thì có Đại Phạm Thiên Vương khác an lập cung điện trong mười Đại Thiên thế giới hoặc trong trăm Đại Thiên thế giới, do thiện căn túc nguyện mà được tự tại. Chúng Thiên Tử cũng do thiện căn túc nguyện thành thục mà cảm vời sự ấy, mỗi ngày được vị Đại Phạm Thiên Vương quan sát đến và trong khoảnh khắc vì họ mà xuất hiện.

Nầy Diệu Cát Tường! Vị Đại Phạm Thiên Vương ấy hoàn toàn là vô sở hữu, là không có xứ sở, là không có động chuyển, là rỗng không, là không có thiệt, không có văn tự, không có âm thanh, không có ngôn thuyết, không có thể tánh, không có suy tư, không có tướng dạng rời lìa tâm ý thức vô sanh vô diệt, mà vì chúng Thiên Tử tùy nghi đối hiện, đó là do thiện căn nguyện lực đời trước mà kiến lập như vậy, và cũng do thiện căn đời trước của chúng Thiên Tử đã thành thục. Chư Thiên Tử nầy cũng không có ý nghĩ các sự hóa hiện tự tại của Đại Phạm Thiên Vương là không có thiệt, là không có văn tự ngôn thuyết âm thanh, cũng không có ý nghĩa, là không có thể tánh không có tướng dạng, là chẳng phải tư duy là rời lìa tâm ý thức vô sanh vô diệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, rỗng không tự tại, không có thiệt không có văn tự âm thanh ngôn thuyết không có tánh thể tướng dạng chẳng phải tư duy rời lìa tâm ý thức vô sanh vô diệt, chỉ do vì đời trước hành Bồ Tát hạnh thành tựu thiện căn nguyện lực, đồng thời cũng do nơi thiện căn thành thục đời trước của chúng tân phát ý Bồ Tát, của chúng Duyên Giác, chúng Thanh Văn cùng tất cả hàng dị sanh, mà đức Như Lai có trăm ngàn tướng dạng thanh tịnh trang nghiêm xuất hiện thế gian. Tất cả đều như tượng trong gương bóng theo hình, không có động chuyển không có xứ sở, cũng không có chúng tân phát ý Bồ Tát, chúng Duyên Giác, chúng Thanh Văn cùng hàng dị sanh, cũng không có đức Như Lai, rỗng không tự tại không có thiệt không có văn tự không có âm thanh ngôn thuyết không có tánh thể tướng dạng chẳng phải tư duy lìa tâm ý thức vô sanh vô diệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Vì tất cả pháp rỗng không nên thân tướng của Như Lai có trăm ngàn vẻ đẹp trang nghiêm thanh tịnh, hiện khởi ra bao nhiêu là oai đức tác dụng đúng pháp tắc, theo bao nhiêu trình độ tín giải mà rộng bày pháp yếu sâu xa vi diệu. Pháp yếu được đức Như

Lai tuyên dạy đều có thể làm lắng dứt tất cả phiền não tội chướng của tất cả chúng sanh.

Đức Như Lai bình đẳng nơi tất cả chỗ luôn vô trụ vô trước không có nghi hoặc cũng không có sai biệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Vì cớ ấy nên biết bất sanh bất diệt là lời liễu nghĩa của Như Lai".

Đức Như Lai nói kệ rằng:

Như Lai vô sanh pháp thường trụ
Tất cả pháp với Phật bình đẳng
Còn có thấy tướng là ngu si
Không có pháp thiệt hiện thế gian
Thân tướng Như Lai đồng ảnh tượng
Tất cả Phật pháp đều vô lậu
Tất cả đều tánh chơn như Phật
Ba thân Như Lai hiện thế gian.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Như mặt trời mọc ra từ phương Đông, trước chiếu núi Tu Di, kế chiếu các núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, các núi lớn rồi chiếu đến núi Hắc Sơn, các cao nguyên sau cùng chiếu sáng khắp bình nguyên mọi nơi trong Diêm Phù Đề, dẫu soi sáng khắp chỗ nhưng mặt trời không có phân biệt cũng không rời phân biệt, chẳng phải tư duy chẳng phải chẳng tư duy, rời lìa tâm ý thức là vô sanh vô

diệt không có tướng dạng vì là rời lìa tướng dạng vậy, cũng không có tác ý vì là rời lìa tác ý vậy, cũng không có hý luận vì là rời lìa hý luận vậy, cũng không tổn não vì là rời lìa tổn não vậy, chẳng phải đây kia, chẳng phải cao hạ, chẳng phải phược giải, chẳng phải có trí không trí, chẳng phải phiền não chẳng rời phiền não, chẳng phải chơn thiệt chẳng rời chơn thiệt, chẳng phải bờ nầy chẳng phải bờ kia, chẳng phải bằng thẳng chẳng phải chẳng bằng thẳng, chẳng phải sông biển chẳng phải đất liền, chẳng phải giác quán chẳng rời giác quán, chẳng phải màu sắc chẳng phải không màu sắc. Nầy Diệu Cát Tường! Do vì đại địa có cao có thấp có bằng phẳng nên ánh sáng mặt trời chiếu soi theo đó mà có cao thấp hoặc bằng phẳng.

Cũng như vậy, đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác vô sanh vô diệt không có các tướng dạng vì rời lìa tất cả các tướng vậy. Đức Như Lai cũng lại không có tác ý vì là rời lìa tác ý vậy. Đức Như Lai cũng không có hý luận vì là rời lìa hý luận vậy. Đức Như Lai cũng không có tổn não vì là rời lìa tổn não vậy. Đức Như Lai chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải cao chẳng phải thấp, chẳng phải trói buộc chẳng phải cởi mở, chẳng phải có trí chẳng phải không trí, chẳng phải có phiền não chẳng phải rời

phiền não, chẳng phải chơn thiệt ngữ chẳng phải hư vọng ngữ, chẳng phải bờ nầy chẳng phải bờ kia, chẳng phải bình chẳng phải bất bình, chẳng phải nước ướt chẳng phải đất khô, chẳng phải Nhứt thiết trí chẳng phải không Nhứt thiết trí, chẳng phải tầm từ giác quán chẳng phải rời tầm từ giác quán, chẳng phải tích tập chẳng phải không tích tập, chẳng phải có niệm lự chẳng phải không niệm lự, chẳng phải tư duy chẳng phải rời tư duy, chẳng phải ý sanh chẳng phải chẳng ý sanh, chẳng phải danh chẳng phải chẳng danh, chẳng phải sắc chẳng phải chẳng sắc, chẳng phải ngôn thuyết chẳng phải chẳng ngôn thuyết, chẳng phải biểu hiện chẳng phải không biểu hiện, chẳng phải thấy chẳng phải không thấy, chẳng phải cảnh thấy chẳng phải chẳng cảnh thấy, chẳng phải dạy bảo dẫn dắt chẳng phải chẳng dẫn dắt dạy bảo, chẳng phải đắc quả chẳng phải chẳng đắc quả, chẳng phải phân biệt chẳng phải chẳng phân biệt, chẳng phải rời phân biệt chẳng phải chẳng rời phân biệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Như ánh sáng mặt trời chiếu soi khắp mọi nơi, sự chiếu sáng ấy không có phân chia ranh rấp bên nầy bên kia hay chặng giữa.

Trí quang của đức Như Lai phóng ra trước chiếu núi cao sâu thẳm vững chắc Bồ Tát, kế chiếu đến các hạng trụ Duyên Giác thừa, kế đến chiếu đến chúng trụ Thanh Văn thừa, kế đến chiếu soi các chúng sanh có căn lành tin hiểu vững chắc, kế đến cũng soi sáng cho những chúng sanh chấp kiến đoạn thường cùng các hạng tà định.

Trí quang của đức Như Lai phóng ra chỉ vì làm trưởng dưỡng, làm thành thục thiện căn của các hạng chúng sanh, cũng để làm nhơn lành cho chúng sanh ở đời vị lai, cũng là để tăng trưởng thiện pháp ngữ vậy.

Đức Như Lai là bình đẳng, là không trụ không trước ở tất cả nơi chỗ, rời lìa tất cả nghi lầm cũng không có sai biệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Trí quang của đức Như Lai không có ý nghĩ loài chúng sanh nầy có đủ tin hiểu rộng lớn, Phật nên vì họ mà tuyên dạy pháp yếu rộng lớn, cũng không có ý nghĩ rằng chẳng vì loài chúng sanh nầy tuyên dạy, cũng chẳng có ý phân biệt đây là loài chúng sanh có đủ tin hiểu pháp Bồ Tát, hoặc có đủ tin hiểu pháp Duyên Giác, cũng chẳng phân biệt là loài chúng sanh có đủ tin hiểu pháp Thanh Văn, có

đủ chí nguyện lành, cũng chẳng phân biệt đây là loài chúng sanh hạ liệt tà kiến.

Đức Như Lai cũng chẳng bao giờ có ý nghĩ rằng với hạng tin hiểu rộng lớn nầy Phật nên vì họ mà nói pháp Bồ Tát Đại thừa, với hạng tin hiểu trung thừa Phật nên vì họ mà nói pháp Duyên Giác, cũng chẳng có ý nghĩ rằng với hạng tin hiểu hạ thừa Phật nên vì họ mà dạy pháp Thanh Văn, với hạng chúng sanh có ý nguyện lành và chúng sanh có chánh kiến Phật nên vì họ mà tuyên dạy chí nguyện thanh tịnh. Đức Như Lai cũng không có suy nghĩ rằng với các loài chúng sanh tà kiến mê chấp Phật nên vì họ mà tùy nghi thuyết pháp. Trí quang của đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác không hề có những thứ suy tư phân biệt như vậy. Tại sao? Vì trí quang của đức Như Lai vốn là soi phá tất cả phân biệt suy tư chiếu phá tất cả phân biệt bất bình đẳng vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Ông nên biết rằng vì các loài chúng sanh có những ý nghĩ sai biệt có những thích muốn không đồng, nên tác dụng soi sáng của đức Như Lai cũng sai biệt như vậy.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Như trong đại hải có châu như ý bửu vương, châu vương nầy có khả năng làm viên mãn tất cả sở cầu tốt

của các chúng sanh, để châu vương nầy trên tràng cao thì tùy theo sở cầu tốt của mọi người tự nhiên có tiếng vang làm cho châu vương biết rõ và mọi người đều được như ý mình mong muốn. Nhưng châu vương ấy trước sau vẫn không có phân biệt suy tư cũng không rời lìa phân biệt suy tư, chẳng phải tâm ý thức chẳng phải rời lìa tâm ý thức.

Nầy Diệu Cát Tường! Cũng vậy, đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác không có phân biệt chẳng rời phân biệt, chẳng phải tư duy chẳng phải chẳng tư duy, chẳng phải tâm ý thức chẳng phải rời tâm ý thức, không có năng thủ không có sở thủ, không sẽ được không đã được, không có tánh thể sai biệt, không có tham không có sân không có si, không thiệt không hư, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, không có quang minh chẳng phải không có quang minh, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, không tầm không từ, vô sanh vô diệt, chẳng phải tư duy chẳng phải rời tư duy, không có tự tánh không có tự tánh rỗng không, không có xuất không có nhập, không có tánh thể lấy được, không có ngôn thuyết vì dứt ngôn thuyết vậy, không có mừng vui yêu thương cũng không rời vui thương vì dứt vui thương vậy, không có số lượng vì rời số lượng vậy, không có loài không

có nhơn của loài vì dứt các loài vậy, vì tất cả sở hành đều dứt nên không kiến văn không giác quán không duyên lấy, chẳng phải dung thọ chẳng phải chẳng dung thọ, chẳng phải hòa hiệp chẳng phải chẳng hòa hiệp không có phân biệt không có kế đạt, không chướng không ngại không biểu hiện không lộ bày, chẳng phải nhiễm ô chẳng phải thanh tịnh, không danh hiệu không sắc tướng, không có nghiệp nhơn không có quả báo, không có quá khứ không có vị lai không có hiện tại, không có chút pháp gì để được, không văn tự không âm thanh vì rời lìa văn tự âm thanh vậy, không có tướng dạng vì rời các tướng dạng vậy, chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng chẳng phải chặng giữa mà có sở đắc.

Nầy Diệu Cát Tường! Trí bửu thanh tịnh sâu rộng của Đức Như Lai đặt trên tràng cao vi diệu thù thắng đại bi, tùy theo những ý nguyện cùng các tin hiểu của mọi loài chúng sanh mà phát ra âm thanh vi diệu thuyết pháp đều phù hợp thời nghi, làm cho mọi loài chúng sanh đều được hiểu biết đều được lợi ích. Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác bình đẳng an trụ nơi bình đẳng xả ly đối với tất cả chỗ tất cả loài, rời lìa tất cả nghi lầm cũng không có sai biệt.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Như nơi hang hốc trong núi sâu có âm vang ứng theo tiếng, tùy theo âm vang ứng với tiếng mà chúng sanh nghe biết. Âm vang ấy không có thiệt, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải trong ngoài trung gian, nhưng nó có sở đắc, nó vô sanh vô diệt, chẳng phải đoạn chẳng phải thường, nó chẳng phải có trí chẳng phải vô trí, nó chẳng phải có huệ chẳng phải không huệ, nó chẳng phải sáng chẳng phải chẳng sáng, nó chẳng phải giải thoát chẳng phải chẳng giải thoát, nó chẳng phải có tội chẳng phải không tội, nó chẳng phải có niệm lự chẳng phải không niệm lự, nó chẳng phải có trụ trước chẳng phải không trụ trước, nó chẳng phải rỗng không chẳng phải chẳng rỗng không, nó chẳng phải địa Đại thủy đại hỏa đại phong đại, nó chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, nó chẳng phải hý luận chẳng phải rời hý luận, nó chẳng phải có tạo tác chẳng phải không tạo tác, nó chẳng phải thấy nghe chẳng phải không thấy nghe, nó không có văn tự không có âm thanh vì nó rời lìa văn tự âm thanh vậy, nó chẳng phải cân lường vì nó vượt quá cân lường vậy, nó không có tướng dạng vì rời lìa các tướng dạng vậy, nó chẳng phải tịch tĩnh chẳng phải chẳng tịch tĩnh, nó chẳng phải dài chẳng phải vắn, chẳng phải tư duy chẳng phải không tư duy, nó

chẳng phải trạng mạo chẳng phải không trạng mạo, nó chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, các sự thấy nghe không có tự tánh, không niệm tưởng, không tác ý, không tầm từ giác quán rời lìa tâm ý thức tất cả nơi chỗ đều bình đẳng, rời lìa tất cả phân biệt vượt quá quá khứ vị lai hiện tại.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phát ra các loại âm thanh đều như là âm vang ứng với tiếng, chỉ là tùy thuận những ý thích của mọi loài chúng sanh mà xuất phát âm thanh thích hợp thời nghi lập thành ngôn thuyết làm cho các chúng sanh đều được hiểu tỏ.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai vượt quá tam thế chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, cũng chẳng phải là trong là ngoài là trung gian mà có sở đắc. Đức Như Lai vô sanh vô diệt chẳng phải đoạn chẳng phải thường, chẳng phải có trí chẳng phải không trí, chẳng phải có huệ chẳng phải không huệ, chẳng phải minh chẳng phải vô minh, chẳng phải giải thoát chẳng phải chẳng giải thoát, chẳng phải tội chẳng phải không tội, chẳng phải niệm lự chẳng phải không niệm lự, chẳng phải có trụ trước chẳng phải không trụ trước, chẳng phải tọa ngọa chẳng phải

chẳng tọa ngọa, chẳng phải địa đại thủy đại hỏa đại phong đại, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải hý luận chẳng phải rời lìa hý luận, chẳng phải kiến văn chẳng phải không kiến văn, chẳng phải âm thanh văn tự vì siêu việt văn tự âm thanh vậy, chẳng phải cân lường vì vượt quá cân lường vậy, chẳng phải tướng trạng vì rời các tướng trạng vậy, chẳng phải tịch tĩnh chẳng phải chẳng tịch tĩnh, chẳng phải dài chẳng phải vắn, chẳng phải tư duy chẳng phải chẳng tư duy, chẳng phải dạng mạo chẳng phải không dạng mạo, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, kiến văn tự tánh rỗng không, không niệm tưởng không tác ý, không tầm không từ rời lìa tâm ý thức, tất cả nơi chỗ đều bình đẳng, rời lìa tất cả phân biệt vượt quá tam thế.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai tùy thuận những ý nguyện những tin hiểu của mọi loài chúng sanh mà phát ra âm thanh vi diệu tùy thời nghi thuyết pháp khiến các chúng sanh đều được hiểu tỏ.

Ví như ở thế gian có đất đai, từ đó mà tất cả rừng cây cỏ thuốc ngũ cốc rau dưa nương nơi đất mà sanh sản rộng nhiều, nhưng đất ấy chẳng có phân biệt chẳng rời phân biệt, tất cả nơi tất

cả chỗ đều bình đẳng không có phân biệt rời lìa tâm ý thức.

Cũng vậy, tất cả chúng sanh y chỉ nơi đức Như Lai mà được an lập, dựa nơi đức Như Lai mà tất cả căn lành công đức của mọi loài chúng sanh được vun trồng bồi dưỡng lớn rộng như là Đại thừa Bồ Tát, Trung thừa Duyên Giác, Tiểu thừa Thanh Văn, cho đến hàng phạm chí ni kiền tử tà kiến tà định tất cả căn lành của họ có được đều do y chỉ nơi đức Như Lai mà an lập đều được sanh trưởng thành tựu. Nhưng đức Như Lai không có phân biệt chẳng rời phân biệt, tất cả phân biệt của đức Như Lai đều chẳng phải cảnh duyên phân biệt vì đã dứt hẳn tất cả tác ý vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác rời lìa tâm ý thức không có tầm từ giác quán biểu thị, không có tư duy không có tác ý, nơi tất cả chỗ luôn an trụ bình đẳng xả ly, đều không có sai biệt.

Như hư không, tất cả nơi tất cả chỗ hư không chẳng có cao, chẳng có thấp, chẳng có sai biệt, vô sanh vô diệt, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, không có màu sắc tướng dạng cũng không có hí luận, không có biểu thị, không có buộc ràng dính mắc, không có cân đo đong

lường, không có so sánh tỷ lệ, không có an lập không có sở thủ, siêu quá cảnh giới thấy nghe, rời lìa tâm ý thức, siêu việt tất cả ngữ ngôn, nơi tất cả chỗ đều không có trụ trước.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Vì tướng hình dạng mạo của chúng sanh có hạ trung thượng sai biệt nên cho rằng hư không có hạ trung thượng. Cũng vậy, đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác tất cả chỗ tất cả nơi đều bình đẳng không có sai biệt, không có phân biệt vô sanh vô diệt, chẳng phải tam thế quá khứ vị lai hiện tại, không có sắc tướng, không có hý luận, không có biểu thị, không có thi thiết, không có giác xúc, không có hệ phược, không có cân lường vì quá cân lường không có tỷ dụ vì quá tỷ dụ, không trụ trước không nắm lấy vì siêu quá thấy nghe, rời lìa tâm ý thức không có trạng mạo, không có văn tự, không có âm thanh, không có tác ý, không có xuất không có nhập, không có cao không có thấp, siêu quá cảnh giới ngôn ngữ. Đức Như Lai ở nơi tất cả chỗ tùy thuận tri kiến tùy thuận xuất nhập đều do vì các chúng sanh có hạ trung thượng sai biệt nên thấy đức Như Lai có sai biệt hạ trung thượng.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác không có ý nghĩ

rằng đây là hàng chúng sanh thuộc về hạ phẩm tín giải, ta nên vì hạng hạ phẩm nầy mà thị hiện thân tướng hạ phẩm. Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hàng chúng sanh thuộc về trung phẩm tín giải, ta nên vì hạng trung phẩm nầy mà thị hiện thân tướng trung phẩm. Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hàng chúng sanh thuộc về thượng phẩm tín giải, ta nên vì hạng thượng phẩm Đại thừa nầy mà thị hiện thân tướng thượng phẩm vô lượng trang nghiêm. Chỉ vì họ có tín giải hạ trung thượng sai biệt nên họ thấy thân tướng đức Như Lai có sai biệt thượng trung hạ.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cũng như vậy. Đức Như Lai chỉ dùng một âm thanh duy nhất để thuyết dạy chúng sanh, mà các loài chúng sanh tùy theo loài của chính mình đều được tỏ hiểu. Đức Như Lai không hề có ý nghĩ rằng đây là hạng người tín giải thượng phẩm ta nên vì họ nói pháp thượng phẩm Đại thừa. Đức Như Lai không hề có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh có tín giải trung phẩm ta nên vì họ mà tuyên pháp trung phẩm Duyên Giác thừa. Đức Như Lai không hề có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh thuộc về hạ phẩm tín giải ta

nên vì hạng nầy mà dạy pháp Thanh Văn thừa hạ phẩm.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh có tín giải bố thí ta nên vì họ mà dạy pháp Bố thí Ba la mật. Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh thuộc về tín giải trì giới ta nên vì họ mà dạy pháp Trì giới Ba la mật. Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh có tín giải nhẫn nhục ta nên vì họ mà dạy pháp Nhẫn nhục Ba la mật. Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh thuộc về tín giải tinh tiến ta nên vì họ mà dạy pháp Tinh tiến Ba la mật. Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh có tín giải thiền định ta nên vì họ mà dạy pháp Thiền Ba la mật. Đức Như Lai không có ý nghĩ rằng đây là hạng chúng sanh có tín giải trí huệ ta nên vì hạng nầy mà dạy pháp Bát Nhã Ba la mật.

Đức Như Lai ở trong các pháp chẳng sanh phân biệt, Tại sao? Vì pháp thân Như Lai rốt ráo vô sanh. Do vì vô sanh nên đức Như Lai chẳng dùng danh sắc theo thức để chuyển khởi tuyên thuyết. Trong khoảng sát na đức Như Lai tạm thời vô phân biệt. Đức Như Lai có đủ vô tận tướng dạng, vì cùng tận biên tế và chơn thiệt

tánh thể đều đã quyết định vậy, đây chính là thiệt tánh bình đẳng của tất cả pháp. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác bình đẳng tất cả nơi tất cả chỗ không có thượng trung hạ sai khác phân biệt. Tất cả pháp cũng đều bình đẳng không có thượng trung hạ sai khác phân biệt. Tại sao? Vì tất cả pháp vô sở đắc vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Nếu tất cả pháp vô sở đắc thì tất cả pháp bình đẳng, nếu tất cả pháp bình đẳng thì tất cả pháp thường trụ, nếu tất cả pháp thường trụ thì tất cả pháp không động chuyển, nếu tất cả pháp không động chuyển thì tất cả pháp không có y dựa, nếu tất cả pháp không y dựa thì tâm không chỗ trụ trước, vì tâm không trụ trước nên là vô sanh mà sanh. Nếu quán trí như vậy thì tâm vương và tâm sở chuyển khởi mà không điên đảo. Tâm chuyển khởi không điên đảo thì là đúng như thuyết mà hiện hành, đã như thuyết mà hành thì không có hý luận. Nếu không hý luận thì hành mà không sở hành, đã không sở hành thì không có lưu tán. Nếu không lưu tán thì không có tụ tập. Nếu tất cả pháp không có lưu tán thì không trái với pháp tánh, nếu không trái pháp tánh thì ở tất cả chỗ đều tùy thuận pháp tánh, nếu tất cả chỗ đều tùy thuận thì pháp tự tánh không động chuyển, nếu pháp tự tánh không động chuyển thì pháp

tự tánh bèn có sở đắc. Nếu pháp tự tánh có sở đắc thì không có chút pháp gì là có thể duyên lấy được. Tại sao? Vì phải biết tất cả pháp đều là tánh nhơn duyên sanh, nếu là tánh nhơn duyên sanh thì là rốt ráo vô sanh, nếu là rốt ráo vô sanh thì được tịch tĩnh, nếu được tịch tĩnh thì tất cả pháp tác ý liền đồng với không y dựa, nếu tất cả pháp tác ý đồng với không y dựa thì chính đó đều là không có y dựa, nếu không có y dựa thì chính là không có được không chẳng được. Nếu không được không chẳng được thì được pháp thường trụ. Nếu được pháp thường trụ thì tương ưng nơi pháp cứu cánh kiên cố. Nếu tương ưng nơi pháp cứu cánh kiên cố thì không có chút pháp để được, cũng không có Phật pháp. Tại sao? Vì đã giác ngộ tánh không, nếu giác ngộ tánh không thì chính đó là Bồ đề. Vì giác ngộ tánh không vô tướng vô nguyện vô tác vô trụ vô sanh vô thủ vô y như vậy nên gọi là Bồ đề. Bồ đề đây là tương ưng nơi pháp tánh cứu cánh kiên cố, tên gọi tương ưng do đây mà được kiến lập. Vì thế nên không cao không hạ là pháp tương ưng, không tạo tác chẳng phải không tạo tác là pháp tương ưng, không hệ phược không giải thoát là pháp tương ưng, không một tánh không nhiều tánh là pháp tương ưng, không đến không đi là

pháp tương, đây chính là tương ưng nơi pháp tánh cứu cánh kiên cố vậy.

Nếu tương ưng nơi pháp tánh cứu cánh kiên cố thì chính là không chỗ tương ưng cũng không chỗ dứt diệt lại cũng không có quả để chứng. Tại sao? Vì tâm pháp bổn lai tự tánh sáng suốt chỉ do khách trần phiền não làm ô nhiễm, nhưng thực ra không thể làm ô nhiễm tự tánh được. Nếu tự tánh vẫn sáng suốt thì không có phiền não, nếu không có phiền não thì không có đối trị, nghĩa là do đối trị mà phiền não đã đều dứt diệt. Tại sao? Vì không có đã thanh tịnh, không có sẽ thanh tịnh, bổn lai không rời lìa thanh tịnh. Nếu đã bổn lai thanh tịnh thì vô sanh, nếu vô sanh là vô động, nếu vô động thì dứt tất cả hỷ lạc, tất cả sở ái cũng đều dứt diệt, nếu ái dứt diệt thì nó là vô sanh, nếu pháp vô sanh thì chính là Bồ đề, nếu là Bồ đề thì là bình đẳng, nếu bình đẳng thì là chơn như, nếu chơn như thì tất cả pháp hữu vi tất cả pháp vô vi đều là vô trụ. Nếu trong chơn như không tất cả pháp hữu vì vô vi ấy thì là vô nhị. Nếu tất cả pháp hữu vi vô vi đều vô nhị thì chính là chơn như. Nếu là chơn như thì là chơn như không dị biệt. Nếu chơn như không dị biệt thì là chơn như không chủng loại. Nếu chơn như không chủng loại thì là chơn như không có đến. Nếu chơn như không có đến thì là chơn như

không có đi. Nếu chơn như không có đến không có đi thì là chơn như đúng như đã được tuyên nói. Nếu chơn như đúng như đã được tuyên nói thì là chơn như vô sanh. Nếu chơn như vô sanh thì là không có ô nhiễm cũng không có thanh tịnh. Nếu không nhiễm không tịnh thì là không có sanh không có diệt. Nếu không sanh không diệt thì là Niết Bàn bình đẳng. Nếu Niết Bàn bình đẳng thì không có sanh tử cũng không có Niết Bàn. Nếu không sanh tử không Niết Bàn thì không có tam thế quá khứ vị lai hiện tại. Nếu không có quá khứ vị lai hiện tại thì không có pháp hạ trung thượng. Nếu không có pháp sai biệt hạ trung thượng thì là chơn như bình đẳng. Danh từ chơn như do đây mà kiến lập vậy.

Đây nói là chơn như cũng gọi chơn thiệt tánh. Đây nói là thiệt tánh cũng gọi tên như tánh. Đây nói là như tánh cũng tức là chơn như. Chơn như với ta vốn không có hai cũng không có chủng loại. Tánh nghĩa không hai tức là Bồ đề. Bồ đề có nghĩa là giác ngộ liễu biệt. Nghĩa ý được nói đây tức là trí chứng nhập ba môn giải thoát, là trí tuyên nói tất cả pháp, ngộ nhập tất cả pháp tam thế bình đẳng, là nghĩa tất cả pháp không hư không hoại. Nghĩa được nói đây tức là không có nghĩa, không có âm thanh, không ghi nhớ, không ngôn thuyết, không có tỏ bày cũng

không có gì được tỏ bày. Đây gọi là trí, đó là nghĩa tùy theo trí, thức tùy theo trí, thắng nghĩa tùy theo trí, như pháp tánh ấy tức như nghĩa ấy. Nếu là pháp tánh tức là pháp trụ tánh là pháp tịch tĩnh tánh, pháp tịch tĩnh đó tức là pháp không động chuyển, nếu pháp không động chuyển thì văn cùng nghĩa đều bình đẳng cả, nếu văn cùng nghĩa bình đẳng tức là nghĩa bình đẳng không hai, nếu nghĩa ấy bình đẳng thì nghĩa thức cũng bình đẳng, đây tức là trí chứng nhập môn bất nhị bình đẳng. Do đây nên thế tục cùng thắng nghĩa đều bình đẳng. Vì thế tục nghĩa bình đẳng nên là nghĩa bình đẳng không là bình đẳng tánh. Nếu tánh không bình đẳng thì tức là bổ đặc già la bình đẳng tánh bình đẳng, nếu bổ đặc già la bình đẳng thì tức là pháp bình đẳng tánh bình đẳng, nếu pháp bình đẳng thì là tín giải bình đẳng tánh bình đẳng, nếu tín giải bình đẳng vì giác ngộ đó nên tức là Bồ đề vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Nếu ở nơi sắc bình đẳng tánh mà có trụ trước có chướng ngại thì ở nơi nhãn có chướng ngại, vì sắc và nhãn tự tánh trí không có sở ngại vậy. Nếu ở nơi kiến văn mà có trụ trước có chướng ngại thì ở nơi thân có chướng ngại, vì ở trong thân các loài tự tánh không trí không có sở ngại vậy. Nếu ở nơi tác ý chẳng sâu vững mà có trụ trước có chướng ngại

thì ở nơi pháp quang minh có chướng ngại, vì tác ý sâu vững quan sát các pháp tự tánh không trí không có sở ngại vậy. Nếu ở nơi nghi lầm cấu nhiễm mà có trụ trước có chướng ngại thì ở nơi giải thoát có chướng ngại, vì trí tín giải, giải thoát như thiệt không có sở ngại vậy. Nếu ở nơi giải đãi cấu nhiễm mà có trụ trước có chướng ngại thì ở nơi hiện chứng kiên cố tinh tiến có chướng ngại, vì tính giác ngộ pháp được tuyên nói không có sở ngại vậy. Nếu ở nơi các pháp chướng có trụ trước có chướng ngại thì ở nơi pháp bảy giác chi có chướng ngại, vì trí giải thoát vô chướng không có sở ngại vậy. Nên biết rằng tất cả pháp tự tánh thanh tịnh, chỉ do nhơn duyên hòa hợp mà chuyển khởi, các vị Bồ Tát phải khéo biết rõ trong tất cả pháp hoặc là nhiễm nhơn hay tịnh nhơn, nhiễm cùng tịnh đều thanh tịnh vô sở đắc thì tức là vô sở trụ. Đây có nghĩa là khởi lên ngã khởi lên kiến đều là nhiễm nhơn, nếu chứng nhập vào trí nhẫn không có ngã không có pháp là tịnh nhơn. Thấy có ngã cùng ngã sở là nhiễm nhơn, ở trong thì tịch tĩnh ở ngoài thì không duyên lấy là tịnh nhơn. Tham dục sân khuể thù hại là nhiễm nhơn, từ bi hỷ xả quán sát pháp nhẫn là tịnh nhơn. Bốn điên đảo là nhiễm nhơn, bốn niệm xứ là tịnh nhơn. Ngũ cái là nhiễm nhơn, ngũ căn ngũ lực là tịnh nhơn.

Lục xứ là nhiễm nhơn, lục niệm là tịnh nhơn. Bảy pháp bất chánh là nhiễm nhơn, bảy giác chi là tịnh nhơn. Tám pháp tà là nhiễm nhơn, tám pháp chánh là tịnh nhơn. Chín não địa là nhiễm nhơn, chín thứ đệ định là tịnh nhơn. Mười nghiệp đạo bất thiện là nhiễm nhơn, mười nghiệp đạo thiện là tịnh nhơn. Tóm lại, tất cả tác ý bất thiện đều là nhiễm nhơn, tất cả tác ý thiện đều là tịnh nhơn. Hoặc nhiễm nhơn hay tịnh nhơn, tất cả pháp tự tánh vốn rỗng không, không có chúng sanh, không có thọ mạng, không có dưỡng dục, không có bổ đặc già la, không có chủ tể, không có nhiếp thọ, không có sở tác, như ảo huyễn không có tướng dạng nội tâm tịch tĩnh. Nếu nội tâm tịch tĩnh thì khắp tịch tĩnh, nếu khắp tịch tĩnh thì là tự tánh, nếu pháp tự tánh thì vô sở đắc, nếu vô sở đắc thì không có y chỉ, nếu không có y chỉ thì như hư không. Nên biết tất cả pháp nhiễm tịnh cùng với hư không đồng không có sai khác, nhưng hư không ấy cũng không hư hoại pháp tánh. Tại sao vậy? Nầy Diệu Cát Tường! Trong đây không có được chút pháp nào hoặc là sanh hay là diệt".

Diệu Cát Tường Bồ Tát bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu như vậy thì đức Như Lai chứng quả Bồ đề là nghĩa thế nào?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Diệu Cát Tường! Do vì không có gốc không có trụ mà đức Như Lai được Bồ đề.

Bạch đức Thế Tôn! Gì gọi là gốc? Gì gọi là trụ?

Nầy Diệu Cát Tường! Có thân là gốc, y nơi hư vọng phân biệt mà trụ. Chư Phật Như Lai do Bồ đề bình đẳng nên là trí tất cả pháp bình đẳng, thế nên gọi là không có gốc không có trụ. Do đó nên đức Như Lai hiện thành bực Đẳng Chánh Giác.

Nầy Diệu Cát Tường! Phải biết tất cả các pháp là tịch tĩnh là cận tịch. Sao gọi là tịch tĩnh, sao gọi là cận tịch?

Nội tâm gọi là tịch tĩnh, ngoại cảnh gọi là cận tịch. Tại sao? Vì nhãn không nên ngã và ngã sở tự tánh cũng không, đây gọi là tịch tĩnh. Biết nhãn không rồi thì sắc không có sở thủ, đây gọi là cận tịch. Vì nhĩ không nên ngã và ngã sở tự tánh cũng không, đây gọi là tịch tĩnh. Biết nhĩ không rồi thì thanh không có sở thủ, đây gọi là cận tịch. Vì tỷ không nên ngã và ngã sở tự tánh cũng không, đây gọi là tịch tĩnh. Biết tỷ không rồi thì hương không có sở thủ, đây gọi là cận tịch. Vì thiệt không nên ngã và ngã sở tự tánh cũng không, đây gọi là tịch tĩnh. Biết thiệt không rồi

thì vị không có sở thủ, đây gọi là cận tịch. Vì thân không nên ngã và ngã sở cũng không, đây gọi là tịch tĩnh. Biết thân không rồi thì xúc không có sở thủ, đây gọi là cận tịch. Vì ý không nên ngã và ngã sở cũng không, đây gọi là tịch tĩnh. Biết ý không rồi thì pháp không có sở thủ, đây gọi là cận tịch.

Nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề tự tánh sáng suốt, tâm tự tánh sáng suốt. Do cớ gì mà gọi tự tánh sáng suốt? Vì tự tánh bổn lai không có nhiễm ô đồng như hư không, tự tánh hư không đều cùng khắp, như hư không, tự tánh rốt ráo bổn lai sáng suốt.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề không có xuất không có nhập. Sao gọi là không có xuất nhập? Vì không có nhiếp thủ nên gọi là không có nhập, vì không có khí xả nên gọi là không có xuất.

Chỗ chứng ngộ của đức Như Lai không có xuất nhập, như chỗ chứng ngộ ấy tức đồng chơn như không có đây không có kia, vì tất cả các pháp rời lìa đây kia vậy, do đây mà đức Như Lai hiện thành bực Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề không có tướng cũng không có sở duyên. Thế nào gọi là không có tướng và không có sở duyên? Nghĩa là

nhãn thức vô sở đắc, đây gọi là không có tướng, sắc không có sở quán, đây gọi là không sở duyên. Nhĩ thức không sở đắc, đây gọi là không có tướng; thanh không sở văn, đây gọi là không sở duyên. Tỷ thức không sở đắc, đây gọi là không có tướng; hương không sở khứu, đây gọi là không sở duyên. Thiệt thức không sở đắc, đây gọi là không có tướng; vị không sở thường, đây gọi là không sở duyên. Thân thức không sở đắc, đây gọi là không có tướng; xúc không sở giác, đây gọi là không sở duyên. Ý thức không sở đắc, đây gọi là không có tướng; pháp không sở phân biệt, đây gọi là không sở duyên.

Nầy Diệu Cát Tường! Không có tướng không có sở duyên đây là cảnh giới của bực Thánh. Tất cả cái có trong tam giới không phải là cảnh giới Thánh, do đây nên phải hiện hành cảnh giới Thánh.

Nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại, vì tam thế bình đẳng vậy. Vì tam luân dứt diệt vậy. Tam luân dứt đây có nghĩa là tâm quá khứ không hiện khởi, thức vị lai không duyên lấy, ý hiện tại không động chuyển. Dầu cho tâm ý thức ấy mà có sở trụ cũng vẫn là vô phân biệt chẳng rời phân biệt, không có kế đạt chẳng rời kế đạt,

không có quá khứ đã làm, không có vị lai lãnh nạp, không có hiện tại hý luận.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề chẳng phải thân thể được vì là không có làm ra vậy. Chẳng phải là thân thể được đó có nghĩa là chính nhãn thức không chỗ tỏ biết, nhĩ thức không chỗ tỏ biết, tỷ thức không chỗ tỏ biết, thiệt thức không chỗ tỏ biết, thân thức không chỗ tỏ biết, ý thức không chỗ tỏ biết, do vì chẳng chỗ tỏ biết của tâm ý thức nên là vô vi vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Đây gọi là vô vi tức là vô sanh vô trụ vô diệt tam luân thanh tịnh. Như vô vi đó, với các pháp hữu vi phải biết như vậy. Tại sao, vì tất cả pháp đều không có tự tánh. Vì pháp không có tự tánh nên tất cả không hai không có sai khác.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề là câu vô sai biệt. Sao gọi là vô sai biệt, còn sao gọi là câu? Không có suy tưởng là vô sai biệt, còn chơn như là câu. Vô trụ là vô sai biệt, còn pháp giới là câu. Không có các chủng tánh là vô sai biệt, còn thiệt tế là câu. Không có sở duyên là vô sai biệt, còn vô động chuyển là câu. Rỗng không là vô sai biệt, còn vô tướng là câu. Không tầm từ giác quán là vô sai biệt, còn vô tưởng là câu. Không cầu nguyện là vô sai biệt, còn không chúng sanh

là câu. Chúng sanh không có tự tánh là vô sai biệt, còn hư không là câu. Vô sở đắc là vô sai biệt, còn vô sanh là câu. Vô diệt là vô sai biệt, còn vô vi là câu. Vô sở hành là vô sai biệt, còn Bồ đề là câu. Tịch chỉ là vô sai biệt, còn Niết Bàn là câu. Vô sở thủ là vô sai biệt, còn vô sanh là câu.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề ấy chẳng phải thân thể chứng được. Sao vậy, vì thân thể dầu có sanh mà không có suy tư không có chuyển động như cỏ cây như ngói sạn, còn tâm ý thì như ảo huyễn, nó rỗng không hư giả không có tạo tác.

Nầy Diệu Cát Tường! Nếu ở nơi thân tâm mà giác ngộ đúng thật thì tức là Bồ đề. Bao nhiêu sở lành của thế tục đều chẳng phải là thắng nghĩa đế. Tại sao? Vì trong thắng nghĩa đế không có thân không có tâm, không có pháp không có phi pháp, không có thiệt không chẳng thiệt, không chơn không vọng, không có ngữ ngôn không có chẳng ngữ ngôn, tất cả pháp là Bồ đề vậy.

Tại sao? Vì Bồ đề không có nơi không có chỗ, chẳng phải là chỗ tuyên bày biểu thị của ngữ ngôn. Như hư không vì không có nơi chỗ nên cũng không có tạo tác vô sanh vô diệt chẳng phải chỗ thuyên biểu của ngữ ngôn.

Nầy Diệu Cát Tường! Đức Như Lai vì Bồ đề không có xứ sở không có tạo tác vô sanh vô diệt không có thuyên biểu nên lúc đúng thiệt đúng lý quan sát kỹ, tất cả các pháp kia đều không có ngôn thuyết, Bồ đề cũng không có ngôn thuyết như vậy. Tại sao? Vì ngữ ngôn không có thiệt, vì ngữ ngôn không có sanh diệt vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề vô sở thủ không có chứa cất. Sao gọi là vô sở thủ và sao gọi là không có chứa cất? Vì tỏ biết nhãn nên gọi là vô sở thủ, vì sắc vô sở đắc nên gọi là không có chứa cất. Vì tỏ biết nhĩ nên gọi là vô sở thủ, vì thanh vô sở đắc nên gọi là không có chứa cất. Vì tỏ biết tỷ nên gọi là vô sở thủ, vì hương vô sở đắc nên gọi là không có chứa cất. Vì tỏ biết thiệt nên gọi là vô sở thủ, vì vị vô sở đắc nên gọi là không có chứa cất. Vì tỏ biết thân nên gọi là vô sở thủ, vì xúc vô sở đắc nên gọi là không có chứa cất. Vì tỏ biết ý nên gọi là vô sở thủ, vì pháp vô sở đắc nên gọi là không có chứa cất. Vì vô sở thủ không có chứa cất mà đức Như Lai hiện chứng Bồ đề, hiện chứng Bồ đề rồi thì nhãn vô sở thủ, sắc vô sở đắc, nhãn thức vô trụ; nhĩ vô sở thủ, thanh vô sở đắc, nhĩ thức vô trụ; tỷ vô sở thủ, hương vô sở đắc, tỷ thức vô trụ; thiệt vô sở thủ, vị vô sở đắc, thiệt thức vô trụ; thân vô sở thủ, xúc vô sở đắc, thân thức vô trụ; ý vô sở thủ, pháp vô sở đắc, ý thức

vô trụ. Vì thức vô trụ nên mới gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Phải biết rằng chúng sanh có bốn thứ pháp mà trụ nơi tâm. Những gì là bốn thứ? Đó là sắc uẩn thọ uẩn tưởng uẩn và hành uẩn, là bốn thứ pháp mà chúng sanh trụ tâm nó ở đó. Do vì chúng sanh ở trong bốn pháp ấy tâm chúng nó có an trụ nên đức Như Lai mới phán nói bất sanh bất diệt không có chỗ để tỏ biết kiến lập Bồ đề gọi đó là rỗng không. Vì Bồ đề rỗng không nên tất cả pháp rỗng không, đức Như Lai cũng rỗng không. Do vì rỗng không mà hiện thành Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nầy Diệu Cát Tường! Chẳng phải vì rỗng không mà chứng nhập Bồ đề cũng rỗng không, phải biết rằng trong pháp có một lý trí, đó là tánh không, vì Bồ đề chẳng không nên Bồ đề không có hai, thế nên Bồ đề và rỗng không đều không có chủng loại sai khác, vì tất cả pháp kia vốn là không có hai vậy, nó không có trạng mạo, không có chủng loại, không có danh hiệu, không có tướng dạng rời lìa tâm ý thức, không có sanh không có diệt, không có hiện hành không có chẳng hiện hành, cũng không có tích tập, không có văn tự, không có quên mất. Do vì những cớ ấy

mà nói các pháp rỗng không vô sở thủ. Những lời được nói trong đây chẳng phải là thắng nghĩa đế. Nghĩa là trong thắng nghĩa đế không có pháp gì có được nên gọi là không.

Nầy Diệu Cát Tường! Ví như hư không, đây nói hư không là vì không có ngôn thuyết nên gọi là hư không.

Nầy Diệu Cát Tường! không đây cũng vậy, nói không là vì không có ngôn thuyết nên gọi là không. Nếu ngộ nhập như vậy thì tất cả pháp không có danh hiệu, vì không có danh hiệu nên tất cả pháp kia đều là giả danh thi thiết cả.

Nầy Diệu Cát Tường! Danh hiệu ấy chẳng tại phương sở chẳng rời phương sở. Vì danh hiệu chẳng tại phương sở chẳng rời phương sở nên nơi pháp danh tự mới có chỗ diễn nói. Pháp được nói đó cũng chẳng tại phương chẳng rời phương, tất cả pháp kia cũng đều chẳng tại phương chẳng rời phương như vậy.

Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác tỏ biết tất cả pháp bổn lai như vậy, là bất sanh bất diệt không có khởi không có tướng rời tâm ý thức không có văn tự không có âm thanh, như chỗ tỏ ngộ rõ biết cũng không có giải thoát. Nầy Diệu Cát Tường! Phải biết tất cả pháp bổn lai không có hệ phược không có giải thoát.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề đồng như hư không. Nghĩa là hư không không có cao không có thấp, Bồ đề cũng vậy không cao không thấp, do vì bình đẳng không cao hạ mà đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác, dầu là thành Đẳng Chánh Giác nhưng cũng không có một chút pháp hoặc cao hoặc thấp có sự thi vi tạo tác. Các pháp như vậy, bình đẳng không sai biệt, nếu biết đúng như vậy đó là thiệt trí.

Nầy Diệu Cát Tường! Do nghĩa gì mà gọi là thiệt trí? Đó là tất cả pháp rõ ràng không căn bổn không có sanh không có diệt, nó không có thiệt tánh thể cũng là vô sở đắc. Nếu là có thiệt tánh thể thì là pháp đoạn diệt. Các pháp dầu có sanh khởi mà vẫn là không có chủ tể lại không có nhiếp thọ.

Nầy Diệu Cát Tường! Nếu là không có chủ tể không có nhiếp thọ thì là pháp đoạn diệt. Các pháp ấy, hoặc là sanh hoặc là diệt phải biết đó chỉ là nhơn duyên hòa hiệp hay ly tán mà chuyển khởi thôi, cũng vẫn ở trong đây không có chút pháp thiệt chuyển khởi, dầu vậy, như đức Phật Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác chẳng ở nơi các pháp mà nói tướng đoạn diệt.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề ấy là câu nói đúng thật. Do nghĩa gì mà gọi là câu nói

đúng thật? Câu nói đúng thật là Bồ đề. Như Bồ đề ấy, sắc uẩn thọ uẩn tưởng uẩn hành uẩn và thức uẩn cũng như vậy, mà vẫn chẳng rời chơn như. Như Bồ đề ấy, sáu căn nhãn nhĩ tỷ thiệt thân và ý, sáu trần sắc thanh hương vị xúc và pháp, sáu thức nhãn nhĩ tỷ thiệt thân và ý thức cũng đều như vậy, mà cũng vẫn chẳng rời chơn như. Như Bồ đề ấy, bốn đại chủng địa thủy hỏa và phong cũng như vậy, mà chẳng rời chơn như. Các pháp ấy thi thiết như vậy, chúng nó thi thiết như thế ấy gọi là uẩn xứ và giới. Do đây mà đức Như Lai thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác được thành rời lìa tất cả pháp điên đảo. Pháp trước như vậy pháp sau như vậy pháp giữa cũng như vậy, tiền tế chẳng sanh, hậu tế chẳng diệt, trung tế tánh ly. Các pháp như vậy thì gọi đó là câu nói đúng thiệt. Như một pháp ấy nhiều pháp cũng vậy, như nhiều pháp một pháp cũng vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Các pháp hoặc một tánh hoặc nhiều tánh đều vô sở đắc, hoặc có tướng hoặc không có tướng đều vô nhập vô trụ.

Sao gọi là tướng, sao gọi là không tướng? Nói là tướng đó là sanh khởi tất cả pháp lành, còn nói không có tướng là vì tất cả pháp đều vô sở đắc. Lại nói tướng đó là phần vị vô sở trụ của

tâm, còn nói không có tướng đó là vô tướng tam muội giải thoát pháp môn. Lại nói tướng đó chính là tất cả pháp tư duy cân lường toán số thẩm sát, còn không có tướng là vì quá ngoài cân lường. Sao gọi là quá ngoài cân lường? Là vì vô phân biệt vậy. Lại nói tướng đó là có thi vi tạo tác có thẩm sát, còn không có tướng là vô vi vô thẩm sát.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề là vô lậu là vô thủ. Sao gọi là vô lậu, sao gọi là vô thủ? Vô lậu là rời lìa bốn pháp hữu lậu: đó là dục lậu, là hữu lậu, là vô minh lậu và kiến lậu. Còn vô thủ là rời lìa bốn pháp thủ trước: đó là dục thủ, là kiến thủ, là giới cấm thủ và ngã ngữ thủ. Bốn thứ thủ nầy đều do vô minh tối che yêu thích tư nhuận mà dính lấy lẫn nhau.

Nầy Diệu Cát Tường! Hoặc nếu có người sơ khởi ở nơi căn bổn của ngã ngữ thủ mà tỏ biết thì là không còn thấy có ngã là thanh tịnh. Ngã đã thanh tịnh rồi thì theo đó mà biết rõ chúng sanh thanh tịnh, nghĩa là không thấy có chúng sanh. Do vì ngã đã thanh tịnh nên tất cả chúng sanh kia thanh tịnh. Nếu tất cả chúng sanh thanh tịnh thì pháp không có hai, không có hai chủng loại. Nghĩa không có hai đó chính là vô sanh vô diệt.

Nầy Diệu Cát Tường! Nếu vô sanh vô diệt thì không có tâm ý thức chuyển khởi. Nếu không có tâm ý thức chuyển khởi thì là vô phân biệt. Nếu vô phân biệt thì tương ưng kiên cố tác ý mà vô minh không thể phát khởi. Nếu vô minh ấy không phát khởi thì cả mười hai chi nhơn duyên cũng chẳng sanh trưởng.

Nếu mười hai chi nầy không sanh trưởng thì tức là vô sanh. Nếu pháp vô sanh tức là pháp quyết định. Nếu pháp đã quyết định thì tức là nghĩa điều phục. Nếu là nghĩa điều phục thì là thắng nghĩa. Nếu là thắng nghĩa thì là nghĩa rời lìa bổ đặc già la. Nếu là nghĩa rời lìa bổ đặc già la thì là nghĩa bất khả thuyết. Nếu là nghĩa bất khả thuyết thì là nghĩa duyên sanh. Nếu là nghĩa duyên sanh thì tức là nghĩa pháp. Nếu là nghĩa pháp thì tức là nghĩa Như Lai. Như lời đã nói, nếu thấy duyên sanh thì có thể thấy pháp. Nếu thấy được pháp thì thấy Như Lai. Bao nhiêu chỗ được thấy như trên nếu lúc thẩm sát đúng lý thì trong ấy cũng không có chút pháp gì có thể thấy được.

Nầy Diệu Cát Tường! Gì gọi là chút pháp? Đó là chỗ duyên lấy của tâm. Nếu không có tâm sở duyên thì không có sở kiến. Do pháp như vậy

mà thành Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác, vì bình đẳng nên bình đẳng.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Bồ đề ấy là nghĩa thanh tịnh là nghĩa vô cấu là nghĩa vô trước.

Sao gọi là thanh tịnh? Vì không giải thoát môn vậy. Sao gọi là vô cấu? Vì vô tướng giải thoát môn vậy. Sao gọi là vô trước? Vì vô nguyện giải thoát môn vậy. Lại còn có những nghĩa, vô sanh là thanh tịnh, vô tác là vô cấu, vô khởi là vô trước, tự tánh là thanh tịnh, viên tịch là vô cấu, minh lượng là vô trước, vô hý luận là thanh tịnh, ly hý luận là vô cấu, hý luận tịch chỉ là vô trước, chơn như là thanh tịnh, pháp giới là vô cấu, thiệt tế là vô trước, hư không là thanh tịnh, liêu quách là vô cấu, quảng đại là vô trước, biết rõ nội pháp là thanh tịnh, không duyên theo ngoài là vô cấu, trong ngoài đều vô sở đắc là vô trước, biết rõ pháp ngũ uẩn là thanh tịnh, tự tánh thập bát giới là vô cấu, rời lìa thập nhị xứ là vô trước, trí biết quá khứ hết là thanh tịnh, trí biết vị lai vô sanh là vô cấu, trí biết pháp giới hiện tại vô trụ là vô trước.

Nầy Diệu Cát Tường! Bao nhiêu nghĩa thanh tịnh vô cấu và vô trước như vậy ở trong một câu đều khắp có thể nhiếp vào cả, đó là câu tịch tĩnh. Nếu là tịch tĩnh thì là khắp tịch tĩnh,

nếu là khắp tịch tĩnh thì là cận tịch, nếu cận tịch thì là tịch chỉ, nếu là tịch chỉ thì đây gọi là pháp Đại Mâu Ni vậy.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Như hư không kia, Bồ đề cũng vậy, như Bồ đề kia các pháp cũng như vậy, như các pháp kia chúng sanh cũng vậy, như chúng sanh kia quốc độ cũng vậy, như quốc độ kia Niết Bàn cũng vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Lời được nói đây là Niết Bàn bình đẳng, vì tất cả pháp biên tế rốt ráo vẫn là thanh tịnh, là nhơn thanh tịnh, không có đối trị, rời lìa nhơn đối trị, bổn lai thanh tịnh, bổn lai vô cấu, bổn lai vô trước. Đức Như Lai biết rõ các pháp ấy tánh tướng như vậy nên hiện thành bực Chánh Đẳng Chánh Giác, sau đó Như Lai mới quan sát các chúng sanh giới mà kiến lập pháp môn du hý thanh tịnh vô cấu vô trước, rồi dùng tâm đại từ bi đem danh tự ấy chuyển dạy cho các chúng sanh.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Thế nào là Bồ Tát thật hành công hạnh thù thắng của Bồ Tát, đó là Bồ Tát vô tận vô bất tận, vô sanh vô bất sanh, nơi tướng rốt ráo tận không lãnh thọ, như cũng chẳng hư hoại rốt ráo vô sanh. Nầy Diệu Cát Tường! Bồ Tát thật hành như vậy là thật hành công hạnh thù thắng của Bồ Tát vậy.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ Tát với quá khứ tâm không hiện hành vì quá khứ đã hết, với vị lai tâm không hiện hành vì vị lai chưa đến, với hiện tại tâm không hiện hành vì hiện tại không dừng. Với quá khứ vị lai và hiện tại tâm Bồ Tát đều không có trụ trước. Thật hành như đây là công hạnh thù thắng của Bồ Tát vậy.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Về pháp bố thí, chư Phật cùng chư Bồ Tát không khác không có hai thứ. Nếu thật hành như đây là công hạnh thù thắng của Bồ Tát vậy.

Với trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ cũng vậy, chư Phật cùng chư Bồ Tát không khác không có hai thứ. Nếu thật hành như đây là công hạnh thù thắng của Bồ Tát vậy.

Lại nữa, nầy Diệu Cát Tường! Bồ Tát chẳng duyên sắc không, chẳng duyên sắc bất không, đây là công hạnh thù thắng của Bồ Tát vậy. Tại sao? Vì sắc tức là không, sắc tự tánh vốn không. Như sắc thọ tưởng hành và thức cũng vậy, Bồ Tát chẳng duyên thức không chẳng duyên thức bất không, đây là công hạnh thù thắng của Bồ Tát vậy. Tại sao? Vì tâm ý và thức đều vô sở đắc vậy.

Nầy Diệu Cát Tường! Trong đây không có chút pháp gì là có thể biết được, có thể dứt được,

có thể tu được, có thể chứng được, tất cả đều là vô sở hữu. Vì như vậy nên nói là diệt tận, đây mới là tướng rốt ráo tận diệt, nếu là rốt ráo tận diệt thì là không có tận diệt. Không có tận cũng không có diệt. Tại sao? Vì như đã nói tận diệt nên không có pháp gì là có thể tận diệt cả. Nếu không có pháp có thể tận thì tức là vô vi, nếu là vô vi thì là vô sanh cũng là vô diệt. Hoặc có Phật xuất thế hay không có Phật xuất thế, pháp tánh vẫn là thường trụ. Vì pháp thường trụ nên là pháp giới. Vì pháp giới thường trụ nên trí không chuyển khởi chẳng phải không chuyển khởi. Vì trí không chuyển khởi chẳng phải không chuyển khởi nên người ngộ nhập pháp lý như vậy thì được vô lậu vô sanh vô diệt, đây gọi là bực lậu tận.

Nầy Diệu Cát Tường! Vì thế nên biết rằng dầu âm thanh văn tự trong đời họp nhóm đặt để ra, nhưng trong ấy vẫn không có chút pháp gì là sanh là diệt cả".

Bấy giờ Diệu Cát Tường đại Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy quỳ gối chắp tay hướng lên đức Phật nói kệ ca ngợi rằng:

Không hình sắc cũng không trạng mạo
Trong đây không diệt cũng không sanh
Không trụ cũng không có căn bổn

Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Do vô trụ nên không xuất nhập
Cũng lại không có những phần vị
Đã có thể giải thoát sáu trần
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Trong tất cả pháp không sở trụ
Có tánh không tánh đều xa rời
Các hành bình đẳng được viên thành
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đã hay ra khỏi tam giới khổ
An trụ hư không tánh bình đẳng
Dục lạc thế gian chẳng nhiễm tâm
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Thường an trụ trong đại chánh định
Đi đứng ngồi nằm đều như vậy
Những sự oai nghi đều nghiêm túc
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đến bình đẳng đi cũng bình đẳng
Khéo an trụ trong tánh bình đẳng
Chẳng hư pháp môn tánh bình đẳng
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh khéo nhập tánh bình đẳng
Các pháp an trụ tâm đẳng dẫn
Khéo nhập pháp môn vô tướng diệu
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh vô trụ vô sở duyên
Trong đại định chứa cao trí huệ

Khắp hết các pháp được viên thành
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Oai nghi các tướng của chúng sanh
Ngôn ngữ âm thanh cũng như vậy
Khoảng sát na khắp đều thị hiện
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh đã rời các danh sắc
Uẩn xứ giới pháp cũng đều dứt
Lại còn khéo nhập môn vô tướng
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh khéo rời các chấp tướng
Cảnh giới các tướng cũng xa rời
Đã khéo chứng nhập vô tướng môn
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Không có tư duy không phân biệt
Tịnh ý cũng lại vô sở trụ
Không có tác ý không niệm sanh
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Như hư không kia không chứa cất
Đã lìa hý luận không trụ trước
Tâm Phật bình đẳng như hư không
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Như hư không không bên không giữa
Chư Phật pháp tánh cũng như vậy
Đã hay siêu việt môn tam thế
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Chư Phật vô tướng như hư không

Không tướng đây cũng không có tướng
Đã hay giải thoát quả và nhơn
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Trong tất cả pháp không y chỉ
Như trăng trong nước không thể lấy
Không tướng ngã cũng không âm thanh
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh không y chỉ ngũ uẩn
Cũng không y chỉ xứ và giới
Đã hay giải thoát tâm điên đảo
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh đã lìa cả hai bên
Cũng đã dứt trừ hết ngã kiến
Pháp giới bình đẳng được viên thành
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Sắc tướng danh số đã giải thoát
Pháp bất chánh cũng đã xa lìa
Vô thủ vô xả tâm bình đẳng
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đã hay siêu việt các pháp ma
Trong tất cả pháp đều thông đạt
Pháp môn vô ngại đã chứng nhập
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Chánh trí chẳng nói có các pháp
Cũng lại chẳng nói không các pháp
Không đường ngữ ngôn không phát khởi
Nay kính lạy đấng vô sở duyên

Phật chẳng y chỉ nơi hai pháp
Đã xô dẹp hết tràng ngã mạn
Pháp môn vô nhị cũng giải thoát
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Bao nhiêu lỗi lầm thân ngữ ý
Từ lâu Đại Thánh đã dứt trừ
Không thí dụ được không suy được
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh không chuyển không phát ngộ
Tất cả lỗi lầm đều xa lìa
Chỗ làm khắp nơi trí dẫn trước
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Tịnh niệm vô lậu rất vi diệu
Pháp thiệt chẳng thiệt đều biết rõ
Cũng không trụ trước không tư duy
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh nơi tâm vô sở duyên
Mà hay biết rõ tất cả tâm
Cũng không sanh tưởng niệm tự tha
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Trong vô sở duyên có sở duyên
Nơi tất cả tâm không mê chấp
Pháp không chướng ngại đã viên minh
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh nơi tâm vô sở duyên
Tự tánh cũng lại vô sở hữu
Vô tâm bình đẳng được viên thành

Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh chẳng y nơi trí pháp
Mà hay xem khắp các quốc độ
Xem khắp việc làm của chúng sanh
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh nơi tâm vô sở đắc
Trong đây rốt ráo cũng đều không
Là Chánh Biến Tri tất cả pháp
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Biết tất cả pháp đều như huyễn
Huyễn ảo nầy cũng vô sở hữu
Đã hay giải thoát huyễn pháp môn
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh xuất hiện tại thế gian
Mà vẫn không dựa nơi thế pháp
Cũng không phân biệt pháp thế gian
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh thường đi trong pháp không
Do pháp không thành cảnh giới không
Không cùng phi không Phật thường tuyên
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Hiện tại thần thông biến hóa sự
Đều do như huyễn tam ma địa
Khắp vào pháp môn lìa chủng tánh
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Biết rõ chẳng một chẳng nhiều tánh
Hoặc gần hoặc xa đều chẳng chuyển

Tâm bình đẳng không thấp không cao
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Kim cương đại định đã hiện ra
Trong khoảng sát na thành Chánh Giác
Khắp nhập pháp môn vô đối ngại
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Dầu rõ Niết Bàn không động lay
Cũng khéo điều phục cả tam thế
Đầy đủ tất cả môn phương tiện
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Nơi tất cả loài chúng sanh kia
Khéo hiểu trí huệ và phương tiện
Nhưng vẫn chẳng động môn Niết Bàn
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đại Thánh không tướng không phát ngộ
Đã rời hý luận không đối ngại
Vì vô ngã nên không ngại đối
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Đã rời nghi lầm không còn lỗi
Không ngã cũng lại không ngã sở
Là Chánh Biến Tri tất cả chỗ
Nay kính lạy đấng vô sở duyên
Cúi lạy Thập Lực dứt phiền não
Cúi lạy quảng đại ban vô úy
Khéo trụ trong các pháp bất cộng
Cúi lạy đấng tôn thắng thế gian
Cúi lạy đấng dứt các kiết phược

Cúi lạy đấng đã ở bờ kia
Cúi lạy đấng cứu khổ thế gian
Cúi lạy đấng chẳng còn sanh tử
Thông đạt tất cả việc chúng sanh
Tất cả mọi nơi lìa ý niệm
Như sen chẳng dính chẳng thấm nước
Trong sạch vắng bặt thường gần gũi
Phật tuyên những câu tối vô thượng
Cúi lạy đấng qua khỏi biển mê
Khéo xem khắp thấy môn vô tướng
Nơi các nguyện cầu vô sở hữu
Phật đại oai lực bất tư nghị
Dường hư không kia không dính mắc
Cúi lạy đấng rộng gìn thắng đức
Cúi lạy đấng cao như Tu Di.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn khen Diệu Cát Tường đại Bồ Tát rằng: "Lành thay, lành thay! Nầy Diệu Cát Tường! Đúng như vậy đúng như vậy, chớ có đối với chư Phật mà khởi kiến chấp sắc tướng, cũng chớ có đối với chư Phật mà cho là không có tướng, chớ có cho rằng chư Phật riêng mình ở pháp giới, cũng chớ có cho rằng Phật ở trong đại chúng, phải biết chư Phật không có thấy không có nghe, không có được cúng dường cũng không có người cúng dường, chư Phật Như Lai không có chút pháp gì là một tánh hoặc là nhiều tánh mà có thể thi vi tạo tác

được, cũng chớ có cho rằng Phật được quả Bồ đề, cũng chớ cho rằng Phật có pháp hay thị hiện, phải biết chư Phật không thấy không nghe , không nhớ không biết, Phật cũng không có lời đã nói pháp sẽ nói pháp đang nói pháp, cũng chẳng phải chư Phật hiện thành Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng không có pháp gì là có thể thành Chánh Giác được, cũng chẳng phải chư Phật, dứt nhiễm chứng tịnh, giả sử Phật có làm cũng vẫn là rời lìa thấy nghe hay biết. Tại sao? Nầy Diệu Cát Tường! Phải biết rằng vì tất cả bổn lai thanh tịnh vậy.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Các ông phải biết rằng kinh nầy công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có Bồ Tát làm cho tất cả chúng sanh bằng số vi trần trong Đại Thiên thế giới đều chứng được quả Duyên Giác nhưng đối với chánh pháp nầy chẳng có lòng tin hiểu, nếu lại có Bồ Tát tin hiểu chánh pháp nầy thì phước đức rộng nhiều hơn Bồ Tát kia vô lượng, huống là tự mình chép biên hoặc bảo người chép biên thì được phước đức càng hơn gấp bội.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Nếu có Bồ Tát làm cho tất cả chúng sanh trong Đại Thiên thế giới, những loài noãn sanh, loài thai sanh, loài thấp sanh, loài hóa sanh, hoặc loài có sắc thân, loài

không có sắc thân, hoặc loài có tưởng, loài không có tưởng, loài phi tưởng phi phi tưởng, loài hai chân bốn chân không chân nhiều chân, tất cả loài chúng ấy đều làm cho họ đều được thân người toàn vẹn, rồi làm cho tất cả đều phát tâm đại Bồ đề, họ phát tâm đại Bồ đề rồi mỗi mỗi vị tân phát Bồ Tát nầy đem món ăn uống y phục giường mền ghế nệm thuốc men đồ dùng thượng diệu cúng dường cung cấp cho chư Phật Bồ Tát cùng chúng Thanh Văn trong bất khả tư nghị hằng hà sa số quốc độ trải qua hằng hà sa số kiếp, sau khi chư Phật ấy nhập Niết Bàn lại xây dựng tháp bảy báu rộng một do tuần cao trăm do tuần, giăng treo phan lọng châu báu anh lạc lưới báu chơn châu na ni mọi thứ trang nghiêm, nếu lại có người thâm tâm thanh tịnh đối với chánh pháp nhập Phật cảnh giới trí quang minh trang nghiêm nầy nghe rồi tin hiểu hoặc được ngộ nhập dùng tâm thanh tịnh vì người diễn nói một ít hoặc chỉ một kệ bốn câu, người nầy được phước vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn sánh với phước bố thí cúng dường của Bồ Tát kia thì hơn cả trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần, ngàn câu chi lần, trăm ngàn câu chi lần, cho đến toán số thí dụ ưu ba ni sa đà lần cũng chẳng thể sánh được.

Lại nầy Diệu Cát Tường! Nếu có Bồ Tát khắp làm cho tất cả chúng sanh đều trụ bực bất thối chuyển, lại có Bồ Tát phát tâm thanh tịnh ở nơi chánh pháp nầy tin hiểu rồi tự mình biên chép hoặc bảo người biên chép, hoặc vì người mà tuyên nói rộng rãi hay lược ít, cho đến làm cho một chúng sanh được nghe tin hiểu ngộ nhập chánh pháp tối thượng thậm thâm nầy thì được phước đức vô lượng vô số chẳng thể xưng kể nghĩ bàn được".

Bấy giờ đức Thế Tôn khắp vì đại chúng mà nói kệ rằng:

Nếu có chư Bồ Tát
Cùng mươi câu chi Phật
Thọ trì chánh pháp môn
Tột hết thời gian tế
Còn với kinh thậm thâm
Yêu thích mà nghe nhận
Phước nầy rộng vô biên
Được quả báo tối thắng
Nếu có chư Bồ Tát
Thần lực qua mười phương
Mười câu chi Phật độ
Thân cận để cúng dường
Lạy khắp đấng Thế Tôn
Các bực Vô Thượng Sĩ

Thương xót các chúng sanh
Cung cấp nhiều lợi lạc
Nay kinh thậm thâm nầy
Chư Phật đồng tuyên thuyết
Nếu hay vì người khác
Giây lát giảng giải cho
Liền ở trong Phật giáo
Phát lòng tin thanh tịnh
Người nầy được quả phước
Rộng lớn còn hơn kia
Chư Phật lòng đại bi
Tuyên dạy chánh pháp nầy
Như vừng sáng lớn rộng
Soi khắp cõi Nhơn Thiên
Người có huệ mãnh lợi
Và đủ nguyện lực lớn
Hay phát lòng tin hiểu
Mau được thành quả Phật
Lời Phật dạy như đây
Nếu có người được nghe
Nghe rồi truyền lại người
Xoay vần dạy bảo nhau
Như vì mười phương Phật
Các đấng Thiên Nhơn Sư
Nhập đại Vô dư y
Niết Bàn thanh tịnh rồi
Xây dựng tháp bảy báu

Rộng cao và đẹp lạ
Trang nghiêm nhiều châu ngọc
Cao khỏi Trời Hữu Đảnh
Dựng phan lọng thù thắng
Linh báu vang tiếng hay
Suốt đến Trời Cứu Cánh
Nghiêm tốt lại lớn rộng
Nếu lại có Bồ Tát
Yêu thích kinh điển nầy
Đúng như trong chánh pháp
Nghe rồi phát lòng tin
Ở chỗ thanh tịnh kia
Bố trí chánh pháp nầy
Được phước đức rộng lớn
Hơn phước cúng dường trên
Nếu có chư Bồ Tát
Thọ trì chánh pháp nầy
Rộng lưu thông cho người
Trừ sạch lòng tiếc pháp
Người nầy được công đức
Vô lượng và thù thắng
Phát tâm cầu Bồ đề
Tùy nguyện thanh tịnh được
Kinh điển thậm thâm nầy
Là pháp của Phật dạy
Các chúng đại Bồ Tát
Nhiều thọ trì tuyên nói

Mười phương tất cả Phật
Khắp cả cõi hư không
Hiện khắp thân Như Lai
Khiến tất cả chiêm ngưỡng.

Đức Phật nói kinh nầy rồi, Diệu Cát Tường đại Bồ Tát và vô số bất tư nghị bất khả thuyết chúng Bồ Tát cùng chư đại Thanh Văn, tất cả thế gian, Trời, Người, A Tu La, Càn Thát Bà v.v… nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI NHẬP PHẬT CẢNH GIỚI
TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM
THỨ NĂM MƯƠI
HẾT.

LI

PHÁP HỘI

TỰ TẠI VƯƠNG BỒ TÁT

THỨ NĂM MƯƠI MỐT

(Hán bộ từ quyển 126 đến quyển 129)

Hán dịch: Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm.
Việt dịch: Việt Nam, Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh.

Tôi nghe như vầy, một thuở nọ đức Phật ở thành Vương Xá trong núi Kỳ Xà Quật tại tháp lớn mà từ cổ xưa chư Phật thường an trụ, chư đại Bồ Tát cùng khen ngợi, đất ấy sạch sẽ vi diệu tối thắng, có pháp tọa của chư Phật, hàng Trời, Rồng, Càn Thát Bà v.v... luôn ca tụng. Nơi ấy lại có thể làm tăng trưởng vô lượng thiện căn, thường có ánh sáng vi diệu của chư Phật thành tựu vô lượng vô biên công đức, là chỗ đầy đủ sở hành của chư Phật.

Đức Như Lai thành đạo Bồ đề rồi chuyển pháp luân vi diệu hàng phục vô lượng vô biên chúng sanh được tự tại nơi tất cả pháp. Đức Thế Tôn ở trong tất cả pháp được trí huệ vô ngại, khéo biết rõ tất cả chúng sanh căn tánh lợi hay độn, đức Phật đã dứt hẳn tất cả phiền não tập khí, trang nghiêm biết rõ tất cả pháp.

Có đại Tỳ Kheo Tăng sáu vạn tám ngàn người đều là Phật tử đã dứt phiền não tập khí, khéo hiểu thâm nghĩa, đều là phước điền, hay dứt sanh tử được quả tịnh giới bất sanh bất diệt.

Còn có vô lượng Bồ Tát Tăng đủ trí vô ngại trí thậm thâm trí vô tri, đại từ đại bi tuôn mưa pháp, hay ban bố tất cả pháp vị cam lộ, đối với tất cả chúng sanh lòng các Ngài như mặt đất tăng trưởng thành tựu các pháp trợ Bồ đề. Trí huệ các Ngài sáng rỡ hay phá tan tối tăm, đều có thể soi rõ đường thiện ác, có thể làm cho hoa sen tâm lành của chúng sanh đều nở, hay làm cho căn lành của chúng sanh thành thục, tăng trưởng mầm lành, làm khô lầy phiền não. Các Ngài có đủ cánh trí huệ bay trong hư không vô ngại như mặt nhựt. Các Ngài khéo có thể làm cho chúng sanh thêm lành bớt ác như mặt nguyệt. Các Ngài là gốc lành cao vững như núi Tu Di. Lòng các Ngài tịch tĩnh tu hành hạnh thanh tịnh chẳng bị thế luận làm động chuyển, thường an trụ pháp xuất thế vô thượng, thường thấy chư Phật và tất cả Phật độ. Các Ngài chứa tạng pháp lành như biển cả. Các Ngài thành tựu đầy đủ các môn Đà la ni, Thánh hạnh tịch tĩnh và đại từ bi. Các Ngài trang nghiêm thanh tịnh hai mắt định và huệ. Từ lâu các Ngài đã xa lìa sự sợ hãi pháp thậm thâm. Từ vô lượng kiếp các

Ngài tu hạnh Bồ đề, pháp nào chưa được rốt ráo thì trọn chẳng thôi nghỉ? Các Ngài đã thành tựu những công đức mà bực Bồ Tát phải có.

Danh hiệu của các Ngài là: Huệ Quang Vô Ngại Nhãn đại Bồ Tát, Kiến Nhứt Thiết Điền Trang Nghiêm Anh Lạc đại Bồ Tát, Bất Đoạn Như Lai Tánh Xuất Thế Ý đại Bồ Tát, Vị Chư Chúng Sanh Thị Hiện Tế Hạnh Thần Túc đại Bồ Tát, Vô Lượng Lạc Thuyết Vô Ngại Thần Túc Tràng Danh Xưng đại Bồ Tát, Tịnh Chúng Quang Tự Tại Vương đại Bồ Tát, Thiện Năng Luận Giải Tự Nghĩa Quảng Thuyết Luận Nghị Thần Túc đại Bồ Tát, Vô Lượng Công Đức Trí Huệ Trang Nghiêm Trụ đại Bồ Tát, Chư đại Bồ Tát như vậy thường chung ở với đức Như Lai. Đức Như Lai thường vì chư Bồ Tát nầy mà phân biệt tuyên nói các pháp môn mà Bồ Tát thực hành.

Lúc bấy giờ đức Như Lai thành Chánh Đẳng Chánh Giác được mười sáu năm, biết rõ trong đại chúng nhiều người tu phạm hạnh đều đến tập họp có thể thọ trì tạng pháp Bồ Tát.

Bấy giờ đức Như Lai nghĩ rằng: Nay ta nên vì vô lượng chúng đại Bồ Tát nầy mà tuyên nói các pháp sở hành của chư Bồ Tát. Ta nên trước thị hiện đại thần thông lực của chư Phật Như

Lai để cho chư đại Bồ Tát biết cảnh giới sâu rộng của chư Phật.

Đức Thế Tôn liền nhập tam muội. Tam muội ấy có tên là Phật Cảnh Thần Thông Thiệt Kiến Chúng Sanh.

Do công đức oai thần lực của Phật, ở chặng giữa hai cõi Dục và cõi Sắc xuất hiện Phường đình lớn rộng bằng cả Đại Thiên thế giới, từ hai sức định và phước làm thành, nơi đây có thể làm chỗ ở của Phật Như Lai. Đức Phật lại phóng quang minh thanh tịnh lớn chiếu khắp thế giới chư Phật mười phương. Quang minh nầy có thể làm cho chúng sanh được tâm tri túc còn hơn cả ở cung trời, lại có thể khuyến tấn chư Bồ Tát phóng dật ở mười phương.

Phường đình được hiện ra đây, bốn phía giáp vòng có đại thọ bạch lưu ly, tường vách bằng chân kim, nhà bằng công đức bửu, rèm rũ bằng ngọc mã não, lan can bằng các thứ châu báu, có lưới kết bằng bạch chơn châu giăng trùm lên trên, các thứ phan lọng báu để trang nghiêm, các thứ hương thơm rưới rải trên đất, xông đốt gỗ thơm quý. Bao nhiêu những món thượng diệu trang nghiêm của chúng sanh trong mười phương thế giới đều hiện cả trong ấy.

Trong Phường đình được hiện ra ấy đặt để vô lượng trăm ngàn vạn ức pháp tọa sư tử, trải nệm êm dịu vô lượng màu sắc đẹp sáng, ai thấy cũng đều sanh lòng vui thích. Các tứ thiên hạ đều riêng có bốn thềm thang bằng thất bửu, ngang rộng mười do tuần, lúc có người bước đi trên ấy liền phát ra âm thanh vi diệu. Như tứ thiên hạ, cả Đại Thiên thế giới cũng đều có thềm bực thất bửu như vậy cả.

Bấy giờ đức Thế Tôn từ tam muội dậy, cả Đại Thiên thế giới chấn động sáu cách, cũng phóng ra ánh sáng lớn tối thắng. Đức Thế Tôn cùng các chúng Thanh Văn, Bồ Tát sau trước vây quanh muốn đến Phường đình ấy. Tất cả hàng chư Thiên tôn trọng ngợi khen rải các thứ hoa trời như hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, cũng xông đốt các thứ hương thơm, rải các thứ bột hương để cúng dường Phật và Thánh chúng. Quang minh của đức Phật phóng ra chấn động cả mười phương, soi sáng khắp mọi nơi vô lượng vô biên thế giới, thị hiện thần thông phước đức của chư Phật.

Lúc bấy giờ, tại núi Kỳ Xà Quật, bỗng nhiên đại chúng chẳng còn hiển hiện, tất cả đều lên thềm bực thất bửu đi trên hư không. Có vô

lượng ức Bát Bộ Quỷ Thần, Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già cùng các chúng Quỷ Thần Vương cũng theo hầu cận đức Phật, đều mang hoa trời hương trời để cúng dường.

Tứ Thiên Vương quỳ dài chắp tay hướng lên đức Phật nói kệ tán thán:

Như Lai quang minh hơn tất cả
Hay phá tối tăm ba ác đạo
Chúng tôi quy y thích y chỉ
Đấng Vô Thượng tát bà tất đạt.

Nói kệ xong, Tứ Thiên Vương cùng chúng trời thần của mình liền đứng hầu sau Phật.

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn cùng chư Thiên trời Đao Lợi đem hoa hương cúng dường đức Phật mà nói kệ tán thán:

Như Lai đầy đủ đại thần thông
Đức đại từ bi không ai hơn
Công đức Phật trang nghiêm mười phương
Chúng tôi kính lạy đấng Vô Thượng.

Nói kệ khen xong, Thiên Đế cùng chư Thiên trời Đao Lợi liền đến hầu sau đức Phật.

Dạ Ma Thiên Vương cùng chư Thiên trời Dạ Ma đem hương hoa cùng kỹ nhạc trời cúng dường và nói kệ tán thán đức Phật:

Trí huệ vô biên vô chướng ngại
Biết việc ba đời của chúng sanh
Một tâm biết rõ vô lượng tâm
Nay tôi kính lạy đấng Vô Thượng.

Nói kệ xong, Dạ Ma Thiên Vương và chư Thiên Dạ Ma đứng hầu sau Phật.

Đâu Suất Thiên Vương và chư Thiên trời Đâu Suất đem hoa hương kỹ nhạc trời cúng dường và nói kệ tán thán đức Phật:

Phật biết các pháp như ảo huyễn
Không thọ không làm không chữ lời
Thương người nên nói chẳng thể nói
Ghi nói vô ngã biết pháp tánh.

Nói kệ xong, Đâu Suất Thiên Vương và chư Thiên trời Đâu Suất liền đứng hầu sau đức Phật.

Hóa Lạc Thiên Vương cùng chư Thiên trời Hóa Lạc đem hương hoa kỹ nhạc trời cúng dường và nói kệ tán thán đức Phật:

Như Lai được đầy đủ thập lực
Biết các pháp giới như hư không
Không tướng vì thương mà hiện tướng
Tâm Phật bình đẳng dạy chúng sanh
Như Lai thường làm việc chư Phật
Vì chúng sanh làm việc thế gian
Khai thị pháp giới vô phân biệt

Nay tôi kính lễ Thiên Nhơn Sư.

Hóa lạc Thiên Vương và chư Thiên trời Hóa Lạc nói kệ xong liền đến hầu sau đức Phật.

Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương cùng chư Thiên trời Tha Hóa Tự Tại đem hương hoa kỹ nhạc trời cúng dường đức Phật và nói kệ tán thán:

Giới hạnh thanh tịnh trụ tịch tĩnh
Thành tựu tam muội tối vô thượng
Trí Phật vô biên vô chướng ngại
Tôi lạy bực cứu cánh giải thoát
Đại từ đại bi lời vi diệu
Hay biết đúng thiệt đạo phi đạo
Dũng kiện tinh tiến lực vô thượng.
Chúng tôi kính lạy đấng vô động
Phật đã thành tựu ba giải thoát
Không ai khen hết công đức Phật
Quạ bay dầu chẳng đồng Kim Sí
Cũng tùy sức mình mà bay liệng
Nay tôi như quạ tùy sức khen
Xin Phật xót thương nhận lời mọn
Không gieo không gặt không kết quả
Chẳng khen đức Phật không giải thoát
Từ bi làm cọng trí huệ lá
Chánh định cánh tua giải thoát nở
Ong chúa Bồ Tát hút cam lộ

Nay tôi lạy Phật hoa sen pháp
Đại bi trí huệ quang minh đủ
Hay phá vô minh của chúng sanh
Giới hạnh thanh tịnh người thích xem
Nay tôi kính lạy Phật pháp nguyệt
Tâm Phật bình đẳng như hư không
Ngợi khen chê mắng lòng không hai
Hay sạch cấu nhơ vô lượng chúng
Nay tôi kính lạy sông Phật pháp.

Nói kệ xong, Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương cùng chư Thiên Trời Tha Hóa Tự Tại liền đứng hầu sau đức Phật.

Chúng chư Thiên cúng dường nói kệ tán thán xong, đức Thế Tôn liền thị hiện vô lượng thần thông đạo lực lần lần đến Phường đình thất bửu. Như người Tứ thiên hạ thấy đức Phật đi lên, khắp cả Đại Thiên thế giới cũng đồng thấy như vậy. Vào Phường đình rồi đức Phật lên ngự tòa sư tử thất bửu, hàng Thanh Văn và chư Bồ Tát cũng lên ngồi tòa báu.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nhập tam muội. Tam muội ấy có tên là Vô ngại giải thoát. Khắp thân đức Phật tất cả lỗ lông đều phóng vô lượng ánh sáng lớn chiếu suốt mười phương vô lượng thế giới. Loài chúng sanh trong các địa ngục nhờ ánh sáng soi đến đều được dứt khổ. Các chúng

sanh khác thì trừ lòng tham gian giận thù mê si, mỗi mỗi sanh lòng thương coi nhau như cha với con.

Do công đức của Phật nên trong ánh sáng ấy nói lên lời kệ để khuyến hóa các Bồ Tát phóng dật:

Như Lai tinh tiến vô lượng biên
Quá vô lượng kiếp thường tinh tiến
Ai hay khen Phật quang minh đức
Chỉ có chư Phật ở mười phương
Vì khuyên mười phương chư Bồ Tát
Ưa thích phóng dật chẳng tu thiền
Thích Ca Như Lai phóng quang nầy
Với chư Bồ Tát về đây họp
Thành tựu đầy đủ Phật thập lực
Phá được Ma Vương các thế giới
Thế giới chẳng nhơ dường hoa sen
Quang minh Phật phóng vô biên lượng
Như Lai chuyển pháp vô thượng nầy
Chư Thiên cùng người không làm được
Vì các chúng sanh chuyển pháp luân
Như xưa pháp luân chư Phật chuyển
Hôm nay Như Lai họp đại hội
Khó thấy dường như hoa ưu đàm
Nếu ai lòng tin được thành tựu
Đều vì nghe pháp đến chỗ Phật.

Lời kệ tụng trong quang minh của Phật phóng ra vang rộng khắp mười phương khuyên bảo các Bồ Tát làm chấn động tất cả thế giới đại địa, làm cho chúng sanh tất cả đều được an vui, hay sạch tất cả phiền não của chúng sanh, hay phá si tối của tất cả chúng sanh, hay khuất tất cả cung điện của thiên ma. Ánh sáng ấy chiếu khắp mười phương rồi trở về nhập vào đỉnh đầu của đức Phật.

Bấy giờ phương Đông có thế giới tên Vô Lượng Công Đức Bửu Tụ Thần Thông, Phật hiệu Tịnh Đại Bửu Hoa Quang Vương, nơi ấy có Bồ Tát hiệu Pháp Tự Tại Công Đức Hoa. Được quang minh chiếu đến, Bồ Tát nầy liền cùng hằng hà sa số đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn, đầu mặt lạy chân Phật Thích Ca Mâu Ni, đi nhiễu Phật một vạn vòng rồi đem hoa hương vi diệu cúng dường ở trước Phật nói kệ tán thán:

Tất cả công đức đều rốt ráo
Thường được mười phương Phật ngợi khen
Danh hiệu vô ngại khắp mười phương
Đại từ đại bi Thích Ca Phật
Như Lai pháp giới vô sai biệt
Vì kẻ căn độn nói sai biệt
Tuyên nói một pháp thành vô lượng

Như nhà ảo thuật bày sự ảo.

Chư Bồ Tát nói kệ khen Phật xong cúi lạy chân Phật rồi dùng sức thần thông của mình ở phía Đông của đức Phật hóa ra các tòa báu theo thứ tự mà ngồi.

Phương Nam có thế giới tên là Phật Quang, Phật hiệu là Vô Lượng Công Đức Bửu. Cõi ấy có Bồ Tát hiệu Bửu Trượng. Bồ Tát nầy được quang minh chiếu đến liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn đầu mặt lạy chân đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng rồi dâng cúng hương hoa vi diệu, ở trước đức Phật nói kệ khen ngợi:

Đại từ mây pháp tuôn mưa pháp
Thường nói vô thường không vô ngã
Dùng nước bát chánh dứt lửa kiết
Tăng trưởng căn lành cho chúng sanh
Phật quang hay phá tối vô minh
Khuyên dạy chư Bồ Tát phóng dật
Hay đốt giống ái trong tam giới
Hay dạy chân thiệt đạo phi đạo.

Nói kệ và đảnh lễ Phật xong, chư Bồ Tát nầy dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phía Nam đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Phương Tây có thế giới tên là Quang Minh, Phật hiệu Phổ Quang. Cõi ấy có Bồ Tát hiệu là Xưng Lực Vương được quang minh chiếu đến liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn, đầu mặt lạy chân đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng, đem hương hoa vi diệu cúng dường, ở trước đức Phật nói kệ khen rằng:

Phát nguyện lành trong vô lượng kiếp
Do đây được thân vô lậu tịnh
Công hạnh của Phật như hư không
Âm thanh vô ngại khắp mười phương
Như Lai tiếng phạn như sấm vang
Tiếng nầy vô nghiệp cũng vô nhơn
Không nghe không nhận không chúng sanh
Đại bi cớ chi vang tiếng nói.

Chư Bồ Tát nầy nói kệ và đảnh lễ chân đức Phật xong, dùng thần lực của mình ở phía Tây đức Phật hóa ra tòa báu rồi theo thứ tự mà ngồi.

Phương Bắc có thế giới tên Bửu Trang Nghiêm, Phật hiệu là Vô Lượng Công Đức Trang Nghiêm. Cõi ấy có Bồ Tát hiệu là Đại Hải Trí. Được quang minh chiếu đến, đại Bồ Tát Hải Trí liền cùng mười hằng hà sa số đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu

lớn đầu mặt lạy chân đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng, dâng cúng hoa hương rồi nói kệ khen ngợi:

Như Lai Vô thượng ánh sáng vàng
Hay phá tối tất cả thế gian
Nếu có chúng sanh gặp sáng nầy
Phiền não liền trừ được an lạc
Dầu ai thân cao quá Đại Thiên
Thần thông đạo lực vô biên tế
Cũng chẳng thấy được đảnh tướng Phật
Nhiều kiếp Thế Tôn tu hạnh gì.

Nói kệ khen xong, chư Bồ Tát lạy chân đức Phật rồi dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phía Bắc đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Phương Đông Nam có thế giới tên Vô Ưu, Phật hiệu là Năng Hoại Nhứt Thiết Ám. Cõi ấy có đại Bồ Tát hiệu là Vô Thắng Quang. Được quang minh chiếu đến, đại Bồ Tát Vô Thắng Quang liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn đầu mặt lạy chân đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng dâng cúng hoa hương rồi nói kệ ngợi khen:

Vô lượng cõi vào một lỗ lông
Cũng chẳng nhiễu hại các chúng sanh
Cảnh giới của Phật khó biết được.

Thần thông đạo lực chẳng nghĩ bàn
Hay làm một thân thành vô lượng
Mà chơn thân Phật không tăng giảm
Dầu vì chúng sanh hiện thần biến
Mà nội tâm Phật thường bình đẳng.

Nói kệ xong, chư đại Bồ Tát lạy chân đức Phật rồi dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phía Đông Nam đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Phương Tây Nam có thế giới tên là Thiện Kiến, Phật hiệu là Tâm Bình Đẳng. Cõi ấy có đại Bồ Tát hiệu là Đại Bi Tâm. Được quang minh chiếu đến, đại Bồ Tát Đại Bi Tâm liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn đầu mặt lạy chân đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng, đem hương hoa vi diệu cúng dường rồi nói kệ khen ngợi:

Trong vô lượng đời gìn cấm giới
Như mao ngưu quý trọng đuôi mình
Thấy ai phạm giới lòng xót thương
Cũng chẳng kiêu mạn tự khen ngợi
Tâm của Phật như núi Tu Di
Mười phương ma tà không động được
Trí Phật rất sâu không thể lường
Khó nghĩ bàn được như biển cả

Phật tự giải thoát tất cả cõi
Cũng khiến chúng sanh được giải thoát
Được quả giải thoát thiệt không khác
Tùy lúc hành đạo có dị biệt.

Nói kệ xong, chư đại Bồ Tát lạy chân đức Phật rồi dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phía Tây Nam đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Phương Tây Bắc có thế giới tên là Hoại Ám, Phật hiệu là Đại Thần Thông Vương. Cõi ấy có đại Bồ Tát hiệu là Bửu Võng. Được quang minh chiếu đến, đại Bồ Tát Bửu Võng liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn đầu mặt lạy chân đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng, đem hương hoa vi diệu cúng dường rồi ở trước đức Phật mà nói kệ ngợi khen:

Như Lai Thế Tôn dường ảo huyễn
Mà vì chúng sanh nói sự huyễn
Vì không vật thiệt nên nói huyễn
Không có chúng sanh nói chúng sanh
Như người chiêm bao thấy các cảnh
Thức dậy thiệt ra không cảnh sắc
Vì độ chúng sanh hiện thế gian
Như Lai chơn thiệt không thế gian.

Nói kệ xong, chư đại Bồ Tát đảnh lễ chân đức Phật rồi dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phía Tây Bắc đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Phương Đông Bắc có thế giới tên là Tịnh Trụ, Phật hiệu là Tâm Đồng Hư Không. Cõi ấy có đại Bồ Tát hiệu là Vô Biên Tịnh Ý. Được quang minh chiếu đến, đại Bồ Tát Vô Biên Tịnh Ý liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn đầu mặt lạy chân đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng dùng hương hoa vi diệu cúng dường rồi ở trước đức Phật nói kệ ngợi khen:

Phật biết các pháp giới thậm thâm
Thường thích tịch tĩnh tu vô tưởng
Biết rõ tâm tưởng của chúng sanh
Cũng nói các pháp như hư không
Trụ trong một tâm biết tam thế
Cũng biết rõ ràng các chủng nghiệp
Chẳng sanh tâm tưởng chúng sanh tưởng
Vô lượng đời tu vô tướng tưởng.

Nói kệ xong, chư đại Bồ Tát đảnh lễ chân đức Phật rồi dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phía Đông Bắc đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Hạ phương có thế giới tên là Lạc Quang, Phật hiệu là Bửu Ưu Bát Hoa. Cõi ấy có đại Bồ Tát hiệu là Trang Nghiêm Lạc Thuyết. Được quang minh chiếu đến, đại Bồ Tát Trang Nghiêm Lạc Thuyết liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn đầu mặt lạy chân Thích Ca Mâu Ni Phật, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng, đem hương hoa vi diệu cúng dường rồi ở trước đức Phật nói kệ khen ngợi:

Vô lượng bực trí chơn Phật tử
Số như vi trần trong mười phương
Ở vô lượng kiếp học hỏi Phật
Chẳng hết nghĩa một chữ của Phật
Trí huệ Như Lai rộng vô biên
Công đức tổng trì cũng như vậy
Danh xưng lực thế vô biên tế
Dường như đại hải ở mười phương.

Nói kệ xong, chư đại Bồ Tát đảnh lễ chân đức Phật rồi dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phương dưới đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Thượng phương có thế giới tên là Anh Lạc Trang Nghiêm, Phật hiệu là Đại Danh Xưng. Cõi ấy có đại Bồ Tát hiệu là Nhứt Thiết Pháp Thần Thông Vương. Được quang minh chiếu đến, đại

Bồ Tát Nhứt Thiết Pháp Thần Thông Vương liền cùng mười hằng hà sa số chúng đại Bồ Tát đồng đến Ta Bà thế giới trong Phường đình báu lớn đầu mặt lạy chân đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đi nhiễu bên hữu một vạn vòng, đem hương hoa vi diệu cúng dường rồi ở trước đức Phật nói kệ ngợi khen:

Thân Phật thân nghiệp vô biên tế
Ý nghiệp khẩu nghiệp cũng vô biên
Chỉ Phật biết được Phật ba nghiệp
Người khác chẳng biết như hư không
Như Lai đầy đủ vô sư trí
Vì vậy chúng sanh gọi Đại Sư
Chư Phật pháp giới chẳng nghĩ bàn
Thành đạo chuyển pháp nhập Niết Bàn.

Nói kệ xong, chư đại Bồ Tát đảnh lễ chân đức Phật rồi dùng thần lực của mình hóa ra tòa báu ở phương trên đức Phật rồi theo thứ tự mà ngồi.

Trong khoảng một niệm thời gian, vô lượng chư đại Bồ Tát ở mười phương thế giới đồng thời vân tập trong Phường đình báu lớn.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn từ tam muội an tường dậy, tiếng dặng hắng của đức Phật vang suốt mười phương, tất cả chúng sanh đều được

nghe, nghe rồi đều sanh lòng kính tin Phật Pháp và Tăng Tam Bảo.

Thế giới mười phương có bao nhiêu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, hoặc là Người hoặc hàng Phi Nhơn nghe tiếng của đức Phật rồi thì thân tâm của họ liền tịch tĩnh. Do sức oai thần công đức của Phật nên họ đều ngó thấy những thềm bực bảy báu, trong khoảng một niệm họ đều được lên thềm báu vào trong Phường đình báu lớn theo vị thứ của mình mà ngồi.

Nghe thanh âm của đức Phật, tất cả chư Thiên: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Phạm Vương Thiên, Thiểu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên, Thiểu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên, Phước Ái Thiên, Phước Sanh Thiên, Vô Tưởng Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Kiến Thiên, Thiện Hiện Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên, trong thời gian một niệm đồng đến Phường đình báu lớn lễ Phật cúng dường hóa ra tòa báu rồi theo thứ tự mà ngồi.

Thấy đại chúng đã tập họp xong, đức Thế Tôn phóng bạch hào tướng quang giữa hai chặng mày. Quang minh nầy có tên là Thị Bồ

Tát Lực, xoay quanh đại chúng Bồ Tát bảy vòng rồi nhập vào đảnh đầu chư Bồ Tát.

Trong đại hội có một đại Bồ Tát hiệu là Chư Pháp Tự Tại Công Đức Hoa Tử nhập tam muội tên là Anh Lạc Trang Nghiêm. Do sức tam muội nầy hóa ra tòa sư tử cao bằng tám vạn ức cây đa la, tòa nầy bảy báu trang nghiêm trải các thứ danh hoa, hay làm cho người thấy phải ưa thích và thân tâm đều thanh tịnh.

Dùng sức tam muội hóa hiện tòa sư tử như vậy rồi, đại Bồ Tát Chư Pháp Tự Tại Công Đức Hoa Tử xuất định an tường đứng dậy đầu mặt lạy chân đức Phật, cung kính chắp tay ở trước đức Phật nói kệ ngợi khen:

Ánh sáng nhựt nguyệt phá hiện tối
Phật quang hay phá tối ba đời
Như Lai đầy đủ sức thần thông
Sáng hơn tất cả ánh sáng trời
Phật rõ pháp giới không tri giác
Như trăng trong nước không khứ lai
Không sanh không thọ không tác giả
Chơn thiệt biết rõ dạy lại người
Biết trong sắc tâm không sắc tâm
Phương tiện dạy người nói sắc tâm
Thần thông Như Lai dường ảo huyễn
Biết các pháp giới cũng ảo huyễn

Tất cả chúng sanh tâm thường tịnh
Có lúc khách trần phiền não nhiễm
Chư Phật Như Lai được giải thoát
Thị hiện thần thông như huyễn ảo
Hư không không nơi không chỗ ở
Tâm Phật rỗng không cũng như vậy
Vì chúng nên Phật lên tòa ngồi
Nói pháp cam lộ như chư Phật
Tất cả đại chúng không khứ lai
Không có người nói nghe nhận lấy
Các pháp thảy đều như hư không
Nguyện Phật tuyên nói pháp chân thật
Thế Tôn nhận ngồi tòa tôi hiện
Nguyện vì chúng sanh rống sư tử
Thương người nên phát phạm âm thanh
Đèn sáng trí huệ phá si tối
Đại chúng mười phương đến nghe pháp
Đều đã tập họp Phường đình nầy
Nguyện Phật ban cho đại pháp thí
Phá khối nghèo cùng vô lượng đời.

Vì lòng đại bi, đức Thế Tôn lên ngồi trên tòa sư tử báu của đại Bồ Tát Chư Pháp Tự Tại Công Đức Hoa Tử dâng hiến. Đức Thế Tôn muốn nói pháp môn vô ngại sở hành của Bồ Tát. Hành pháp môn nầy sẽ được đầy đủ Phật pháp thập lực, tứ vô sở úy, nhập pháp môn tất cả pháp tự tại đà la ni, nhập pháp môn tứ vô ngại trí, nhập

pháp môn đại thần thông bất thối chuyển pháp luân, bất thối trụ xứ nhiếp tất cả thừa, nhiếp tất cả pháp giới chơn thiệt pháp giới, vô phân biệt pháp giới, biết rõ tâm căn tất cả chúng sanh, nhập pháp giới chơn thiệt kiên cố, hay phá tất cả tứ ma, điều phục tất cả ác kiến phiền não, được bất cộng thiện quyền phương tiện, được tâm bình đẳng vô nhị, được chỗ mà tất cả chư Phật đồng vào, chỗ không chướng ngại vì nói tất cả pháp chơn thiệt, tất cả pháp phi giác phi phi giác, vì nói mười hai nhơn duyên bình đẳng, vì đầy đủ trí huệ đại trang nghiêm, vì trang nghiêm thân Phật và âm thanh Phật, vì ý niệm vô tận hiện hành trí huệ, vì diễn nói Tứ Thánh Đế chơn thiệt hay làm cho hàng Thanh Văn thân tâm thanh tịnh, hay làm cho hàng Bích Chi Phật phát khởi đại trí, hay làm cho hàng Đại thừa Bồ Tát được tự tại nơi tất cả Pháp, vì nói rộng công đức của chư Phật, vì giải nói chỉ dạy tất cả pháp, vì nói công đức lớn rộng của chư Bồ Tát, vì phá rách lưới nghi của chúng sanh, vì dẹp trừ tất cả tà luận, vì tăng trưởng chánh pháp của Như Lai, vì hiển bày thần lực của Phật cho chúng sanh thấy. Vì tất cả nhơn duyên như vậy mà đức Thế Tôn lên ngồi bửu tòa sư tử.

Bấy giờ có đại Bồ Tát hiệu là Bửu Trượng thừa thần lực của đức Phật mà nhập tam muội

Phật anh lạc trang nghiêm, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng đều được các thứ anh lạc trang nghiêm.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Xưng Lực Vương nhập liên hoa tam muội, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng đều được hoa đẹp cúng dường đức Phật và chư đại Bồ Tát.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Đại Hải Huệ Trí nhập diệu hương tam muội, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng đều được có hương thơm cúng dường Phật và chư đại Bồ Tát.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Bửu Võng cũng nhập quang minh tam muội, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng đều được thân mình có ánh sáng đẹp.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Bi Tâm nhập vô thuấn tam muội, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng chiêm ngưỡng đức Thế Tôn chẳng hề chớp mắt.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Vô Biên Tịnh Ý nhập hỷ lạc tam muội, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng vui thích nghe pháp.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Trang Nghiêm Lạc Thuyết nhập tịch tĩnh ý tam

muội, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng xa lìa ngũ cái.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Nhứt Thiết Pháp Thần Túc Vương nhập bất vong tam muội, do sức tam muội nầy làm cho đại chúng chuyên nhớ Bồ đề chẳng quên mất.

Thừa thần lực của đức Phật, Dũng Kiện đại Bồ Tát nhập vô thắng tam muội, do sức tam muội nầy đều làm cho đại chúng xô dẹp các ma.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Phá Ma nhập hoại ma tam muội, do sức tam muội nầy mà một ức vị ma vương trong Đại Thiên thế giới được vời đến tập họp tại Phường đình báu lớn, tất cả một ức vị ma vương đầu mặt lạy chân đức Phật, cung kính chắp tay đồng bạch rằng: "Nguyện đức Như Lai vì các chúng sanh mà khai thị pháp môn cam lộ. Chúng tôi nhơn sức oai thần của đại Bồ Tát Phá Ma nên sẽ được xa lìa tất cả nghiệp ma không còn có lòng trở ngại đại chúng".

Đức Phật nói: "Lành thay lành thay! Các thiện nam tử, nay các người đã lìa được nghiệp ma, do nhơn duyên nầy ở đời vị lai các người cũng lại được lìa tất cả nghiệp ma. Nầy các thiện nam tử! Ví như trong nhà tối trăm năm, được có đèn sáng thì tất cả tối tăm đều mất. Cũng vậy, từ

nhiều kiếp các người bị vô minh làm đen tối, nay thì được phá tan mê lầm mà an trụ trong bửu quang nhựt nguyệt tín giới thí huệ thiền định. Các ngươi hôm nay thỉnh Phật thuyết pháp, do nhơn duyên nầy các ngươi sẽ phá được tối vô minh mà làm đèn sáng trí huệ cho các chúng sanh".

Bấy giờ trong đại chúng có một đại Bồ Tát hiệu là Pháp Tự Tại Vương bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Cảnh giới của đức Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao? Vì đức Như Lai có tâm muốn thuyết pháp mà có thể làm cho tất cả đại chúng vân tập vì Bồ đề mà làm đại trang nghiêm đại pháp thần thông, vô lượng thế gian được đại danh xưng thân tâm tịch tĩnh được đại giải thoát và được pháp giới bất khả tư nghị, được mười phương chư Phật ngợi khen, đầy đủ tất cả mười Ba la mật, thành tựu thông đạt thiện quyền phương tiện, hay phá rách lưới nghi của tất cả các ma, hay dứt tất cả tà luận của các chúng sanh, hay khéo phân biệt tất cả pháp giới, đến được đầy đủ trí huệ vô ngại, đầy đủ trí huệ niệm ý hành, đầy đủ sức dũng kiện, đầy đủ bốn trí vô ngại, khéo biết các căn lợi hay độn của các chúng sanh, biết rõ chúng sanh giới mà tùy ý thuyết pháp, thường hay tuyên nói pháp giới thanh tịnh, khéo hiểu tất cả ngữ ngôn của các

phương thế gian, hay được tất cả phạm âm thanh tịnh, thành tựu đầy đủ tâm đại từ bi, các tà thuyết dị kiến không làm lay động được, như núi Kim Cương không gì phá hoại được, trọn đủ ba tướng, dựng nên tràng pháp, đã qua khỏi sông sâu mười hai nhơn duyên, đã dứt hai biên kiến, hay điều phục đại chúng, trong vô lượng kiếp được khối pháp bất khả tư nghị, hay trị lành các bịnh như đại y vương, làm cho đại chúng nghe pháp thậm thâm không kinh sợ, đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân đã thành tựu viên mãn ba mươi bảy phẩm trợ pháp Bồ đề và đầy đủ tám giải thoát, thân khẩu và ý đã thuần thiện không còn tạp xen có thể khiến tất cả chúng sanh đều mến thích đến nghe pháp, các pháp thế gian không ô nhiễm được, thường thọ an lạc, thường trụ pháp giới, ban cho pháp bửu, với pháp không nhàm, với pháp có không hề nhiễm dính như cánh hoa sen không thấm nước, sáng hơn tất cả nhựt nguyệt đèn châu, trí sâu hơn biển, nối tánh Tam Bảo, điều phục chúng sanh giới, hay khai phát Phật tạng, hộ trì Phật pháp, đầy đủ vô lượng công đức trí huệ. Trong vô lượng kiếp tu tập trang nghiêm vô lượng công đức, thường muốn chứng được nhứt hạnh nhứt tâm nhứt sắc nhứt xứ. Chư Bồ Tát có đủ công đức như vậy nay đều

đến tập họp nơi pháp hội nầy. Nguyện đức Như Lai nói pháp môn vô ngại công hạnh của Bồ Tát để làm lợi ích cho chúng Bồ Tát quá khứ vị lai và hiện tại, để cho hàng sơ phát tâm chẳng thối chuyển, hàng phát tâm lâu thì được tăng trưởng, hàng hành đạo Bồ đề thì được ý thanh tịnh, hàng bất thối Bồ Tát thì học pháp Phật, hàng bổ xứ Bồ Tát thì được anh lạc trang nghiêm, hàng tối hậu thân Bồ Tát thì được Vô thượng Bồ đề, chúng sanh định tánh thì thêm lớn nhơn duyên, kẻ chưa định tánh thì làm nhơn duyên, kẻ chưa vào Phật pháp thì làm cho họ vào Phật pháp, kẻ đã vào Phật pháp thì thêm kính Phật pháp, vì người thích ba thừa mà nói Nhứt thừa, ban cho thế gian phước lạc Trời Người".

Bạch đức Thế Tôn! Như Lai xuất thế có bao nhiêu sự bất khả tư nghị như vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Nay trong đại chúng nầy, mỗi vị Bồ Tát đều có thể thị hiện các đại thần thông. Vì vậy nên chư Phật và chư Bồ Tát đều chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao các chúng sanh vô minh ái nặng dầu được thấy đại thần thông của chư Bồ Tát như vậy mà vẫn sanh lòng ty hạ ham pháp Thanh Văn hay pháp Duyên Giác.

Bạch đức Thế Tôn! Lúc mới phát tâm Bồ đề, Bồ Tát đã hơn hàng Thanh Văn và Duyên Giác.

Bạch đức Thế Tôn! Ví như có người vứt bỏ ngọc lưu ly mà lượm lấy thủy tinh. Cũng vậy, chúng sanh bỏ Đại thừa mà thích thừa Thanh Văn và Duyên Giác. Nếu có chúng sanh đã phát hay muốn phát tâm Vô thượng Bồ đề thì sẽ được tất cả công đức thần thông như đã nói ở trên".

Nghe Pháp Tự Tại Vương đại Bồ Tát bạch đức Phật xong, trong pháp hội có ba mươi ức na do tha trăm ngàn muôn ức chúng sanh Trời và Người phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn biết chư Bồ Tát đã vân tập, đức Phật nghĩ rằng hôm nay các thiện nam tử nầy đều muốn được nghe thiệt nghĩa của các pháp, họ đều có thể thọ trì tạng pháp thậm thâm của Phật, họ đều muốn nghe pháp môn vô ngại công hạnh của Bồ Tát.

Nghĩ như vậy, đức Phật liền phóng bạch hào tướng quang giữa hai chặng mày. Quang minh nầy có tên là vô sở úy nhiễu bên hữu quanh chư đại chúng đủ bảy vòng rồi nhập vào đảnh đầu của đại Bồ Tát Đà La Ni Tự Tại Vương.

Thừa thần lực của đức Phật, đại Bồ Tát Đà La Ni Tự Tại Vương hóa ra lọng báu lớn khắp Đại Thiên thế giới trang nghiêm với bảy thứ báu. Lọng báu nầy che ngay trên pháp tòa của đức Phật.

Hóa lọng báu lớn xong, Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát đầu mặt lạy chân đức Phật rồi quỳ dài chắp tay cung kính nói kệ tán thán:

Như Lai tự tại tất cả pháp
Phật quang hay phá tối thế gian
Thế Tôn Phật nhãn không chướng ngại
Hay thấy nghĩa chơn thiệt các pháp
Đầy đủ vô lượng các công đức
Không thầy tự ngộ các pháp giới
Như Lai phóng quang vì chúng sanh
Nhập vào đầu tôi có cớ gì
Trước đây trí biết chưa được tỏ
Mắt Đà la ni tôi cũng vậy
Phật quang nay nhập vào thân tôi
Làm tôi biết rõ các pháp giới
Lại thêm thân tâm được thanh tịnh
Thọ vui Vô thượng vô biên lượng
Nay tôi đã biết cảnh giới Phật
Cũng được lạc thuyết vô ngại biện
Khó được hầu gần mười phương Phật
Người gặp cũng không thờ làm thầy

Nay vì nương thần lực của Phật
Muốn hỏi chút pháp lợi chúng sanh
Nhơn duyên gì phát Bồ đề tâm
Còn có duyên gì Phật xuất thế
Duyên gì phóng quang chiếu mười phương
Còn duyên gì hiện thần thông lớn
Duyên chi Phật vì chúng thọ ký
Nguyện Phật chỉ dạy cho chúng rõ
Nay đại chúng nầy bực thắng thượng
Có thể thọ trì Phật pháp giới
Chúng đây không ma không nghiệp ma
Xin Phật khai thị pháp tạng Phật
Trí tôi thiển cận có mé bờ
Đâu có khả năng thưa thỉnh Phật
Nay hỏi Như Lai vô biên trí
Làm sao biết được các phương tiện
Nguyện Phật dạy bảo hàng đệ tử
Tôi học đã được pháp tự tại
Đã có khả năng thuyết đại pháp
Sẽ báo ơn chư Phật mười phương.

Bạch đức Thế Tôn! Chư Phật Như Lai bất khả tư nghị, công hạnh Bồ Tát không có ngằn mé, vì vậy nên nay tôi kính hỏi đấng Như Lai Vô thượng Pháp Vương đại từ đại bi, để đem lại sự lợi ích cho chúng sanh về pháp thậm thâm.

Thế nào gọi là Bồ Tát hạnh? Dùng gì làm anh lạc trang nghiêm mà công hạnh của Bồ Tát được thanh tịnh? Làm sao có thể phá được tối ngu si? Làm sao có thể dứt hết lòng nghi lầm? Bồ Tát vì chúng sanh tu tâm từ bi thế nào? Bồ Tát ủng hộ chúng sanh thế nào? Thế nào là Bồ Tát hay tu Bồ Tát nghiệp, thiện nghiệp và bất thối nghiệp? Nguyện đức Như Lai xót thương tuyên dạy cho. Đại chúng trong pháp hội nầy đều có lợi căn trí huệ có thể hiểu lời Phật. Có thể biết pháp giới, có thể thấu đạt pháp môn vô ngại sở hành của Bồ Tát, có thể phá hoại tất cả ma và nghiệp ma, có thể trừ hết lòng nghi, có thể hiểu cảnh giới thậm thâm của Phật, có thể biết chúng sanh giới và chúng sanh tâm tánh, có thể thấy vô lượng chư Phật thế giới, có thể hộ trì Như Lai vô thượng chánh pháp, có thể được đại tự tại nơi tất cả pháp".

Đức Thế Tôn khen Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát rằng: Lành thay lành thay! Thiện nam tử có thể hỏi đức Như Lai về những nghĩa thậm thâm, có thể hay thực hành Vô lượng Phật hạnh, ông có thể biết hỏi đức Phật như vậy. Nay ông nên lắng nghe, đức Như Lai sẽ vì ông mà tuyên nói nếu Bồ Tát thành tựu đầy đủ những công hạnh như vậy thì được đại tự tại nơi tất cả pháp.

Nầy thiện nam tử! Bồ Tát có bốn anh lạc trang nghiêm, đó là giới anh lạc trang nghiêm, tam muội anh lạc trang nghiêm, trí huệ anh lạc trang nghiêm và đà la ni anh lạc trang nghiêm.

Giới anh lạc trang nghiêm có một thứ, đó là đối với chúng sanh không có lòng làm tổn hại, nếu Bồ Tát không có tâm ác hại thì tất cả chúng sanh đều vui mừng thích thấy. Còn có hai thứ, đó là đóng bít ác đạo và mở rộng cửa lành. Còn có ba thứ, đó là thân thanh tịnh, khẩu thanh tịnh và ý thanh tịnh. Còn có bốn thứ, đó là sở cầu đều được, sở nguyện đầy đủ, sở nguyện thành tựu, chỗ muốn thì đều có thể làm được. Còn có năm thứ, đó là tín, giới, định, niệm và huệ. Còn có sáu thứ, đó là chẳng phá giới, chẳng lậu giới, chẳng tạp giới, chẳng hối giới, tự tại giới và vô lậu giới. Còn có bảy thứ, đó bảy thanh tịnh: Bố thí thanh tịnh, nhẫn nhục thanh tịnh, tinh tiến thanh tịnh, thiền định thanh tịnh, trí huệ thanh tịnh, phương tiện thanh tịnh và thiện phương tiện thanh tịnh. Còn có tám thứ, đó là tám cụ túc: Vô tác cụ túc, địa cụ túc, bất vong tâm cụ túc, bất hưởn cụ túc, chư căn cụ túc, Phật thế cụ túc, ly nạn cụ túc và thiện hữu cụ túc. Còn có chín thứ, đó là bất động, bất úy, định trí, tịch tĩnh, chí tâm, thanh lương, kiết hưởn, điều tâm và an trụ điều phục địa. Còn có mười thứ, đó là thân thanh

tịnh vì có đủ ba mươi hai tướng tốt, khẩu thanh tịnh vì lời nói không hai, ý thanh tịnh vì đã giải thoát, điền thanh tịnh vì làm cho chúng sanh đầy đủ phước đức, tâm thanh tịnh vì điều phục chúng sanh, cõi nước thanh tịnh vì giáo hóa chúng sanh, danh hiệu thanh tịnh vì được công đức Như Lai, huệ thanh tịnh vì có đại thần thông, phương tiện thanh tịnh vì phá các ma chúng, và giới thanh tịnh vì có đủ pháp bất cộng. Nầy thiện nam tử, các sự như vậy gọi là giới anh lạc trang nghiêm.

Nầy thiện nam tử! Tam muội anh lạc trang nghiêm có một thứ, đó là vì chúng sanh mà tu tập từ tâm. Còn có hai thứ, đó là chất trực và nhu nhuyến. Còn có ba thứ, đó là chẳng hư dối, chẳng thô bạo và chẳng tà siểm. Còn có bốn thứ, đó là chẳng tham ái, chẳng sân hận, chẳng bố úy và chẳng si mê. Còn có năm thứ, đó là xa lìa năm cái chướng tam muội. Còn có sáu thứ, đó là tu tập lục niệm tam muội. Còn có bảy thứ, đó là tu tập thất giác chi tam muội. Còn có tám thứ, đó là tu tập bát chánh đạo tam muội. Còn có chín thứ, đó là Bồ Tát tu tập tâm Bồ đề và tâm đại từ bi ở nơi tất cả chúng sanh mà tu tập niệm tâm xa lìa tất cả pháp ác dục có giác có quán tịch tĩnh hỷ lạc được Sơ thiền, xa lìa giác quán nội tâm được hỷ lạc chí tâm tư duy vô giác vô quán định sanh

hỷ lạc được đệ Nhị thiền, lìa hỷ tu xả đầy đủ niệm tâm không có phóng dật thân thọ an lạc được đệ Tam thiền, xa lìa khổ lạc diệt trừ tâm ưu hỷ, chẳng phải khổ chẳng phải lạc tu tập xả niệm tịch tĩnh, niệm được đệ Tứ thiền, xa lìa sắc tướng tu tập vô lượng Không tướng, xa lìa không tướng tu vô lượng Thức tướng, xa lìa thức tướng tu Vô sở hữu tướng, xa lìa vô sở hữu tướng tu Phi tưởng phi phi tưởng tướng và mặc dầu chưa thành tựu trí thiện quyền phương tiện, mà dùng sức tam muội giáo hóa chúng sanh. Còn có mười thứ, đó là quán pháp không có sai lầm, thành tựu đầy đủ Xa ma tha, tinh tiến không ngừng nghỉ, khéo biết rõ thời tiết, chí tâm thọ trì pháp lành, tâm tịch tĩnh, quán thân vô tướng, thường quán pháp giới và tâm được tự tại và chứng được Thánh tánh. Đây gọi là tam muội anh lạc trang nghiêm.

Nầy thiện nam tử! Trí huệ anh lạc trang nghiêm có một thứ, đó là tâm không còn nghi. Còn có hai thứ, đó là xa lìa tâm nghi và xa lìa tâm sân. Còn có ba thứ, đó là xa lìa vô minh, phá vỏ vô minh và làm ánh sáng lớn. Còn có bốn thứ, đó là biết khổ, dứt tập, chứng diệt và tu hành đạo phẩm. Còn có năm thứ, đó là giới tụ thanh tịnh, định tụ thanh tịnh, huệ tụ thanh tịnh, giải thoát tụ thanh tịnh và giải thoát tri kiến tụ thanh

tịnh. Còn có sáu thứ, đó là thanh tịnh bố thí Ba la mật có ba: Một là nội thanh tịnh quán pháp như huyễn, hai là chúng sanh thanh tịnh quán pháp như mộng và ba là Bồ đề thanh tịnh chẳng cầu quả báo. Thanh tịnh giới Ba la mật có ba: Một là quán thân như bóng, hai là quán khẩu như vang và ba là quán tâm như huyễn. Thanh tịnh nhẫn Ba la mật có ba: Một là nghe chê chẳng sân, hai là nghe khen chẳng mừng và ba là lúc bị chặt chém giết hại thường có thể quán pháp giới. Thanh tịnh tinh tiến Ba la mật có ba: Một là chẳng tưởng, hai là vững chắc và ba là chẳng thấy pháp có tướng. Thanh tịnh thiền Ba la mật có ba: Một là chẳng trụ trước các pháp, hai là tâm chẳng thối chuyển và ba là duyên cảnh thanh tịnh. Thanh tịnh phương tiện Ba la mật có ba: Một là nhiếp lấy chúng sanh để cho được giải thoát, hai là thanh tịnh đà la ni để thọ trì chánh pháp và ba là sở nguyện thanh tịnh để tịnh Phật quốc độ. Còn có bảy thứ trí huệ anh lạc trang nghiêm, đó là tu Tứ niệm xứ chẳng lấy chẳng chấp, tu Tứ chánh cần chẳng xuất chẳng diệt, tu Tứ thần túc thân tâm thanh tịnh, tu Ngũ căn biết căn không có căn, tu Ngũ lực hay phá phiền não, tu Bồ Đề phần biết pháp giới chơn thiệt và tu tập Thánh đạo không có khứ lai. Còn có tám thứ, đó là tu tam muội chánh định để

được rốt ráo thanh tịnh, tu trí để phá si ám, tu trí biết ngũ ấm để biết pháp tu, tu trí biết thập bát giới để hiểu pháp giới đồng hư không, tu trí biết thập nhị nhập để biết pháp tánh bình đẳng, tu trí biết Mười hai nhơn duyên để quán vô ngã và không có ngã sở, tu trí biết Tứ Thánh Đế để phá bốn điên đảo kiến và tu trí phân biệt biết pháp giới để biết chơn thiệt vậy. Còn có chín thứ, đó là quán vô thường, quán vô thường khổ, quán khổ vô ngã, quán món ăn bất tịnh, quán thế gian không gì đáng vui thích, quán trong vòng sanh tử có nhiều lỗi họa, quán giải thoát, quán lìa tham và quán tận diệt vậy. Còn có mười thứ, đó là quán các pháp như ảo huyễn, quán các pháp như mộng, quán các pháp như dương diệm, quán các pháp như âm vang, quán các pháp như thân cây chuối, quán các pháp như mặt trăng trong nước, quán các pháp như bóng, quán pháp giới không có tăng giảm, quán các pháp không có đi hay ở và quán các pháp vô vi không có sanh hay diệt vậy. Đây là huệ anh lạc trang nghiêm.

Nầy thiện nam tử! Đà la ni anh lạc trang nghiêm có một thứ, đó là chẳng mất niệm tâm. Còn có hai thứ, đó là trước thì ghi nhận và sau thì rốt ráo có thể giữ vững. Còn có ba thứ, đó là biết nghĩa, biết chữ và biết nói. Còn có bốn thứ,

đó là nói lời chơn chánh, nói lời rõ ràng, nói lời vô ngại và nói lời không lầm lỗi. Còn có năm thứ đó là ngũ y chỉ: Y chỉ nơi nghĩa chẳng y chỉ nơi chữ, y chỉ nơi trí chẳng y chỉ nơi thức, y chỉ kinh liễu nghĩa mà chẳng y chỉ nơi kinh bất liễu nghĩa, y chỉ nơi chánh pháp mà chẳng y chỉ nơi người và y chỉ xuất thế chẳng y chỉ thế tục. Còn có sáu thứ, đó là đúng như lời nói chơn chánh mà làm, lời nói ra đều thành thiệt, phát ngôn được người thích nghe, lời nói đầy ý xót thương, lời nói sanh pháp lành và lời nói hạp thời tiết. Còn có bảy thứ, đó là lời nói lợi ích, lời nói trang nghiêm, lời nói vô ngại, lời nói không trệ, lời nói không có hai, lời nói đã có biết trước và lời nói rõ ràng rành rẽ. Còn có tám thứ, đó là biết lời nói của các địa phương, biết lời nói của các quỷ thần, biết lời nói của chư Thiên, biết lời nói của các loài Rồng, biết lời nói của Thần Càn Thát Bà biết lời nói của hàng A Tu La, biết lời nói của hàng Kim sí điểu và biết lời nói của các loài súc sanh. Còn có chín thứ, đó là lời nói không e sợ, lời nói không rụt rè, lời nói không vấp váp, biết lời nói giải thoát, biết lời đáp đúng pháp, biết lời nói rộng rãi, biết lời nói theo thứ tự, biết lời nói thuyết vô thường và lời nói không cùng tận. Còn có mười thứ, đó là lời nói phá lưới nghi, lời nói khai thị về pháp giới, lời nói khai thị về pháp

môn, lời nói mở mang trí huệ, lời nói phá mê tối, lời nói hiểu mỗi mỗi chữ, lời nói khen ngợi Phật, lời nói quở trách phiền não, lời nói phân biệt căn tánh lợi hay độn và lời nói vi diệu khai thị công đức của chư Phật. Đây là đà la ni anh lạc trang nghiêm vậy".

Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa nầy nên nói tụng rằng:

Bốn anh lạc trang nghiêm
Hay trang nghiêm Đại thừa
Là giới định trí huệ
Và đà la ni vô thượng
Làm cho ba nghiệp tịnh
Mọi người đều mến thích
Dứt hẳn ba ác đạo
Gọi là giới anh lạc
Được đầy đủ sở nguyện
Được thân người thân trời
Hay tu tập tinh tiến
Gọi là giới anh lạc
Hay tu định vô thượng
Được hai thứ giải thoát
Thấy Niết Bàn vô thượng
Gọi là giới anh lạc
Giới chẳng phá chẳng lậu
Vô thượng giới chẳng tạp

Hay được đại tự tại
Giới anh lạc trang nghiêm
Giới tịnh hay tịnh thí
Giới tịnh hay tịnh nhẫn
Giới tịnh ngũ độ tịnh
Giới anh lạc trang nghiêm
Tịnh giới tịnh ba cõi
Giới tịnh bất phóng dật
Vô úy tâm chẳng hối
Gọi là giới anh lạc
Giới tịnh được Thánh tánh
Cũng làm thân tâm tịnh
Nhập được vô biên định
Gọi là giới anh lạc
Chẳng kinh sợ chẳng động
Chắc được cõi thanh tịnh
Hay dứt dây phiền não
Gọi là giới anh lạc
Hay điều người khó điều
Hay được danh tiếng lớn
Trang nghiêm tâm tự tại
Gọi là giới anh lạc
Hay làm đúng như lời
Hay sạch miệng bốn nghiệp
Xa lìa các phiền não
Giới anh lạc trang nghiêm
Hay thanh tịnh Phật độ

Hay điều phục chúng sanh
Hay tu đại từ bi
Gọi anh lạc trang nghiêm
Chẳng làm các nghiệp ác
Tu các hạnh Bồ Tát
Được thập lực vô úy
Gọi anh lạc trang nghiêm
Hay nghiêm đại Niết Bàn
Hay được đại nhơn quả
Từ tâm khắp chúng sanh
Gọi anh lạc trang nghiêm
Hay lìa lòng tham dối
Tu tập bốn nhiếp pháp
Dứt ái sân bố si
Gọi anh lạc trang nghiêm
Hay phá năm cái chướng
Tu tập đại niệm tâm
Trợ đạo chẳng phóng dật
Gọi anh lạc trang nghiêm
Đầy đủ hai phước trí
Đúng pháp tư duy nghĩa
Lạc hỷ trụ tịch tĩnh
Gọi anh lạc trang nghiêm
Với pháp không có nghi
Cũng không tâm si loạn
Chơn thiệt hiểu tứ đế
Gọi anh lạc trang nghiêm

Trì giới tâm không chấp
Cũng chẳng lòng kiêu mạn
Chẳng thấy giới người giữ
Gọi anh lạc trang nghiêm
Vô thượng huệ tịnh định
Chẳng biết hai tịnh huệ
Hay rõ biết ba cõi
Gọi anh lạc trang nghiêm
Ý tịnh chẳng kiêu mạn
Thấy bất tịnh chẳng khinh
Biết pháp bất khả thuyết
Gọi anh lạc trang nghiêm
Huệ hay trang nghiêm trí
Trí cũng trang nghiêm huệ
Tự tha Bồ đề tịnh
Gọi anh lạc trang nghiêm
Biết pháp như mộng huyễn
Chẳng nói pháp không có
Khéo tùy thuận thế gian
Gọi anh lạc trang nghiêm
Huệ hay trang nghiêm giới
Giới hay trang nghiêm huệ
Thân khẩu Bồ đề tịnh
Gọi anh lạc trang nghiêm
Thấy pháp như thủy nguyệt
Cũng như nắng lúc nóng
Thuyết pháp xem như vang

Như thành Càn Thát Bà
Phi pháp chẳng làm pháp
Gọi là huệ anh lạc
Huệ hay trang nghiêm nhẫn
Nhẫn cũng trang nghiêm huệ
Thân khẩu Bồ đề tịnh
Gọi anh lạc trang nghiêm
Pháp giới chẳng tăng giảm
Biết rồi điều chúng sanh
Chí tâm quán pháp thân
Gọi anh lạc trang nghiêm
Huệ hay trang nghiêm cần
Tinh tiến trang nghiêm huệ
Tâm định chẳng hối động
Gọi anh lạc trang nghiêm
Huệ hay trang nghiêm định
Định cũng trang nghiêm huệ
Hay thuyết thậm thâm pháp
Được vô thắng thần thông
Hay biết các phương tiện
Được vô thượng tổng trì
Pháp độ chúng sanh tịnh
Gọi anh lạc trang nghiêm
Biết các căn lợi độn
Phá phiền não các ma
Thân tâm được tự tại
Gọi anh lạc trang nghiêm

Đạo không có khứ lai
Cũng không người khứ lai
Chẳng quá khứ vị lai
Chẳng hiện tại người tu
Chẳng phân biệt pháp giới
Hay tịnh tất cánh định
Biết các ấm nhập giới
Gọi tên huệ anh lạc
Ấm nhập giới như không
Không ngã không ngã sở
Sanh diệt do mười hai
Gọi là huệ anh lạc
Biết thiệt đệ nhứt nghĩa
Cũng biết ấm nhập giới
Với pháp chẳng tranh luận
Biết tam thế vô ngại
Phân biệt ba khối chúng
Vì họ nói ba thừa
Dùng Tam Bảo giáo hóa
Tu ba vô tướng định
Vô tướng biết nhứt tướng
Chẳng huyễn biết như huyễn
Vô thuyết hay diễn thuyết
Thuyết không nơi bất không
Các pháp phi thường biến
Chẳng hủy hoại pháp giới
Vì nhơn duyên hòa hiệp

Lưu bố trong pháp giới
Đây gọi là chơn trí
Chẳng phân biệt pháp giới
Biết rõ động bất động
Biết rõ cạn và sâu
Biết rõ thường vô thường
Gọi là đại tịnh trí
Thường chẳng mất tịnh tâm
Biết rõ nơi pháp giới
Biết chữ cũng biết nghĩa
Nơi thế đế không tối
Nghe rồi hay thọ trì
Hiểu rõ tiếng mọi loài
Hay phá các tà đạo
Tu tập trí vô thượng
Y tứ y vô thượng
Là tổng trì anh lạc
Phật nói tràng công đức
Trang nghiêm Bồ đề tâm
Trong chúng vô úy thuyết
Hiểu rõ thiên thần ngữ
Hay phá các lưới nghi
Hay khai các pháp giới
Hay khen ngôi Tam Bảo
Khuyên người đồng cúng dường
Kề cận Phật và Tăng
Tu tập trí vô thượng

Phật nói bốn anh lạc
Trang nghiêm Phật Bồ Tát
Nếu người chí tâm tin
Liền được anh lạc nầy.

Lại nầy thiện nam tử! Đại Bồ Tát có tám ánh sáng lớn, do ánh sáng nầy mà hay phá được các sự tối tăm làm cho công hạnh của Bồ Tát thanh tịnh.

Những gì là tám? Đó là niệm quang, ý quang, hành quang, pháp quang, trí quang, thiệt quang, thần thông quang và vô ngại trí quang vậy.

Niệm quang có tám: Một là chẳng mất pháp lành quá khứ, hai là làm pháp lành vị lai, ba là nghe pháp chẳng quên, bốn là tư duy thiệt nghĩa, năm là chẳng bị sáu trần nhiễm hư, sáu là nhớ giữ chánh pháp như người giữ cửa, ngăn pháp ác và vì pháp lành mà giữ cửa thành thiện pháp, bảy là chẳng bị tà pháp gạt lầm và tám là có thể làm thêm lớn những pháp thuần thiện vậy.

Ý quang cũng có tám: Một là nghĩa ý chẳng phải ý chữ, hai là trí huệ ý chẳng phải hình thức ý, ba là chánh pháp ý chẳng phải ý người, bốn là thiệt ý chẳng phải hư ý, năm là Bồ Tát ý chẳng phải Thanh Văn ý, chẳng phải Duyên Giác ý, sáu là thượng ý chẳng phải hạ ý, bảy là Phật ý

chẳng phải thối thất ý và tám là lân mẫn ý chẳng phải hại ý vậy.

Hành quang cũng có tám: Một là pháp hành, hai là nhứt thiết hành, ba là chúng sanh hành, bốn là chúng sanh tâm hành, năm là thập nhị nhơn duyên hành, sáu là quảng thuyết hành, bảy là công hạnh hành và tám là nhứt thiết Phật pháp hành vậy.

Pháp quang cũng có tám: Một là thế pháp quang, hai là xuất thế pháp quang, ba là vô lậu pháp quang, bốn là vô vi pháp quang, năm là giải thoát pháp quang, sáu là tâm giải thoát pháp quang, bảy là tất cánh giải thoát pháp quang và tám là huệ phá vô minh pháp quang vậy.

Trí quang cũng có tám: Một là Nhập chánh trí quang, hai là Tu Đà Hoàn trí quang, ba là Tư Đà Hàm trí quang, bốn là A Na Hàm trí quang, năm là A La Hán trí quang, sáu là Bích Chi Phật trí quang, bảy là Bồ Tát trí quang và tám là Chánh Giác trí quang vậy.

Thiệt quang cũng có tám: Một là chánh định hạnh, hai là được quả Tu Đà Hoàn, ba là quả Tư Đà Hàm, bốn là quả A Na Hàm, năm là quả A La Hán, sáu là quả Bích Chi Phật, bảy là Bồ Tát và tám là Phật Bồ đề vậy.

Thần thông quang cũng có tám: Một là nhãn quang hay thấy chánh sắc, hai là nhĩ quang hay nghe chánh thanh, ba là niệm quang hay nhớ quá khứ vô số kiếp chúng sanh, bốn là tánh quang hay quan sát tâm tánh thanh tịnh của chúng sanh, năm là hư không quang dùng đại thần thông có thể đến vô lượng thế giới mười phương, sáu là phương tiện quang vì đủ có trí vô lậu, bảy là công đức trang nghiêm quang vì lợi ích tất cả chúng sanh và tám là trí huệ trang nghiêm quang vì phá lòng nghi lầm của tất cả chúng sanh vậy.

Vô ngại trí quang cũng có tám: Một là trí quang, hai là ý quang, ba là huệ quang, bốn là Phật quang, năm là chánh kiến quang, sáu là làm thanh tịnh tâm chúng sanh quang, bảy là giải thoát quang và tám là tất cánh quang vậy.

Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa nầy nên nói kệ rằng:

Tu tập sáng niệm tâm
Chẳng quên nghiệp thiện ác
Thích nghe tán tụng kinh
Tu tập chẳng phóng dật
Hay điều phục các căn
An trụ trong tịch tĩnh
Thêm lớn các pháp lành

Tu tập niệm quang minh
Hay ngăn dừng pháp ác
Như người giữ thành giỏi
Hay thủ hộ pháp thành
Chẳng cho bốn ma vào
Chẳng chạy theo âm thanh
Thường tư duy chân nghĩa
Gần kề thiện tri thức
Hỷ lạc trụ đúng pháp
Trí huệ vô biên thượng
Dứt hẳn các phiền não
Tà pháp chẳng động được
Đời ác chẳng sanh chê
Thành tâm niệm Bồ đề
Chẳng nói tâm Tiểu thừa
Thường thích nhớ thượng ý
Vì người phá hạ ý
Chẳng sợ ma phiền não
Tu tập tâm từ bi
Chẳng nghĩ hại chúng sanh
Được đủ trí quang lớn
Hay phá các lòng nghi
Hiểu rõ nghĩa thậm thâm
Biết phương tiện chơn thiệt
Tu bốn trí vô ngại
Thích quán mười hai duyên
Là nhơn của chúng sanh

Biết vô tác vô thọ
Hay tu pháp quang lớn
Hay biết các Phật pháp
Tu hạnh thế xuất thế
Hay đến mười phương cõi
Biết rõ nghiệp Nhơn Thiên
Tu tập trí vô thượng
Ba thừa về Nhứt thừa
Tu tập Bát chánh đạo
Vì phá pháp ba đời
Như thiệt biết rõ rành
Pháp hữu lậu vô lậu
Lợi ích hàng Nhơn Thiên
Dạy họ dứt hữu lậu
Biết rõ đúng chơn thiệt
Pháp hữu vi vô vi
Tịch tĩnh quang vô ngại
Chẳng dính tướng hữu vi
Biết kiết nhập xuất duyên
Biết chúng tâm tánh tịnh
Nếu có Đại thừa định
Liền biết pháp như vậy
Thích trụ tánh vô lậu
Xong bốn quả Sa Môn
Biết Bồ Tát đạo hạnh
Nên tu vô ngại trí
Phá tà tu thiệt quang

Vào chúng vô sở úy
Thích nói nghĩa chơn thiệt
Vì phá pháp sanh tử
Nhãn nhĩ tịnh không chướng
Thấy nghe sắc thanh chánh
Quá khứ nhớ chẳng lầm
Cũng biết rõ tha tâm
Đến mười phương vô ngại
Biết pháp như hư không
Được vô lậu trí huệ
Vì điều phục chúng sanh
Đủ công đức trí huệ
Vì lợi ích chúng sanh
Ở trong vô lượng đời
Cầu hai trang nghiêm nầy
Thích thọ trì tịnh giới
Thích thủ hộ Phật pháp
Tu tập chơn thiệt quang
Vì trụ đúng chánh pháp
Phật nói vô lượng quang
Để cho chúng sanh được
Có ai tin kinh nầy
Liền được quang như vậy.

Lại nầy thiện nam tử! Đại Bồ Tát tu tập đại bi có mười sáu sự.

Những gì là mười sáu?

Một là đại Bồ Tát thấy chúng sanh tham trước ngã kiến, do nơi ngã kiến mà sanh ra các kiến chấp nên luôn bị sanh tử trói buộc, vì vậy nên đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi mà vì chúng sanh thuyết pháp giáo hóa để phá các kiến chấp hư vọng như vậy.

Hai là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh điên đảo nơi thường thì thấy là vô thường, nơi vô thường thì thấy là thường, nơi khổ thấy là vui nơi vui thì thấy là khổ, nơi tịnh thấy bất tịnh nơi bất tịnh thấy là tịnh, nơi ngã thấy vô ngã nơi vô ngã thấy là ngã, do đây đại Bồ Tát tu tập tâm đại bi, do tâm đại bi mà vì các chúng sanh tuyên nói pháp yếu để phá bốn thứ mê chấp điên đảo như vậy.

Ba là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh có lòng kiêu mạn, thiệt không có vật mà cho là có vật, thiệt không có sự mà cho là có sự, do đây mà họ sanh ra bảy thứ kiêu mạn, do kiêu mạn mà sanh lớn các pháp ác, vì vậy nên đại Bồ Tát tu tập tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói pháp yếu để phá trừ lòng kiêu mạn của các chúng sanh.

Bốn là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh bị ngũ cái che trùm, vì bị che trùm nên lòng họ sanh nghi với chánh pháp nghĩa thậm thâm họ

không hiểu được, vì các chúng sanh nầy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói pháp yếu để phá năm cái chướng của các chúng sanh ấy.

Năm là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh chìm trong biển lục nhập: Mắt họ duyên lấy tướng hình sắc, tai họ duyên lấy tướng âm thanh, mũi họ duyên lấy tướng hơi hương, lưỡi họ duyên lấy tướng mùi vị, thân họ duyên lấy tướng chạm xúc và ý họ duyên lấy tướng các pháp. Sự duyên lấy tướng như vậy gọi đó là bị chìm, vì các chúng sanh nầy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói pháp yếu để vớt chúng sanh khỏi bị chìm trong sáu trần tướng.

Sáu là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh có bảy thứ mạn, đó là mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, hạ mạn và tà mạn. Vì các chúng sanh nầy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi, đại Bồ Tát tuyên nói pháp yếu chơn chánh để dứt các thứ mạn ấy của chúng sanh.

Bảy là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh rời lìa Thánh đạo, họ thích làm thế tục đạo và ác đạo, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói pháp yếu để dứt trừ thế tục đạo và ác đạo của các chúng sanh.

Tám là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh tạo nghiệp ác đạo, lệ thuộc vô minh ái, bị vợ con trói buộc nên chẳng được tự tại, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói chánh pháp để dứt sự hệ phược ấy cho chúng sanh xuất ly ác đạo.

Chín là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh gần gũi bạn xấu ác mà xa lìa bạn lành tốt, lòng họ cam đành tạo gây nghiệp ác, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói pháp yếu để dứt nghiệp ác của chúng sanh khiến họ xa bạn ác và gần bạn lành.

Mười là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh gây tạo nghiệp xan tham nơi vô minh ái không biết nhàm đủ, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói chánh pháp để dứt xan tham vô minh và ái của các chúng sanh ấy và ban cho họ trí huệ.

Mười một là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh nhiều ngã kiến đoạn kiến, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói pháp yếu ban bố cho họ trí huệ chơn chánh mười hai nhơn duyên để dứt ngã kiến và đoạn kiến của các chúng sanh.

Mười hai là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh hiện hành vô minh tối tăm có nhiều kiến chấp,

đó là ngã kiến, chúng sanh kiến, thọ mạng kiến, nhơn kiến, dị kiến, tà kiến, thủ kiến, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói chánh pháp để dứt trừ các kiến chấp của các chúng sanh, ban cho họ chánh kiến trí huệ.

Mười ba là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh ưa thích trong sanh tử, với thân ngũ ấm cho là thân thiết, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói chánh pháp để cho chúng sanh thoát khỏi sanh tử trong ba cõi.

Mười bốn là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh bị ma trói buộc, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát vì chúng sanh tuyên nói chánh pháp để dứt phá lưới ma nghiệp ma của chúng sanh.

Mười lăm là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh ưa thích sự khoái lạc hư dối của thế tục mà chẳng biết được sự vui chơn thiệt và nhân của vui chơn thiệt, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại Bồ Tát tuyên nói chánh pháp chỉ dạy nhơn hạnh của quả vui chơn thiệt cho chúng sanh.

Mười sáu là đại Bồ Tát thấy các chúng sanh cầu cửa vào Niết Bàn mà chẳng biết chỗ, vì vậy mà đại Bồ Tát tu tâm đại bi, do tâm đại bi đại

Bồ Tát tuyên nói pháp yếu mở cửa Niết Bàn cho các chúng sanh.

Nầy Thiện nam tử! Do mười sáu nhơn duyên như vậy mà đại Bồ Tát vì các chúng sanh tu tâm đại bi.

Lại nầy Đà La Ni Tự Tại Vương! Các loài chúng sanh có ba mươi hai nghiệp ác bất thiện. Vì thấy như vậy mà chư đại Bồ Tát tu tập nghiệp thiện để phá trừ các nghiệp ác ấy cho chúng sanh.

Những gì là ba mươi hai nghiệp?

Một là thấy có các chúng sanh nặng về vô minh ngủ nghỉ, đại Bồ Tát vì họ mà tu tập trí huệ để phá vô minh thùy miên ấy.

Hai là thấy có các chúng sanh hiểu biết thấp hạ mong muốn thấp hạ, đại Bồ Tát vì họ mà tu tập hiểu biết thắng thượng chí nguyện thắng thượng để đem pháp Đại thừa thắng thượng giáo hóa họ.

Ba là thấy có chúng sanh thích những phi pháp, đại Bồ Tát tu tập chánh pháp để làm cho các chúng sanh ấy được đại tự tại nơi tất cả pháp.

Bốn là thấy có các chúng sanh ưa tà mạng, đại Bồ Tát tu tập chánh mạng để phá trừ tà mạng ấy.

Năm là thấy có các chúng sanh vào trong rừng tà, đại Bồ Tát tu tập chánh kiến để làm cho các chúng sanh ra khỏi rừng tà.

Sáu là thấy có các chúng sanh ưa phóng dật, đại Bồ Tát tu tập bất phóng dật để làm cho các chúng sanh xa lìa phóng dật.

Bảy là thấy có các chúng sanh ưa thô bạo, đại Bồ Tát tu tập công hạnh đúng chánh pháp để làm cho các chúng sanh xa lìa thô bạo.

Tám là thấy có các chúng sanh tham lam bỏn xẻn, đại Bồ Tát tu tập hạnh bố thí rộng lớn để làm cho các chúng sanh dứt tham lam bỏn xẻn.

Chín là thấy có các chúng sanh hay hủy phạm cấm giới, đại Bồ Tát tu trì tịnh giới để trừ lòng phá giới của các chúng sanh.

Mười là thấy có các chúng sanh lòng thường giận hờn, đại Bồ Tát tu tâm từ bi nhẫn nhục để phá lòng giận hờn của các chúng sanh.

Mười một là thấy có các chúng sanh đối với chánh pháp thiện pháp lười biếng thực hành, đại

Bồ Tát tu tập siêng cần tinh tấn để trừ sự lười biếng ấy của các chúng sanh.

Mười hai là có các chúng sanh tâm tưởng tán loạn, đại Bồ Tát tu tập chánh định để trừ tâm tán loạn của các chúng sanh.

Mười ba là có các chúng sanh tà trí che tâm, đại Bồ Tát tu tập chánh trí để trừ tà trí ấy của các chúng sanh.

Mười bốn là có các chúng sanh nói nghĩa điên đảo, đại Bồ Tát tư duy chánh nghĩa để trừ sự điên đảo ấy của các chúng sanh.

Mười lăm là thấy có các chúng sanh ưa gây tạo sự nghiệp thế tục, đại Bồ Tát tu tập thiện quyền phương tiện để trừ lòng ưa thích tạo nghiệp thế tục ấy của các chúng sanh.

Mười sáu là thấy có các chúng sanh bị phiền não trói buộc, đại Bồ Tát tu tập chánh pháp tự dứt trừ phiền não và để làm cho các chúng sanh cũng dứt trừ phiền não.

Mười bảy là thấy có các chúng sanh bị buộc chặt nơi ngã kiến, đại Bồ Tát trước tự trừ ngã kiến rồi sau trừ ngã kiến của các chúng sanh.

Mười tám là thấy có các chúng sanh các căn chẳng điều phục, đại Bồ Tát tu tập trước tự điều

phục các căn rồi sau làm cho các chúng sanh điều phục các căn của họ.

Mười chín là thấy có các chúng sanh nói là không nghiệp nhơn không quả báo, đại Bồ Tát tuyên nói nghiệp nhơn quả báo để phá trừ tà kiến bác nhơn quả của các chúng sanh.

Hai mươi là thấy có các chúng sanh chẳng biết ân nghĩa, đại Bồ Tát tuyên nói về ân nghĩa để trừ lòng chẳng biết ơn của các chúng sanh ấy.

Hai mươi mốt là thấy có các chúng sanh chưa được mà tự cho là đã được, đại Bồ Tát tu tập chánh pháp để trừ lỗi tăng thượng mạn của các chúng sanh ấy.

Hai mươi hai là thấy có các chúng sanh ác khẩu thô bạo, đại Bồ Tát tu tập thiện ngữ dịu dàng để trừ ác khẩu của các chúng sanh.

Hai mươi ba là thấy có các chúng sanh tham lam chẳng biết vừa đủ, đại Bồ Tát tu tập biết đủ để trừ lòng không biết đủ của các chúng sanh.

Hai mươi bốn là thấy có các chúng sanh chẳng cung kính cha mẹ và sư trưởng, đại Bồ Tát tu tập hiếu thuận để làm cho chúng sanh biết cúng dường cung kính tôn trọng các bực cha mẹ, sư trưởng.

Hai mươi lăm là thấy có các chúng sanh nghèo cùng khốn khổ, đại Bồ Tát tu tập bảy Thánh tài để trừ sự nghèo cùng khốn khổ của các chúng sanh.

Hai mươi sáu là thấy có các chúng sanh bị bốn loại rắn độc làm bịnh, đại Bồ Tát tu tập thân niệm xứ để làm cho các chúng sanh xa lìa bốn loại rắn độc ấy.

Hai mươi bảy là thấy có các chúng sanh hiện hành vô minh tối tăm, đại Bồ Tát tu tập trí huệ để làm cho các chúng sanh ấy thắp đèn trí huệ.

Hai mươi tám là thấy có các chúng sanh thích nhà ngục tam giới, đại Bồ Tát tu tập pháp giải thoát xuất ly để dạy cho các chúng sanh biết xuất ly tam giới.

Hai mươi chín là thấy có các chúng sanh thường hành tà đạo, đại Bồ Tát tu tập chánh đạo để làm cho các chúng sanh trừ bỏ tà đạo.

Ba mươi là thấy có các chúng sanh tham ái thân mạng, đại Bồ Tát tu tập lòng chẳng tham ái thân mạng mình để dạy chúng sanh bỏ lòng tham ái thân mạng.

Ba mươi mốt là thấy có các chúng sanh chẳng biết cung kính cúng dường Tam Bảo, đại

Bồ Tát tu tập tâm tịnh tín để làm cho các chúng sanh phát lòng tin ngôi Tam Bảo.

Ba mươi hai là thấy có các chúng sanh thiệt chẳng phải là Phật Thế Tôn mà tự xưng là Phật Thế Tôn, đại Bồ Tát tu tập sáu chánh niệm để làm cho các chúng sanh ấy biết pháp chơn thiệt vậy.

Nầy thiện nam tử! Trên đây là ba mươi hai nghiệp hữu lậu của chúng sanh, đại Bồ Tát thấy rồi tự mình tu tập pháp đối trị thành tựu đầy đủ tất cả pháp lành rồi phá các ác nghiệp khuyên các chúng sanh thật hành thiện nghiệp.

Nầy thiện nam tử! Đại Bồ Tát có vô lượng công hạnh. Tại sao? Vì chúng sanh có vô lượng môn, vì đóng bít vô lượng cửa phiền não ấy mà đại Bồ Tát tu tập vô lượng công hạnh lành.

Nầy thiện nam tử! Như có chúng Thanh Văn và Bích Chi Phật đông bằng số cát sông Hằng, muốn đem số đông nầy so sánh với Bồ Tát sơ phát Bồ đề tâm thì chẳng bằng một phần trăm một phần ngàn, cho đến không thể lấy gì ví dụ được. Tại sao? Vì hàng nhị thừa vì giải thoát cho mình mà quán xét dứt trừ các phiền não. Còn Bồ Tát thì không phải như vậy. Các Bồ Tát luôn vì chúng sanh làm cho họ được giải thoát mà quán xét đối trừ các phiền não.

Nầy thiện nam tử! Các công nghiệp được làm của chư Bồ Tát là rất hơn công nghiệp của các phàm phu và hàng Nhị thừa. Tại sao? Vì việc làm của phàm phu tánh chất nó là phiền não là hữu lậu, việc làm của hàng Nhị thừa dầu tánh chất chẳng phải phiền não là vô lậu nhưng có biên tế, còn việc làm của Bồ Tát vô biên vô lượng, vì vậy mà công hạnh của Bồ Tát hơn cả hàng Thanh Văn và Duyên Giác".

Bấy giờ Đà La Ni Tự Tại Vương Bồ Tát nghe pháp ấy rồi lòng rất vui mừng hớn hở vô lượng mà bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Rất là lạ lùng, rất là đặc biệt, lời đức Phật dạy chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Như Lai đã nói Bồ Tát anh lạc trang nghiêm, đức Như Lai đã nói Bồ Tát quang minh, Bồ Tát đại bi, Bồ Tát thiện nghiệp.

Nguyện cầu đức Như Lai tuyên nói chư Phật quán xét các chúng sanh mà sanh khởi tâm đại bi thế nào? Sao gọi là bi và bi có những công hạnh gì, có những tướng mạo gì, do nhơn duyên gì mà sanh khởi, sao gọi là Phật nghiệp và Phật nghiệp có những công hạnh gì, có những tướng mạo gì, do nhơn duyên gì mà phát khởi lên?

Lành thay đức Thế Tôn đấng Nhứt Thiết Trí, xin nói rộng về công nghiệp của Như Lai".

Đức Phật phán bảo: "Lành thay lành thay! Nầy thiện nam tử nay ông nên lắng nghe suy nhớ kỹ, Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Nầy thiện nam tử! Tất cả chư Phật chỗ có đại bi chẳng phát xuất chẳng hiện hành. Tại sao? Vì thường chẳng biến đổi, vì trong vô lượng kiếp tu tập mà được đại bi, nên đại bi ấy chẳng hiện hành, chẳng chuyển khởi, chẳng tu tập, chẳng rời bỏ mà có khả năng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Nầy thiện nam tử! Đại bi của chư Phật vô lượng vô biên, tâm ấy bình đẳng. Dầu dùng công sức của vô lượng cái lưỡi biện tài trong thời gian nhiều kiếp cũng không thể tuyên nói hết được.

Nầy thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn chưa có lúc nào xa lìa đại bi như vậy. Vô thượng Bồ đề và đại bi ấy, hai pháp như vậy bình đẳng không có sai khác.

Nầy thiện nam tử! Vô thượng Bồ đề của chư Phật Như Lai vô căn vô trụ. Chư Phật Như Lai biết căn biết trụ nên Vô thượng Bồ đề không có căn không có trụ. Tất cả chúng sanh thảy đều không có, không có căn không có trụ. Vì muốn ban cho chúng sanh Vô thượng Bồ đề vô căn vô trụ mà chư Phật Thế Tôn khởi tâm đại bi. Nơi

đây, vì muốn cho chúng sanh biết vô căn vô trụ mà đức Như Lai tuyên nói chánh pháp.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề là thanh tịnh là tịch tĩnh. Thế nào là thanh tịnh, thế nào là tịch tĩnh? Thanh tịnh gọi là trong, tịch tĩnh gọi là ngoài. Bên trong gọi là nhãn rỗng không. Rỗng không gọi là không có ngã không có ngã sở. Tại sao? Vì tánh là một vậy. Như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý cũng như vậy. Tại sao? Vì tánh là một vậy.

Đã biết rõ nhãn rỗng không rồi thì không trụ trước nơi sắc hình, tâm chẳng trụ trước nơi sắc thì gọi là tịch tĩnh. Như sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp cũng như vậy.

Vì tất cả chúng sanh chẳng biết Bồ đề thanh tịnh tịch tĩnh nên đức Phật Như Lai khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp cho họ được biết vậy.

Nầy thiện nam tử! Tất cả chúng sanh tâm tánh bổn lai thanh tịnh. Vì tánh thanh tịnh nên tất cả phiền não kiết sử không nhiễm ô được. Như hư không chẳng thể nhiễm ô, tâm tánh và không tánh đồng nhau không có sai khác.

Chúng sanh vì chẳng biết tâm tánh thanh tịnh nên bị dục tham phiền não trói buộc, vì vậy

mà đức Phật Như Lai khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp làm cho họ được biết vậy.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề chẳng thủ chẳng xả. Thế nào là chẳng thủ? Chư Phật Như Lai chẳng thấy tất cả pháp có thử ngạn bỉ ngạn. Tại sao? Vì tất cả pháp rời lìa thử bỉ vậy. Chư Phật Như Lai biết thật như vậy nên gọi là bất thủ.

Thế nào là bất xả? Tất cả chúng sanh chẳng biết pháp giới, chư Phật Như Lai tuyên dạy cho họ biết rõ pháp giới, đây gọi là bất xả vậy. Vì duyên cớ nầy mà chư Phật Như Lai phát khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp làm cho chúng sanh biết rõ hai pháp bất thủ và bất xả như vậy.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề vô tưởng vô duyên. Thế nào là vô tưởng? Chẳng thấy có nhãn thức cho đến ý thức, chẳng thấy có sắc tướng cho đến pháp tướng, đây gọi là vô tưởng. Thế nào là vô duyên? Ở trong các pháp như vậy vì chẳng biết chẳng thấy nên không có thủ trước, đây gọi là vô duyên. Vô tưởng và vô duyên gọi là Thánh hạnh. Thế nào gọi là Thánh hạnh? Vì rằng chẳng hiện hành nghiệp hạnh tam giới vậy.

Nầy thiện nam tử! Chẳng hiện hành nghiệp hạnh tam giới như vậy gọi là Thánh hạnh, tất cả Thánh nhơn chẳng hiện hành nơi nghiệp hạnh

ấy. Chúng sanh chẳng hiện hành Thánh hạnh như vậy, nên chư Phật Như Lai phát khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp cho chúng sanh được biết.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề chẳng phải là tam thế. Quá khứ ý, vị lai thức và hiện tại tham đây gọi là ba phần thời gian. Vì biết rõ được ba phần như vậy nên ý với thức và tham không có chỗ an trụ, vì vậy mà chẳng nhớ quá khứ chẳng cầu vị lai chẳng tham ái hiện tại. Nếu thấy tam thế đều bình đẳng thì gọi là chánh kiến. Vì muốn tất cả chúng sanh được chánh kiến bình đẳng như vậy nên chư Phật Như Lai phát khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề vô thân vô vi. Thế nào là vô thân? Chẳng phải nhãn thức giới cho đến chẳng phải ý thức giới, đây gọi là vô thân. Thế nào là vô vi? Bất sanh bất diệt bất tận bất trụ, không có ba tướng sanh trụ và diệt, đây gọi là vô vi.

Nầy thiện nam tử! Tất cả pháp tánh là vô tánh, nếu vô tánh thì không có sai biệt gọi là không có hai. Vì vậy nên Bồ đề không có thân không có vi tác. Tất cả chúng sanh chẳng biết Bồ đề vô thân vô vi, vì vậy nên chư Phật Như Lai

phát khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp cho họ biết rõ như vậy.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề không có phân biệt không có cú nghĩa. Thế nào là không có phân biệt? Thế nào là không có cú nghĩa?

Vô sở trụ gọi là không có phân biệt, chẳng nhiếp thuộc về chữ gọi là không có cú nghĩa.

Chẳng phải có hai gọi là không có phân biệt, chẳng nhập vào pháp giới gọi là không có cú nghĩa.

Không động dao gọi là không có phân biệt, chẳng biến đổi gọi là không có cú nghĩa.

Vì rỗng không nên gọi là không có phân biệt, vì chẳng thể nói được nên gọi là không có cú nghĩa.

Vì không giác không quán nên gọi là không có phân biệt, vì không có tướng nên gọi là không có cú nghĩa.

Vì chẳng phát khởi nên gọi là không có phân biệt, vì không có nguyện cầu nên gọi là không có cú nghĩa.

Biết chúng sanh giới đồng với hư không gọi là không có phân biệt, không có chúng sanh giới gọi là không có cú nghĩa.

Chẳng sanh gọi là không có phân biệt, chẳng trụ gọi là không có cú nghĩa.

Chẳng diệt gọi là không có phân biệt, vô vi gọi là không có cú nghĩa.

Chẳng hành gọi là không có phân biệt, bình đẳng gọi là không có cú nghĩa.

Biết bình đẳng gọi là không có phân biệt, tịch tĩnh gọi là không có cú nghĩa.

Vì chúng sanh chẳng biết như vậy, nên chư Phật Như Lai phát khởi tâm đại bi tuyên nói chánh pháp cho họ biết rõ các nghĩa ấy.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề chẳng thể dùng thân để được, chẳng thể dùng tâm để được. Tại sao? Vì thân tâm như huyễn vậy. Nếu có thể biết rõ được thân tâm chơn thiệt thì gọi là Bồ đề. Nói gọi là Bồ đề đó là vì để lưu bố theo thế tục, nhưng tánh và tướng Bồ đề thiệt không thể nói được.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề thì chẳng thể nói thân, chẳng thể nói tâm, chẳng thể nói pháp, chẳng thể nói phi pháp, chẳng thể nói có, chẳng thể nói không có, chẳng thể nói thiệt, chẳng thể nói rỗng không. Tại sao? Vì tánh chẳng thể nói được vậy.

Bồ đề không có trụ xứ chẳng thể tuyên nói được dường như hư không. Vì biết thiệt tất cả pháp chẳng thể tuyên nói được, trong chữ không có pháp, trong pháp không có chữ, chỉ vì lưu bố theo thế tục mà tuyên nói. Tất cả phàm phu chẳng biết chơn thiệt, nên chư Phật Như Lai khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp làm cho họ biết chơn thiệt.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề vô thủ vô duyên. Thế nào là vô thủ, thế nào là vô duyên?

Biết nhãn chơn thiệt gọi là vô thủ, biết nhãn không có sắc cảnh gọi là vô duyên.

Biết nhĩ chơn thiệt gọi là vô thủ, biết nhĩ không có thanh cảnh gọi là vô duyên.

Biết tỷ chơn thiệt gọi là vô thủ, biết tỷ không có hương cảnh gọi là vô duyên.

Biết thiệt chơn thiệt gọi là vô thủ, biết thiệt không có vị cảnh gọi là vô duyên.

Biết thân chơn thiệt gọi là vô thủ, biết thân không có xúc cảnh gọi là vô duyên.

Biết ý chơn thiệt gọi là vô thủ, biết ý không có pháp cảnh gọi là vô duyên.

Như Lai Thế Tôn do nghĩa như vậy biết Bồ đề vì không có thủ trước nên gọi là không có

nhãn, vì không có nhà cửa nên gọi là vô duyên. Nhãn thức chẳng trụ trong cảnh sắc kia gọi đó là không nhà cửa, nhẫn đến ý thức cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh tâm không có chỗ trụ ở. Như Lai Thế Tôn như thiệt biết tâm không có chỗ trụ ở. Chỗ trụ ở có bốn thứ, đó là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Nơi bốn thứ nầy tâm không có chỗ trụ ở, đây gọi là tâm không có chỗ trụ ở. Vì vậy mà gọi rằng tất cả các pháp đều không có chỗ trụ ở. Như Lai Thế Tôn như thiệt biết đó, mà vì các hàng phàm phu không thể biết được, nên Như Lai Thế Tôn phát khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp để cho họ được biết chơn thiệt vậy.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề gọi là rỗng không, nhưng trong Bồ đề không có tướng rỗng không, đây gọi là rỗng không. Tất cả pháp rỗng không Bồ đề cũng rỗng không, Như Lai Thế Tôn chơn thiệt biết được rỗng không như vậy, nên Như Lai gọi là đấng biết rỗng không. Chư Phật gọi là đấng giác ngộ tất cả các pháp rỗng không trong rỗng không nhưng chẳng có giác tri, cũng hay biết rõ Vô thượng Bồ đề. Rỗng không và Bồ đề là nhứt như, rỗng không cùng Bồ đề là một chẳng phải là hai. Rời rỗng không mà Bồ đề có pháp riêng khác mới được nói là hai. Vì không

có hai nên gọi đó là rỗng không, vì không có danh tự nên gọi đó là rỗng không, vì không có tướng mạo nên gọi đó là rỗng không, vì không có oai nghi nên gọi đó là rỗng không, vì không có tu hành nên gọi đó là rỗng không, vì không có ngôn thuyết nên gọi đó là rỗng không.

Nầy thiện nam tử! Trong đệ nhứt nghĩa không có các pháp thế nào nói là rỗng không. Ví như hư không không có ngôn không có thuyết, vì không có ngôn thuyết nên gọi là hư không. Trong không có ngôn thuyết cũng không có ngôn thuyết, đây gọi là rỗng không.

Tất cả các pháp cũng như vậy, pháp không có danh tự nói là danh tự, danh tự như vậy cũng không có chỗ trụ ở. Nếu danh tự không có chỗ trụ ở thì các pháp dưới danh tự ấy cũng không có chỗ trụ ở.

Như Lai Thế Tôn chơn thiệt biết các pháp như vậy không có sanh không có diệt. Vì chơn thiệt biết nên được giải thoát.

Bổn lai không có hệ phược sao lại gọi là được giải thoát? Vì lẽ ấy nên Như Lai Thế Tôn không có hệ phược không có giải thoát.

Các pháp như vậy tất cả hàng phàm phu chẳng có thể biết được, vì thế nên chư Phật Thế

Tôn khởi phát lòng đại bi diễn nói chánh pháp cho họ được biết.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề ấy đồng như hư không. Tánh hư không chẳng bằng chẳng thấp, Bồ đề cũng như vậy. Nếu pháp đã là không có tánh thì chẳng thể nói là có bằng có thấp. Như Lai Thế Tôn thiệt biết các pháp không có bằng không có thấp nhẫn đến vi trần không có bằng không có thấp.

Nếu pháp có tánh chính là như thiệt trí. Bực như thiệt trí biết tất cả pháp trước không nay có, đã có lại không, lúc sanh lúc diệt không chỗ hệ thuộc, theo duyên mà sanh, theo duyên mà diệt, do nghĩa nầy mà gọi là đạo. Do dứt đạo nầy nên gọi là Bồ đề.

Vì các hàng phàm phu chẳng biết đạo chơn thiệt như vậy, nên chư Phật Thế Tôn phát khởi đại bi tuyên nói chánh pháp cho họ được biết.

Nầy thiện nam tử! Bồ đề gọi là chơn thiệt cú, chơn thiệt cú ấy tức là Bồ đề. Hai cú như vậy đồng nhau không sai khác. Sắc cũng như vậy, thọ tưởng hành thức, địa thủy hỏa phong, nhãn giới sắc giới nhãn thức giới, nhĩ giới thanh giới nhĩ thức giới, tỷ giới hương giới tỷ thức giới, thiệt giới vị giới thiệt thức giới, thân giới xúc giới

thân thức giới, ý giới pháp giới ý thức giới cũng đều như vậy, đây gọi là pháp lưu bố theo thế tục.

Như Lai chơn thiệt biết rõ các ấm nhập giới pháp như vậy không có điên đảo. Bực chẳng điên đảo biết pháp quá khứ bất sanh bất diệt, biết pháp vị lai bất sanh bất diệt, biết pháp hiện tại cũng bất sanh bất diệt, biết như vậy gọi là chẳng điên đảo, gọi là chơn thiệt cú. Chơn thiệt cú ấy, như một pháp thì tất cả pháp cũng như vậy, như tất cả pháp thì một pháp cũng như vậy. Chơn thiệt cú nầy các hàng phàm phu chẳng biết, vì vậy nên chư Phật Như Lai phát khởi tâm đại bi tuyên nói chánh pháp cho họ được biết.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề ấy, chẳng phải nội chẳng phải ngoại. Thế nào là nội, thế nào là ngoại?

Không bị tạo tác là chẳng phải nội, không bị giác tri là chẳng phải ngoại.

Nội ấy có nghĩa là trụ ở, ngoại ấy có nghĩa là tướng dạng. Thể của Bồ đề chẳng phải trụ ở chẳng phải tướng dạng, nên gọi Bồ đề chẳng phải nội chẳng phải ngoại.

Lại nữa, chẳng phải nội là chẳng phải ba nghiệp thân khẩu và ý, chẳng phải ngoại là chẳng phải ba nghiệp duyên.

Chẳng phải nội là vô tướng giải thoát môn, chẳng phải ngoại là không giải thoát môn.

Các nghĩa như vậy hàng phàm phu chẳng biết. Vì thế chư Phật Như Lai phát khởi tâm đại bi diễn nói chánh pháp cho họ được biết.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề là vô lậu là vô thủ. Thế nào là vô lậu và thế nào là vô thủ?

Vô lậu là xa lìa bốn lưu, đó là dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu và kiến lưu. Vô thủ là xa lìa bốn thủ, đó là dục thủ, hữu thủ, kiến thủ và giới thủ.

Các chúng sanh bị vô minh che trùm luôn đi nơi bốn thủ, do khát ái nên làm ngã và ngã sở.

Như Lai Thế Tôn biết rõ ngã không căn bổn nên ngã thanh tịnh, do ngã thanh tịnh nên có thể thanh tịnh chúng sanh. Ngã thanh tịnh thì chẳng giác tri tất cả các pháp cũng chẳng tư duy tất cả phi pháp, chẳng sanh khởi vô minh, do chẳng khởi vô minh nhơn duyên nên chẳng khởi mười hai nhơn duyên hữu, hữu nhơn duyên chẳng khởi thì bất sanh, vì bất sanh nên nhập vào quyết định tụ. Quyết định tụ ấy gọi là liễu nghĩa. Liễu nghĩa ấy gọi là đệ nhứt nghĩa. Đệ nhứt nghĩa ấy gọi là không có chúng sanh. Nghĩa không có chúng sanh gọi là nghĩa bất khả thuyết.

Nghĩa bất khả thuyết chính là nghĩa mười hai nhơn duyên. Nghĩa mười hai nhơn duyên chính là nghĩa pháp. Nghĩa pháp ấy chính là Như Lai. Do nghĩa như vậy nên trong khế kinh nói nếu có ai thấy được mười hai nhơn duyên thì là người thấy pháp. Thấy pháp là thấy Như Lai. Thấy Như Lai ấy chính là không chỗ thấy. Chỗ thấy là tà, tà kiến ấy đó là pháp tưởng số. Như Lai không có tưởng cũng không có tưởng số. Do nơi nghĩa nầy nên thấy Như Lai là không có chỗ thấy. Nếu thấy Như Lai không có tướng, không có tác, không có tri, không có giác, thì gọi là chơn thiệt thấy Như Lai.

Cũng vậy, đức Như Lai biết rõ tất cả các pháp bình đẳng như vậy, pháp giới vô lậu vô thủ.

Các hàng phàm phu chẳng thể rõ biết được như vậy, vì thế Như Lai Thế Tôn phát khởi tâm đại bi tuyên nói chánh pháp cho họ được biết.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề là thanh tịnh là tịch tĩnh là quang minh là vô tranh. Thế nào là thanh tịnh, thế nào là tịch tĩnh, thế nào là quang minh và thế nào là vô tranh?

Chẳng xen tạp phiền não thì gọi đó là thanh tịnh. Không giải thoát môn thì gọi đó là tịch tĩnh. Vô tướng giải thoát môn và vô nguyện giải thoát môn thì gọi đó là quang minh. Vô sanh vô diệt

thì gọi đó là vô tranh. Lại nữa, vô sanh ấy thì gọi đó là thanh tịnh. Vô diệt thì gọi đó là tịch tĩnh. Vô thủ thì gọi là quang minh. Bất xuất thì gọi là vô tranh.

Lại nữa, tánh thì gọi là thanh tịnh. Không có các phiền não thì gọi là tịch tĩnh là quang minh là vô tranh.

Lại nữa, pháp giới gọi là thanh tịnh. Tánh chơn thiệt gọi là tịch tĩnh là quang minh là vô tranh.

Lại nữa, tánh hư không gọi là thanh tịnh. Pháp giới vô phân biệt thì gọi là tịch tĩnh là quang minh là vô tranh.

Lại nữa, nội ngoại thanh tịnh thì gọi đó là thanh tịnh. Nơi các pháp nội và ngoại chẳng thủ lấy chẳng trụ trước, thì gọi đó là tịch tĩnh là quang minh là vô tranh.

Lại nữa, chơn thiệt biết ngũ ấm thì gọi đó là thanh tịnh. Chơn thiệt biết thập bát giới thì gọi đó là tịch tĩnh là quang minh. Xa lìa lục nhập thì gọi đó là vô tranh.

Lại nữa, thấy quá khứ tận thì gọi là thanh tịnh. Thấy vị lai chẳng sanh thì gọi là tịch tĩnh. Thấy pháp hiện tại an trụ nơi pháp giới không

có động chuyển thì gọi đó là quang minh là vô tranh.

Thanh tịnh, tịch tĩnh, quang minh và vô tranh, bốn pháp như vậy đồng nhập vào một giới một pháp và một câu. Ba pháp như vậy tức là Niết Bàn. Vì xa lìa phiền não nên gọi là thanh tịnh, vì rốt ráo thanh tịnh nên gọi là tịch tĩnh, vì không tối tăm nên gọi là quang minh, vì bất khả thuyết nên gọi là vô tranh. Vì thế nên nói đức Thích Ca Như Lai nín lặng không chỗ nói.

Nầy thiện nam tử! Luận về Bồ đề ấy tức là hư không. Hư không ấy gọi là Pháp. Như pháp, chúng sanh cũng vậy. Như chúng sanh, phước điền cũng vậy. Như phước điền, Niết Bàn cũng vậy. Do nghĩa nầy nên tất cả pháp đồng với Niết Bàn.

Đức Như Lai có thể biết rõ pháp giới như vậy nên gọi là Phật".

Tu tập đầy đủ thanh tịnh tịch tĩnh quang minh và vô tranh, bốn câu như vậy thì gọi đó là Phật.

Vì đức Như Lai có thể biết rõ được thiện phương tiện nên lúc đầu mới được Vô thượng Bồ đề liền nín lặng an trụ không có tuyên nói để chờ Đại Phạm Vương thưa thỉnh. Lúc ấy, Thi

Khí Đại Phạm Vương cùng sáu vạn tám ngàn vị Phạm Thiên đến chỗ Phật đầu mặt lạy Phật rồi chắp tay tôn kính bạch rằng: Cầu nguyện đức Như Lai vì các chúng sanh chuyển chánh pháp luân, lại tiếp nói kệ rằng:

Phật pháp ly, thanh tịnh, tịch tĩnh
Đại quang vô ngại, không có tranh
Không chữ, không tiếng cũng không nói
Chơn thiệt biết rõ như pháp giới
Phật vì chúng sanh vô lượng kiếp
Khổ hạnh thọ trì giới thế gian
Để thức tỉnh chúng sanh mê ngủ
Mãi làm phóng dật mê thiệt nghĩa
Còn vô lượng chúng trong hội nầy
Chứa căn lành nơi vô lượng Phật
Hay hiểu nghĩa sâu nghĩa chơn thiệt
Nguyện Phật chuyển pháp luân vô thượng
Chúng đây đã phục tất cả ma
Muốn được mở bày cửa cam lộ
Đức Phật hiệu là chơn Đạo Sư
Chỉ đường vô thượng cho chúng sanh
Đức Phật dầu có đại từ bi
Thương mến chúng sanh như con một
Nay tôi thỉnh pháp là đúng thời
Phật chuyển chánh pháp luân vô thượng
Như xưa ba Phật chuyển pháp luân
Nguyện cầu Như Lai nay cũng vậy

Vô thượng Đạo Sư không thối chuyển
Dạy các chúng sanh đạo nhứt chơn
Như mưa nhuần lớn các cỏ cây
Làm cho chúng sanh hết nóng khát
Phật ban pháp vũ cho chúng sanh
Vì được vô lượng vô thượng quả
Lúc sơ sanh Phật có phát nguyện
Ta sẽ cứu khổ các chúng sanh
Chúng sanh khát mong vị cam lộ
Nguyện đại từ bi ban mưa pháp.

Bấy giờ đức Thế Tôn đã thọ thỉnh rồi liền đi qua thành Ba La Nại trong rừng Lộc Dã chỗ ở của các tiên nhơn mà chuyển chánh pháp luân. Pháp luân ấy, tất cả hàng chư Thiên, Ma Vương, Phạm Vương và các Sa Môn hoặc các Bà La Môn khác đều chẳng thể chuyển được. Lúc ấy đức Thế Tôn nói pháp Tứ đế, Tỳ Kheo Kiều Trần Như được pháp nhãn thanh tịnh. Tiếng pháp ấy vang khắp cả cõi Đại Thiên. Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nghĩa pháp thậm thâm chẳng thể nói
Đệ nhứt nghĩa không tiếng không chữ
Tỳ Kheo Trần Như nơi các pháp
Chứng được bực tri kiến chơn thiệt
Chính ta thuở xưa vô lượng đời
Chứng được Bồ đề nay đã được.

Lúc đức Như Lai chuyển chánh pháp luân như vậy, vô lượng chúng sanh đều được điều phục. Đức Như Lai thị hiện đại bi thần thông như vậy các chúng sanh được thấy có vô số người phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Nầy thiện nam tử! Mười sáu đại bi của Như Lai như vậy, tất cả đều vì các chúng sanh mà tu tập. Do nhơn duyên đại bi ấy, đức Như Lai vì mỗi mỗi chúng sanh trải qua số kiếp như số cát sông Hằng ở trong đại địa ngục thọ những khổ não mà tâm không thối chuyển, tâm đại bi ấy cũng không bị tổn giảm. Vì nghĩa ấy nên đại bi của đức Như Lai chẳng thể nghĩ bàn.

Nầy thiện nam tử! Lòng bi của hàng Thanh Văn và Duyên Giác như vẽ trên da, đại bi của Bồ Tát như xẻ thịt, đại bi của Như Lai như chẻ xương thấu tủy. Lòng bi của Thanh Văn và Duyên Giác tán thán sở tri của Phật, đại bi của Bồ Tát khuyên người thật hành, đại bi của Như Lai thọ ký Vô thượng Bồ đề. Lòng bi của Thanh Văn và Duyên Giác làm nhơn duyên cho lòng từ, đại bi của Bồ Tát vì điều phục chúng sanh, đại bi của Như Lai vì cứu cánh độ chúng sanh. Lòng bi của Thanh Văn và Duyên Giác do sự khổ thô thiển mà sanh, đại bi của Bồ Tát do lìa rời sự

khổ mà sanh, đại bi của Như Lai do dứt trừ tất cả nhơn duyên mà sanh.

Nầy thiện nam tử! Đức Như Lai tu tập đại bi như vậy, nếu vì một người mà ở lại thế gian trải qua một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp đến vô lượng kiếp trọn chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Nầy thiện nam tử! Đại bi của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Nầy thiện nam tử! Về quá khứ vô lượng vô biên vô số kiếp, nơi thế gian có đức Phật xuất thế hiệu là Chiên Đàn Quật, thế giới ấy tên là Đại Hương, kiếp ấy gọi là Thượng Hương. Đức Phật Chiên Đàn Quật trong ba trăm ba mươi hai vạn kiếp thường đem chánh pháp giáo hóa hàng Thanh Văn. Trên thân Phật Chiên Đàn Quật mỗi mỗi lỗ lông phát ra hơi hương khắp đầy cả Đại Thiên thế giới. Thế giới Đại Hương ấy không có danh từ hôi thúi, bao nhiêu cỏ cây núi sông đều có mùi chiên đàn, thân các chúng sanh trong cõi ấy cũng có mùi hương chiên đàn như vậy, tất cả đều không có thân khẩu ý ác. Đệ tử của đức Phật Chiên Đàn Quật nghe mùi hương nầy thì đều được tứ thiền. Sau đó kế tiếp có một vạn chư Phật nối nhau xuất thế đều đồng một hiệu là

Chiên Đàn Quật, do cớ nầy mà kiếp ấy có tên là Thượng Hương.

Đức Chiên Đàn Quật Như Lai làm Phật sự xong muốn nhập Niết Bàn quan sát chúng sanh coi có ai chưa điều phục thì Phật sẽ điều phục cho. Đức Phật Chiên Đàn Quật dùng tịnh Thiên nhãn thấy có một vị ở Trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ đã ở nơi Phật trước, gieo giống thượng thiện căn quyết định sẽ nhơn pháp Phật mà được độ thoát chớ chẳng phải nhơn pháp Thanh Văn mà được giải thoát. Vị trời nầy quá tám vạn bốn ngàn kiếp tuổi thọ sẽ sanh xuống cõi Dục sẽ nghe kinh điển Đại thừa mà phát tâm Vô thượng Bồ đề an trụ bực bất thối chuyển. Đức Phật Chiên Đàn Quật do sức đại bi khởi đại phương tiện bảo các Tỳ Kheo giờ Niết Bàn của ta đã đến, nói xong Phật liền nhập Bất Hối tam muội thị hiện cho chúng sanh biết Phật nhập Niết Bàn, biết Phật nhập Niết Bàn rồi đại chúng sắp bày rộng rãi các sự cúng dường, chánh pháp trụ thế đủ sáu mươi tám vạn bốn ngàn năm, trong thời gian nầy các đệ tử của Phật không có đến một người ở nơi chánh pháp mà sanh tưởng tà pháp. Do sức đại định, đức Phật Chiên Đàn Quật ẩn kín thân Phật qua tám vạn bốn ngàn kiếp chẳng cho đại chúng thấy. Quá kiếp số thọ mạng, vị trời ấy sanh xuống nhơn gian làm con

trai nhà đại Trưởng giả. Qua tám mươi năm, đức Phật Chiên Đàn Quật từ tam muội dậy đến nhà Trưởng giả, mọi người trong nhà không ai thấy, chỉ có người con trai nầy một mình được thấy đức Phật và được nghe đức Phật thuyết pháp được chẳng thối chuyển tâm Vô thượng Bồ đề. Biết vậy, đức Phật Chiên Đàn Quật liền thọ ký rằng đời sau quá bảy vạn hai ngàn a tăng kỳ trăm ngàn kiếp ngươi sẽ được thành Vô thượng Bồ đề hiệu là Bửu Thượng Phật. Lời đức Phật Chiên Đàn Quật thọ ký ngoài người con trai Trưởng giả nầy không ai được nghe, chỉ có một vạn hai ngàn chư Thiên được nghe biết. Chư Thiên nầy nghe rồi đều phát tâm Vô thượng Bồ đề đồng thanh bạch rằng: Cầu nguyện lúc đức Bửu Thượng Phật ra đời, chúng tôi sẽ ở trong pháp hội ấy thỉnh thọ chánh pháp và làm đệ tử. Đức Phật Chiên Đàn Quật nghe biết lời bạch của chư Thiên liền thọ ký rằng: Lúc Bửu Thượng Như Lai thành Phật, một vạn hai ngàn chư Thiên các ngươi sẽ làm thọ pháp đệ tử, cũng sẽ được Phật Bửu Thượng thọ ký Vô thượng Bồ đề. Việc làm nầy xong đức Phật Chiên Đàn Quật mới cứu cánh nhập Niết Bàn tất cả chư Thiên thiết lập cúng dường lớn".

Đức Phật phán tiếp: "Nầy thiện nam tử! Chư Phật Như Lai có đủ đức đại bi như vậy,

chẳng phải là chỗ biết được của hàng Thanh Văn và Duyên Giác. Thuở ấy, đức Phật Chiên Đàn Quật dầu ở tại thế đem pháp Thanh Văn giáo hóa mà cuối cùng vẫn làm cho giống Phật chẳng dứt. Nếu có chúng sanh nào cúng dường ngôi Tam Bảo thì cũng như vậy".

Lúc đức Phật Thế Tôn nói rộng công đức đại bi, trong chúng hội có ba hằng hà sa chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Nửa số chúng hội được thành Vô sanh Pháp nhẫn, phân nửa trong nửa số còn lại được có mười sáu đại bi như vậy, phần còn lại được Phật pháp nhẫn.

Tất cả chư Thiên và mọi người nghe pháp vui mừng đồng thanh khen rằng: "Lành thay, lành thay! Rất lạ lùng rất đặc biệt, đức Phật Thế Tôn tuyên nói pháp môn đại bi như vậy".

Lại nữa, nầy Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát! Đức Phật Như Lai còn có ba mươi hai nghiệp.

Nầy thiện nam tử! Như Lai biết rõ thị xứ và phi xứ. Thế nào là thị xứ và thế nào là phi xứ?

Nầy thiện nam tử! Nếu có người tạo tác thân khẩu ý ác mà được thọ quả an lạc thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Nếu có người tạo tác

thân khẩu ý thiện mà thọ quả an lạc thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Nếu có người quen làm việc tham lam bỏn xẻn mà được báo giàu to thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Nếu có người ban ơn bố thí mà được báo giàu to thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Nếu là người hủy phạm giới cấm mà được báo thân cõi trời thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Nếu là người hộ trì giới cấm thanh tịnh mà được báo thân cõi trời thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người hay sân hận mà được báo thân xinh đẹp thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Người thường nhẫn nhục mà được báo thân xinh đẹp thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người lười nhác nơi pháp lành lớn mà được đại thần thông thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Người siêng tinh tiến nơi pháp lành lớn mà được đại thần thông thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người phóng tâm tán loạn mà được bực chánh định thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Người nhiếp tâm bất loạn mà được bực chánh định thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người ngu si mà dứt tập khí phiền não thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Người tu hành trí huệ dứt tập khí phiền não thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người tạo tội ngũ nghịch mà được vô lậu thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Người không tội ngũ nghịch mà được vô lậu thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Thân người phụ nữ mà làm Chuyển Luân Thánh Vương thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Thân nam tử làm Chuyển Luân Thánh Vương thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Như làm Chuyển Luân Thánh Vương, làm Thiên Đế Thích, làm Phạm Vương và làm Phật cũng như vậy.

Nếu là Chuyển Luân Thánh Vương mà dùng phi pháp để trị nước thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Chuyển Luân Thánh Vương dùng chánh pháp trị nước thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người châu Uất Đơn Việt sau khi chết mà đọa vào ba ác đạo thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Người Uất Đơn Việt thọ chung sanh lên cõi trời thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người thường sát hại sanh mạng chúng sanh mà được báo trường thọ thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Còn do cớ nầy mà thọ mạng yểu ngắn thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Người có tà kiến mà chứng Thánh đạo thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Người có chánh kiến mà chứng được Thánh đạo thì có như vậy, đây gọi là thị xứ.

Bực Tu Đà Hoàn mà còn thọ sanh đời thứ tám thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ. Bực Tu Đà Hoàn mà liền nhập Niết Bàn cũng không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Bực A Na Hàm mà thọ sanh trong cõi Dục thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Bực A La Hán mà thọ thân đời sau thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Người Hiền Thánh mà học hỏi nơi các dị sư thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Bực Bất thối nhẫn mà còn thối chuyển Bồ đề thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Bồ Tát đến ngồi dưới cây Bồ đề chưa chứng quả Bồ đề mà dậy đi thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Bực Phật Như Lai mà có tập khí phiền não thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Bực Phật Như Lai mà trí còn có chướng ngại thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Nếu có ai thấy được đỉnh đầu của đức Phật thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Nếu có chúng sanh biết được cảnh giới nội tâm của đức Phật thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Tâm của đức Phật mà chẳng thường định cũng không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Chư Phật Thế Tôn mà có nhị ngữ thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Như Lai Thế Tôn mà còn có lỗi lầm thì không bao giờ có, đây gọi là phi xứ.

Nầy thiện nam tử! Đây gọi là nghiệp thứ nhứt của Phật Thế Tôn.

Đức Phật nói kệ rằng:

Đại địa được nói tướng chuyển động
Gió mạnh được nói tướng dừng lặng
Hư không được nói tướng có sắc
Phật chẳng nói xứ là phi xứ
Phật diễn nói xứ và phi xứ
Phần hạ trung thượng đều chơn thiệt

Chẳng nói xứ phi xứ là một
Hai xứ như vậy riêng không hai
Như Lai cũng nói hạ trung thượng
Đều riêng không có ba thứ tướng
Phật biết thị xứ phi xứ rồi
Có thể tuyên nói pháp vô thượng
Như Lai biết rõ lòng chúng sanh
Khéo hay phân biệt tướng vi tế
Sa Môn phạm chí đi trong tối
Chẳng biết nhơn thị xứ phi xứ
Chúng sanh chẳng biết xứ phi xứ
Do đó nên chẳng được giải thoát
Như Lai biết rõ xứ phi xứ
Do đó hiệu Phật đấng Vô Thượng
Nếu là chúng sanh không pháp khí
Như Lai với họ tu tâm xả
Lập đại phương tiện chờ thời tiết
Vì cho họ được chơn giải thoát
Như Lai Thế Tôn trí vô thượng
Đây thì gọi là pháp thứ nhứt
Thanh tịnh nghiệp thứ nhứt như vậy
Vì làm chúng sanh được điều phục
Như Lai nói lực thứ nhứt nầy
Rất sâu khó lường không biết được
Diệu pháp như vậy khó nói được
Vì phá tà kiến thương xót nói.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai Thế Tôn khéo biết những nghiệp được có của các chúng sanh hiện tại và các chúng sanh vị lai, biết rõ nghiệp, biết rõ báo, biết rõ nhơn, biết rõ xứ. Nếu nghiệp quá khứ là nhơn bất thiện thì đức Như Lai biết rõ là đời vị lai được quả bất thiện. Nếu nghiệp vị lai có nhơn duyên thối chuyển thì Như Lai biết rõ là nhơn thối chuyển. Nếu nghiệp vị lai hay làm tăng trưởng pháp thì đức Như Lai biết rõ do nhơn duyên nầy hay làm tăng trưởng pháp. Nếu nghiệp hiện tại hoặc tiến hoặc thối thì đức Như Lai biết rõ do nhơn duyên nầy nên có tiến có thối. Nếu có nghiệp được làm là nhơn Thanh Văn, là nhơn Duyên Giác, là nhơn Bồ Tát, là nhơn Như Lai, thì đức Như Lai đều biết rõ do nhơn duyên nầy mà thành là nhơn Thanh Văn, là nhơn Duyên Giác, là nhơn Bồ Tát, là nhơn Như Lai. Đây gọi là nghiệp thứ hai của đức Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai chứng được trí Vô thượng
Nên biết rõ được nghiệp nhơn quả
Biết nhiếp tam thế chẳng tam thế
Biết được tam thế nghiệp chúng sanh
Khéo biết chúng sanh nhơn an lạc
Phật cũng biết rõ nhơn khổ não

Phật phá tà kiến không nhơn quả
Do đây tu tập nghiệp thứ hai
Thông đạt nhơn hai pháp tiến thối
Nghiệp quả thiện ác cũng như vậy
Như Lai tri kiến không chướng ngại
Như xem trái cây trong bàn tay
Biết tướng chơn thiệt thượng trung hạ
Sở nhơn ba thừa cũng như vậy
Như Lai biết rõ nghiệp chúng sanh
Cũng biết các nghiệp quả thiện ác
Chúng sanh nghiệp quả thuộc tam thế
Biết rõ chẳng sai gọi Chánh Giác.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn biết rõ các loại dục giải của chúng sanh: Hoặc là tham dục, hoặc là sân hận, hoặc là ngu si, đời hiện tại tham dục khởi đời vị lai tham sân si, đời hiện tại sân hận khởi đời vị lai tham sân si, đời hiện tại ngu si khởi đời vị lai tham dục sân hận ngu si. Đức Như Lai biết rõ các chúng sanh hiện tại trụ ở thiện dục vị lai ác dục, hiện tại trụ ác dục vị lai thiện dục. Đức Như Lai biết rõ các chúng sanh đời hiện tại trụ hạ dục đời vị lai hạ trung thượng phần, đời hiện tại trụ trung dục đời vị lai hạ trung thượng phần, đời hiện tại trụ thượng dục đời vị lai hạ trung thượng phần. Đức Như Lai biết rõ chúng sanh tà tụ có thể làm chánh tụ, chúng sanh bất định tụ an trụ ở chánh

định tụ. Đức Như Lai biết rõ chúng sanh cõi Dục có dục giải cõi Sắc, cõi Vô Sắc. Đức Như Lai biết rõ người Thanh Văn có dục giải Duyên Giác có dục giải Phật. Vì đức Như Lai chơn thiệt thông đạt biết rõ nên vì họ mà thuyết pháp. Đây gọi là nghiệp thứ ba của Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Dục giải của chúng sanh có nhiều loại
Ý đó có nhiều chẳng phải một
Phật chơn thiệt biết rõ các dục
Nên hay tùy ý diễn nói pháp
Tánh tham dục sân hận ngu si
Theo tướng biết rõ không sai lầm
Hạ trung thượng phẩm cũng biết rõ
Thiện ác nghiệp nhơn quả chơn thiệt
Thông đạt ba tụ chẳng nhứt định
Tất cả ba thừa cũng bất định
Biết tam thế chẳng nhiếp tam thế
Lực thứ ba vì chúng sanh nói.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai biết rõ vô lượng thế giới, hoặc tu thiện hạnh, hoặc hành ác pháp, hoặc hành vô ngại hạnh, thế nào gọi là biết, vì là nội không ngoại không và nội ngoại không vậy.

Lại nữa, Đức Như Lai biết rõ nhãn, biết rõ sắc và biết rõ nhãn thức, thế nào mà biết, vì là như hư không vậy.

Lại nữa, đức Như Lai biết rõ Dục giới, Sắc giới, và Vô Sắc giới, thế nào mà biết, vì như giác quán vậy.

Lại nữa, đức Như Lai biết rõ nơi hành giới, thế nào mà biết, vì như tánh của hành vậy.

Lại nữa, đức Như Lai biết rõ phiền não giới, thế nào mà biết, vì là tánh khách trần vậy.

Lại nữa, đức Như Lai biết rõ giới chẳng nhiễm ô, thế nào mà biết, vì tánh của các pháp bổn thanh tịnh vậy.

Lại nữa, đức Như Lai biết rõ giới sanh tử, thế nào mà biết, vì vô minh nhơn duyên vậy.

Lại nữa, đức Như Lai biết rõ giới Niết Bàn, thế nào mà biết, vì là chơn thiệt tư duy vậy.

Lại nữa, đức Như Lai biết rõ các giới: Thế trụ, thế ái, thế sân, thế si, thế thanh tịnh, thế thanh tịnh tâm.

Vì biết rõ các giới nên có thể như thiệt thuyết pháp, đây gọi là nghiệp thứ tư của đức Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Phật là sư tử vương trong đời
Hay chơn thiệt biết chúng sanh giới
Như Lai trí huệ không bờ mé
Nên biết thế gian không bờ mé
Biết hạnh thiện ác hạnh giải thoát
Cũng biết nhãn sắc và nhãn thức
Thông đạt tất cả vô lượng pháp
Tánh nó bổn lai thường thanh tịnh
Nội ngoại chân thiệt vô sở hữu
Ngũ ấm lục nhập thập bát giới
Thân khẩu ý nghiệp và tứ đại
Các pháp như vậy đều không thiệt
Biết rõ chúng sanh giới như vậy
Tất cả đều đồng cảnh hư không
Tam giới tánh tướng không chơn thiệt
Các phiền não giới cũng không chơn
Phiền não tánh tướng không bền vững
Vô lậu giải thoát cũng như vậy
Như Lai dầu biết chơn thiệt giới
Trọn chẳng vì biết mà kiêu mạn
Hư không vô lượng vô biên tế
Tất cả chúng sanh giới cũng vậy
Như Lai trí huệ vô biên tế
Xa lìa ba tướng của hữu vi
Trí Phật Vô thượng rất sâu diệu
Tất cả chúng sanh chẳng biết được
Như Lai vì thương xót chúng sanh

Tuyên nói lực thứ tư như vậy.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai biết rõ tất cả chúng sanh các căn lợi độn. Thế nào mà biết? Như Lai biết rõ là thượng trung hay hạ, biết là tăng, biết là giảm, cũng biết tham dục có một ức thứ, sân hận và ngu si cũng đều có một ức thứ, biết là tham dục nặng biết là tham dục nhẹ, biết là sân hận nặng biết là sân hận nhẹ, biết là ngu si nặng biết là ngu si nhẹ, biết một loại căn hay tăng thêm sanh tử biết một loại căn hay giảm bớt sanh tử, biết thiện căn biết căn bất thiện biết căn chẳng thiện chẳng bất thiện, biết căn giải thoát, biết căn sáu tình thức, biết căn nam, căn nữ, căn mạng, căn khổ, căn lạc, căn ưu, căn hỷ, căn xả, căn tín, căn tiến, căn niệm, căn định, căn huệ, căn vị tri dục tri, căn tri, căn dĩ tri. Biết rõ nhơn nhãn căn, nhơn nhĩ căn, nhơn tỷ căn, nhơn thiệt căn, nhơn thân căn, nhơn ý căn. Biết rõ nhơn nhĩ căn làm duyên nhãn căn, nhơn tỷ căn làm duyên thiệt căn, nhơn ý căn làm duyên thân căn, biết rõ giới trang nghiêm thì có thể tu hạnh bố thí, biết rõ thí trang nghiêm thì có thể tu giới trang nghiêm. Đức Như Lai biết rõ ai có thể nói được thí, ai có thể nói được giới, ai có thể nói được nhẫn, ai có thể nói được tinh tiến, ai có thể nói được thiền, ai có thể nói được huệ, ai có thể nói được Tứ niệm xứ, ai có thể nói được

Tứ chánh cần, ai có thể nói được Tứ thần túc, ai có thể nói được Ngũ căn, ai có thể nói được Ngũ lực, ai có thể nói được Thất giác chi, ai có thể nói được Bát chánh đạo phần, ai có thể vì chúng sanh nói Thanh Văn thừa, ai có thể vì chúng sanh nói Duyên Giác thừa, ai có thể vì chúng sanh nói Vô thượng Phật thừa. Đức Như Lai biết rõ căn Duyên Giác học Thanh Văn thừa, căn Chánh Giác học Thanh Văn thừa học Bích Chi Phật thừa, biết người hạ căn có thể tu thượng căn, biết người thượng căn tu hạ căn. Đức Như Lai biết rõ các chúng sanh mà căn chưa có thể điều phục được thì sanh xả tâm, biết chúng sanh căn có thể điều phục được thì vì hạng nầy mà nói chánh pháp. Đức Như Lai biết rõ căn thục mà chẳng thục, căn chẳng thục mà thục, căn chẳng thục chẳng thục, căn thục có thục. Đức Như Lai biết rõ căn sanh tử, căn giải thoát, căn trang nghiêm, căn cụ túc. Tất cả căn tánh nhơn duyên quả báo Phật đều biết rõ thấy rõ, đây gọi là nghiệp thứ năm của chư Phật Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

"Như Lai biết căn đã rốt ráo
Nên biết trình độ các chúng sanh
Cũng biết rõ căn hạ trung thượng
Gồm đến các nghiệp cũng biết rõ

Biết rõ phiền não căn nặng nhẹ
Các căn khó điều hay dễ điều
Biết căn sanh tử căn giải thoát
Biết rõ nhãn căn đến ý căn
Biết căn hành xứ và diệt xứ
Biết rõ tất cả căn ba thừa
Chuyển được hay chẳng chuyển được
Căn chúng sanh thục hay chẳng thục
Theo đúng căn cơ mà thuyết pháp
Khéo lời trách dụ để điều phục
Biết kẻ chẳng thể dạy bảo được
Vì hạng nầy mà tu tâm xả
Như Lai khéo biết các phương tiện
Để phá phiền não trang nghiêm trí
Vì phá phiền não của chúng sanh
Nên nói lực thứ năm của Phật.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai chơn thiệt biết chí xứ đạo. Biết thế nào?

Đức Như Lai biết là chánh định tụ, biết là tà định tụ, biết là bất định tụ, biết nghiệp nhơn lực và quả báo lực, biết nhơn duyên phước đức đời quá khứ, biết nhơn duyên trang nghiêm đời hiện tại, biết khó điều hay dễ điều, biết nói lược mà giải rộng, biết nói rộng mà lược giải, biết là chúng sanh có thể được giải thoát, biết là chúng sanh chẳng được giải thoát, biết là người bất

định gặp thiện tri thức thì trụ ở chánh định tụ, nếu chẳng được thiện tri thức thì không giải thoát, biết rồi đức Như Lai theo đúng ý nguyện mà vì người ấy thuyết pháp, người ấy nghe rồi nhiếp niệm tư duy chứng được thiện quả. Đức Như Lai xuất thế chỉ vì hạng bất định tụ mà trọn chẳng vì hạng tà định thuyết pháp. Tại sao? Vì họ chẳng phải là pháp khí họ chẳng thể được chơn giải thoát, vì vậy mà ở nơi hạng nầy đức Như Lai tu tập tâm xả. Đại Bồ Tát biết thiệt rõ rồi siêng tu trang nghiêm để phá chúng sanh tà định như vậy, do đây mà Bồ Tát phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Đức Như Lai khéo biết tham có ba loại: Một là vì do thấy đẹp sạch, hai là vì nhơn duyên nhận thọ, ba là vì nhơn duyên trước. Biết sân cũng có ba loại, đó là nhơn duyên sân, nhơn duyên thọ và nhơn duyên trước. Biết si cũng có ba loại, đó là nhơn duyên vô minh, nhơn duyên ngã kiến và nhơn duyên lưới si mê.

Lại nữa, đức Như Lai biết các chúng sanh khổ trì được thông, khổ tốc được thông. Biết người khổ trì có thể được lạc tốc, biết người lạc tốc có thể được khổ trì, biết người lạc trì có thể được lạc tốc, biết là người có tu lực, biết là người có trí lực. Lại biết có đạo có đủ tu lực mà chẳng

đủ trí lực, có đủ trí lực mà chẳng đủ tu lực, có đủ tu lực và có đủ trí lực, chẳng có đủ tu lực và chẳng có đủ trí lực. Lại biết có đạo có thể tâm thanh tịnh mà chẳng thể trang nghiêm, có thể trang nghiêm mà không thể tâm thanh tịnh, có thể tâm thanh tịnh và có thể trang nghiêm, không thể tâm thanh tịnh và không thể trang nghiêm. Lại biết có đạo có thể thanh tịnh thân mà chẳng thể thanh tịnh khẩu ý, có thể thanh tịnh khẩu ý mà chẳng thể thanh tịnh thân, có thể thanh tịnh cả thân khẩu ý, chẳng thể thanh tịnh cả thân khẩu ý. Đây gọi là lực thứ sáu của Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai biết rõ đạo chỗ đến
Cũng biết nhơn duyên các chúng sanh
Cũng hay biết rõ định bất định
Thông đạt rõ ràng điều chẳng điều
Chẳng vì tà định mà nói pháp
Cũng chẳng điều phục căn chưa thục
Biết rõ tham sân si ba loại
Cũng biết các kiết tướng khinh trọng
Biết rõ bốn đạo chuyển chẳng chuyển
Vì thế Phật biết đạo rốt ráo
Chân thiệt biết tu lực trí lực
Hạ trung thượng lực cũng biết rõ

Biết thân khẩu ý tịnh chẳng tịnh
Tâm tịnh trang nghiêm cũng biết rõ
Chúng sanh các căn phiền não giới
Như Lai biết rồi vì họ phá
Vì chúng sanh vô minh tối kia
Nói nghiệp thứ sáu của Như Lai.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai biết thiền giải thoát, tam muội phiền não giải thoát, biết thế nào?

Đức Như Lai biết các chúng sanh do nhơn duyên mà thích sanh tử, biết các chúng sanh do nhơn duyên mà ưa Niết Bàn. Thế nào gọi là nhơn và thế nào gọi là duyên?

Nếu các chúng sanh tư duy bất thiện đây gọi là sanh tử nhơn duyên. Do bất thiện tư duy mà sanh trưởng vô minh, vì vậy bất thiện là nhơn và vô minh là duyên. Do vô minh mà sanh hành, vì vậy vô minh là nhơn và hành là duyên. Do hành mà sanh thức, vì vậy hành là nhơn và thức là duyên. Do thức mà sanh danh sắc, vì vậy thức là nhơn và danh sắc là duyên. Do danh sắc mà sanh lục nhập, vì vậy danh sắc là nhơn và lục nhập là duyên. Do lục nhập mà sanh xúc, vì vậy lục nhập là nhơn và xúc là duyên. Do xúc mà sanh thọ, vì vậy xúc là nhơn và thọ là duyên. Do thọ sanh ái, vì vậy thọ là nhơn và ái là duyên. Do

ái sanh thủ, vì vậy ái là nhơn và thủ là duyên. Do thủ sanh hữu, vì vậy thủ là nhơn và hữu là duyên. Do hữu sanh sanh, vì vậy hữu là nhơn mà sanh là duyên. Do sanh thì có các khổ lão tử v.v... vì vậy sanh là nhơn và lão tử là duyên. Phiền não là nhơn và các nghiệp là duyên. Các kiến chấp là nhơn và ái kiết là duyên. Phiền não là nhơn và ngũ cái là duyên. Như đây gọi là nhơn và gọi là duyên. Các chúng sanh do những nhơn và duyên nầy mà tham ưa sanh tử.

Do nhơn duyên gì mà ưa thích Niết Bàn?

Có hai nhơn và hai duyên làm cho chúng sanh ưa thích Niết Bàn. Những gì là hai?

Một là vui mừng nghe chánh pháp, hai là thích chánh tư duy.

Một là Xa ma tha, hai là Tỳ bà xá na.

Một là trí bất khứ, hai là trí bất lai.

Một là quán sanh tử, hai là quán Niết Bàn.

Một là thọ trì đúng pháp, hai là được chứng nhập.

Một là tu giải thoát môn, hai là được quả giải thoát.

Một là tận trí, hai là vô sanh trí.

Một là tứ đế trí, hai là quán thập nhị nhơn duyên.

Trên đây gọi là nhơn và gọi là duyên, mà các chúng sanh do các nhơn duyên nầy ưa thích Niết Bàn.

Đức Như Lai biết rõ các loại thiền tam muội giải thoát. Đã biết rõ rồi lìa bỏ các pháp dục ác bất thiện có giác có quán ly sanh hỷ lạc nhập vào sơ thiền, nhập sơ thiền xuất diệt tận định, nhập diệt tận định xuất sơ thiền, nhẫn đến bát giải thoát cũng nhập xuất như vậy. Tất cả chúng sanh đều chẳng thể biết được chỗ nhập chỗ xuất của Như Lai. Đức Như Lai biết rõ trụ định bình đẳng, cho đến thượng và hạ. Các chúng sanh bảo rằng đức Phật nhập một tam muội, mà thiệt thì đức Phật nhập tất cả tam muội. Các chúng sanh thấy đức Phật khởi tất cả định, mà thiệt thì đức Phật nhập một chánh định. Tam muội của đức Như Lai không có thứ đệ, mà chẳng phải là chẳng chánh định. Tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát đều chẳng biết được.

Đức Như Lai lại biết rõ nhơn duyên thuyết pháp gì được Thanh Văn tam muội, nhơn duyên thuyết pháp gì được Duyên Giác tam muội, nhơn duyên thuyết pháp gì được Bồ Tát tam muội, biết rõ rồi đức Như Lai tùy ý vì họ mà thuyết

pháp. Đây gọi là nghiệp thứ bảy của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai biết rõ nhơn sanh tử
Cũng thông đạt nhơn duyên giải thoát
Biết rõ rồi vì đại chúng nói
Phá hoại nhơn bất thiện sanh tử
Bất thiện tư duy vô minh nhơn
Vô minh nhơn duyên lớn sanh tử
Phiền não nhơn duyên thọ nghiệp quả
Các kiết nhơn duyên tăng ái kiết
Nếu được gần kề thiện tri thức
Chí tâm nghe nhận pháp Vô thượng
Quán sát nội ngoại không tam muội
Có thể vượt khỏi biển sanh tử
Tu tập Vô thượng định và huệ
Quán pháp bình đẳng không khứ lai
Nếu hay quán thấy không sanh diệt
Thì được mắt tịch tĩnh sáng suốt
Tu tập Vô thượng giải thoát môn
Có đủ tận trí vô sanh trí
Đã tự mình được trí vô ngại
Lại hay vì chúng sanh thuyết pháp
Nhập sơ thiền xuất diệt tận định
Nhập diệt tận định tùy ý xuất
Như Lai tam muội không thứ đệ

Nên gọi Như Lai thường ở định
Các chánh định được Như Lai nhập
Cùng các pháp giới không sai khác
Nhị thừa chẳng biết chỗ Phật trụ
Bồ Tát chẳng biết Phật thâm định
Chúng sanh thường ở vô minh tối
Chẳng biết chỗ nhập xuất của Phật
Vô thượng Thế Tôn thương chúng sanh
Vì họ mà nói nghiệp thứ bảy.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai biết rõ những nghiệp đời quá khứ của mình, một đời hai đời đến vô lượng đời, một thời gian tam tai đến vô lượng thời gian tam tai, một kiếp đến vô lượng kiếp. Đức Như Lai nhớ rõ sanh ra danh tánh, ăn uống, hình sắc, dung mạo, khổ vui, thọ mạng cõi nầy chết sanh đến cõi kia. Đức Như Lai cũng nhớ biết rõ đời trước của người khác như nhớ biết rõ của mình vậy.

Đức Như Lai biết rõ nghiệp nhơn của các chúng sanh, các chúng sanh ấy tạo nghiệp nhơn ấy được thân ở cõi kia, các chúng sanh ấy tạo nghiệp nhơn ấy được thân ở cõi nầy.

Đức Như Lai biết tâm và nhơn duyên tâm của các chúng sanh, tâm nầy diệt rồi thứ đệ sanh tâm.

Các sự như vậy, tất cả chúng sanh đều không thể biết rõ được.

Trí túc mạng của Phật biết rõ sự việc thỉ chung của tất cả tam thế. Túc mạng trí nầy chẳng thể suy lường được.

Đức Như Lai khuyên các chúng sanh: Nay ngươi nên nhớ biết sự việc thiện ác đã trải qua trong đời quá khứ. Do Phật lực nên chúng sanh nhớ biết được vô lượng thiện căn đã được vun trồng từ đời trước, hoặc ở bên Phật mà vun trồng, hoặc ở bên Bồ Tát hay ở bên Thanh Văn và Duyên Giác mà vun trồng. Chúng sanh ấy đã nhớ biết rồi, đức Như Lai tùy ý thuyết pháp cho họ chẳng thối chuyển. Đây gọi là nghiệp thứ tám của đức Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai nhớ biết vô lượng đời
Hoặc tự hoặc tha nghiệp thiện ác
Thấy rõ việc trong vô lượng kiếp
Như thấy rõ trái trong bàn tay
Dòng họ tên hiệu đều biết rõ
Hình sắc sanh tử cũng biết rõ
Biết rõ thọ mạng và chỗ ở
Nghiệp nhơn thiện ác cũng biết rõ
Biết tâm thứ đệ của chúng sanh
Biết chỗ sở nhơn tâm sanh diệt

Biết khắp đời trong vô lượng kiếp
Cũng chẳng cùng tận trí vô ngại
Phật trí vô lượng chẳng kể được
Nhị thừa chẳng biết cảnh giới Phật
Vì cho chúng sanh nhớ quá khứ
Nên Phật tuyên nói nghiệp thứ tám.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai Thiên nhãn thanh tịnh vi diệu thấy rõ các chúng sanh sanh tử đọa lạc, hoặc kẻ thọ thân lành hoặc kẻ thọ thân ác, hoặc sanh cõi lành hoặc sanh cõi ác. Đức Như Lai cũng biết thấy rõ các nghiệp nhơn của chúng sanh. Biết chúng sanh nầy thân khẩu ý ác, chê bai Thánh nhơn thêm lớn tà kiến, do nghiệp ác nên khi bỏ thân nầy phải đọa địa ngục. Biết các chúng sanh nầy thân khẩu ý lành, tôn kính Thánh nhơn thêm lớn chánh kiến, do nghiệp lành nên bỏ thân nầy được sanh cõi lành.

Thiên nhãn của Như Lai thấy khắp mười phương thế giới không có ngằn mé như hư không, không có hạn lượng như pháp giới. Thấy rõ các chúng sanh lúc sanh lúc chết, thấy rõ các thế giới lúc thành lúc hoại. Cũng biết các chúng sanh phát tâm Bồ đề lúc sanh lúc chết. Cũng thấy tất cả chư Phật mới thành Chánh Giác chuyển pháp luân nhập Niết Bàn. Cũng thấy các bực Thanh Văn lúc chứng được giải thoát, được

giải thoát rồi nhập Niết Bàn. Thấy hàng Duyên Giác dùng sức thần thông để báo ơn tín thí của các chúng sanh. Các sự việc như vậy tất cả hàng ngũ thông Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát đều không thấy biết được. Thiên nhãn của đức Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy. Do Thiên nhãn ấy nhìn xem các chúng sanh ai đáng được Phật hóa độ, ai nên được Thanh Văn hoặc Duyên Giác hóa độ. Nếu là người đáng từ nơi Phật mà được độ thì đức Như Lai vì người ấy mà thị hiện thân Phật, các chúng sanh khác đều không ai thấy. Đây gọi là nghiệp thứ chín của đức Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Tu nghiệp lành trong vô lượng kiếp
Phật được tịnh thiên nhãn như vậy
Thấy được mười phương các chúng sanh
Thành tựu được sắc thân thiện ác
Thấy các chúng sanh thượng trung hạ
Cũng thấy thọ thân cõi thiện ác
Biết được nghiệp lành thân khẩu ý
Nghiệp nhơn cảm được các quả báo
Cũng biết Thanh Văn Bích Chi Phật
Các bực Bồ Tát cảnh giới lành
Thấy mười phương Phật phá ma quân
Chuyển chánh pháp luân nhập Niết Bàn

Thấy các Thanh Văn được giải thoát
Giáo hóa chúng sanh rồi diệt độ
Thấy Bích Chi Phật hiện thần thông
Để đền ơn đức của thí chủ
Chơn thiện pháp của Như Lai nói
Nghe rồi hay qua biển sanh tử
Bồ Tát, Thanh Văn và Duyên Giác
Chẳng biết được chỗ thấy của Phật
Như Lai thấy rõ các vi trần
Cũng thấy rõ vô biên thế giới
Như Lai giáo hóa các chúng sanh
Vì vậy nên nói nghiệp thứ chín.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai Thế Tôn biết các lậu tận rốt ráo giải thoát, sanh tử ta đã hết, phạm hạnh ta đã lập, việc làm đã xong, không còn thân đời sau. Trí lậu tận của Phật thanh tịnh vi diệu. Nói là thanh tịnh là không có các tập khí. Trí Thanh Văn hữu biên hữu lượng. Tại sao? Vì có tập khí vậy. Trí Bích Chi Phật cũng có biên có lượng. Tại sao? Vì không có đại bi vậy.

Trí lậu tận của Phật vô lượng vô biên. Tại sao? Vì biết tất cả hành vậy, vì thành tựu Nhứt thiết trí vậy, vì dứt hẳn tất cả tập khí vậy, đã nhiếp lấy đại từ đại bi, trang nghiêm tứ vô sở úy, nơi tất cả pháp không có tập khí duyên lấy

tướng dạng, tất cả thế gian chẳng thể hơn được, đi đứng ngồi nằm không có lỗi lầm.

Như hư không thanh tịnh trong sáng chẳng xen tạp khói mây. Trí lậu tận của đức Phật cũng vậy, chẳng xen tạp tất cả phiền não tập khí. Đức Như Lai thành tựu thanh tịnh đầy đủ trí lậu tận ấy, có thể vì chúng sanh mở bày tuyên nói cho họ nghe rồi dứt các phiền não, chư Bồ Tát nghe rồi phát đại trang nghiêm để dứt các phiền não. Đây gọi là nghiệp thứ mười của đức Phật Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Phật lậu tận trí không có biên
Thanh tịnh chẳng tạp phiền não tập
Nhị thừa còn tập khí phiền não
Nên trí lậu tận chẳng thanh tịnh
Như Lai đầy đủ đại từ bi
Vì vậy trí Phật không ngằn mé
Đầy đủ thành tựu tất cả hạnh
Nên biết chỗ lậu hạnh chúng sanh
Phật diễn nói vô thường vô ngã
Cho chúng biết rỗng không không vui
Tu thiện tư duy được tịnh nhãn
Biết không chúng sanh không tướng nhơn
Đại bi thương xót các chúng sanh
Đầy đủ thập lực tứ vô úy
Trí vô ngại vì dứt phiền não

Vì vậy tuyên nói nghiệp thứ mười.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai đầy đủ bốn vô sở úy mà thành Như Lai nghiệp.

Đức Như Lai biết rõ tất cả pháp, hoặc có Trời, hoặc có Người, hoặc Ma, hoặc Phạm, hoặc Sa Môn, hoặc Bà La Môn nào mà có thể đúng thiệt nói rằng Như Lai chẳng biết pháp chẳng rõ pháp, thì không bao giờ có. Tại sao vậy? Vì Như Lai Thế Tôn hiệu là bực Biến Chánh Giác, biết rõ pháp bình đẳng, hoặc pháp phàm phu, hoặc pháp Thánh nhơn, hoặc pháp Thanh Văn, hoặc pháp Duyên Giác, hoặc pháp Bồ Tát, hoặc pháp Phật, hoặc pháp hữu học, hoặc pháp vô học, hoặc pháp thế gian, hoặc pháp xuất thế gian, hoặc pháp thiện, hoặc pháp bất thiện, hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, các pháp như vậy đều bình đẳng biết rõ nên hiệu là đấng Biến Chánh Giác. Nói bình đẳng là thấy rỗng không bình đẳng vì pháp chơn thiệt vậy, là vô tướng bình đẳng vì hoại các tướng vậy, là vô nguyện bình đẳng vì chẳng trụ trước ba cõi vậy, là bất sanh bình đẳng vì tánh vô sanh vậy, là vô hành bình đẳng vì tánh vô hành vậy, là vô xuất bình đẳng vì tánh vô xuất vậy, là vô chí xứ bình đẳng vì tánh vô chí xứ vậy, là chơn thiệt bình đẳng vì tánh không có tam thế vậy, trí giải thoát bình

đẳng vì tánh không có vô minh vậy, là Niết Bàn bình đẳng vì tánh không có sanh tử vậy. Thấy tất cả pháp như vậy thảy đều bình đẳng nên đức Như Lai hiệu là bực Biến Chánh Giác.

Thấy rõ như vậy rồi dùng đại từ bi đức Như Lai vì các chúng sanh mà tuyên dương thuyết pháp.

Hoặc có kẻ chẳng phải Thế Tôn mà tưởng là Thế Tôn, chẳng phải Chánh Giác mà tưởng là Chánh Giác, chẳng phải lậu tận mà tưởng là lậu tận. Đức Như Lai có đủ bốn vô sở úy có thể phá hoại các ác tưởng như vậy. Đây gọi là nghiệp thứ mười một của Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Phật biết tất cả pháp bình đẳng
Nên được hiệu là Nhứt Thiết Trí
Phàm Thánh Bồ Tát và Phật hạnh
Thế gian xuất thế nghiệp thiện ác
Không vô tướng nguyện vô sanh diệt
Tất cả thấy rõ chơn thiệt ấy
Như Lai thấy rõ pháp bình đẳng
Vì chúng nói nghiệp thứ mười một.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai chơn thiệt dứt hết hẳn các lậu phiền não tập khí nên xướng lên rằng: Phật hết các lậu. Chẳng có

hoặc là Trời, là Người, là Ma, là Phạm, hoặc là Sa Môn, là Bà La Môn nào có thể chơn thiệt nói rằng Phật chưa hết lậu.

Thế nào gọi là đức Như Lai lậu tận?

Đức Phật ở nơi dục lậu, tâm được giải thoát; Ở nơi hữu lậu, nơi vô minh lậu, nơi tất cả tập khí, nơi tất cả kiến lậu, tâm được giải thoát. Vì vậy đức Như Lai hiệu là bực lậu tận.

Trong đệ nhứt nghĩa, chơn trí của Thánh nhơn, không có giác, không có đoạn, không có chứng, không có tu, vì lưu bố thế tục mà gọi là tận lậu. Tại sao? Vì tận là vô sanh vô diệt vô tận không có thể tuyên nói được. Vì chẳng nói được nên gọi là vô vi. Luận về vô vi thì không có tướng sanh trụ diệt. Đức Phật hoặc xuất thế hoặc chẳng xuất thế, pháp tánh luôn thường trụ. Đức Như Lai chẳng thấy có ngã và ngã đoạn dứt, vì đại từ bi mà đức Như Lai vì chúng sanh nói ngã đoạn dứt. Đây gọi là nghiệp thứ mười hai của Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai dứt hẳn các lậu kiết
Cũng dứt vô biên các tập khí
Vì vậy thế pháp chẳng nhiễm được
Như sen ở nước nước không thấm

Đấng Đại Bi Pháp Vương trong đời
Vì chúng sanh mà lưu bố nói
Chơn thiệt biết rõ không sanh diệt
Vô ngã ngã sở cũng biết thiệt
Tất cả các pháp không tăng giảm
Theo tánh tướng nó nói chơn thiệt
Như Lai được sức đại tự tại
Vì chúng nói nghiệp thứ mười hai.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai chơn thiệt nói pháp ngăn chướng đạo. Chẳng có hoặc Trời, Người, Ma, Phạm, hoặc Sa Môn, Bà La Môn nào có thể chơn thiệt nói rằng pháp ấy chẳng thể ngăn chướng được đạo.

Thế nào gọi là ngăn? Thế nào là chẳng ngăn?

Có một pháp hay ngăn đạo đó là phóng dật. Còn có hai pháp đó là vô tàm và vô quý. Còn có ba pháp đó là thân, khẩu, ý ác. Còn có bốn pháp đó là tham dục, sân hận, kinh bố và ngu si. Còn có năm pháp đó là sát sanh, trộm cướp, tà dâm dục, vọng ngữ, và uống rượu. Còn có sáu pháp đó là chẳng kính trọng Phật, Pháp, Tăng, Giới, Tam muội và bất phóng dật. Còn có bảy pháp đó là mạn, đại mạn, mạn mạn, tà mạn, tà ngữ, tà mạng và tà niệm. Còn có tám pháp, đó là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm và tà định. Còn có chín pháp, đó là

có người muốn làm các điều ác hiện tại làm, làm rồi đổ cho người thân mình, có người đem điều lành muốn đang đã làm đổ cho kẻ oán mình, có người đem điều ác muốn đang đã làm đổ cho thân mình, đây gọi là chín pháp. Còn có mười pháp, đó là thập ác: Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, vô nghĩa ngữ, tham ganh, sân hại và tà kiến.

Nếu có Tỳ Kheo khởi ác tư duy, do đây mà chẳng biết là có nhiều các lỗi lầm. Do chẳng biết mà sanh tâm điên đảo. Do tâm điên đảo mà thêm lớn ngũ cái. Do lớn ngũ cái làm cho các phiền não ngăn chướng pháp lành. Do phiền não mà thân khẩu ý tạo gây các điều ác. Đức Như Lai như thiệt biết các pháp như vậy hay ngăn chướng nơi đạo. Đã tự biết rõ rồi vì chúng sanh mà diễn nói để phá hoại các pháp ngăn đạo như vậy. Đây gọi là nghiệp thứ mười ba của Như Lai".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu ai quen hành theo phóng dật
Thì thiệt chẳng thể được giải thoát
Thân khẩu ý tạo các ác nghiệp
Vô tàm vô quý các phiền não
Gần gũi ác pháp thì ngăn đạo
Biết rõ đối trị chẳng đối trị

Để phá phiền não nên diễn nói
Nghiệp thứ mười ba của Như Lai.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai chơn thiệt nói Thánh đạo rốt ráo.

Nếu có chúng sanh gần kề chánh niệm thì chắc được giải thoát. Chẳng có ai hoặc là Trời, Người, Ma, Phạm, hoặc là Sa Môn, Bà La Môn nào mà có thể chơn thiệt nói rằng người tu tập Thánh đạo chẳng được rốt ráo Vô thượng giải thoát.

Những gì là chơn thiệt Thánh đạo?

Có một thứ đó là Nhứt thừa. Còn có hai thứ: đó là Xa ma tha và Tỳ bà xá na. Còn có ba thứ: đó là không tam muội, vô tướng tam muội và vô nguyện tam muội. Còn có bốn thứ: đó là Tứ niệm xứ. Còn có năm thứ: đó là Ngũ căn. Còn có sáu thứ: đó là Lục niệm xứ. Còn có bảy thứ: đó là Thất giác chi. Còn có tám thứ: đó là Bát chánh đạo phần. Còn có chín thứ: đó là Sơ thiền đến Diệt tận định. Còn có mười thứ: đó là Thập thiện. Đây gọi là rốt ráo chơn thiệt Thánh đạo.

Lại rốt ráo Thánh đạo là không có thể làm tăng giảm lấy bỏ, không có nắm không có buông, chẳng phải chánh chẳng phải tà, chẳng phải một chẳng phải hai, đây gọi là Thánh đạo rốt ráo

chơn thiệt vậy. Vì thương xót các chúng sanh mà đức Như Lai tuyên nói Thánh đạo như vậy. Đây gọi là nghiệp thứ mười bốn của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai biết rõ pháp tịch tĩnh
Ai tu tập thì được giải thoát
Như Lai không thầy không ai dạy
Tự nhiên mà được vị cam lộ
Ai tu ba mươi bảy trợ đạo
Phiền não kiết dứt được giải thoát
Tư duy biết rõ pháp chơn thiệt
Chẳng trụ pháp tánh chơn giải thoát
Như Lai thấy pháp như hư không
Như huyễn như hóa như dương diệm
Đấng đủ thập lực vô biên thân
Vì chúng nói nghiệp thứ mười bốn.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Thân nghiệp Như Lai không có lầm lỗi. Hoặc kẻ ngu hoặc người trí không ai có thể chơn thiệt nói Phật có lỗi lầm. Tại sao? Đức Như Lai hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đắp y, hoặc cầm bát, hoặc thọ ăn uống, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nói, hoặc nhập xuất thành ấp thôn lạc nhà cửa, bàn chân Phật không đạp đất, thường bước đi trên hoa sen ngàn cánh. Nếu có chúng sanh nào gặp chạm bóng thân Phật thì trong bảy ngày an vui không

nghĩ tưởng đến ăn uống, khi bỏ thân sanh về cõi lành. Y phục của Như Lai mặc lìa cách thân Phật bốn tấc, sức gió mạnh bạo không làm động được. Đức Như Lai dầu có những sự việc hành động nói năng như vậy, mà nội tâm Phật chưa lúc nào chẳng định. Vì vậy mà thân Như Lai không có lỗi lầm.

Nầy thiện nam tử! Như Lai khẩu nghiệp cũng không có lỗi lầm. Tại sao? Vì đức Như Lai luôn là thời ngữ, chơn thiệt ngữ, chánh ngữ, kỳ ngữ, nghĩa ngữ, thanh tịnh ngữ, vi diệu ngữ, vô dị ngữ, nhất âm ngữ, lời nói chẳng nhiều, lời hiểu tất cả, lời đúng như làm. Vì vậy nên Như Lai khẩu không có lỗi lầm.

Nầy thiện nam tử! Như Lai ý nghiệp cũng không có lỗi lầm. Tại sao? Vì đức Như Lai thường làm tất cả Phật sự luôn mà nội tâm Phật không hề có kiêu mạn. Đức Như Lai chẳng nhọc suy nghĩ mà biết rõ cùng tận hết tất cả pháp, nên gọi là Phật vô ngại trí. Vì vậy mà Như Lai ý nghiệp không có lỗi lầm. Vì thương xót chúng sanh nên đức Như Lai tuyên nói thân khẩu ý Phật không có lỗi lầm như vậy. Đây gọi là nghiệp thứ mười lăm của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Thân khẩu ý Như Lai tịch tĩnh

Vì vậy nên không có lỗi lầm
Thiệt chẳng nói được mà tuyên nói
Nghiệp chẳng phải nghiệp nói là nghiệp.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai chẳng sanh việc tranh cãi với hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa Môn, Bà La Môn. Tại sao? Vì Như Lai rốt ráo lìa thương và giận vậy. Do đây nên tất cả thế gian cúng dường cung kính, tâm Phật chẳng cao ngạo cũng chẳng vui mừng. Tất cả thế gian khinh mạn chê bai, tâm Phật không có xúc động. Phàm việc được Phật làm thì không có sự nào là chẳng thành tựu. Phật hoàn toàn không có tạo tác nghiệp bất thiện. Đức Như Lai thiệt không có sự tranh luận với tất cả thế gian, cũng luôn an trụ vô tránh tam muội. Đức Như Lai không có ngã không có ngã sở hữu, vì phá sự thị phi tranh tụng của chúng sanh mà nói nghiệp nầy. Đây gọi là nghiệp thứ mười sáu của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai tu tập vô tránh định
Nên tâm Phật không giận không mừng
Như Lai vì dứt các phiền não
Nên tuyên nói nghiệp thứ mười sáu.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Tâm Như Lai không có quên lầm, với bát giải thoát không có

mất niệm tâm. Như Lai thường quán ý hành của tất cả chúng sanh, quán rồi lại hay tùy nghi thuyết pháp. Với bốn vô ngại cũng không thất niệm. Ở trong tam thế nhớ biết không quên. Đã tự mình chẳng mất tâm nhớ biết lại vì chúng sanh mà tuyên nói pháp nhớ biết nầy. Đây gọi là nghiệp thứ mười bảy của Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai tu tập bát giải thoát
Nên với các pháp chẳng thất niệm
Biết tâm chúng sanh tùy nghi nói
Cho chúng được niệm nói nghiệp nầy.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai chơn thiệt không có tâm bất định. Hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc nói, hoặc nín, thường biết nghĩa thâm diệu của các pháp. Tất cả thế gian hoặc có người nhập định hoặc chẳng nhập định, không ai có thể biết được tâm Như Lai, chỉ trừ chư Phật gia đạo lực cho họ. Vì muốn cho vô lượng tất cả chúng sanh thường tại chánh định nên nói nghiệp Phật như vậy. Đây gọi là nghiệp thứ mười tám của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai Chánh giác thường tại định
Việc được Phật làm không tán loạn

Thường nhập tam muội không ai biết
Vì vậy tuyên nói nghiệp mười tám.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai chơn thiệt không có các loại suy tưởng. Đó là không có phân biệt là phước điền là chẳng phải phước điền, cũng không có phân biệt là chúng sanh là pháp là chánh giác là pháp giới, không có phân biệt là trì giới là phá giới, cũng không có phân biệt là oán là thân, là thọ nhận là chẳng thọ nhận, cũng không có tưởng phân biệt là chánh kiến là tà kiến. Vì vậy mà đức Như Lai không có các thứ ý tưởng. Muốn phá các thứ tưởng phân biệt như vậy của các chúng sanh mà đức Như Lai tuyên nói nghiệp nầy. Đây gọi là nghiệp thứ mười chín của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai dứt hẳn tất cả tưởng
Do đây biết rõ các pháp giới
Vì phá chúng sanh ngần ấy tưởng
Nói nghiệp thứ mười chín của Phật.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai theo trí mà tâm xả. Không có chẳng biết mà xả. Tại sao? Vì tu thân vì tu giới vì tu định vì tu huệ vì dứt nghi vậy.

Tâm xả của Như Lai ra khỏi các thế gian, tức là Thánh xả, là rốt ráo xả, là chuyển thanh tịnh phạm luân xả, là hai mươi tám đại bi xả, là lợi ích chúng sanh xả, là đối trị xả. Các đức xả như vậy không có tăng không có giảm, chẳng cao chẳng thấp, chẳng xen tạp phiền não, chẳng một chẳng hai, chẳng quán thời tiết, không có đối không có ngại, chẳng dừng chẳng động, chẳng ẩn chẳng hiển, là chân thiệt bất hư vậy.

Đức Như Lai thành tựu đức đại xả như vậy mà có thể vì các chúng sanh tuyên nói. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai tu thân giới tâm huệ
Từ trí huệ mà tu tâm xả
Với các chúng sanh không thương giận
Chẳng động chẳng dừng chơn thiệt xả
Đấng Vô Thượng đại từ đại bi
Có đủ đức đại xả như vậy
Trí vô ngại điều phục chúng sanh
Nói nghiệp thứ hai mươi thanh tịnh.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Nghiệp thích muốn của đức Như Lai không có tăng không có giảm. Những gì gọi là thích muốn? Đó là thích muốn các pháp lành, những là đại từ đại bi thuyết pháp độ người an trụ tịch tĩnh khuyên

dạy các Bồ Tát học đạo Bồ đề làm cho giống tam thừa nối nhau không dứt. Tất cả các thích muốn như vậy chẳng theo tâm thích muốn sanh, mà theo trí huệ sanh. Vì muốn cho tất cả chúng sanh có đủ Vô thượng Bồ đề nên Như Lai diễn nói chánh pháp nầy. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi mốt của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đức muốn của Phật không tăng giảm
Do đại từ bi nên thuyết pháp
Chẳng dứt tam thừa vô biên thân
Vì chúng nói nghiệp Phật như vậy.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Đức Như Lai tinh tiến không có thôi nghỉ. Thế nào là chẳng thôi nghỉ? Đó là điều phục chúng sanh thuyết pháp giáo hóa. Giả sử có một người có thể trong thời gian vô lượng kiếp ở bên Phật nghe Pháp, đức Như Lai sẽ vì người nầy thuyết pháp không thôi nghỉ. Nếu có một Phật trong vô lượng kiếp thuyết pháp Như Lai cũng nghe mãi không có lòng nhác lười thôi bỏ. Nếu quá vô lượng hằng hà sa thế giới có một chúng sanh đáng được độ, Như Lai cần phải theo chẳng rời bỏ chẳng ăn chẳng nghỉ, chẳng hề sanh tâm mỏi mệt hối hận thối chuyển, Phật thường khuyên bảo chúng

sanh cho họ siêng năng tinh tiến. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi hai của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đấng có đức tinh tiến Vô thượng
Ở trong đại chúng khen tinh tiến
Tinh tiến thuyết pháp không thôi nghỉ
Là nghiệp Phật thứ hai mươi hai.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai niệm tâm không có tăng không có giảm. Tại sao? Lúc mới được Vô thượng Bồ đề, Như Lai quán khắp tâm tất cả chúng sanh quá khứ vị lai hiện tại, sau đó lúc thuyết pháp chẳng mất niệm trước, nhớ rõ ba tụ trước và ba loại căn tánh, phàm lúc Như Lai thuyết pháp không lúc nào chẳng niệm. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi ba của Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai lúc mới được Bồ đề
Quán khắp chúng sanh tâm đúng thiệt
Phàm lúc thuyết pháp chẳng thất niệm
Phật nói nghiệp thứ hai mươi ba.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai tam muội với tất cả pháp bình đẳng không có giảm, vì vậy nên chư Phật tất cả bình đẳng, nơi tất cả một ức loại tham dục sân hận ngu si và một ức loại không tham sân si, tâm Phật bình đẳng

không có sai biệt. Với tất cả loại hữu vi vô vi sanh tử Niết Bàn cũng như vậy.

Như Lai tam muội bình đẳng như vậy chẳng rời nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, tứ đại tam giới, chẳng phải đây chẳng phải kia, cũng chẳng phải tất cả, chẳng phải tăng chẳng phải giảm. Vì làm cho chúng sanh được tam muội như vậy nên Như Lai tuyên nói chánh pháp. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi bốn của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai quán khắp tất cả pháp
Tâm Phật thường định không tán loạn
Chẳng bị nhiếp thuộc bởi tam giới
Sáu căn tứ đại cũng như vậy
Tất cả các pháp vô sai biệt
Bình đẳng quan sát thiện bất thiện
Vì muốn chúng sanh được định nầy
Nên nói nghiệp Phật thứ hai bốn.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai trí huệ thường không giảm ít. Dùng trí lực nầy biết tất cả pháp hay tùy ý thích của chúng sanh mà thuyết pháp. Như Lai được trí vô ngại biết tất cả nghĩa, biết tất cả chữ, biết tất cả câu, trong vô lượng kiếp diễn nói một câu pháp ra vô lượng nghĩa dứt tất cả nghi. Như Lai nói pháp tam thừa đến tám vạn bốn ngàn pháp môn, cũng nói

tám vạn bốn ngàn khối pháp môn. Đây gọi là vô lượng vô biên trí huệ. Vì cho chúng sanh được trí huệ như vậy mà đức Như Lai diễn nói chánh pháp. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi lăm của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Phật trí huệ vô ngại vô biên
Hay nói vô ngại vô biên pháp
Diễn một chữ làm vô lượng câu
Diễn một câu làm vô lượng nghĩa
Nói tám vạn bốn ngàn pháp môn
Cũng nói số khối pháp như vậy
Làm cho chúng được trí vô ngại
Nên Phật nói nghiệp hai mươi lăm.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai giải thoát không có giảm ít. Hàng Thanh Văn do nghe pháp nơi người khác mà được giải thoát. Hàng Duyên Giác từ nhơn duyên mà được giải thoát. Chư Phật Như Lai không có thầy tự nhiên giác ngộ dứt hẳn phiền não và tập khí. Với quá khứ chẳng xét, với vị lai chẳng dính, với hiện tại chẳng trụ, cũng chẳng tham trước hai pháp nhãn sắc, nhĩ thanh, tỷ hương, thiệt vị, thân xúc, ý pháp. Như Lai biết rõ tâm tánh thanh tịnh nên xướng lên rằng, trong một niệm Như Lai được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì muốn

chúng sanh trong một niệm được Vô thượng Bồ đề nên Như Lai diễn nói chánh pháp. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi sáu của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Thanh Văn do nghe được giải thoát
Duyên Giác nhơn duyên được tỏ ngộ
Như Lai giải thoát không sở nhơn
Chẳng trước tam thế tâm tánh tịnh
Phật diễn thuyết pháp vì giải thoát
Quán các chúng sanh Vô thượng đạo
Đại từ đại bi vì chúng nói
Nghiệp Như Lai thứ hai mươi sáu.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai thân nghiệp tùy trí huệ hành, luôn bao quanh bởi trí huệ, do thân nghiệp nầy mà Như Lai lúc thuyết pháp, lúc nín lặng, lúc đi đứng ngồi nằm, lúc uống ăn, lúc đi vào ra thành ấp tụ lạc, đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi vẻ đẹp, chúng sanh thấy hay nghe đều được điều phục, vì vậy mà tất cả thân nghiệp Như Lai tùy trí huệ hành. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi bảy của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Thân nghiệp Như Lai vì chúng sanh
Nên hiện những tướng tốt vi diệu

Phàm có cử động lợi chúng sanh
Phật vì đại chúng nói nghiệp nầy.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai khẩu nghiệp tùy trí huệ hành. Tại sao? Vì thanh tịnh thuyết pháp vậy, vì không có thất thoát vậy, vì là lời chân chánh, lời dễ hiểu, lời dễ biết, lời chẳng cao chẳng hạ, lời chẳng cong vạy, lời chẳng thô, lời chẳng ác, lời chẳng mờ tối, lời dịu dàng, lời chẳng khinh, lời chẳng mau, lời chẳng e sợ, lời chẳng phải chẳng hiểu nghĩa, lời chẳng phải tiếng ác, lời chẳng chậm, lời cam lộ, lời khả ái, lời có thứ đệ, lời trang nghiêm, lời cung kính, lời thích nghe, lời chẳng tham, lời chẳng nhơ, lời thanh tịnh, lời rốt ráo, lời chẳng lừa dối, lời chẳng si mê, lời vô ngại, lời rộng rãi, lời chơn thiệt, lời chẳng tạo tác, lời vô tận, lời an lạc, lời tịch tĩnh, lời tham tịch tĩnh, lời sân tịch tĩnh, lời si tịch tĩnh, lời phá ma, lời phá tà luận, tiếng phạm âm, tiếng ca lăng tần già, tiếng Đế Thích, tiếng hải triều, tiếng câu luân xà, tiếng khổng tước mùa thu, tiếng câu chỉ la, tiếng chim mạng mạng, tiếng nga vương, tiếng lộc vương, tiếng đờn, tiếng trống, tiếng ốc, tiếng nhạc, tiếng người thích nghe, tiếng nhĩ căn thích, lời tăng pháp lành, lời câu nghĩa vô tận, lời hiệp chữ câu nghĩa, lời đúng thời, lời lược gọn, lời tri túc, lời điều các căn, lời bố thí trang nghiêm, lời giới

luật thanh tịnh, lời cùng chung với đức nhẫn nhục, lời tinh tiến thần thông, lời lìa xa dục giới, lời đầy đủ trí huệ, lời từ, lời bi, lời hỷ, lời xả, lời nói pháp Tam thừa, lời chẳng dứt Tam Bảo, lời giải thích ba tụ, lời giải thích tam thế, lời giải thích ba giải thoát, lời phân biệt Tứ đế, lời tu tập, lời tán thán, lời Phật, lời Thánh, lời vô biên, lời vô hành. Nầy thiện nam tử! Như Lai thành tựu những lời nói như vậy, nên khẩu nghiệp Như Lai là tùy trí huệ hành. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi tám của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Lời nói của Phật như tịnh châu
Thành tựu vô lượng các công đức
Tiếng Phật khắp cùng mười phương cõi
Nhứt âm hay làm mọi loài hiểu
Phàm lời diễn nói chẳng tác niệm
Lại chẳng xem cảnh giới chúng tâm
Như Lai âm thanh như tiếng vang
Không nói không nghe cũng như vậy
Đại từ đại bi lời thanh tịnh
Vì chúng giải thích các loại pháp
Muốn cho chúng sanh được như Phật
Nên nói khẩu nghiệp hai mươi tám.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai ý nghiệp tùy trí huệ hành. Tại sao? Đức Như Lai

biết rõ tâm ý thức của tất cả chúng sanh, cũng chẳng theo ý, theo duyên, theo tham sân si, xa lìa dối lầm, xa lìa ngã ngã sở vô minh tối tăm, bình đẳng thanh tịnh không có biên tế như hư không, đây là Như Lai ý nghiệp tùy trí huệ hành. Đây gọi là nghiệp thứ hai mươi chín của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Tâm Như Lai chẳng thể lường được
Như dùng sợi lông cất núi lớn
Thường quán chúng sanh tâm duyên cảnh
Xa lìa các ma lìa phiền não
Như Lai Pháp Vương nói nghiệp lành
Để phá chúng sanh các nghiệp ác
Vì tịnh chúng sanh thân khẩu ý
Nghiệp hai mươi chín nay đã nói.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai trí huệ biết đời quá khứ, trí ấy không có ngại cũng không có chướng. Trí ấy thế nào? Trí ấy biết vô lượng vô số chư Phật quá khứ cùng với các thế giới của chư Phật ấy, những là cỏ cây và số lượng chúng sanh, tâm cảnh của họ, các loại âm thanh ngôn ngữ của họ, cũng biết chư Phật quá khứ ấy nói những pháp gì, có bao nhiêu chúng sanh chứng được Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, Bồ Tát thừa, biết rõ chư Phật quá khứ ấy thọ mạng dài ngắn, số đại chúng nhiều ít,

các thứ danh tự, sự ăn uống ngồi nằm, biết rõ chúng sanh ấy những là căn giới, ý giới, pháp giới, tâm giới, hành giới, tâm họ thứ đệ sanh diệt xuất hiện ẩn mất. Tất cả đều biết rõ như thiệt cho đến biết rõ số lượng, chẳng phải dùng tỷ trí so tính để biết. Đây gọi là nghiệp thứ ba mươi của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Phật trí vô ngại cũng vô chướng
Nên biết rõ được vô lượng cõi
Biết rõ tất cả các Phật sự
Chúng sanh các căn và pháp giới
Như Lai Pháp Vương biết quá khứ
Như xem trái cây trong bàn tay
Vì muốn chúng sanh được trí ấy
Phật nói nghiệp thứ ba mươi nầy.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai trí huệ biết đời vị lai, trí ấy vô ngại cũng vô chướng.

Trí ấy biết thế nào? Trí ấy biết tất cả thế giới thuở vị lai, hoặc thành hoặc hoại, mấy kiếp hỏa tai, mấy kiếp thủy tai, mấy kiếp phong tai, bao nhiêu Phật thế giới, bao nhiêu Phật xuất thế, trong thế giới có bao nhiêu vi trần, có bao nhiêu Thanh Văn, bao nhiêu Duyên Giác, bao nhiêu Bồ Tát, cũng biết sự ăn uống hành động đi đứng ngồi nằm của chư Phật ấy, bao nhiêu chúng sanh

chứng Thanh Văn giải thoát, bao nhiêu chúng sanh chứng Duyên Giác giải thoát, bao nhiêu chúng sanh chứng Chánh Giác giải thoát, bao nhiêu chúng sanh tu tập các phẩm trợ đạo, từ bi hỷ xả, cũng biết rõ các chúng sanh thuở vị lai ấy bao nhiêu thứ đệ tâm sanh, tâm diệt. Tất cả sự việc như vậy đều biết rõ chơn thiệt chẳng phải dùng tỷ trí so tính để biết. Đây gọi là nghiệp thứ ba mươi mốt của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai biết rõ đời vị lai
Sự sanh diệt của tất cả pháp
Biết các thế giới và chư Phật
Chúng sanh tâm thứ đệ sanh diệt
Lưu chuyển các đạo chứng tam thừa
Y báo chánh báo biết chơn thiệt
Vì muốn đại chúng được trí nầy
Phật nói nghiệp thứ ba mươi mốt.

Lại nữa, nầy thiện nam tử! Như Lai trí huệ biết đời hiện tại, trí ấy vô ngại cũng vô chướng.

Trí ấy thế nào? Như Lai biết rõ hiện tại mười phương các thế giới, số lượng chư Phật Bồ Tát Duyên Giác Thanh Văn, những nhựt nguyệt tinh tú cỏ cây vi trần địa thủy hỏa phong đại hải núi sông vườn rừng, các loại chúng sanh lông tóc hình sắc tâm ý thứ đệ sanh diệt xuất hiện ẩn mất.

Cũng biết chúng sanh địa ngục ngạ quỉ súc sanh hiện nghiệp quả báo ở đời bao lâu lúc nào giải thoát, biết rõ phiền não giới, chư căn giới, ý giới, pháp giới. Tất cả sự việc hiện tại mười phương trí Như Lai biết rõ chơn thiệt, chẳng phải dùng tỷ trí so tính để biết. Đây gọi là nghiệp thứ ba mươi hai của đức Như Lai.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Như Lai Vô thượng chẳng nghĩ bàn
Không ai biết Phật cảnh sở duyên
Chỗ biết của Phật như hư không
Vô lượng vô biên không thể nói
Phật nói vi diệu đệ nhứt nghĩa
Vì muốn chúng sanh được nghiệp Phật
Tự Tại Vương khéo hỏi Như Lai
Phật Thế Tôn đã tùy ý đáp.

Nầy thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn có đủ ba mươi hai nghiệp như vậy thì có thể điều phục tất cả chúng sanh.

Nầy thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh nói các nghiệp ấy, mà thiệt thì Như Lai có vô lượng nghiệp Vô thượng không thể kể nói.

Nầy thiện nam tử! Nghiệp của Như Lai, tất cả thế gian chúng sanh chẳng suy nghĩ được, chẳng biết rõ được cũng chẳng tuyên nói được.

Nghiệp Như Lai ấy đều có thể bình đẳng biết khắp tất cả quốc độ như hư không. Tại sao? Vì mười phương chư Phật đều bình đẳng vậy.

Nầy thiện nam tử! Chư Phật Như Lai quan sát chúng sanh cùng thế giới giải thoát Niết Bàn đều bình đẳng không sai khác. Đức Phật Thế Tôn quán pháp giới đều bình đẳng nhứt vị rồi chuyển chánh pháp luân chẳng chuyển được.

Nầy thiện nam tử! Ví như người thợ ngọc biết rành các loại châu báu, ở nơi núi báu được một viên bửu châu mang về ngâm trong nước, ngâm nước xong vớt châu ra ngâm dấm, rồi ngâm nước đậu, ngâm rượu đắng, ngâm xong để trong các chất nước thuốc, sau đó dùng nĩ nhuyễn mài chà thành chơn chánh thanh lưu ly châu.

Cũng vậy, vì biết chúng sanh giới chẳng sáng chẳng sạch nên Như Lai vì chúng sanh mà nói pháp Vô thường, khổ, bất tịnh để phá tâm tham ưa sanh tử của họ. Đức Như Lai tinh tiến không thôi nghỉ, lại vì chúng sanh nói pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện cho họ biết rõ chánh pháp của Phật. Đức Như Lai tinh tiến

không thôi nghỉ lại vì họ thuyết pháp cho họ chẳng thối thất tâm Vô thượng Bồ đề, biết tất cả pháp ba đời thành đạo Bồ đề, gọi là đại trân bửu Vô thượng phước điền lành tốt.

Vì vậy nên biết nghiệp của Như Lai chẳng thể tư duy chẳng thể cân lường chẳng thể tuyên nói được.

Đức Như Lai có đủ ba mươi hai nghiệp, dầu biết thân Phật như hư không mà ở nơi thế giới thị hiện thân Phật và cũng thuyết pháp chẳng thể thuyết được.

Đức Như Lai đã dứt hẳn nhơn duyên tất cả tâm nên biết rõ tâm giới của tất cả chúng sanh, cũng biết rõ cảnh giới của tất cả Bồ Tát.

Nầy thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn chơn thiệt nghiệp trọn chẳng đoạn tuyệt, thọ ký cho Bồ Tát. Đây gọi là nghiệp chơn thiệt của Như Lai".

Lúc đức Thế Tôn nói nghiệp Phật trên đây rồi, mười phương thế giới chấn động sáu cách, quang minh lớn chiếu khắp nơi, vô lượng vô biên thứ hương thơm hoa đẹp từ trên không tuôn xuống. Đại chúng hiện tại trong Phường đình báu lớn cho đến hàng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La,

Ma Hầu La Già, Người và Phi Nhơn nghe lời đức Phật tuyên nói về nghiệp Như Lai, tất cả đều rất vui mừng. Đại chúng lại đem các thứ hương hoa, kỹ nhạc, bửu tràng, bửu phan, bửu cái, cúng dường đức Phật. Trong pháp hội lại có các chúng đem đủ loại vàng ngọc châu báu cùng những vật trang sức, như là tràng chuỗi thoa xuyến, những thanh lưu ly châu, liên hoa châu, kim sí điểu châu, diêm phù bửu châu, đế thích bửu châu, hỏa châu, quang châu, vô lượng quang châu, vô lượng sắc châu, nhu nhuyến thanh tịnh châu, kim cương bửu châu và bạch chơn châu, còn có đem các thứ hương quý như là hương bột, hương chiên đàn hòa với kim sa, hương da già la, hương trầm thủy, hương huân lục, hương di khư đa, hương ma la bạt, còn rải các thứ hoa, những là hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, hoa câu tỳ đà la, hoa ba lợi chất đa la, hoa hỷ lạc, hoa sa la, hoa đại sa la, hoa bách diệp, hoa thiên diệp, hoa nhiễu diệp, hoa đại quang, hoa hương, hoa lạc hương, hoa lạc kiến, hoa vô lượng sắc, hoa bất định sắc, các loại hoa sanh trong nước như là hoa ưu bát la, hoa ba đầu ma, hoa câu vật đầu, hoa phân đà lợi, các loại hoa trên đất như là hoa bà lợi sư, hoa ma lê, hoa tu mạn na, hoa dục kỳ, hoa đàn nội già lê, hoa a đề

mục đa già, hoa chiêm bà, hoa a thúc ca, cũng cúng dường đức Phật các loại kỹ nhạc, các thứ phan lọng.

Lúc bấy giờ chư Bồ Tát đến từ thập phương thế giới đều thẳng lên hư không trên Phường đình báu lớn rồi buông mình rơi xuống đất để cúng dường đức Phật, thân chư Bồ Tát ấy rơi xuống đất tan mất hóa ra lưới thất bửu trùm khắp trên Phường đình, lại hiện thân các Ngài ở trong lưới báu ấy.

Lúc bấy giờ mười phương tất cả chư Phật đều riêng sai một cây ba lợi đến Phường đình dùng để cúng dường đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Do thần lực Phật, mỗi mỗi cây ba lợi ấy đến trang nghiêm Phường đình báu lớn.

Trong pháp hội có vô lượng chúng phát tâm Vô thượng Chánh Giác, vô lượng chúng được Vô sanh Pháp nhẫn.

Đức Thế Tôn đứng dậy ngắm nhìn hàng đại chúng như tượng vương nhìn mà tuyên lời rằng: Các thiện nam tử! Ai có thể thủ hộ các vật cúng dường nầy và cả Phường đình báu lớn đây cho khỏi bị hủy hoại hư hao tổn thất, chờ đến Di Lặc thành Vô thượng Chánh Giác rồi mười sáu năm sau sẽ cúng dường lên đức Phật ấy và cũng gìn

giữ để cúng dường năm trăm đức Như Lai kế tiếp trong Hiền kiếp.

Bấy giờ trong chúng hội có một đại Bồ Tát hiệu là Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương liền từ chỗ ngồi dậy quỳ chắp tay bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi có thể thủ hộ những vật cúng dường và Phường đình báu lớn nầy chẳng cho hư hao hủy hoại để chờ Di Lặc thành Phật được mười sáu năm sẽ cúng dường cho đức Phật ấy và cùng thủ hộ cúng dường cho năm trăm đức Phật kế tiếp trong Hiền kiếp nầy".

Lúc ấy trong đại chúng có một Ma vương hiệu là Thần Thông ở nước Tứ thiên hạ nói với đại Bồ Tát Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương rằng nay Ngài để những vật cúng dường và bửu Phường đình nầy ở trong khí cụ gì để thủ hộ cho khỏi hư hao hủy hoại?

Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương đại Bồ Tát nói: "Nầy thiện nam tử! Phàm nói là khí cụ thì tánh nó là vô thường, mà thân thể nầy của tôi luôn thường trụ không biến đổi. Nay Ngài nên nhìn kỹ thân của tôi".

Ma vương Thần Thông nghe xong liền y theo lời bảo mà nhìn kỹ thân của đại Bồ Tát Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương, thấy trong rún có một thế giới tên là Thủy Vương Quang

hiện tại có đức Phật Thế Tôn hiệu là Bửu Ưu Bát La, trong thế giới Thủy Vương Quang ấy có một bửu sơn lớn, Bửu Ưu Bát La Như Lai ở trong đại bửu sơn ấy ngồi kiết già cùng chư Bồ Tát tuyên nói chánh pháp.

Thần Thông ma vương thấy rõ rồi trong lòng rất lấy làm lạ mà khen ngợi, liền lạy Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương đại Bồ Tát mà bạch rằng: "Lành thay lành thay! Bạch Đại sĩ! Nay tôi mới biết là Ngài có khí cụ vi diệu có thể hộ trì được các vật cúng dường và đại bửu Phường đình nầy khỏi bị hư hao hủy hoại".

Thần Thông ma vương lại đảnh lễ đức Phật bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Từ trước tôi chưa từng thấy đại Bồ Tát như vậy, cũng chưa từng được nghe pháp vi diệu như vậy, nên tôi muốn học pháp Thanh Văn nhập Niết Bàn. Nay tôi được thấy oai thần lực của Chư Pháp Thần Thông Tự Tại Vương đại Bồ Tát tôi liền phát tâm Vô thượng Bồ đề. Bạch đức Thế Tôn! Giả sử trong hằng hà sa kiếp thân tôi chịu khổ nơi địa ngục, rồi sau mới được thành đạo Vô thượng, tôi quyết chẳng rời bỏ Bồ đề tâm".

Đức Phật phán dạy: "Lành thay lành thay! Nầy thiện nam tử! Ông có thể phát tâm Vô

thượng Bồ đề tốt như vậy, ông cũng sẽ được vô lượng thần thông lực như vậy".

Lúc ấy trong pháp hội có một đại Bồ Tát hiệu là Sư Tử Tràng nói với Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát rằng: "Bạch Ngài, đại Bồ Tát được môn Đà la ni gì mà có thể thọ trì tất cả lời chư Phật dạy, những chữ câu và nghĩa được diễn nói đều không cùng tận?".

Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát nói: "Bạch Ngài Sư Tử Tràng đại Bồ Tát, có tám môn Đà la ni mà đại Bồ Tát nếu chứng được thì có thể thọ trì tất cả lời dạy của chư Phật và thuyết pháp chữ câu và nghĩa không có cùng tận.

Những gì là tám môn Đà la ni?

Một là Tịnh Thanh Quang Minh Đà la ni môn.

Hai là Vô Tận Khí Đà la ni môn.

Ba là Vô Lượng Tế Đà la ni môn.

Bốn là Đại Hải Đà la ni môn.

Năm là Liên Hoa Đà la ni môn.

Sáu là Nhập Vô Ngại môn Đà la ni môn.

Bảy là Tứ Vô Ngại Trí Đà la ni môn.

Tám là Phật Trang Nghiêm Anh Lạc Đà la ni môn.

Nếu có đại Bồ Tát an trụ trong tám môn Đà la ni nầy thì có thể thọ trì tất cả lời dạy của chư Phật và thuyết pháp chữ câu nghĩa đều không có cùng tận".

Sư Tử Tràng đại Bồ Tát nói: "Lành thay bạch Đại sĩ! Xin Ngài nói rộng cho. Chư Bồ Tát nghe rồi sẽ được thọ trì tất cả Phật pháp".

Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát nói: "Nầy Ngài, xin lắng nghe kỹ tôi sẽ vì Ngài mà nói.

Môn Tịnh Thanh Quang Minh Đà la ni ấy, nếu an trụ được thì đại Bồ Tát có thể ở nơi chỗ vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn mà thành tựu đầy đủ vô lượng công đức được tứ đại thanh tịnh, do đây mà âm thanh vi diệu, lúc tuyên thuyết chánh pháp âm thanh ấy vang khắp một Phật thế giới, khắp hai Phật thế giới, khắp năm Phật thế giới, khắp mười Phật thế giới, khắp hai mươi, ba mươi Phật thế giới, khắp bốn mươi, năm mươi Phật thế giới, khắp trăm Phật thế giới, khắp ngàn Phật thế giới, khắp vạn Phật thế giới, cho đến khắp trăm ngàn vạn Phật thế giới không thể kể không thể đếm được. Pháp được đại Bồ Tát ấy nói ra đều được nghe khắp nơi. Lúc đại Bồ Tát ấy thuyết pháp, pháp tòa sư tử được ngồi

hoặc rộng một do tuần, hoặc lớn như núi Tu Di, hoặc rộng lớn như bửu tòa Phạm Thiên Vương.

Giả sử có mười phương vô lượng chư Phật giảng tuyên đạo hóa đại Bồ Tát nầy đều nghe được khắp hết và thọ trì chẳng quên sót, hiểu rành chữ câu và ý nghĩa. Đồng thời tự mình thuyết pháp và nghe chư Phật thuyết pháp không có trở ngại cả hai sự việc. Ở trong một chữ diễn nói tất cả pháp, đó là chữ a. Chữ a là đầu của các chữ. Lúc đại Bồ Tát nầy nói chữ a liền có thể nói tất cả pháp. Chữ a có nghĩa là không có. Không có ấy là các pháp không có căn, không có sanh, không có sơ khởi, không có biên tế, không có tận cùng, không có tạo tác, không có lai, không có khứ, không có trụ, không có tánh, không có xuất, không có hành, không có tăng, không có cao, không có giảm, không có chữ, không có tác dụng, không có nguyện cầu, không hý luận cũng không giác quán, không nói, không nghe, không ở, không vào, các pháp không có ngã, không có chúng sanh, không tịnh, không mạng, không tên, không chủ, không sĩ phu, không nội, không ngoại, không thường, không tướng, không nhớ, không lường, không làm, không dấu vết, không câu, không chữ, không ngại, không cùng chung, không theo mình, không theo người, không thâu, không phóng,

không thủ, không xả, không số, không thân, không tịnh, không uế, không chuyển, không biến, không thọ nhận, không âm thanh, không tướng hình, không kiết gút, không nhơ, không cuồng, không lậu, không hữu, không che, không đục, không đối, cũng không có sắc thọ tưởng hành thức, không có nhơn quả, không có ấm nhập giới, không có nhơn duyên, không có cảnh giới, không có Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, không có thọ sanh, không có dẫn dắt, không có đen trắng, không cặn bã, không tư duy, không thời gian, không quy về, không thanh tịnh, không tạp uế, không thiêu đốt, không quên tập, không nhà cửa, không chi tiết, không lay động, không đứng ngừng, không bền chắc, không mỏng manh, không thấy được, không chạm được, không sáng, không tối, không lỗi, không tội, không thiệt, không hư, không si ngu, không quán huệ, không chứng, không tu, không kiến, không văn, không giác, không trí, không xúc, không thức.

Thưa Ngài Sư Tử Tràng! Đại Bồ Tát được Đà la ni Tịnh Thanh Quang Minh như vậy thì ở một chữ có thể diễn nói tất cả pháp. Trong một chữ nầy nói vô lượng nghĩa không có sai lầm, chẳng hoại pháp giới, chẳng mất chữ nghĩa.

Đại Bồ Tát được Đà la ni Tịnh Thanh Quang Minh nầy thì thân khẩu và ý đều thanh tịnh cả.

Cử động đi ở chúng sanh thích thấy, đó là thân thanh tịnh. Pháp được diễn nói chúng sanh thích nghe đó là khẩu thanh tịnh. Tu tập tâm từ bi hỷ xả đó là ý thanh tịnh.

Đại Bồ Tát được Đà la ni nầy rồi thì có thể thanh tịnh hai bố thí, đó là tài thí và pháp thí. Có thể thanh tịnh giới hạnh, thấy kẻ phá giới chẳng sanh tâm chê ghét. Có thể thanh tịnh nhẫn nhục, thấy kẻ hại chúng sanh chẳng sanh lòng giận phiền. Có thể thanh tịnh tinh tiến, tu hành pháp lành không hề thôi nghỉ. Có thể thanh tịnh thiền định vì dứt kiêu mạn. Có thể thanh tịnh trí huệ vì trừ vô minh. Có thể thanh tịnh các nghiệp vì phá nhơn ác bất thiện. Có thể thanh tịnh nhãn căn vì được tam minh. Có thể thanh tịnh nhĩ căn vì được thiên nhĩ nghe tiếng nói của chư Phật. Có thể thanh tịnh tỷ căn vì ngửi biết giới hương thanh tịnh của chư Phật. Có thể thanh tịnh thiệt căn vì chẳng tham chất vị cam lộ. Có thể thanh tịnh thân căn vì được hóa thân. Có thể thanh tịnh ý căn vì tư duy lành tốt vậy. Có thể thanh tịnh hình sắc vì được ba mươi hai đại nhơn tướng. Có thể thanh tịnh âm thanh

vì nói diệu pháp. Có thể thanh tịnh hơi hương vì giới văn thí v.v... thanh tịnh. Có thể thanh tịnh mùi vị vì được vị Vô thượng. Có thể thanh tịnh cảm xúc vì tu tập các tam muội Vô thượng. Có thể thanh tịnh pháp trần vì quán các pháp giới vô phân biệt. Có thể thanh tịnh ức niệm vì chẳng quên sót. Có thể thanh tịnh ý tưởng vì vĩnh viễn chẳng hệ thuộc ca ma đảng. Có thể thanh tịnh các hành vì quán sát các pháp giới thậm thâm vậy.

Nầy thiện nam tử! Đại Bồ Tát an trụ nơi Đà la ni Tịnh Thanh Quang Minh nầy rồi theo âm thanh được nói vang đến chỗ nào thì ánh sáng từ trong thân của Bồ Tát ấy cũng chiếu đến nơi ấy.

Nầy thiện nam tử! Đà la ni ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Đại Bồ Tát an trụ Vô Tận Khí Đà la ni rồi thì diễn nói sắc Vô thường chẳng thể cùng tận, nói sắc là khổ là vô ngã cũng chẳng thể cùng tận, nói sắc như bọt nước, như ảo, như trăng trong nước, như mộng, như vang, như bóng, như dương diệm, cũng đều chẳng thể cùng tận, nói sắc không có tánh, không có tướng là rỗng không cũng đều chẳng thể cùng tận, nói sắc không nói được chẳng thể nguyện cầu chẳng thể tạo tác là bất sanh bất diệt chẳng phải quá khứ

vị lai hiện tại, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải tịnh uế, chẳng phải ngã ngã sở, chẳng phải khứ lai, chẳng phải đối ngại, chẳng phải nhứt nhị, chẳng phải chúng sanh, thọ mạng, trượng phu, chẳng phải tham sân si, chẳng phải hữu vô, chẳng phải hữu lậu vô lậu, chẳng phải hữu vi vô vi tất cả cũng đều chẳng thể cùng tận, nói sắc chẳng phải đui điếc, chẳng phải què thọt, chẳng phải cuồng loạn chẳng phải cỏ cây gỗ đá, chẳng phải địa thủy hỏa phong, chẳng phải nhà cửa, chẳng phải thành quách, chẳng phải thôn lạc lớn, chẳng phải núi gò, chẳng phải vườn rừng, chẳng phải phương hướng, chẳng phải sắc hương vị xúc, chẳng phải tạo tác chẳng phải lãnh thọ, chẳng phải tiếng chẳng phải nghe, chẳng phải mười hai nhơn duyên tất cả cũng đều chẳng thể cùng tận, nói sắc chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chẳng phải nhơn chẳng phải quả, chẳng phải ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới, chẳng phải Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, chẳng phải đồng dị, chẳng phải phiền não, chẳng phải tịnh uế, chẳng phải bằng, chẳng phải lõm, tất cả cũng đều chẳng thể cùng tận.

Nầy thiện nam tử! Đại Bồ Tát an trụ Vô Tận Khí Đà la ni nói sắc chẳng thể cùng tận như vậy. Lại còn có vô lượng vô biên bất khả thuyết phần.

Chia một phần nầy làm ngàn phần, ta ở nơi một phần ngàn ấy còn nói chẳng thể cùng tận.

Về Vô Lượng Tế Đà la ni, chữ tế là nói thường kiến và đoạn kiến, Vô Lượng là nói mười hai nhơn duyên. Lại nữa, chữ tế là nói vô minh hành thức danh sắc lục nhập xúc thọ ái thủ hữu sanh và lão tử các sự khổ não nhóm họp, Vô Lượng là nói sanh và tử. Lại nữa, chữ tế là vô thỉ vô chung, là không có thủ xả, là không sanh không diệt, là không uế không tịnh vì tánh vốn thanh tịnh, là khả kiến, là danh sắc, là hữu vi vô vi, là hữu lậu vô lậu, là nghiệp quả nội ngoại trong ba đời, là không nghiệp nhơn quả báo thiện và bất thiện ngã và vô ngã sanh tử và Niết Bàn.

Vô lượng là vi trần tế đó là địa thủy hỏa phong.

Đây gọi là Vô Lượng Tế Đà la ni, đại Bồ Tát an trụ Đà la ni ấy rồi ở trong vô lượng kiếp vì chúng sanh thuyết pháp, những tự cú nghĩa vị được nói đều chẳng thể cùng tận. Đà la ni ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy.

Còn về Đại Hải Đà la ni, nầy thiện nam tử! Ví như biển lớn, trong tứ thiên hạ có những hình sắc chúng sanh những cỏ cây dược thọ ngũ cốc mặt nhựt mặt nguyệt tinh tú mây ráng sương

mù sấm chớp quốc độ thành quách tụ lạc thôn ấp điện đường vườn rừng ao hồ núi sông v.v... tất cả hình sắc đều hiện bóng trong biển lớn.

Đại Bồ Tát an trụ Đà la ni Đại Hải ấy cũng như vậy, tất cả chúng sanh thân khẩu ý nghiệp đều ấn hiện trong thân đại Bồ Tát, do đây mà những lời nói của đại Bồ Tát đều chơn thiệt cả. Chữ Ấn ấy có nghĩa là vô sở hữu, đó là các pháp không có giác quán không có ngôn thuyết là vô biên vô tác vô tham, đây gọi là nghĩa đệ nhứt chơn thiệt. Còn có giá ấn, giá là nói nhãn, nhãn là vô thường có thể tịnh có thể thấy. Còn có na ấn, na là nói danh, vì tất cả các pháp nên danh thiệt vô danh. Còn có la ấn, la là nói thế, tất cả thế gian thuộc ái và vô minh. Còn có đà ấn, đà là nói thập, đức Phật Thế Tôn có thập lực hay hóa độ chúng sanh. Còn có ba ấn, ba là nói ngũ, đức Như Lai xa lìa trừ dứt ngũ dục chứng được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn có sát ấn, sát là nói lục, vì đức Như Lai chơn thiệt biết rõ lục nhập nên có thể điều phục tất cả chúng sanh, vì đức Như Lai đủ lục niệm xứ nên được đại tự tại, vì đức Như Lai có lục thần thông nên dùng thần thông giáo hóa chúng sanh. Còn có bà ấn, bà là nói tả, vì đức Như Lai lìa tả đạo nên được Vô thượng Bồ đề. Còn có đa ấn, đa là nói thiệt, vì đức Như Lai biết rõ tánh chơn thiệt nên gọi là

Chánh Giác. Còn có na ấn, na là nói bỉ, vì đức Như Lai biết khắp các pháp thử bỉ đều bình đẳng. Còn có bà ấn, bà là nói kiết, vì đức Như Lai xa lìa tất cả phiền não kiết sử nên gọi là a lê ha. Còn có xà ấn, xà là nói sanh lão, vì đức Như Lai đã khỏi phần sanh lão nên gọi là Thế Tôn. Còn có đàm ấn, đàm là nói pháp, đức Như Lai thuyết pháp thanh tịnh vô cấu. Còn có xa ấn, xa là nói Xa ma tha, đức Như Lai thành tựu tu Xa ma tha. Còn có khư ấn, khư là nói hư không, đức Như Lai thấy biết tất cả các pháp đồng như hư không. Còn có ca ấn, ca là nói khổ hạnh, đức Như Lai xa lìa tất cả khổ hạnh. Còn có bà ấn, bà là nói chơn thiệt, tứ đế được đức Như Lai nói tức là chơn thiệt. Còn có ma ấn, ma là nói đạo, đức Như Lai hay nói pháp bát chánh đạo. Còn có già ấn, già là nói thâm, pháp được đức Như Lai nói nghĩa rất thậm thâm. Còn có sằn ấn, sằn là nói nhẫn, đức Như Lai có đủ nhẫn Ba la mật. Còn có hô ấn, hô là nói tán, đức Như Lai thường tán thán thập phương chư Phật. Còn có nhược ấn, nhược là nói biến tri, đức Như Lai biết rõ khắp tất cả pháp nên gọi là bực Nhứt thiết trí. Còn có bà ấn, bà là nói hữu, đức Như Lai đã thoát khỏi tất cả hữu. Còn có xa ấn, xa là nói dục, đức Như Lai muốn tất cả pháp lành. Còn có ba ấn, ba là nói tiền, đức Như Lai thường vì chúng sanh hiện

tiền thuyết pháp. Còn có phả ấn, phả là nói quả, đức Như Lai thường nói bốn quả Sa Môn.

Nầy thiện nam tử! Nhơn chữ như vậy mà diễn nói các pháp, đó là các chữ đều ấn hiện nơi miệng đại Bồ Tát. Đây gọi là Đại Hải Đà la ni.

Luận về Liên Hoa Đà la ni ấy, đại Bồ Tát an trụ Đà la ni nầy rồi chỗ thuyết pháp thường xuất hiện thất bửu liên hoa thanh tịnh vi diệu để làm pháp tòa, đại Bồ Tát ngồi bửu tòa ấy mà thuyết pháp giáo hóa, lại còn nhiều khi mưa tuôn vô lượng liên hoa, các liên hoa nầy cũng phát ra các thứ pháp âm thanh tịnh, âm thanh ấy sâu rộng diễn xuất nhiều phương tiện ví dụ. Những là pháp âm mười hai bộ kinh, pháp âm thanh tịnh, pháp âm dứt phiền não, lúc ấy đại Bồ Tát ngồi yên lặng mà các liên hoa đều có thể diễn xuất pháp âm. Cũng còn phát xuất vô lượng các loại quang minh mà tất cả chúng sanh đều thấy. Đại Bồ Tát ngồi trên đài các liên hoa mà làm Phật sự. Đây gọi là Liên Hoa Đà la ni.

Luận về Nhập Vô Ngại Môn Đà la ni ấy, đại Bồ Tát an trụ Đà la ni nầy lúc nói một pháp không có chướng ngại, hoặc lúc nói hai pháp ba pháp bốn pháp trăm pháp ngàn pháp, trăm ngàn vạn pháp vô lượng vô biên hằng hà sa số pháp cũng không có chướng ngại, cho đến lúc

nói pháp số bằng số vi trần trong tứ thiên hạ, bằng số vi trần trong Đại Thiên thế giới, bằng số vi trần trong hằng hà sa số chư Phật thế giới, nơi các chữ câu nghĩa không có chướng ngại, đây gọi là Nhập Vô Ngại Môn Đà la ni vậy.

Luận về Tứ Vô Ngại Trí Đà la ni ấy, đó là pháp vô ngại trí, nghĩa vô ngại trí, từ vô ngại trí và lạc thuyết vô ngại trí. Đại Bồ Tát an trụ Đà la ni nầy, Đông phương vô lượng thế giới chúng sanh có ai thưa hỏi pháp yếu, đại Bồ Tát theo đó dùng pháp vô ngại để giải đáp, Nam phương vô lượng thế giới chúng sanh có ai hỏi nghĩa, đại Bồ Tát tùy thuận dùng nghĩa vô ngại để đáp, Tây phương vô lượng thế giới chúng sanh có ai hỏi về từ, đại Bồ Tát tùy thuận dùng từ vô ngại để đáp, Bắc phương vô lượng thế giới chúng sanh có ai hỏi lạc thuyết, đại Bồ Tát tùy thuận dùng lạc thuyết vô ngại để đáp. Đây gọi là Tứ Vô Ngại Trí Đà la ni.

Luận về Phật Anh Lạc Trang Nghiêm Đà la ni ấy, nếu có đại Bồ Tát được Đà la ni thứ tám nầy thì trên đảnh kế có tượng Phật màu chơn kim xuất hiện, tượng Phật ấy có ánh sáng lớn đủ ba mươi hai tướng đại nhơn tám mươi vẻ đẹp, bấy giờ đại Bồ Tát thân khẩu ý đều làm Phật sự, chỗ tư niệm như Phật tư niệm. Đại Bồ Tát có đủ

Phật nghiệp như vậy có thể biết các loại tâm niệm của đại chúng, biết rồi tùy ý mà vì đại chúng thuyết pháp trong một ngày hai ngày cho đến vô lượng trăm ngàn vạn năm cũng chẳng thể cùng tận chỗ hiểu biết pháp môn văn tự cú nghĩa của đại Bồ Tát. Lại còn có đủ bốn thứ trí huệ, đó là biết tâm niệm của các chúng sanh, biết các tự cú, biết chỗ nói vô tận và biết chơn thiệt. Do có đủ bốn thứ trí ấy mà đại Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh hướng đến Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là Phật Anh Lạc Trang Nghiêm Đà la ni.

Nầy thiện nam tử! Tám môn Đà la ni ấy phần của nó vô lượng, trong vô lượng phần nầy đem một phần chia làm ngàn phần, trong ngàn phần ấy chỉ nói một phần còn chẳng thể cùng tận. Các Đà la ni ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy".

Muốn tuyên lại nghĩa ấy, Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát nói tụng rằng:

Như Lai nói tám Đà la ni
Nếu đại Bồ Tát có được rồi
Hiểu được các nghĩa của khế kinh
Cú nghĩa từ chẳng thể cùng tận
Đầy đủ nghiệp lành được diệu thanh
Hay khiến vô lượng thế giới nghe
Chúng sanh nghe rồi tu pháp lành

Tu rồi chứng được chơn giải thoát
Vô lượng kiếp nói một pháp Vô
Nhơn một pháp Vô nói vô tận
Cũng do một chữ hiểu nhiều nghĩa
Đây gọi Phật nói tế tổng trì
Thế Tôn Pháp Vương dứt hai tế
Thuyết pháp đạo nghĩa vô biên tế
Có trí huệ bình đẳng quan sát
Dầu thành tổng trì không người được
Hình sắc bốn phương hiện trong biển
Tất cả tự ấn ấn Bồ Tát
Lúc thuyết pháp không có chướng ngại
Thành tựu Đại Hải Đà la ni
Ngồi tòa liên hoa diễn thuyết pháp
Cũng mưa liên hoa rải đại chúng
Liên hoa cũng nói vô lượng pháp
Đây là Liên Hoa Đà la ni
Nói một chữ không có chướng ngại
Nói vô lượng chữ cũng vô ngại
Nói vô lượng nghĩa không có trệ
Đây gọi Vô Ngại Đà la ni
Nói pháp nghĩa sâu không cùng tận
Từ và lạc thuyết cũng vô biên
Hay phá chúng sanh lưới tâm nghi
Chứng được Vô thượng trí tổng trì
Đảnh kế thường hiện tượng Như Lai
Thân khẩu ý cùng Phật không khác

Nếu có tổng trì thứ tám ấy
Cùng kiếp khen nói chẳng hết được
Đầy đủ tám tổng trì như vậy
Thế gian chẳng nhiễm như hoa sen
Thế gian cao nhứt như Tu Di
Chẳng thể đếm kể cũng như vậy
Tà luận chẳng động hay phá tà
Bồ Tát có đủ tổng trì nầy
Hay phá thế đạo các tà kiến
Như tiếng rống sư tử giữa rừng
Nếu được Vô thượng Đà la ni
Hay đạt thế gian hạnh thanh tịnh
Hay tăng vô lượng các pháp lành
Cũng hay giáo hóa các chúng sanh
Có đủ Đà la ni như vậy
Hay phá chúng sanh tối vô minh
Làm ánh sáng lớn như mặt trời
Cũng hay phá trừ những đen tối
Thuyết pháp vô ngại như hư không
Vì chúng mà đi như gió mạnh
Ban bố thuốc pháp trừ phiền não
Như thầy thuốc hay chữa lành bịnh
Nếu có đủ Vô thượng tổng trì
Ai khen công đức chẳng thể hết
Hay làm mắt sáng như trăng thu
Tăng trưởng pháp lành cũng như vậy
Bồ Tát chứng được tổng trì nầy

Hay độ vô lượng các chúng sanh
Nếu đủ tám Đà la ni nầy
Được đại tự tại như Thiên Vương
Hay độ chúng sanh hướng Đại thừa
Hay ban pháp tài phá bần cùng
Hay mưa pháp vũ như Long Vương
Phá nát phiền não như mưa đá
Nếu được tám Đà la ni nầy
Hay độ chúng sanh đến Bồ đề
Không nói lỗi được như Đế Thích
Chữ nghĩa vô tận như hư không
Nếu được thành tựu Đà la ni
Tất cả đại chúng thích thấy nghe
Tâm ý chẳng tán thường tại định
Tu tập vô lượng tâm từ bi
Phạm hạnh thanh tịnh hiện thần thông
Bốn vô lượng như Đại Phạm Vương
Nếu được thành tựu Đà la ni
Liền hay cúng dường mười phương Phật
Nhìn xem thấy rõ mười phương cõi
Nơi thế giới ấy độ chúng sanh
Nếu được đủ Đà la ni nầy
Liền được đầy đủ Phật công đức
Thường được mười phương Phật hộ niệm
Cũng như cha mẹ nhớ con một
Nếu Bồ Tát được tổng trì nầy
Hay khen Phật công đức vô lượng

Thành tựu đầy đủ giới định huệ
Hay hiểu chúng sanh tâm sở hành
Nếu được thành tựu Đà la ni
Không còn kiêu mạn và xan tham
Giỏi biết phương tiện dạy chúng sanh
Tu tập từ bi phá phiền não
Thành tựu được Đà la ni nầy
Phiền não chẳng nhiễm như hư không
Hiểu rõ chúng sanh lời tùy ý
Cũng hay tùy ý diễn thuyết pháp
Nếu có đủ Đà la ni nầy
Hay biết rõ căn của chúng sanh
Hay hiểu chỗ hiểu của chúng sanh
Theo chúng sanh hiểu mà thuyết pháp
Theo môn đối trị vì họ nói
Ba mươi bảy phẩm dạy chúng sanh
Được có tám Đà la ni nầy
Tu tập vô biên Xa ma tha
Được có tám Đà la ni nầy
Đủ sáu Ba la mật như Phật
Biết rõ tất cả giới phiền não
Thông đạt tịch tĩnh phiền não dứt
Thân khẩu ý nghiệp đều tịch tĩnh
Hành trụ tọa ngọa cũng tịch tĩnh
Được thành tựu tám Đà la ni
Không còn phiền não các tập khí
Được pháp thân thanh tịnh vô biên

Chẳng phải bị sanh thường hóa sanh
Thân khẩu ý theo trí huệ hành
Bao nhiêu định niệm cũng theo trí
Thành tựu được Đà la ni nầy
Không ai tán thán cùng tận được.

Lúc bấy giờ, đức Như Lai Thế Tôn khen Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát: "Lành thay, lành thay! Nầy thiện nam tử! Từ lâu ông đã được Đà la ni nầy nên hay phân biệt giải nói bao nhiêu nghĩa vô lượng công đức.

Chẳng phải chỉ có hôm nay, mà đã ở chỗ vô lượng chư Phật quá khứ cũng phân biệt giải nói như vậy.

Nầy thiện nam tử! Quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, có đức Phật hiệu là Tịnh Quang Minh Như Lai, thế giới ấy tên Tịnh Kiếp cũng tên là Tịnh Thuần, thế giới ấy bằng tịnh lưu ly làm thành như gương sáng, mặt đất bằng phẳng, bao nhiêu rừng cây toàn bằng thất bửu, có hoa sen diệu bửu lớn như bánh xe, hoa sen ấy thanh tịnh tươi sáng ai thấy đều thích. Nhơn dân cõi ấy đều ở lâu các điện đường bằng thất bửu không khác cõi trời, đã lần nhẹ mỏng lòng tham sân si. Cõi ấy không có mặt nhựt mặt nguyệt chỉ có ánh sáng của đức Phật. Hoa sen xanh nở thì biết là đêm, hoa sen đỏ nở thì biết là ngày. Đại Bồ Tát

Tăng có sáu trăm vạn ức, người xuất gia đông nhiều không thể kể đếm, tất cả đều có chí nguyện Vô thượng Đại thừa. Thế giới ấy không có tên Nhị thừa, tất cả đều là bực Bồ Tát bất thối chuyển. Đức Phật Tịnh Quang Minh thọ đủ nửa kiếp, người và chư Thiên đồng nhau không khác, ở đất thì là Người, còn ở hư không là Trời, không có vua chúa, chỉ có Phật là vị Pháp Vương Vô Thượng. Nhơn dân cõi ấy không có ai tôn thờ hay quy y với chư Thiên tà thần, cũng không có danh từ nữ nhơn và phá giới. Tất cả đều đủ ba tụ giới, đó là theo Chánh giới, theo định giới và theo huệ giới. Phát tâm Vô thượng Bồ đề nhàm chán sanh tử đây gọi là theo chánh giới, tu tam muội huệ đây gọi là theo định giới, tu tập trí huệ được đại trí huệ đây gọi là theo huệ giới".

Trong đại chúng ấy có một Bồ Tát hiệu là Quang Đảnh lễ Phật hữu nhiễu cung kính quỳ dài chấp tay bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Nói là Đà la ni ấy, thế nào gọi là Đà la ni, Bồ Tát an trụ trong Đà la ni nào thì có thể thọ trì tất cả danh hiệu của chư Phật rồi vì các chúng sanh mà phân biệt giải nói".

Đức Tịnh Quang Minh Như Lai nói: "Nầy Quang Đảnh! Có Đà la ni tên là Bửu Cự, Bồ Tát an trụ trong ấy thì có thể thọ trì tất cả danh hiệu

của chư Phật rồi vì chúng sanh mà phân biệt giải nói tùy theo các thứ ngữ ngôn của các loại chúng sanh".

Quang Đảnh Bồ Tát bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Xin phân biệt nói rộng Đà la ni Bửu Cự ấy. Chúng tôi nghe rồi sẽ thọ trì tu tập".

Đức Tịnh Quang Minh Như Lai nói: "Lành thay, lành thay! Nầy Quang Đảnh! Ông chí tâm lắng nghe, Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải nói".

Đức Tịnh Quang Như Lai nói kệ rằng:

Xa lìa tất cả các phiền não
Thanh tịnh vô cấu như bửu châu
Tâm ấy hay làm đại quang minh
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
Thân khẩu ý nghiệp đều tịch tĩnh
Dường như trăng thu rất sáng sạch
Tu tập đại từ tâm bình đẳng
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Tâm ấy không có các giác quán
Đều được xa lìa hai kiến chấp
Chẳng phải có tưởng không có tưởng
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Thành tựu đầy đủ niệm ý huệ
Hay nhập vô thượng đại pháp môn
Thanh tịnh vô cấu như hư không
Đây tên Bửu Cự Đà la ni

Xa lìa ba loại trần lao nhơ
Thành tựu ba thứ thanh tịnh huệ
Đã được giải thoát cả ba cõi
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
Đã hay phá hoại tham sân si
Cũng xa lìa được phiền não trược
Trừ diệt vô minh các tà ám
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Chúng sanh âm thanh thượng trung hạ
Tất cả đều hay biết rành rẽ
Hay theo ý chúng mà thuyết pháp
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Đầy đủ thậm thâm vô lượng nghĩa
Tất cả chữ câu cũng đầy đủ
Xa lìa chấp ngã và ngã sở
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
Đầy đủ thành tựu pháp Tứ y
Cũng thành đủ bốn trí vô ngại
Tâm ấy thường ở trong Tứ thiền
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
Hay rộng phân biệt đệ nhứt nghĩa
Đầy đủ được toàn bốn Phạm hạnh
Tu tập đầy đủ ngũ thần thông
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Thọ trì chuyên nhớ Tứ niệm xứ
Tinh tiến tu tập Tứ chánh cần
Trang nghiêm thành tựu Tứ như ý

Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Thành tựu Ngũ căn và Ngũ lực
Tà phong chẳng động hay phá tà
Tu tập Vô thượng Thất giác phần
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
Thành tựu Định Huệ đủ hai cánh
Liệng bay tự tại Bát chánh đạo
Hướng đến Vô thượng trí giải thoát
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
Hay đi trên đường Bồ Tát đi
An trụ Vô thượng chơn giải thoát
Dứt hẳn tất cả phiền não tập
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Hay làm vô lượng đại quang minh
Dường như thế gian mặt nhựt nguyệt
Hay tịnh ba thứ thanh tịnh nhãn
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Hay sạch tất cả các phiền não
Cũng hay xa lìa các ma nghiệp
Quán xét tội lỗi ham ngũ ấm
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
Giỏi biết điều phục các chúng sanh
Lìa hẳn nhơn duyên của sáu căn
Vì chúng thuyết pháp cho được niệm
Đây tên Bửu Cự Đà la ni
An trụ như vậy Đà la ni
Hay đến mười phương Phật thế giới

Thấy Phật chí tâm nghe thọ pháp
Cũng hay nói rộng pháp như vậy
Đã nghe pháp rồi chí tâm trì
Hay vì chúng sanh nói tự nghĩa
Do nơi nhơn duyên sức niệm lớn
Hay hiểu chư Phật lời vi diệu
Hay nói vô thường khổ vô ngã
Các pháp đều từ duyên được quả
Quán sát tỏ rõ các pháp giới
Đây gọi Bửu Cự Đà la ni
Thành tựu lạc thuyết vô ngại trí
Tam minh tam huệ cũng thành tựu
Nếu ai an trụ tổng trì nầy
Thì hay nhập được nghĩa giải thoát
Phật nói vô lượng Đà la ni
Đều đến nhiếp vào tổng trì nầy
Nếu được như vậy Đà la ni
Gọi là thành tựu vô lượng trì
Nếu nhập vô lượng các thiền định
Và được vô lượng các thần thông
Đều do sức tổng trì như đây
Nên hiệu vua trong các tổng trì
Như bốn đại hải không chướng ngại
Tất cả sông suối đều chảy vào
Các dòng chánh pháp cũng như vậy
Thảy đều về tụ tổng trì nầy
Được thân vô biên ý vô tận

Hay rộng phân biệt nói pháp giới
Thành tựu vô lượng các công đức
Mới hay được đây Đà la ni
Nếu được vi diệu tổng trì nầy
Thì được tướng tốt ba mươi hai
Sắc thân thù thắng thượng chủng tánh
Của cải nhiều dư được tự tại
Ở trong các cõi được vô sanh
Hay rộng phân biệt các pháp nghĩa
An trụ bất động bất thối địa
Đều do được Đà la ni nầy
Bồ Tát nếu muốn Tu Bồ Đề
Nên tu như vậy Đà la ni
Được tổng trì rồi tu đạo tràng
Hay diễn thuyết pháp độ chúng sanh
Trong vô lượng kiếp lúc thuyết pháp
Hai thứ tự nghĩa chẳng thể hết
Hay sạch chúng sanh các phiền não
Do được như vậy Đà la ni
Hay chuyển vô thượng chánh pháp luân
Hay làm chúng sanh thoát các khổ
Hay đưa chúng sanh vô thượng đạo
Do được như vậy Đà la ni
Nếu có chúng sanh ngàn muôn miệng
Một miệng có đủ ngàn muôn lưỡi
Nói chẳng hết vô lượng công đức
Của Bồ Tát trụ tổng trì nầy.

Lúc Tịnh Quang Minh Như Lai nói pháp ấy, Quang Đảnh Bồ Tát cùng ba vạn hai ngàn Bồ Tát đều chứng được Bửu Cự Đà la ni.

Nầy Đà La Ni Tự Tại Vương! Ông có biết thuở xa xưa Quang Đảnh Bồ Tát là ai chăng, chính là thân ông hiện nay. Vì vậy mà hôm nay ông có thể rộng phân biệt Đà la ni nầy. Trong pháp hội đây, người được Đà la ni nầy, ông là người hạng nhứt vậy.

Bấy giờ trong pháp hội có một Bồ Tát hiệu Huệ Tụ bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát được Bửu Cự Đà la ni, được rồi chẳng mất có thể dùng pháp ấy điều phục chúng sanh?".

Đức Phật bảo Huệ Tụ Bồ Tát: "Nầy thiện nam tử! Nếu có Bồ Tát an trụ huệ căn tạo tác huệ nghiệp, Bồ Tát như vậy có thể được Bửu Cự Đà la ni, được rồi chẳng mất và hay dùng pháp ấy điều phục các chúng sanh".

Huệ Tụ Bồ Tát lại bạch đức Phật: "Lành thay đức Thế Tôn! Xin nói rộng thế nào là huệ căn và thế nào là huệ nghiệp".

Đức Phật phán bảo: "Lành thay lành thay! Nầy thiện nam tử, ông nên lắng nghe kỹ, Phật sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Nầy thiện nam tử! Nếu có thiện nam thiện nữ chưa nghe trí huệ mà được nghe đó, đây gọi là căn, nghe rồi rộng diễn nói thì gọi là nghiệp. Dùng huệ quán các pháp thì gọi là căn, quán rồi rộng diễn nói thì gọi là nghiệp. Lúc đầu quán thiện căn thì gọi là căn, quán rồi rộng diễn nói thì gọi là nghiệp. Quán bất phóng dật thì gọi là căn, quán rồi đem dạy lại người thì gọi là nghiệp. Điều phục tự tâm thì gọi là căn, điều phục tâm người thì gọi là nghiệp. An trụ tịch tĩnh thì gọi là căn, thanh tịnh thân khẩu ý thì gọi là nghiệp. Biết rõ Nhứt thừa thì gọi là căn, vì chúng sanh diễn nói thì gọi là nghiệp. Tu Xa ma tha thì gọi là căn, có đủ ba thứ huệ thì gọi là nghiệp. Tu tập ba môn giải thoát thì gọi là căn, chứng được ba thứ huệ thì gọi là nghiệp. Tu Tứ niệm xứ thì gọi là căn, chẳng niệm nơi niệm thì gọi là nghiệp. Tu tập Tứ chánh cần thì gọi là căn, lìa tánh phiền não thì gọi là nghiệp. Tu tập Tứ như ý túc thì gọi là căn, biết không có như ý thì gọi là nghiệp. Tu tập Tín tâm thì gọi là căn, phóng xả tất cả thì gọi là nghiệp. Tu Vô sở úy thì gọi là căn, hay nói rộng đó thì gọi là nghiệp. Tu tập Tam muội thì gọi là căn, biết chánh định thứ đệ thì gọi là nghiệp. Tu tập Trí huệ thì gọi là căn, biết rõ tất cả pháp thì gọi là nghiệp. Trang nghiêm Bồ đề thì gọi là căn, lúc chứng được Bồ đề thì gọi là

nghiệp. Chứng Khổ Tập Đạo đế thì gọi là căn, lúc chứng Diệt đế thì gọi là nghiệp. Chẳng y bất liễu nghĩa thì gọi là căn, y kinh liễu nghĩa thì gọi là nghiệp. Ban đầu nghe thọ chánh pháp thì gọi là căn, y chỉ nghĩa chánh pháp thì gọi là nghiệp. Chẳng y nơi người thì gọi là căn, y chỉ chánh pháp thì gọi là nghiệp. Thấy pháp vô thường thì gọi là căn, thấy pháp vô sanh vô diệt thì gọi là nghiệp. Biết các pháp khổ thì gọi là căn, biết pháp vô tác thì gọi là nghiệp. Biết pháp vô ngã thì gọi là căn, biết pháp tánh thanh tịnh thì gọi là nghiệp. Biết Niết Bàn thanh tịnh thì gọi là căn, biết pháp vốn thanh tịnh thì gọi là nghiệp. Nghe nghĩa chẳng sợ thì gọi là căn, y chỉ nơi nghĩa thì gọi là nghiệp. Nghe chơn pháp chẳng sợ thì gọi là căn, y chỉ chơn pháp thì gọi là nghiệp. Biết chữ chẳng sợ thì gọi là căn, biết rồi thích nói thì gọi là nghiệp. Nghe nói trí lực vô ngại của Như Lai mà chẳng sợ thì gọi là căn, y chỉ trí lực vô ngại của Như Lai thì gọi là nghiệp. Chúng sanh duyên từ bi và pháp tánh duyên từ bi hai duyên ấy gọi là căn, vô duyên từ bi thì gọi là nghiệp. Thương xót chúng sanh thì gọi là căn, hay làm cho chúng sanh thoát khổ thì gọi là nghiệp. Tư duy thiện pháp được mừng gọi là căn, chẳng trụ trước nơi pháp thì gọi là nghiệp. Không có ái tham, sân hận và ngu si thì gọi là căn, không có

nhứt, không có hai thì gọi là nghiệp. Niệm Phật gọi là căn, niệm Pháp thân thì gọi là nghiệp. Niệm Pháp gọi là căn, biết Pháp tánh thanh tịnh thì gọi là nghiệp. Niệm Tăng gọi là căn, biết Tăng vô vi thì gọi là nghiệp. Niệm giới gọi là căn, biết không có người trì thì gọi là nghiệp. Niệm bố thí thì gọi là căn, hay bỏ phiền não thì gọi là nghiệp. Niệm Thiên gọi là căn, được thanh tịnh thiên thì gọi là nghiệp. Nghe chánh pháp rồi tư duy thì gọi là căn, chẳng nhiễm trước thế gian thì gọi là nghiệp. Biết trước vốn không có hiện nay làm ra thì gọi là căn, biết không có tạo tác không có lãnh thọ thì gọi là nghiệp. Biết tên Niết bàn thì gọi là căn, được đại giải thoát thì gọi là nghiệp. Tự lợi gọi là căn, tự lợi lợi tha thì gọi là nghiệp. Thọ trì tám vạn bốn ngàn pháp tụ gọi là căn, thông đạt nghĩa của các pháp môn ấy thì gọi là nghiệp. Hay diễn thuyết pháp thì gọi là căn, hiểu vô minh v.v... thì gọi là nghiệp. Khuyến hóa các chúng sanh hướng đạo Bồ đề thì gọi là căn, khuyên tu trí huệ phương tiện bất thối thì gọi là nghiệp. Chẳng sợ các cõi thì gọi là căn, nguyện sanh vào các cõi thì gọi là nghiệp. Từ nơi nghe chánh pháp mà đắc nhẫn thì gọi là căn, do tư duy mà đắc nhẫn thì gọi là nghiệp. Tùy ý đắc nhẫn thì gọi là căn, nhơn bất sanh mà đắc nhẫn thì gọi là nghiệp. Còn dư một đời thì gọi là căn,

thân tối hậu thì gọi là nghiệp. Ngồi dưới Bồ đề thọ thì gọi là căn, giác ngộ tất cả pháp thì gọi là nghiệp".

Lúc đức Thế Tôn nói rộng về huệ căn và huệ nghiệp, tất cả mười phương chư Phật thế giới đến đại bửu Phường đình nầy đều chấn động sáu cách.

Huệ Tụ đại Bồ Tát bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Có nhơn duyên gì mà mười phương thế giới và cả hư không cùng thất bửu đại Phường đình nầy đều chấn động sáu cách như vậy?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Huệ Tụ! Vì huệ căn và huệ nghiệp nầy cũng được diễn nói nơi chư Phật quá khứ nên có sáu cách chấn động như vậy".

Bấy giờ Cụ Túc Tứ Vô Ngại Trí Bồ Tát bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Có nhơn duyên gì mà Huệ Tụ đại Bồ Tát có tên là Tụ?".

Đức Phật phán dạy: "Nầy Cụ Túc Tứ Vô Ngại Trí! Thuở quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp có Phật xuất thế hiệu là Công Đức Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế

Tôn, thế giới ấy tên Thiện Sanh, kiếp ấy tên Vô Cấu, tất cả chúng sanh cõi ấy đều thuần thiện. Phật Công Đức Tạng có ba vạn hai ngàn đại Bồ Tát chúng, tám vạn bốn ngàn Thanh Văn chúng. Phật Công Đức Tạng muốn thử chư Bồ Tát với trăm ức sự hỏi rằng các thiện nam tử! Trong chúng có ai hiểu và nói được các nghĩa như vậy? Trong chúng có Bồ Tát bạch rằng: Tôi sẽ tư duy trong một tháng mới có thể hiểu được, hoặc có Bồ Tát bạch nửa tháng, hoặc bảy ngày, hoặc một ngày một đêm tư duy mới có thể hiểu được. Lúc ấy có một Bồ Tát tên Niệm Ý bạch Phật rằng: Nay tôi chẳng rời chỗ ngồi nầy liền có thể hiểu nghĩa ấy. Bạch Phật xong, Bồ Tát Niệm Ý khởi sư tử hống làm cho đại địa chấn động sáu cách phóng đại quang minh khuyến cáo các địa thần cho đến Trời Sắc Cứu Cánh tất cả đều đến tập họp nơi đức Phật Công Đức Tạng. Chỗ ngồi của đại chúng lúc bấy giờ rộng đủ trăm vạn do tuần. Niệm Ý Bồ Tát thấy đại chúng đã tập họp đông đủ liền dùng thần thông lực, trí huệ niệm lực, Đà la ni lực, tứ vô ngại lực, vô sở úy lực, Phật thần lực, trong trăm ức sự, mỗi mỗi sự giải nói trăm ức nghĩa, không tư duy trước không có đình trệ. Niệm ý Bồ Tát nói nghĩa ấy rồi, trong đại chúng có sáu vạn chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề, bốn vạn chúng sanh đắc Vô sanh nhẫn. Từ

chư địa thần, chư Thiên đến Trời Sắc Cứu Cánh, tất cả đều nghe tiếng Niệm Ý Bồ Tát thuyết pháp.

Nầy Cụ Túc Tứ Vô Ngại Trí! Ông có biết thuở quá khứ xa xưa ấy Niệm Ý Bồ Tát là ai chăng? Chính là Huệ Tụ Bồ Tát đây vậy. Do nhơn duyên như vậy mà Bồ Tát ấy có tên là Huệ Tụ".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Vì nghe thuyết pháp gọi là căn
Hay diễn thuyết pháp gọi là nghiệp
Tư duy pháp lành gọi là căn
Hiểu nói thâm nghĩa gọi là nghiệp
Như pháp mà ở gọi là căn
Theo nghĩa thuyết pháp gọi là nghiệp
Tu Xa ma tha gọi là căn
Đủ ba thứ huệ gọi là nghiệp
Bốn thứ niệm xứ gọi là căn
Pháp Tứ chánh cần gọi là nghiệp
Tín tiến niệm định huệ là căn
Năm thứ đắc lực gọi là nghiệp
Thất Bồ đề phần gọi là căn.
Bát chánh đạo phần gọi là nghiệp
Chẳng y chỉ tự cú là căn
Y chỉ nơi nghĩa gọi là nghiệp
Chẳng y chỉ người gọi là căn
Y chỉ chánh pháp gọi là nghiệp

Chẳng y bất liễu gọi là căn
Y kinh liễu nghĩa gọi là nghiệp
Chẳng y nơi thức gọi là căn
Y chỉ trí huệ gọi là nghiệp
Biết rõ vô tác gọi là căn
Thông đạt vô sanh gọi là nghiệp
Sanh pháp hai duyên từ là căn
Từ bi vô duyên gọi là nghiệp
Vô sở úy pháp gọi là căn
Hay tuyên chánh pháp gọi là nghiệp
Sáu chánh niệm xứ gọi là căn
Nghĩa của lục niệm gọi là nghiệp
Hay tự lợi ích gọi là căn
Tự lợi lợi tha gọi là nghiệp
Thọ trì chánh pháp gọi là căn
Hay vì người nói gọi là nghiệp
Còn dư lại một đời là căn
Tối hậu thân thì gọi là nghiệp
Nếu tâm Bồ Tát được bất thối
Thì hay biết rõ huệ căn nghiệp
Có thể chứng được Vô sanh nhẫn
Có thể mở cửa đại Bồ đề.

Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Pháp được đức Phật nói chẳng thể nghĩ bàn, Vô thượng Bồ đề cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao? Vì chẳng phải là danh tự để nói, vì chẳng nhiếp thuộc danh tự, vì

pháp được Như Lai nói vô lượng vô biên, vì nhập vào vô lượng vô biên pháp môn, vì thập nhị nhơn duyên rất sâu khó hiểu, vì kẻ chấp thấy hai pháp thì chẳng biết được, vì người lợi trí lần lần biết, vì chẳng phải lục tình chỗ biết được, vì chẳng phải cảnh giới của trí huệ Nhị thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề như vậy đều là ấn của tất cả pháp, chẳng thể tạo tác được như hư không, rời lìa nhà cửa nên chẳng phải nhà cửa, biết tất cả hành cũng biết tất cả nhơn quả của tất cả chúng sanh, Nhứt thiết trí rộng lớn vô biên, trang nghiêm tất cả vô lượng pháp lành, hay vì pháp lành mà làm bát đựng, hay dùng thần thông để hiển bày cho người, với người ở nhị đạo dạy cho vô nhị, dạy cho hiểu tất cả chư Phật bình đẳng vô sai biệt, không có tự không có nghĩa chẳng thể tuyên nói được, chẳng thể lắng nghe được, hay dạy chúng sanh khối chánh Tam Bảo và ba môn giải thoát, giải thoát ba cõi dạy cho ba thứ huệ, do kim cương định an trụ tất cả chánh pháp chư Phật, nghe trọn tất cả chư Phật trí huệ, lợi ích tất cả chúng sanh, cũng hay tuyên thuyết tất cả Phật pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam thiện nữ có thể tán thán Bồ đề Vô thượng có bao nhiêu công đức như vậy được nghe kinh điển Đại thừa

phương đẳng nầy, hay thọ trì đọc tụng biên chép diễn nói, thì gọi người ấy là có thể báo được ơn chư Phật".

Đức Phật phán dạy: "Đúng như vậy, nầy Đà La Ni Tự Tại Vương. Như lời ông đã nói được vô lượng công đức.

Nầy thiện nam tử! Đem thất bửu đầy cả mười phương thế giới chư Phật dâng hiến lên Như Lai được công đức cùng người hay thọ trì kinh nầy và đọc tụng biên chép giải nói nghĩa kinh được công đức đồng nhau không khác".

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo chư Bồ Tát: "Chư thiện nam tử! Trong đại chúng đây, sau khi Phật diệt độ, ai có thể hộ trì Vô thượng Bồ đề như vậy, và rộng nói nghĩa cho chánh pháp còn ở thế gian được lâu".

Bấy giờ trong pháp hội đại chúng có chư Bồ Tát và chư Thiên chư Nhơn đều riêng sáu vạn ức đồng thanh bạch Phật: "Sau khi đức Như Lai Thế Tôn diệt độ, chúng tôi có thể hộ trì Vô thượng Bồ đề như vậy và rộng nói nghĩa cho chánh pháp được còn lâu. Nguyện cầu đức Như Lai Thế Tôn gia hộ nguyện lực cho".

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nếu ta thiệt đồng thập phương Phật

Qua hẳn sanh tử biển khổ lớn
Công đức Vô thượng pháp như vậy
Đáng phải còn lâu không diệt mất
Nếu ta vô lượng đời tu từ
Chơn thiệt vì lợi các chúng sanh
Xem chúng bình đẳng không có hai
Vì vậy chánh pháp được còn lâu
Nếu ta có đủ hai trang nghiêm
Trong vô lượng đời lợi chúng sanh
Đem hai trang nghiêm độ chúng sanh
Vì vậy chánh pháp được còn lâu
Nếu hay phá hoại phiền não kiết
Và cũng trừ diệt các tà kiến
Đầy đủ tất cả các pháp lành
Nên hay giỏi phát nguyện lực nầy.

Nầy chư thiện nam tử! Chẳng riêng gì các đại chúng tất cả Trời, Người, tất cả Ma Phạm đây, sau khi ta diệt độ đều có thể hộ trì chánh pháp như vậy. Nầy chư thiện nam tử! Hư không có thể làm hình sắc, hình sắc có thể làm hư không, thần thông nguyện lực của Phật không thể làm khác được.

Bấy giờ Tứ Thiên Vương xướng lên rằng: "Nếu có người, sau khi đức Phật diệt độ, có thể thọ trì đọc tụng biên chép kinh nầy và giải nói

nghĩa kinh, chúng tôi sẽ thường theo dõi để thủ hộ".

Chư Phạm Thiên nói: "Chúng tôi sẽ xả thiền định diệu lạc để thủ hộ người ấy".

Trời Đâu Suất Đà cũng nói: "Chúng tôi sẽ thủ hộ các đệ tử thọ trì kinh nầy".

Ma vương Ba Tuần bạch đức Phật: "Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người hay thọ trì kinh nầy, thì tôi ở nơi người ấy trọn không gây ma nghiệp ma sự".

Công Đức Tạng Thiên tử nói: "Bạch đức Thế Tôn! Tất cả chư Phật Vô thượng Bồ đề đều ở trong kinh nầy. Nếu có người hay thọ trì đọc tụng biên chép giải nói, nên biết người nầy sẽ được Bồ đề".

Di Lặc Bồ Tát nói: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi sẽ ở tại Trời Đâu Suất Đà rộng tuyên nói kinh điển Vô thượng nầy".

Tôn giả Đại Ca Diếp nói: "Bạch đức Thế Tôn! Hàng Thanh Văn tôi trí huệ dầu kém cũng cần phải theo sức của mình mà thọ trì đọc tụng tuyên nói nghĩa kinh nầy".

Tôn giả A Nan bạch rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Tôi ở nơi kinh nầy chơn thiệt thọ trì chẳng để mất một chữ một câu như từ miệng đức Phật

phát ra không sai khác. Nếu có người phát tâm Bồ đề, tôi sẽ vì người ấy mà diễn nói rộng".

Đức Phật phán rằng: "Lành thay, lành thay, nầy chư thiện nam tử! Các ông đều có thể sau khi ta diệt độ hộ trì chánh pháp chẳng cho dứt mất.

Nầy chư thiện nam tử! Nếu có chúng sanh cầu pháp Đại thừa chưa được pháp nhẫn mà thọ trì kinh nầy, nên biết người nầy chẳng quá bảy đức Phật sẽ được thọ ký. Nếu là người Thanh Văn mà hay thọ trì kinh nầy, lúc Di Lặc xuất thế thành Phật, thì người ấy sẽ ở trong pháp hội đầu tiên.

Nếu là hàng Duyên Giác mà có người thọ trì kinh nầy, sau khi ta diệt độ, thì người ấy sẽ được thành đạo chứng".

Lúc đức Thế Tôn nói pháp nầy, vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vô lượng chúng sanh thành tựu pháp nhẫn, vô lượng chúng sanh được tâm bất thối, vô lượng thế giới chấn động sáu cách.

Chư Bồ Tát từ mười phương thế giới đến dự pháp hội mang hương hoa tốt và các loại kỹ nhạc phan lọng dâng cúng đức Phật đều xướng lên rằng: "Chúng tôi đến trong thất bửu đại

Phường đình nầy được lợi ích lành rất lớn, nếu chúng tôi mà có chút ít phước đức, nguyện đem phước lực ấy làm cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở lại lâu thế gian, kinh điển nầy lưu bố khắp mười phương thế giới không hề hư mất. Nếu có hàng Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di thọ trì kinh nầy, thì làm cho họ xa lìa ưu sầu sợ sệt không có các bịnh khổ".

Đà La Ni Tự Tại Vương đại Bồ Tát nói: "Bạch đức Thế Tôn! Chỗ thuyết pháp hôm nay vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, tất cả tà pháp chẳng thể lay động được, đây là căn bổn của tất cả pháp lành, là căn bổn của tam thừa, lại là cửa vào của tất cả pháp.

Nếu có chúng sanh hỏi pháp nầy tên gọi là gì và thọ trì thế nào, thì sẽ đáp họ thế nào, xin đức Thế Tôn chỉ dạy cho".

Đức Phật phán bảo: "Nầy thiện nam tử! Đây gọi là đại bi nói pháp đại bi tên là Như Lai Nghiệp Thọ Ký Cho Bồ Tát. Các ông phải thọ trì như vậy".

Đức Phật nói kinh nầy rồi, tất cả đại chúng Trời, Người, vui mừng đảnh đới tín thọ phụng hành.

PHÁP HỘI TỰ TẠI VƯƠNG BỒ TÁT
THỨ NĂM MƯƠI MỐT
HẾT TẬP 7

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát